

LỜI DẪN

Thiền tông Việt Nam luôn là mạch sống tuôn chảy trong lòng Phật giáo và dân tộc suốt từ thế kỷ thứ VI đến nay. Có lúc mạnh mẽ tuôn tràn giữa ngàn hoa đô hội, có lúc len lỏi âm thầm trong núi sâu rừng thẳm, ung dung thoát tục, khuất tịch tiêu sái. Tuy nhiên, mạch sống thiền xưa nay vẫn như vậy, không đến không đi, là dòng sinh mệnh muôn thuở của những bậc thức tâm đạt bến.

Hòa thượng tôn sư thượng Thanh hạ Từ khi mới vào đạo cho đến hôm nay đã lấy thiền làm mạng sống, nuôi dưỡng công phu qua những giai đoạn hành thiền nghiêm cẩn. Cuối cùng ngài thấu tỏ được lời Phật ý Tổ bằng chính sự nỗ lực không ngừng. Dòng thiền Việt Nam sau gần bảy trăm năm đi vào quên lãng, đã được Hòa thượng thấp sáng trở lại. Ngài nói:

“Thiền tông là cốt tủy của Phật giáo. Bởi vì muốn chỉ chân lý hiện hữu nơi con người, song ngại người ta khinh thường và dễ quên, nên kinh điển Đại thừa nói bằng cách diễn giảng những hình ảnh thâm sâu khó hiểu, còn thiền sư dùng thuật xuất quỷ nhập thần khiến người ta mờ mịt không có lối vào. Nếu ai tháo gỡ được cây chốt bí mật ấy, tự nhiên thấy nó chân thật bình dị vô cùng. Chừng đó mới thấy Kinh và Thiền không có hai lối. Tuy nhiên Thiền tông luôn luôn tuyên bố Giáo ngoại biệt truyền, cốt dẫn hành giả thấy đến nơi sống chân thật, không mắc kẹt trên văn tự ngữ ngôn, không chết chìm trong suy tư lý luận. Nếu Thiền tông khác với kinh Phật tức không phải đạo Phật rồi. Chính vì lẽ đó, Thiền và Kinh luôn song hành để đưa hành giả đến nơi rốt ráo chân thật.”

Những năm theo học tại Phật học đường Nam Việt chùa Ấn Quang, Hòa thượng là người siêng năng cần mẫn toàn tâm duyệt tạng. Tuy nhiên chỉ thú kinh điển Đại thừa đối với ngài lúc bấy giờ thật xa xôi diệu vợi. Về sau, nhân duyên được một Phật tử cúng dường Đại tạng, Hòa thượng xem đây là linh hồn của ngài trên khắp mọi nẻo đường tu học cũng như hành đạo. Khi về Phương Bối am, đây là thời gian tốt nhất để ngài vừa tu thiền vừa nghiên cứu kinh điển và dịch thuật. Giáo nghĩa Đại thừa và Thiền tông dần dần sáng tỏ. Các tác phẩm, dịch phẩm của Hòa thượng ra đời như: Tham Thiền Yếu Chỉ, Tọa Thiền Dụng Tâm Ký, Tọa Thiền Tam-muội v.v... đã mở đầu cho sự nghiệp văn học thiền của ngài.

Rời Phương Bối về Huệ Nghiêm, Hòa thượng tiếp tục con đường hoằng pháp lợi sanh và luôn giữ hoài bão tu thiền mãnh liệt. Đến năm 1966, Hòa thượng về Núi Lớn - Vũng Tàu, dựng Pháp Lạc thất chuyên tâm tu thiền. Đại duyên đại chí khởi phát, cánh cửa Không mở toang, con đường thiền rực sáng, toàn bộ giáo nghĩa Thiền tông hoát nhiên thông thống. Hòa thượng thống khoái chống gậy xuống núi, dựng pháp tràng lập tông chỉ, tiếp tăng độ chúng.

Thiền viện Chơn Không ra đời. Con đường thiền giáo đồng hành được Hòa thượng mở ra hướng dẫn cho tăng ni Phật tử hữu duyên. Vừa hành thiền, vừa dịch thuật, vừa giảng dạy, ngài đã thật sự làm sống dậy dòng thiền Việt Nam vào cuối thế kỷ XX. Nhiều tác phẩm, dịch phẩm thiền tiếp tục xuất hiện như: Xuân Trong Cửa Thiền, Bát-nhã Tâm Kinh, Nguồn Thiền, Luận Tội Thượng Thừa, Thiền Căn Bản, Thiền Đốn Ngộ, Sử 33 Vị Tổ Ấn Hoa, Thiền Sư Trung Hoa, Bích Nham Lục v.v... lần lượt ra đời, đáp ứng nhu cầu tu thiền của tăng ni Phật tử ngày càng đông.

Năm 1974, thiền viện Thường Chiếu ra đời, Thiền tông Việt Nam bước sang một bước ngoặt mới. Tu học và lao động trở thành phương châm sống của thiền sinh. Tuy khó khăn kham khổ mà thầy trò vẫn tươi vui, tin tưởng. Cuộc sống được khai hoang từ những mảnh đất khô cằn vụn vỡ. Đó chính là sức sống thiền, tuôn chảy từ trong nguồn tâm sâu thẳm của sự tỉnh thức an nhiên. Pháp hóa của Hòa thượng cứ thế lan tỏa vào đời,

Thường Chiếu trở thành tổ đình truyền bá Thiền tông Việt Nam. Cuối đông 1991 Hòa thượng cho ra đời tác phẩm Thiền Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ XX, nói lên con đường tu tập của dòng thiền Chơn Không - Thường Chiếu. Kinh sách của Hòa thượng đã trở thành cẩm nang cho hành giả tu thiền Việt Nam: Nguồn An Lạc, Hoa Vô Ưu, Quy Sơn Cảnh Sách, Bát Đại Nhân Giác, Thập Nhị Môn Luận, Kim Cang, Viên Giác, Pháp Hoa, Pháp Bảo Đàn, Lăng-già, Trung Quán, Thiền Sư Việt Nam v.v... đã được tăng ni Phật tử đọc tụng hành trì dưới sự giảng giải cặn kẽ của Hòa thượng.

Năm 1993, thiền viện Trúc Lâm ra đời, đây là đỉnh cao của hành trình khôi phục dòng thiền nước Việt. Thiền tông Việt Nam phát triển rực rỡ. Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, tất cả các nghi thức tụng niệm và hành lễ đều được Việt hóa hoàn toàn tại thiền viện Trúc Lâm, cũng như các thiền viện trực thuộc dòng thiền của Hòa thượng. Những tác phẩm ra đời tại thiền viện Trúc Lâm như: Phụng Hoàng Cảnh Sách, Tiến Thẳng Vào Thiền Tông, Khóa Hư Lục, Tham Đồ Hiển Quyết và Thi Tụng Các Thiền Sư Đời Lý, Mười Bức Tranh Chấn Trâu, Thiền Tông Bản Hạnh, Kiến Tánh Thành Phật, Thánh Đăng Lục, Tam Tổ Trúc Lâm v.v... Có thể nói sự nghiệp hoàng pháp lợi sinh và sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng đã cống hiến cho Phật giáo Việt Nam một kho tàng trí tuệ quý báu vô lượng.

Năm 1997, Ban Văn Hóa Thường Chiếu ra đời dưới sự chủ trì của ngài. Tăng ni hàng môn hạ vâng theo sự

chỉ giáo của Hòa thượng ân sư, cùng nhau biên tập lại toàn bộ tác phẩm, dịch phẩm của ngài trong suốt những chặng đường hoằng truyền chánh pháp mà Hòa thượng đã tâm tâm niệm niệm vì đạo pháp vì chúng sanh. Sự nghiệp văn học của ngài được gầy dựng từ khi còn là tăng sĩ trẻ cho đến những năm gần cuối đời thật không gì có thể sánh nổi. Bởi vì ở đó là kho tàng vô giá của trí tuệ và công phu, những kinh nghiệm tu tập quý báu của một bậc thầy lớn, một thiền sư, một chân tăng thật tu thật ngộ.

Không kể đến những công trình dịch thuật, sáng tác, thi kệ về thiền tông, không kể đến những tác phẩm giảng giải thâm thúy bình dị, không kể đến những năm tháng miệt mài bên những trang giáo án dành cho tăng ni tứ chúng... Sáng giá nhất là toàn bộ cuộc đời tu tập và hành đạo của ngài. Đây mới chính là tác phẩm vô giá trong sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng. Văn là người. Mượn đầu bút xoay chuyển dòng nghiệp thức muôn đời, giúp chúng sanh chuyển mê khai ngộ, mang hạnh nguyện tự lợi lợi tha đi vào đời, cho nên toàn bộ tác phẩm của Hòa thượng cũng chính là con người của ngài. Một ngôi sao sáng trong văn học thiền Việt Nam cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Ở đó ánh lên những chất vị cao đẹp tinh khiết mà đậm đà dễ gần dễ đến của một thiền sư Việt Nam: chân chất, bình dị, trí tuệ và tròn đầy bi mẫn.

Có thể nói sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng đã đóng góp cho nền văn học Phật giáo Việt Nam nói chung và nền văn học Thiền tông Việt Nam nói riêng

một kho báu trí tuệ và kinh nghiệm tu tập vô cùng quý giá. Tăng ni Phật tử Việt Nam không thể nào nói hết lòng cảm kích tri ân đối với ngài. Thông qua kinh sách và băng giảng của Hòa thượng, người sau có thể lần mò theo dấu vết người trước, nhận được nguồn sống tâm linh của một bậc chân tăng, một thiền sư Việt Nam vào thế kỷ XXI. Từ đó noi theo tu tập ngõ hầu thành tựu sự nghiệp giác ngộ giải thoát cho chính mình.

Bên cạnh con đường thực chứng tâm linh, hoàng pháp và văn hóa là sự nghiệp độ sanh sáng chói nhất của Hòa thượng. Đây là niềm vinh hạnh và là tấm gương sáng cho tăng ni Phật tử Việt Nam. Muốn giữ gìn và rộng truyền công đức của ngài, quả là một việc làm quá sức đối với hàng đệ tử thô tâm thiền trí. Song không thể để cho pháp bảo vô giá và một đời giáo hóa của thầy tổ bị mai một, chúng tôi đã chẳng ngại tài hèn sức mọn, công phu kém cỏi, cùng nhau tận tâm tận lực biên tập và hệ thống lại toàn bộ kinh sách của Hòa thượng ân sư. Hy vọng bộ Thanh Từ Toàn Tập tái bản lần này sẽ đầy đủ và hoàn chỉnh hơn bộ Thanh Từ Toàn Tập đầu tiên đã ra mắt độc giả vào năm 2002.

Việc làm này nếu không có sự gia trì của Tam bảo, sự chỉ đạo của Hòa thượng ân sư, sự nhất tâm hòa hợp của chư huynh đệ, sự phát tâm hỷ cúng tài lực của mười phương tín thí, có lẽ Phật sự này khó có thể thành tựu. Tất cả đều vì xiển dương chánh pháp, xiển dương Thiền tông Việt Nam, vì hết lòng tưởng nhớ công ơn giáo dưỡng của thầy tổ, mà hướng tâm về pháp bảo, mong phần nào

đền đáp thâm ân rộng sâu của Ân sư, thực hiện hoài bão của thầy tổ, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn.

Công đức có được chúng tôi xin dâng lên cúng dường Hòa thượng ân sư, nguyện ngài sống lâu nơi đời, là nơi nương tựa tâm linh cho tăng ni tứ chúng trên con đường tu học cho tới ngày viên mãn. Đồng nguyện hồi hướng về pháp giới chúng sanh chuyển mê khai ngộ, tịnh hóa thân tâm, mỗi mỗi đều được hàm triêm lợi lạc.

Chúng con xin thành tâm đê đầu đảnh lễ sám hối Thầy, vì những lỗi lầm sai sót trong khi chấp bút biên tập lại kinh sách và băng giảng của Thầy, vì sự hạn chế về trí tuệ cũng như công phu tu tập của chúng đệ tử. Chúng con cùng nguyện theo chân Thầy học đạo cho tới ngày thành tựu giác ngộ viên mãn mới thôi.

Xin được cảm kích tri ân các pháp hữu hoan hỷ chỉ bảo cho những sai sót khó tránh khỏi của bộ sách. Sau cùng xin cảm niệm công đức tất cả quý Phật tử gần xa đã tùy tâm ủng hộ cho Phật sự in ấn bộ Thanh Từ Toàn Tập được thành tựu viên mãn.

Thiền viện Thường Chiếu, ngày 12-12-2012

TM. BAN VĂN HÓA THƯỜNG CHIẾU

THÍCH NHẬT QUANG

PHÀM LỆ

Những quy ước sau đây được sử dụng thống nhất trong bộ sách.

I. Cách viết hoa, gạch nối từ:

1. Danh từ riêng (nhân, vật, địa danh)

a. Từ Hán Việt, từ thuần Việt: viết hoa toàn bộ.

Thí dụ: - tổ sư Linh Hựu, vua Trần Nhân Tông,
- kinh Diệu Pháp Liên Hoa,
- thành Vương Xá, tỉnh Đồng Nai v.v...

* Trường hợp cụm danh từ dài thì viết hoa chữ đầu các nhóm nhỏ.

Thí dụ: - sách Vài nét chính trong Luân lý
Phật giáo, Ban Từ thiện Xã hội v.v...

b. Từ phiên âm tiếng Phạn, P li: viết hoa chữ đầu và dùng gạch nối.

Thí dụ: - Phật Thích-ca-mâu-ni (Śākyamuni),
- kinh Thủ-lăng-nghiêm (Śūraṅgama),
- thành Xá-vệ (Śāvāsti) v.v...

2. Quả vị, giai cấp

a. Từ Hán Việt: viết hoa chữ đầu.

Thí dụ: Duyên giác, Tăng lữ v.v...

b. Từ phiên âm tiếng Phạn, P li: viết hoa chữ đầu và dùng gạch nối.

Thí dụ: Tu-đà-hoàn (Sotapatti),

Sát-đế-lợi (Śāstriya) v.v...

3. Thuật ngữ Phật học

a. Các thuật ngữ Phật học thông thường

- Từ Hán Việt, thuần Việt: viết thường.

Thí dụ: tam độc, sáu trần, mười hai nhân duyên...

- Từ được phiên âm tiếng Phạn, P li: viết thường và dùng gạch nối.

Thí dụ: ba-la-mật (pāramitā), già-lam (saṃgharāma)...

b. Thuật ngữ Phật học nhấn mạnh

- Từ Hán Việt, thuần Việt: viết hoa chữ đầu.

Thí dụ: Tam bảo, Năm thiên phái v.v...

- Từ được phiên âm tiếng Phạn, P li: viết hoa chữ đầu và dùng gạch nối.

Thí dụ: Bát-nhã (Prajñā), Niết-bàn (Nirvāṇa) v.v...

4. Các từ chỉ danh phẩm, chức vị v.v... viết thường.

Thí dụ: tổ sư, thiền sư, đại sư, hòa thượng, trưởng giả, bậc, đáng, đức v.v...

* Trường hợp làm đại danh từ thì viết hoa chữ đầu.

Thí dụ: Khi thiền sư Hy Thiên ở chỗ tổ Huệ Năng, nghe Lục Tổ sắp tịch, Sư hỏi Tổ:

- Sau khi Hòa thượng viên tịch, con phải nương ai?

5. Danh từ chỉ các loài, phương hướng v.v... viết thường.

*Thí dụ: - hương chiên-đàn (candāna),
- chư thiên, dạ-xoa (yakṣa),
- phía bắc, hướng đông nam v.v...*

* Trường hợp trở thành danh từ riêng thì viết hoa.

Thí dụ: chợ Đông, cửa Bắc, Tây đường v.v...

II. Các từ có cách viết, âm đọc khác nhau được sử dụng như sau:

Sử dụng	Không sử dụng
<i>Thanh văn, cứu cánh, chánh pháp, sanh diệt, kiến tánh, tánh tình, lãnh vực v.v...</i>	<i>Thinh văn, cứu kính, chính pháp, sinh diệt, kiến tính, tính tình, lĩnh vực v.v...</i>
<i>Chính trị, hưng thịnh, sinh hoạt v.v...</i>	<i>Chánh trị, hưng thịnh, sanh hoạt v.v...</i>
<i>Bản lai, chân không, chân thật, nhân gian v.v...</i>	<i>Bổn lai, chơn không, chơn thật, nhơn gian v.v...</i>
<i>Gửi thư, cấp bậc, giết mình, thật tình, sai bảo, thật tướng v.v...</i>	<i>Gởi thơ, cấp bậc, giết mình, thiệt tình, sai biểu, thực tướng v.v...</i>
<i>Nương tựa, làm giùm, giấu giếm, trí tuệ v.v...</i>	<i>Nương dựa, làm dùm, dấu diếm, trí huệ v.v...</i>
<i>Hy sinh, kỷ yếu, chân lý, mỹ thuật, quy y v.v...</i>	<i>Hi sinh, kỷ yếu, chân lí, mỹ thuật, qui y v.v...</i>

* Ngoại lệ các từ đã thành tên riêng thì giữ nguyên.

Thí dụ: tổ sư Huệ Năng, thiền viện Chơn Không v.v...

KINH THẬP THIỆN

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Kinh Thập Thiện là một quyển kinh nhỏ ghi lại buổi thuyết pháp của Phật cho cả cư sĩ lẫn người xuất gia, hoặc cho các loài thủy tộc nhân đến bậc A-la-hán và Bồ-tát. Xét hội chúng dự buổi thuyết pháp này, chúng ta nhận định được giá trị quyển kinh thế nào rồi.

Pháp Thập thiện là nền tảng đạo đức, cũng là nấc thang đầu trên cây thang giải thoát. Cho nên bất cứ người tu tại gia hay xuất gia, pháp Tiểu thừa hay Đại thừa cũng lấy Thập thiện làm chỗ lập cước căn bản. Bồ pháp Thập thiện thì mọi pháp tu khác đều không đứng vững. Vì thế, người học đạo buổi ban đầu phải thâm nhập pháp Thập thiện, sau đó mới tiến lên tu các pháp Thiền định v.v...

Song người đời vẫn còn hoang mang chưa quyết định được nghĩa thiện và ác. Bởi vì họ thấy có những việc ban đầu làm dường như thiện, về sau trở thành ác. Ngược lại, có những việc ban đầu thấy như ác, về sau lại thiện.

Hoặc một hành động, mà ở địa phương này cho là thiện, ở địa phương khác lại cho là ác, thời gian trước bảo là thiện, thời gian sau nói là ác, khiến mọi người ngờ vực ý nghĩa thiện ác trên thế gian. Đọc kỹ và nghiên ngẫm chín chắn quyển kinh Thập Thiện, chúng ta sẽ giải quyết được những hoang mang ngờ vực trên.

Chúng tôi dịch và giảng quyển kinh này, được các thiện sinh ghi chép lại và cho ấn hành phổ biến. Để nói lên lòng tùy hỷ của mình, tôi viết lời đầu sách để giới thiệu với quý độc giả.

Thiền viện Thường Chiếu 27-08-1997

THÍCH THANH TỪ

MỞ ĐẦU

Kinh Thập Thiện tuy ngắn gọn, nhưng rất thiết yếu đối với người tu tại gia cũng như người xuất gia. Cư sĩ tại gia khi thọ Tam quy và nguyện giữ Ngũ giới, nếu chỉ bấy nhiêu giới đó mà tu thì kết quả mạng chung tái sanh làm người và được an ổn tương đối, chứ chưa tiến xa trên đường giác mà Phật đã dạy. Thế nên muốn tiến thêm thì phải tu Thập thiện. Có tu Thập thiện mới tiến dần từ vị trí của người tại gia đến xuất gia, hay tiến dần từ cõi người đến cõi trời và các quả Thánh. Vì vậy, pháp Thập thiện là bước tiến thứ hai của người tu tại gia.

Người xuất gia tu hành để được giải thoát thì tu pháp Tứ đế, hoặc quán Thập nhị nhân duyên hay hành Lục độ vạn hạnh đều phát nguồn từ Thập thiện. Nếu không tu Thập thiện thì dù thực hành pháp gì cũng không giải thoát được. Nên người xuất gia cũng y cứ

pháp Thập thiện làm gốc, vì chỉ nói giáo lý cao siêu mà không tu Thập thiện, e giáo lý cao siêu ấy trở thành huyền hoặc. Bởi thế Thập thiện đối với người xuất gia rất hệ trọng, là nền tảng đạo đức. Nếu nền tảng căn bản đạo đức ở dưới thiếu, mà muốn tiến lên quả vị Thanh văn, Duyên giác, hay cầu chứng quả từ Sơ địa đến Thập địa Bồ-tát, hoặc cầu quả Phật thì khó thành tựu. Vì vậy người xuất gia không thể bỏ qua pháp Thập thiện mà tu các pháp giải thoát được.

Rộng hơn, pháp Thập thiện đối với nhân gian, nếu mọi người biết ứng dụng trong đời sống thì gia đình, xã hội, quốc gia, thế giới sẽ được văn minh. Nền văn minh đó mới là nền văn minh chân thật. Kinh Thế Ký thuộc hệ A-hàm có ghi về kiếp tăng và kiếp giảm của nhân loại như sau:

Ở thế gian vào thời kiếp tăng, con người sống đến tám mươi bốn ngàn tuổi, sau đó giảm dần còn bảy vạn, sáu vạn, năm vạn v.v... cho tới hai trăm và ngày nay con người sống khoảng một trăm tuổi. Sở dĩ tuổi thọ và phước báo của con người suy giảm là do không tu pháp Thập thiện, mà ngược lại còn làm thập ác. Nếu mười điều ác càng ngày càng tăng thì phước báo tuổi thọ con người càng ngày càng giảm. Giảm cho đến khi nào mười điều ác đầy đủ, không ai còn biết làm thiện và nghe danh từ thiện, thì tuổi thọ con người giảm xuống tới cùng chỉ còn mười tuổi thôi. Lúc bấy giờ tai họa cũng tràn trề không thể kể lường, nên nói: “Thiên tai vạn họa không lường được”.

Nguyên do bởi con người tạo thập ác. Qua kiếp giảm con người làm ác cùng cực, chợt thức tỉnh tu thiện từ một cho đến mười điều thiện, thì phước báo tuổi thọ con người tăng dần lên đến tám mươi bốn ngàn tuổi và thế giới trở thành an lạc hạnh phúc vô cùng.

Như vậy nếu con người cùng gây ác nghiệp đầy đây thì thế giới tai họa liên miên. Nếu con người biết tu Thập thiện thì thế giới loài người an vui như cõi Cực Lạc.

Vậy xã hội loài người muốn được an vui cũng phải lấy Thập thiện làm căn bản. Người tu từ cư sĩ tại gia cho đến xuất gia và người thế gian, nếu biết áp dụng pháp tu Thập thiện trong cuộc sống thì được bình an hạnh phúc. Người xuất gia thì mau tiến đến quả giải thoát. Người đời thì phước báo ngày càng lớn, tuổi thọ ngày càng tăng. Có nhiều người tu nghe nói mười điều lành, tưởng là pháp tu của người cư sĩ nên xem thường. Nhưng kỳ thật mười điều lành này, nếu chúng ta tu viên mãn thì có hiệu dụng tự do giải thoát trong đời tu.



GIẢNG ĐỀ KINH

Kinh Thập Thiện nói đủ là Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Kinh là những lời giáo huấn của đức Phật, vừa hợp với chân lý vừa hợp với căn cơ của người nghe. Dù ở trong bối cảnh nào người nghe ứng dụng tu hành đều được lợi ích lớn. Lời giáo huấn của Phật trải qua ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai không dời đổi, không sai lệch, nên được kết tập lại gọi là Kinh.

Thập thiện là mười điều lành. Thế nào là điều lành, thế nào là điều chẳng lành? Ai cũng khuyên ăn hiền ở lành, làm lành làm phải, song bản chất của điều lành như thế nào thì chưa biết rõ. Có nhiều người giải nghĩa: lành là không dữ, dữ thì không phải lành, hoặc lành là hiền, là tốt... Nói như vậy là giải thích nghĩa trống rỗng, không có lẽ thật. Người đời có chút trình độ học vấn, hay lúng túng về vấn đề thiện ác. Giả sử một nhà giáo dục

học trò, gặp học trò khó dạy nên phải đánh răn phạt nó. Đánh xong cảm thấy lương tâm ray rứt hối hận, tự trách mình là nhà mô phạm đánh đập người ta là đã làm điều dữ rồi! Người học trò bị đánh nhìn thầy giáo với đôi mắt không cảm tình, vì cho thầy giáo là người hung dữ. Vậy, thầy giáo đánh học trò khi nó ngỗ nghịch khó dạy có phải dữ không? Những việc này cần phải giản trạch rõ ràng, kéo hiểu lầm rồi hành động sai.

Ngược lại, có nhiều đứa trẻ ngỗ nghịch thiếu giáo dục, gặp ai nó cũng chửi bới phá phách. Có người biết, không quở trách không đánh phạt, mà còn mở lời ngọt ngào khen ngợi. Người như thế có hiền không? Vậy điều lành điều dữ giá trị ở chỗ nào? Chúng ta cần phải phân định cho rõ ràng, thế nào là điều lành thế nào là điều dữ, để khi làm việc không bị hoang mang do dự.

Phàm làm việc gì, đứng về mặt thời gian, hiện tại, vị lai mình và người đều được lợi ích, thì điều đó là lành. Hoặc hiện tại mình bị thiệt thòi mà người được lợi ích, đó cũng là lành. Hay hiện tại mình bị thiệt thòi mà tương lai được lợi ích, đó cũng là lành. Ngược lại hiện tại mình được lợi lộc mà vị lai bị khốn khổ, điều đó không phải là lành. Hoặc hiện tại mình được lợi mà người bị hại thì điều đó không phải là lành. Thí dụ thầy giáo đánh học trò, hiện tại thì thấy thầy giáo bị thiệt thòi vì đã lao nhọc lại còn mang tiếng không tốt. Nhưng vì lợi ích của học trò, mà phải rầy phạt cho nó học và ngoan để mai sau nó có đủ tài đức, thành người tốt, hữu dụng trong xã hội.

Lúc đầu thấy như thầy giáo bị thiệt thòi và học trò cũng bị thiệt thòi. Nhưng về sau thì học trò trở thành người tốt trong xã hội, trò biết ơn thầy đã giúp cho trò trở nên người tài đức. Như vậy cả thầy lẫn trò ở hiện tại bị thiệt thòi mà ở vị lai được lợi ích. Hoặc thấy người nghèo khổ, ta đem tiền của đến giúp họ. Lúc đầu thấy như ta bị thiệt thòi vì phải bỏ tiền bỏ công ra để giúp. Nhưng người được giúp bớt khổ được vui, khi thấy người vui ta cũng vui lây. Vậy hiện tại ta và người được vui, mai sau cũng được vui. Đó cũng là điều thiện. Ngược lại trường hợp đưa học trò ngã nghịch lêu lổng không chịu học hành, thầy giáo không rầy không phạt, để nó muốn làm gì thì làm. Hiện tại thấy như ông thầy tốt, vì không có những lời nói và hành động xúc phạm đến học trò. Nhưng đưa học trò hư hỏng, mai sau trở thành những người xấu ác trong xã hội. Thái độ của ông thầy như thế không gọi là lành. Đó là đứng về mặt thời gian mà phân định điều lành hay dữ.

Thế nên có nhiều hành động thoáng thấy như dữ, nhưng bản chất lại là lành. Rồi cũng có nhiều hành động thoáng nhìn như lành mà bản chất lại là dữ. Như vậy yếu tố lành hay dữ, phải xét đến hậu quả ở vị lai tốt hay xấu mà đoán định. Chứ cạn cọt nhìn thấy việc làm ở hiện tại mà quyết đoán e không đúng, mà phải xét tận kết quả ở vị lai.

Lại nữa, yếu tố thiện ác còn phải đứng về mặt không gian, điều lợi ích phải đem đến cho nhiều người, mới đoán định được. Nếu một việc làm có hại chỉ một người mà

có lợi hàng trăm hàng ngàn người, thì việc làm đó cũng được coi là thiện. Trong kinh nói về tiền thân của Phật có kể câu chuyện: Có một tôn giả cùng đi thuyền chung với đoàn người buôn. Khi thuyền ra giữa sông lớn, trong thuyền có kẻ bất lương sắp ra tay giết đoàn người buôn để đoạt của. Tôn giả liền giết kẻ bất lương đó để cứu đoàn người buôn. Hành động của Tôn giả tuy ác với người bất lương, nhưng thiện đối với đoàn người buôn. Làm như vậy tuy có tội với một người mà cứu được nhiều người. Thế nên phân định thiện ác phải nhìn rộng rãi như vậy.

Đứng về mặt thời gian hiện tại có lợi, vị lai cũng có lợi, hoặc hiện tại tuy không có lợi mà vị lai thì có lợi. Hoặc giả khi hành động tuy thiệt thòi một hai người mà vị lai lợi ích cả trăm ngàn người, những trường hợp như thế được xem là thiện chứ không phải là ác. Hiểu rõ ràng như vậy mới không lầm, chứ nhiều khi chúng ta cho điều đó là thiện kỳ thật lại là ác. Chẳng hạn như những bà mẹ cưng con, con muốn điều gì là chiều theo điều ấy, không dám rầy nó, rốt sau con thành đứa hư hèn. Thoạt nhìn thấy như bà mẹ đó hiền, song rốt cuộc lại hóa thành dữ, vì làm hư đứa con.

Ngày xưa ở Trung Hoa có Khấu Chuẩn, thuở nhỏ ông lêu lổng rong chơi trốn học hoài. Mẹ ông thấy con hư hèn khó dạy, bà buồn lòng. Một hôm bà mẹ cầm trái cân chọi ông, trái cân chạm vào chân làm ông bị thương tích. Nhờ vậy mà ông sợ, không dám trốn học nữa và chăm lo học hành. Sau ông trở thành người tài giỏi, thì mẹ đã mất. Mỗi khi nhìn thấy vết sẹo trên chân

là ông nhớ mẹ, ông khóc... Thoáng nhìn qua thấy như mẹ ông Khấu Chuẩn ác, nhưng chính nhờ thái độ cứng rắn của bà, giúp cho Khấu Chuẩn trở thành người tốt. Vì vậy hành động ném quả cân của bà được xem là thiện.

Trong lãnh vực tu hành, vì không phân biệt được thiện ác, nên có nhiều người thiện mà lầm tưởng là ác. Chẳng hạn một vài Phật tử vào chùa thấy thầy Trụ trì phạt mấy chú đệ tử quỳ hương. Mấy chú quỳ tòn cây hương mất hơn một tiếng đồng hồ, hai đầu gối bị lõm vào đồ ửng. Phật tử ấy nóng ruột, ngầm trách thầy Trụ trì thiếu từ bi, nhấn tâm hành phạt người tu chịu đau đớn khổ sở. Như vậy thầy Trụ trì có thiếu từ bi không? Không. Tại sao? Vì các chú đệ tử vào chùa tu, từ cơm ăn, áo mặc, chỗ ở đến thuốc thang đều do thí chủ ủng hộ cúng dường. Nếu các chú lười biếng không chịu học Phật pháp, không tụng kinh ngồi thiền, cứ lêu lổng chơi đùa, thầy Trụ trì không răn phạt, để các chú đệ tử hư hỏng làm sao có đủ đức hạnh và trí tuệ hầu đáp ơn thí chủ? Sau khi chết vì chồng chất nợ nần nghiệp tội nên bị đọa. Vì tránh tội cho đệ tử, mà thầy Trụ trì phải răn phạt cho đệ tử sửa đổi. Nếu răn phạt mà không sửa đổi thì phải trục xuất. Hành động của thầy Trụ trì mới thấy như ác, nhưng xét kỹ thì quá từ bi.

Tóm lại, điều thiện là việc làm trong hiện tại, mình cùng người đều được lợi ích và nhiều đời vị lai cũng được an vui. Hoặc hiện đời tuy mình bị thiệt thòi, người cũng có chút ít thiệt thòi, nhưng vị lai mình cùng người đều được lợi ích an vui. Đó là điều thiện. Ngược lại, việc làm hiện tại mình có lợi mà di hại cho người, hoặc hiện tại

mình có hại, người có hại, cho đến mai sau mình và người cùng đau khổ. Đó là việc ác.

Nghiệp là tác động của thân khẩu ý lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen. Và khi thành thói quen nó có sức mạnh dẫn người đi thọ quả báo hoặc vui hoặc khổ. Thế thường, người đời khi gặp cảnh sướng hay khổ thì nói số phận mình như vậy là phải chịu như vậy. Song, nếu là Phật tử có đồ thừa số phận và chấp nhận số phận như người đời không? Không. Vì nói như thế thì không thông lý nhân quả nghiệp báo. Lẽ ra Phật tử khi gặp cảnh khổ hay vui thì phải nói: “do nghiệp mình đã tạo, nên mình phải chịu”, chứ không nên nói do số phận. Tại sao như vậy? Vì nhân quả nghiệp báo rất cụ thể và tế nhị.

Tục truyền lâu đời, chúng ta ai cũng thâm nghĩ rằng: Con người sanh ra là do Thượng đế hay Tạo hóa sắp định sẵn số phận. Hễ sanh ra đời, cuộc sống vui khổ như thế nào là chịu như thế ấy, không thay đổi được. Hoặc có quan niệm: Con người sanh ra là do số mạng đời trước đã định sẵn. Bởi số mạng định sẵn nên phải sao chịu vậy. Thế nên gặp cảnh khổ, nói “tại số tôi khổ”, gặp cảnh sướng thì nói “tại số tôi sướng”. Hoặc quan niệm “đời người sanh ra là do rủi may, rủi thì khổ, may thì vui, được là may, mất là rủi...”, chứ sự sướng khổ của con người không do nhân duyên.

Cả ba thuyết trên, quý vị có người nào không mắc kẹt không? Nếu không đồ thừa Tạo hóa thì đồ thừa số mạng, không đồ thừa số mạng thì đồ thừa rủi may. Cả ba thuyết trên Phật giáo không thừa nhận, mà Phật nói: *Con người sanh ra kẻ khổ người sướng là do nghiệp.*

Vậy Nghiệp của đạo Phật có khác với Tạo hóa, có khác với số mạng, có khác với rủi may không?

Trong kinh A-hàm (Āgama) Phật dạy: *Chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người vui sướng kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.* Những tác động từ nơi tâm gọi là ý nghiệp, nơi miệng gọi là khẩu nghiệp, nơi thân gọi là thân nghiệp. Thân, khẩu, ý của con người tạo nên nghiệp, vì vậy mà khổ vui là do mình tạo, chứ không do ai khác, cũng không phải Tạo hóa sắp định, cũng không do số mạng hay may rủi gây nên.

Thí dụ một chú thanh niên thương một cô thiếu nữ, nhưng cô thương người khác, nên chú thất tình đau khổ. Một hôm chú thức tỉnh, tự trách mình là ngu dại. Từ đó chú buông bỏ tâm luyến ái cô gái ấy, nên hết đau khổ. Như vậy, cái khổ của chú thanh niên đó do ai tạo? Do cô gái, do Tạo hóa, do số mạng, do rủi may, hay do chú? Do tâm ý chú mê lầm nên chú mới khổ! Vậy khi mình khổ đổ thừa ai? Không đổ thừa ai cả, mà phải xét lại mình, coi nghiệp mình tạo có lỗi chỗ nào, để chuyển hóa nó. Chú thanh niên lầm tưởng cô gái thương chú, nên chú thương cô. Nhưng sự thật thì cô gái thương người khác, nên chú khổ. Khi chú biết chú lầm, liền chuyển nghiệp ý bằng cách buông bỏ lòng luyến ái cô gái là chú hết khổ.

Lại một thí dụ nữa: Ông A là người tương đối lương thiện, ông có một người bạn không tốt hay trộm cắp của người. Một hôm người bạn ông trộm được một món đồ quý, trị giá độ năm bảy triệu đồng. Khi bị mất đồ chủ nhà báo động tìm kiếm. Bạn ông A tới nhà ông, nói: “Lâu nay ai cũng biết anh lương thiện, anh làm ơn

cất giùm tôi món đồ này, sau tôi bán sẽ chia cho anh vài ba triệu”. Ông A dấy khởi lòng tham nhận giữ của phi nghĩa đó. Người bạn ăn trộm bị bắt, bị tra khảo liên khai của quý ấy gửi tại nhà ông A, nên ông A cũng bị bắt lây. Khi bị bắt ông A ở tù đau khổ. Vậy cái khổ của ông A là tại ai? Có phải tại Tạo hóa xếp bày cho ông A ở tù không? Hay tại năm nay ông A rủi ro? Hay tại số mạng của ông A là phải ở tù? Rõ ràng tại ông A không làm chủ được lòng tham, để cho ý ông tạo nghiệp ác khiến cho thân ông làm ác, nên ông phải chịu khổ. Nếu lúc lòng tham dấy khởi ông chuyển được, ông từ chối không nhận cất của phi nghĩa để được chia tiền, thì ông đâu có bị bắt và bị ở tù vì tội chứa đồ gian!

Vậy, trước một hoàn cảnh con người có thể bị khổ mà cũng có thể không khổ. Nghĩa là chỉ trong năm mươi phút đồng hồ, nếu con người hành động với trí tuệ sáng suốt thì chúng ta chuyển được khổ. Cũng chỉ trong năm mươi phút, con người hành động với tham sân thì bị đau khổ. Khổ hay không khổ là do hạnh nghiệp của con người thiện hay ác mà ra vậy. Nếu biết do nghiệp ý của mình tham lam nên bị tù đầy, cố gắng chuyển tâm niệm tham lam trở thành thanh bạch thì không khổ. Ngược lại không có trách nhiệm với hành động của mình, cứ đổ thừa cho số mạng, cho rủi may, thì không bao giờ sửa đổi nghiệp chẳng lành của mình, dĩ nhiên là phải khổ. Đó là tôi nói nghiệp ở hiện tại.

Sau đây là nghiệp ở quá khứ kết tụ quả trong đời hiện tại và vị lai. Có người vừa được sanh ra là đã giàu sang sung sướng. Như vậy là do cái gì định? Có phải do số mạng định không? Cũng không. Chúng ta nên biết

nghiệp quả trong đạo Phật nói thông cả ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Nghiệp không phải chỉ thành tựu quả báo trong một đời. Có nhiều nghiệp tạo trong đời này, quả báo kết tụ cũng trong đời này, như ông A chứa đồ gian ở trên. Lại cũng có những nghiệp tạo ở hiện tại, mai sau mới thọ quả báo. Thí dụ ông Xoài hiện tại có thể lực giàu sang, ông làm khốn khổ ông Mít là người láng giềng. Lúc bấy giờ ông Mít có thể nên nuốt hận. Vài mươi năm sau ông Mít có thể lực, ông Xoài thì có thể, nên ông Mít báo thù ông Xoài, khiến ông Xoài điêu đứng khổ sở. Khi bị ông Mít báo thù thì ông Xoài tức tối kêu oan: “Tại sao người ta quá hung ác hại tôi khốn khổ như thế này?” Quý vị thấy ông Xoài có oan không? Không. Ông đã tạo nghiệp xấu với ông Mít mà ông quên, khi quả báo chẳng lành của nghiệp xấu kết tụ thì ông lại than trách. Đó là do ông không thấy được nghiệp xấu của ông đã tạo.

Lại nữa, nghiệp của đời quá khứ, trong kinh A-hàm Phật nói: *Những chúng sanh nào nơi thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác, thì khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ. Ngược lại những chúng sanh nào nơi thân, khẩu, ý tạo nghiệp lành, thì khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi lành. Và một phen sanh ra rồi chết đi, chết đi rồi sanh lại, cứ sanh rồi tử, tử rồi sanh không biết bao nhiêu lần. Nhưng mỗi lần sống chết đó, thọ biết bao nỗi khổ niềm vui, do thân, khẩu, ý đã tạo nghiệp thiện hay ác ở đời trước.*

Xin hỏi quý vị lớn tuổi, xét lại chúng ta từ lúc biết đi đứng nói năng, cho đến nay bốn năm mươi tuổi, hoặc sáu bảy mươi tuổi, có ai làm lành hoàn toàn không? Hay có khi làm cho người được lợi ích vui cười, lại cũng có lúc

làm cho người buồn phiền đau khổ? Đời này chúng ta vừa làm lành và cũng vừa làm ác. Lấy đó mà xét, đời trước cũng vậy, một trăm điều, chúng ta làm được bảy tám chục điều lành là tối đa, còn lại vài ba chục là điều ác. Vì vậy mà đời này sanh ra tuy cũng được giàu sang sung sướng, nhưng lâu lâu cũng có xảy ra tai nạn đau khổ.

Người không thấu hiểu nhân quả thông cả ba đời thì sẽ than trách: “Tại sao tôi ăn ở hiền lành, mà gặp phải những chuyện bất tường khổ đau?”. Ở đời có ai lương thiện hoàn toàn đâu? Như chúng ta thấy trong đời hiện tại tuy biết tu làm lành, nhưng thỉnh thoảng bất giác cũng làm cho người buồn khổ. Thế nên thỉnh thoảng chúng ta cũng gặp khổ, cũng có buồn là do nghiệp thiện và ác mà chúng ta đã tạo xen lẫn ở đời trước đó vậy. Khi gặp khổ đừng đổ thừa cho ai cả, mà phải biết: Trước mình đã tạo nhân rồi nên đời này phải thọ nhận quả. Và cũng có nhiều người tuy họ ác, nhưng đâu phải suốt đời họ làm ác hết, mà thỉnh thoảng họ cũng có làm một hai điều lành. Nên những người nghèo khổ thỉnh thoảng cũng có vài niềm vui. Vậy muốn cho đời sau được an vui hết khổ thì, ngay bây giờ tránh những việc khiến cho người đau khổ và làm những việc giúp cho người hiện tại được lợi ích sau cũng an vui. Đó là tạo nghiệp lành, ngược lại là tạo nghiệp ác.

Như vậy, nghiệp trong đạo Phật khác với số mạng mà người đời đã nghĩ. Số mạng đã định rồi thì bó tay bất lực, không chuyển đổi được, đành chịu vậy. Còn nghiệp thì chuyển đổi được. Vì nghiệp là hành vi tạo tác của con người. Tạo tác xấu ác thì khổ, biết đó là việc ác khổ, liền đổi làm việc lành thì được an vui. Thí dụ ông Xoài tiêu pha phung phí nên mắc nợ, bị chủ nợ vây đòi làm

phiền phức. Muốn cho hết nợ, ông Xoài phải siêng năng làm việc, ăn tiêu chừng mực, dành tiền để trả nợ, trả một thời gian là dứt nợ, không ai đến quấy rầy ông, ông được an ổn. Đó là cách chuyển nghiệp thực tế không ai phủ nhận được. Nếu tin theo số mạng cho rằng số tôi nghèo phải mang nợ, dù có cố gắng làm cũng vô ích vì không chuyển đổi được, đành chịu nghèo, nợ nần vây phủ...

Chuyển nghiệp bằng hai cách: Cách thứ nhất là đối trước của cải quý đắt tiền, lòng tham dấy khởi, biết đó là ý nghiệp ác, liền buông xả niệm tham, thì nghiệp thân không theo ý để tạo duyên lấy của người, không bị người bắt bớ, bỏ tù, đánh đập. Đó là chuyển nghiệp ý ác ngay khi khởi. Trường hợp thứ hai là đang ở trong cảnh nghèo túng bệnh tật, ráng ăn ở hiền lành, làm điều phước đức, khiến cho nghiệp ác quá khứ mòn dần thì sẽ được an vui. Đó là chuyển nghiệp quá khứ từ từ. Người hiểu được lý nghiệp báo thì có sức mạnh tinh thần, không yếu đuối trốn tránh trách nhiệm mà mình đã tạo. Không làm ác gây đau khổ cho người, luôn nghĩ nói làm thiện, tạo cho mình một cuộc sống lành mạnh an vui, xây dựng xã hội tốt đẹp.

Tóm lại, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là mười điều lành Phật dạy cho chúng sanh nên làm để đi đến chỗ an ổn vui vẻ.



KINH THẬP THIÊN GIẢNG GIẢI

Âm:

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Ta-kiệt-la long cung, dữ bát thiên đại Tỳ-kheo chúng, tam vạn nhị thiên Bồ-tát ma-ha-tát câu.

Dịch:

Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ đức Phật ở tại cung rồng Ta-kiệt-la (Sāgāra) cùng với tám ngàn chúng đại Tỳ-kheo và ba mươi hai ngàn vị đại Bồ-tát.

Giảng:

Đoạn này nêu lên sáu điều chứng tín của ngài A-nan khi kết tập tạng kinh. Đọc qua các kinh, chúng ta thấy khi xưa, chẳng những Phật thuyết pháp độ loài người ở nhân gian, Phật lại còn thuyết pháp độ chư thiên ở

cõi trời, như trời Đao-lợi, có lúc Phật thuyết pháp độ loài rồng ở long cung. Kinh Thập Thiện, Phật thuyết ở cung rồng Ta-kiệt-la. Ở những pháp hội này chỉ có những bậc Tỳ-kheo chứng A-la-hán có thần thông, những bậc Bồ-tát mới dự nghe được. Ngài A-nan bấy giờ chưa chứng A-la-hán, chắc chắn là ngài không có mặt trong hội này. Nhưng khi kết tập tạng kinh sao ngài nói: *Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Ta-kiệt-la long cung...* Điều này có trung thực không?

Căn cứ vào lịch sử thì trước khi nhận làm Thị giả, ngài A-nan có xin Phật những điều nếu Phật thuận thì ngài mới làm Thị giả. Trong những điều ấy, có điều xin Phật thuật lại những bài pháp Phật đã nói mà ngài không được nghe. Kinh Thập Thiện tuy ngài không được dự ở cung rồng Ta-kiệt-la, nhưng được Phật thuật lại cho ngài nghe. Thế nên khi kết tập tạng kinh ngài vẫn thuật lại như những kinh mà ngài đã trực tiếp dự trong pháp hội Phật nói.

Như thị (như thế này): chỉ pháp thoại mà ngài A-nan nghe Phật nói. Đó là kinh Thập Thiện - Tín thành tựu.

Ngã văn (tôi nghe): người nghe và thuật lại kinh Thập Thiện. Đó là tôn giả A-nan - Văn thành tựu.

Nhất thời (một thuở nọ): là thời điểm nói kinh Thập Thiện. Xưa, thời gian mỗi nơi mỗi khác không thống nhất, nên tôn giả A-nan chỉ nói tổng quát là “một thuở nọ” chứ không xác định rõ ràng là lúc mấy giờ ngày mấy tháng mấy - Thời thành tựu.

Phật: vị chủ tọa nói pháp cho hội chúng nghe - Chủ thành tựu.

Long cung Ta-kiệt-la (cung rồng Ta-kiệt-la): chỗ Phật nói kinh Thập Thiện - Xứ thành tựu.

Bát thiên đại Tỳ-kheo chúng, tam vạn nhị thiên Bồ-tát ma-ha-tát câu (tám ngàn chúng đại Tỳ-kheo, ba mươi hai ngàn vị đại Bồ-tát): là những cử tọa đến nghe pháp - Chúng thành tựu.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Long vương ngôn:

Nhất thiết chúng sanh tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị, do thị cố hữu chư thú luân chuyển.

Dịch:

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Long vương rằng:

Tất cả chúng sanh do tâm tưởng khác nhau, nên tạo nghiệp khác nhau, vì vậy mà có sự luân chuyển trong các cõi.

Giảng:

Mở đầu, Phật bảo với vua Rồng rằng: Tất cả chúng sanh do tâm tưởng khác nhau, nên lời nói khác hành động cũng khác. Tức là tạo nghiệp không giống nhau. Do tạo nghiệp không giống nhau nên luân hồi trong các cõi khác nhau. Tôi hỏi quý vị, tâm nghĩ suy của quý vị có giống nhau không? Không. Bởi mỗi người có tánh tình riêng, nghĩ tưởng riêng nên tạo nghiệp riêng để rồi kẻ sanh

chỗ này, người sanh chỗ khác; có người chết sanh lên cõi trời, có người chết sanh ra làm người lại, có người chết sanh ra ở chỗ xấu xa hơn nữa. Thế nên ở đây kinh nói: Tất cả mọi hành động đưa đến khổ vui của con người gốc từ tâm mà ra. Lúc bình tĩnh vui vẻ thì tâm khởi nghĩ lành, khiến cho miệng nói lời lành, thân hành động tốt. Lúc bất giác tâm mê mờ nóng nảy thì miệng nói, thân làm đều bất thiện. Vậy gốc của lời nói dữ, hành động ác và lời nói hiền, hành động tốt đều từ tâm mà ra. Tâm làm chủ nghiệp tốt và xấu của thân, miệng và cũng là gốc nổi khổ niềm vui của con người.

Thế nên người tu theo đạo Phật lấy tâm làm gốc để tu. Nếu mọi người tâm nghĩ tưởng giống nhau, tu cùng nhắm một hướng thì khi chết cùng sanh ra một cõi lúc nào cũng gặp nhau, nên nói đời đời làm bạn lữ là vậy. Nhược bằng tâm người này hướng thượng, tâm người kia hướng hạ thì khó mà gặp nhau được. Đó là đứng về mặt nghiệp quả mà nói. Kinh này, mở đầu Phật dạy sáu nẻo luân hồi là trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục do tâm tưởng chúng sanh thiện ác khác nhau mà đến vậy.

Âm:

Long vương! Nhữ kiến thử hội cập đại hải trung, hình sắc chủng loại các biệt phủ da? Như thị nhất thiết, mị bất do tâm, tạo thiện bất thiện, thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp sở trí.

Dịch:

Này Long vương! Người có thấy trong hội này và trong biển cả, hình sắc chủng loại mỗi loài khác

nhau không? Tất cả như thế đều do tâm, tạo nghiệp thiện hay bất thiện nơi thân, nơi khẩu, nơi ý mà ra.

Giảng:

Bấy giờ Phật hỏi Long vương có thấy trong hội chúng của ngài gồm mấy ngàn vị Tỳ-kheo, mấy chục ngàn vị Bồ-tát và trong biển cả, nào là binh tôm tướng cá, hình sắc và chủng loại của mỗi loài có khác nhau không? Trước Phật đặt câu hỏi cho Long vương chú ý, sau đó ngài mới giải thích. Tất cả các chủng loại chúng sanh có hình dáng màu sắc khác nhau, đều do tạo nghiệp thiện và bất thiện. Tâm (ý) khởi nghĩ ác thì miệng nói ác, thân làm ác, nên mới có những hình dáng màu sắc thô xấu. Tâm (ý) nghĩ thiện, miệng nói thiện, thân làm thiện, nên mới có hình dáng màu sắc tốt đẹp. Vậy những cái sai biệt đó đều do tâm mà ra, chẳng những ngày xưa, mà ngày nay cũng vậy.

Quý vị nhìn xem mỗi người trong hội này có khác nhau không? Mỗi người mỗi vẻ không ai giống ai. Nếu hai người tâm tướng, ngôn ngữ hành động giống nhau, thì sanh ra hình dáng cũng giống nhau. Ngược lại tâm tướng ngôn ngữ hành động khác nhau, thì sanh ra hình dáng cũng khác nhau. Trong đây có mấy mươi người, mỗi người có mỗi vẻ mặt, mỗi hình dáng, mỗi hoàn cảnh khác nhau. Đó là do tâm mỗi người mỗi khác. Phật gọi thân người là *tổng báo* (nghiệp báo chung), tổng báo gồm có quả báo của nghiệp thiện và nghiệp ác lẫn trong đó. Vì vậy có người sanh trong gia đình giàu sang sung sướng mà bị bệnh tật. Lại cũng có người sanh trong cảnh giàu có mà dốt nát. Rồi lại có người sanh ra trong

cảnh nghèo khó không đủ tiền ăn học lại thông minh hiếu học... Tóm lại, sở dĩ con người có sự sai biệt như thế là do tâm tưởng của mỗi người sai khác mà ra vậy.

Âm:

Nhi tâm vô sắc, bất khả kiến thủ, đản thị hư vọng, chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở.

Dịch:

Tâm không hình sắc, không thể thấy, không thể nắm bắt, chỉ do các pháp hư vọng hợp lại mà khởi hiện, rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở.

Giảng:

Phật nói thính chúng trong pháp hội, chủng loại hình sắc sai biệt gốc từ tâm. Nhưng tâm không hình sắc, không thể thấy, không thể nắm bắt được, chỉ do các pháp hư vọng mà khởi hiện. Thế nên tất cả nghiệp tội từ tâm mà ra. Nói những danh từ chuyên môn như thế e khó hiểu, vậy tôi giảng kỹ chỗ này cho quý vị hiểu. Thí dụ quý vị nói: “Tâm tôi nghĩ thế này, tâm tôi nghĩ thế kia”. Tôi xin hỏi: “Tâm quý vị đang suy nghĩ là cái gì? Ngay bây giờ mỗi người tự lắng lặng lại, tìm cái tâm của mình coi nó ra sao và ở đâu? Ai tìm được?” Thừa tìm không được. Đã tìm không được, mà sao ai cũng nói tâm tôi nghĩ thế này, tâm tôi nghĩ thế kia? Đây là vấn đề quan trọng, chúng ta phải lưu ý. Ở trước nói tâm chủ động tất cả, bây giờ chúng ta tìm thì không biết nó

ở đâu và ra sao? Tâm không có chỗ nơi không hình sắc, tại sao chủ động tất cả? Khi muốn tìm nó thì tìm không ra, lúc không tìm thì nó khởi nghĩ hết chuyện này tới chuyện nọ không ngừng, như vậy là sao? Phật nói tâm nhớ tưởng nghĩ suy không thật vì nếu thật thì lúc nào cũng hiện hữu một nơi, chẳng hạn ở trên trán hay ở trên mũi... Nhưng nó không có chỗ nơi, vừa khởi nghĩ, tính toán thì có, mà khi tìm thì không. Nó là cái giả có không thật, do duyên với ngoại cảnh mà tạm có, có mà không thật. Thí dụ quý vị đang ngồi đây, sức nhớ các con ở nhà đang đi học, khi nhớ là do tâm và do có các con nên quý vị mới nhớ. Nếu không có các con thì không có *cái nhớ con*.

Nguyên do có ngoại cảnh ảnh hưởng đến nội tâm, tâm cảnh duyên nhau nên vọng tưởng mới khởi. Vì vậy tâm chỉ là vọng tưởng, do các duyên nhóm họp tạm có, không thật. Tuy không thật mà chi phối tất cả. Điều này người tu Phật chúng ta cần phải tư duy cho thật kỹ. Thấu được lý này tu mới tiến, ngược lại thì tu khó tiến. Tại sao? Vì hằng ngày mọi người ai cũng cho rằng mình có tâm, nên thường nói “tôi nghĩ như thế này, tôi tính như thế kia...” chấp cái nhớ nghĩ suy tính của mình là hay là đúng, nếu có ai nói ngược lại thì giận. Nhìn kỹ thấy cái nhớ nghĩ, suy tính chợt khởi liền mất, rõ ràng không thật, cái không thật làm sao đúng!

Ở trước đã nói *Nghiệp* dẫn chúng sanh đi trong cảnh lành hay dữ; sanh trong cảnh lành là do đời trước tạo nghiệp thiện, sanh trong cảnh dữ là do đời trước tạo nghiệp ác. Vậy thân tâm con người sanh trong cảnh lành hay cảnh dữ, giáo lý nhà Phật gọi là *Chánh báo*. Nếu tạo nghiệp thiện thì sanh ra thân khỏe mạnh,

thông minh tài trí, ở trong cảnh gia đình giàu sang vật chất sung mãn; thân khỏe mạnh thông minh tài trí là chánh báo, cảnh giàu sang vật chất sung mãn là y báo. Y báo lệ thuộc chánh báo, chánh báo tốt thì y báo cũng tốt, chánh báo tốt là do đời trước tạo nghiệp thiện và nghiệp đời trước thì lệ thuộc vào tâm. Như thế là tâm tạo ra nghiệp tốt xấu, nghiệp tốt xấu dẫn thọ thân tốt xấu, thân tốt xấu mới tạo ra cảnh tốt xấu. Vậy tâm nghĩ suy là vọng tưởng không thật, gốc đã không thật thì những ngọn ngành kia có thật không? Phật dạy tất cả pháp đều giả dối, do chúng sanh ở trong cảnh giả, không thấy các pháp là giả, tưởng là thật. Tâm giả mà tưởng lầm là thật, nên thấy nghiệp thật, thân thật, cảnh thật. Nếu thấy tâm giả thì thấy nghiệp giả, thân cũng giả, cảnh cũng giả. Chúng do các pháp nhóm họp tạm có, rốt ráo không có chủ, không có ngã và ngã sở.

Không có chủ là ta không làm chủ được tâm, nó muốn nghĩ gì thì nghĩ, muốn nhớ ai thì nhớ. Chẳng hạn như quý vị định ngồi thiền ba mươi phút để cho tâm an định. Nhưng vừa lên bồ đoàn ngồi độ vài phút, thì nhớ việc này tính chuyện kia liên tục. Muốn dừng không nhớ không tính độ năm mười phút mà không dừng được. Rõ ràng ta không làm chủ được vọng tâm, nó muốn nghĩ gì thì nghĩ, nếu ta làm chủ được, ta ưa nghĩ thì nghĩ, không ưa nghĩ thì dừng.

Vì không làm chủ được nên nó chột khởi chột mất, không thường còn, nên nói là vô ngã. Ngã đã không thì những cái thuộc về ngã làm sao có thật? Đạo Phật cho tâm nhớ nghĩ suy tính là vọng tâm, luôn duyên theo cảnh vật

bên ngoài. Vì vậy mà không có chủ, không có thật ngã và cảnh tùy thuộc bên ngoài cũng không có thật. Vì ngã (ta) và cảnh vật do tâm (vọng tưởng) tạo, mà tâm không thật thì ngã và cảnh vật thuộc của ta cũng không thật.

Nói như vậy quý vị buồn và thắc mắc: Tu mà thấy tâm không thật, thân không thật, cảnh vật không thật, vậy thì còn cái gì mà tu? Và Phật dạy tu mười điều lành để làm gì? Sau đây Phật chỉ lẽ thật của con người và cảnh vật.

Âm:

Tuy các tùy nghiệp sở hiện bất đồng, nhi thật ư trung vô hữu tác giả. Cố nhất thiết pháp giai bất tư nghi, tự tánh như huyễn.

Dịch:

Tuy mỗi loài theo nghiệp hiện ra không đồng, mà thật trong ấy không có tác giả. Nên tất cả pháp tự tánh như huyễn, không thể nghĩ bàn.

Giảng:

Đa số người đều cho rằng: Tạo hóa tạo ra con người, mọi sự sướng khổ vui buồn của con người đều do Tạo hóa định đoạt. Lý này Phật giáo không chấp nhận, Phật nói do nghiệp của mình định, không có ai làm chủ, vì vậy nói không có tác giả. Thế nên tất cả pháp tự tánh không thật như huyễn hóa không thể nghĩ bàn. Mở đầu Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ ràng vọng tâm, nghiệp, thân, cảnh vật đều huyễn hóa không thật. Nhưng chúng ta ai cũng thấy những cái giả đó là thật, nên hết

tạo nghiệp này tới nghiệp khác, hết đời này đến kiếp nọ, tạo mãi... Vì vậy luân hồi sanh tử không dừng. Nếu chúng ta thấy rõ vọng tâm giả, nghiệp giả, thân giả, cảnh vật giả, thì chúng ta sẽ nhận ra *cái chân thật* ngay trong cái giả đó. Chỗ này chúng ta phải học tu vài ba năm mới thấy, bây giờ nói thẳng quý vị hoang mang. Không phải nói vọng tâm giả, nghiệp giả, thân giả, cảnh vật giả, tu tới đó rồi hết trơn không ngờ. Chúng ta nhớ cái nào giả, Phật chỉ cho biết là giả. Thí dụ có người nhà quê ra thành phố, đến chỗ bán đồ nữ trang giả để mua. Khi ấy có người ở thành rành về nữ trang đứng đó, thấy người nhà quê cầm chiếc cà rá giả muốn mua, người ở thành tội nghiệp, bèn nói: “Chị ơi, cái này giả”. Người nhà quê nghe nói giả bèn để xuống lựa cái khác. Người ở thành cũng nói: “Cái này cũng giả nữa, tất cả đồ nữ trang đây đều giả hết”. Nghe nói thế, người nhà quê thất vọng. Tôi xin hỏi quý vị người biết tất cả cái giả thì họ có biết được *cái thật* không? Chắc chắn là họ biết *cái thật*, nhưng vì đang ở chỗ bán đồ giả nên phải nói nó giả. Thấy người nhà quê thất vọng, người ở thành thị nói: “Chị muốn mua đồ thật, hãy theo tôi đến phố A thì sẽ có”. Vậy khi nghe nói tất cả đều là đồ giả, quý vị chớ thất vọng, hãy ráng đến chỗ bán đồ thật sẽ có.

Cũng vậy, ở đây Phật nói vọng tâm khởi, rồi tạo nghiệp, thọ thân và tạo nên cảnh vật đều là giả dối không thật. Chúng ta tin lời Phật, không thất vọng, nỗ lực tu biết hết tất cả *cái giả* sẽ nhận ra *cái thật*. Khi nhận ra *cái thật* rồi thì được an vui hạnh phúc. *Cái thật* ở kinh này Phật chưa nói tới, các kinh như Pháp Hoa, Niết-bàn, Phật chỉ rất rõ.

Âm:

Trí giả tri dĩ, ưng tu thiện nghiệp, dĩ thị sở sanh, uẩn, xứ, giới đẳng, giai tất đoan chánh, kiến giả vô yểm.

Dịch:

Người trí biết như thế, nên tu nghiệp thiện, nhờ vậy sanh ra uẩn, xứ, giới... đều được đoan chánh, người nhìn không chán.

Giảng:

Ở trước Phật nói với vua Rong rằng: Người có hình dáng tốt đẹp, kẻ có hình thù xấu xa, đều do nghiệp thiện hay nghiệp ác và nghiệp thiện ác phát xuất từ tâm. Vậy ai muốn có thân tướng tốt đẹp thì phải chừa nghiệp ác, tu nghiệp lành. Nhờ tu nghiệp lành mà thân năm uẩn sanh ra được thù thắng. Do sáu căn thù thắng nên chiêu cảm sáu trần thanh nhã và khởi ra sáu thức cũng thiện tịnh. Nên nói uẩn, xứ, giới đoan chánh mọi người nhìn thấy không chán.

Thí dụ trong ngôi nhà có một số người đang ngủ mê. Khi ngủ mê người nào cũng mộng hết, người thấy mộng lành thì chúm chím cười, người thấy mộng dữ thì khóc ràn rụa. Mình là một trong những người ngủ mê mộng mị, chợt tỉnh giấc thấy những người còn đang ngủ, người mộng lành thì cười, người mộng dữ thì khóc. Lúc đó chúng ta thế nào? Có thương người mộng dữ đang khóc không? Và thấy người mộng lành cười có vui theo không? Tự bản thân chúng ta, nếu biết chốc lát mình sẽ ngủ lại và cũng mộng nữa thì thích mộng lành

hay mộng dữ? Tuy là mộng, song chúng ta vẫn thích mộng lành chứ không ai muốn mộng dữ. Cũng vậy, tuy biết thân này và cảnh vật ở đời sau không thật, nếu chưa nhận ra *cái thật* và chưa giải thoát, chúng ta vẫn thích có thân tạm đời sau tốt, dễ tu hơn. Nếu có thân không thật mà xấu như thân nga quý, súc sanh, quá si mê khổ sở thì khó tu. Thế nên người trí phải biết chọn mộng lành tránh mộng dữ, tức là tạo nghiệp lành không tạo nghiệp ác.

Âm:

Long vương! Nhữ quán Phật thân, từng bá thiên ức phước đức sở sanh, chư tướng trang nghiêm, quang minh hiển diệu, tế chư đại chúng, thiết vô lượng ức Tự Tại Phạm vương, tất bất phục hiện, kỳ hữu chiêm ngưỡng Như Lai thân giả, khởi bất mục huyển.

Dịch:

Này Long vương! Người xem thân Phật do trăm ngàn ức phước đức sanh ra các tướng trang nghiêm, hào quang nhiệm mầu sáng chói, che cả đại chúng, dù cho (hào quang) vô lượng ức trời Phạm vương cũng không thể hiện được. Không ai chiêm ngưỡng thân của Như Lai mà không chóa mắt.

Giảng:

Đức Phật nói với Long vương: Sở dĩ thân Phật có tướng tốt trang nghiêm là do vô lượng phước đức ngài đã tạo trong vô lượng kiếp. Hào quang của Phật sáng chói che khắp cả đại chúng, dù cho hào quang của muôn ức vị trời Phạm vương chiếu sáng cũng bị hào quang của

Phật che lấp, không sánh bằng. Như vậy, ai thấy thân tướng trang nghiêm, hào quang sáng chói của Phật, cũng chiêm ngưỡng nhìn hoài không chán, không chớp mắt.

Âm:

Nhữ hựu quán thử chư đại Bồ-tát, diệu sắc nghiêm tịnh, nhất thiết giai do tu tập thiện nghiệp phước đức nhi sanh.

Dịch:

Người hãy xem các vị đại Bồ-tát đây sắc diện nhiệm mầu, trang nghiêm thanh tịnh. Tất cả (tướng tốt ấy) đều do tu nghiệp thiện mà được phước đức như thế.

Giảng:

Trước hết Phật nói tướng tốt của thân Phật trang nghiêm, toàn chúng không ai sánh kịp, tướng tốt ấy là do phước đức tạo nên. Kế đó Phật chỉ các vị đại Bồ-tát, mỗi vị đều có tướng tốt trang nghiêm cũng do tu các nghiệp lành mà được. Như vậy, Phật dẫn chúng từ trên lần lần xuống.

Âm:

Hựu chư thiên long bát bộ chúng đẳng, đại oai thế giả, diệc nhân thiện nghiệp phước đức sở sanh.

Dịch:

Lại nữa, các hàng trời, rồng... (bát bộ) có oai thế mạnh mẽ to lớn cũng do nhân tu nghiệp lành mà được phước báo như thế.

Giảng:

Tóm lại, trên là chư Phật, kế đó là các vị Bồ-tát, rồi đến chư thiên, long vương v.v... đều do tu nghiệp lành mà được phước có thân tướng tốt trang nghiêm đầy đủ oai thế lớn.

Âm:

Kim đại hải trung, sở hữu chúng sanh, hình sắc thô bỉ, hoặc đại hoặc tiểu, giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm tác thân ngũ ý chư bất thiện nghiệp, thị cố tùy nghiệp, các tự thọ báo.

Dịch:

Nay các chúng sanh ở trong biển cả, hình sắc thô xấu, lớn, nhỏ, đều do các thứ tướng niệm của tự tâm gây ra những nghiệp bất thiện nơi thân, ngũ, ý và tùy theo chỗ tạo nghiệp mà thọ quả báo.

Giảng:

Tới đây Phật nói xuống thấp: Những chúng sanh ở trong biển cả như tôm cá có hình tướng xấu xa, con thì quá lớn, con thì quá nhỏ đều do tâm niệm của mỗi loài tạo nghiệp bất thiện nơi thân, miệng, ý và do tạo nghiệp bất thiện sai biệt, nên mỗi loài chịu quả báo xấu cũng khác nhau như thế.

Chúng ta thấy Phật dạy rõ ràng thân tốt đẹp trang nghiêm, thân xấu xa thô kệch đều do nghiệp mà ra, thân tốt do nghiệp, thân xấu cũng do nghiệp. Nghiệp lành thì thân hình tốt đẹp, nghiệp ác thì thân hình xấu xa. Như vậy,

thành Phật do từ nghiệp lành mà được, thành Bồ-tát cũng do nghiệp lành mà được... Cho nên ở trước tôi nói kinh Thập Thiện là gốc, chư Phật, chư Bồ-tát, chư Tỳ-kheo đều do làm lành mà được. Và kinh Thập Thiện cũng là gốc của bát bộ chúng: thiên, long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già đều do tạo nghiệp thiện được quả báo sanh lên cõi trời. Còn các loài chúng sanh khác như tôm, cá... có thân hình thô xấu cũng do nghiệp ác mà ra. Những nghiệp lành sẽ được giải thích từng nghiệp ở sau.

Đây Phật nêu lên điểm căn bản là người tu hành thấy rõ một bên nghiệp thiện đưa tới quả báo tốt là được an vui sung sướng, một bên nghiệp ác đưa đến quả báo xấu bị khổ đau. Ngài khuyên chúng ta thường xuyên quán xét biết rõ nghiệp của mình để tự sửa, tránh xa nghiệp ác, thường tạo nghiệp lành để tội lỗi dần dần hết, phước đức trí tuệ càng ngày càng tăng trưởng.

Âm:

Nhữ kim thường ứng như thị tu học, diệt linh chúng sanh liễu đạt nhân quả, tu tập thiện nghiệp. Nhữ đương nhân thử chánh kiến bất động, vật phục đọa tại đoạn thường kiến trung! Ư chư phước điền hoan hỷ kính dưỡng, thị cố nhữ đẳng diệt đắc nhân thiên tôn kính cúng dường.

Dịch:

Nay người như thế mà tu học và khiến cho chúng sanh thấu rõ nhân quả, tu tập nghiệp lành.

Người nên nương nơi chánh kiến bất động, chớ dựa vào trong tà kiến đoạn thường. Đối với các bậc phước điền nên vui vẻ cung kính cúng dường, thì các người cũng được người trời tôn trọng cung kính cúng dường.

Giảng:

Đến đây Phật dạy Long vương tu tập. Như trước đã nói: Biết rõ nghiệp báo thiện ác do mình tạo, nếu tạo nghiệp lành thì thân tướng tốt đẹp trang nghiêm, tạo nghiệp ác thì thân hình xấu xa. Khi biết như thế rồi nên tạo nhân lành để được quả tốt, chớ tạo nhân ác mới thì sẽ được an vui. Chúng ta muốn biết nhân đời trước của mình ra sao, thì mỗi người phải tự xét hoàn cảnh, tướng mạo của mình hiện tại, thì sẽ biết đời trước mình đã tạo nhân lành hay dữ. Đức Phật lại bảo Long vương phải dạy chúng sanh hiểu thấu lý nhân quả, để tu tạo nghiệp lành. Đồng thời Phật nhấn mạnh với Long vương là, khi đã hiểu tường tận lý nhân quả thì được chánh kiến không lay động. Chánh kiến không lay động là sao? Giáo lý Phật nói rằng: Người hiểu rõ lý nhân quả thì tin sâu nhân quả, tin sâu lý nhân quả là có chánh kiến, ngược lại thì rơi vào tà kiến đoạn và thường.

Thế nào là chánh kiến, thế nào là tà kiến?

Phật nói hiểu lý nhân quả là chánh kiến. Tức là biết tất cả mọi hành động lành hay dữ của mình sẽ kết tụ quả báo tốt hay xấu cho mình. Thế nên gọi thân này là tổng báo, tức là quả báo chung của đời trước. Đời trước có khi làm lành có khi làm dữ, nên thân này có khi được

an ổn vui vẻ, có lúc bị tai họa khổ đau. Khi đã biết thân tổng báo này chịu ảnh hưởng nghiệp đời quá khứ, thì hiện tại nỗ lực tu hạnh lành, để chuyển những nghiệp xấu trước nhẹ bớt. Thấy biết như thế là chánh kiến.

Hiện tại có một số người mệnh danh tu theo đạo Phật, mà không có chánh kiến, lại ôm ấp tà kiến hoặc thường hoặc đoạn. Có người tu mà nghĩ rằng mình có một linh hồn không đổi thay, trường cửu không mất, thân này chết đi, đời sau có thân khác. Giống như áo này cũ thay áo khác, mình vẫn là mình. Thí dụ ông A chết rồi sanh ra cũng là A. Tin linh hồn mình không bao giờ thay đổi, đời đời vẫn không mất. Tin như vậy đạo Phật gọi là thường kiến. Lại có người cho rằng thân này do tứ đại hợp lại mà thành, sau khi chết tứ đại rã tan, không còn gì hết. Chấp như vậy gọi là đoạn kiến. Cả hai kiến chấp đó Phật không thừa nhận. Người chấp một trong hai điều đó là bệnh. Vì nếu tin linh hồn vẫn còn mãi thì việc làm lành làm ác đối với họ vô nghĩa, làm lành cũng phí công vô ích không kết quả gì, làm ác cũng không có thiệt hại gì, mặc tình muốn làm gì thì làm không sợ tội lỗi. Còn cho rằng chết sẽ hết thì việc làm lành hay làm dữ đối với họ cũng như trò chơi, nên không trọng việc lành không sợ việc ác, rồi mặc tình làm việc tội lỗi.

Người tu theo đạo Phật thấy lý nhân quả tường tận, biết làm lành thì được sanh lên ba đường thiện là trời, người, a-tu-la, làm dữ thì đọa xuống ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như vậy, mọi chúng sanh đi lên hay đi xuống, tùy theo nghiệp thiện hay ác mà đi đến chỗ sướng hay khổ khác nhau.

Trong hội này: Phật, Bồ-tát, A-la-hán, Long vương cho đến binh tâu tướng cả... đều có tướng sai biệt là do nghiệp nhân thiện hay ác mà thành tựu. Hiện tại chúng ta còn phàm phu nghe Phật nói như thế thấy khó hiểu khó tin, nên thắc mắc Phật cũng là người tại sao thân Phật có tướng tốt trang nghiêm, hào quang sáng chói như vậy? Các vị khác cũng mang thân người mà tại sao thân hình thô kệch xấu xa?

Phật dạy: Thường kiến và đoạn kiến là sai lầm, người tu Phật không nên chấp như thế, mà phải có chánh kiến. Chánh kiến là sao? Có phải chết rồi không mất hắc, mà cũng không còn một linh hồn bất biến bất diệt không? Đạo Phật chủ trương như vậy khó hiểu quá, không thừa nhận hai bên. Chúng ta phải hiểu như thế nào? Theo Duy thức học thì *thức A-lại-da ở nơi mỗi người hằng chuyển như bực lưu*. Hằng là thường, mãi mãi; chuyển là đổi thay, xê dịch; bực lưu là dòng nước chảy. Thức A-lại-da tuy thường còn nhưng biến đổi không dừng, giống như dòng nước chảy. Trong kinh A-hàm có đoạn ghi vua Ba-tư-nặc đến hỏi Phật:

- Như Lai dạy tạo nhân là phải thọ quả, và cũng dạy thân năm uẩn này không có thật ngã. Vậy con người không có thật ngã thì khi tạo nghiệp ai chịu quả báo?

Phật thí dụ:

- Có một gia đình sanh một đứa con trai và một gia đình sanh một đứa con gái. Hai gia đình ấy bèn đính ước sui gia. Lúc hai đứa bé lên tám tuổi, hai gia đình ấy có những đổi thay trong cuộc sống, nên ở cách xa nhau

không có dịp qua lại. Khi hai đứa bé lớn khôn đúng mười tám tuổi, chàng trai tìm đến chàng gái để cưới, nhưng người con gái đã có chồng. Bên nhà trai kiện, xin vua xử.

Người con trai thưa rằng:

- Cô gái này đã hứa hôn với chúng tôi rồi, nay ông kia cưới cô, coi như đã cướp vợ người.

Người bị kiện trả lời:

- Khi tôi cưới cô gái, lúc cô ấy mười tám tuổi, chứ tôi không cưới cô gái tám tuổi mà nhà ông đã hứa hôn.

Phật hỏi Vua:

- Bị kiện như thế, thì Đại vương xử thế nào?

Vua không đáp được. Phật giải thích:

- Nếu rời cô gái tám tuổi khi xưa, không có cô gái mười tám tuổi bây giờ. Song nói cô gái tám tuổi khi xưa và cô gái mười tám tuổi bây giờ là một thì không đúng. Vì đúng về mặt thực tế, trước và sau vẫn là con người đó, nhưng có biến chuyển. Nếu không có biến chuyển thì không đúng. Vì cô bé tám tuổi đứng cao chừng một mét và nặng chừng hai ba chục ký, còn cô gái mười tám tuổi cao tới mét rưỡi hay mét sáu, nặng khoảng bốn năm mươi ký. Đó là hình vóc quá sai biệt, về tâm tư của đứa bé tám tuổi và cô gái mười tám tuổi cũng đổi thay. Vậy thì làm sao nói đứa bé tám tuổi và cô gái mười tám tuổi là một được? Nhưng cũng không nói là hai được. Tuy có biến chuyển mà vẫn không có người thứ hai thay thế, song nói cố định trước sau là một cũng không được.

Đó là chỗ thật tế nhị. Đạo Phật thuyết minh lý vô ngã, cho rằng thân năm uẩn không có ta thật, tùy theo nghiệp lành hay dữ mà chuyển thành tốt hay xấu. Thí dụ hiện tại, người tật nguyên nghèo khổ biết tu hiền tạo nghiệp lành thì sau sanh ra sẽ được thân tướng lành lặn tốt đẹp khác hơn xưa. Nếu nói mình ngày nay là A, ngày sau vẫn là A, điều đó không đúng. Ngày nay là A với cha mẹ này, với hoàn cảnh này, ngày sau sanh ra với tên khác, với cha mẹ khác, với hoàn cảnh khác, không cố định trước sau là một, cũng không phải mất hẳn. Nếu mất hẳn thì thuộc đoạn kiến, còn mãi trước sau như một là thường kiến. Đó là chỗ quý Phật tử phải hiểu cho sâu, kéo lạc vào thường kiến hoặc đoạn kiến.

Phật nói như thế là chỉ lẽ thật, chứ không phải đem luân lý dạy đời. Chúng ta tự xét bản thân mình sẽ thấy, lúc mười tuổi và bây giờ ba bốn mươi tuổi tâm sinh lý có giống nhau không? Lúc mười tuổi thì ngây thơ khờ khạo, bây giờ ba bốn mươi tuổi thì khôn ngoan lịch lăm, đó là tâm tư thay đổi. Còn thể xác cũng vậy, khi trẻ thì khỏe mạnh ăn ngon ngủ dễ, lúc già thì yếu đau ít ăn khó ngủ, khi trẻ khác khi già khác, đổi thay không cố định. Chính bản thân mình ngay cuộc sống hiện tại mà còn đổi thay từ cơ thể đến tâm tư như vậy, thì đời vị lai làm sao mình không thay đổi? Tuy thay đổi mà không mất. Vì vậy Phật nói hiện tại con người đổi thay và vị lai cũng thay đổi. Nếu hiện tại thay đổi mà nói vị lai không thay đổi là chuyện vô lý. Hiểu được lý hằng chuyển thì hiểu được sự thay đổi hai chiều, chiều tiến của nghiệp lành và chiều thoái của nghiệp dữ. Phật vạch cho

chúng ta thấy rõ hai chiều, rồi mình tự chọn lựa, muốn tiến thì tạo nghiệp lành, muốn thoái thì tạo nghiệp ác. Cũng như nhà nông làm ruộng, gieo giống lúa thì lên cây lúa, gieo giống cỏ thì lên cây cỏ. Gieo giống gì thì lên cây ấy, tuy nhiên sau khi gieo giống còn phải chăm sóc phân nước đúng mức thì cây mới tốt tươi, ngược lại bỏ bê thì cây bị hư hoại. Lý nhân quả của đạo Phật chỉ thẳng động tác (nghiệp) lành hay dữ của thân miệng và ý, để mọi người tự do quyết định lựa chọn cho cuộc sống của mình ở hiện tại và tương lai. Nên nhớ sau khi chết, nếu còn luân hồi là còn với dạng thức khác, chứ không còn như xưa. Nếu như xưa là rơi vào lỗi thường kiến, nếu mất hẳn là rơi vào lỗi đoạn kiến, trái với chủ trương của đạo Phật.

Nhờ hiểu được lý nhân quả, nên đối với những bậc được coi là ruộng phước thì siêng năng vui vẻ cúng dường. Ruộng phước có nhiều thứ: cha mẹ là ruộng phước của người con hiếu thảo; những người tu hành chân chánh là ruộng phước của hàng Phật tử tại gia; những trẻ mồ côi, người nghèo đói, bệnh tật là ruộng phước của người tu hạnh bố thí. Người Phật tử tại gia xây chùa, tạc tượng in kinh, cúng dường tứ sự cho tăng ni an ổn tu hành, để duy trì Phật pháp là đã gieo giống tốt vào ruộng phước. Người con hiếu thảo cung kính dưỡng nuôi an ủi... cha mẹ là đã gieo giống tốt vào ruộng phước. Người giàu lòng nhân ái giúp đỡ cung cấp cơm gạo thuốc men... cho trẻ mồ côi, người nghèo đói, bệnh tật... là đã gieo giống tốt vào ruộng phước.

Đối với những ruộng phước vừa nêu, Phật dạy chúng ta phải vui vẻ siêng năng cúng dường. Nếu hiện tại chúng ta gieo giống vào những phước điền vừa kể, thì vị lai chúng ta cũng được chư thiên vui vẻ cúng dường như vậy. Chúng ta muốn mai sau được cái gì thì ngay bây giờ phải làm cái ấy. Chẳng hạn muốn sau này dạy học, ngay bây giờ phải học cho giỏi, sau mới dạy học được. Hoặc muốn sau này làm thợ mộc, ngay bây giờ phải học cưa, bào, đục, đẽo v.v... thì sau này mới làm thợ mộc được. Không có việc gì trước không gieo nhân sau lại có quả.

Thế nên Phật dạy muốn được phước báo là phải cúng dường. Cúng là cung cấp, dường là nuôi dưỡng, cúng dường là cung cấp nuôi dưỡng cho người được sống. Thông thường nói đến cúng dường là phải thành kính. Song nói thế có người thắc mắc: Đối với cha mẹ, Sa-môn thì thành kính là phải, nhưng đối với kẻ nghèo đói, bệnh tật, trẻ mồ côi là kẻ thấp kém hơn mình, làm sao thành kính? Đối với người nghèo đói, bệnh tật, trẻ mồ côi, chúng ta cung cấp nuôi dưỡng họ, mà không khinh khi xem thường, đó là chúng ta đã thể hiện lòng thành kính rồi. Chữ cúng dường nghĩa rất rộng, không hạn cuộc ở chùa mà bao hàm cả gia đình, xã hội, quốc gia, quốc tế. Đó là những ruộng phước, quý Phật tử muốn tạo phước thì hướng vào đấy mà tạo.

Âm:

Long vương đương tri: Bồ-tát hữu nhất pháp, năng đoạn nhất thiết chư ác đạo khổ. Hà đẳng vi nhất?

Vị ư trú dạ thường niệm tư duy quán sát thiện pháp, linh chư thiện pháp niệm niệm tăng trưởng, bất dung hào phân bất thiện gián tạp, thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, thiện pháp viên mãn, thường đắc thân cận chư Phật, Bồ-tát cập dư Thánh chúng.

Dịch:

Long vương nên biết: Bồ-tát có một pháp, hay đoạn dứt tất cả khổ trong đường ác. Pháp đó là gì? Là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ, quán sát pháp lành, khiến cho các pháp lành mỗi niệm mỗi niệm tăng trưởng, không để mảy may pháp bất thiện xen lẫn, đó là khéo làm cho các pháp ác dứt hẳn, pháp thiện viên mãn thì thường được gần gũi chư Phật, chư Bồ-tát và hàng Thánh chúng khác.

Giảng:

Đoạn này Phật dạy cho chúng ta thấy rõ việc làm của các vị Bồ-tát. Bồ-tát là hàng có trí tuệ hằng tỉnh giác, tự giải khổ cho mình và giúp chúng sanh thoát khổ. Thế nên nói Bồ-tát có một pháp, hay đoạn dứt các điều khổ trong đường ác. Pháp đó là gì? Là pháp ngày đêm luôn luôn nhớ các việc lành, không để mảy may pháp ác dấy khởi. Chỉ một bề nhớ nghĩ pháp lành, thì pháp lành mỗi ngày mỗi tăng trưởng, cho đến khi viên mãn sẽ được gặp Phật, Bồ-tát và Thánh chúng. Ngược lại cả ngày cứ khởi niệm ác, sẽ rơi vào đường ác.

Phật dạy cho chúng ta thấy, tu là tu ngay tâm niệm của mình, phải thấy rõ từng tâm niệm, để trưởng dưỡng

niệm lành đoạn dứt niệm ác. Giả sử người làm việc từ thiện, khi làm lại toan tính mưu này kế nọ để thủ lợi, thử hỏi việc làm đó có thiện chưa? Nhiều khi có người ra làm việc lành với danh nghĩa nào đó, hoặc cầu danh cầu lợi. Việc làm lành không phát xuất từ tâm lành, nên kết quả không như ý, rồi thấy nhân quả trái nhau. Đó là việc làm không đúng với lý nhân quả Phật đã dạy. Phật dạy tâm chúng ta phải luôn nhớ nghĩ điều lành, hễ có niệm ác dấy khởi là phải đoạn dứt. Việc lành chúng ta làm, phải thật sự phát xuất từ tâm niệm lành. Nếu hành động lành mà tâm niệm không lành thì không đúng. Thế nên chúng ta phải chọn lựa ngay nơi tâm niệm, niệm ác thì đoạn dứt, niệm lành thì nuôi dưỡng cho thêm lớn, rồi thể hiện ra ngoài việc làm, mới là người tu chân chánh.

Âm:

Ngôn thiện pháp giả, vị nhân thiên thân, Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề, Vô thượng Bồ-đề, giai y thử pháp, dĩ vi căn bản, nhi đắc thành tựu, cố danh thiện pháp.

Dịch:

Pháp lành là thân của người, trời, giác ngộ của Thanh văn, giác ngộ của Độc giác, giác ngộ của Phật đều nương nơi pháp này làm căn bản mà được thành tựu, nên gọi là pháp lành.

Giảng:

Pháp lành là pháp Thập thiện giúp cho chúng sanh tu, đời sau được sanh thân làm người tốt đẹp, hoặc sanh lên cõi trời được sung sướng. Hoặc người hiểu

Thập thiện rồi, tu theo pháp Tứ đế thì chứng Tứ quả Thanh văn. Hoặc người nào hiểu Thập thiện rồi, tu theo pháp Thập nhĩ nhân duyên thì chứng quả Duyên giác. Hoặc người hiểu Thập thiện rồi, tu theo Lục độ vạn hạnh, công phu viên mãn thì chứng quả Phật. Vì vậy nói Bồ-đề của Thanh văn, Bồ-đề của Duyên giác, Bồ-đề của Phật đều nương nơi pháp này mà được, lấy pháp Thập thiện làm gốc. Thập thiện là nền tảng căn bản của đạo Phật. Từ quả vị người, trời, cho đến Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Phật đều lập cước trên nền tảng này. Nếu nền tảng căn bản vững, mới hội đủ điều kiện để tiến. Ngược lại nền tảng căn bản không vững thì khó bề thành tựu được những quả vị trên.

Âm:

Thử pháp tức thị Thập thiện nghiệp đạo. Hà đẳng vi thập? Vị năng vĩnh ly sát sanh, thâm đạo, tà hạnh, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến.

Dịch:

Pháp này là con đường mười nghiệp lành. Những gì là mười? Là hằng lìa dứt sát sanh, trộm cướp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến.

Giảng:

Ở đây giải thích mười điều lành là hằng lìa dứt nghiệp sát sanh, trộm cướp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến. Chỉ kể tên mười điều lành, nghe hơi khó hiểu, sau đây tôi giảng từng điều cho quý vị hiểu.

1. *Không sát sanh*: Người cư sĩ tại gia mới tu, trước hết là không giết người. Chẳng những tự thân mình không giết người, mà miệng cũng không xúi bảo người giết và ý cũng không vui thích khi nghe người giết nhau. Quý vị thấy giữ một giới không giết người có dễ không? Thân không giết thì dễ rồi, miệng không bảo người giết cũng có thể giữ được. Nhưng ý không giết thì khó, vì nếu kẻ đó là người gây cho mình nhiều khổ đau, khi nghe họ chết thì mình cảm thấy vui. Đó là ý giết người. Thế nên ý giết người khó tránh. Người nào gây khổ đau cho mình, khi nghe họ bị hại, mình không khởi tâm vui mừng mà lòng cảm thấy thương xót, như thế mới thật là giữ giới không giết người. Đó là nấc thang thứ nhất của người tu. Tu như vậy cũng chưa đủ vì chỉ được quả đời sau không bị người giết. Thế nên phải tu thêm nữa, là đối với những con vật lớn như trâu, bò, heo, chó... cũng không giết.

Giới không sát sanh bao hàm từ thô đến tế. Tùy khả năng của mỗi người, có người chỉ giữ được không giết người. Người khá hơn thì giữ thêm, không giết những con vật lớn như trâu, bò, heo, dê... đó là tiến được một tầng nữa. Không giết người thì được quả báo đời sau sanh thân người, an ổn không bị người giết. Nếu giữ thêm không giết loài vật thì phước báo thêm lớn, có thể sanh lên cõi trời. Nhưng nghiệp sát vẫn còn đối với những vật nhỏ như gà, vịt, cá, tôm... Vì vậy mà chưa dứt sạch mầm giết hại, nên vẫn còn sanh đi tử lại, để đền bù mạng sống của chúng sanh, chứ chưa thoát ly sanh tử. Chừng nào dứt hết nghiệp sát, cho đến con dế, con trùng, con muỗi... vẫn một lòng thương xót không giết hại thì mới

giữ được giới sát viên mãn. Chỗ này phải hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát mới thực hiện được. Quý vị thấy, chỉ một giới thôi mà hành động có khác. Do hành động giữ giới khác nên quả báo cũng khác. Một giới mà chúng ta có thể thành người, cũng một giới đó mà chúng ta có thể thành trời, cũng một giới đó mà chúng ta có thể thành A-la-hán thành Bồ-tát...

Như thế quý vị đừng nghĩ “tôi thọ năm giới là có giữ giới sát rồi!”. Mới nghe thì thấy giản dị dễ dàng, nhưng giữ cho trọn vẹn phải hàng La-hán, Bồ-tát... mới giữ nổi. Các vị La-hán, Bồ-tát giữ giới sát chẳng những nơi thân nơi miệng, mà nơi ý nữa. Các ngài không còn tâm niệm sát hại, từ người đến thú lớn như trâu, bò... thú nhỏ như kiến, muỗi... một lòng thương xót và tôn trọng mạng sống của chúng sanh. Nếu thấy người giết dù là loài vật nhỏ như cá, tôm... cho đến trùng, kiến... mà sanh lòng vui thích, là còn chủng tử sát hại nơi tâm niệm. Như vậy là giữ giới chưa trọn vẹn. Giữ giới trọn vẹn viên mãn chỉ có bậc Thánh mới giữ được. Còn hàng phàm phu chúng ta chỉ giữ được phần thô chứ phần tế chưa giữ nổi.

2. *Không trộm cướp*: Không trộm cướp cũng giữ từ thô đến tế. Hàng cư sĩ tại gia giữ giới không trộm cướp là không lấy của người khi chủ nó không cho. Cho đến tiền của, súc vật, cây cỏ... chủ không cho mà tìm cách lừa gạt để thuộc về mình, đều gọi là trộm cướp.

3. *Không tà hạnh*: Người cư sĩ tại gia khi đã có gia đình chỉ một chồng một vợ, tình cảm không đổi thay, không lang chạ với những người nữ người nam khác.

Còn người xuất gia là phải sống độc thân giữ phạm hạnh, không được dâm dục.

Không sát sanh, không trộm cướp, không tà hạnh là ba nghiệp lành của thân.

4. *Không nói dối*: Nói dối là chuyện có nói không, chuyện không nói có, nói trái với sự thật để mưu cầu quyền thế danh lợi... cho mình. Ngược lại, nói đúng với sự thật là không nói dối. Trong giới không nói dối có những trường hợp châm chước, chẳng hạn nói trái với sự thật để cứu người cứu vật thì không phạm. Nói dối đó là vì lòng từ bi làm lợi ích cho người vật, chứ không phải vì lòng tham. Phật dạy không nói dối mà phải nói lời chân thật.

5. *Không nói hai lưỡi*: Nói hai lưỡi là nói chia lìa giữa hai người thân nhau. Thí dụ trong gia đình, hai anh em đang thuận hòa. Có người nói với người em: “Anh chú nói chú là người tham lam, háo danh, háo lợi...” rồi tới người anh nói: “Em chú nói chú là người điêu ngoa xảo trá...” Hai anh em nghe nói thế, buồn lòng bất hòa nhau. Đó là nói hai lưỡi. Trong phạm vi gia đình xã hội thì gọi là nói hai lưỡi. Rộng đến quốc gia quốc tế dùng trong lãnh vực chính trị thì gọi là nói ly gián. Phật dạy không nên nói hai lưỡi mà phải nói thuận hòa.

6. *Không nói lời hung dữ*: Là không nói lời ác như nói thô tục, mắng nhiếc, chửi bới, trù rửa... người. Do ác khẩu đưa đến đánh đập chém giết lẫn nhau, gây đau khổ cho nhau từ gia đình đến xã hội... Vì vậy Phật dạy phải nói lời hiền thiện ôn hòa hằng xa lìa lời nói ác.

7. *Không nói lời trau chuốt*: Nói trau chuốt là nói bóng bẩy, ngoa mị không trung thực, nói cốt để lừa bịp người thủ lợi cho mình. Hoặc nói để mê hoặc người đi vào vòng tội lỗi. Phật dạy không nên nói trau chuốt, phải tránh xa, mà nên nói lời ngay thật.

Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời hung dữ, không nói lời trau chuốt là bốn nghiệp lành của miệng, người tu theo Phật phải thực hành.

8. *Không tham dục*: Tham dục là ưa thích say mê thụ hưởng năm món dục lạc ở thế gian như tài, sắc, danh, thực, thù (tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ). Ngũ dục tế hơn là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nghĩa là những hình tướng nhan sắc đẹp mà người mê đắm gọi là tham sắc. Những âm thanh êm ái du dương, người tham đắm gọi là tham thanh. Những hương thơm, người tham đắm gọi là tham hương. Những vị ngon ngọt béo... người tham đắm gọi là tham vị. Những xúc chạm êm ái, người tham đắm gọi là tham xúc. Vậy năm dục thô hay tế mà người mê đắm gọi là tham dục. Bảy pháp thiện trên tương đối dễ, chúng ta có thể làm được, tới pháp thiện thứ tám chúng ta thấy khó làm, vì nó vi tế thuộc về tâm. Cho nên đối với năm dục người nào không tham tài thì tham sắc, người nào không tham sắc thì tham danh, người nào không tham sắc không tham danh thì tham thực, thích ăn ngon, người nào không tham tài, sắc, danh, thực thì tham thù, thích ngủ nghỉ, ngủ li bì. Trong năm món đó ít ai tránh khỏi, không kẹt cái này thì cũng kẹt cái kia. Mới nghe nói không tham

thấy như dễ, vì thấy rằng tôi đâu có ăn cướp ăn trộm của ai, tôi giữ được. Nhưng đó chỉ là phần thô của tham tài, còn phần tế thì chưa giữ được.

Thế nên giới không tham, chúng ta chỉ dứt được một hai điều, chứ chưa dứt sạch. Nếu dứt sạch là đã vào bậc Thánh. Người nào dứt được phần tham thô, còn phần tham tế cũng được làm người trời rồi. Song muốn tu tiến hơn nữa là phải bớt tham, bắt đầu từ một món cho đến năm món là chúng quả Thánh.

9. *Không sân giận*: Sân nhuế là nóng giận, đối với cảnh vừa ý sanh lòng vui thích đắm mê, đối với cảnh trái ý nghịch lòng sanh tâm nóng nảy tức giận. Sân thô thì miệng la lối mắng chửi tay đánh chân đá. Tế hơn thì miệng không nói, tay chân không hoạt động, nhưng sắc mặt đỏ, trong lòng nóng nảy bực bội. Tế hơn nữa lòng không bực bội mà không vui. Đó là hiện tượng sân từ thô đến tế. Người tu hết sân là khi nào bị mắng chửi, hay bị đối xử tệ bạc, mà vẫn thản nhiên lòng không giận không buồn, lại khởi tâm thương cho người mê muội đang tạo tội lỗi. Tâm trạng này chỉ có Phật và Bồ-tát mới thực hiện được.

Vậy không sân giận tu tới bao lâu mới hết? Tu đến khi nào người đời đối xử tệ bạc hay mắng chửi, lòng không buồn giận mà vẫn tươi cười như đang uống nước cam lồ, thì chừng đó mới xong. Muốn được như vậy, thì từ cái sân thô là miệng la, tay đánh, chân đá... phải hạn chế từ từ, không cho tay chân hoạt động mỗi khi nổi nóng, rồi tới miệng không cho nói. Như vậy cấm từ tay, chân,

miệng, rồi đến tâm không giận không buồn. Ai đối xử tệ bạc hay mắng chửi, vẫn vui cười, tu như thế mới tiến bộ. Không ai dứt một lần được mà phải dứt từ thô đến tế như đã nói.

10. Không tà kiến: Tà kiến là thấy lệch tin lầm. Sở dĩ thấy lệch tin lầm là do si mê, thiếu trí tuệ mà ra. Nếu kể thì nhiều vô số, ở đây tôi chỉ nêu những việc căn bản và những lỗi Phật tử thường vấp phải. Như trước tôi đã đề cập thường kiến, tức là tin mình có một linh hồn sau khi chết còn hoài không mất. Và đoạn kiến thì tin rằng thân này do tứ đại hợp thành, sau khi chết tứ đại rã tan không còn gì hết. Đó là hai kiến chấp rất nặng của ngoại đạo đưa đến những cuộc khải chiến sôi nổi ở Ấn Độ thời đức Phật. Đây tôi không giải thích nữa, chỉ nói qua những tà kiến mà người Phật tử Việt Nam thường vấp phải. Như có nhiều người đau không uống thuốc, đi cầu Thánh mẫu, cầu Cô Cậu, cầu bà Thủy, bà Hỏa cho bùa phép uống, đeo để hết bệnh. Hoặc có cây sứ, cây đa bị mối hay kiến đục thành những lỗ chữ hay hình người, thì cho đó là thần thánh hiện, rủ nhau đến gốc cây thắp hương vái lạy, nguyện cầu thần thánh ban phước cho được bình an tai qua nạn khỏi. Hoặc trên không trung có cụm mây hay đám khói trắng giống hình người, hình rồng thì cho là Phật, Thánh hiện, rủ nhau ra chiêm ngưỡng đánh lễ v.v... Đó là những hành động do tà kiến mê tín. Trong kinh thường nói Phật tùy duyên hóa độ chúng sanh.

Nếu chúng sanh là chư thiên thì Phật dẫn sanh ở cõi trời để hóa độ. Nếu chúng sanh là loài người thì

Phật dẫn sanh ở cõi người để hóa độ. Nếu chúng sanh là loài rồng thì Phật giáng sanh ở cõi rồng để hóa độ v.v... Tóm lại, cần độ loài nào thì Phật giáng sanh vào loài đó để hóa độ. Ngài hành hạnh Bồ-tát sinh hoạt một cách bình thường, chứ không biến hiện những hình dáng kỳ lạ, làm những việc huyền bí để mê hoặc chúng sanh. Chúng sanh vốn đã si mê thì phải làm cho chúng sanh tỉnh sáng, dứt mê lầm, hết khổ đau, mới là từ bi. Nếu mê hoặc chúng sanh làm cho chúng sanh càng mê mờ thêm thì đâu phải hạnh từ bi của bậc Hiền thánh!

Lại nữa, có nhiều người xin xăm, coi tay, bói quẻ v.v... Đó là những nhận định sai lầm tầm thường mà đa số không bỏ được. Chúng ta đã biết Phật dạy do ba nghiệp lành mà sanh cõi người, cõi trời, cũng do ba nghiệp lành mà chứng quả Thanh văn, Bích-chi, Bồ-tát, Phật. Ngược lại do ba nghiệp dữ mà rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nên nhớ không có quả báo tốt hay xấu nào do bói quẻ coi tay tạo ra. Biết sai lầm mà bỏ không được cũng hóa ra tà kiến mê tín. Nghe kinh thì cũng hiểu mà sợ thì vẫn sợ, nên vẫn khổ. Như nghe thầy bói nói năm này tháng này xấu, trong lòng cứ bồn chồn lo lắng, cúng kiếng vái lạy đủ thứ. Đó là chưa có chánh kiến bất động như Phật dạy ở trước. Nếu người có chánh kiến bất động thì dù có gặp việc bức bách đến đâu, cũng vẫn bình thản không lo sợ. Chẳng hạn có ai nói ngày mai ông chết, chúng ta vẫn thản nhiên vì đã biết đời người ai cũng phải chết, hết duyên là thân phải rã, không rã sớm thì rã muộn, cầu cúng van vái rồi cũng phải chết nên không cầu. Nhược bằng ngày mai không chết thì thôi,

không lo buồn sợ sệt. Nếu nghe nói mình sắp chết lo sợ, chạy đi coi thầy, cầu cúng van vái xin cho khỏi chết, là tà kiến.

Ở trước, Phật dạy Long vương: *Ông phải nhớ chánh kiến bất động*. Người có chánh kiến tức là có lòng tin sâu chánh pháp thì không động. Chúng ta vì lòng tin đối với chánh pháp chưa vững, nên hay bị lay động. Người hay động là thiếu niềm tin đối với pháp Phật thì sự tu hành của mình làm sao được lợi ích? Thế nên người Phật tử phải có chánh kiến bất động.

Trong kinh A-hàm có ghi: Trưởng giả Úc-già khi gặp Phật, được Phật dùng nhiều phương tiện giáo hóa khai ngộ. Sau khi ông nghe được lý Tứ đế, dứt trừ mọi nghi hoặc, đối với Phật, đối với pháp ông đặt trọn vẹn niềm tin, không lay chuyển. Không tìm cầu một tôn sư nào khác, cũng không kiếm tìm một pháp môn nào khác. Lòng tin Phật pháp của ông rất vững không động lay. Sau khi Phật Niết-bàn ông phát nguyện bố thí lớn, trong lúc ông bố thí thì tàu buôn của ông bị đắm. Chư Tỳ-kheo ngại sản nghiệp của ông bị tiêu tán hết, nên cử tôn giả A-nan đến khuyên ông nên dừng cuộc bố thí. Trưởng giả Úc-già trả lời, ông hành pháp xả như thế dù cho của cải ông có khô cạn hết, cũng chỉ để làm tròn bản nguyện của ông, giống y như bản nguyện của vị Chuyển luân thánh vương.

Quý Phật tử có vị nào đặt niềm tin sâu vững đối với pháp Phật như trưởng giả Úc-già không? Tin sâu như vậy mới là chánh kiến bất động. Ngày nay có nhiều Phật tử

ham sống sợ chết, ham giàu sợ nghèo. Nếu có ai bày vẽ nên đến đền này miếu nọ, để cầu thần linh hộ mạng được sống lâu, cầu thần linh ban phước được giàu sang, thì họ không ngần ngại đến để cầu khẩn van vái. Vì vậy đạo Phật bị chê là mê tín. Pháp Phật dạy không có mê tín như thế, chỉ vì người mang danh Phật tử không có lòng tin bất động với chánh pháp, cứ chạy đến chỗ này van vái, chạy đến chỗ kia van xin, nên đạo Phật bị mang tiếng không tốt. Nếu người Phật tử chánh tín thì không bao giờ tin những sự việc xảy ra ngoài lý nhân quả. Mọi hiện tượng xảy ra đều do nhân quả, nhân tốt thì quả tốt, nhân xấu thì quả xấu. Nếu quả xấu thì can đảm chịu, nếu quả tốt thì vui vẻ nhận.

Đến đây tôi nói ra ngoài kinh Thập Thiện một chút để quý vị hiểu dễ tu. Trong luận Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất, tổ Bồ-đề-đạt-ma có dạy tu Báo oán hạnh, tức là người tu phải thực hành hạnh trả thù. Quý vị nghe người tu mà trả thù có ngạc nhiên không? Quý vị hãy nghĩ kỹ xem trả thù bằng cách nào? Ngài dạy khi gặp tai nạn đau khổ chúng ta phải nghĩ: Không phải tai nạn đau khổ ngẫu nhiên có, mà do đời trước mình tạo nghiệp ác, nên hôm nay quả thành tựu. Mình đã tạo nhân nay phải can đảm nhận quả, không than trời trách người. Khi hết quả xấu rồi thì hết khổ. Như vậy là Báo oán hạnh.

Nếu tai họa tới mà than trời trách người, thì đâu có hết nợ, oán càng thêm oán. Thí dụ trước kia ông Bát ăn ở méch lòng ông Thập. Sau ông Thập có quyền thế, ông trả thù làm cho gia đình ông Bát tan nát khổ đau. Như vậy là hai lần oán thù, lần thứ nhất ông Thập

oán thù ông Bát, lần thứ hai ông Bát oán thù ông Thập và bây giờ ông Bát đang chờ cơ hội trả thù ông Thập. Xử với nhau như vậy có hết thù không? Không. Thành ra trả thù mà trái lại gây thêm thù, oán thù chồng chất lên nhau không bao giờ hết. Tổ dạy *trả thù* là trả hết thù, không còn thù nữa, trả bằng cách quả đến thì can đảm chịu, không than không trách thì oán thù đau khổ không còn nữa. Đó là *trả thù* theo lý nhân quả. Người nào biết trả thù như thế thì oán thù nhất định sẽ hết. Không biết trả thù như vậy thì thù oán còn hoài, vì trả thù tức là gây thêm thù làm sao hết được? Tổ Đạt-ma dạy *trả thù* mà không gây oán nên thù không còn.

Quý vị xét người biết đạo lý tu hành, có ai muốn nghiệp nợ mình còn hoài không? Ai cũng muốn hết nợ nên phải trả, nhớ trả mà đừng vay nữa. Tai họa đến, lại tới miếu này đền nọ để van vái cầu cúng thì bao giờ mới hết nợ? Làm như thế là không dám trả, không dám trả là không hết nợ.

Tóm lại, Phật dạy chúng ta phải có chánh kiến, khi đã có chánh kiến rồi thì can đảm vui chịu mọi khổ đau xảy đến, không than không trách. Vì biết quả khổ đến là do mình tạo nhân xấu ở đời trước. Nếu trốn tránh hoặc than trách, hoặc vái lạy van xin cũng không hết tội, có khi lại thêm tội và tăng thêm tà kiến nữa là khác. Thế nên tổ Bồ-đề-đạt-ma dạy tu hạnh Báo oán để dứt thù dứt tội. Đó là hạnh thứ nhất.

Đến hạnh thứ hai là hạnh Tùy duyên. Ngài dạy chúng ta sanh ra đời được gặp những duyên tốt, làm ăn

đúng thời, giàu có, nhiều tiền của, ăn uống mặc đẹp sang cả. Phải nghĩ rằng: Do nghiệp lành đời trước mà mình được sanh chỗ tốt làm được việc tốt, nên mới được giàu sang sung sướng. Do duyên phước đời trước để lại ngày nay được hưởng thì không nên hưởng hết, nếu hưởng hết thì phải khổ, vì vậy phải tiếp tục gieo nhân lành luôn luôn không dừng. Đó là trường hợp thứ nhất. Đến trường hợp thứ hai là phải nghĩ ngày nay mình được giàu sang sung sướng là do duyên nghiệp lành đời trước nên không tự cao ngã mạn, không khinh khi người, vì không phải tài trí của mình. Trong không ngã mạn, ngoài lo làm điều tốt thì dễ tiến trên đường tu.

Tuy nhiên, cũng có người không thông lý nhân quả, làm ăn được phát đạt thì cho là may mắn, làm ăn bị thất bại thì cho là rủi ro. Đổ thừa may rủi là tà kiến. Chứ không biết do nghiệp lành đời trước nên nay mình nghĩ gì đúng nấy làm gì được nấy. Thế nên Phật nói do phước khiến cho con người hết khổ, muốn gì được nấy. Nghiệp ác làm cho người khổ, việc xảy ra thường trái ý mình, không được toại ý. Thế nên người có phước muốn gì được nấy, còn người vô phước thì muốn mà không được. Người không hiểu lý nhân quả đổ thừa cho may rủi là trốn trách nhiệm, tự cao ỷ tài khi làm được việc, oán trách khi thất bại. Thế nên người Phật tử chân chánh phải có nhận định đúng với đạo lý, lúc nào cũng biết không có việc gì ngẫu nhiên đến, mà do phước nghiệp đời trước, cho nên cố gắng làm lành để vun bồi thêm phước đức.

Âm:

Long vương! Nhược ly sát sanh, tức đắc thành tựu thập ly não pháp. Hà đẳng vi thập?

Nhất: Ư chư chúng sanh phổ thí vô úy.

Nhị: Thường ư chúng sanh khởi đại từ tâm.

Tam: Vĩnh đoạn nhất thiết sân nhuế tập khí.

Tứ: Thân thường vô bệnh.

Ngũ: Thọ mạng trường viễn.

Lục: Hằng vi phi nhân chi sở thủ hộ.

Thất: Thường vô ác mộng, tầm giác khoái lạc.

Bát: Diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải.

Cửu: Vô ác đạo bố.

Thập: Mạng chung sanh thiên.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tùy tâm tự tại thọ mạng.

Dịch:

Long vương! Nếu xa lìa sát sanh thì được thành tựu mười pháp không bức não. Những gì là mười?

- 1. Bố thí đức vô úy cùng khắp chúng sanh.*
- 2. Thường khởi lòng từ bi đối với chúng sanh.*
- 3. Dứt sạch tập khí giận hờn.*
- 4. Thân thường không bệnh.*

- 5. Mạng sống lâu dài.**
- 6. Thường được phi nhân ủng hộ.**
- 7. Thường không ác mộng, thức ngủ an vui.**
- 8. Diệt trừ oán kết, oán hận tự giải.**
- 9. Không sợ rơi vào đường dữ.**
- 10. Khi chết sanh lên cõi trời.**

Đó là mười. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật, được tùy tâm Phật, thọ mạng tự tại.

Giảng:

1. *Ư chư chúng sanh phổ thí vô úy*: Phàm sát sanh đi đôi với trộm cướp. Mọi người ai cũng trọng mạng sống mình, nếu có người muốn giết mình chết, mình tránh không cho họ giết, song họ vẫn tìm để giết. Như vậy mình không cho họ mạng sống mà họ vẫn tìm mình để giết. Đó là họ cướp mạng sống của mình. Loài vật cũng thế, khi người cầm dao muốn giết nó, nó không đưa cổ cho người giết, thế mà người dùng sức mạnh cột trời đè cổ nó để giết. Như vậy là người vừa sát sanh, vừa cướp mạng sống của loài vật. Nên nói sát sanh đi đôi với trộm cướp. Ngược lại không sát sanh thì không trộm cướp, lại còn bố thí đức *vô úy* cho mọi loài, khiến cho mọi loài được an ổn không sợ hãi. Người cũng như vật đều có mối giao cảm. Đối với người có tâm ác hay giết hại, thì người vật ở gần họ có cảm giác sợ sệt. Chẳng hạn như loài chim, thấy người cầm súng cầm cung là nó sợ bay đi nơi khác không dám tới gần. Còn với người có lòng từ không hại mạng nó

thì nó không sợ mà tới gần đậu trên vai trên tay. Loài người cũng vậy, đối với những kẻ hay giết hại thì người đời kinh sợ tránh xa. Với người hiền đức thì lân la thân thiện. Cho nên nói không sát sanh là bố thí đức vô úy (không sợ hãi) cho người.

2. *Thường ư chúng sanh khởi đại từ tâm*: Không sát sanh khởi lòng từ bi đối với chúng sanh bằng cách nào? Thí dụ có người đi đường thấy cá lóc lên bờ nằm. Người không giữ giới sát liền bắt cá đem về nhà kho nấu ăn cho ngon miệng. Đó là người sát sanh không có lòng từ bi đối với loài vật. Ngược lại, người giữ giới không sát sanh khi thấy cá mắc cạn, khởi lòng thương, sợ cá chết, bắt đem thả xuống ao hồ cho nó sống. Vì vậy mà nói do xa lìa nghiệp sát nên khởi lòng từ bi đối với chúng sanh.

3. *Vĩnh đoạn nhất thiết sân nhuê tập khí*: Do đoạn dứt nghiệp sát sanh nên dứt sạch tập khí sân giận nơi tâm (ý). Người còn muốn giết hại sanh mạng người vật là còn hung dữ, hung dữ là do nóng giận. Người không còn giết hại mạng sống người vật, lại khởi lòng thương là đã xa lìa được lòng nóng giận.

4. *Thân thường vô bệnh*: Người do không tạo nghiệp sát, nên được quả báo tốt không bệnh. Vậy ai hay đau yếu bệnh hoạn thì biết đời trước mình đã giết hại sanh vật nhiều, nên không than trách vì biết nhân mình đã tạo rồi giờ này thọ quả vậy.

5. *Thọ mạng trường viễn*: Do không sát sanh nên thọ mạng được lâu dài. Những người hiện đời sống lâu là do họ ít tạo nghiệp sát, do nhân không sát nên chiêu cảm được quả báo tốt.

6. *Hằng vi phi nhân chi sở thủ hộ*: Người không tạo nghiệp sát được phước báo, thường được phi nhân quý thần ủng hộ. Người này ở đâu cũng được bảo bọc gìn giữ an ổn không bị nhiễu hại.

7. *Thường vô ác mộng, tâm giác khoái lạc*: Người nào ngủ chiêm bao thường thấy mộng dữ như cọp rượt, rắn cắn v.v... thì biết đời trước tạo nhiều nghiệp sát. Người lúc thức thường được an vui, khi ngủ ít mộng寐, giấc ngủ yên lành thì biết đời trước thường xa lìa nghiệp sát sanh, nên mới được an lạc như vậy.

8. *Diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải*: Người không tạo nghiệp sát hại, chẳng những hiện tại không kết thêm thù oán với người vật, mà những oan trái oán thù đời quá khứ lần lần cũng hết.

9. *Vô ác đạo bố*: Không tạo nghiệp sát hại, thường được quả báo an lành, có đủ lòng tin với chánh pháp nên không sợ rơi vào đường ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

10. *Mạng chung sanh thiên*: Như trước đã nói người tu mười nghiệp lành thì được phước báo mạng chung sanh lên cõi trời.

Đó là mười công đức của người giữ giới không sát sanh hại vật. Trong mười nghiệp lành, chỉ tu một nghiệp không sát sanh mà kết quả được sanh lên cõi trời. Nếu biết hướng về quả Phật, thì sau khi thành Phật thọ mạng muốn kéo dài bao lâu tùy theo sở nguyện, đó là Ứng thân ở trong cõi đời không bị nghiệp lực chi phối bức bách, đến đi do nguyện lực.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly thâm đạo, tức đắc thập chủng khả bảo tín pháp. Hà đẳng vi thập?

Nhất: Tư tài doanh tích, vương tặc, thủy hỏa, cập phi ái tử, bất năng tán diệt.

Nhị: Đa nhân ái niệm.

Tam: Nhân bất khi phụ.

Tứ: Thập phương tán mỹ.

Ngũ: Bất ưu tổn hại.

Lục: Thiện danh lưu bố.

Thất: Xử chúng vô úy.

Bát: Tài, mạng, sắc, lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết.

Cửu: Thường hoài thí ý.

Thập: Mạng chung sanh thiên.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chứng thanh tịnh đại Bồ-đề trí.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu xa lìa trộm cướp thì được mười pháp bảo tín. Những gì là mười?

1. Của cải đầy đầy, vua, giặc cướp, nước lửa và con hư không thể phá hoại.

2. Nhiều người thương mến.

3. Người không khinh khi phụ bạc.

4. Mười phương khen ngợi.

5. Không lo sợ tổn hại.

6. Tiếng tốt đồn khắp.

7. Ở trong hội chúng không hề sợ hãi.

8. Của cải, sanh mạng, hình sắc, sức lực an vui, biện tài đầy đủ không thiếu.

9. Thường sẵn lòng bố thí.

10. Chết sanh lên cõi trời.

Đó là mười. Nếu biết hướng về đạo Vô thường Chánh đẳng Chánh giác, thì sau khi thành Phật, được chứng trí thanh tịnh đại Bồ-đề.

Giảng:

Phật nói người nào lìa nghiệp trộm cướp thì được mười pháp bảo tín (tin bảo đảm).

1. *Tư tài doanh tích, vương tặc, thủy hỏa, cập phi ái tử, bất năng tán diệt*: Phật dựa trên nhân mà nói quả. Nếu người trộm cướp phá hoại gia sản của người khác, thì chiêu cảm quả báo gia sản mình bị tiêu tán. Còn người không cướp phá gia sản của người khác, thì chiêu cảm quả báo tiền của nhà mình càng ngày càng sung túc. Dù cho vua ác, giặc cướp, nước lũ, lửa cháy, con bất hiếu cũng không thể làm cho tiêu tan được. Kinh Phật nói: Của cải vô thường là do năm duyên có trên làm cho tan hoại. Trong thời quân chủ, vua ra lệnh sung công tài sản của ai thì người ấy phải nộp, không trốn được, đó là nạn vua.

Tài sản mình cất giữ mà trộm cướp đến vây ngặt khủng bố cướp lấy, đó là nạn trộm cướp. Đang làm ăn sung túc, nhà cửa chắc chắn mùa màng tốt tươi bị một trận nước lũ, bão lụt cuốn trôi, trắng tay không còn gì cả, đó là nạn nước. Hoặc đang làm ăn phát đạt bị một cơn hỏa hoạn thiêu rụi hết nhà cửa của cải, chẳng còn món gì, đó là nạn lửa. Hay sanh phải đứa con bất hiếu, làm được bao nhiêu nó tiêu xài, phá hết bấy nhiêu, đó là nạn con bất hiếu. Người đương thời gia sản bị năm lý do trên làm tiêu tán, phải biết người đó trước không giữ giới không trộm cướp. Người đã xa lìa trộm cướp thì được quả báo tốt, hiện đời của cải không bị cướp phá, mà đời sau gia sản không bị tiêu hao tán diệt bởi năm lý do vừa kể ở trên.

2. *Đa nhân ái niệm*: Người không trộm cướp thì không đụng chạm tới quyền lợi kẻ khác nên được nhiều người yêu mến, thương tưởng.

3. *Nhân bất khi phụ*: Không cướp lấy của người thì được đức tánh không tham, nên người đời quý trọng, kính yêu không phụ bạc dối lừa.

4. *Thập phương tán mỹ*: Người không trộm cướp, không làm tổn hại tài sản của kẻ khác đó là người tốt, nên được mọi người khen ngợi, tán thán.

5. *Bất ưu tổn hại*: Không cướp lấy của người, nên không chiêu cảm quả báo mất của. Vì vậy mà không lo buồn về việc mất mát tổn hại tài sản.

6. *Thiện danh lưu bố*: Người không cướp đoạt, không lấy của phi nghĩa là người thanh bạch liêm sỉ nên được tiếng tốt đồn đi xa.

7. *Xử chúng vô úy*: Người không trộm cướp ở chỗ đông người không sợ sệt, vì tâm không có niệm bất chánh, hành động từ trước tới giờ lúc nào cũng đứng đắn liêm sỉ, không có những cử chỉ của người tham lam cướp của, nên không e ngại sợ sệt chi cả.

8. *Tài, mạng, sắc, lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết*: Người không trộm cướp, được quả báo tốt là của cải, mạng sống, sức lực đều được an ổn. Về mặt nói năng biện luận đầy đủ không thiếu sót.

9. *Thường hoài thí ý*: Người không có lòng tham, không trộm cướp của người, lại còn nuôi lòng bố thí, muốn giúp đỡ mọi người được đầy đủ sống no ấm, an vui hạnh phúc như mình.

10. *Mạng chung sanh thiên*: Người không trộm cướp được quả báo sau khi chết sanh lên cõi trời.

Đó là những quả báo tốt của người giữ giới bậc trung. Nếu muốn tiến thêm nữa là biết hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật thì sẽ chứng được trí thanh tịnh đại Bồ-đề. Chúng ta tu một điều lành hay đôi ba điều lành, điều lành nào cũng hướng về Phật quả, đến một ngày nào đó công đức viên mãn thì sẽ thành Phật. Ở đây tuy Phật dạy chúng ta tu Thập thiện bậc trung để được sanh lên cõi trời hưởng phước báo, nhưng nếu đi sâu hơn thì sẽ thấy mục đích cứu cánh mà Phật nhắm là dạy chúng ta tu hướng đến Phật quả, để khi thành Phật được trí tuệ rộng lớn như Phật.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly tà hạnh, tức đắc tứ chủng trí sở tán pháp. Hà đẳng vi tứ?

Nhất: Chư căn điều thuận.

Nhị: Vĩnh ly huyên trạo.

Tam: Thế sở xứng tán.

Tứ: Thê mặc năng xâm.

Thị vi tứ. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tướng phu ẩn mật tàng tướng.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu xa lìa tà hạnh thì được bốn pháp người trí ngợi khen. Những gì là bốn?

1. Các căn điều thuận.

2. Xa lìa rộn ràng.

3. Được đời khen ngợi.

4. Vợ (hay chồng) không bị xâm phạm.

Ấy là bốn. Nếu hay hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được tướng trạng phu ẩn mật tàng của Phật.

Giảng:

Phật dạy người không tà hạnh sẽ được bốn việc tốt như sau:

1. *Chư căn điều thuận*: Các căn trong thân người như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đầy đủ, điều thuận.

2. *Vĩnh ly huyên trạo*: Người không tà hạnh, thường sống đoan chánh trong cảnh thanh tịnh, nên hằng xa lìa chỗ ồn náo làm loạn động tâm trí.

3. *Thế sở xưng tán*: Người không tà hạnh thường có tư cách đứng đắn, đoan nghiêm, nên được mọi người quý trọng tán thán khen ngợi.

4. *Thê mạt năng xâm*: Người nam không tà hạnh khi cưới vợ thì được vợ có nết na đoan chánh, không bị người xấu dòm ngó xâm phạm tiết hạnh. Người nữ đoan chánh không tà hạnh khi có chồng cũng được người chồng đứng đắn không lang chạ.

Đó là bốn quả báo tốt của nhân không tà hạnh. Người tu muốn tiến hơn nữa, biết hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sẽ được tướng trạng phu ẩn tàng, là một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật. Đó là kết quả tốt của người giữ giới không tà hạnh.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly vọng ngữ, tức đắc bát chủng thiên sở tán pháp. Hà đẳng vi bát?

Nhất: Khẩu thường thanh tịnh ưu-bát hoa hương.

Nhị: Vi chư thế gian chi sở tín phục.

Tam: Phát ngôn thành chứng, nhân thiên kính ái.

Tứ: Thường dĩ ái ngữ an ủi chúng sanh.

Ngũ: Đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh.

Lục: Ngôn vô ngộ thất, tâm thường hoan hỷ.

Thất: Phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành.

Bát: Trí tuệ thù thắng vô năng chế phục.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chân thật ngữ.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu xa lìa vọng ngữ thì được tám pháp trời khen ngợi. Những gì là tám?

1. Miệng thường thanh tịnh thơm mùi hoa ưu-bát.

2. Được người đời tin phục.

3. Mở lời thành chứng, trời người kính mến.

4. Thường dùng lời êm dịu an ủi chúng sanh.

5. Được ý vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh.

6. Nói không sai lầm, lòng thường hoan hỷ.

7. Mở lời tôn trọng, người trời vâng làm.

8. Trí tuệ thù thắng không ai chế phục được.

Đó là tám công đức. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì sau khi thành Phật sẽ được chân thật ngữ của Như Lai.

Giảng:

Ở đây Phật dạy người nào xa lìa vọng ngữ (nói dối) thì được tám đức mà chư thiên khen ngợi:

1. *Khẩu thường thanh tịnh ưu-bát hoa hương*: Người không nói dối thì được quả báo tốt là miệng có mùi thơm như mùi hương hoa sen. Vậy người nào miệng thường hôi hám thì biết đời trước đã nói dối nhiều, nên mới có quả báo xấu như vậy.

2. *Vi chư thế gian chi sở tín phục*: Người không nói dối lúc nào cũng nói lời chân thật, thì có uy tín với mọi người, nên được người đời tín cẩn, kính phục.

3. *Phát ngôn thành chứng, nhân thiên kính ái*: Người không nói dối, khi mở miệng nói điều gì là có chứng tín rõ ràng, không nói mơ hồ, không nói vu vơ. Nên người, trời luôn luôn kính mến.

4. *Thường dĩ ái ngữ an ủi chúng sanh*: Người giữ giới không nói dối, thường dùng lời hòa nhã để an ủi người khổ đau được an vui lợi ích.

5. *Đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh*: Người không nói dối được quả báo tốt là tâm ý lúc nào cũng an vui, thanh thản, ba nghiệp thân, khẩu, ý thường trong sạch.

6. *Ngôn vô ngộ thất, tâm thường hoan hỷ*: Người không nói dối thì khi nói không lầm lỗi. Nếu không lỗi lầm thì không hối hận, không buồn, thường an vui.

7. *Phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành*: Người không nói dối có thần lực nơi lời nói, mỗi khi nói ra thì trời người đều tôn trọng vâng làm.

8. *Trí tuệ thù thắng vô năng chế phục*: Người không nói dối thì có trí tuệ thù thắng hơn mọi người, nên không ai có thể áp bức chế phục được.

Phật dạy người biết hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì khi thành Phật sẽ được chân thật ngữ của Như Lai. Tôi nhắc lại một lần nữa là, mới học qua kinh Thập Thiện thấy như thấp dễ tu. Nhưng nếu tu trọn vẹn, được trời người cung kính tôn trọng thì không phải dễ. Chỉ có một giới không nói dối mà mấy ai giữ được trọn vẹn. Quý vị thử xét lại mình xem, có ai từ thuở bé cho tới lớn chưa từng nói dối một lần không? Tôi nói để quý vị lưu ý mà tu cho chín chắn. Ngay cả người xuất gia cũng coi thường, cho đó là phương tiện nên không gìn giữ nghiêm túc. Tôi khuyên quý vị phải ráng giữ cho đúng, thà chết chứ không nói dối, dù chết mà phước đầy đủ vẫn hơn. Chỉ giữ đúng có một giới mà phước đức như thế, chúng ta không thể lơ là. Người tu dù xuất gia hay cư sĩ đều phải giữ giới. Tu không phải tu cho Phật hay tu cho người nào khác mà là tu cho mình. Đời này mình giữ giới thanh tịnh thì đời này mình được an vui, đời sau cũng được phước đức an vui. Nếu không giữ giới đời này khổ, đời sau cũng khổ. Thế nên phải biết Phật dạy chúng ta tu để được lợi ích là điều căn bản, rồi sau đó mới làm lợi ích cho người.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly lưỡng thiệt, tức đắc ngũ chủng bất khả hoại pháp. Hà đẳng vi ngũ?

Nhất: Đắc bất hoại thân, vô năng hại cố.

Nhị: Đắc bất hoại quyền thuộc, vô năng phá cố.

Tam: Đắc bất hoại tín, thuận bản nghiệp cố.

Tứ: Đắc bất hoại pháp hạnh, sở tu kiên cố.

Ngũ: Đắc bất hoại thiện tri thức, bất cuống hoặc cố.

Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chánh quyền thuộc, chư ma ngoại đạo, bất năng trở hoại.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu là nghiệp nói hai lưỡi thì được năm pháp không thể phá hoại. Những gì là năm?

- 1. Được thân bất hoại, không ai có thể hãm hại.*
- 2. Được quyền thuộc bất hoại, không ai phá được.*
- 3. Được lòng tin bất hoại, thuận theo bản nghiệp.*
- 4. Được pháp hạnh bất hoại, chỗ tu kiên cố.*
- 5. Được thiện tri thức bất hoại, không dối lừa nhau.*

Đó là năm pháp bất hoại. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được quyền thuộc chân chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại.

Giảng:

Người không nói hai lưỡi để ly gián tình thân giữa người này với người khác, giữa nhóm này với nhóm khác thì thân không bị hại, được an ổn.

1. Đắc bất hoại thân, vô năng hại cố: Người không nói hai lưỡi để ly gián phá hoại sự thân tình đoàn kết của người thì thân mình không ai phá hoại, được an ổn.

2. *Đắc bất hoại quyền thuộc, vô năng phá cố*: Do không nói hai lưỡi để ly gián phá hoại chia lìa ai, nên được quả báo tốt là cha mẹ, anh em, quyến thuộc mình không ai phá hoại chia lìa được.

3. *Đắc bất hoại tín, thuận bản nghiệp cố*: Do đời trước mình không nói hai lưỡi làm cho người thù địch nhau, mất niềm tin với nhau, nên ngày nay không ai mất niềm tin nơi mình. Khi mình nói ra ai cũng tin tưởng thuận theo.

4. *Đắc bất hoại pháp hạnh, sở tu kiên cố cố*: Do công phu tu hành của mình vững, nên pháp hạnh mình không ai phá hoại được.

5. *Đắc bất hoại thiện tri thức, bất cưỡng hoặc cố*: Thiện tri thức là thầy lành bạn tốt. Vì không dối gạt người, nên thầy lành bạn tốt của mình không bị ai phá hoại làm cho ly tán được.

Quý Phật tử tự kiểm lại xem, có khi nào mình nói hai lưỡi không? Nếu người nào không nói hai lưỡi để phá hoại việc người khác, thì biết chắc đời sau được năm món phước báo kể trên. Rõ ràng tạo nhân không phá hoại chia lìa ai, thì thành tựu quả không bị ai phá hoại từ bản thân, quyến thuộc, lòng tin, pháp tu hành cho đến thiện hữu tri thức.

Quý vị đọc kinh Pháp Hoa, thấy Phật và Bồ-tát có bao nhiêu quyến thuộc? Các vị Bồ-tát đến dự hội trong kinh Pháp Hoa đem theo hàng trăm ngàn quyến thuộc.

Quyển thuộc của các ngài toàn là Bồ-tát. Tại sao vậy? Vì các ngài tu hành giữ giới nghiêm tịnh, nên quyển thuộc của các ngài toàn là những người thanh tịnh như Thanh văn, Bồ-tát, Bích-chi Phật... Nếu là Phật thì đệ tử của các ngài cũng là La-hán, Bồ-tát, chứ không có phạm phu hung ác, ngoại đạo tà kiến xen dự trong đó. Cũng như vậy, nếu chúng ta giữ giới không lưỡng thiệt chín chắn thì được phước báo đời sau quyển thuộc mình toàn là người chân chánh, trong gia đình thì anh em hòa thuận, ăn nói ngay thẳng đàng hoàng. Nếu trong gia đình anh em ăn nói gian xảo, quyển thuộc đối xử không ra gì, chúng ta có buồn trách giận hờn không? Lúc đó phải tự xét lại nhân đời trước mình đã tạo, do mình không tu, ăn nói gian xảo nên ngày nay thọ quả báo ở trong cảnh không tốt không vui. Nếu chúng ta tu như lời Phật dạy, thì chắc chắn được phước báo sanh trong vòng quyển thuộc chân chánh hòa thuận.

Người hiểu đạo nghe một câu kinh suy nghiệm, tự tu sửa, chứ không phải nghe xong rồi bỏ. Phải xét lại hoàn cảnh sống của mình, để biết đời trước chúng ta tu thiếu hạnh nào, khiến đời này phải chịu khổ như vậy. Khi biết mình tu giới chưa tròn đủ thì ngay bây giờ phải nỗ lực tu thêm, chứ không thể chần chờ hẹn mai hẹn mốt. Người học Phật phải thấy nhân đời này, biết quả đời sau, xét quả hiện tại biết nhân đời trước của mình. Nếu mình tu thiếu hạnh nào, phải nỗ lực tu hạnh đó để không còn thiếu nữa, nếu không tu thì thiếu lại càng thiếu thêm.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly ác khẩu, tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp. Hà đẳng vi bát?

Nhất: Ngôn bất quai độ.

Nhị: Ngôn giai lợi ích.

Tam: Ngôn tất khế lý.

Tứ: Ngôn từ mỹ diệu.

Ngũ: Ngôn khả thừa lãnh.

Lục: Ngôn tắc tín dụng.

Thất: Ngôn vô khả cơ.

Bát: Ngôn tận ái lạc.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai Phạm âm thanh tướng.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu xa lìa ác khẩu thì được thành tựu tám món tịnh nghiệp. Những gì là tám?

1. Lời nói không trái pháp độ.

2. Lời nói đều lợi ích.

3. Lời nói hợp lý đạo.

4. Lời nói đẹp khéo.

5. Lời nói có thể lãnh thọ thừa hành.

6. Lời nói được tin dùng.

7. Lời nói không thể chê.

8. Lời nói được ưa thích.

Đó là tám món tịnh nghiệp. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì sau khi thành Phật, đầy đủ tướng Phạm âm của Như Lai.

Giảng:

Phật dạy người nào lìa được lời nói hung dữ, tức là không la mắng chửi rửa người thì được tám món tịnh nghiệp:

1. *Ngôn bất quai độ*: Lời nói không trái pháp độ, tức là lời nói chừng mực không trái thời duyên, không trái lý đạo. Khi nổi nóng mở miệng thì mắng chửi, nói nặng người, đó là lời nói không chừng mực, lúc bình thường tỉnh táo thì không bao giờ nói. Sở dĩ nói như thế là do không làm chủ được mình. Bây giờ mình tu, bình tĩnh làm chủ được miệng không nói hung dữ, nên nói lời chừng mực không trái với thời duyên, không trái với đạo lý.

2. *Ngôn giai lợi ích*: Người không nói ác, mỗi khi mở miệng đều nói lời lợi ích, không bao giờ nói lời làm tổn hại khiến người khổ đau.

3. *Ngôn tất khế lý*: Người không nói lời ác, thì không nói sai quấy, chỉ nói những lời hợp với đạo lý.

4. *Ngôn từ mỹ diệu*: Người không nói lời ác, chỉ nói lời nhu nhuyễn, dịu dàng làm vui đẹp lòng người, không nói lời thô xẵng, làm cho người buồn giận. Thường quý bà, mỗi khi nổi giận có nói êm dịu nhẹ nhàng không, hay nói thô xẵng làm cho người buồn giận? Quý bà ráng nhớ để tu, vì nói hung dữ người nữ dễ phạm.

5. *Ngôn khả thừa lãnh*: Người không nói ác, khi mở miệng thường nói lời hiền, khiến người nghe dễ lãnh hội thừa nhận.

6. *Ngôn tắc tín dụng*: Người không nói lời ác, khi nói là nói lời chân chánh phù hợp đạo lý, khiến người nghe tin nhận không bác bỏ.

7. *Ngôn vô khả cơ*: Người không nói lời ác, mở miệng nói lời hiền dịu, nhu nhuyến không bị chê cười.

8. *Ngôn tận ái lạc*: Người không nói lời ác, chỉ nói lời hiền thiện, ai nghe cũng ưa thích.

Đó là tám phước báo của người không nói hung dữ. Nếu ai hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì sau khi thành Phật sẽ được đầy đủ tướng Phạm âm của Như Lai. Trong kinh có ghi tiếng nói của Phật thanh tao trong trẻo như tiếng chim Ca-lăng-tần-già. Ngài được phước báo tốt về âm thanh như thế là do nhiều đời nhiều kiếp khéo gìn giữ giới không nói hung dữ, nên mới được như vậy. Do lìa xa những tiếng thô, những lời nói làm cho người tức tối, nên ngài được tiếng trong trẻo không ai bằng, nên ai cũng thích nghe. Còn phàm phu chúng ta mở miệng là bị người nghe chống đối lại, không thừa nhận, đó là do từ trước chúng ta đã nói lời hung ác. Biết hậu quả như thế, chúng ta phải dè dặt chớ nói lời hung ác mới được tám điều phước lợi vừa nêu.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly ý ngữ tức đắc thành tựu tam chủng quyết định. Hà đẳng vi tam?

Nhất: Định vi trí nhân sở ái.

Nhị: Định năng dĩ trí như thật đáp vấn.

Tam: Định ư nhân thiên oai đức tối thắng, vô hữu hư vọng.

Thị vi tam. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời đắc Như Lai sở thọ ký giai bất đường quên.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu xa lìa ý ngữ thì thành tựu được ba món quyết định. Những gì là ba?

1. Quyết định được người trí ưa thích.

2. Quyết định có thể dùng trí như thật đáp các câu hỏi.

3. Quyết định đối với người trời có oai đức tối thắng, không hư vọng.

Đó là ba món quyết định. Nếu hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì sau khi thành Phật được lời Như Lai thọ ký chẳng luống dối.

Giảng:

Phật dạy người không nói thêu dệt (ý ngữ), không dùng lời hoa mỹ để lừa gạt người thì được ba công đức:

1. Định vi trí nhân sở ái: Người không nói thêu dệt để lừa gạt người thì được người trí mến thương.

2. Định năng dĩ trí như thật đáp vấn: Người không nói thêu dệt thì được phước báo là có trí như thật để

trả lời một cách quyết định những câu hỏi của người khác. Khi được hỏi điều gì là đủ trí trả lời điều đó một cách đúng đắn không quanh co dài dòng.

3. Định ư nhân thiên oai đức tối thắng, vô hữu hư vọng: Người không nói lời ỷ ngữ được phước báo là đối với người trời có oai đức tối thắng, không ai sánh bằng.

Đó là ba món quyết định của người tu nhân không nói ỷ ngữ. Nếu biết hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì sau khi thành Phật, sẽ được lời Như Lai thọ ký không sai dối. Nghĩa là sau khi thành Phật biết được người này tu công hạnh thế nào, người kia tu công hạnh thế nào, rồi thọ ký cho họ đời nào sẽ thành Phật không luống dối. Đó là do tu biết giữ giới không nói ỷ ngữ mà được. Sở dĩ Phật thọ ký cho hàng Thanh văn và Bồ-tát tu bao nhiêu kiếp nữa thành Phật là do công đức không nói ỷ ngữ. Còn chúng ta ngày nay nói gì trật nấy là do không giữ được giới này. Đó là những công đức của khẩu nghiệp thiện.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly tham dục tức đắc thành tựu ngũ chủng tự tại. Hà đẳng vi ngũ?

Nhất: Tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố.

Nhị: Tài vật tự tại, nhất thiết oán tặc bất đoạt cố.

Tam: Phước đức tự tại, tùy tâm sở dục vật giai bị cố.

Tứ: Vương vị tự tại, trân kỳ diệu vật giai phụng hiến cố.

Ngũ: Sở hoạch chi vật, quá bản sở cầu, bá bội thù thắng, do ư tích thời, bất san tật cố.

Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tam giới đặc tôn, giai cộng kính dưỡng.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu xa lìa tham dục thì được thành tựu năm món tự tại. Những gì là năm?

1. Ba nghiệp tự tại, các căn đầy đủ.

2. Của cải tự tại, tất cả oán tặc không cướp đoạt được.

3. Phước đức tự tại, tùy lòng ưa muốn vật dụng có sẵn đầy đủ.

4. Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ đều được dâng hiến.

5. Được nhiều vật thù thắng, gấp trăm lần lòng mong cầu, vì thuở xưa không bỏn sẻn ganh ghét.

Đó là năm món tự tại. Nếu hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì sau khi thành Phật đặc biệt được ba cõi thấy đều cung kính cúng dường.

Giảng:

Ở đây Phật dạy người nào lìa tham dục thì được năm món tự tại:

1. Tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố: Tam nghiệp là thân, miệng, ý. Tự tại là không bị ràng buộc, không bị cái gì làm chướng ngại. Do lìa tham dục nên

thân, khẩu, ý không bị ràng buộc hay chướng ngại, các căn mắt, tai, mũi, lưỡi đầy đủ không thiếu bộ phận nào.

2. *Tài vật tự tại, nhất thiết oán tặc bất đoạt cố*: Người không tham thì được phước báo có tiền của dư thừa, dùng xài thoải mái, không bị oán tặc cướp đoạt.

3. *Phước đức tự tại, tùy tâm sở dụng vật giai bị cố*: Người không tham thì được phước đức đầy đủ, tùy tâm ước muốn, mọi vật dụng đều có đầy đủ.

4. *Vương vị tự tại, trần kỳ diệu vật, giai phụng hiến cố*: Người không tham thì được phước báo là ngôi vua tự tại vững vàng, tất cả những đồ vật quý giá được người dâng hiến đầy đủ.

5. *Sở hoạch chi vật, quá bản sở cầu, bá bội thù thắng, do ư tích thời, bất san tật cố*: Người không tham lam được phước báo là những vật mong ước, được hơn chỗ mình mong cầu gấp trăm lần, vì thuở xưa không có lòng san tham tật đổ, bôn sẻn.

Đó là năm món tự tại của người tu giữ giới không tham dục. Đây nói cho dễ hiểu là hạn chế lòng tham tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ. Nếu muốn thành Phật hay muốn tu cho có tiến bộ, muốn có nhiều công đức thì không kể ở đây, vì những ước muốn này có ý nghĩa hướng thượng, không làm cho người đoạ lạc. Trong phạm vi ngũ dục người nào khởi lòng tham đắm là mắc phải lỗi. Còn người nào lìa tham dục sẽ được năm món tự tại kể trên. Do quả báo như thế, nên đời này có những người làm ít mà được nhiều thì biết

đời trước không tham lam bòn sẻn. Còn người nào muốn nhiều mà được ít thì biết đời trước tham quá nên đời này quả báo không như ý. Chẳng hạn như học mà thi rớt là do lỗi đời trước tham danh, nên đời này cầu mà không được. Tham tài, tham sắc v.v... cũng vậy. Tóm lại, trong năm món đó, nếu trước tham lam thì bây giờ không được như ý. Ngược lại, nếu giữ trọn vẹn hoặc được phần nào thì bây giờ tương đối được như ý.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly sân nhuế tức đắc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát?

Nhất: Vô tổn não tâm.

Nhị: Vô sân nhuế tâm.

Tam: Vô tranh tụng tâm.

Tứ: Nhu hòa chất trực tâm.

Ngũ: Đắc Thánh giả từ tâm.

Lục: Thường tác lợi ích an chúng sanh tâm.

Thất: Thân tướng đoan nghiêm chúng cộng tôn kính.

Bát: Dĩ hòa nhãn cố, tốc sanh Phạm thế.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật vô ngại tâm, quán giả vô yểm.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu xa lìa sân hận thì được tám pháp hỷ duyệt nơi tâm. Những gì là tám?

- 1. Tâm không tổn não.**
- 2. Tâm không sân hận.**
- 3. Tâm không tranh tụng.**
- 4. Tâm nhu hòa ngay thật.**
- 5. Được lòng từ của bậc Thánh.**
- 6. Sẵn lòng làm lợi ích an lạc cho chúng sanh.**
- 7. Thân tướng đoan nghiêm chúng đều tôn kính.**
- 8. Do hòa nhẫn mau sanh về cõi Phạm thiên.**

Đó là tám pháp hỷ duyệt nơi tâm. Nếu ai hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Phật được tâm vô ngại của Phật, người xem không chán.

Giảng:

Phật dạy nếu người nào xa lìa sân hận thì được tám pháp hỷ duyệt nơi tâm:

1. *Vô tổn não tâm*: Lòng không sân hận thì không khởi niệm làm xúc não tổn hại người. Vì vậy mà mình an người vui.

2. *Vô sân nhuế tâm*: Không có tâm giận hờn. Ở đời này tâm không còn sân giận thì đời sau cũng không còn chủng tử sân giận, thường được an ổn vui vẻ.

3. *Vô tranh tụng tâm*: Người không sân hận thì không khởi niệm tranh chấp, không tranh chấp thì đâu có thua kiện ai.

4. *Nhu hòa chất trực tâm*: Người không sân hận thì được tâm nhu hòa ngay thẳng. Người có tâm nhu hòa ngay thẳng lúc nào cũng đem nguồn sáng cho mọi người.

5. *Đắc Thánh giả từ tâm*: Người không sân hận thì thường có tâm từ bi thương xót tất cả chúng sanh như các bậc Thánh.

6. *Thường tác lợi ích an chúng sanh tâm*: Người không sân hận, thường thương xót làm cho chúng sanh an vui lợi ích.

7. *Thân tướng đoan nghiêm, chúng cộng tôn kính*: Người không sân hận, tâm thường nhu hòa vui vẻ, nên có hình tướng đoan chánh trang nghiêm. Thế nên được nhiều người tôn kính.

8. *Dĩ hòa nhĩ cố, tốc sanh Phạm thế*: Người không sân hận, lúc nào cũng hòa nhã an nhĩ nên mau sanh lên cõi trời Phạm thiên.

Đó là tám pháp hỷ duyệt nơi tâm do không sân hận mà thành tựu. Vậy người muốn khởi tranh tụng, muốn được nhu hòa ngay thẳng, muốn có lòng từ bi như vị Thánh... thì hiện đời phải dứt sân hận. Người còn sân hận thì không được tám pháp hỷ duyệt này. Vậy người nào hay tranh tụng thiếu lòng nhân ái, thân hình thô xấu, quạu quọ, thì biết người đó do nghiệp nhân sân hận đời trước chiêu cảm quả báo như vậy.

Âm:

Phục thứ Long vương, nhược ly tà kiến, tức đắc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập?

Nhất: Đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ.

Nhị: Thâm tín nhân quả, ninh quyền thân mạng, chung bất tác ác.

Tam: Duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng.

Tứ: Trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi vãng.

Ngũ: Thường sanh nhân thiên bất cánh ác đạo.

Lục: Vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng thắng.

Thất: Vĩnh ly tà đạo, hành ư Thánh đạo.

Bát: Bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp.

Cửu: Trú vô ngại kiến.

Thập: Bất đạo chư nạn.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông.

Dịch:

Lại nữa Long vương, nếu xa lìa tà kiến thì sẽ được thành tựu mười pháp công đức. Những gì là mười?

1. Được ý vui chân thiện, bạn hữu chân thiện.

2. Tin sâu nhân quả, thà bỏ thân mạng, trọn không làm ác.

3. Chỉ quy y Phật, không quy y các thiên thần khác v.v...

4. Tâm ngay thẳng, thấy biết chân chánh xa hẳn các sự ngờ vực kiết hung.

5. Thường sanh thân trời người, không rơi vào đường dữ.

6. *Phước tuệ vô lượng lần lần thêm nhiều.*
7. *Xa hẳn đường tà, thực hành Thánh đạo.*
8. *Chẳng khởi thân kiến, bỏ các nghiệp ác.*
9. *Trụ tri kiến vô ngại.*
10. *Không bị các tai nạn.*

Ấy là mười. Nếu hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì sau khi thành Phật mau chứng tất cả pháp Phật, thành tựu thân thông tự tại.

Giảng:

Như trước đã nói, tà kiến là không tin lý nhân quả, chấp thường, chấp đoạn, chấp thế giới hữu biên v.v... tin tà ma ngoại đạo, tin bình vô, ông táo v.v... Do những kiến chấp đó mà mê mờ rồi tạo nghiệp bất thiện, chiêu cảm quả báo khổ đau. Phật biết rõ nhân không tốt đó, nên dạy chúng ta phải xa lìa tà kiến. Người xa lìa tà kiến được mười công đức như sau:

1. *Đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ:* Xa lìa tà kiến thì được ý vui chân thật của người trời. Chẳng những bản thân mình được vui chân thật mà còn được nhiều bạn bè chân thật hiền thiện.

2. *Thâm tín nhân quả, ninh quyền thân mạng, chung bất tác ác:* Người xa lìa tà kiến thì có lòng tin sâu nhân quả, không nghe lời xúi bả không chân chánh của bất cứ ai, thà chết chứ không làm ác. Vì biết rõ làm ác sẽ thọ nhận quả báo khổ, nên dứt khoát không làm, Phật thường dạy: *Thà chết chứ trọn không phá giới.*

Tuy chết mà được sanh về cõi lành gặp Phật pháp để tu, sống mà phá giới đọa vào địa ngục, biết chừng nào ra khỏi khổ đau?

3. *Duy quy y Phật, phi dư Thiên đẳng*: Người xa lìa tà kiến chỉ quy y Phật, Pháp, Tăng chứ không quy y với trời, thần, quỷ, vật... Trong kinh có nói: Lúc Phật đến cung trời Đao-lợi nói pháp cho mẹ ngài nghe, thì có chư thiên đến quy y với Phật. Chư thiên còn quy y với Phật mà chúng ta lại quy y với chư thiên là sao? Có những lúc Phật một mình ở nơi thanh vắng, chư thiên đến cầu Phật nghe pháp. Chư thiên còn cầu pháp với Phật, chẳng lẽ chúng ta lại cầu pháp với chư thiên? Thế nên, chỉ quy y với Phật, không quy y với thiên, thần, quỷ, vật, ngoại đạo... Có một số Phật tử tuy quy y với Phật, nhưng nghe nói Cậu này linh, Cô kia linh liền đến để xin bùa hộ mạng, làm ăn khá giả, tuy quy y Phật mà chưa có chánh tín. Chúng ta muốn trở thành một Phật tử chánh tín là phải dứt bỏ tà kiến.

4. *Trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi vãng*: Người xa lìa tà kiến, thường có chánh kiến tâm ngay thẳng nhận định chín chắn, xa hẳn mọi ngờ vực về kiết hung. Chỗ này đa số Phật tử đều kẹt, tuy quy y Phật, Pháp, Tăng mà nghe nói kiết hung lành dữ thì vẫn cứ lo sợ! Nghe ai đoán vận mạng năm bảy năm về trước, hay năm bảy năm về sau đúng như việc đã xảy ra, liền tới đó đoán vận mạng! Nếu là Phật tử chân chánh tin sâu nhân quả, biết quả tốt hay xấu, đúng thời tiết nhân duyên nó đến là phải nhận thôi. Vì nhân

đã tạo rồi, quả đến là chuyện hiển nhiên, không có gì để sợ, để nghi, thì đoán vận mạng để làm gì? Hiện nay còn nhiều chùa vấp phải lỗi này, Phật dạy một đường mà tăng ni làm một nẻo, nên tu hoài không thành Phật, không hết khổ. Chúng ta tu phải đúng như lời Phật dạy thì mới an vui hết khổ.

5. *Thường sanh nhân thiên bất cánh ác đạo*: Đoạn ly tà kiến thì được sanh cõi người, cõi trời, không sa vào đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

6. *Vô lượng phước tuệ chuyển chuyển tăng trưởng*: Người xa lìa tà kiến thì được phước đức vô lượng, phước đức càng ngày càng tăng trưởng.

7. *Vĩnh ly tà đạo, hành ư Thánh đạo*: Người xa hẳn tà kiến thường hành Thánh đạo. Có nhiều cụ già hay lo lắng: Bây giờ tôi tu không đắc đạo, chẳng biết đời sau tôi có gặp Phật pháp để tu không? Các cụ hãy an tâm. Muốn đời sau gặp Phật pháp để tiếp tục tu, thì ngay bây giờ không tin tà ma, đồng bóng, ngoại đạo, chỉ một lòng tin Tam bảo, chắc chắn đời sau không bị lạc, vì chủng tử đã sẵn nơi tàng thức rồi, thì sẽ gặp lại chánh pháp tu nữa.

8. *Bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp*: Người xa lìa tà kiến thì không khởi kiến chấp về thân năm ấm, nên không tô đắp vun bồi cho nó sung túc để rồi tạo các nghiệp ác chiêu cảm quả báo khổ đau.

9. *Trú vô ngại kiến*: Người dứt được tà kiến, lúc nào cũng thấy biết chín chắn xuyên suốt, không bị những kiến chấp lệch lạc làm ngăn ngại việc học tu của mình.

10. Bất đoạ chư nạn: Người không còn tà kiến thì không si mê, luôn luôn sáng suốt, lời nói hành động lúc nào cũng hợp với chánh pháp, nên thân khẩu ý không tạo nghiệp ác, vì vậy mà không bị khổ nạn.

Đó là mười công đức của người đoạn lìa tà kiến. Người muốn tu tiến hơn, biết hướng về quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sẽ được thành Phật. Sau khi thành Phật sẽ chứng được tất cả pháp mà Phật đã chứng, như Tam minh, Lục thông... Vậy chúng ta tu, muốn đời sau an ổn, muốn được gặp Phật pháp luôn luôn để tu hành cho đến ngày thành Phật, thì không thể không biết mười công đức này.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn phục cáo Long vương ngôn:
Nhược hữu Bồ-tát y thủ thiện nghiệp, ư tu đạo thời,
năng ly sát hại nhi hành bố thí cố, thường phú tài
bảo, vô năng xâm đoạt, trường thọ vô yếu, bất vi
nhất thiết oán tặc tổn hại. Ly bất dữ thủ nhi hành
thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tối
thắng vô tỷ, tất năng bị tập chư Phật pháp tạng.
Ly phi phạm hạnh nhi hành thí cố, thường phú tài
bảo, vô năng xâm đoạt, kỳ gia trình thuận, mẫu
cập thê tử, vô hữu năng dĩ dục tâm thị giả... Ly hư
cuống ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô
năng xâm đoạt, ly chúng hủy báng, nhiếp trì chánh
pháp, như kỳ thế nguyện, sở tác tất quả. Ly ly gián
ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng
xâm đoạt, quyến thuộc hòa mục, đồng nhất chí lạc,
hằng vô quai tránh. Ly thô ác ngữ nhi hành thí cố,

thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết chúng hội hoan hỷ quy y, ngôn giai tín thọ, vô vi cự giả. Ly vô nghĩa ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo vô năng xâm đoạt, ngôn bất hư thiết, nhân giai kính thọ, năng thiện phương tiện, đoạn chư nghi hoặc. Ly tham cầu tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết sở hữu, tất dĩ huệ xả, tín giải kiên cố, cụ đại oai lực. Ly phần nộ tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tốc tự thành tựu vô ngại tâm trí, chư căn nghiêm hảo kiến giai kính ái. Ly tà đảo tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, hằng sanh chánh kiến, kính tín chi gia, kiến Phật, văn Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường bất vong thất đại Bồ-đề tâm.

Thị vi đại sĩ tu Bồ-tát đạo thời, hành Thập thiện nghiệp, dĩ thí trang nghiêm sở hoạch đại lợi.

Dịch:

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo Long vương: Nếu có Bồ-tát nương mười nghiệp thiện này để tu hành:

- Hằng là giết hại mà thực hành hạnh bố thí, nên giàu sang nhiều của báu không bị xâm đoạt, trường thọ không chết yếu, không bị tất cả oán tặc làm tổn hại.

- Do là nghiệp không cố lấy của chẳng cho, lại tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, không ai sánh kịp và thân thập được đầy đủ những kho tàng Phật pháp.

- Do lìa lỗi tà hạnh mà tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, trong nhà trịnh thuận (vợ thủ tiết với chồng), mẹ và vợ con không ai đem lòng dục xâm phạm.

- Lìa nói dối, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, không bị nhục mạ, gìn giữ được chánh pháp như bản nguyện và khi thực hành nhất định kết quả.

- Lìa lời nói ly gián, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai xâm phạm, thân bằng quyến thuộc thuận hòa, cùng một ý chí vui vẻ, hằng không trái nghịch.

- Lìa lời nói thô ác, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai cướp đoạt, tất cả hội chúng đều vui vẻ quy về, nói ra đều được người tin nhận không chống trái.

- Lìa lời nói vô nghĩa (ỷ ngữ), tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai chiếm đoạt, nói không hư dối, người đều kính trọng, hay dùng phương tiện khéo léo đoạn dứt mọi nghi hoặc.

- Lìa tâm tham cầu, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không bị chiếm đoạt, có vật gì đều đem ban cấp, tin hiểu vững chắc, đủ oai lực lớn.

- Dứt lòng sân hận, tu hạnh bố thí, nên thường được của báu không ai chiếm đoạt, tự mình mau thành tựu trí vô ngại, các căn nghiêm trang tốt đẹp người thấy kính ưa.

- Lìa lòng tà đảo, tu hạnh bố thí, nên thường giàu có, của báu không ai chiếm đoạt, thường sanh vào nhà kính tin chánh kiến, thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường không quên mất tâm đại Bồ-đề.

Đó là bậc Đại sĩ khi tu đạo Bồ-tát, làm mười nghiệp thiện, dùng hạnh bố thí trang nghiêm mà được lợi lớn.

Giảng:

Đến đây Phật nhắc lại một lần nữa, những vị Bồ-tát y theo nghiệp lành mà tu hành thì được nhiều điều lợi ích lớn:

Người chẳng những không đoạn mạng sống chúng sanh lại còn bố thí, thì được giàu có không ai xâm phạm chiếm đoạt tài sản của mình, sống lâu không chết yếu, không bị oán tặc làm hại.

Người chẳng những không trộm cướp mà còn bố thí, thì được giàu có, của cải không bị cướp đoạt, không ai sánh kịp, lại chứa nhóm được kho tàng Phật pháp.

Người chẳng những không tà hạnh lại còn bố thí, thì thường được giàu có, của báu không ai xâm chiếm cướp đoạt. Gia đình trinh thuận, nghĩa là mẹ, vợ, con không bị người đem lòng dục xâm phạm.

Người chẳng những lìa nói dối lại còn bố thí, thì được giàu có, của báu không ai xâm phạm chiếm đoạt, tránh được các điều chê bai, khéo giữ gìn chánh pháp, quyết định kết quả được như lời nguyện của mình.

Người chẳng những không nói hai lưỡi lại còn bố thí, thường được giàu có, của báu không bị xâm đoạt, quyến thuộc thuận hòa, vui vẻ đồng một chí hướng, lòng không chống nghịch, gia đình sống an vui hạnh phúc.

Người chẳng những lìa lời nói ác lại còn bố thí, thì thường giàu có, của báu không bị ai xâm phạm chiếm đoạt. Lời nói thường được người nghe vui vẻ kính tin làm theo không chống trái. Lại có phương tiện khéo léo giải nghi ngờ cho người đời.

Đó là những điều lợi ích của thân nghiệp và khẩu nghiệp thiện. Sau đây là những nghiệp thiện của ý.

Người chẳng những lìa tham dục lại còn bố thí thì được giàu có, của báu không ai cướp đoạt. Có của cải đều muốn đem ban bố cho người, lòng tin kiên cố, có đủ oai lực lớn.

Người chẳng những lìa nóng giận lại còn bố thí thì được giàu sang, của báu không ai cướp đoạt, tự mình mau được trí vô ngại, tức là nghĩ và làm điều gì cũng đúng, hình dung tốt đẹp ai thấy cũng mến.

Người chẳng những lìa tà kiến điên đảo lại còn bố thí thì được giàu có, của báu không bị chiếm đoạt, thường được sanh vào nhà chánh kiến, kính tin Tam bảo, thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng, không quên mất tâm đại Bồ-đề.

Các vị Bồ-tát là bậc Đại sĩ, khi tu đạo Bồ-tát thì tu mười nghiệp lành, lấy bố thí để trang nghiêm, nên được lợi ích lớn như vậy. Quý Phật tử hiện giờ tuy

chưa tu hạnh Bồ-tát, mà biết tu mười nghiệp lành không trái phạm, lại biết bố thí thì sẽ được quả báo tốt về sau.

Âm:

Như thị Long vương, cử yếu ngôn chi, hành Thập thiện đạo, dĩ giới trang nghiêm cố, năng sanh nhất thiết Phật pháp nghĩa lợi, mãn túc đại nguyện. Nhẫn nhục trang nghiêm cố, đắc Phật viên âm, cụ chúng tướng hảo. Tinh tấn trang nghiêm cố, năng phá ma oán, nhập Phật pháp tạng. Định trang nghiêm cố, năng sanh niệm, tuệ, từ, quý, khinh an. Tuệ trang nghiêm cố, năng đoạn nhất thiết phân biệt vọng kiến.

Dịch:

Như vậy Long vương, nói tóm lại, tu Thập thiện đạo, do trì giới trang nghiêm nên hay sanh các nghĩa lợi Phật pháp và đầy đủ nguyện lớn. Do nhẫn nhục trang nghiêm nên được viên âm của Phật, đủ các tướng tốt. Do tinh tấn trang nghiêm nên hay phá được ma oán, vào pháp tạng của Phật. Do thiền định trang nghiêm nên hay sanh niệm, tuệ, từ, quý, khinh an. Do trí tuệ trang nghiêm nên hay đoạn dứt tất cả phân biệt vọng kiến.

Giảng:

Tới đây Phật nâng thêm một tầng nữa là người tu Thập thiện mà còn tu Lục độ ba-la-mật thì có nhiều công đức như sau: Nếu lấy hạnh trì giới để trang nghiêm

thì được các điều lợi ích chân thật của Phật pháp và đầy đủ nguyện lớn. Nếu lấy hạnh nhân nhục để trang nghiêm thì sẽ được tiếng viên âm của Phật. Thường tiếng của Phật, mọi tầng lớp chúng sanh ai cũng nghe được và cũng thích, nên gọi là viên âm. Nếu dùng hạnh tinh tấn để trang nghiêm thì hay phá các loài ma oán thể nhập Như Lai tạng. Người lúc lập hạnh để tu thường bị ma chướng thử thách làm ngăn ngại việc tiến tu. Vì vậy phải tinh tấn để khắc phục mọi chướng ngại, vượt qua mọi khó khăn tiến đến quả Phật. Nếu dùng thiền định để trang nghiêm thì được niệm, tuệ, tầm, quý, khinh an. Người tu thiền định, khi đã chú tâm quán tưởng một đề mục thuần thực, thì tâm được nhẹ nhàng thư thối, trí tuệ sáng suốt. Nếu dùng trí tuệ để trang nghiêm, tức là dùng trí để quan sát giản trạch chánh tà, mới có khả năng đoạn dứt được mọi kiến chấp hư vọng không thật, tức là dứt thấy biết sai lầm không đúng lẽ thật.

Tóm lại, người nào biết tu Thập thiện lại còn tu thêm Lục độ thì được phước báo vô lượng vô biên như trên vừa kể.

Âm:

Từ trang nghiêm cố, ư chư chúng sanh bất khởi não hại. Bi trang nghiêm cố, mẫn chư chúng sanh thường bất yểm xả. Hỷ trang nghiêm cố, kiến tu thiện giả tâm vô hiềm tạt. Xả trang nghiêm cố, ư thuận vi cảnh vô ái nhuế tâm. Tứ nhiếp trang nghiêm cố, thường cần hóa nhất thiết chúng sanh.

Dịch:

Dùng lòng Từ trang nghiêm, nên đối với các chúng sanh, không khởi tâm não hại. Dùng lòng Bi trang nghiêm, nên thương xót chúng sanh thường không chán bỏ. Dùng tâm Hỷ trang nghiêm, nên thấy người tu thiện lòng không ganh tỵ. Dùng tâm Xả trang nghiêm, nên đối với cảnh thuận nghịch tâm không thương giận. Dùng Tứ nhiếp pháp trang nghiêm, nên thường siêng năng nhiếp hóa tất cả chúng sanh.

Giảng:

Người đã tu Thập thiện lại còn dùng lòng Từ trang nghiêm nên không khởi tâm não hại. Tức là phát khởi lòng thương xót cứu giúp tất cả mọi loài, khiến cho họ được an vui, không có tâm làm não hại khiến cho chúng sanh đau khổ. Người đã tu Thập thiện lại còn dùng tâm Bi trang nghiêm, nên thương các chúng sanh không chán bỏ. Tức là đem lòng thương xót chúng sanh đau khổ, dùng mọi phương tiện để cứu giúp. Dù cho chúng sanh có khó độ, khó nói cũng không nhàm chán, không phó mặc bỏ qua. Người đã tu Thập thiện lại còn dùng tâm Hỷ trang nghiêm, thấy người tu thiện không ganh ghét. Nghĩa là đối với chúng sanh ai làm được điều gì tốt đẹp hoặc hưởng được phước báo hơn mình, thì khởi tâm tùy hỷ, chứ không có lòng ganh ghét đố kỵ làm não hại họ. Người đã tu Thập thiện lại còn dùng tâm Xả trang nghiêm, nên đối với cảnh thuận nghịch lòng không thương giận. Nghĩa là trong sự tương giao giữa mình với người, dù cho người có đối với mình tử tế,

mình không vì thế mà sanh lòng ái nhiễm, hoặc họ xử sự với mình tệ bạc, mình cũng không vì thế mà oán giận họ. Tóm lại người nào tu Thập thiện mà biết tu thêm Tứ vô lượng tâm thì được những công đức: Lòng không nào hại chúng sanh, không nhàm bỏ chúng sanh, không đố kỵ ganh ghét khi thấy chúng sanh hơn mình, không ái nhiễm hay oán ghét đối với cách đối xử ưu ái hay tệ bạc. Và người tu Thập thiện biết tu thêm Tứ nhiếp pháp thì được công đức siêng năng hóa độ chúng sanh.

Như vậy, hàng Bồ-tát dù tu hạnh nào cũng lấy Thập thiện làm căn bản. Thế nên Thập thiện là nền tảng mà người tu không thể xem thường.

Âm:

**Niệm xứ trang nghiêm cố, thiện năng tu tập
Tứ niệm xứ quán. Chánh cần trang nghiêm cố, tất
năng đoạn trừ nhất thiết bất thiện pháp, thành
nhất thiết thiện pháp. Thần túc trang nghiêm cố,
hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc. Ngũ căn
trang nghiêm cố, thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ
giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận đoạn
chư phiền não. Lực trang nghiêm cố, chúng oán tận
diệt, vô năng hoại giả. Giác chi trang nghiêm cố,
thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp. Chánh
đạo trang nghiêm cố, đắc chánh trí tuệ, thường hiện
tại tiền. Chỉ trang nghiêm cố, tất năng diệt trừ nhất
thiết kiết sử. Quán trang nghiêm cố, năng như thật
tri chư pháp tự tánh. Phương tiện trang nghiêm cố,
tốc đắc thành mãn vi vô vi lạc.**

Dịch:

Dùng Niệm xứ trang nghiêm nên khéo tu tập Tứ niệm xứ quán. Dùng Chánh cần trang nghiêm nên hay đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện. Dùng Thân tức trang nghiêm nên hằng khiến cho thân tâm nhẹ nhàng vui vẻ. Dùng Ngũ căn trang nghiêm nên lòng tin sâu xa kiên cố, siêng năng không biếng nhác thường không mê vọng, vắng lặng điều hòa đoạn dứt các phiền não. Dùng Ngũ lực trang nghiêm nên các oán dứt sạch, không gì hoại được. Dùng Giác chi trang nghiêm nên thường khéo giác ngộ tất cả các pháp. Dùng Chánh đạo trang nghiêm nên được trí tuệ chân chánh thường hiện ở trước. Dùng Chỉ trang nghiêm nên dứt sạch tất cả kiết sử. Dùng Quán trang nghiêm, nên hay biết như thật tự tánh của các pháp. Dùng Phương tiện trang nghiêm, nên chóng được thành tựu viên mãn cái vui hữu vi vô vi.

Giảng:

Tới đây Phật nói gọn, người tu Thập thiện mà còn tu thêm Ba mươi bảy phẩm trợ đạo thì có được những công đức như sau:

Người tu Thập thiện lại còn khéo tu Tứ niệm xứ thì đối với bốn pháp: quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã, chóng được viên mãn.

Người tu Thập thiện lại còn khéo tu Tứ chánh cần thì hay dứt trừ tất cả các pháp ác, thành tựu tất cả

pháp lành. Vì tâm chưa móng khởi niệm ác, đã lo gìn giữ không cho phát khởi. Nếu tội ác đã lỡ sanh thì cố gắng đoạn trừ tận gốc rễ, không cho nó tái sanh nữa. Đồng thời siêng năng làm phát sanh những điều lành vừa móng khởi nơi tâm, trở thành hành động lợi ích thiết thực cho mình cho mọi người. Và phải thường xuyên phát triển điều lành ấy thêm tăng trưởng thuần thực, thì pháp ác đoạn dứt, pháp lành thành tựu.

Người tu Thập thiện lại còn khéo tu Tứ như ý túc thì thân tâm được khinh an vui vẻ. Phạm người tu hành phải có chí nguyện, chí nguyện đó là tâm mong muốn thành Phật một cách thiết tha. Sau khi đã phát tâm mong cầu quả vị Phật rồi, phải tinh tấn thực hành pháp tu mình đã chọn. Khi tinh tấn thực hành pháp tu, thì thân tâm nhẹ nhàng an định dần dần, không còn tán loạn. Sau đó sẽ được nhất tâm, trí tuệ bừng sáng thấu suốt được thật tướng của các pháp.

Người tu Thập thiện lại còn khéo tu Ngũ căn thì được lòng tin Tam bảo một cách kiên cố, trên đường tu hành siêng năng tu tập không giải đãi, thường không mê vọng, hằng nhớ giới pháp đã thọ, nên tâm thường thanh tịnh, điều phục đoạn dứt phiền não.

Người tu Thập thiện lại còn khéo tu Ngũ lực thì có đức tin mạnh mẽ, có sức mạnh bất thối trên đường tu, nhớ giới pháp một cách sâu xa, có định lực phi thường, có thần lực của trí tuệ vô biên, trí thế gian không thể sánh kịp. Nhờ năm thần lực phi thường vừa kể mà khéo đoạn diệt được mọi oán thù.

Người tu Thập thiện lại còn khéo tu Thất giác chi thì không bị lạc vào tà pháp, khéo chọn chánh pháp khế hợp với căn cơ của mình, nên việc tu hành không bị chướng ngại, thường xuyên tiến bộ, không bị thoái chuyển, không tự mãn, không bỏ dở mục đích mà mình đã nhắm. Nhờ siêng năng tu hành nên đoạn dứt phiền não, thân tâm vui nhẹ không tạp loạn, an định, thấy rõ thật tướng của tất cả pháp, buông xả mọi kiến chấp về ngã và pháp, được giải thoát.

Người tu Thập thiện lại còn khéo tu Bát thánh đạo thì lúc nào cũng tư duy, thấy biết, nói năng, hành động, nuôi mạng sống phù hợp với chánh pháp của Phật, luôn luôn tinh tấn nhớ nghĩ pháp tu, đi sâu vào thiền định đạt đến Niết-bàn giải thoát.

Người tu Thập thiện lại còn khéo tu Chỉ, nên dứt sạch mọi kiết sử như tham, sân, si... từng trói buộc sai khiến, làm cho con người khổ đau triền miên trong sanh tử. Người tu Thập thiện lại còn tu Quán thì trí tuệ sáng suốt thấy biết các pháp đúng như thật. Người tu Thập thiện lại còn khéo dùng phương tiện để giúp người được lợi lạc về mặt hữu vi hay vô vi thì chóng thành tựu viên mãn cái vui Niết-bàn.

Tóm lại, Phật dạy người tu Thập thiện lại còn biết tu Lục độ vạn hạnh thì sau này sẽ thành tựu quả vị Bồ-tát, quả vị Phật. Tu thêm Tứ vô lượng tâm, Tứ nhiếp pháp, thì được công đức vô lượng vô biên như đã nêu ở trước. Tu thêm Ba mươi bảy phẩm trợ đạo thì thành tựu quả

A-la-hán, Bích-chi Phật. Phật dạy tu Thập thiện là gốc, nếu tiếp tục tu các pháp vừa kể thì mới được công đức như đã nêu.

Âm:

Long vương đương tri, thử Thập thiện nghiệp, nãi chí năng linh Thập lực, Tứ vô úy, Thập bát bát cộng nhất thiết Phật pháp, giai đắc viên mãn. Thị cố nhữ đẳng ưng cần tu học.

Dịch:

Long vương nên biết, Mười nghiệp thiện này, hay khiến cho Mười lực, Bốn vô sở úy, Mười tám pháp bát cộng, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Thế nên các ông phải siêng năng tu học.

Giảng:

Đây là lời Phật khuyên: Mười nghiệp thiện là pháp tu căn bản có công đức lớn như đã nói, nên hãy siêng năng tu học.

Âm:

Long vương! Thí như nhất thiết thành ấp tụ lạc giai y đại địa nhi đắc an trụ, nhất thiết dược thảo hủy mộc tùng lâm, diệc y địa nhi đắc sanh trưởng. Thử Thập thiện đạo, diệc phục như thị. Nhất thiết nhân thiên y chi nhi lập, nhất thiết Thanh văn, Độc giác bồ-đề, chư Bồ-tát hạnh, nhất thiết Phật pháp, hàm cộng y thử Thập thiện đại địa nhi đắc thành tựu.

Dịch:

Long vương! Ví như tất cả thành ấp xóm làng đều nương đại địa mà được an trụ, tất cả cỏ thuốc cây cối, bụi rừng cũng nương nơi đất mà được sanh trưởng. Thập thiện nghiệp đạo cũng lại như thế. Tất cả người trời nương nơi đó mà được thành lập, tất cả Thanh văn, Độc giác Bồ-đề, các hạnh Bồ-tát, tất cả Phật pháp, đều nương chung vào đại địa Thập thiện mà được thành tựu.

Giảng:

Phật dạy tất cả thành ấp, xóm làng đều nương nơi đất mà được an trụ, nào là cỏ cây rừng bụi cũng nương nơi đất mà sanh trưởng. Mười pháp lành này cũng lại như thế. Tất cả người trời đều nương nơi mười pháp lành mà thành lập. Nghĩa là do mười pháp lành này mà được làm người, làm trời. Tất cả Thanh văn Bồ-đề, các hạnh Bồ-tát đều nương nơi mười pháp lành này mà được thành tựu. Tóm lại, Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật đều lấy mười pháp lành làm gốc. Dù tu pháp nào, nếu bỏ mười pháp lành này đều không thành tựu. Học đạo giỏi đến đâu, nói tu cao thế mấy, nếu bỏ mười pháp lành này mà không tu, thì không thể thành tựu Thánh quả. Nếu ngồi thiền lâu được định, mà khi xả thiền cũng vẫn còn tham, sân, si... thì thiền định đó vẫn là thiền phàm phu, tu chưa tới đâu cả. Thí dụ người nói từ bi ưa bố thí cứu giúp chúng sanh, mà còn đắm mê ngũ dục thì cũng vẫn là phàm phu. Cho nên dù tu pháp gì cao siêu, mà bỏ Thập thiện thì không được. Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, cũng đều đứng trên đất Thập thiện mà được vững vàng. Có người tự nhận

mình tu cao, song có ai đụng chạm đến là la lối nặng lời, người như vậy vẫn không tiến bộ. Quý vị nhớ, Thập thiện gồm ba nghiệp thiện nơi thân, bốn nghiệp thiện nơi miệng và ba nghiệp thiện nơi ý. Quý vị ráng nhớ để tu và có thể tu thêm những hạnh khác, thì công đức vô lượng, quả Phật thành tựu viên mãn. Nếu không tu Thập thiện mà tu những hạnh khác, e không thành tựu Thánh quả. Thế nên tu phải lấy Thập thiện làm căn bản.

Âm:

Phật thuyết thử kinh dĩ, Ta-kiệt-la Long vương cập chư đại chúng nhất thiết thế gian, thiên, nhân, a-tu-la đẳng, giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành.

Dịch:

Phật nói kinh này rồi, Long vương Ta-kiệt-la cùng toàn thể đại chúng tất cả thế gian, thiên, nhân, a-tu-la thấy đều vui vẻ, tin nhận vâng làm.

Giảng:

Sau khi Phật nói kinh này xong, trong hội chúng ai cũng vui vẻ tin nhận vâng làm. Bây giờ quý vị đã được nghe tôi giảng kinh rồi, có vui vẻ thực hành không? Nếu thực hành là phải dẹp bỏ tham, sân, si, tà kiến... Thực hành không dễ mà cũng không khó. Nếu nghe rồi, nỗ lực tu hành thì được công đức vô lượng. Nếu nghe rồi bỏ, không thực hành, tuy nghe hoài mà vẫn không tiến. Điều quan trọng là tin nhận rồi phải thực hành mới được lợi ích. Quý vị nhớ thực hành mười pháp này gọi là pháp lành, ngược lại là mười điều ác. Làm mười điều ác sẽ dẫn đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu mười

pháp lành sẽ tiến lên cõi Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật.

Phật đã vạch rõ hai hướng lên xuống rõ ràng, tùy quý vị chọn lựa để thực hành, kiếp sống an vui hạnh phúc hay trầm luân đau khổ là do quý vị, chứ không ai làm thay được việc này. Thế nên chúng ta tu, làm sao cho hiện đời được an vui lợi ích, mai sau cũng được an vui lợi ích và đời đời gặp Phật pháp. Phật dạy nếu người tại gia tu Thập thiện thì gia đình thân thuộc được an vui hạnh phúc. Xóm làng tu Thập thiện thì xóm làng được an vui hạnh phúc. Cả một quốc gia tu Thập thiện thì quốc gia đó thành nước an lạc. Ngược lại thì gia đình quỵến thuộc bất an xào xáo, xóm làng rối loạn thiếu an ninh, quốc gia loạn ly chinh chiến, không giềng mối đạo đức, giống như địa ngục... Đó là hậu quả xấu ác của cá nhân cũng như đoàn thể không tu Thập thiện.

Vậy quý vị hãy tự kiểm lại, xét quả hiện tại để biết nhân đời trước và làm sao cho nhân hiện tại luôn tốt, để đời này cũng như đời sau được an vui hạnh phúc không bị khổ đau. Nên nhớ, tự mình làm cho mình hạnh phúc với trí tuệ sáng suốt, chứ không do ai đem đến cho mình. Thế nên đừng có tà kiến mê tín làm theo sự rủ rê xúi bảo của kẻ khác, mà không tận dụng trí tuệ để cân nhắc việc nên hoặc không nên làm. Vì nhân lành hay ác đều do mình tạo, rồi cũng tự mình chiêu cảm quả báo vui hay khổ, không ai thế thay cho mình cả.



KINH TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Tứ Thập Nhị Chương tức là Bốn mươi hai bài kinh. Phàm những lời đức Phật dạy và được ghi chép lại gọi là kinh. Riêng quyển kinh này được dịch đầu tiên ở Trung Quốc vào thời Đông Hán, khoảng năm 53 Tây lịch, năm nay là năm 1970, tức là gần 2000 năm rồi. Khi vua Hán Minh Đế mộ đạo Phật, ông sai sứ qua Ấn Độ thỉnh kinh và đồng thời rước hai vị Pháp sư là ngài Ca-diếp Ma-đăng và ngài Trúc Pháp Lan về Trung Hoa. Các ngài thấy kinh Phật nhiều bộ dày và khó quá, sợ người đọc không kỹ và không hiểu hết nên trước tiên các ngài trích dịch, lựa những bài kinh hay, dịch từng đoạn, mỗi đoạn làm một bài, ghép lại được bốn mươi hai bài, đó chính là kinh Tứ Thập Nhị Chương này.

Kinh điển Tiểu thừa lấy bốn bộ A-hàm làm gốc, có chỗ cũng gọi là Ngũ A-hàm, Pàli gọi là Nikàya. Bốn bộ đó không những chỉ làm nền tảng chính cho kinh điển Tiểu thừa, mà sự thực kinh điển Đại thừa cũng gốc từ đó ra.

Bộ kinh này phần nhiều nói theo giáo lý Tiểu thừa, đi sát thực tế, và quả vị chứng cứu cánh là A-la-hán, chứ không vượt lên trên nữa.

Vì vậy, khi học bốn mươi hai bài kinh này, có thể nói đã học những điều cốt yếu trong bốn bộ A-hàm. Nếu chúng ta chỉ học kinh điển Đại thừa ắt sẽ thiếu phần gốc, nên tôi đề ra chương trình học hai bộ kinh Tứ Thập Nhị Chương và kinh Di Giáo để làm căn bản. Tuy học ít nhưng chúng ta nắm được những tinh ba của giáo lý A-hàm. Thế nên bộ kinh này rất thiết yếu cho sự tu tập của chúng ta.

Học kinh là học để tu chứ không phải học để thuyết pháp. Như ngài A-nan có hai mươi lăm đặc điểm, trong đó có một đặc điểm là lâu thông kinh tạng không sót một lời, nhưng ngài thuộc để nhớ tu, không phải để vì người khác nói. Tinh thần học kinh Phật là như vậy. Nếu chúng ta học và tu rồi, có ai tới hỏi, qua kinh nghiệm tu hành, chúng ta đem ra dạy người mới có lợi ích. Nếu học để nói chẳng khác cái máy ghi âm, thu vào phát ra, tự nó không có lợi cho chính nó. Cũng vậy, chúng ta học Phật để ứng dụng trong cuộc sống, rồi đem cái hiểu của mình nói cho người hiểu, đó là tự lợi lợi tha đầy đủ. Nhưng phải tự lợi trước, sau mới lợi tha. Nếu học chỉ nhằm lợi tha, rốt cuộc mình trở thành cái máy nói.

Vì vậy phải hiểu học kinh để tu, mỗi lời Phật dạy phải ghi nhớ kỹ và áp dụng vào cuộc sống thì sự học kinh mới có lợi ích.

Thiền viện Chơn Không 1970

THÍCH THANH TỪ

MỞ ĐẦU

Ngài Ca-diếp Ma-đăng và ngài Trúc Pháp Lan, từ Ấn Độ được vua Hán Minh Đế thỉnh về Trung Hoa dịch kinh, các ngài hợp tác dịch bộ kinh này đầu tiên.

Sau khi Thế Tôn thành đạo, ngài nghĩ thế này: Lìa dục tâm được tịch tịnh, đó là hơn hết. Trụ tâm trong đại thiên định để hàng phục các ma quân. Ở trong vườn Lộc Uyển chuyển bánh xe pháp Tứ đế độ năm anh em ông Kiều-trần-như đều chứng đạo quả. Lại có những Tỳ-kheo trình bày những điều nghi của mình cầu Phật chỉ dạy. Thế Tôn giảng giải, mọi người đều được khai ngộ, chấp tay kính vâng và thuận theo lời Phật dạy.

Giảng:

Đây là phần tổng khởi.

Sau khi đức Phật thành đạo dưới cội Bồ-đề, ngài nghĩ phải lìa dục để tâm được tịch tịnh - tịch tịnh tức là

yên lặng - đó là hơn hết. Và trụ tâm nơi thiền định để hàng phục các ma quân. Như vậy đối với người tu hành, không gì quý bằng là được tham dục để tâm thanh tịnh, đó là tốt cùng. Dục chia làm năm thứ: tài, sắc, danh, thực, thù. Ham mê tiền của là tài dục, ham mê sắc đẹp là sắc dục, ham mê danh vọng là danh dục, ham mê ăn uống là thực dục, ham mê ngủ nhiều là thù dục. Đó là phần ngũ dục thô, hay ngũ dục cạn. Còn ngũ dục tế là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Mắt thấy hình sắc đẹp dễ mê thích là sắc dục, tai nghe tiếng hay sanh ưa là thanh dục, mũi ngửi mùi thơm yêu thích là hương dục, lưỡi nếm vị ngon ưa mến là vị dục, thân xúc chạm cái gì hợp liền thích thú là xúc dục. Năm dục đó gồm hết tất cả sự vật hiện có. Như vậy, lìa dục là lìa tất cả những ham muốn đắm mê, tâm được an tịnh, đó là hơn hết.

Muốn được tâm thanh tịnh hoàn toàn, phải an trụ trong thiền định và hàng phục các ma quân. Ma quân ở đây chỉ cho các phiền não làm chướng ngại sự tu hành.

Sau khi suy nghĩ, đức Phật đi đến vườn Lộc Uyển, đem pháp Tứ đế độ năm anh em ông Kiều-trần-như, nhân đó các ngài đều chứng đạo quả. “Chuyển Tứ đế pháp luân” là từ pháp Tứ đế đức Phật lập lại ba phen để các đệ tử nhận hiểu được, gồm có: Thị chuyển, Khuyến chuyển, Chứng chuyển.

Thị chuyển: Ngài dạy Tứ đế một cách khách quan. Đây là Khổ, đây là Tập, đây là Diệt, đây là Đạo.

Khuyến chuyển: Ngài khuyên đệ tử nên tu Tứ đế. Đây là Khổ các ông nên Biết, đây là Tập các ông nên

Đoạn, đây là Diệt các ông nên Chứng, đây là Đạo các ông nên Tu.

Chứng chuyển: Ngài đem chính mình ra chứng minh. Đây là Khổ chính ta đã biết, đây là Tập chính ta đã đoạn, đây là Diệt chính ta đã chứng, đây là Đạo chính ta đã tu.

Ngài lặp lại Tứ đế ba lần như vậy gọi là chuyển mười hai phần pháp luân. Khi ngài nói qua ba lần đó, năm anh em ông Kiều-trần-như đều chứng đạo quả. Năm vị này là những đệ tử đã theo Phật lúc ngài tu khổ hạnh và bỏ đi khi Phật ăn uống lại.

Lại có những Tỳ-kheo trình bày các cái nghi của mình cầu Phật dạy bảo, Thế Tôn giảng giải để phá tất cả nghi ngờ cho họ. Mọi người đều chấp tay kính vâng và thuận theo lời Phật dạy.

Đây là phần tổng khởi hay phần duyên khởi chứ chưa vào kinh.



KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG GIẢNG GIẢI

CHƯƠNG 1

Chánh văn:

Phật nói: Những người đã từ biệt cha mẹ, bà con thân thuộc xuất gia, phải biết rõ tâm mình, nhận ra tột cùng nguồn gốc các pháp, hiểu rõ pháp vô vi, mới gọi là Sa-môn. Thường thực hành 250 giới, đi đứng tới lui đều thanh tịnh, thực hành bốn chân đạo hạnh, thành A-la-hán. Bạc A-la-hán hay bay đi và biến hóa tự tại, tuổi thọ rộng vô cùng vô tận, bằng với trời đất. Kế là A-na-hàm, A-na-hàm khi tuổi thọ hết, thần thức sẽ sanh lên cõi trời thứ mười chín, mới chứng A-la-hán. Kế là Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm còn một phen sanh lên cõi trời và một phen trở lại nhân gian mới chứng A-la-hán. Kế là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn còn bảy phen chết và bảy phen sanh mới chứng A-la-hán. Ái dục đoạn dứt như chặt hết tay chân, không dùng nữa.

Giảng:

Người đã từ biệt cha mẹ, bà con thân thuộc xuất gia phải biết rõ tâm mình, nhận ra tột cùng nguồn gốc các pháp và trong khi tu phải hiểu rõ pháp vô vi, như vậy mới xứng đáng gọi là Sa-môn. Sa-môn là chỉ những người tu, bây giờ gọi là tu sĩ. Nếu xuất gia tu hành mà không hiểu được những điều này thì chưa xứng đáng là Sa-môn. Như câu chuyện ngài Hoàng Bá thấy người bạn đồng hành dùng thần thông qua suối, ngài nói: “Nếu tôi biết trước đã chặt bấp đùi huynh”.

Như vậy gốc của sự tu là phải nhận được đâu là thật tâm mình, thấy cho tường tận gốc các pháp và khi tu phải hiểu được pháp vô vi, chứ không phải lấy thần thông làm trọng. Ai lấy thần thông huyền bí làm cốt yếu của sự tu là lầm. Phàm tu phải biết được tâm, biết tâm không phải là biết cái suy nghĩ tính toán, mà là biết cái nào chân, cái nào vọng. Trong kinh Lăng-nghiêm, Phật dạy biết tâm là phải biết đâu là giấc, đâu là con, đừng nhận giấc làm con. Nhìn lại tâm mình, biết cái nào vọng thì bỏ, cái nào chân thì theo.

Đạt bốn là thấy tường tận gốc các pháp, tức là thấy được tánh các pháp, thấy được như vậy mới không lầm theo hình tướng của nó. Chỉ bốn chữ *Thức tâm đạt bốn* cũng đủ cho chúng ta tu suốt kiếp.

Giải vô vi pháp là hiểu được pháp vô vi. Gần đây, người ta thường lầm cho tu vô vi là ngồi yên để *điện thiêng liêng* phù trợ, hoặc nhịn đói v.v... đó là lầm to. Chữ vô vi trong nhà Phật có nghĩa là vô sanh,

không sanh không diệt gọi là vô vi. Phàm cái gì có hình tướng đều là vô thường, theo thời gian mà hư hoại, chứ không trường tồn. Và cái gì có động đều có sanh diệt. Như thân chúng ta có hình tướng nên bị vô thường chi phối phải chịu sanh già bệnh chết. Dem thân vô thường này nói tu vô vi là không thể được. Cuộc sống của chúng ta là một dòng chuyển động. Chúng ta sống nhờ mũi hít vào thở ra, tim đập từng nhịp v.v... Nếu khi tim ngừng đập, mũi ngừng thở, sự sống chúng ta cũng ngừng lại. Chúng ta nhận sự suy nghĩ tính toán làm tâm mình. Tâm suy nghĩ tính toán lăng xăng tiếp nối không dừng, nên cũng là sanh diệt vô thường.

Như vậy thân chúng ta là hình tướng vô thường, cuộc sống là một dòng chuyển động không dừng và tâm sanh sanh diệt diệt. Nếu lấy thân, tâm và sự sống này làm chỗ y cứ tu hành, dù nói tu vô vi cũng không ra ngoài sanh diệt. Thí dụ như có người nói tu vô vi bằng cách làm thính, nhưng làm thính trên thân hình tướng này, trong lúc đó vẫn sống trong cái động của thân và tâm. Điện lực bên ngoài phụ vào cũng là sanh diệt, mà gọi tu vô vi là lầm, không phải nghĩa vô vi trong nhà Phật. Trong nhà Phật nói phàm những gì có hình tướng, có động tác đều gọi là hữu vi, dù cho ngồi yên lặng cũng là hình tướng, động tác nên gọi là hữu vi. Vô vi là không hình tướng, không động tác. Thế nên nghĩa vô vi trong nhà Phật rất sâu, rất khó, nhưng như vậy không có nghĩa là phủ nhận thân tâm này. Trong thân tâm này vẫn có cái không sanh diệt, nhưng vì lâu nay chúng ta cứ chấp nhận cái sanh diệt làm mình cho nên chỉ

tu hành trong cái sanh diệt. Tóm lại, xuất gia là phải tự biết được tâm, tự thấy được nguồn gốc các pháp và hiểu được pháp vô vi thì tu mới giải thoát và dạy người giải thoát, đó là thật tu, thật độ người. Không phải xuất gia một cách tầm thường, chỉ gõ mõ tụng kinh hai thời là đủ.

Những vị Sa-môn đó phải thường giữ 250 giới, oai nghi đi, đứng, tới, lui đều thanh tịnh và thực hành bốn chân đạo hạnh. Bốn chân đạo hạnh có chỗ nói là bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi nhưng sự thật bốn chân đạo hạnh này là Tứ đế. Vì theo kinh điển A-hàm, Tứ đế là bốn pháp chân thật nhất. Nếu ngộ Tứ đế đến chỗ tột cùng là chứng A-la-hán.

A-la-hán là những vị có khả năng bay đi và biến hóa tự tại, tuổi thọ của các ngài vô cùng vô tận, bằng với trời đất. A-la-hán dịch nghĩa là Vô sanh, chứng được chỗ không còn sanh tử nữa. Phàm có sanh có tử thì có tuổi, không sanh không tử làm sao biết bao nhiêu tuổi đây, cho nên nói là bằng với trời đất, trời đất còn hoài thì các ngài cũng còn hoài. Trong tứ quả Thanh văn bên Tiểu thừa, A-la-hán là quả tột cùng - quả thứ tư.

Kế đến, quả thứ ba là *A-na-hàm*, những vị này khi tuổi thọ hết, linh thân hay thần thức sanh lên cõi trời thứ 19 trong Sắc giới, gọi là trời A-na-hàm, tu một thời gian nữa mới chứng được A-la-hán.

Quả thứ hai là *Tư-đà-hàm*, những vị này còn một phen sanh lên cõi trời và một phen sanh trở lại nhân gian, mới chứng được A-la-hán.

Quả thứ nhất là *Tu-đà-hoàn*, những vị này còn bảy phen chết, bảy phen sanh mới chứng quả A-la-hán. *Tu-đà-hoàn* có chỗ dịch là Nhập lưu, tức là vào dòng Thánh, từ đó luôn luôn tiến lên không còn lui sụt, nhưng phải bảy phen sanh tử mới chứng được A-la-hán.

Như vậy bên Thanh văn, quả thứ nhất *Tu-đà-hoàn* phải bảy phen sanh tử rồi chứng A-la-hán; quả thứ hai *Tu-đà-hàm* còn một phen sanh lên cõi trời, một phen trở xuống; quả thứ ba *A-na-hàm* một phen sanh lên cõi trời rồi chứng A-la-hán. Chỉ có quả thứ tư A-la-hán là ngay nơi đời này liền được giải thoát.

A-la-hán là những vị đã đoạn dứt ái dục như chặt hết tay chân không dùng nữa. Chặt hết bốn phần tay chân thì thân như chết. Cũng vậy, đối với ái dục thế gian, các ngài đoạn hết nên không còn tái sanh trở lại. Trong giáo lý A-hàm, sanh tử gốc là từ ái, ái hết tức nhiên dòng sanh tử hết. Ái đây nặng về ái ngã, tức là thương mình, cho thân mình là quan trọng, chứ không phải chỉ là thương người khác. Thương mình nên mất thân này liền tạo thân khác. Trong kinh A-hàm, Phật thí dụ: Có một bọn trẻ con đùa chơi, hoặc cất chòi hoặc lấy đất vun làm núi non. Trong khi mê chơi, nếu có ai đến phá sập đồ chơi, chúng sẽ khóc la và lập tức dựng cái khác, khi còn thích chơi thì không bao giờ chịu bỏ. Khi nào chán, không thích chơi nữa, lúc đó tự nó lấy chân đạp, lấy tay hốt quăng và không làm lại. Cái thích chơi của trẻ con đó Phật thí dụ như cái ái của chúng sanh. Khi còn ái, mất thân này liền tạo thân khác, cứ như vậy hoài nên

dòng sanh tử liên tục không dứt. Đến khi nào chúng ta không ái thân này nữa, tự nhiên tu hành mới giải thoát được. Nếu còn ái, dù bị đập chết cũng liên sanh lại chứ không bao giờ dứt hẳn. Như vậy chúng ta thấy rõ, ái chính là gốc của sanh tử luân hồi vậy.



CHƯƠNG 2

Chánh văn:

Phật nói: Bậc Sa-môn xuất gia phải dứt bật tham dục, dẹp sạch luyến ái, biết tận nguồn tâm mình, hiểu tột được lý sâu của Phật, ngộ được pháp vô vi, trong không sở đắc, ngoài không mong cầu, tâm không cột nơi đạo, cũng không kết nghiệp, không niệm, không tạo, không tu, không chứng, không trải qua các thứ lớp mà tự cao tột, gọi đó là đạo.

Giảng:

Tu là hành đạo. Hành đạo nghĩa là khi xuất gia, trước phải đoạn ái dục, biết tận nguồn tâm mình, hiểu được lý sâu của Phật và chứng ngộ được pháp vô vi, trong không sở đắc; ngoài không sở cầu. Như kinh Bát-nhã nói, còn sở đắc là còn bản ngã, đó là sanh diệt, chưa phải vô sanh, nên nói trong không sở đắc. Bên ngoài cũng không mong cầu điều gì, vì còn mong cầu là còn vọng tưởng. Trong không thấy có sở đắc tức là không có ngã; ngoài không thấy có pháp để mong cầu, đó mới thật là hết vọng.

Tâm không cột nơi đạo cũng không kết nghiệp. Chỗ này khó hiểu. Vì người tu phải luôn luôn tâm tâm niệm niệm hướng về đạo, mà ở đây nói tâm không cột nơi đạo, cũng không kết nghiệp. Tại sao vậy? Đạo là chỗ không thể dùng danh ngôn hay tư tưởng để nghĩ hay xét, chỉ có thể thể nhập được thôi. Chỗ không thể suy nghĩ mà cứ cột tâm, tức nhiên tự mình ràng buộc lấy mình, không thể đạt được đạo. Muốn đạt đạo, đừng cột tâm vào chỗ nào, cũng đừng tạo thêm nghiệp. Tâm phải thanh thang khoáng đạt, trong nhà thiền gọi là vô tâm, tâm mà vô tâm, tức là không khởi vọng niệm chạy theo đạo, như vậy tự nó đạt đạo. Còn khởi vọng niệm mong được đạo, đó là chưa được, nên nói tâm không ràng buộc nơi đạo. Đạo là chỉ thể chân thật không sanh không diệt. Cũng không kết nghiệp là không tạo nghiệp gì hết.

Không niệm, không tác, không tu, không chứng. Chỗ này rất khó hiểu. Tuy là kinh A-hàm, nhưng những bài này lại giống giáo lý Đại thừa. Vô niệm là tâm không khởi vọng niệm, khi khởi nghĩ là niệm, khởi nghĩ liên tục là niệm niệm tiếp nối, bất dứt không khởi nghĩ là vô niệm. Tạo tác là những hành động về hình tướng. Tâm khởi nghĩ rồi phát ra những hành động bên ngoài gọi là tạo tác. Khi tâm đã bất, tạo tác cũng theo đó mà *không*. Không tu, không chứng mà có tu có chứng hay không? Trong kinh Kim Cang nói Phật không có một pháp để chứng, không được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức là không chứng được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Phật không chứng nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký ngài thành Phật. Như vậy không chứng mà chứng. Bây giờ chúng ta nói tu,

bên ngoài siêng năng gõ mõ tụng kinh, nhưng bên trong vọng khởi lãng xăng. Còn bậc đạt đạo nói không tu, nhưng bên trong không một niệm dấy khởi, nên chư Tổ nói không tu mà tu, không chứng mà chứng là chỗ đó. Người không hiểu, lầm nghĩ không tu, không tạo tác, không chứng thì thành không rồi! Nhưng không phải. Vì tâm không khởi vọng nên nói không tu, không đạt. Chính khi không thấy có ngã đạt được, đó là chỗ chứng đạo, cho nên không chứng mà chứng. Như vậy kinh điển Đại thừa và Tiểu thừa đều phải đi tới chỗ tột cùng đó chứ không thể nào tu lơ mơ được. Tu là phải đi tới chỗ giải thoát, chỗ cao tột. Muốn giải thoát phải không niệm, không tạo, không tu, không chứng, như vậy mới hợp đạo.

Tóm lại, chương hai nói về hạnh người xuất gia. Hạnh người xuất gia là phải tự mình thâm đạt được giáo lý của Phật cho tột cùng, rõ biết nguồn tâm mình. Đối với đạo, tâm phải thênh thang, bật hết vọng tưởng là hợp với đạo, đó là hạnh của người tu. Hai chương đầu đều nói về bản nguyện hay cội gốc của người xuất gia, phải làm sao cho xứng đáng là bậc Sa-môn.



CHƯƠNG 3

Chánh văn:

Phật nói: Người đã cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn, thọ học giáo lý của Phật phải bỏ hết tiền của thế gian, đi xin ăn chỉ để cầu vừa đủ sống. Giữa trưa

ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, dè dặt đừng tái phạm. Làm cho người ngu si là ái và dục vậy.

Giảng:

Người đã cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn, tức tu sĩ chịu lễ xuất gia và thọ học giáo lý Phật, phải bỏ hết tiền của thế gian, đi xin ăn chỉ để cầu vừa đủ no, vừa đủ sống thôi. Giữa trưa ăn một bữa. Dưới gốc cây ngủ một đêm, không được ngủ nhiều đêm, dè dặt đừng tái phạm. Trong kinh nói nếu ở lâu một chỗ sẽ sanh luyến ái. Chỗ nào ngủ được yên ổn thì muốn ngủ hoài, đó là luyến ái. Phật dạy ngủ một đêm, tức là bắt buộc mình phải đi chỗ khác, không được trở lại nơi đó. Như vậy mới là người khách dạo đi trong tam giới, rày đây mai đó, không trụ một chỗ. Bây giờ chúng ta tu không đi khát thực, chỉ ở một chỗ. Vì ở một chỗ nên nhiều khi cũng phải chất chứa tiền bạc, của cải v.v... đó là chúng ta đã bị mắc kẹt.

Ái và dục làm cho người ngu si, không biết được chỗ cao siêu, sáng suốt. Nếu muốn giải thoát hay an ổn phải dẹp trừ ái dục.



CHƯƠNG 4

Chánh văn:

Phật nói: Chúng sanh lấy mười việc làm lành, cũng lấy mười việc làm ác. Những gì là mười? Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Thân có ba là sát, đạo, dâm.

Miệng có bốn là nói hai lưỡi, nói hung ác, nói dối, nói thêu dệt. Ý có ba là tật đố, nóng giận, si mê. Mười việc này không hợp đạo Thánh, gọi là mười hạnh ác. Những việc ác này nếu dừng, gọi là mười hạnh lành.

Giảng:

Chúng sanh lấy mười việc làm lành, cũng lấy mười việc làm ác. Những gì là mười? Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Thân có ba là sát, đạo, dâm, tức là sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Miệng có bốn là nói hai lưỡi tức là nói đâm thọc; nói hung ác tức là mắng chửi người; nói dối là việc có nói không, việc không nói có; nói thêu dệt là dùng lời khéo léo, khôn ngoan lừa bịp người, đó là bốn lỗi ở miệng. Ý có ba là tật đố, nóng giận, si mê, tức là tham, sân, si. Nếu làm mười điều này thì gọi là Thập ác, còn dừng lại thì gọi là Thập thiện. Thập ác là tội đọa địa ngục. Thập thiện là phước sanh lên cõi trời. Hai việc phân biệt rõ ràng. Giáo lý sanh cõi trời là giáo lý thập thiện, thập thiện không gì khác hơn là dừng thập ác. Đây là nói tiêu cực. Nếu nói tích cực, thập thiện có mười điều khác.

Thân có ba là không sát sanh mà phóng sanh; không trộm cướp còn hành bố thí; không tà dâm còn dạy người giữ trinh tiết. Miệng có bốn là không nói hai lưỡi, đâm thọc cho hai bên thù hiềm nhau mà nói cho mọi người hòa hợp; không nói hung ác mà nói những lời hòa nhã, dịu ngọt; không nói dối mà nói lời chân thật; không nói thêu dệt, trau chuốt để lừa bịp người, mà nói những lời chất trực, tức là những lời chân thật, ngay thẳng.

Đó là bốn hạnh thiện của miệng. Ý có ba là không tham lam, lại thêm lòng từ bi bố thí, cứu giúp mọi người; không nóng giận lại còn tập tánh nhẫn nhục; không si mê lại vận dụng trí tuệ sáng suốt.

Người tu muốn cầu thành Phật phải lấy mười điều lành này làm gốc. Giả sử có người tu thiền, nhập định mỗi ngày mười giờ hay mười hai giờ, khi xả thiền ra vẫn còn giận, còn si... thì không bao giờ giải thoát được. Chúng ta tu phải đi từ thấp rồi mới tới cao.

Mười điều lành này tuy thấy thường nhưng sự thực không phải thường. Muốn lên trên thì phải đi qua cái thấp, cũng như khi muốn leo thang tới tột nấc chót phải bước qua nấc thứ hai, thứ ba... Không bước qua những nấc đó mà nói tôi đến nấc chót thì không thể tin được.

Cũng vậy, muốn tu thiền hay muốn giải thoát thì phải đủ những điều căn bản đó. Cho nên người trí, qua những lời Phật dạy căn bản này mà phân biệt được người tu thật hay tu giả. Thí dụ có người khoe tu chứng được pháp này, pháp kia, nhưng khi bị chọc tức liền nổi sân thì người đó nói khoác chứ không có tu chứng thật. Hoặc nếu có người, tuy không nói gì hết, nhưng tám gió thổi không bị lung lay thì vị đó đã hiểu đạo, chứng đạo rồi. Nên muốn biết người tu cao thấp phải nhận xét qua những hành động của họ khi có nghịch duyên xảy đến, chứ không thể căn cứ trên lời nói của họ được.



CHƯƠNG 5

Chánh văn:

Phật nói: Người có lỗi, không biết hối lỗi ăn năn, mau dứt tâm lỗi lầm kia, tội sẽ đến nơi thân, như nước đổ về biển, dần dần thành sâu rộng. Nếu người có lỗi, tự hiểu biết lỗi, đổi ác làm lành, tội tự tiêu diệt. Như bệnh được xuất mồ hôi, lần lần nhẹ đi.

Giảng:

Bài kinh này Phật dạy người có lỗi, không biết hối lỗi ăn năn, không chịu mau dứt tâm lỗi lầm, tất nhiên tội lỗi mỗi ngày một ít dồn chứa lại thành nhiều. Giống như nước chảy về biển dần dần sâu rộng là vì nước tất cả sông chảy dồn về, cho nên biển mới sâu rộng. Khi lỗi đã dồn thành nhiều rồi, nó sẽ lôi cuốn mình phải trầm luân trong sanh tử, chịu đọa trong các đường khổ. Ngược lại, nếu mình có lỗi biết là lỗi, ăn năn, bỏ những điều lỗi trước, không làm nữa và làm tất cả những điều lành. Như vậy tội không thêm mà phước lại thêm, bao nhiêu tội cũ lần lần mòn hết, nên nói tội tự tiêu diệt. Cũng như người bệnh cảm vì bị sương gió, uống thuốc vào, mồ hôi xuất ra được, lúc đó bệnh cảm lần lần nhẹ đi.

Tóm lại, bài kinh này cốt yếu Phật dạy chúng ta biết lỗi phải bỏ ngay, đừng làm nữa. Khi biết lỗi phải ăn năn sửa đổi, trước hết bỏ những điều ác đừng tạo thêm, đồng thời từ đó về sau cố gắng làm điều lành, lần lần sẽ hết tội, hết lỗi.



CHƯƠNG 6

Chánh văn:

Phật dạy: Người ác nghe người lành, cố đến làm nhiều loạn, các ông nên tự kiềm hãm, không giận hờn, không phiền trách. Người mang tâm niệm ác đến (hại mình) sẽ tự mang lấy cái ác.

Giảng:

Người ác nghe người nào lành, cố đến làm nhiều loạn. Vì họ hung dữ nên nghe người nào tu hành hiền lành là tới khuấy rối. Khi đó chúng ta nên tự kiềm hãm, đừng cho tâm nóng giận khởi lên, không giận hờn, không phiền trách. Lúc đó, người mang tâm niệm ác đến khuấy rối, làm hại mình sẽ tự mang lấy cái ác, chứ mình không có dính dáng. Muốn không sân trách họ, chúng ta phải hiểu rằng nếu họ chửi mà mình giận, tức nhiên mình cũng tạo cái ác tương đương với họ. Nếu chúng ta không giận, khi họ chửi tự họ chịu lấy tai họa. Đó là chúng ta biết tu, không phiền hận ai hết. Thường thường ở thế gian hay nói người làm lành được nhiều người thương, ít có ai ghét. Nhưng sự thực không hẳn như vậy. Người lành thì người lành thương, người ác thì người ác thích. Thí dụ như người cờ bạc với nhau thì thân nhau, còn với người lương thiện không biết cờ bạc, họ cười cho là dốt, hà tiện, keo sến v.v...

Tóm lại, kẻ ác không ưa người hiền, người hiền cũng không chơi với kẻ ác. Kẻ ác thì hung dữ, làm những điều gây nên tội lỗi, còn người hiền không làm giống họ

nên họ ghét và kiếm chuyện. Vì vậy người hiền biết tu phần nhiều bị kẻ ác quấy nhiễu. Muốn bảo vệ tâm hiền cho trọn vẹn, khi họ quấy nhiễu, phải cố gắng kềm chế, đừng nóng giận. Nếu tâm nóng giận không nổi lên, người mang tâm ác hại mình phải tự mang họa, tự chịu quả ác, chứ mình không liên hệ gì mà sợ.



CHƯƠNG 7

Chánh văn:

Phật nói: Có người nghe ta giữ đạo, tu hạnh đại nhân từ, cố ý đến mắng chửi Phật. Phật làm thinh không trả lời. Họ chửi xong, Phật hỏi: Người đem lễ vật cho người, người ta không nhận, lễ vật về người chẳng? Người đó đáp: Về tôi. Phật bảo: Nay người chửi ta, nhưng ta không nhận, người tự mang họa vào thân người vậy. Như âm vang theo tiếng, như bóng theo hình, trọn không xa lìa nhau, dè dặt chớ có làm ác.

Giảng:

Bài kinh này Phật đem chính Phật ra làm thí dụ. Có người nghe Phật giữ đạo một cách thanh tịnh và tu hạnh nhân từ lớn, họ tới mắng chửi Phật. Lúc bị mắng chửi, Phật làm thinh không trả lời. Chửi một lúc lâu họ im lặng. Khi đó Phật hỏi lại: Người đem lễ vật tặng người, người không nhận, lễ vật đó về người không? Người đó đáp: Về tôi. Phật nói: Cũng vậy, khi người

chửi ta, ta không nhận, người tự mang họa lấy, không có lợi gì cho ai, tự người chịu quả báo. Cũng như tiếng vang là từ tiếng nói hay tiếng động dội lại mà có. Thí dụ bây giờ dưới núi có tiếng nổ, tiếng đó dội trong núi vang ra giống như tiếng nổ. Hay mình la một tiếng lớn, nó cũng dội vào núi và vang lại giống như tiếng mình la, như vậy chúng không rời nhau. Hoặc như bóng với hình, hình cong thì bóng cong, không thể nào xa rời nhau được. Cho nên phải dè dặt chớ có làm ác.

Bài kinh này là phương pháp trừ tâm nóng giận. Nếu có ai chửi mình, mình nhớ ngày xưa khi bị chửi, Phật làm thinh không trả lời, đợi họ chửi mỗi miệng, hết chửi nữa mới hỏi: *Ông đem vật cho người, người không nhận thì về ai?* Như vậy, lỗi sanh ra sân hận là do chấp nhận. Nếu người chửi hay chọc tức mình, mình cứ lặng thinh không nhận, chừng nào họ nói mỗi một rồi mới nhắc lại vài câu đạo lý cho họ hiểu. Còn khi họ đang nóng giận mà mình nói lại, tức nhiên hai bên ẩu đả gây tai vạ cho nhau, chứ không có ích gì. Sở dĩ hai người chửi mắng, đánh đập nhau là do lỗi chấp nhận. Khi người ta nói, mình chấp nhận là nói mình, lời nói đó nặng, nhẹ v.v... do đó có chống cự. Bây giờ đừng chấp nhận thì mọi việc đều trôi, cho nên ở đây nói Phật không nhận nên không dính dáng. Cũng như người ta cho quà, mình không nhận, vật đó không liên hệ tới mình.

Vì vậy chúng ta phải nhớ, nhận là điều quan trọng, người ta cho mà mình nhận thì nó thuộc về mình, còn mình không nhận, nó thuộc về họ. Người ta cho, mình không nhận, chỉ nhớ bấy nhiêu là đủ tu rồi.



CHƯƠNG 8

Chánh văn:

Phật nói: Kẻ ác hại người hiền giống như ngựa mặt lên trời phun nước bọt, nước bọt chẳng đến trời, trở lại rớt trên mặt mình; ngược gió ném bụi, bụi không đến người, trở lại lấp thân mình. Người hiền không thể hại mà họa ắt diệt mình.

Giảng:

Kẻ ác hại người hiền không bao giờ được, vì người hiền không chấp nhận, như trường hợp của Phật, khi bị chửi ngài vẫn làm thính không trả lời. Khi chửi người, người không trả lời, mình mang tội ác khẩu, tự chuốc lấy tội, chẳng khác nào ngựa mặt lên trời phun nước bọt. Sở dĩ trên trời không dơ vì trên đó không có gì hết, cho nên không dính mà trở lại rớt trên mặt mình. Nếu trên đó có tờ giấy hay cái gì khác thì đã bị dính nước bọt rồi. Không dính vì không chấp nhận, tất nhiên cái đó trở lại hại người gây nên nó. Khi người ta chửi mình, nếu mình chửi lại, hai người cũng ác như nhau, không có ai là người hiền. Còn nếu người ta chửi, mình không chửi lại, tự họ cũng thấy người nào hiền, người nào dữ rồi.

Như vậy muốn thành người hiền, đừng chửi lại người dữ, người dữ tự họ thành kẻ dữ chứ mình không dính dáng, cũng như ngược mặt lên trời phun nước bọt hay ngược gió ném bụi, tự họ phải chịu tai họa. Nhà Nho nói: *Hàm huyết phún nhân, tiên ô tự khẩu*, ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình, nghĩa là kẻ ác muốn hại người mà thành tự hại.

Tóm lại Phật dạy điều cốt yếu của sự tu hành là đừng nóng giận. Chúng ta đã phát nguyện tu hành, tất cả những gì người ta đem đến có thể làm mình mất tư cách, mình cũng đừng chấp nhận. Thí dụ người ta nói cô đó tu hiền, hạnh kiểm tốt. Nhưng nếu có người tới kiểm vài chuyện chọc tức, khi đó mình nổi giận la lối thì cái tốt, hiền, đức hạnh đó còn hay hết? Đức hạnh còn là khi người ta chọc tức, mình cũng vẫn tươi vui. Ngược lại, mình chấp nhận rồi tức lên la lối thì đức hạnh mình đã mất.

Như vậy tu hành là đừng chấp nhận, dù họ tới chọc tức, mình cũng yên lặng, khi đó họ tự mang họa chứ mình không dính dáng. Người tu bây giờ phần nhiều khó nhịn lắm, nói tức sơ sơ đã khó chịu rồi, huống nữa là chửi. Cho nên những bài kinh này phải nhớ thuộc lòng. Khi bị chửi, mình nhớ những người đó cho mình món quà, nếu mình không nhận, vật đó tự về họ; họ chửi, họ tự mang họa, chứ mình đâu có dính dáng gì.

Nhưng tôi thấy có khi chỉ nghe người ta nói chuyện cách vách mà có dính tới tên mình là đã tò mò muốn hỏi, muốn nhận rồi. Như vậy chẳng những mình nhận ngay mặt thôi, mà người ta chưa cho đã sửa soạn lấy trước rồi. Chúng ta ở chung với nhau một chùa hay một xóm phải nhớ kỹ những điều này. Giả sử hai người chơi thân với nhau, có một người lại nói: Cô A hôm đó nói xấu cô thế này thế nọ. Vừa nghe nói, nếu mình chấp nhận thì sẽ nổi giận lên la lối mà không biết cô A có nói thật không. Rồi cô A nghe lại tức nữa, vậy là hai bên giận nhau. Chi bằng nghe rồi mình nhẫn nhịn đợi hỏi lại xem có thật không.

Nếu có thật, mình chỉ hỏi: “Tôi có lỗi gì?” Như vậy chắc không đến nỗi giận nhau. Chứ mới nghe phong thanh liền chấp nhận, chuyện nhỏ trở thành to, huynh đệ bất hòa nhau là lỗi tại đây.

Khi học bài kinh này rồi phải nhớ là người ta chửi ngay mặt mình còn nhịn được, hướng là nói ở đâu xa. Thế nên đừng chấp nhận một điều gì hết, đó là an ổn nhất, đó cũng là phương pháp Phật đã thực hành ngày xưa vậy.



CHƯƠNG 9

Chánh văn:

Phật nói: Người học rộng, mến đạo nhiều, đạo ắt khó hội. Người giữ chí để phụng đạo, đạo đối với họ mới thật lớn.

Giảng:

Phật nói: Người học rộng, mến đạo nhiều, đạo ắt khó hội, tức là khó hội được đạo. Thủ chí phụng đạo, tức là giữ chí để phụng thờ đạo thì đạo đối với những người đó mới thật là lớn, là sâu vậy. Tại sao? Vì dù học rộng, hiểu Phật pháp nhiều, biện bác như nước chảy, trả lời thông suốt mà không bền chí tu hành, thì khi gặp chướng duyên liền chán nản, thoái chí. Như vậy tuy hiểu đạo mà không đạt đến nơi đến chốn.

Có người thấy Phật từ xa liền lạy, gặp chư tăng cũng mọp sát đất, đó là tâm mộ đạo thật nhiều, thật rộng. Nhưng trên đường tu lại có những điều mong cầu, nếu được thỏa nguyện thì hoan hỷ, kính trọng Phật pháp; nếu không được như ý thì chán nản, thối chí, nên đối với đạo không tới đâu được. Chỉ có người bình thường, tu hành chỉ biết Phật pháp, hiểu biết đúng căn bản, không cầu hiểu rộng, nhưng lúc nào cũng một lòng một dạ, nguyện trọn đời chết sống vì đạo, tu hành thuận duyên cũng vui vẻ tiến, nghịch duyên cũng gắng tiến, quyết chết chứ không bao giờ thối chí, người như vậy mới có thể đạt được đạo lớn. Còn những người dù mộ đạo lắm hay học rộng mấy mà không có chí thì không bao giờ đạt được đạo sâu rộng. Tại sao? Như ở thế gian, muốn làm bác sĩ, người ta phải cần cù học tập sau bao nhiêu năm, nên phải có chí lắm mới được. Huống nữa làm Phật là việc rất khó. Vì Phật là vị *thiên nhân chi đạo sư, tứ sanh chi từ phụ*, là thầy của trời người, là cha lành của bốn loài, tất nhiên phải trải qua bao nhiêu khổ nhọc, bao nhiêu thử thách mới đạt được.

Nếu người không có chí, khi nghe nói Phật là quý thì ái mộ kính trọng, đến khi gặp chướng ngại thì nản lòng, làm sao đi tới đâu! Và dù học rộng đến đâu, khi tu gặp chướng ngại liền thối chí, làm sao đạt được đạo? Chỉ có người một còn một mất trong việc tu hành, chết cũng nằm ngay trước bàn Phật chết, còn sống ngày nào ngày đó cứ tu, dù thiên hạ chửi mắng, hành hạ gì cũng được, ngày nào cũng nhắm sâu vào sự tu, người đó mới đi

đến nơi đến chốn. Như con đường rất xa, người dù mạnh mà không có sức dai dẳng, đi một chút mệt quá cũng thôi chí; còn người ham đi cách mấy mà không có sức nhẫn nại, đi một lúc mỗi chân cũng muốn lui; chỉ có người chịu đựng dai dẳng, bền chí, dù gặp khó cũng không lo, gặp vui cũng không mừng, không hăng hái quá nhưng quyết đi hoài, người đó mới đến đích.

Cũng vậy người tu phải lập chí vững như sắt đá, một còn một mất trong việc tu mới có thể đạt đạo. Nếu tu lơ mơ, gặp cảnh vui thì tu, gặp cảnh buồn muốn trở về thế tục, những người đó không đi tới đâu hết. Thế nên ở đây Phật dạy: Học rộng, mên đạo nhiều, khó hội được đạo; còn thủ chí phụng đạo mới có thể hội được đạo.



CHƯƠNG 10

Chánh văn:

Phật nói: Thấy người bố thí, làm việc đạo, mình giúp đỡ và sanh tâm hoan hỷ, được phước rất lớn. Có vị Sa-môn hỏi: Phước đó hết chăng? Phật dạy: Như lửa của một cây đuốc, trăm ngàn người cầm đuốc đến mỗi đem về hoặc nấu cơm, hoặc thắp sáng, cây đuốc kia vẫn như cũ, phước cũng như thế.

Giảng:

Thấy người bố thí, làm việc đạo, mình giúp đỡ và sanh tâm hoan hỷ, được phước rất lớn. Có vị Sa-môn hỏi:

Phước của người bố thí, làm việc đạo đó có hết chẳng? Phật nói: Như có một cây đuốc sáng, trăm ngàn người cầm đuốc đến摸, đem về hoặc nấu cơm hoặc thắp sáng, cây đuốc thứ nhất vẫn sáng như cũ, phước người bố thí cũng như vậy.

Giả sử trong xóm có mười nhà, một nhà làm việc Phật pháp như bố thí, làm việc đạo; những người khác đều phát tâm giúp đỡ và hoan hỷ theo, những người đó đều được phước như nhà bố thí, làm việc đạo kia. Như vậy mình bố thí được phước mười phần, có phải đem chia hết cho những người tùy hỷ giúp đỡ mình không? Phật nói không phải. Người giúp mình được phước, mà phước mình vẫn còn nguyên không mất. Như cây đuốc của mình đã sáng, bây giờ một ngàn cây đuốc khác đến摸 được cháy sáng, cây đuốc mình vẫn sáng như thường, ánh sáng không mất. Như vậy người phát tâm hoan hỷ giúp người khác làm việc thiện được phước bằng với người làm việc thiện.

Theo quan niệm thế gian, con người luôn luôn có tánh xấu là thấy người làm việc gì được thiên hạ hoan nghênh, khen tặng mà mình không làm được thì sanh tâm đố kỵ. Thí dụ hai người cùng đi tới nhà một người khác, người chủ nhà chỉ khen một người, còn người kia không nói ngang tới, người đó sẽ bực bội, đó là tâm đố kỵ hay tật đố, tức là thấy người ta hơn mình thì ghét. Tâm tật đố cũng ngang như tâm sân hận.

Chúng ta học kinh không phải chỉ học trên chữ nghĩa thôi, phải ứng dụng được lời Phật dạy vào cuộc sống

hàng ngày của mình mới gọi là học kinh để tu. Nếu học chữ nghĩa suông, cả đời cũng không tu gì được. Ở đây Phật nói phước của người bố thí, làm việc đạo với phước của người phát tâm hoan hỷ trợ giúp bằng nhau. Xét về phần tâm lý, người phát tâm bố thí, làm việc đạo là có tâm từ thiện, hay tâm từ bi làm lợi ích chúng sanh, đó là phước đành rồi. Còn người trợ giúp và sanh tâm hoan hỷ, tại sao lại có phước? Bởi vì thấy người làm việc lành thì vui theo và giúp sức vào, đó là người lành nên cũng được phước. Người ta có tiền làm việc lành, mình không tiền của nhưng vui theo, tất nhiên trong lòng mình cũng lành ngang với người làm lành kia nên vẫn có phước. Còn người sanh tâm đố kỵ nên phải mang tội, mang họa. Người lành thấy ai làm việc lành thì phát tâm hoan hỷ, còn kẻ dữ lại đố kỵ kiếm chuyện bươi móc, hoặc chọc tức.

Tóm lại bài kinh này Phật dạy: Người phát tâm hoan hỷ được phước lớn vì người đó có tâm thiện không thua gì người kia, nên phước cũng như vậy.



CHƯƠNG 11

Chánh văn:

Phật nói: Cho cơm một trăm người ác ăn không bằng cho cơm một người lành ăn. Cho cơm một ngàn người lành ăn không bằng cho cơm một người giữ năm giới ăn. Cho cơm một muôn người giữ năm giới ăn không bằng cúng dường cơm một vị Tu-đà-hoàn ăn.

Cúng dường cơm một trăm muôn vị Tu-đà-hoàn ăn không bằng cúng dường cơm một vị Tư-đà-hàm ăn. Cúng dường cơm một ngàn muôn vị Tư-đà-hàm ăn không bằng cúng dường cơm một vị A-na-hàm ăn. Cúng dường cơm một ức vị A-na-hàm ăn không bằng cúng dường cơm một vị A-la-hán ăn. Cúng dường cơm mười ức vị A-la-hán ăn không bằng cúng dường cơm một vị Bích-chi Phật ăn. Cúng dường cơm một trăm ức vị Bích-chi Phật ăn không bằng cúng dường cơm một vị Phật trong ba đời chư Phật ăn. Cúng dường cơm một ngàn ức vị Phật trong ba đời chư Phật ăn không bằng cúng dường cơm một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng ăn.

Giảng:

Chương này khó. Đây là nói công đức so sánh tương đối. Cho cơm một trăm người ác ăn không bằng cho cơm một người lành ăn. Vì người lành làm phước đức, làm việc tốt, còn người ác làm việc xấu, nên cho người lành ăn là hơn.

Cho cơm một ngàn người lành ăn không bằng cho cơm một người giữ năm giới ăn. Người biết giữ năm giới hơn một ngàn người lành.

Cho cơm một muôn người giữ năm giới ăn không bằng cúng dường cơm một vị chứng quả Tu-đà-hoàn ăn. Bởi vì người giữ giới chỉ được phước nhân thiên thôi, chưa phải là giải thoát. Người chứng quả Tu-đà-hoàn là đã vào dòng Thánh, đã đi tới chỗ giải thoát nhất định, không còn lui sụt nữa, cho nên cao hơn.

Cúng dường cơm một trăm muôn vị Tu-đà-hoàn ăn không bằng cúng dường cơm một vị Tư-đà-hàm ăn. Vì Tu-đà-hoàn phải bảy phen sanh tử, còn Tư-đà-hàm chỉ một phen sanh lên cõi trời, một phen trở lại nhân gian.

Cúng dường cơm một ngàn muôn vị Tư-đà-hàm ăn không bằng cúng dường cơm một vị A-na-hàm ăn. A-na-hàm chỉ một phen sanh lên cõi trời là được vô sanh.

Cúng dường cơm một ức vị A-na-hàm ăn không bằng cúng dường cơm một vị A-la-hán ăn. A-la-hán là đã tới quả vô sanh rồi.

Cúng dường cơm mười ức vị A-la-hán ăn không bằng cúng dường cơm một vị Bích-chi Phật ăn. Bích-chi Phật có nghĩa là Độc giác.

Cúng dường cơm một trăm ức vị Bích-chi Phật ăn không bằng cúng dường cơm một vị Phật trong ba đời chư Phật ăn. Phật là địa vị cao tột. Thế mà:

Cúng dường cơm một ngàn ức vị Phật trong ba đời chư Phật ăn không bằng cúng dường cơm một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng. Vị này là tột hơn hết. Vị đó là vị nào? Trong kinh thường nói Phật là vô thượng, không ai cao hơn nữa, tại sao bây giờ lại có vị này cao hơn Phật? Bài kinh này khó và rắc rối nhất ở chỗ này. Từ đầu đến đây là nói công đức so sánh từ thấp lên cao, như bố thí cho người ác không bằng người hiền, người hiền không bằng người giữ năm giới, người giữ năm giới không bằng người chứng Tu-đà-hoàn, người chứng Tu-đà-hoàn không bằng người chứng Tư-đà-hàm v.v... cho tới Phật, nhưng tới người cuối không biết giải thích

làm sao, không biết người đó là người gì mà lạ quá, ngoài sự so sánh bình thường! Thực ra, đây cũng nằm trong trường hợp so sánh từ thấp lên cao mà người cao tốt là người không niệm, không trụ, không tu, không chứng được.

Phật có ba thân: Một là Pháp thân, hai là Báo thân, ba là Hóa thân. Phật Thích-ca sanh ở Ấn Độ là Hóa thân. Mười phương chư Phật hiện thân hóa độ chúng sanh đều gọi là Hóa thân Phật, tùy chúng sanh hóa hiện. Thí dụ Phật muốn độ người Việt Nam thì ngài sanh ra ở Việt Nam và cũng có tuổi thọ như người Việt Nam, có sanh có diệt nên không dài lâu. Còn Báo thân Phật cũng có hình tướng, từ hạnh nguyện tu hành của các ngài mà đầy đủ phước đức như sở nguyện. Thí dụ như đức Phật A-di-đà phát 48 lời nguyện, bây giờ được cõi Cực Lạc, thân tướng tốt đẹp đúng như các lời nguyện, đó là Báo thân Phật. Báo thân có hình tướng, có cõi nước, nên xét về lý cứu cánh, như kinh Kim Cang nói: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nghĩa là phàm có hình tướng đều là hư vọng, không thật. Giả sử có người sống mười tuổi chết sánh với người sống một trăm tuổi chết, dưới cái nhìn của phàm phu thấy tuổi thọ người này quá ngắn, người kia quá dài. Nhưng nếu có người sống một triệu tuổi chết thấy người sống mười tuổi với người sống một trăm tuổi cũng như nhau. Huống nữa có người không từng chết thấy bao nhiêu tuổi cũng không nghĩa lý gì. Như vậy đối với Báo thân thì Hóa thân là cái sanh diệt hết sức tạm bợ. Còn Báo thân tuổi thọ dài hơn, sung sướng hơn, đầy đủ phước đức hơn, nhưng cũng còn

sanh diệt, có ngắn, có dài. Chỉ có Pháp thân là không sanh không diệt. Thể nhập được Pháp thân bất sanh bất diệt rồi không còn biết kể bao nhiêu tuổi nữa, không có gì bì được.

Hóa thân của Phật Thích-ca ở Ấn Độ có xuất gia tu chứng thành đạo, nên Hóa thân có tu có chứng. Báo thân Phật A-di-đà là do ngài tu theo 48 lời nguyện rồi sau mới được thọ hưởng thân đó, nên Báo thân cũng có tu có chứng. Pháp thân không hình tướng nên không có chỗ trụ. Không hình tướng nên không do tu hành được. Không hình tướng nên không có chỗ chứng đắc, nếu có chỗ chứng đắc là còn bản ngã. Không hình tướng mà luôn luôn thanh tịnh nên không có vọng niệm dấy khởi, tức là vô niệm. Vì vậy nói không niệm, không trụ, không tu, không chứng là chỉ Pháp thân Phật. Thế nên cúng dường bao nhiêu Phật Hóa thân cũng không bằng cúng dường một Phật Pháp thân. Pháp thân Phật ở đâu? Tìm Hóa thân Phật đã khó, huống là tìm Pháp thân Phật. Nhưng phải tìm cho ra Pháp thân Phật để cúng dường, vì cúng dường như vậy mới gọi là cúng dường cứu cánh viên mãn.

Trong bài sám hối thường tụng có đoạn: *Thập phương chư Phật thường tại thế gian, pháp ứng bất tuyệt*, là mười phương chư Phật thường ở thế gian, tức là Pháp thân Phật. Pháp thân đầy khắp thế gian, vì mình không thấy, không biết, không gặp rồi tưởng là không Phật, chứ sự thật Pháp thân Phật tràn đầy khắp thế gian ở đâu cũng có. Như người mù không thấy ánh sáng,

còn người có mắt thì thấy, người không hiểu không thấy Phật, người hiểu rồi sẽ thấy. Cho nên nói hướng về Pháp thân Phật cúng dường là cứu cánh.

Pháp thân Phật không niệm, không trụ, không tu, không chứng. Chính ngay trong tâm mình, khi không một niệm dấy khởi là mình đã thấy Phật. Cúng dường Pháp thân Phật là hướng về tự tâm, làm sao cho không còn vọng niệm khởi, không còn chấp ngã - thấy mình có công năng tu hành và mong cầu được chứng đắc. Khi tâm mình hoàn toàn thanh tịnh thì Pháp thân Phật hiện tiền.

Bài kinh này cốt dạy chúng ta dù tu bao nhiêu phước đức, hoặc bố thí từ thấp lên cao v.v... nhưng tới cứu cánh là phải hướng về Pháp thân và đạt được Pháp thân mới gọi là vô sanh. Nếu chưa đạt được thì cứ lẩn quẩn trong vòng sanh diệt, không bao giờ ra khỏi.



CHƯƠNG 12

Chánh văn:

Phật nói: Con người có hai mươi điều khó: Nghèo bố thí là khó; giàu học đạo là khó; bỏ thân này quyết chết là khó; thấy được kinh Phật là khó; sanh ra gặp Phật ở đời là khó; nhịn sắc nhịn dục là khó; thấy tốt không mong cầu là khó; bị nhục không sân là khó; có thế lực không ỷ là khó; gặp việc

tâm không động là khó; học rộng nghiên cứu sâu là khó; trừ diệt tâm ngã mạn là khó; không khinh những người chưa học là khó; tâm hành bình đẳng là khó; không nói việc phải quấy là khó; gặp được thiện tri thức là khó; thấy tánh học đạo là khó; tùy cơ hóa độ người là khó; thấy cảnh không động tâm là khó; khéo giải phương tiện là khó.

Giảng:

Trong hai mươi điều khó này, chúng ta kiểm lại xem đã vượt qua mấy điều, còn điều nào chưa vượt rắng tìm cách vượt qua, chỉ trừ một hai điều bất khả kháng không thể vượt được thì thôi.

Điều thứ nhất là *bần cùng bố thí nan*, nghèo bố thí là khó. Nghèo quá như mấy người chạy xe xích lô, chạy tối ngày không đủ cơm ăn, nuôi vợ nuôi con, lấy gì bố thí? Cho nên người nghèo muốn bố thí thật là một chuyện hết sức khó khăn. Còn chúng ta có thể cũng tạm tạm chưa đến nỗi bần cùng lắm, nên có thể vượt được.

Thứ hai *hào quý học đạo nan*, giàu học đạo là khó. Tại sao vậy? Nghèo bố thí khó dễ thấy, còn giàu học đạo khó là sao? Tại mấy người giàu nay tiệc này, mai tiệc kia, nay toan tính việc này, mai lo việc khác, cứ liên miên như vậy đâu có thời gian tu hành, muốn học đạo không biết làm sao học. Còn chúng ta điều này cũng qua khỏi rồi.

Thứ ba *khí mạng tất tử nan*, bỏ thân này quyết chết là khó. Quyết bỏ thân này liều chết để tu hành là khó. Cái khó này quý vị vượt được chưa? Giả sử khi

bệnh quá, có người tới nói phải ăn mặn rồi uống thuốc mới hết. Lúc đó giữa hai điều: Hoặc ăn mặn lại để sống, hoặc liều chết giữ trường chay, phải chọn cái nào? Nếu người quyết tử thì thà chết chứ không thay đổi. Còn người không quyết tử, sẽ bỏ ăn chay miễn sao sống được, rồi sau tu nữa, như vậy là chưa có khí mạng quyết tử. Hoặc như có người có thể lực bắt mình bỏ đạo ra đời rồi họ sẽ lo cho mình một đời sống sung sướng, còn nếu tu họ sẽ quyết hại cho chết. Trường hợp đó chúng ta nghĩ sao? Nếu người nào chọn thà chết mà ở trong đạo, chứ không muốn sống sung sướng mà phải ở ngoài đời, thì gọi là *khí mạng tất tử*. Điều này chúng ta phải quyết làm cho được.

Thứ tư *đắc đồ Phật kinh nan*, tức là gặp, thấy được kinh Phật là khó. Ở đây chúng ta tương đối cũng qua được cái khó này.

Thứ năm *sinh tri Phật thế nan*, sanh ra được gặp Phật ở đời là khó. Hiện giờ chúng ta ai cũng đành chịu cái khó này.

Thứ sáu *nhân sắc nhân dục nan*, tức là gặp sắc đừng ham, gặp ngũ dục cũng không thích, đó là khó. Thế nên đối với sắc dục mình phải nhịn, không ham muốn.

Thứ bảy *kiến hảo bất cầu nan*, thấy cái gì tốt không mong cầu là khó. Điều này chúng ta ráng vượt qua, phải vượt qua.

Thứ tám *bị nhục bất sân nan*, người ta chửi bới, mình nhịn nhịn không sân giận là khó. Nhưng chúng ta phải ráng vượt qua chứ không nên chứa nó.

Thứ chín *hữu thế bất lâm nan*, có thế lực mà không cậy mình có thế lực cũng là khó. Đối với người tu chắc dễ vì mình không có thế lực gì.

Thứ mười *xúc sự vô tâm nan*, gặp việc khó khăn hay hung dữ, tâm mình cũng không động. Vô tâm là tâm không động. Thí dụ nghe người ta nói chuyện gì khủng khiếp, tâm mình vẫn an nhiên, đó là khó. Chúng ta phần nhiều khi gặp cảnh thì hoảng hốt sợ sệt, hoặc quá mừng quá vui, phải ráng giữ làm sao gặp việc gì tâm cũng vẫn an nhiên, đó là khó.

Thứ mười một *quảng học bác cứu nan*, học rộng nghiên cứu nhiều là khó.

Thứ mười hai *trừ diệt ngã mạn nan*, tức là trừ diệt tâm ngã mạn là khó, nhưng chúng ta cũng phải ráng, nếu không diệt được ngã mạn thì khó tu.

Thứ mười ba *bất khinh vị học nan*, không khinh những người chưa học là khó. Ở người tu, không có người chưa học mà có người mới xuất gia. Thí dụ mình xuất gia ba mươi năm gặp người mới xuất gia đừng khinh họ, đó cũng là khó, nhưng phải ráng tập.

Thứ mười bốn *tâm hành bình đẳng nan*, là tâm mình đối với mọi người luôn luôn bình đẳng, không thấy sai biệt, đó là khó.

Thứ mười lăm *bất thuyết thị phi nan*, không nói việc phải quấy của người là khó. Chúng ta thấy dường như không có gì khó, chuyện phải quấy của ai mặc ai không cần nói tới, dễ quá, tại sao Phật nói khó? Bởi vì

người ta có bệnh ít khi chịu làm thính, thấy người này làm thế này, người kia làm thế khác, liền phê bình rồi sanh ra bao nhiêu chuyện lôi thôi. Thế nên người tu đừng nói chuyện phải quấy của ai, đó là khó; mà phải như vậy mới được. Các vị tổ sư trong nhà thiền cũng có nói: *Kim cang bảo kiếm đương đầu tải, bất quản tha nhân thị dữ phi*, tức là luôn luôn dùng kiếm báu kim cang chặt thẳng ngay đầu nó, chứ đừng nghĩ tới chuyện phải quấy thế gian làm gì. Kiếm báu kim cang là trí tuệ Bát-nhã, dùng trí tuệ Bát-nhã chặt thẳng ngay đầu những phiền não dấy loạn, những vọng tưởng lăng xăng trong tâm mình, chứ đừng nói chuyện thị phi của người.

Thứ mười sáu *hội thiện tri thức nan*, gặp được bậc thiện tri thức là khó. Thầy lành bạn tốt gọi là thiện tri thức, điều này chắc không khó lắm.

Thứ mười bảy *kiến tánh học đạo nan*, thấy được tánh rồi mới học đạo là khó. Chắc rằng quý vị còn đầu hàng vấn đề này.

Thứ mười tám *tùy hóa độ nhân nan*, tùy cơ hóa độ người là khó, phải khéo léo.

Thứ mười chín *đổ cảnh bất động nan*, thấy cảnh không động là khó. Nghĩa là gặp cảnh đừng tham, đừng tức v.v... Thí dụ thấy người ta bỏ quên một gói bạc, mình đừng khởi tâm nghĩ muốn lượm hay làm gì khác, đó là dễ hay khó? Người tu không tham, nhưng thấy của rơi cũng không nở bỏ, trong bụng cũng lăng xăng suy đi tính lại v.v... Cho nên nói rằng gặp cảnh không động tâm là khó.

Thứ hai mươi *thiện giải phương tiện nan*, khéo giải về phương tiện là khó. Phương tiện là gặp ai, gặp cảnh nào mình cũng tạo được phương tiện để giáo hóa, giúp đỡ họ, cái đó khó chứ không phải dễ.

Như vậy trong hai mươi cái khó đó có những điều mình không thể làm được như là gặp Phật ra đời. Còn những cái kia phải cố gắng, nếu không vượt qua hết hai mươi cái khó, ít ra cũng vượt qua được mười lăm, mười sáu cái, chứ đừng để không vượt được cái nào thì việc học đạo không tiến. Tóm lại người tu hành có hai mươi điều khó, thường nhớ kiểm điểm lại để cố gắng vượt qua.



CHƯƠNG 13

Chánh văn:

Có vị Sa-môn hỏi Phật: Do nhân duyên gì mà được tri túc mạng, hội được chí đạo? Phật dạy: Phải giữ tâm thanh tịnh, chí bền vững, có thể hội được chí đạo. Thí như lau gương, bụi hết thì ánh sáng còn; dứt hết tham dục, không còn mong cầu sẽ được tri túc mạng.

Giảng:

Có vị Sa-môn hỏi Phật do nhân duyên gì mà được tri túc mạng hay tri túc mạng thông, tức là biết được đời trước của mình sanh ở đâu, làm gì v.v... Phật dạy dứt hết tham dục, không còn mong cầu, sau này sẽ được

túc mạng. Thí dụ như lau gương, khi bụi hết, ánh sáng hiện ra. Cũng vậy, khi tu nếu đoạn hết tất cả ngũ dục, không mong cầu, lúc đó sẽ được túc mạng.

Lại hỏi làm sao hội được chí đạo, tức là ngộ được chỗ tốt của đạo. Phật dạy phải giữ tâm cho thanh tịnh và có chí bền vững không bao giờ đổi dời. Như vậy tức là tu thiền rồi. Giữ tâm thanh tịnh là định, tâm định rồi thấu hội được đạo cứu cánh, tức là hội được chí đạo, đó là phần chánh yếu Phật dạy.

Tóm lại, muốn ngộ được đạo phải giữ tâm thanh tịnh và bền chí; còn muốn được túc mạng, đối với ngũ dục đừng có tâm mong cầu mới có thể đạt được, hai điều đó không thể rời nhau.



CHƯƠNG 14

Chánh văn:

Có vị Sa-môn hỏi Phật: Sao gọi là thiện? Sao gọi là rất lớn? Phật dạy: Hành đạo giữ chân là thiện, chí cùng đạo hợp nhau là lớn.

Giảng:

Hành đạo là thực hành tu tập, thủ chân là luôn luôn gìn giữ cái chân thật, tu hành đúng đường lối chân chính, đó là thiện. Còn chí cùng với đạo hợp nhau gọi là lớn. Chữ chí ở đây có nghĩa như chữ tâm, tâm mình hợp với đạo, đó là lớn. Đạo là chỉ cho Pháp thân Phật,

không niệm, không trụ, không tu, không chứng. Muốn hợp với đạo, tâm phải thanh tịnh, không có niệm dấy khởi, như vậy mới gọi là lớn.

Tất cả những hành động trong sự tu hành hằng ngày của mình như bố thí, làm phước, tu giới... bằng hình tướng gọi là thiện, chỉ được quả báo trong vòng phước đức nhân thiên thôi. Còn tâm mình hoàn toàn thanh tịnh để hội với đạo mới gọi là chỗ tốt cùng rộng lớn. Hai cái khác nhau ở chỗ đó. Một bên là nói chỗ đạt đạo thành Phật, một bên là nói phước báo nhân thiên.



CHƯƠNG 15

Chánh văn:

Có Sa-môn hỏi Phật: Cái nào rất mạnh? Cái nào rất sáng? Phật dạy: Nhẫn nhục là rất mạnh, vì không ôm lòng ác, lại thêm được an ổn. Người nhẫn không làm ác ắt được người tôn trọng. Những như nhóp trong tâm dẹp hết, tâm trong sạch không một vết như, ấy là rất sáng. Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, những gì có trong mười phương, không có gì chẳng thấy, không có gì chẳng biết, không có gì chẳng nghe, được Nhất thiết trí, gọi là rất sáng.

Giảng:

Có Sa-môn hỏi Phật: Cái nào rất mạnh? Cái nào rất sáng? Phật nói: Nhẫn nhục là rất mạnh. Tại sao vậy? Thường thường người ta hay nói nhẫn nhục là

khiếp nhược, yếu đuối, tại sao trong nhà Phật lại nói nhẫn nhục là rất mạnh? Trong nhà Phật thường dùng những danh từ như: Phật là đấng Đại hùng đại lực, tức là sức mạnh phi thường và hào hùng phi thường. Nhưng Phật đã làm gì để chứng tỏ sức mạnh phi thường và hào hùng phi thường? Phật đâu có đánh ai, giận ai, chỉ có người ta chửi, Phật làm thinh, không nói lại. Vậy sức mạnh phi thường ở chỗ nào? Trong kinh Pháp Cú có câu: *Thắng một vạn quân không bằng thắng mình, thắng mình là chiến công oanh liệt nhất*. Thí dụ người ta chửi mình, mình tức lên chửi mắng và đánh đập lại đến đổ máu v.v... thì không khó. Còn người ta chửi mình lặng thinh không giận, đó mới là khó.

Thắng bên ngoài là dùng sức mạnh để thắng người, tuy thấy khó nhưng không khó lắm; chính sức mạnh của nội tâm, kềm thúc những tập khí nóng giận, tham lam của mình mới thật là khó. Vì vậy Phật nói nhẫn nhục là mạnh nhất. Khi nhẫn chúng ta đừng sợ thua, chính là chúng ta đang hơn tất cả. Do Phật nhẫn tất cả nên được tôn là bậc Đại hùng đại lực. Bây giờ chúng ta tu không bắt chước Phật, bị người ta nói tức liền nổi nóng la lối, nên chưa gọi là đại hùng đại lực được.

Ở đây Phật nói nhẫn nhục là sức mạnh lớn vì không ôm lòng ác, lại thêm được an ổn. Mình nhẫn, không hại người nên không ôm lòng ác. Thí dụ có người chửi mắng mình, mình làm thinh nhịn, không gây sự nên họ được yên ổn rồi mai kia họ tự hối hận. Nếu chúng ta gây sự lại, hai bên đánh nhau rồi thua kiện ở tù, rốt cuộc ai cũng phiền lòng. Nên nói mình nhẫn

thì không ôm lòng ác và cũng làm cho lòng mình và mọi người được an ổn. Nhưng người thế gian có cái bệnh, khi bị người chửi lúc bất thành linh thì nhẫn được, nhưng về nhà cứ nghĩ nhớ hoài, cho lời họ nói như vậy là nặng, là nhục, tại sao mình không chống lại, rồi nghĩ bữa khác kiếm cách hại lại họ, đó là còn ôm lòng ác, ôm cái tức ngấm ngấm trong lòng không quên, tâm không an ổn. Chúng ta phải làm sao khi bị chửi mình nhẫn được và về nhà vẫn an ổn, đó mới là thật nhẫn.

Muốn thật nhẫn phải tự khen mình tu hành có tiến bộ; bị chửi nhin được là mình đã vượt qua mức tầm thường rồi, trong lòng sung sướng với việc mình làm, không còn tức nữa, chứ nếu không tự khen, cứ nhớ mình thua, càng nhớ càng tức, tâm không an. Như vậy chỉ nhận định đúng thì an ổn, còn nhận định sai thì khổ phiền.

Đây nói người nhẫn không làm việc ác nên được người tôn trọng. Giả sử có vị không nói mình tu hành gì hết, nhưng khi ra chợ mua vật dụng, thành linh có người mắng, vị ấy chỉ làm thinh và cười tự nhiên, những người xung quanh kính trọng nói: Vị ấy tu thật. Hoặc có vị nói tu nhiều mà vừa bị chọc tức liền la lối ngoài chợ, những người chung quanh sẽ chê cười. Thế nên hễ mình nhẫn thì thiên hạ tôn kính, còn nhẫn không được thì giá trị của mình bị mất đi. Tóm lại ở đây Phật dạy: Người nhẫn không ác, ắt được người tôn trọng. Đó là trường hợp Phật nói nhẫn nhục là rất mạnh.

Cái gì rất sáng? Phật trả lời: Những cái xấu xa như nhớp trong tâm mình dẹp sạch, tâm trong sạch không một vết nhơ, ấy là rất sáng. Từ khi chưa có trời đất

cho đến ngày nay, tất cả những gì có trong mười phương, không có gì chẳng thấy, không có gì chẳng biết, không có gì chẳng nghe, được Nhất thiết trí, gọi là rất sáng.

Vậy khi tâm mình trong sạch không còn một vết nhớ, đó là rất sáng. Người được tâm rất sáng rồi, mười phương thế giới này từ vô cùng vô tận xưa cho tới bây giờ, có cái gì mình cũng biết, cũng thấy, cũng nghe. Người như vậy gọi là được Nhất thiết trí, tức là được trí biết tất cả. Như vậy người tu muốn được Nhất thiết trí, phải làm sao cho tâm không còn vết nhớ nào, đó mới là thật sáng.

Tâm nhớ nhớt là tâm gì? Tức là tất cả những tâm phiền não dấy động, khởi nghĩ, khởi tính v.v... Tất cả những tâm đó đều lặng sạch hết, không còn một vết nhớ nào, lúc đó không có gì không biết, không có gì không thấy, không có gì không nghe. Nếu còn có những tâm lăng xăng thì không thấy, không biết gì hết. Như vậy cách tu này có phải tu thiền không? Kinh Phật nói không có gì ra ngoài phương pháp tu làm sao cho tâm mình thanh tịnh, đó là cội gốc. Không bao giờ Phật dạy chúng ta chạy ra bên ngoài tu luyện để được sống lâu hay được phép thần thông biến hóa v.v... Chỉ có tâm thanh tịnh thôi, chứ không có phương pháp nào khác.

Tóm lại bài kinh này nói về cái rất sáng và cái rất mạnh. Cái rất sáng là tâm sạch không còn một vết nhớ. Cái rất mạnh là nhấn nhục tất cả. Hai việc đó nếu ráng tu cũng đủ giải thoát rồi.



CHƯƠNG 16

Chánh văn:

Phật nói: Người ôm ấp ái dục không thể thấy đạo. Thí như nước lỏng trong lại lấy tay khuấy, những người đến nhìn, không thấy được bóng họ. Người do ái và dục lẫn lộn, phiền não ô trọc trong tâm nổi dậy, nên không thấy đạo. Sa-môn các ông phải dứt bỏ ái dục; cái bản ái dục hết rồi mới thấy được đạo.

Giảng:

Bài này chính yếu nói về thiên định. *Phật nói người ôm ấp ái dục trong lòng không thể thấy đạo.* Thí như người muốn lỏng nước trong mà cứ lấy tay khuấy, khi đó những người khác đến nhìn không thấy được bóng. Ái dục là yêu mến, yêu mến bản ngã, yêu mến những cái chung quanh và tham luyến ngũ dục. Ái và dục lẫn lộn nhau nên phiền não ô trọc trong tâm nổi dậy mãi, không thể thấy đạo.

Phật lại dạy: *Sa-môn các ông phải dứt bỏ ái dục, cái bản ái dục hết rồi mới thấy được đạo.* Như lỏng nước, nước chưa trong mà chúng ta cứ khuấy, người đến nhìn không thấy được bóng. Nếu chúng ta chịu khó lắng cho đến nước trong và đừng khuấy, khi người đến nhìn sẽ thấy được bóng. Nước thí dụ cho tâm. Chúng ta do ái dục nên tham sân si cứ dấy khởi mãi, cho nên muốn thấy đạo, thấy sự thật của vũ trụ, không thể thấy được. Muốn thấy đạo tâm mình phải lặng, nên nói hồ tâm lỏng lặng

rồi mọi ảnh tượng bên ngoài hiện rõ ràng. Nếu tâm vừa hơi lặng lại dấy khởi, vừa lặng lại dấy khởi, cũng như hồ nước vừa để ngưng năm phút lại khuấy, năm phút lại khuấy làm sao trong được?

Thế nên tôi khuyên quý vị ráng tu đều đều, phải cho hồ tâm lặng xuống, chứ hôm nay chạy lại thất này, mai đến nhà kia nói chuyện luôn, tâm đâu có lặng được. Hồ tâm lặng, bóng gì cũng hiện. Muốn hồ tâm lặng thì đừng khuấy động. Đó là cách tu thiết thực nhất. Tâm thanh tịnh rồi ngoại cảnh tự hiện, Phật Di-đà cũng hiện. Khi tâm lặng dù không cầu Phật rước, Phật cũng hiện tiền. Thí như hồ nước trong, mặt trăng tự hiện bóng, không thể nói mặt trăng đi xuống hồ, nhưng vì nước trong nên thấy bóng trăng hiện. Cũng vậy, tâm thanh tịnh thì thấy Phật Di-đà hiện, còn tâm lăng xăng rối loạn, cầu Phật không thể được. Cho nên không cần cầu Phật hiện, chỉ lo cho tâm mình thanh tịnh, đó là gốc của sự tu. Nên nói tâm tịnh thì độ tịnh, tâm tịnh thì có Phật Di-đà, có cõi Tây phương rõ ràng.



CHƯƠNG 17

Chánh văn:

Phật nói: Người kiến đạo, thí như cầm đuốc vào trong nhà tối, bóng tối liền diệt mà ánh sáng còn lại. Người học đạo thấy đế, vô minh liền diệt mà minh thường còn vậy.

Giảng:

Phật nói: Ví như người cầm đuốc vào trong nhà tối, bóng tối liền diệt, còn lại ánh sáng. Người học đạo thấy đế, tức là thấy được chân lý, vô minh liền diệt mà minh thường còn. Nghĩa là người học đạo khi đạt đạo rồi, thấy tường tận được lý thật của vũ trụ, bao nhiêu mờ tối vô minh đã có từ lâu liền diệt, chẳng khác nào như cầm đuốc đi vào trong nhà tối, vừa bước vào nhà bóng tối tự mất. Thế nên cốt yếu của người học đạo là làm sao thấy đạo, chừng đó mới diệt được vô minh và trí tuệ sáng suốt mới còn mãi mãi. Nếu học đạo không thấy đạo, dù học suốt kiếp cũng vẫn mờ mịt vô minh chứ không đi tới chỗ giác ngộ được.

**CHƯƠNG 18****Chánh văn:**

Phật nói: Pháp của ta, niệm mà không có người hay niệm và pháp bị niệm; hành mà không có người hay hành và pháp bị hành; nói mà không có người hay nói và pháp bị nói; tu mà không có người hay tu và pháp bị tu. Nếu hội được thì rất gần, còn mê lầm thì rất xa. Lời nói bất dứt, không vật nào có thể ràng buộc được, nếu sai mảy may thì mất trong chốc lát.

Giảng:

Pháp mà Phật nói đó vượt ra ngoài vòng năng sở đối đãi. Lâu nay chúng ta tu thường mắc kẹt trong

năng sở. Thí dụ niệm Phật thì thấy có mình là người hay niệm, danh hiệu Phật là pháp bị niệm. Như vậy có năng có sở, thấy có mình là người thật niệm, Phật là vị Phật thật để mình niệm, cả hai đều thấy thật. Nếu thấy mình thật tức là còn ngã, thấy pháp thật tức là còn ngã sở. Ngã, ngã sở còn là gốc của sanh tử luân hồi.

Hành cũng vậy, thí dụ chúng ta tu hành, sám hối hay ngồi thiền, luôn luôn chấp mình thật là người hay sám hối và các bài kinh đọc lên trong những buổi sám hối đó là pháp để sám hối. Chấp thật như vậy là còn năng sở rõ ràng nên không bao giờ đạt được đạo. Đến nói năng hay tu cũng vậy.

Tại sao có năng sở thì không đạt được đạo? Vì tất cả pháp Phật đều dạy: *Muốn đạt đạo phải dẹp hết ngã chấp*. Như trước tôi nói khi thấy mình thật, thấy ngoại cảnh thật, thấy mọi pháp đều thật, tức là vô minh. Đem vô minh để hiểu Phật, không bao giờ hiểu nổi. Cho nên Phật nói pháp Phật dạy, niệm không thấy có năng niệm, sở niệm, hành cũng không có năng hành, sở hành, nói cũng không thấy có mình hay nói và pháp bị nói, tu cũng không thấy có mình hay tu và pháp bị tu. Nếu người nào hiểu được như vậy rất gần với đạo, ngược lại thì rất xa.

Đa số người tu đều chú trọng hình thức, như lạy Phật thì lạy tới vạn Phật cho là lạy nhiều. Tu bỏ cơm bỏ nước, ngồi ngày này qua ngày khác gọi là tu nhiều. Nhưng không hiểu rằng nếu tu nhiều, lạy nhiều mà ngã và ngã sở không bỏ được, dù cho tu hành bao nhiêu cũng chưa tới chỗ hiểu đạo. Hiểu đạo là phải nhận, phải đạt được cái lý cao siêu trong lời Phật dạy rồi sau đó mới ứng dụng tu, nghĩa là thấy như không tu mà tu,

không hành mà hành, đó mới thật tu. Nếu chỉ cố chấp trên hình thức thì tu có công phu mà không hiểu đạo. Vì vậy Phật nói người hội rất gần, người không hội thì rất xa.

Mọi lời nói đều bật dứt, vì đến chỗ đó không thể dùng lời nói bàn tán được. Tại sao? Vì lời nói xuất phát từ ý niệm, có khởi nghĩ mới phát ra lời nói. Ý khởi là vọng, nên lời nói cũng là vọng, đã là vọng không thể nào hội được chân. Ở đây pháp của Phật là chỉ cho pháp chân như không sanh không diệt. Lấy cái vọng để bàn cái chân thì không khi nào bàn tới được, cho nên Phật nói ngôn ngữ đều bật dứt. Chỗ đó chỉ có người nhận tới, đạt tới mới thấy, còn dùng lời nói thì không đến được. Và pháp đó không thuộc về hình thức vật chất, không bị vật gì ràng buộc nên không thể nương vào vật để hiểu, phải ngay đó hiểu. Nếu không hiểu hoặc hiểu sai một chút thì đã mất đạo rồi. Cho nên nói “sai chi hào ly”, tức là sai đi mấy dặm thì “thất chi tu du”, tức là mất đạo trong chớp mắt.

Tóm lại, người tu cần phải thật hiểu, nghĩa là thấy rõ nguồn gốc của sự tu hành là ở chỗ phá ngã chấp và pháp chấp. Hai chấp đó sạch, tu pháp nào cũng ngộ. Ngược lại, còn hai chấp đó dù tu pháp nào cũng biến thành chấp ngã và ngã sở chứ không đạt được đạo.



CHƯƠNG 19

Chánh văn:

Phật nói: Quán trời đất nghĩ là chẳng phải thường, quán thể giới nghĩ là chẳng phải thường, quán linh giác tức Bồ-đề. Hiểu được như thế ngộ đạo rất mau.

Giảng:

Phật nói phải quán trời đất nghĩ là chẳng phải thường còn, phải quán thể giới nghĩ là chẳng phải thường còn. Quán linh giác tức Bồ-đề nghĩa là phải quán tánh sáng suốt linh tri của mình là tánh giác Bồ-đề. Người hiểu được như vậy ngộ đạo rất mau.

Quán trời đất chẳng phải thường còn, tức là những gì có hình tướng trong vũ trụ này đều bị luật vô thường chi phối, không có gì có hình tướng mà không bị vô thường. Quán từ trời đất đến toàn thể giới, cái gì có hình thức cũng đều vô thường. Quán được như vậy thì đối với sự vật, đối với ngoại cảnh và đối với tự thân mình đều không tham trước, đắm mến, mê say. Thí dụ thấy thân người sớm còn tối mất, nhà cửa đất đai nay của người này, mai đổi qua người kia, hoặc nay còn nhà, mai một cháy tan hoang... mọi sự vật không có gì thường còn mãi mãi, vậy tham đắm để làm gì? Do đó mình không đắm mê ngũ dục, không cố chấp thân này. Được như vậy là mình đã thoát khỏi phiền não rồi.

Quán linh giác tức Bồ-đề nghĩa là xét tánh linh tri của mình, biết đó là Bồ-đề. Bồ-đề không sanh, không diệt

nên mình không chạy theo ngoại cảnh, chỉ hướng về nội tâm, biết cái nào chân, cái nào vọng. Sống mãi với chân là gần với đạo. Người hiểu biết như vậy rất mau đắc đạo. Nếu chúng ta thấy sự vật ở ngoài là thật thường còn thì tâm đắm nhiễm thế gian không bao giờ hết. Cho nên muốn mau đạt đạo trước phải thấy tất cả từ người đến vật, từ trời đến đất đều vô thường, không bền lâu, chỉ có tánh linh tri là cái không sanh không diệt, phải hướng về đó mới mau đạt đạo. Nếu chấp ở ngoài có một cái gì thật lâu dài, bền chắc thì không thể nào thấy được đạo.



CHƯƠNG 20

Chánh văn:

Phật nói: Phải nghĩ nhớ bốn đại trong thân, mỗi đại tự có tên, trọn không có ngã. Ngã đã không thì ta chỉ như huyễn mà thôi.

Giảng:

Phật dạy chúng ta phải nghĩ nhớ thân ta do bốn đại, mỗi đại tự có tên, trọn không có ngã, không có cái ta thật. Ngã đã không thì cái ta đó chỉ như huyễn, như hóa không thật.

Chúng ta phải luôn luôn quán thân do bốn phần: đất, nước, lửa, gió hợp thành. Đất là những chất cứng

ở trong thân như tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương v.v... Nước là những chất ướt trong thân như nước mắt, nước mũi, nước miếng, đàm dãi, nước tiểu, máu, mồ hôi v.v... Lửa là hơi ấm như nhiệt độ trong người... Gió là những sự chuyển động trong thân như hơi thở ra vào... Nếu chúng ta phân ly chúng - đất để riêng phần đất, nước để riêng phần nước, gió để riêng phần gió, lửa để riêng phần lửa - khi ấy tìm cái ngã thật của mình xem có hay không? Ngã thật không có, chỉ do bốn đại hợp lại, như huyền như hóa. Duyên hợp tạm có, duyên ly tán thành không. Quán xét kỹ như vậy, tự nhiên trong tâm không còn bị nhiễm trước về ngã. Nếu cứ nghĩ mình thật rồi đi tìm kiếm thu góp về để mình thụ hưởng, do đó mà tạo tội không biết bao nhiêu, lăn lộn trong đường sanh tử mãi mãi. Vì vậy gốc của sanh tử là do chấp ngã mà ra. Khi chúng ta quán chiếu lại thấy thân do bốn đại hợp thành không thật có, là phá được ngã chấp, khi đó dòng sanh tử cũng chấm dứt.



CHƯƠNG 21

Chánh văn:

Phật nói: Người theo tình dục cầu danh tiếng, danh tiếng khi được rồi, thân mình đã già cõi! Người tham danh tiếng ở thế gian, không chịu học đạo, chỉ uống công nhọc sức. Thí như đốt hương, tuy người ta nghe được mùi thơm, nhưng cây hương

của mình đã tàn. Cái lửa đốt thân nguy hiểm này ở kế cận bên mình.

Giảng:

Phật dạy người thế gian ham mê danh lợi, mong muốn đạt được danh lợi. Danh lợi được rồi như được thiên hạ khen là có chức phận cao hay được tiếng tốt thì nhìn lại thân đã già cằn. Như vậy để thấy rằng người chạy theo danh lợi thế gian không chịu học đạo chỉ là đem bao nhiêu công phu nhọc nhằn, hao tổn sức lực, trọn không có ích.

Đức Phật dùng thí dụ đốt hương, khi chúng ta đốt hương thơm, những người chung quanh nghe mùi thơm, khen cây hương thơm quá, nhìn lại cây hương đã tàn từ từ. Cũng vậy, ở thế gian người ta cố gắng làm mọi cách để được giàu sang, danh vọng, được mọi người quý kính, khen ngợi. Nhưng đâu ngờ khi tới được địa vị cao sang, nhìn lại đầu đã gần bạc, danh vọng cũng không chắc còn, nay mai có thể mất. Chỉ có sự tu hành của chúng ta mới là cái thật, dùng hết sức tu hành, đem thân vô thường đổi lấy cái chân thường. Nếu đem thân vô thường để cầu danh vọng hư giả thì suốt đời chỉ uống công vô ích chứ không được lâu dài. Cho nên Phật nói khi được danh, cái chết đã đến cận kề. Người hiểu đạo lý thấy việc chạy theo danh lợi chỉ là việc khổ công, rốt cuộc không có kết quả gì. Biết đạo lý để tu tâm, tu thân mới là thiết thực. Ngược lại, dù có giàu sang, danh vọng đến đâu, khi ngã ra chết cũng không mang theo được, chỉ còn những nghiệp đã tạo khiến ta phải chịu trầm luân khổ sở. Người hiểu đạo

biết tu tuy không có danh, nhưng khi nhắm mắt nghiệp không lôi cuốn được, ra đi tự do tự tại.



CHƯƠNG 22

Chánh văn:

Phật nói: Người đối với tài sắc, không bao giờ chịu bỏ. Ví như cái dao dính chút đường, không đủ một bữa ăn ngon, mà đứa bé liếm ắt có tai họa đứt lưỡi.

Giảng:

Phật dạy con người đối với tài sắc, tức là tiền của, sắc đẹp, không bao giờ biết bỏ. Tiền của làm được dù bao nhiêu cũng cứ muốn thêm, không bao giờ biết dừng. Đối với sắc đẹp cũng vậy, chạy theo mãi không bao giờ muốn thôi. Nhưng sự thực sự thụ hưởng đó có bền lâu không? Tài sắc đều vô thường, đối với vô thường mà đắm mền thì chẳng khác nào đứa bé liếm chút đường dính trên dao. Một chút đường trên dao không đủ thành một bữa ăn ngon mà đứa bé không nỡ bỏ, le lưỡi liếm, tức nhiên nó phải chịu cái họa đứt lưỡi. Một chút đường không đủ sống năm, ba ngày, cái nạn đứt lưỡi lại làm đau khổ dài lâu.

Cũng vậy, người thế gian ham mê một chút tài sắc, chẳng nghĩ cái họa trầm luân muôn kiếp. Tài sắc thế gian chỉ tạm có trong một thời gian ngắn, người ta đem hết thân mạng phục vụ nó, tạo nghiệp nên chìm trong

sanh tử, đọa trong vòng luân hồi, khổ không biết bao giờ cùng. Cái vui ngắn ngủi, cái khổ dài lâu. Như chỉ vì một chút vị ngon ở đầu lưỡi mà chịu cái họa đứt lưỡi là tai họa rất nặng nề. Người biết đạo lý, thấy tài sắc thế gian như chút đường dính trên lưỡi dao, vì sợ đứt lưỡi không bao giờ dám liếm. Người nào liếm nó thì thật là cuồng mê vậy.



CHƯƠNG 23

Chánh văn:

Phật nói: Người bị ràng buộc nơi vợ con, nhà cửa còn quá hơn ngục tù. Ngục tù còn có ngày được thả, vợ con không phút nào nghĩ xa lìa. Người tham luyến sắc dục đâu sợ giông ruổi. Dù có tai họa vào trong miệng cọp, tâm cũng cam chịu. Người tự gieo mình chìm dưới bùn lầy, gọi là phạm phu. Người vượt khỏi cửa này là bậc La-hán xuất trần.

Giảng:

Phật nói người bị ràng buộc nơi vợ con, nhà cửa rất bền chắc như ngục tù. Nhưng ngục tù còn có ngày được thả, còn vợ con ràng buộc không phút nào lìa. Người nam lo vợ con, người nữ lo chồng con. Người đối với sắc dục, tâm tham luyến nặng, thì cứ cam chịu giông ruổi theo đó, dù cho có tai họa vào trong miệng cọp, họ cũng cam chịu. Nên nói người tự gieo mình chìm dưới bùn lầy thì gọi là phạm phu. Còn người vượt khỏi cửa này

là xuất trần La-hán. Cửa này là cửa gia đình ràng buộc, người bị ràng buộc trong vòng gia đình vợ con chẳng khác nào như ở trong tù ngục. Án tù có khi năm năm, có khi mười năm, nhưng mãn hạn đó được trả tự do. Còn gia đình con cái đùm dề, có khi đến năm, sáu mươi tuổi cũng chưa được tự do, còn quá hơn tù ngục. Hơn nữa, người đắm mê sắc dục dù phải đem mình tới chỗ hang cọp nguy hiểm, họ cũng cam tâm chịu chứ không sợ. Phật nói người như vậy chẳng khác nào tự dìm mình xuống chỗ bùn lầy, đó là hạng phàm phu. Ngược lại, vượt khỏi cửa đó mới gọi là bậc A-la-hán, đã vượt khỏi bụi trần.

Như vậy người tu đối với sắc dục phải thận trọng, vì khi chìm đắm trong đó liền bị nó giam hãm còn quá hơn lao tù và bao nhiêu nguy hiểm, tai họa cũng dồn dập tới. Thoát được chỗ đó mới gọi là bậc A-la-hán xuất trần.



CHƯƠNG 24

Chánh văn:

Phật nói: Trong ái dục không gì nặng bằng sắc dục, sắc dục lớn không có gì hơn. Cũng may chỉ có một thôi, nếu có cái thứ hai bằng nó thì khắp cả thiên hạ không ai tu được.

Giảng:

Phật nói trong ái dục, tức ngũ dục, không có gì nặng bằng sắc dục. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thù. Tài là tiền của, sắc là sắc đẹp, danh là danh vọng,

thực là ăn uống, thù là ngủ nghỉ. Trong đó duy có sắc dục là nặng hơn hết. Cũng may là chỉ có một, nếu có thêm một cái bằng sắc dục, khắp cả thiên hạ không ai tu được. Nhờ chỉ có một sắc dục nên con người khả dĩ tu được, vượt qua nổi. Thí dụ như tiền của, tuy nói là huyết mạch con người nhưng sự thực nó là cái bên ngoài. Còn sắc dục có sẵn trong con người, tất cả các loài sanh trong vũ trụ đều do dục mà ra. Muốn vượt qua nó là một việc khó khăn, nên Phật nói nó rất nặng. Còn những cái kia nhẹ hơn, nếu có một cái khác bằng sắc dục thì không ai tu được. Do đó chúng ta phải dè dặt, đừng để đắm luyến trong sắc dục.



CHƯƠNG 25

Chánh văn:

Phật nói: Người ôm ấp ái dục cũng như cầm đuốc đi ngược gió, ắt có họa bị cháy tay.

Giảng:

Phật nói người ôm ấp ái dục cũng như cầm đuốc đi ngược gió, ắt có họa bị cháy tay. Người ôm lòng ái dục nặng, thế nào cũng bị tai họa trầm luân, khổ sở, không thể nào thoát khỏi.



CHƯƠNG 26

Chánh văn:

Thiên thần đem ngọc nữ dâng Phật, muốn phá hoại ý Phật. Phật bảo: Cái đây da chứa các thứ như nhóp, người đến đây làm gì? Đi, ta không dùng. Thiên thần càng thêm cung kính, nhân đó mới hỏi đạo. Phật vì giảng nói, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Giảng:

Thiên thần đem ngọc nữ dâng Phật, muốn phá hoại ý Phật, tức là làm cho Phật bị sắc dục phải thối tâm, không tu nữa. Phật bảo: *Cái đây da chứa các thứ như nhóp, người đến đây làm gì? Đi, ta không dùng.* Nhân đó thiên thần càng thêm cung kính, mới hỏi đạo. Phật vì ông giảng nói, ông liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Người thế gian nếu được con mắt như Phật chắc không còn ai bị khổ sở. Dù người đẹp thế mấy cũng biết trong đó chứa nhiều thứ đồ dơ: máu dơ, mủ dơ, mồ hôi dơ, tiểu tiện, đại tiện v.v... cái gì cũng dơ, tất cả chỉ là một da chứa đồ hôi thúi. Dù có tô son trét phấn cũng chỉ là da thúi. Do biết như vậy nên không còn bị nhiễm sắc dục nữa. Người thế gian không biết tu nên chỉ nhìn thấy hình dáng bên ngoài, không thấy tường tận bên trong. Đức Phật thấy tất cả con người đều là da, bên ngoài có một lớp da bao bọc, bên trong chứa toàn đồ như nhóp, không có gì phải đắm mến.



CHƯƠNG 27

Chánh văn:

Phật nói: Phàm là người học đạo dụ như khúc cây trên nước, theo dòng mà trôi, không đụng hai bên bờ, không bị người vớt, không bị quỷ thần ngăn cản, không bị nước xoáy làm đứng lại, cũng không bị mục nát, ta bảo cây này quyết định trôi đến biển. Người học đạo không bị tình dục làm mê hoặc, không bị các tà kiến làm rối tâm, tinh tấn vô vi, ta bảo người này quyết định chứng đạo.

Giảng:

Phật dạy người học đạo cũng như khúc cây thả trôi dưới dòng sông. Nếu nó theo giữa dòng trôi, không đụng bờ bên này, không đụng bờ bên kia, không bị người vớt, không bị quỷ thần ngăn cản, không bị nước xoáy làm đứng lại, không bị mục nát chìm nửa chừng thì cây này quyết định trôi đến biển.

Người học đạo cũng vậy, nếu không bị tình dục làm mê hoặc, không bị các tà pháp, tức là những tà kiến ngăn trở làm mình rối tâm, mất chánh tín thì mãi mãi tiến trên con đường giải thoát. Người được như vậy, quyết định sớm muộn gì cũng sẽ chứng đạo. Vô vi ở đây có nghĩa là giải thoát. Tinh tấn vô vi là tiến mãi trên đường giải thoát, không chấp vào hình thức bên ngoài, chỉ chú trọng vào việc giải thoát thôi.



CHƯƠNG 28

Chánh văn:

Phật nói: Dè dặt chớ tin ý ông, ý ông không thể tin được. Dè dặt chớ cùng sắc đẹp gần gũi, gần sắc thì họa sanh. Chứng A-la-hán rồi, mới có thể tin được ý ông.

Giảng:

Phật nói dè dặt chớ tin ý ông vì ý ông không thể tin được. Dè dặt chớ cùng sắc đẹp gần gũi, người nam phải sợ nữ sắc, người nữ phải sợ nam sắc, nếu gần gũi họa sẽ sanh. Chừng nào chứng A-la-hán mới tin được tâm mình.

Tại sao không thể tin tâm mình? Thí dụ mình tự hứa ngầm trong lòng từ nay ai nói tức gì cũng ráng nhịn, nhưng đến khi bị chọc tức lại nhịn không được. Vậy ý mình có tin được không? Mới ngầm tính hồi nãy, bây giờ đã làm khác. Đó là đối với sân giận. Còn đối với sắc dục mình tin rằng không bao giờ nhiễm, nhưng biết đâu khi có người đẹp đứng nói chuyện lâu với mình, mình mê hồi nào không hay, nên nói đừng tin ý mình. Chừng nào chứng A-la-hán, sạch hết các phiền não trong tâm rồi, lúc đó mới tin. Nếu phiền não còn mà tự tin, nhiều khi bị lầm. Ở đây Phật nói đừng tin tâm là đừng tin cái ý suy nghĩ tính toán hàng ngày, nó giả dối không thật, chứ không phải bảo đừng tin chân tâm mình.



CHƯƠNG 29

Chánh văn:

Phật nói: Dè dặt chớ nhìn nữ sắc, cũng chớ cùng nói chuyện. Nếu cùng nói chuyện phải chánh tâm nghĩ nhớ: Ta là người tu ở cõi đời ô trược, phải như hoa sen không bị bùn làm nhiễm nhơ. Tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, người nhỏ như em gái, đứa bé như con, sanh tâm độ họ giải thoát thì diệt được niệm xấu.

Giảng:

Phật dạy dè dặt chớ nhìn nữ sắc, bên nữ thì chớ nhìn nam sắc, cũng chớ nói chuyện. Nếu cùng nói chuyện phải chánh tâm nghĩ nhớ: Ta là người tu trong cõi đời ô trược phải như hoa sen không bị nhiễm mùi bùn. Tưởng những người già như mẹ đối với người nam, như cha đối với người nữ; lớn hơn một chút tưởng như chị hoặc anh ruột; nhỏ hơn tưởng như em gái hay em trai trong nhà; với đứa bé coi như con cháu, luôn luôn có tâm độ họ giải thoát, như vậy là diệt được niệm xấu.

Nghĩa là đối với người khác phái phải tránh, nếu không tránh được, khi gần gũi luôn luôn nhớ rõ người già là cha mẹ, người lớn là anh chị, người nhỏ là em út, nhỏ nữa xem như con cháu, phải làm sao độ họ giải thoát, khi đó những tâm niệm xấu tự hết. Phải luôn luôn nhớ mình là người tu trong cõi đời ô trược mà không nhiễm, như hoa sen giữa bùn không bao giờ dính bùn. Như vậy việc tu của mình mới thanh tịnh.



CHƯƠNG 30

Chánh văn:

Phật nói: Phàm là người học đạo như đội cỏ khô, lửa đến liền tránh xa. Người học đạo thấy dục lạc ắt phải xa lìa.

Giảng:

Phật nói người học đạo như đội cỏ khô, thấy lửa liền tránh xa, không dám đến gần. Người học đạo thấy ngũ dục thế gian ắt phải xa lìa, không để nhiễm nhơ, như đội cỏ khô đến gần lửa ắt bị cháy đầu. Người tu phải biết ngũ dục là nhơ nhớp, luôn luôn tránh xa, gần nó sẽ bị lem lấm. Những thí dụ này rất hay, chỉ nhớ thí dụ là hiểu cả bài kinh.



CHƯƠNG 31

Chánh văn:

Phật nói: Có người sợ tâm dâm dục không dùng được, muốn tự đoạn âm. Phật bảo người đó: Đoạn âm không bằng đoạn tâm. Tâm như công tào, công tào nếu nghỉ, những người tùy tùng đều nghỉ. Tâm tà không dùng, đoạn âm có ích gì? Phật vì đó nói bài kệ:

*Dục sanh từ ý ông,
Ý do tư tưởng sanh,*

Hai tâm đều vắng lặng,

Không sắc cũng không hành.

Phật nói bài kệ này là do đức Phật Ca-diếp nói.

Giảng:

Phật nói có người sợ tâm dâm dục dừng không được nên muốn đoạn âm. Phật bảo đoạn âm không bằng đoạn tâm, vì tâm như công tào, như vua. Vua dừng, những người tùy tùng tự nhiên dừng. Tâm tà không dừng, dù đoạn âm cũng vô ích. Phật nói kệ: Dục sanh từ nơi ý của người, ý do tư tưởng sanh. Hai tâm (ý và tư tưởng) đều vắng, không phải sắc cũng không phải hành. Nghĩa là không phải do sắc ở ngoài làm mình nhiễm, cũng không phải do các hành bên trong làm mình mê, chính do ý, do tư tưởng mà có. Bài kệ này do đức Phật Ca-diếp nói.

Dục ở đây không phải nghĩa thường. Theo bài kệ tất cả dục từ tư tưởng sanh, chỗ này nhiều người thường không tin. Tôi nói thí dụ cho dễ hiểu: Như khi chúng ta đói bụng, chợt nhớ lại những món ăn thật ngon, vừa nhớ nước miếng liền tuôn ra. Nếu khi đói mình không tưởng gì hết thì nước miếng không chảy. Hoặc trưa nắng khát nước, bỗng nhớ trái khế hay trái me, tự nhiên nước miếng tràn ra. Vậy nước miếng tràn ra từ đâu? Chính từ tư tưởng sanh. Thế nên tư tưởng khởi, các dục cũng theo đó có, tư tưởng dừng, tất cả dục cũng theo đó không.

Những người không biết, khi tu họ cứ nghĩ phải bịt tai, bịt mắt đừng nghe, đừng thấy để đừng nhiễm. Hoặc có những người làm những hành động hủy hoại

thể xác rồi tưởng như vậy là hết dục. Đâu phải! Tâm tà không dừng dù hành thân xác thế mấy cũng vẫn nhiễm dục như thường. Do đó người tu phải lấy tâm làm gốc, đừng chú trọng hình thức bên ngoài. Phải biết tâm là chủ, ngay tâm đó tu là thật tu. Ngược lại, hành theo hình thức bên ngoài là lầm, là tà.



CHƯƠNG 32

Chánh văn:

Phật nói: Người từ ái dục sanh lo buồn, từ lo buồn sanh kinh sợ. Nếu lìa ái dục, đâu còn lo buồn, đâu còn kinh sợ.

Giảng:

Phật nói: Người từ ái dục sanh lo buồn, từ lo buồn sanh kinh sợ. Nếu lìa ái dục, đâu còn lo buồn, đâu còn kinh sợ. Bởi vì có yêu thích nên mới lo tính, bởi lo tính sanh ra sợ sệt hoặc được hoặc mất. Thí dụ có người thích hột xoàn quá nên mưu mô tính toán, vay người này, mượn người kia, lúc đó có lo buồn không? Giả sử mua được hột xoàn mang trong tay, lúc đó lại sợ mất, sợ bị giật, hồi hộp mãi không yên. Đó là về tài sản. Ái dục cũng vậy, người đắm mê ái dục, nỗi lo sợ lúc nào cũng có sẵn trong tâm không bao giờ hết.



CHƯƠNG 33

Chánh văn:

Phật nói: Phàm là người học đạo thí như một người đánh với muôn người, mang giáp ra cửa, ý hoặc khiếp nhược, hoặc đi nửa đường rồi rút lui, hoặc đánh rồi chết tại trận, hoặc đắc thắng trở về. Người Sa-môn học đạo phải quyết chí giữ vững tâm mình, tinh tấn dũng mãnh, không sợ cảnh trước, phá sạch chúng ma để đắc đạo quả.

Giảng:

Phật dạy việc tu rất khó như một người đánh với muôn người. Đánh với hai người đã khó thắng, đánh với muôn người càng khó bội phần. Nên khi đã mang giáp ra trận phải quyết tử chiến đấu tới cùng đến thắng trận trở về, không bao giờ khiếp nhược thối lui.

Thí dụ này trong kinh A-hàm nói rõ hơn. Hạng người thứ nhất vừa mặc giáp ra cửa, thấy quân đông liền hốt hoảng thối lui. Dụ cho người mới phát tâm xuất gia rất dũng mãnh, nhưng cạo tóc mặc áo nhuộm rồi, thấy sự tu hành sao khó khăn quá, chán nản muốn hoàn tục, đó là hạng người khiếp nhược.

Hạng người thứ hai đi nửa đường trở lui. Dụ cho người cũng dũng mãnh cạo tóc xuất gia, ban đầu cũng tinh tấn tu, nhưng được nửa chừng, thấy đường xa, chán ngán muốn hoàn tục.

Hạng người thứ ba ra trận đánh giặc rồi tử trận. Dụ cho người xuất gia quyết tu tới cùng, nhưng không khéo

dè dặt, không khéo gìn giữ giới luật để phạm giới như người chết tại trận.

Hạng người cuối cùng đánh đến thắng trận mới trở về. Dụ cho người lúc phát tâm mạnh mẽ, khi cạo tóc xuất gia rồi vẫn tu hành tinh tấn, suốt đời thanh tịnh cho đến chết. Hay nói cách khác là tu hành đến đắc đạo là thắng trận trở về.

Như vậy chúng ta tu là mặc giáp, cầm gươm ra trận, phải mạnh mẽ cương quyết, quyết thắng mới về, không được lơ mơ. Phải luôn luôn cầm gươm trí tuệ không lúc nào rời. Nếu quên thanh gươm trí tuệ, ma quân sẽ bao vây, mình không chống lại nổi, bị nó bắt sống. Người tu hành phải kiên tâm trì chí, biết việc tu khó như một vị tướng chiến đấu với muôn người, nên phải cẩn thận, dè dặt, bền chí, không lúc nào nhút nhát, cũng không khinh thường, quyết đánh tới cùng, không bao giờ chịu thua. Như vậy mới xứng đáng là một chiến tướng, xứng đáng là một người xuất gia.



CHƯƠNG 34

Chánh văn:

Có một Sa-môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Phật Ca-diếp, tiếng nghe buồn thảm, nghĩ hối hận muốn lui sụt.

Phật hỏi vị Sa-môn: Ngày trước ở nhà ông từng làm nghề gì?

Thưa: Con thích đàn cầm.

Phật hỏi: Dây dùn thì sao?

Thưa: Không kêu.

Dây thẳng quá thì sao?

Thưa: Tiếng chát.

Dây không dùn không thẳng thì sao?

Thưa: Dây đủ tất cả âm ba.

Phật dạy: Sa-môn học đạo cũng vậy, tâm nếu điều hòa an ổn, đạo có thể được vậy. Đối với đạo nếu gấp quá thì thân nhọc nhằn; thân nhọc nhằn thì ý sanh phiền não; ý nếu sanh phiền não thì hạnh bị thối lui; hạnh đã thối lui thì tội ắt tăng trưởng. Chỉ thanh tịnh an vui thì đạo không mất vậy.

Giảng:

Có một Sa-môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Phật Ca-diếp được ghi chép lại, tiếng nghe buồn thảm, rồi tự hối hận về việc đi tu của mình, muốn trở lại thế gian. Phật biết, gọi lại hỏi: Người ở nhà từng làm nghề gì? Sa-môn thưa: Con thích đàn cầm. Phật hỏi: Nếu dây dùn thì sao? Ông trả lời: Không kêu. Phật hỏi: Nếu dây thẳng quá thì sao? Ông thưa: Tiếng chát. Phật hỏi: Sợi dây không dùn không thẳng, tức là vừa bậc trung thì sao? Ông thưa: Dây đủ tất cả âm ba. Phật nói Sa-môn học đạo cũng vậy, tâm nếu được điều thích, tức là tâm điều hòa an ổn; nói tâm mà luôn cả thân, thân tâm điều hòa an ổn thì đạo có thể được vậy. Đối với đạo, gấp quá sẽ làm cho thân nhọc nhằn, thân nhọc nhằn thì ý sanh

phiền não bức bội. Thí dụ quý vị vừa sám hối xong, mệt, mới giải y áo, có ai đến chọc tức là nổi giận liền. Đương mệt ai động tới dễ nổi sân. Khi tu cũng vậy, cố gắng quá thì mệt mỏi, đương mệt dễ bức bội, có việc gì xảy đến là sanh phiền não ngay. Khi đó lại tự hỏi: Tại sao tu càng nhiều, phiền não càng lắm? Đó là tại vì mệt quá. Ở thế gian cũng vậy, người làm việc từ thiện nhiều quá, đương mệt có người nào làm trái ý là nổi giận liền. Còn người chỉ ở nhà, có ai đến năn nỉ xin vật này vật kia thì cho mà ít sân.

Cho nên khi tu, nếu thân cố gắng, kèm quá sức thì về sau thân mệt mỏi, nhọc nhằn, khi ấy tâm dễ sanh phiền não. Nếu ý sanh phiền não thì hạnh bị thối lui, sự tu hành không thể tiến được. Tu hành đã thối, tội ắt tăng trưởng. Vì thối là tâm nghĩ tới danh lợi và ngũ dục thế gian nên tội càng ngày càng lớn. Chỉ có người tu hành chừng mực, trong tâm thường thanh tịnh an vui, đạo mới không mất.

Phật thí dụ sợi dây đàn. Dàn quá không kêu, thẳng quá tiếng kêu chát chúa, chỉ có vừa chừng là đầy đủ âm ba. Người tu cũng vậy, gấp quá bức bội, hoãn quá thối lui, chỉ có vừa chừng, đều đều tiến mãi là hay nhất. Quý vị hiểu như vậy, tu được như vậy mới tiến. Chớ quá sốt sắng ham tu đến bỏ ăn bỏ ngủ và cũng không nên tu hành lơ thơ lửng thững qua ngày, phải giữ điều hòa, mỗi ngày đều tu, đều tiến, không chùn bước, hợp với cơ thể và tinh thần mình, hai cái đó được nhẹ nhàng, vui vẻ thì sự tu mới tiến.

Theo câu chuyện chính trong kinh A-hàm là có vị Tỳ-kheo tu tinh tấn nhất trong chúng, nhưng suốt mấy năm không đắc đạo. Ngài nghĩ: Ta tu hành khổ hạnh cực nhọc mà không được đạo, tốt hơn nên trở về nhà, cha ta tiền của không thiếu chi, tạo phước bố thí sướng hơn, tội gì tu cho khổ. Ngài vừa khởi nghĩ như vậy, Phật liền biết, gọi lại dạy. Đó là nguyên do của bài kinh này, nhưng ở đây rút ngắn lại, chỉ nói phần vấn đáp giữa Phật với Sa-môn. Sau khi nghe lời dạy, vị Sa-môn hiểu được lý trung đạo, từ đó ông tu một cách điều hòa, ít hôm sau chứng A-la-hán. Tóm lại, khi tu chúng ta phải giữ điều hòa, đừng gấp cũng đừng hoãn, vì cả hai trạng thái đó đều không tốt, lúc nào trong tâm cũng vui vẻ, an ổn tiến mãi mới là tốt.



CHƯƠNG 35

Chánh văn:

Phật nói: Thí như người luyện sắt, bỏ những cặn bã làm thành đồ dùng, đồ dùng được tốt; người học đạo bỏ những thứ nhơ nhớp trong tâm thì hạnh được thanh tịnh.

Giảng:

Thợ luyện lọc sắt, luôn luôn lọc bỏ cặn bã, cặn bã hết chỉ còn sắt thuần tốt, lúc đó mới làm được các thứ

vật dụng. Người tu cũng thế, luôn luôn xét tâm mình, những phiền não buồn, giận, sân, si v.v... tất cả tật xấu đều bỏ hết, lúc đó tâm thuần thanh tịnh, tức là được đạo. Ngược lại, nếu chúng ta mang các tập khí xấu mãi thì làm gì cũng không được. Cũng như người nấu sắt lọc không kỹ, cặn bã chưa ra hết, họ không thể làm được món gì tốt cả. Nếu tu mà tâm không bỏ hết những tật xấu, dầu cho có cạo đầu đến trăm lần cũng vậy thôi, không tiến chút nào.

Tóm lại, tu cốt lọc những thứ cấu uế trong tâm, khi tâm hoàn toàn thanh tịnh, đó là hợp đạo. Ở đây, mỗi bài kinh có một thí dụ, nhớ thí dụ là hiểu được bài kinh.



CHƯƠNG 36

Chánh văn:

Phật nói: Người lìa đường ác, được làm thân người là khó; đã được làm người, bỏ thân nữ làm thân nam là khó; đã được thân nam, sáu căn đầy đủ là khó; sáu căn đã đầy đủ, sanh ở chỗ văn vật là khó; đã sanh ở chỗ văn vật, gặp Phật ra đời là khó; đã gặp Phật ra đời, gặp được đạo là khó; đã gặp đạo, khởi tâm tin là khó; đã khởi niềm tin, phát tâm Bồ-đề là khó; đã phát tâm Bồ-đề, được không tu không chứng là khó.

Giảng:

Đây Phật nói mấy điều khó nữa. Người là các đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, được làm thân người là khó. Bỏ ba đường ác sanh trong nhân đạo là cái khó thứ nhất.

Đã được làm người, bỏ thân nữ làm thân nam là khó. Trong kinh A-hàm, Phật thường nói nghiệp người nữ nặng nên được làm người nam là hơn một phần. Đã được làm người nam mà sáu căn đầy đủ là khó. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt sáng, tai mũi lưỡi thính, thân không tật nguyên, ý thông minh, đủ sáu điều kiện đó là khó lắm. Sáu căn đã đầy đủ mà sanh ở chỗ văn minh thị tứ, được như vậy là khó. Thường trong kinh nói đừng sanh nơi biên địa hạ tiện. Nơi biên địa khó gặp người trí thức, chỉ gặp những người không biết tu hành nên không có bạn bè tốt, không gặp đạo lý. Còn hạ tiện là những chỗ đói cơm, thiếu áo, đời sống khổ sở. Phật nói do ít phước mới sanh vào những nơi đó. Nếu sanh ở chỗ văn vật, tức nhiên có Phật, có Kinh, có Tăng, có nhiều bạn lành.

Đã sanh ở chỗ văn vật, gặp Phật ra đời là khó. Đã gặp Phật ra đời nhưng gặp đạo và hiểu đạo là khó. Đã hiểu đạo, khởi tâm tin vững chắc là khó. Đã khởi niềm tin, phát tâm Bồ-đề là khó. Tin được pháp Phật dạy là khó, nhưng tin suông không lợi ích, phải phát tâm Bồ-đề, tức là phát tâm cầu giác ngộ, đó là tiến lên một bậc nữa. Đã phát tâm Bồ-đề, đến được chỗ không tu, không chứng

mới là khó tốt. Không tu, không chứng là sao? Chúng ta tu, hàng ngày luôn nhớ việc tu, luôn mong được chứng quả, nhưng tại sao ở đây lại nói không tu, không chứng là khó? Trong kinh Bát-nhã có đoạn: Dĩ vô sở đắc cố Bồ-đề tát đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết-bàn. Nghĩa là: Vì không có chỗ được nên Bồ-tát y theo Bát-nhã ba-la-mật-đa tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Như vậy chúng ta thấy cái không sở đắc là căn bản để được giải thoát. Nếu nói tôi tu khá lắm, tôi chứng được quả này, pháp kia, là thấy có ta tu, ta chứng. Đó là còn bản ngã, thấy mình có tu có chứng. Nếu còn bản ngã tu chứng là chưa đạt được lý vô ngã Phật dạy, tức là chưa giác ngộ, nên ở đây nói không tu, không chứng. Trên phương diện phá ngã, không còn thấy có mình hay tu và quả vị chứng được, nhưng không phải không ngộ, mà thật có tu có chứng. Nghĩa là khi không còn ngã nữa, lúc đó đạo quả mình nhận được đầy khắp, như vậy gọi là chứng. Vì vậy nói không tu không chứng khó, tức là phá được ngã, không còn thấy mình là người hay tu, kia là quả vị chứng được, như vậy mới thật đến chỗ cứu cánh. Nếu tu mà còn chấp ngã, còn thấy mình được cái này cái kia là còn ở trong vòng tương đối sanh diệt, chưa được giải thoát.



CHƯƠNG 37

Chánh văn:

Phật nói: Phật tử là ta mấy ngàn dặm, mà nghĩ nhớ những lời răn dạy của ta, ắt được đạo quả. Còn ở bên mặt bên trái ta, tuy thường thấy ta, nhưng không chịu nghe lời răn dạy của ta thì trọn không được đạo.

Giảng:

Chúng ta thường nghe Phật huyền ký, sau khi Phật nhập diệt 500 năm đầu gọi là chánh pháp, 500 năm kế là tượng pháp, sau đó là mạt pháp. Thời chúng ta là thời mạt pháp. Đức Phật nói thời mạt pháp người tu chứng ít lắm, thời tượng pháp người tu chứng nhiều, còn thời chánh pháp mười người tu hết chín người chứng. Nhưng căn cứ vào lời Phật dạy ở đây, chúng ta thấy có một lẽ khác nữa. Nghĩa là dù Phật còn tại thế, được ngồi bên cạnh ngài, nhưng nếu không theo lời Phật dạy để tu hành, tuy ở gần cũng không được đạo quả. Còn dù cách Phật trên hai ngàn năm, nhưng nếu chúng ta y theo lời Phật tu hành, chắc chắn đạo quả không xa.

Thế nên điều cần yếu là y theo lời Phật dạy để tu hành, đừng nghĩ mình ở thời mạt pháp tu khó chứng rồi không tu, như vậy càng nguy hiểm hơn nữa. Cho nên căn bản là y theo lời Phật dạy mà tu, đừng y lại ở gần, cũng đừng buồn phiền ở xa, quan trọng là sự tu hành của chính mình.



CHƯƠNG 38

Chánh văn:

Phật hỏi Sa-môn: Mạng người sống khoảng bao lâu? Thưa: Khoảng vài ngày. Phật bảo: Ông chưa biết đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn: Mạng người sống khoảng bao lâu? Thưa: Khoảng bữa ăn. Phật bảo: Ông chưa biết đạo.

Lại hỏi một vị Sa-môn: Mạng người sống khoảng bao lâu? Thưa: Trong khoảng hơi thở. Phật dạy: Lành thay! Ông biết đạo vậy.

Giảng:

Bài này nói về lý vô thường. Phàm nói về lý vô thường, người ta có thể nói là sớm còn chiều mất, hay còn đi đứng nằm ngồi là còn sống, ngủ một giấc chưa chắc đã dậy. Những cách nói như vậy đã là tả cảnh vô thường mỏng manh lắm rồi, nhưng chưa đạt đến chỗ chí lý.

Ở đây Phật dùng câu *người chưa biết đạo*. Chữ đạo là chỉ chỗ chí lý, hiểu được sự vật đến lý chân thật của nó gọi là hiểu được lý đạo. Lý vô thường căn cứ trên mạng sống con người, nên khi trả lời mạng người trong khoảng vài ngày hay trong khoảng bữa ăn, tuy đã là mỏng manh, nhưng Phật nói hai vị đó chưa hiểu đạo. Chỉ có vị nói mạng người trong hơi thở, lời đó mới là cứu cánh, bởi vì đó là sự thật không cãi chối được. Dù bất cứ trường hợp nào, miễn tắt thở là chết, không còn

tìm được sự thật nào hơn nữa. Diễn tả được lý vô thường đến chỗ đúng sự thật, Phật khen là *biết đạo*.

Kinh A-hàm luôn luôn nhấn mạnh tướng thật của sự vật là vô thường và chỉ có cái vô thường trong sự vật mới là thường. Nghĩa là phạm cái gì có hình tướng đều biến đổi, Phật gọi đó là vô thường. Nơi con người sự biến đổi là sanh già bệnh chết. Nơi thế giới sự biến đổi là thành trụ hoại không. Tất cả sự vật luôn luôn thành trụ một thời gian, hư hao từ từ là hoại, đến một ngày nào đó tan nát là không. Con người cũng vậy, có sanh ra, sống một thời gian mấy mươi năm, lần lần già yếu, lại sanh nhiều bệnh tật rồi chết. Con người hay sự vật đều luôn luôn biến chuyển, gọi là vô thường. Trên hình tướng, không có sự vật nào không biến đổi, từ con người đến vạn vật, tất cả đều vô thường, nhưng chỉ có sự biến đổi của vạn vật là thường. Nghĩa là không lúc nào không biến đổi, quá khứ biến đổi, hiện tại biến đổi, vị lai cũng biến đổi. Cái biến đổi đó trùm hết sự vật nên nói là thường.

Như vậy chữ đạo trong kinh A-hàm khác với chữ đạo trong kinh Bát-nhã. Theo kinh A-hàm, thấy được sự biến diệt của các tướng, hay là thấy được tướng sanh diệt của các pháp gọi là thấy được sự thật, thấy đạo. Còn theo Bát-nhã thấy được tánh của các pháp gọi là thấy đạo. Hai bên định nghĩa chữ đạo khác nhau.



CHƯƠNG 39

Chánh văn:

Phật nói: Người học đạo Phật, những lời Phật nói ra đều nên tin và thuận theo. Thí như ăn đường, chính giữa hay một bên đều ngọt, kinh của ta cũng vậy.

Giảng:

Phật nói người học đạo Phật, những lời Phật nói ra đều nên tin và thuận theo, chữ *thuận* tức là hành theo. Thí như ăn đường, ở giữa hay một bên đều ngọt, dù cắn chính giữa miếng đường cũng ngọt, mà cắn từng miếng xung quanh cũng ngọt, nghĩa là để miếng đường vào miệng là nghe ngọt. Cũng vậy, nghe lời Phật dạy, tức là ăn bằng tinh thần, tin và thuận theo giống như mình đã ăn được pháp vị của Phật, ăn được pháp vị nhất định nghe ngon. Như ăn đường để dính vô miệng là nghe ngọt, dù một miếng ở bên cạnh hay một miếng trong ruột cũng đều ngọt như nhau. Cho nên người học kinh Phật, nếu thực tâm học, thực tâm tu, một lời hay một câu Phật dạy đều hữu ích cho mình, trừ những người không thực tâm tu, nghe tai này trôi qua tai kia, không có lợi ích gì cả. Thế nên phải gắng nghe lời Phật dạy rồi tin nhận và thực hành theo.



CHƯƠNG 40

Chánh văn:

Phật nói: Sa-môn tu hành, không giống con trâu kéo che, thân tuy hành đạo, mà tâm không hành. Tâm nếu hành đạo, còn dùng hành đạo làm gì?

Giảng:

Phật dạy bất cứ chúng ta tu hạnh gì, hoặc bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, hay tụng kinh, niệm Phật v.v... tất cả những việc đó đều do mình tự nguyện phát tâm làm, không ai bắt buộc. Cũng vậy, chúng ta xuất gia có ai bị cha mẹ ép không? Tự mình nguyện xuất gia nên khi tu mình cũng tự nguyện tu, đừng đợi chờ. Giả sử đến giờ tụng kinh, nếu có Phật tử thì ráng tụng, còn không ai tới thì nghỉ, như vậy là tụng kinh vì bị bắt buộc hoặc sợ người chung quanh chê cười, nghĩ mình làm biếng. Làm như vậy giống như con trâu, máng ách lên thì kéo, bỏ ách xuống liền thôi, không ý thức gì về việc kéo che. Nếu chúng ta không tự phát tâm, dù thân có tu cũng là tu bên ngoài, không có lợi ích chi, vì không dẹp được tham sân si.

Nếu thực phát tâm tu, giờ phút nào cũng chuyển hướng tâm mình, không để mê lầm, luôn luôn tỉnh táo sáng suốt biết niệm nào xấu, niệm nào tốt. Được vậy, dù bên ngoài không tu cũng không có lỗi. Cho nên Phật nói *tâm nếu hành đạo, còn dùng hành đạo làm gì?* Hành đạo là hành nơi tâm. Thế nên người tu theo đạo Phật cốt phải tự thệ, tự nguyện.

Có một số người phàn nàn Phật giáo vô tổ chức, tín đồ ưng đi chùa thì đi, không ưng thì thôi, không có sự bắt buộc. Nhưng Phật giáo luôn luôn chủ trương tự nguyện, tự phát tâm làm, việc làm mới có ý nghĩa. Nếu bị bắt buộc làm, việc làm đó gọi là vô ý thức, tuy có làm nhưng không hợp với đạo. Tuy nhiên, không có nghĩa là không khuyên Phật tử đi chùa, mình cũng khuyên, giảng cho họ hiểu việc tới chùa là cần thiết, lợi ích như thế nào, tự họ thấy cần thì họ đi, chứ không bắt buộc. Việc tu cũng vậy, chúng ta không xúi giục người khác tu, nhưng vẫn giải thích lợi hại, hay dở của sự tu hành, khi hiểu được, tự họ phát tâm tu, đó là rất tốt.



CHƯƠNG 41

Chánh văn:

Phật nói: Phàm người hành đạo như con trâu kéo nặng qua chỗ bùn sâu, mệt mỏi cũng không dám ngó phải ngó trái, ra khỏi bùn lầy mới có thể nghỉ ngơi. Sa-môn phải xem tình dục còn hơn bùn lầy, phải trực tâm nhớ đạo mới có thể khỏi được khổ vậy.

Giảng:

Phật nói người hành đạo như con trâu kéo nặng qua chỗ bùn lầy, tuy nhọc nhằn, mệt mỏi lắm cũng không dám ngó phải ngó trái, chỉ một bề cố sức kéo xe ra khỏi chỗ bùn lầy, sau đó mới có thể nghỉ ngơi. Lúc qua chỗ này,

người biết đánh xe phải đánh mạnh một hai roi để con trâu biết chỗ lầy thì khi qua mới không bị lún. Nếu chần chừ không đi thì càng lúc bánh xe càng lún sâu xuống bùn và bị kẹt luôn.

Cũng vậy, Sa-môn phải xem tình dục thế gian còn nguy hiểm hơn con trâu chở nặng đương mắc lầy. Bấy giờ phải trực tâm nhớ đạo, nghĩa là tâm luôn luôn một bề nhớ giáo lý Phật dạy, không nghĩ tới ngũ dục thế gian, như vậy mới có thể khỏi được khổ. Nếu mình cứ lừng chừ, coi thường việc tu thì giống như con trâu bị lầy lún luôn cả các bánh xe, không thể nào kéo lên nổi. Cho nên muốn thoát vòng ngũ dục thế gian, tâm luôn luôn nghĩ nhớ pháp mình đang tu không bao giờ quên, gọi là nhớ đạo. Như đang quán lý vô thường thì đi đứng nằm ngồi gì cũng nhớ vô thường, đang quán lý nhân duyên thì đi đứng nằm ngồi đều nhớ nhân duyên, không nghĩ chuyện khác, như vậy mới có thể thoát khỏi sự khổ. Còn người nào quên hoài, cái khổ đó chưa chắc hết nổi.



CHƯƠNG 42

Chánh văn:

Phật nói: Ta xem ngôi vị vương hầu như bụi qua kẽ hở, xem vàng ngọc quý báu như ngôi gạch, xem y phục lụa là như giấy rách, xem đại thiên thế giới như một trái kha tử, xem nước ao A-nậu như dầu thoa chân, xem pháp môn phương tiện như đồng báu

hóa hiện, xem pháp Vô thượng thừa như trong mộng được vàng lụa, xem Phật đạo như hoa trước mắt, xem thiên định như núi Tu-di đứng vững, xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức, xem sự đảo chánh như sáu con rồng múa, xem pháp bình đẳng như chỗ đất chân thật, xem sự hưng hóa như cây bốn mùa.

Giảng:

Phật dạy chúng ta phải có cái nhìn giống như Phật, tức là cái nhìn của người giác ngộ. Chỉ có nhìn đúng như vậy mới là chánh kiến.

Trước hết nói về danh lợi thế gian. Người đời tranh danh đoạt lợi, đức Phật thấy danh vị vua chúa chẳng khác nào những hạt bụi trong kẽ hở lăng xăng, không có nghĩa lý gì.

Thế gian ham muốn vàng bạc, ngài xem chúng như ngói gạch, để ngó chơi chứ không tham tiếc.

Thế gian chọn đồ mặc sang đẹp, ngài thấy y phục lụa là như giẻ rách, vì vậy người tu phải mặc áo bá nạp là áo do lượm giẻ rách giặt giũ, chắp vá lại, kết thành áo. Người tu hạnh đầu đà thường mặc y này.

Ngài xem đại thiên thế giới như trái khà tử. Trái khà tử có chỗ nói giống trái cau, có chỗ nói giống trái xoài. Thế giới tam thiên đại thiên đối với mình rất lớn, đức Phật chỉ xem bằng trái xoài, trái cau chứ không có gì quan trọng.

Ngài xem nước ao A-nậu như một chút dầu thoa chân. Ao A-nậu rất lớn giống Biển Hồ ở nước Miên, nhưng ở trong núi Tuyết nên gọi là ao. Đức Phật chỉ xem nó như một chút dầu thoa chân.

Hai việc: Xem thế giới tam thiên như trái kha tư; xem nước ao A-nậu như chút dầu thoa chân. Đứng về mặt lý, khi đạt lý, đối với tất cả tướng không còn phân biệt lớn nhỏ; đứng về mặt sự, đức Phật đã thấy trùm hết cả mười phương thế giới, cái thấy của ngài bao quát khắp cả nên thế giới tam thiên dù lớn bao nhiêu đối với ngài cũng là một chút xíu, không đáng kể, giống như một trái kha tử. Và dù ao A-nậu to mấy, đối với ngài, cũng chỉ như một chút dầu.

Ngài xem pháp môn phương tiện như một đồng của báu hóa hiện. Những phương pháp Phật dạy chỉ là những phương tiện tùy người chỉ dạy chứ không thật. Cũng như thầy thuốc tùy bệnh cho toa, nếu người không bệnh, những toa đó đem bỏ sọt rác, không còn nghĩa lý gì. Vì vậy, phương tiện Phật giáo hóa là tùy người, tâm bệnh thế nào Phật dạy phương pháp đối trị thế ấy. Người nào tâm bệnh hết, các phương pháp Phật dạy không còn giá trị nữa. Tổ Huệ Năng nói: *Kinh Phật dạy để trị tất cả tâm bệnh chúng sanh, tâm ta không bệnh, đâu cần gì kinh*. Tất cả những lời Phật dạy trong các kinh là những phương tiện giáo hóa chúng sanh. Khi mình còn bệnh phải thấy kinh điển hết sức quan trọng. Thí dụ có người bị bệnh đau bụng, toa thuốc trị đau bụng rất cần thiết, không thể bỏ quên. Khi nào hết đau, toa thuốc quăng bỏ không cần nhớ nữa.

Chúng ta tu phải hiểu phương tiện Phật dạy. Thí dụ có người tu pháp môn niệm Phật, niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà để được giải thoát. Người tu thiền thì đếm hơi thở, hít vô đếm một, thở ra đếm hai, tới mười bỏ, đếm trở lại v.v... Nếu người niệm Phật chê người tu thiền đếm hơi thở đâu có nghĩa lý gì, phải niệm Phật mới linh nghiệm, bởi vì niệm Phật, Phật cứu, còn đếm một hai ai cứu mình? Nói như vậy là không hiểu phương tiện Phật dạy.

Trong các kinh dạy về Tịnh độ, Phật nói do chúng sanh tâm tán loạn, không bao giờ dừng một chỗ, muốn họ phát trí tuệ thanh tịnh phải làm cho tâm họ yên lặng. Đối với người nhiều niềm tin, Phật dạy họ niệm danh hiệu Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, cứ niệm luôn luôn, miệng niệm, tai nghe, tâm không nhớ nghĩ việc khác, được vậy là tâm định. Nên nói: Niệm một niệm để phá tất cả niệm. Kinh Di-đà dạy: *Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A-di-đà Phật dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền*. Nghĩa là nếu một ngày hoặc hai ngày cho đến bảy ngày được nhất tâm, tức là một niệm không xao lãng, nhắm mắt sẽ thấy Phật Di-đà hiện ra, tiếp dẫn về Tây phương.

Nhất tâm đó trong nhà thiền gọi là định. Tâm định, trí tuệ sáng suốt là Phật tánh hiện, đó là Phật Di-đà chứ không đâu xa. Như vậy người niệm Phật nhất tâm liền thấy Phật Di-đà, cũng như người tu thiền được định thì trí tuệ phát ra, trí tuệ là Phật. Chúng ta bị kẹt

trong danh từ, nghe nói Phật Di-đà phóng quang tiếp độ rồi cho là niệm Phật linh, còn đếm hơi thở không linh. Phương pháp đếm hơi thở vừa nhớ hơi thở ra vào, vừa nhớ số mình đang đếm, chăm chú không nghĩ gì khác, như vậy là tâm định. Việc làm tuy khác nhưng mục đích trụ tâm không hai. Do đó, pháp môn phương tiện là Phật tùy người mà giả lập.

Đối với người trẻ, sức tin vào mình mạnh mẽ, Phật dạy họ tu thiền, nhắm thẳng vào mình mà tu. Còn đối với người tin Phật, nhớ Phật, ngài mượn danh hiệu Phật cho họ niệm, cốt cho tâm thanh tịnh. Vì vậy Phật dạy chúng ta phải hiểu pháp môn phương tiện của ngài chỉ là những thứ báu hóa hiện tạm thời, không có thật.

Ngài *xem pháp Vô thượng thừa như trong giấc mộng được vàng lụa*. Pháp Tối thượng thừa là pháp cao nhất của Phật dạy mà ngài chỉ xem như vàng lụa trong mộng. Còn mộng thì còn dùng, tỉnh rồi vàng lụa đâu còn! Tất cả những pháp Phật dạy, từ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa cho đến Tối thượng thừa đều là pháp đối đãi, còn mê thì còn lập phương tiện từ thấp lên cao cho tới cao tột đỉnh, nhưng khi giác ngộ hoàn toàn, tất cả đều không dùng nữa. Kinh Lăng-nghiêm nói *Niết-bàn sanh tử đẳng không hoa*, nghĩa là Niết-bàn hay sanh tử đều là hoa đốm trong không.

Ngài *xem Phật đạo như hoa trước mắt*. Phật đạo là đạo giác ngộ cứu cánh. Phật đạo là đối với chúng sanh đạo. Đến chỗ giác ngộ viên mãn, chúng sanh đạo không còn, Phật đạo cũng không lập, nên nói như hoa

trước mắt, không bền, không thật, vì nó còn nằm trong vòng sanh diệt.

Xem thiên định như núi Tu-di vững vàng, không bao giờ lay động.

Xem Niết-bàn như ngày đêm đều thức. Chúng ta tu, khi nhớ việc thế gian là mê, sự tỉnh sống lại với hiện tại tu hành là tỉnh, khi mê khi tỉnh, cũng giống như ngày thức đêm ngủ, thức là tỉnh, ngủ là mê, ngủ thức luôn luôn nối tiếp nhau. Nếu chúng ta tu hành đến cứu cánh tốt bậc, tức Niết-bàn, lúc đó hoàn toàn tỉnh giác, nên nói Niết-bàn như ngày đêm đều thức.

Xem sự đảo chánh như sáu con rồng múa. Đảo chánh là chuyện phải quấy thế gian. Thế gian mê lầm chấp chặt phải quấy, tranh đua nhau không cùng, còn với Phật, ngài thấy phải quấy thế gian chẳng khác nào rồng múa, khi đổi đầu làm đuôi, lúc lộn đuôi làm đầu, không thật, không nghĩa lý. Thí dụ ở một nơi nào đó, người lớn đặt ra quy luật thế này là phải, làm khác là quấy, những người nhỏ ở dưới cứ theo đó mà làm và định việc phải quấy. Nhưng ở nơi khác lại quy định phải quấy ngược lại. Vậy phải quấy lấy đâu làm tiêu chuẩn? Nó thay đổi tùy theo quan niệm của con người, người hiểu thế này cho thế này là phải, người hiểu thế khác cho thế khác là phải, không cố định. Nếu cứ cố chấp rồi rầy rà nhau là làm việc vô ích.

Kinh A-hàm có câu chuyện: Một thầy Tỳ-kheo sống trong rừng, một cô gái trong xóm thấy ngài tu hành thanh tịnh nên kính trọng, mỗi ngày đem cơm

cúng dường. Được ít lâu, nàng bị người trong xóm đàm tiếu chuyện không hay. Vị Tỳ-kheo nghe rồi buồn khổ, tự nghĩ: Ta tu hành thanh tịnh lại bị nói xấu như vậy, tủi nhục quá! Ngài leo lên ngọn cây cao định thắt cổ tự vận, nhưng chưa kịp quỳên sinh, chợt có vị thần hiện lên hỏi: Nếu có người nói ông chứng A-la-hán khi ông chưa chứng, ông có thành A-la-hán không? Đáp: Không. Thần lại hỏi: Nếu có người nói ông là tướng cướp, ông có thành tướng cướp không? Đáp: Không. Thần bảo: Như vậy ông tu hành thanh tịnh, nếu người ta nói ông phạm giới, ông cũng đâu thành kẻ phạm giới, việc gì phải tự tử. Nghe vậy, ngài liền thức tỉnh.

Hoặc ở thế gian có người trong lúc giận, mắng mình là con chó, mình có thành con chó không? Cũng vậy, mình tốt mà họ nói mình xấu, mình cũng đâu thành kẻ xấu. Chúng ta thường không hiểu, nghe ai nói xấu thì không chịu, nổi giận liền, đó là bị lệ thuộc lời nói. Người ta nói mình tướng cướp, mình không ăn cướp thì đâu thành tướng cướp, sao lại giận? Còn mình chưa chứng A-la-hán, người ta nói mình chứng, mình cũng đâu thành A-la-hán. Thí dụ mình tu hành lời thôi, người ta nói mình chứng đạo liền vui mừng là lệ thuộc lời nói. Cho nên người tu phải nhận định chín chắn, nghe ai nói gì phải luôn luôn xét lại tâm mình, hành động mình. Nếu tâm mình thanh tịnh, hành động mình phải, ai nói gì cũng cười hết. Nếu tâm mình quấy, người ta nói đúng, mình phải tự xét mà ăn năn sám hối, như vậy mới có lợi ích. Nếu nghe chê, không xoay lại mình, vội giận là không nên. Đừng nghe khen vội mừng, nghe chê vội giận,

vì khen chê chưa hẳn đúng sự thật. Thế nên, nghe chuyện phải quấy thế gian, đừng vội giận buồn thương ghét, phải xét lại tâm mình. Đừng nghe nói phải liền hòa theo cho là phải, nói quấy liền hòa theo cho là quấy rồi sanh phiền não là không được. Vì vậy Phật dạy phải quấy thế gian như sáu con rồng múa, lộn đuôi làm đầu, lộn đầu làm đuôi, lằng xằng không nhất định.

Xem pháp bình đẳng như chỗ đất chân thật, chỗ y cứ của mọi người, mọi vật. Vì pháp bình đẳng đó không bao giờ có trên sự tướng, chỉ có trên lý tánh. Thí dụ trong một xóm có ba bốn nhà lớn nhỏ mới cũ khác nhau, nhưng tất cả những nhà đó đều không tránh khỏi vô thường, hư hoại, cũ mục. Như vậy, lý vô thường bình đẳng đối với tất cả các nhà. Đó là giai đoạn một, nói về lý vô thường của Tiểu thừa. Đến giai đoạn hai, lý Bát-nhã bên Đại thừa nói: Tuy hình dáng mỗi người khác nhau, nhưng đều do tứ đại đất, nước, gió, lửa hợp thành. Về mặt tứ đại không ai khác ai.

Nếu chúng ta thường dùng con mắt ấy nhìn, thấy ai cũng như ai, đều là tứ đại hợp thành, đâu có chê người này xấu, khen người kia đẹp, đó là bình đẳng. Đến giai đoạn thứ ba, người đạt lý tánh, thấy ai ai cũng đồng một lý tánh, tất cả đều bình đẳng không hai, không khác. Đó chính là chỗ đất chân thật.

Phật *xem sự hưng hóa như cây bốn mùa*. Hưng hóa là sự suy thịnh ở đời, như cây bốn mùa, đông đổ lá, xuân đâm chồi, hạ kết trái, thu lá vàng. Đó là nói theo miền Bắc. Còn ở miền Nam, như trên núi này, mùa xuân khô,

mùa hạ mưa bắt đầu thì cây xanh um, tới cuối mùa đông khô lại, năm nào cũng vậy, đảo đi đảo lại mãi. Việc suy thịnh của con người cũng vậy, khi mạnh lúc đau, mạnh là thịnh, đau là suy. Việc làm thế gian cũng vậy, được là thịnh, mất là suy; thăng quan tiến chức là vinh, bị giáng chức là nhục, đều là chuyện thường, không có gì quan trọng, như cây theo mùa, đổi thay không chừng. Hiểu như vậy, được không vui, mất không buồn.

Tóm lại, đức Phật có những cái nhìn đúng đắn như thế nên tâm ngài luôn luôn an tĩnh, không buồn phiền, lo sợ.



KINH DI GIÁO

GIẢNG GIẢI

MỞ ĐẦU

Chánh văn:

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đầu tiên chuyển pháp luân độ A-nhã Kiều-trần-như, sau cùng thuyết pháp độ Tu-bạt-đà-la, những người nên độ đều đã độ xong. Bấy giờ ở trong rừng sa-la, giữa hai cây, Phật sắp vào Niết-bàn. Khi đó là lúc nửa đêm, lặng lẽ không có tiếng động, ngài vì các đệ tử lược nói pháp yếu.

Giảng:

Kinh Di Giáo gọi đủ là Phật Thùy Bát-niết-bàn (Parinirvāṇa) Lược Thuyết Giáo Giới Kinh, tức là bộ kinh khi sắp Niết-bàn, Phật nói gọn lại để dạy các hàng đệ tử. Bộ kinh tôi giảng đây do Ngài Cưu-ma-la-thập dịch.

Đây là phần tựa mở đầu, kết lại sự giáo hóa của Phật từ thủy chí chung. Lúc mới thành đạo, ở tại vườn Lộc Uyển, ngài nói pháp Tứ đế độ năm anh em ông Kiều-trần-như, đó là thời thuyết pháp ban sơ. Tới rốt sau,

tức là còn khoảng một, hai hôm nữa Phật nhập Niết-bàn, có một ông già tám mươi tuổi tên là Tu-bạt-đà-la đến xin xuất gia, ngài độ cho và đó là người đệ tử cuối cùng của Phật. Như vậy, thời thuyết pháp đầu tiên độ năm anh em ông Kiều-trần-như, thời thuyết pháp sau cùng độ ông Tu-bạt-đà-la, còn ở khoảng giữa, những người nên được độ đều đã độ xong. Đến giờ cuối, ở trong rừng sa-la, giữa hai cội cây, Phật sắp vào Niết-bàn, khi ấy là nửa đêm, trong rừng lặng lẽ không một tiếng động, đức Phật chỉ còn những hơi thở cuối cùng mà vẫn cố gắng vì các đệ tử nói một thời pháp chót, đây chính là thời thuyết pháp rốt sau của Phật.

Ngày xưa đi Ấn Độ, tôi có đến rừng sa-la, cây này từ một gốc lên hai thân và rất thẳng nên gọi là sa-la song thọ. Tôi có nhờ người chụp hình nhưng đều bị hư cả nên không đem về được. Nơi đó có ngôi chùa thờ tượng Phật nằm phủ vải vàng, thấy như sắp thị tịch, ai nấy cũng đều cảm động rơi nước mắt.

Chúng ta thấy Phật sắp nhập Niết-bàn mà còn cố gắng kêu đệ tử dạy những lời sau cùng rất thiết tha, cho thấy Phật thương đệ tử không biết bao nhiêu mà nói.



KINH DI GIÁO GIẢNG GIẢI

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông, sau khi ta diệt độ phải tôn trọng quý kính Giới luật, như tối gặp sáng, như người nghèo được của báu. Phải biết đó là Thầy của các ông. Nếu ta còn ở đời cũng không dạy gì hơn pháp này.

Giảng:

Ba-la-đề-mộc-xoa là tiếng Phạn, Hán dịch là Giới luật, có chỗ dịch là Biệt biệt giải thoát, có nghĩa là giải thoát riêng từng phần. Thí dụ như trong năm giới, nếu không sát sanh thì được giải thoát khỏi cái khổ về đền sanh mạng chúng sanh; nếu không trộm cướp thì thoát khỏi cái khổ về bị trộm cướp; nếu không tà dâm thì thoát khỏi cái khổ phiền lụy về phạm tà dâm v.v...

Nói tóm lại, giữ mỗi giới là được giải thoát mỗi phần, nên gọi là Biệt biệt giải thoát.

Đức Phật nhắc nhở Tỳ-kheo sau khi ngài diệt độ phải tôn trọng quý kính giới luật cũng như đi đêm tối được đèn sáng, như người nghèo được của báu, phải xem giới luật như vị Thầy của mình. Nếu ta còn ở đời cũng không dạy gì hơn pháp này, nghĩa là dù Phật còn ở đời ngài cũng không dạy điều gì khác hơn, vì vậy chúng ta phải y theo đó tu hành.

Đây là giới luật của Tỳ-kheo thuộc về Thanh văn nên rất nghiêm chỉnh. Có những điều hiện nay mình còn giữ được, còn có những điều mình không thể giữ nổi vì không có đủ phương tiện như thời xưa.

Chánh văn:

Người trì giới chẳng được mua bán đổi chác, khai khẩn đất đai, nuôi dưỡng nhân dân, tội tở, súc sanh, tất cả mọi sự trồng trọt và các thứ của báu đều phải xa lìa như tránh hầm lửa, không được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai, điều chế thuốc thang, xem tướng tốt xấu, ngửa xem tinh tú, xét đoán giàu nghèo, coi lịch đoán số đều không nên làm. Phải tiết chế thân, ăn uống hợp giờ, nếp sống thanh tịnh. Không được tham dự việc đời, đi sứ thông tin. Học bùa chú, nấu tiên dược, kết thân người giàu sang, gần gũi kẻ khinh mạn, đều không nên làm. Phải tự giữ tâm chân chánh cầu được giải thoát, không được chứa chấp lỗi lầm, hiển bày sự lạ để mê hoặc người. Đối với bốn món cúng dường phải biết lượng và biết đủ, được vật cúng dường không nên cất chứa.

Giảng:

Người giữ giới thanh tịnh thì không được mua bán đổi chác qua lại, không được khai khẩn điền đất. *Súc dưỡng nhân dân* là ngày xưa người ta đem dân đi khai hoang và làm chủ điền. Ở đây mình chỉ khai khẩn đất hoang để làm chùa nên không có lỗi giống như vậy. Cũng không được nuôi tôi tớ giúp việc nhà cửa v.v... không được nuôi súc sanh như heo, gà, vịt v.v... Tất cả những thứ trồng trồng Phật cũng cấm, nhưng lỗi này mình khó thoát khỏi.

Ngày xưa tôi hơi buồn, nghĩ Phật không cho mình trồng trồng thì lấy gì ăn, việc trồng trồng đâu có lỗi gì? Nhưng bây giờ tôi mới biết Phật cấm là phải. Khi chúng ta trồng sẽ nảy sanh các thứ tội lỗi. Thí dụ như trồng khoai lang bị sùng ăn mình tức; cây xoài mới ra tước bị sâu đục thân làm hư đọt, bắt sâu ra thì nó chết, phạm tội sát sanh, còn không bắt ra thì hư cây, thật là khó xử. Trồng thứ gì cũng có sâu, không xịt thuốc thì nó ăn hết mình không còn gì ăn, mà xịt thuốc thì làm chết nó. Thế nên Phật cấm là hữu lý.

Như vậy ở đây Phật dạy phải xa lìa tất cả những thứ mua bán đổi chác, khai khẩn đất hoang, đem dân đến cày bừa, nuôi tôi tớ, nuôi súc sanh, trồng trồng, tiền của như xa lìa hầm lửa.

Không được đốn chặt cỏ cây. Phật cấm cả việc chặt cây cối, nên ngày xưa có một Tỳ-kheo đi ngang qua rừng bị cướp đốn đường lột y. Sợ ngài la nên nó cột ngài vào gốc cây bằng những sợi dây leo. Sợ phạm giới nên ngài không dám bứt dây, đành chịu cho tới khi có người thấy mở giùm.

Không được đào đất vì đào thì gặp trùng v.v...

Không được hốt thuốc.

Không được coi lịch coi bói, coi tướng tốt xấu.

Không được coi tinh tú tức là coi trăng sao trên trời, như coi người này tuổi gì, nhằm sao gì... rồi đoán giàu nghèo. Như nói năm nay là năm thịnh hay năm suy rồi bày cúng sao giải hạn v.v... Những điều đó Phật không cho phép.

Phải tiết chế thân, ăn uống hợp thời, đừng ăn uống thất thường. Luôn luôn sống một nếp sống thanh tịnh, đạm bạc, đó là thực tu. Cũng không được tham dự việc đời, tranh luận hơn thua việc phải quấy thế gian. Không được đi sứ, vì hồi xưa vua chúa các nước quan hệ qua lại, nhiều khi nhờ quý thầy đưa tin tức gọi là đi sứ. Không được học bùa chú trị bệnh, nấu tiên dược v.v... những thứ đó Phật cấm.

Không được kết thân với những người giàu có sang trọng. Tại sao? Vì như vậy có vẻ như mình muốn làm thân với người giàu để nhờ vả làm mất đi sự thanh tịnh của người tu.

Không được gần gũi với những người có tánh kiêu mạn tự cao. Phải luôn luôn giữ tâm chân chánh để cầu được giải thoát, chứ không nên nghĩ điều gì khác.

Không được chứa chấp lỗi lầm của mình, che giấu cái dở, hiển bày cái lạ để mê hoặc người. Thí dụ mình tu hành chưa tới đâu mà có ai tới thì nói tôi chiêm bao thấy thần tới mách bảo điều này điều kia, tạo ra những việc lạ để dối gạt người. Hoặc bình thường giải đãi, gặp người

thì làm bộ nghiêm chỉnh, khiến người ta lầm tưởng mình tu hay. Đó là che giấu cái dở, bày ra tướng lạ để người ta lầm.

Đối với tứ sự cúng dường tức là bốn món: y phục, sàng tọa, thức ăn uống và thuốc thang, thì phải biết lượng vừa đủ sống chứ không tham nhiều. Nếu được người cúng dường không nên cất chứa, chứa nhiều không tốt.

Chánh văn:

Đây là lược nói về tướng của trì giới. Giới là gốc tiến tới giải thoát, nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, nhân y nơi giới này mà đắc các thiền định và sanh trí tuệ diệt khổ.

Giảng:

Đây là lược nói về tướng của người trì giới.

Giới là gì? Giới là gốc để tiến tới sự giải thoát nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhân y nơi giới này mà được sanh các thiền định. Theo ba vô lậu học Giới Định Tuệ, trong đó giới làm đầu. Nhân giới này mà được định, nhân định mới có tuệ, có được trí tuệ thì diệt hết gốc khổ.

Chánh văn:

Thế nên Tỳ-kheo phải giữ giới cho thanh tịnh chớ để phạm hay thiếu. Nếu người nào hay giữ giới thanh tịnh thì hay có được pháp lành. Nếu giới không thanh tịnh, các công đức lành không thể sanh được. Thế nên các ông phải biết giới là chỗ công đức an trụ yên ổn bậc nhất.

Giảng:

Tỳ-kheo phải giữ giới cho thanh tịnh chớ để phạm hay khuyết. Thí dụ như giới sát sanh là không được giết người, nếu giết người là phạm giới, còn không giết chết nhưng làm người tàn tật đau khổ gọi là khuyết giới.

Nếu người giữ giới thanh tịnh thì có được các pháp lành. Nếu giới không thanh tịnh thì các công đức lành đều không thể sanh được. Thế nên phải biết giới là chỗ công đức an trụ yên ổn nhất.

Bài kinh này mở đầu Phật dạy các Tỳ-kheo phải lấy giới làm trước. Phải lấy giới luật mà tu, xem giới luật là Thầy của mình. Đó là phần thứ nhất.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông, đã hay trụ giới phải cố kềm chế năm căn, chớ để buông lung vào trong năm dục. Ví như người chăn trâu cầm gậy dõm chừng nó không để nó chạy tự do phạm vào lúa mạ của người. Nếu phóng túng năm căn, chẳng những nó chạy theo năm dục mà còn tạo tội lỗi không có ngần mé nào tính cho hết, không thể nào chế ngự được. Cũng như ngựa dữ, nếu không có dây cương kềm giữ, nó sẽ lôi người cỡi rớt xuống hầm. Nếu bị giặc cướp khổ chỉ một đời, còn bị giặc năm căn hại thì họa ương đến nhiều kiếp, gây hại rất nặng, không thể không dè dặt! Thế nên người trí phải kềm chế không chạy theo nó, giữ nó như giữ giặc, không cho buông lung. Giả sử để nó buông lung đều chẳng bao lâu thấy nó hoại diệt.

Giảng:

Tỳ-kheo các ông đã hay trụ giới, tức là đã giữ giới được rồi thì bây giờ phải cố kèm chế năm căn. Năm căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chớ khiến nó buông lung chạy vào trong năm dục. Năm dục là tài, sắc, danh, thực, thù hay sắc, thanh, hương, vị, xúc. Ở đây nhắm vào sắc thanh hương vị xúc. Phải giữ năm căn không để nó chạy theo năm dục giống như người chăn trâu tay cầm gậy dòm chừng con trâu, không để nó chạy tự do phạm vào lúa mạ người. Nếu nó chạy vào lúa mạ người thì bị người rượt đánh. Cũng vậy, nếu giữ năm căn thì khi mắt thấy cảnh ưa thích muốn chạy theo, phải giật dây lại dừng cho nó chạy nữa, tai nghe tiếng ưa thích cũng giật dây lại không cho nó chạy theo v.v...

Người chăn trâu dụ cho mình, con trâu dụ cho năm căn, lúa mạ dụ cho năm trần bên ngoài. Nếu buông lung năm căn chẳng những nó chạy theo năm dục, mà còn tạo không biết bao nhiêu tội lỗi, không thể kèm chế được. Phạt thí dụ thêm, như con ngựa dữ không có dây cương nó sẽ lôi người cưỡi rớt xuống hầm. Ngựa dữ dụ cho năm căn. Năm căn chạy theo năm trần sẽ lôi mình đọa trong các đường ác cũng như ngựa dữ kéo ông chủ rơi xuống hầm.

Phạt lại thêm một thí dụ nữa, người bị giật cướp hại khổ chỉ một đời, còn người bị giật năm căn hại thì họa ương nhiều kiếp. Người thế gian bị trộm cướp lấy hết tài sản, nghèo khổ chỉ một đời, còn năm căn chạy theo năm dục lôi mình đọa không biết

bao nhiêu kiếp, khổ hơn người bị trộm cướp nhiều. Năm căn hay sáu căn còn gọi là ngũ tặc hay lục tặc, gây hại rất nhiều đời, rất nặng nề, không thể không đề dặt. Thế nên người trí phải gìn giữ năm căn như canh giữ đũa giặc, không để nó buông lung.

Giả sử để nó buông lung thì chẳng bao lâu thấy nó đi tới chỗ hoại diệt. Phật dạy chúng ta phải hạn chế cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm. Nếu như lưỡi thích nếm vị ngon, đòi cái gì mình cho cái nấy, cho ăn ngon suốt đời rồi cũng phải chết, cũng phải tan hoại. Như lỗ tai, có người kèm chế không cho nghe tiếng đàn tiếng nhạc, có người cứ nghe cho thỏa thích, dù không nghe hay nghe một thời gian sau lỗ tai cũng hoại. Nhưng người biết kèm chế thì không bị lôi xuống chỗ trầm luân, người buông lung không biết kèm chế, thì sẽ lưu cái hại nhiều đời, khác nhau là ở chỗ đó. Không phải tại kèm chế mà nó mau hoại, còn tha hồ buông lung thì lâu hoại, nghĩ như vậy là lầm. Dù kèm chế hay buông lung nó cũng hoại như thường. Biết nó sẽ hoại thì tội gì để nó lưu hại cho mình. Vì vậy tốt hơn phải kèm chế. Đoạn này Phật dạy về ngũ căn đối với ngũ dục.

Chánh văn:

Năm căn này lấy tâm làm chủ, thế nên các ông phải khéo chế phục tâm mình. Tâm rất đáng sợ còn hơn rắn độc, thú dữ, giặc thù, lửa lớn, chưa có gì đủ để thí dụ cho nó. Thí như người tay bưng chén mật đầy, bước đi vội vàng, chỉ nhìn chén mật mà không thấy hố sâu. Lại như voi điên không câu móc, khỉ vượn gặp được cây, nhảy nhót, leo trèo, khó mà

cấm cản. Phải mau kèm nó không cho buông lung. Nếu buông thả tâm này sẽ làm mất việc lành của người, kèm tâm một chỗ thì không việc gì chẳng xong. Thế nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn chế phục tâm mình.

Giảng:

Ở đây Phật dạy năm căn này lấy tâm làm chủ, là nói về ý bên trong. Phải chế phục tâm mình. Tâm đáng sợ hơn rắn độc. Tại sao? Vì tâm thay đổi luôn luôn, một lát nghĩ thế này, một lát nghĩ thế kia. Như nghe giảng kinh, nhớ Phật dạy như vậy, nhưng khi gặp việc ưa thích, nó lại biện lý khác rồi bắt mình làm theo. Cho nên phải dè dặt gìn giữ nó, phải sợ nó hơn sợ rắn độc, vì buông ra là nó hại thiên hạ ngay, mà trước hết là hại mình.

Tâm cũng đáng sợ hơn thú dữ, hơn giặc thù, hơn lửa lớn, không gì đủ thí dụ về cái hại của nó. Nếu buông lung tâm thì nó gây hại không thể lường được. Như người tay bưng chén mật đầy, bước đi vội vàng, chỉ nhìn chén mật vì sợ đổ, mà không thấy hố sâu ở phía trước, không ngờ bị lọt xuống hố. Đổ chén mật với lọt xuống hố, cái nào quan trọng hơn? Đổ chén mật không quan trọng, lọt xuống hố mới nguy hiểm. Cũng vậy, người mê ngũ dục chăm chăm giữ gìn, không cho mất, không mất ngũ dục thì phải rớt xuống hố trầm luân, nguy hiểm ở trước mà không biết.

Lại như voi điên không có móc, không có búa để trị nó. Voi điên dụ cho tâm, nếu buông lung tâm thì giống như voi điên không có móc sắt chế ngự, nó sẽ hại người

không biết bao nhiêu mà kể. Hay như khi vượn gặp được cây thì nó mặc tình nhảy nhót leo trèo, không thể nào kềm chế được.

Thế nên phải gấp kềm chế tâm không cho buông lung. Buông lung tâm sẽ mất hết các việc lành, còn kềm chế tâm một chỗ thì không việc gì chẳng xong. Nếu buông lung tâm chạy đây chạy kia, tính toán đủ thứ thì tất cả việc lành của mình bị mất hết. Kềm chế tâm một chỗ tức là định, đã định thì muốn gì cũng được.

Thế nên Tỳ-kheo phải siêng năng tinh tấn kềm chế tâm mình. Nhớ là tinh tấn kềm chế tâm chứ không phải tinh tấn đi công quả cả ngày, hay tinh tấn lạy Phật cả ngày đâu! Tinh tấn kềm chế tâm mới là thật tinh tấn.

Bài này Phật dạy chúng ta phải nhiếp phục năm căn, kể là ý căn, tức là luôn luôn nhiếp phục sáu căn đừng cho chạy theo sáu trần. Nhiếp phục được sáu căn thì việc gì làm cũng xong, còn sáu căn chạy theo sáu trần thì họa nào cũng dính. Thế nên đối với người tu, nhiếp phục sáu căn quan trọng vô cùng. Nếu buông lung thì giặc sáu căn sẽ phá hết các công đức lành của mình, còn kềm chế được thì sáu căn chính là sáu công đức lớn giúp chúng ta tu hành giải thoát.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông, khi nhận các thức ăn uống phải xem như uống thuốc, dù ngon dù dở cũng chớ sanh thêm bớt, cốt để thân này trừ được đói khát. Như ong hút mật, chỉ hút nhụy hoa chẳng làm hại

đến hương sắc. Tỳ-kheo cũng vậy, thọ người cúng dường cốt tự trừ khổ, không được cầu nhiều làm mất lòng tốt của người. Thí như kẻ trí biết lượng sức trâu kham chở được nhiều ít, không chất lên quá phân làm nó kiệt sức.

Giảng:

Tỳ-kheo các ông khi nhận các thức uống ăn phải xem như uống thuốc. Uống thuốc để trừ bệnh, ăn là để trừ đói khát, bao tử trống rỗng đói không chịu nổi nên phải ăn. Đối với món ngon món dở chớ sanh thêm bớt, ăn là để trừ bệnh như uống thuốc, không nói thuốc này ngon thuốc kia dở. Nói món này ngon phải thêm, món kia dở phải bớt, như vậy là còn nghĩ đến ngon dở ở lưỡi, chứ không nghĩ đến việc trị bệnh. Ăn uống là để giúp thân khỏe mạnh, trừ bệnh đói khát, chứ không phải cốt ở ngon dở.

Phật thí dụ như con ong hút nhụy hoa chỉ lấy mật mà không làm tổn đến hương sắc của hoa. Tỳ-kheo cũng vậy, thọ người cúng dường phải nhận vừa đủ để trừ khổ đói khát, không được cầu nhiều làm mất lòng tốt của người. Ở đây Phật dạy rất kỹ, người ta cúng bao nhiêu nhận bấy nhiêu, tùy theo sức của người mà nhận ít ít thôi chứ đừng đòi nhiều. Nếu đòi nhiều quá, người phát tâm sẽ đâm ra ngán, là làm mất lòng tốt của người. Giống như ong hút nhụy hoa, hút rồi đi, không làm cho hoa bị hư. Chúng ta nhận của tín thí cũng vậy, đủ để sống tạm qua ngày, đừng làm mất lòng tốt của thí chủ.

Thí như người trí biết lượng sức con trâu kham chở được nhiều ít, không chất lên quá sức của nó. Người tu cũng vậy, phải biết lượng sức của thí chủ, đừng đòi hỏi quá phần làm cho họ kiệt lực.

Đoạn kinh này Phật dạy người tu khi nhận cúng dường phải biết lượng sức của thí chủ, đừng đòi hỏi quá làm hoại lòng tốt của người, phần mình cũng bị tổn phước.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông, ban ngày thì siêng năng tu tập các pháp lành không nên để mất thì giờ, đầu hôm và khuya cũng chớ bỏ bê, giữa đêm tụng kinh để tự tiêu tức, không vì nhân duyên ngủ mê khiến cho một đời trôi qua, không được gì! Phải nghĩ nhớ ngọn lửa vô thường đốt cả thế gian mà mau cầu tự độ, chớ có ngủ nghỉ. Các giấc phiền não thường rình giết người hơn kẻ oan gia, đâu thể ngủ mê không tự tỉnh ngộ? Rắn độc phiền não ngủ trong tâm các ông, như rắn rít đang ngủ trong nhà các ông. Các ông phải lấy cây móc trì giới đuổi nó ra, khi rắn ngủ ra rồi, mới có thể ngủ yên. Nếu nó chưa ra mà các ông ham ngủ, ấy là người không biết hổ thẹn. Trong các thứ trang sức, y phục hổ thẹn là bậc nhất. Hổ thẹn ví như móc sắt có thể kèm chế việc phi pháp của người. Thế nên Tỳ-kheo phải thường hổ thẹn, không được tạm quên. Nếu xa lìa hổ thẹn thì mất hết các công đức. Người có hổ thẹn thì có các pháp lành, nếu không biết hổ thẹn thì cùng với loài cầm thú không khác gì cả.

Giảng:

Phật dạy Tỳ-kheo ban ngày phải siêng năng tu tập các pháp lành, không để mất thì giờ. Đầu hôm và khuya cũng chớ bỏ bê, giữa đêm phải tụng kinh để tự tiêu tức. Tiêu tức là dò thông tin tức trong tâm, nghĩa là xét xem hiện giờ tâm tịnh hay không, yên ổn hay không, tiến hay thoái thế nào v.v... nên nói tự tiêu tức, không để nhân duyên ngủ mê khiến một đời trôi qua không được gì. Phải nghĩ nhớ ngọn lửa vô thường thiêu đốt cả thế gian, phải mau cầu tự độ chớ có ngủ mê. Các giấc phiền não thường rình giết người hơn kẻ oan gia, đâu thể ngủ mê không chịu tỉnh ngộ. Giấc phiền não rình giết mình còn hơn kẻ thù rình bên cạnh, làm sao có thể ngủ mê để nó giết mình sao! Phải gắng mà tỉnh ngộ!

Rắn độc phiền não còn ngủ trong tâm như rắn rít đang ngủ trong nhà, đâu thể nào nằm yên mê ngủ để nuôi lớn nó. Phải lấy cây móc trèo giới đuổi nó ra, con rắn ngủ ra rồi thì mới an lòng ngủ, nghĩa là rắn phiền não ra khỏi tâm mình rồi thì mới ngủ yên được. Khi nào thấy nổi sân si thì biết con rắn phiền não đang ở trong tâm, phải ráng mà đuổi nó ra. Đuổi ra được rồi thì mặc tình ngủ, không còn sợ gì nữa.

Phật dạy những điều này rất thiết thực, chúng ta phải nhớ lời Phật dạy mà cố gắng vượt qua những bệnh tật của mình. Rắn độc phiền não còn chứa trong bụng, không chịu đuổi ra mà nằm ngủ thì thật là không biết hổ thẹn!

Phật dạy *hổ thẹn là y phục trang sức bậc nhất*. Tại sao? Như khi thọ giới Sa-di hoặc Tỳ-kheo, chúng ta đã hứa rõ ràng trước Phật, có chư tăng chư ni chứng minh, nếu hôm nào phạm lỗi mà không thấy hổ thẹn thì có tốt không? Lỡ phạm, thấy hổ thẹn vì trái với giới luật đã thọ, nên vội vàng sám hối, không dám làm nữa. Nhờ hổ thẹn mà chúng ta trở nên tốt hơn đẹp hơn, do đó nên nói hổ thẹn là y phục trang sức bậc nhất. Nếu cứ mặc kệ làm liều, ai nói gì cũng không xấu hổ, riết rồi tội lỗi tà trời.

Hổ thẹn giống như móc sắt hay kèm chế việc phi pháp của người. Khi định làm một việc gì trái đạo lý, nhờ hổ thẹn kèm lại mà không làm. Thế nên Tỳ-kheo phải thường hổ thẹn không được tạm quên. Nếu lìa hổ thẹn thì mất hết các công đức. Người có hổ thẹn thì có các pháp lành, người không biết hổ thẹn thì cùng với loài cầm thú không khác chút nào!

Như vậy bài kinh này có hai phần. Phần đầu Phật dạy bớt ngủ để tỉnh táo tu hành, ban ngày tu ban đêm cũng phải tu không để phí thì giờ. Lúc nào cũng phải tỉnh tấn tu hành, đừng để nhân duyên ngủ nghỉ làm mê tối qua một đời vô ích. Phần kế phải biết hổ thẹn, hổ thẹn là y phục trang sức bậc nhất. Không hổ thẹn giống như loài cầm thú, biết hổ thẹn thì có tất cả pháp lành. Đây là đoạn kinh thứ ba.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Giả như có người đến cắt đứt từng phần từng phần nơi thân của ông, ông cũng phải

tự nhiếp tâm không cho giận hờn, và cũng phải dè dặt giữ miệng chớ thốt ra lời nói dữ. Nếu buông lung tâm cho nó giận hờn thì tự chuốc đạo, mất những cái lợi của công đức. Công đức của nhân, trì giới khổ hạnh không thể bằng được. Người hay hành nhân nhục mới có thể gọi là người đại lực. Nếu người nào không thể vui vẻ nhân chịu những sự cay độc của lời mắng ác như uống nước cam lồ thì không thể gọi là người trí tuệ được đạo. Tại sao? Vì cái hại của nóng giận sẽ phá hoại các pháp lành và cả tiếng tốt, đời này và đời sau người không ưa thấy. Phải biết lòng sân còn hơn lửa dữ, thường phải phòng hộ không cho nó xâm nhập vào tâm mình. Giặc cướp công đức không gì bằng nóng giận. Người cư sĩ còn hưởng dục lạc không phải là người tu hành, không có pháp tự kềm chế, nổi sân còn có thể tha thứ; người xuất gia học đạo không còn theo ngũ dục mà ôm lòng nóng giận thì không thể nào tha thứ được! Thí như trong lúc bầu trời trong xanh mà sấm chớp nổi lên là điều không hợp lý.

Giảng:

Phật dạy Tỳ-kheo khi có người đến cắt từng phần từng phần thân mình cũng phải tự nhiếp tâm đừng để giận hờn. Họ cắt từng phần thân phải ráng kềm giữ tâm không cho khởi giận hờn, cũng dè dặt giữ miệng không để thốt ra lời nói dữ. Nếu buông lung tâm giận hờn sẽ làm chuốc ngại đạo, mất hết các công đức.

Như vậy người ta cắt từng phần thân, còn phải giữ tâm không sân, giữ miệng không nói lời ác, hướng là

chỉ những lời nói không đâu, chưa động tới thân, mới nói bóng gió thôi mà đã giận hờn rồi, đó là quá nhẹ so với những điều Phật dạy mà không giữ được thì thật là vô lý! Tâm sân hận làm chướng đạo, mất hết công đức lành.

Công đức của nhẫn, trì giới và tu khổ hạnh không thể nào bằng được. Dù người giữ giới bao nhiêu, tu khổ hạnh bao nhiêu cũng không bằng người nhẫn. Dù giữ đúng thời khóa, chân thành tụng kinh sám hối v.v... mà không nhẫn thì cũng không có lợi gì hết. Công đức của nhẫn là hơn tất cả.

Người hay hành nhẫn nhục mới có thể gọi là bậc đại nhân hữu lực. Chánh điện thờ Phật còn gọi là Đại hùng bửu điện, tức là điện báu thờ vị có sức mạnh phi thường. Đại hùng là chỉ Phật. Phật không đánh ai, không làm gì ai cả, ngài chỉ có nhẫn. Ai mắng chửi, vu oan gì ngài cũng làm thinh không giận, đó mới gọi là Đại hùng. Chúng ta đừng sợ nhẫn sẽ thua thiệt. Thua là khi không nhẫn được, động một chút mà nổi nóng là thua, là bại trận, là bị ma kéo, còn nghe chửi mà không giận là thắng. Chỉ tu bao nhiêu đó thôi là đủ làm bậc đại nhân hữu lực rồi.

Nếu người nào không thể vui vẻ nhẫn chịu những sự mắng chửi cay độc của kẻ ác như uống nước cam lồ thì không thể gọi là người trí tuệ được đạo. Nếu người ta mắng chửi mà xem như được uống nước cam lồ ngọt mát, mới là người có trí tuệ vào đạo. Chỉ xem điều này cũng biết mình thuộc người trí hay người ngu rồi!

Nóng giận phá hoại các pháp lành và cả tiếng tốt nữa. Vì khi nóng giận, miệng sẽ nói những lời dữ, tâm sẽ nghĩ những điều hại người. Chẳng những như vậy mà đời này và đời sau người không muốn nhìn, vì khi giận gương mặt trông rất dữ tợn!

Tâm sân giận còn hơn đồng lửa dữ, lửa cháy mạnh còn biết mà tránh, người giận lên cái gì cũng dám làm, dám nói, không biết sợ gì cả. Thế nên phải luôn luôn đề phòng, gìn giữ, không để nóng giận chen vào tâm. Nóng giận là giặc cướp lớn nhất, cướp hết các công đức.

Người bạch y là cư sĩ, còn hưởng dục lạc thế gian, chưa phải người tu hành, không có pháp tự kiềm chế, nên họ nóng giận còn có thể tha thứ. Người xuất gia hành đạo, không còn chạy theo ngũ dục mà còn ôm lòng sân giận thì không thể tha thứ. Tại sao? Vì sân từ tham mà ra, người thế gian còn tham danh, thích được khen nên khi bị chê thì họ dễ nổi nóng, người tu không còn tham danh, nghe chê sao lại nổi nóng? Người thế gian còn tham tiền bạc nên khi mất họ nổi sân, còn người tu bỏ lòng tham, mất thì thôi sao lại tức? Có tham thì nổi sân khi mất mát thiệt thòi còn tha thứ được, chứ đã bỏ lòng tham mà còn giận tức thì không thể nào chấp nhận được.

Phật thí dụ như trời trong xanh mà nổi sấm chớp là điều không hợp lý, sấm chớp chỉ có khi có mây mù. Như kẻ phàm phu ở thế gian, tâm họ còn tham lam nên còn nổi sân như trời có mây mù nên nổi sấm chớp thì hợp lý. Còn người tu đã bỏ tham dục mà còn nổi sân

ví như trời trong không mây mà nổi sấm chớp là điềm bất tường, kỳ quái. Người tu mà nổi nóng là điều kỳ quái, bất tường, không thể tha thứ được. Bài kinh này Phật dạy thật là chí lý!

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Phải tự vò đầu, đã xả hết những trang sức đẹp đẽ, mặc áo hoại sắc, ôm bình bát đi xin ăn để tự sống, tự thấy như thế, nếu khởi tâm kiêu mạn phải mau diệt nó. Tăng trưởng lòng kiêu mạn kẻ thế tục còn không nên, huống nữa là người xuất gia nhập đạo, vì giải thoát nên tự hạ mình mà đi xin ăn.

Giảng:

Bài kinh này Phật dạy người xuất gia phải luôn luôn nhớ vò đầu mình, mỗi buổi sáng vò đầu thấy đầu trọc lóc vì mình đã cạo bỏ râu tóc rồi, người thế gian còn tóc nên họ còn trang sức đẹp đẽ thứ này thứ kia, còn mình đã cạo tóc rồi thì đầu còn đẹp đẽ nữa. Mặc áo thì hoại sắc, trắng không ra trắng, đen không ra đen, tím tím nâu nâu không ra màu sắc gì hết. Ôm bình bát đi xin ăn tự sống, làm kẻ ăn mày đầu trọc. Nếu khởi tâm kiêu mạn ta là hơn thiên hạ thì phải mau diệt nó đi. Người thế gian còn không được tăng trưởng lòng kiêu mạn, huống là người xuất gia vào đạo vì sự giải thoát. Phải tự hạ mình, thấy thân xấu xa luôn luôn nhớ mình chỉ là kẻ ăn mày để diệt trừ tâm kiêu mạn.

Phật dạy chúng ta phải trừ tâm kiêu mạn. Người tu cạo tóc là phá những gì thế gian cho là đẹp đẽ. Cạo đầu,

mặc áo nhuộm, thêm đi xin ăn từng bữa, hết còn gì đẹp đẽ nữa. Ở thế gian đi xin là xấu rồi, còn trong nhà binh, ai phạm lỗi thì bị nhốt và cạo đầu. Như vậy cạo đầu, đi xin ăn, mặc áo nhuộm xấu xí, không còn gì để kiêu mạn được, có hơn ai đâu mà kiêu mạn!

Người thế gian còn không nên kiêu mạn hưởng là người xuất gia vào đạo vì cầu giải thoát, mà lại kiêu mạn sao? Chúng ta tu nếu tự làm tự ăn, không thấy mình là kẻ ăn mày, thì có khi cũng khinh thiên hạ cho là không hơn gì mình. Còn ở đây ai cũng là thí chủ, là ân nhân, mình đâu dám khinh khi ai. Tuy không đi khát thực, không trực tiếp xin ăn nhưng có ai tới chùa cúng, dù chỉ cúng một đồng thôi cũng phải nhận. Người lớn cúng mình nhận, đứa bé năm bảy tuổi cúng năm ba đồng cũng nhận, người tật nguyên bệnh hoạn v.v... cúng cũng nhận. Ai cũng là thí chủ, là ân nhân của mình hết, đã ăn mày khắp tất cả thì có gì mà kiêu mạn.

Người tu phải luôn luôn nhớ như thế thì dứt được tâm kiêu mạn, còn quên tưởng mình là tú tài, cử nhân hay gì gì đó thì tâm kiêu mạn sẽ nổi lên. Tỳ-kheo nghĩa là Khất sĩ, tức là kẻ ăn mày, tự cao tự đại thì chướng cho sự giải thoát. Đức Phật xưa là con vua mà đi tu rồi vẫn ôm bình bát đi xin ăn. Ngay cả khi về thăm vua cha Tịnh Phạn, ngài vẫn ôm bình bát đi khát thực trong thành. Đức vua giận trách con về thăm cha, trong cung có sắp sẵn cơm nước, tại sao con còn đi xin ăn làm nhục nhã cho cha? Phật đáp: Tôi làm theo thường lệ của ba đời chư Phật.

Tóm lại, người xuất gia là kẻ ăn mày, dù ăn mày trực tiếp từng bữa cơm, hay ăn mày gián tiếp là người ta tới chùa cúng, rót cuộc đều là ăn mày. Mọi người đều là ân nhân của mình, phải ráng tu làm sao để độ họ thì bao nhiêu tâm kiêu mạn hết. Mình đã mang nợ, mỗi ngày ăn một bữa cơm là mang nợ của người thí chủ, có nợ mà không trả thì phải chịu trầm luân mà đền. Phật dạy chúng ta khát thực để nhớ mọi người đều là ân nhân của mình, phải tự lo giải thoát rồi giải thoát cho người. Chủ trương tự túc tuy cũng có mặt hay, nhưng cũng dễ làm tâm kiêu mạn nổi lên, nếu nhớ mình là ăn mày thì không bao giờ có tâm kiêu mạn. Những thứ phung phí đều không phải đạo, phải xả bỏ hết mới hợp với đạo. Tóm lại, Phật dạy chúng ta phải dứt trừ ngã mạn, khiêm hạ với mọi người mới dễ tu hành.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Tâm cong vạy cùng với đạo trái nhau. Thế nên phải có tâm chân chất ngay thẳng. Phải biết tâm cong vạy chỉ là dối trá, người vào đạo không nên có. Thế nên các ông tâm phải đoan chính, lấy chân chất ngay thẳng làm gốc.

Giảng:

Tâm siểm khúc là tâm dối nịnh hay cong vạy cùng với đạo trái nhau, thế nên phải có tâm chân chất ngay thẳng. Phải biết rằng tâm cong vạy chỉ là dối trá, người vào đạo không thể có được, vì người dối trá không thể vào đạo. Tỳ-kheo tâm phải chân chính, lấy chất trực ngay thẳng làm gốc. Phật dạy phải luôn luôn

giữ tâm ngay thẳng chân chất nghĩ sao nói vậy, tâm miệng không hai, nên kinh nói *trực tâm thị đạo tràng*. Tâm ngay thẳng là đạo tràng. Muốn tâm ngay thẳng phải lấy việc giải thoát làm trên, không nghĩ gì khác. Tâm cong vậy đối trá là thấy hoặc nghĩ thế này nhưng lại nói ra thế khác, hoặc thấy thế này tính thế khác, làm cho điên đảo không đúng sự thật. Hoặc là đối với người có quyền thế, mình chiều uốn theo, đó là trái với đạo. Tâm phải luôn luôn ngay thẳng chân chất, đó là gốc để mình đến với đạo.

Người tu phải ngay thẳng chân chánh, nghiêm chỉnh ít nói, khi cần nói thì nói đàng hoàng. Nếu chiều lòng người thì người ta dở mình không dám nói, sợ người ta buồn, chính tâm đó là trái với đạo. Người tu đừng bao giờ cong vạy, lúc nào cũng phải ngay thẳng. Tâm ngay thẳng tức là đạo tràng, đạo không ở đâu xa, nghĩ quanh co chùng nào càng xa đạo chùng này.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Phải biết người ham muốn nhiều vì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều; người ít muốn không cầu không muốn thì không có những tai hoạn đó. Ngay nơi hạnh ít muốn còn phải tu tập, huống là ít muốn hay sanh các công đức? Người ít muốn không có tâm đối trá để vừa ý người, cũng không bị các căn lôi cuốn. Người tu hạnh ít muốn tâm thường thản nhiên không lo sợ, gặp việc có dư, thường không thiếu thốn. Người ít muốn thì có Niết-bàn. Thế nên gọi là ít muốn.

Giảng:

Phật dạy người ham muốn nhiều vì cầu tài lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều. Người ít muốn không cầu không muốn nên không có những tai hoạn đó. Thí dụ như có người nay muốn mua cái này mai muốn mua cái khác, cứ muốn mua sắm hoài thì phải lo hoài, tính toán đủ thứ nên khổ não cũng nhiều. Nếu người cái gì cũng vừa chừng thôi, không cầu không muốn gì hết, thì không phải tìm cầu, do vậy mà khỏi các tai hoạn đó.

Người ít muốn lại thêm tu tập nữa thì thật là quý! Huống là ít muốn lại hay sanh các công đức. Người ít muốn không có tâm dối trá để làm vừa ý người. Thí dụ như gặp người có tiền mà mình nhiều ham muốn thì phải làm vừa ý họ để được cúng đồ này vật kia. Nếu ít muốn thì mình chỉ đối xử tử tế thôi chứ không nịnh bợ chiều chuộng cho vừa ý họ.

Người ít muốn không bị các căn lôi cuốn. Năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân luôn có nhu cầu của nó. Như mắt ưa thích sắc đẹp, tai ưa nghe tiếng hay, mũi thích mùi thơm, lưỡi ưa vị ngon v.v... Những nhu cầu đó là do năm căn đòi hỏi, càng muốn nhiều, năm căn càng đòi hỏi nhiều. Nếu ít muốn thì không bị năm căn lôi, tự làm chủ được.

Người ít muốn thì tâm thường thản nhiên, an nhiên tự tại không rối loạn, không lo phiền, gặp việc có dư, vì thấy đủ không thấy thiếu nên nói là gặp việc có dư, thường không thiếu thốn.

Người ít muốn thì có Niết-bàn. Vì sao? Vì Niết-bàn là an lạc, người ít muốn thì tâm thường an ổn vui vẻ nên có Niết-bàn. Còn người tham muốn nhiều, tâm thường tính toán đủ thứ làm sao an ổn được, nên không có Niết-bàn, chỉ thấy toàn phiền não. Muốn an ổn, muốn Niết-bàn trước hết phải tập ít muốn, ít muốn thì không đòi hỏi, không đòi hỏi thì tâm an ổn, tự tại, gọi đó là tâm thản nhiên. Thế nên Phật dạy hạnh ít muốn.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Nếu muốn khỏi các khổ não phải quán xét hạnh biết đủ, pháp biết đủ tức là chỗ giàu có, an ổn, vui vẻ. Người biết đủ tuy nằm trên đất mà vẫn an vui; người không biết đủ dù ở thiên đường cũng không vừa ý. Người không biết đủ tuy giàu mà nghèo, còn người biết đủ tuy nghèo mà giàu. Người không biết đủ thường bị năm dục lôi kéo, khiến người biết đủ thương xót. Ấy gọi là biết đủ.

Giảng:

Ở trên Phật dạy ít muốn, đến đây Phật dạy biết đủ. Biết đủ là luôn luôn thấy mình đã đủ, có áo mặc vừa ấm là đủ, bao tử vừa no là đủ, có nhà đỡ mưa đỡ nắng là đủ v.v... biết đủ thì được an ổn. Nên Phật dạy Tỳ-kheo nếu muốn khỏi các khổ não phải quán xét hạnh biết đủ, pháp biết đủ là chỗ giàu có, an ổn, vui vẻ.

Người biết đủ tuy nằm trên đất mà vẫn an vui, còn người không biết đủ dù ở thiên đường cũng không vừa ý. Người biết đủ ở chỗ nào cũng bằng lòng dù nằm

trên đất, còn người không biết đủ dù nằm trên giường ngà chiếu ngọc vẫn không thấy an ổn, vì muốn tìm cái gì hơn nữa. Người tu cũng thế, biết đủ thì ở chùa đất cũng an vui. Nếu không thì dù chùa to Phật lớn cũng thấy khổ sở, than van rên rỉ như thường. Đệ tử Phật ngày xưa chỉ ngủ dưới gốc cây, đâu có cái chùa nào, mình bây giờ thấy chùa xấu một chút là muốn sửa đổi thành tốt, đó là muốn nhiều.

Người không biết đủ tuy giàu mà nghèo, còn người biết đủ tuy nghèo mà giàu. Tại sao? Thiếu là nghèo, đủ là giàu. Người không biết đủ dù là triệu phú nhưng vẫn thấy chưa đủ, cứ lo tìm kiếm thêm hoài, vì thấy thiếu nên gọi là nghèo. Còn người không có đồng xu dính túi nhưng luôn thấy mình đủ rồi, không cần cầu gì nữa, vì thấy đủ nên gọi là giàu. Cho nên nói người không biết đủ tuy giàu mà nghèo, còn người biết đủ tuy nghèo mà giàu. Người tu đáng lý là người giàu hơn hết vì luôn luôn biết đủ, không thấy thiếu bao giờ. Nếu không biết đủ thì có bao nhiêu tiền cũng không thấy đủ, nên vẫn là kẻ nghèo, vẫn tham như thường.

Người không biết đủ thường bị năm dục lôi kéo, khiến người biết đủ thương xót. Năm dục là tài, sắc, danh, thực, thùý hay sắc, thanh, hương, vị, xúc. Sắc là sắc đẹp, thanh là tiếng hay, hương là mùi thơm, vị là vị ngon, xúc là những xúc chạm vui vẻ thích thú ở thế gian. Người không biết đủ bị năm dục làm chủ, lôi kéo họ, khiến cho người biết đủ thấy mà thương xót. Cho nên người tu thấy ai đang chìm đắm trong ngũ dục chẳng những không khinh bỉ, xem thường mà trái lại còn thương xót

vì họ bị chìm đắm trong ngũ dục, chắc chắn phải trầm luân không biết bao giờ ra khỏi.

Như vậy hai bài kinh ít muốn và biết đủ này đủ để chúng ta an ổn tu hành rồi. Biết như vậy ráng hiểu lời Phật dạy mà tu, chứ không nên nghe rồi để đó!

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông muốn cầu cái tịch tịnh, an vui trong pháp vô vi, phải xa lìa chỗ ồn náo, riêng ở nơi vắng vẻ. Người ở nơi vắng vẻ được Đế-thích, chư thiên thấy đều kính trọng. Thế nên phải bỏ chúng mình và chúng người, ở chỗ vắng vẻ, suy nghĩ diệt cái gốc khổ. Nếu người ưa ở chỗ đông phải chịu các phiền não. Thí như cây lớn nhiều chim làm tổ thì sẽ bị cái họa gãy nhánh. Còn bị thế gian ràng buộc thì phải chìm trong các khổ; thí như con voi già mắc lầy, không thể tự ra được. Đó gọi là xa lìa.

Giảng:

Tỳ-kheo muốn cầu tịch tịnh, tịch tịnh là yên lặng, an vui trong pháp vô vi, pháp vô vi là pháp giải thoát, phải xa lìa chỗ ồn náo, riêng ở chỗ vắng vẻ. Người ở chỗ vắng vẻ thì Đế-thích chư thiên kính trọng. Thế nên phải bỏ chúng của mình và chúng của người, ở chỗ vắng vẻ để suy nghĩ diệt gốc khổ. Bỏ chúng mình là bỏ quyến thuộc của mình, bỏ chúng người là bỏ quyến thuộc của người. Nhiều khi mình bỏ bà con thân thuộc của mình mà lại kết bà con thân thuộc với kẻ khác. Bỏ chúng này lại dính với chúng khác thì cũng như không. Cho rằng

cha mẹ anh em ở nhà ồn náo khó tu, vô chùa tu cho yên tĩnh nhưng rồi lại kết bè kết phái, năm bảy người làm thành một nhóm. Cứ như vậy bỏ chúng này theo chúng khác, rốt cuộc vẫn ở trong vòng lẩn quẩn, không đi tới đâu hết.

Phật dạy phải bỏ chúng mình tức là những người thân thuộc, rồi bỏ luôn chúng người tức là những người chưa thân thì đừng kết, đừng cột thêm. Tôi thấy người tu bị nạn này khá đông. Bỏ chúng này chạy theo chúng kia, mở cái này kết lại cái khác, thành ra cứ trì níu hoài, gỡ ra không nổi. Phải ở chỗ vắng vẻ suy nghĩ diệt cái gốc khổ, luôn luôn suy tư về các pháp làm mình trầm luân trong sanh tử. Phải làm sao diệt được hết cái trầm luân sanh tử này. Phải biết rõ khổ đế, tập đế và tu đạo đế, diệt đế, đó là diệt hết các gốc khổ.

Nếu người nào ưa ở chỗ đông phải chịu các phiền não. Như cây lớn bị chim đậu nhiều thì phải chịu cái nạn gãy nhánh. Bị thế gian ràng buộc nên phải chìm trong các khổ. Như voi già bị mắc lầy không thể tự leo lên được. Thế nên phải xa lìa. Người tu sức yếu mà cứ gặp phiền não hoài, riết rồi chịu không nổi, thoát ra không được, phải chịu chết chìm trong các phiền não đó, như con voi già mắc lầy vậy. Cho nên Phật dạy phải xuất ly, phải xa lìa. Người tu nào muốn giải thoát thì phải can đảm ngồi một mình cả ngày không buồn, phải can đảm mới giải thoát được, nếu ngồi một mình thấy buồn là không giải thoát nổi, tức là không xa lìa được chúng mình và chúng người. Kết chúng thì không an ổn, thế nên Phật dạy phải xa lìa.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Nếu siêng năng tinh tấn thì không có việc gì khó. Thế nên các ông phải cố siêng năng tinh tấn. Thí như giọt nước nhỏ chảy mãi có thể xoi thủng đá. Nếu tâm của hành giả thường lười biếng bỏ bê thí như kéo lửa chưa nóng mà nghỉ, tuy muốn được lửa, lửa cũng khó được. Đó gọi là tinh tấn.

Giảng:

Tinh tấn tức là siêng năng gắng gổ. Tỳ-kheo nếu siêng năng tinh tấn thì không có việc gì khó, kể cả việc làm Phật, hễ muốn là được. Lúc nào cũng cố gắng đi cho tới kỳ cùng thì không có gì khó. Thế nên phải cố siêng năng tinh tấn, chớ lười thôi.

Thí như giọt nước nhỏ chảy mãi thì sẽ xoi thủng đá. Như chúng ta thấy một giọt nước trong hốc đá cứ nhỏ từng giọt từng giọt năm này qua tháng kia, chỗ đá đó sẽ lõm sâu xuống. Một giọt nước nhỏ chảy mãi còn làm mòn đá, nước chảy đá mòn! Nếu mình cứ cố gắng tinh tấn chăm bảm tiến tới, không lúc nào dừng nghỉ thì không việc gì làm không được.

Nếu tâm của hành giả thường lười biếng bỏ bê thì cũng như người kéo lửa, chưa nóng đã ngừng. Hồi xưa muốn có lửa người ta dùng hai thanh tre và bụi nhùi; cọ xát hai thanh tre cho tới khi nó nóng lên tóe lửa bắt qua bụi nhùi bùng cháy. Nếu cọ xát hơi ấm ấm đã ngừng, cứ ấm ấm rồi ngừng... Như vậy hoài thì không khi nào có lửa được. Muốn có lửa phải nỗ lực cọ xát dù đổ mồ hôi cũng phải ráng cọ cho ra lửa rồi mới nghỉ. Cứ than phiền

tôi tu nhiều năm nhiều đời mà sao không được gì hết, đó là lỗi tại không cố gắng. Phật dạy phải tinh tấn, cố gắng tiến mãi không dừng, như kéo lửa phải dụng công cho tốt, ráng cho tới có lửa mới thôi, chứ vừa kéo vừa nghỉ thì suốt năm suốt đời cũng không bao giờ có được lửa.

Người tu phải nhớ hai thí dụ này, người tinh tấn thì thế nào, người giải đãi thì thế nào. Người tinh tấn như nước chảy mãi đá cũng phải mòn, người giải đãi như người kéo lửa một lát nghỉ một lát nghỉ, không biết năm tháng nào mới có lửa. Thế nên phải cố gắng tinh tấn luôn luôn, đừng có tha thứ cho mình hoài là không được!

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ không bằng không quên niệm của mình. Vì người không quên niệm, các giặc phiền não không thể xâm nhập. Thế nên các ông phải thường nhiếp niệm tại tâm. Nếu để mất niệm sẽ mất các công đức. Nếu sức niệm cứng chắc rồi, tuy vào chỗ ngũ dục mà không bị giặc ngũ dục làm hại. Thí như người mặc giáp vào trận thì không còn sợ gì nữa. Đó gọi là không quên chánh niệm.

Giảng:

Tỳ-kheo cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, tức là cầu những người bạn tốt, những người ủng hộ tốt, không bằng không quên niệm của mình. Niệm mình là niệm pháp đang tu, luôn luôn nhớ không quên. Thí dụ như quán Tứ niệm xứ, tức là quán thân bất tịnh, thọ là khổ,

tâm vô thường, pháp vô ngã. Bốn pháp quán đó đi đứng nằm ngồi chúng ta cũng nhớ mãi, gọi là không quên chánh niệm, quên gọi là thất niệm. Nếu tu pháp khác như quán tất cả pháp là giả, thân này do tứ đại hòa hợp giả có v.v... thì mình cũng phải luôn luôn nhớ pháp mình đang quán. Nếu không quên pháp quán của mình còn hơn là có những thiện hữu tri thức, có những người hộ trợ tốt. Tại sao? Vì người không quên niệm, các giặc phiền não không thể xâm nhập được.

Như chúng ta đi đứng nằm ngồi luôn luôn nhớ thân mình hư giả không thật, giả sử có ai chọc tức, nhớ thân mình hư giả không thật thì cái giận có làm chủ được mình không? Trừ khi nhớ thân mình là thật thì cái giận sẽ làm chủ mình. Cho nên thiện tri thức, thiện hộ trợ bậc nhất chính là không quên chánh niệm, nó bảo vệ mình khỏi bị các giặc phiền não xâm phạm.

Thế nên phải thường nhiếp niệm tại tâm. Nhớ pháp tu không lúc nào quên gọi là nhiếp niệm, nhiếp niệm tại tâm không cho nó chạy nơi khác. Thất niệm thì sẽ mất tất cả công đức. Nếu sức niệm cứng chắc rồi, tuy vào chỗ ngũ dục mà không bị giặc ngũ dục làm hại. Người luôn nhiếp niệm thì không sợ giặc ngũ dục làm hại. Lúc nào cũng nhớ thân mình không thật, dù gặp gánh hát hay chỗ ăn uống rượu thịt bánh trái v.v... sẽ không thấy thèm, tâm yên tịnh. Nếu mình không giữ chánh niệm, tới đâu sẽ nhiễm đó. Cho nên nói người giữ được chánh niệm dù đi vào giữa chỗ giặc ngũ dục cũng không bị nó làm hại.

Thí dụ như người mặc giáp vào trận thì không sợ gì nữa. Vì giáp chắc, vào trận gươm đao đâm không thủng nên họ an ổn không sợ. Cũng vậy người có chánh niệm đi đâu cũng không sợ.

Bài kinh này Phật dạy phải nhớ giữ chánh niệm. Chánh niệm mất rồi sẽ bị giặc ngũ dục lôi kéo, phiền não xâm nhập. Chánh niệm không mất giặc ngũ dục không lôi kéo nổi, phiền não không xâm nhập nổi. Đó là thiện hữu tri thức bậc nhất, thiện hộ trợ bậc nhất, là áo giáp chắc nhất của mình khi ra trận. Thế nên không được quên chánh niệm của mình, phải cố gắng mà nhớ.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Nếu người nhiếp tâm thì tâm ở trong định, vì tâm ở trong định nên hay biết được các pháp tướng sanh diệt ở thế gian. Thế nên các ông phải thường tinh tấn tu tập các định, nếu được định thì tâm không tán loạn. Thí như người giữ nước khéo giữ đê điều. Người tu hành cũng vậy vì nước trí tuệ nên phải khéo tu các thiền định khiến cho không bị chảy mất. Đó gọi là định.

Giảng:

Ở trên đức Phật dạy giữ chánh niệm, đến đây ngài dạy thiền định. Tỳ-kheo phải nhiếp tâm thì tâm sẽ ở trong định. Vì tâm ở trong định nên hay biết được các pháp tướng sanh diệt ở thế gian. Nếu tâm ở trong định thì chúng ta sẽ biết được sự thật của các pháp trong thế gian. Thế nên phải thường tinh tấn tu tập các định. Nếu được định thì tâm không tán loạn.

Thí như người giữ nước khéo giữ đê điều. Người tu hành cũng vậy, vì nước trí tuệ nên phải khéo tu các thiện định khiến cho không bị chảy mất. Phật thí dụ người thế gian muốn giữ nước trong ruộng, phải khéo đắp bờ đê cho chắc, bờ chắc rồi thì nước không chảy. Cũng vậy người tu muốn giữ cho trí tuệ phát triển phải khéo vun đắp thiện định khiến cho tâm mình không bị chảy, không bị lột. Đó gọi là định.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Nếu có trí tuệ thì không có tham trước, thường tự tỉnh sát không để có tội lỗi, thế là ở trong giáo pháp của ta hay được giải thoát. Nếu không như vậy đã chẳng phải là bậc đạo nhân, cũng chẳng phải là người bạch y, không biết gọi là gì! Trí tuệ chân thật là chiếc thuyền chắc chắn, kiên cố vượt qua biển già bệnh chết; cũng là ngọn đèn sáng lớn chiếu phá vô minh hắc ám; là thứ thuốc hay trị lành tất cả bệnh; là chiếc búa bén chặt đứt những cây phiền não. Thế nên các ông phải lấy trí tuệ văn tư tu mà tự làm tăng ích. Nếu người có trí tuệ chiếu soi tuy là mắt thịt cũng là người thấy sáng. Đó gọi là trí tuệ.

Giảng:

Phật dạy Tỳ-kheo nếu có trí tuệ thì không có tham trước, không tham đắm gì hết, thường tự tỉnh sát, luôn luôn phản tỉnh tự xét lấy mình, không để phạm lỗi. Thế là ở trong giáo pháp của Phật hay được giải thoát. Nếu không có trí tuệ, không chịu phản tỉnh như vậy đã chẳng phải là bậc đạo nhân, cũng không phải là

người bạch y, không biết gọi là gì. Người bạch y là người thế tục. Vì không biết phản tỉnh, không có trí tuệ, cứ nhiệm theo thế tục nên không thể gọi là người tu. Nhưng cạo đầu mặc áo nhuộm nên cũng không phải là người thế gian. Vậy gọi là gì? Có chỗ gọi là “phóc cư sĩ” tức là cư sĩ trợc. Vì tâm không biết tu nên giống như cư sĩ, người thế gian, nhưng cạo đầu nên gọi là cư sĩ trợc. Cho nên phải luôn luôn dùng trí tuệ quán chiếu, không nhiệm không dính với ngũ dục thế gian thì mới xứng với danh nghĩa người tu.

Người có trí tuệ chân thật như được chiếc thuyền chắc chắn kiên cố đưa qua biển già bệnh chết. Cũng là ngọn đèn sáng lớn chiếu phá vô minh đen tối. Cũng là thứ thuốc hay trị lành tất cả bệnh. Cũng là chiếc búa bén chặt đứt hết những cây phiền não. Thế nên phải lấy trí tuệ văn tư tu, tức là văn tuệ tư tuệ tu tuệ, mà tự làm tăng trưởng lợi ích cho mình. Nghe lời Phật dạy là văn tuệ; nghe rồi chưa đủ, phải nghiền ngẫm suy xét ý nghĩa, thí dụ... để thâm hiểu được nghĩa thú, gọi là tư tuệ; suy xét rồi áp dụng những lời Phật dạy mà tu gọi là tu tuệ. Đó gọi là ba trí tuệ giải thoát. Nếu có trí tuệ chiếu soi tuy là mất thịt mà vẫn là người thấy sáng. Nghĩa là tuy mang con mắt thịt như mọi người thế gian nhưng nhờ trí tuệ nên biết được những gì mà người thường không biết được.

Bài này Phật dạy người tu phải luôn luôn dùng trí tuệ quán xét, diệt hết những tham đắm thế gian, đừng lúc nào quên. Nếu người có trí tuệ thì có thể ở trong Phật pháp được giải thoát. Nếu không có trí tuệ

thì không phải người tu, cũng không phải người thế tục, hỗn độn không ra người gì.

Đức Phật dùng bốn thí dụ để chỉ trí tuệ chân thật. Một là chiếc thuyền chắc đưa mình qua biển già bệnh chết. Hai là ngọn đèn sáng lớn phá trừ vô minh tối tăm. Ba là thứ thuốc hay trị lành tất cả bệnh. Bốn là chiếc búa bén chặt hết cây phiền não.

Lúc nào Phật cũng nhắc mình phải học, phải tu, có trí tuệ để trừ vô minh phiền não được giải thoát. Trí tuệ gồm có văn tư tu, nghĩa là nghe pháp, suy xét và thực hành. Người có trí tuệ thật thì tuy mắt phàm phu mà hay biết được những việc quá hơn kẻ phàm phu. Thế nên chúng ta tu phải có trí tuệ.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Các thứ hý luận làm cho tâm mình rối loạn, tuy xuất gia mà chưa được giải thoát. Thế nên Tỳ-kheo phải gấp xa lìa loạn tâm hý luận này. Nếu các ông muốn được cái vui tịch diệt, chỉ phải khéo diệt cái hoạn hý luận. Đó gọi là không hý luận.

Giảng:

Phật dạy Tỳ-kheo nếu có các chuyện đùa giỡn, tranh cãi suông để mong thắng lý kẻ khác, dù là đạo lý cũng thuộc hý luận, thì tâm sẽ rối loạn. Tăng ni ngày nay hay tập lối xã giao, bước vô nhà người liền kiếm chuyện nói đùa nói cợt để người ta cười, cái đó nguy hiểm. Những người hay nói đùa như vậy tâm rất tán loạn.

Tâm tán loạn thì tuy xuất gia mà chưa được giải thoát. Vì sao? Vì hay nghĩ lăng xăng lộn xộn, cứ kiếm chuyện nói đùa hoài, hết chuyện này đến chuyện khác sợ người ta buồn, bên ngoài đùa thì bên trong rối loạn, không an ổn tịch diệt được.

Thế nên Tỳ-kheo phải gấp xa lìa loạn tâm hý luận. Nếu muốn được cái vui tịch diệt lặng lẽ phải khéo diệt lỗi hý luận, vì hý luận chỉ thêm loạn tâm loạn tưởng, không được giải thoát. Không giải thoát thì tu làm chi? Chúng ta thấy Phật dạy quá kỹ, mỗi cái mỗi nhắc, từ những bệnh nhỏ đến những bệnh lớn. Pháp Phật dạy là cốt trị tâm bệnh chúng sanh, người nào có bệnh thì phải lấy thuốc này uống, phải thấy hổ thẹn mà xả bỏ.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông! Đối với các công đức thường phải nhất tâm bỏ các phóng dật như tránh bọ giặc dữ. Đức Thế Tôn đại bi nói những điều lợi ích đều đã rất ráo hết rồi, các ông chỉ phải siêng năng thực hành. Hoặc ở chỗ núi non, hoặc ở nơi đầm vắng, hoặc ở dưới gốc cây, hay yên ở trong tịnh thất, phải nhớ giáo pháp đã thọ chớ để quên mất, thường tự gắng gổ tinh tấn tu hành, không để trôi qua một đời đến chết, rồi sau có các hối hận. Ta cũng như vị thầy thuốc giỏi biết bệnh nói thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của thầy; lại cũng như người dẫn đường giỏi, chỉ người con đường tốt, nghe mà không đi chẳng phải lỗi tại người chỉ đường.

Giảng:

Tỳ-kheo đối với các công đức thường phải nhất tâm bỏ các phóng dật như bỏ bọt giặc dữ. Nghĩa là phải nhất tâm nhớ nghĩ giáo pháp đang tu, đừng buông lung, phóng túng tâm. Ngồi chơi giỡn cười nói chuyện với nhau hàng giờ chính là buông lung. Phải đem hết tâm niệm vào trong một pháp gọi là nhất tâm, phải sợ sự buông lung như sợ bọt giặc dữ.

Đức Thế Tôn đại bi nói những điều lợi ích đều đã rớt ráo hết rồi. Tôi nhắc lại Phật sắp Niết-bàn mà vẫn gọi đệ tử lại dạy, nhắc nhở rằng Ta đã nói hết những điều lợi ích với các ông rồi, các ông chỉ phải siêng năng thực hành. Hoặc là ở chốn núi rừng, hoặc ở nơi đầm vắng, ở dưới gốc cây, hoặc ở trong nhà yên tĩnh, phải nhớ pháp mình đã thọ chớ để quên mất, thường phải tự gắng gổ tinh tấn tu hành không để một đời trôi qua suông đến chết, rồi sau hối hận.

Phật nói: *Ta cũng như vị thầy thuốc giỏi biết bệnh nói thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của thầy. Đã được Phật chỉ bệnh, cho thuốc rồi, mà không chịu uống rồi nói người ta tu giải thoát còn tôi tu hoài không giải thoát. Điều đó không nên trách Phật, lỗi không phải tại Phật mà tại mình không chịu uống thuốc thì làm sao hết bệnh? Uống hay không uống chẳng phải lỗi tại thầy thuốc mà tại kẻ bị bệnh. Đó là thí dụ thứ nhất.*

Lại cũng như người dẫn đường giỏi, chỉ người con đường tốt, nghe mà không đi chẳng phải lỗi tại người chỉ đường. Như chúng ta muốn đến chợ, người chỉ đường

chỉ đi con đường này, đường này... hết sức rành rẽ, nhưng nghe rồi mình để đó không đi. Như vậy không đến được chợ là tại người chỉ đường hay tại mình nghe mà không chịu đi? Từ trước tới giờ Phật dạy chúng ta cách trị từng bệnh từng bệnh, như bệnh tham trị cách nào, bệnh sân trị cách nào, bệnh lười biếng trị cách nào, bệnh không trí tuệ trị cách nào v.v... mỗi mỗi đều chỉ hết, bây giờ mình phải tự cố gắng theo lời Phật dạy để tu hành.

Phải nhớ Phật là thầy thuốc biết bệnh chỉ thuốc, chúng ta phải uống thuốc thì mới hết bệnh. Nếu mỗi ngày chỉ đọc toa hay cứ đến thầy thuốc lạy lục cầu xin cho hết bệnh mà không chịu uống thuốc thì có hết bệnh không? Giống như người tu mỗi ngày hai ba thời đem kinh ra đọc mà những gì Phật dạy không chịu thực hành, gặp tham thì tham, gặp sân thì sân... thì có hết phiền não không? Hoặc ngày đêm đến trước Phật thắp hương lễ lạy cầu nguyện cho tâm luôn an ổn, hết phiền não khổ sở mà đối duyên xúc cảnh cứ gặp đâu chấp đó thì làm sao tâm an được? Thế nên người tu phải tránh hai lỗi này, một là chỉ đem toa thuốc ra đọc, hai là cầu xin thầy thuốc ban cho hết bệnh mà không chịu uống thuốc. Hoặc muốn đến nơi nào đó, người chỉ đường đã chỉ giùm con đường tốt, mình không chịu đi thì làm sao đến nơi được. Không chịu tu mà cầu Phật độ cho hết khổ sanh già bệnh chết, được Niết-bàn an ổn thì có được không?

Phải nhớ Phật chỉ là ông thầy thuốc giỏi, là người chỉ đường hay chứ không phải ông thần, đem phẩm vật tới cúng để cầu xin việc này việc kia, làm như vậy là sai lời Phật dạy, là phỉ báng Phật. Bài này Phật đã khẳng định ngài chỉ là thầy thuốc, là người chỉ đường,

chúng ta phải hiểu cho đúng, đừng lầm nghĩ Phật là ông thần muốn cầu gì cũng được.

Chánh văn:

Các ông đối với Khổ đế v.v... bốn món Thánh đế có chỗ nào nghi ngờ phải mau thưa hỏi, không nên ôm lòng hoài nghi không cầu giải quyết.

Bấy giờ đức Thế Tôn lặp lại như thế ba lần mà không có người hỏi. Vì có sao? Vì cả chúng đều không nghi ngờ. Khi ấy ông A-nậu-lâu-đà xem xét tâm của chúng mà bạch Phật rằng: Thế Tôn! Mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, Phật nói pháp Tứ đế không thể nào khiến dời đổi được. Phật nói Khổ đế thật là khổ không thể nào khiến cho nó được vui; Tập đế thật là nhân, không thể có nhân nào khác. Khổ nếu diệt tức là nhân diệt, nhân diệt nên quả diệt. Đạo diệt khổ thật là chân đạo, không có đạo nào khác. Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo đối với pháp Tứ đế quyết định không có nghi ngờ.

Giảng:

Tỳ-kheo các ông đối với khổ v.v... bốn món Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo có chỗ nào nghi ngờ phải mau thưa hỏi, không nên ôm lòng hoài nghi không cầu giải quyết. Thế Tôn lặp lại như thế ba lần mà không có người hỏi. Vì cả chúng đều không nghi ngờ.

Ông A-nậu-lâu-đà xem xét tâm của chúng mà bạch Phật rằng: Thế Tôn! Mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, Phật nói pháp Tứ đế không thể nào khiến

dời đổi được. Phật nói Khổ đế thật là khổ không thể nào khiến cho nó vui. Nói Tập thật là nhân lại không có nhân nào khác. Nói khổ diệt tức nhân diệt, nhân diệt thì quả diệt. Đạo diệt khổ thật là chân đạo lại không có đạo nào khác. Thế nên các Tỷ-kheo đối với pháp Tứ đế quyết định không có nghi ngờ.

Chánh văn:

Ở trong chúng đây, hoặc có những người việc làm chưa xong, thấy Phật diệt độ sẽ có lòng buồn bã, hoặc có những người mới vào đạo pháp nghe lời Phật nói đều tức thời được độ, thí như đêm tối mà thấy lần điện chớp liền thấy đường đi; hoặc có những người việc làm đã xong, qua được biển khổ nhưng khởi nghĩ thế này: “Đức Thế Tôn diệt độ sao mau quá vậy?”

Giảng:

Ở trong chúng đây, hoặc có những người việc làm chưa xong, thấy Phật diệt độ sẽ có lòng buồn bã, những người nào mới vào được chánh pháp (tức là chứng quả Tu-đà-hoàn) nghe Phật nói rồi liền được độ, thí như trong bóng đêm thấy lần điện chớp liền thấy đường đi. Nếu những người việc làm đã xong, qua được biển khổ thì khởi nghĩ đức Thế Tôn diệt độ sao mau quá!

Chánh văn:

Ông A-nậu-lâu-đà tuy nói rằng trong chúng thấy đều liễu đạt nghĩa Tứ thánh đế, nhưng đức Thế Tôn

muốn khiến cho đại chúng này đều được kiên cố nên dùng tâm đại bi lại vì chúng nói: Tỳ-kheo các ông chớ ôm lòng buồn thảm, nếu ta còn ở đời đến một kiếp, rốt cuộc cũng phải diệt; có hợp mà không xa lìa trọn không thể được. Các pháp tự lợi lợi tha đều đã đầy đủ, nếu ta còn ở đời cũng không còn lợi ích gì nữa. Những người đáng độ, hoặc ở cõi trời hoặc ở nhân gian ta thấy đều độ xong; những người chưa được độ ta cũng đều đã làm các nhân duyên để cho họ được độ, từ nay về sau các đệ tử của ta sẽ lần lượt thực hành. Thế là Pháp thân Như Lai thường còn không bao giờ diệt mất vậy.

Giảng:

Ông A-nậu-lâu-đà tuy nói rằng trong chúng thấy đều liễu đạt nghĩa Tứ thánh đế, nhưng đức Thế Tôn muốn khiến cho đại chúng đều được kiên cố, nên dùng tâm đại bi nói các Tỳ-kheo chớ buồn thảm, nếu Phật còn ở đời thêm một kiếp thì rốt cuộc cũng phải diệt, có hợp mà không có xa lìa trọn không thể được. Có sum hợp là có xa lìa, lâu mau gì cũng phải xa lìa, không tránh khỏi.

Phật nói phần tự lợi và lợi người, pháp Phật đã đầy đủ, nếu ngài còn ở đời cũng không lợi ích gì nữa. Những người đáng được độ hoặc ở cõi trời hoặc ở nhân gian thấy đều độ xong, những người chưa được độ đều đã làm nhân duyên để được độ. Từ nay về sau các hàng đệ tử của Phật sẽ lần lượt thực hành. Thế là Pháp thân của Như Lai thường còn không bao giờ diệt mất.

Chánh văn:

Thế nên phải biết cảnh đời đều là vô thường, có hợp phải có chia lìa, chớ ôm lòng buồn thảm, các tướng thế gian là như thế. Phải siêng năng tinh tấn sớm cầu giải thoát, dùng trí tuệ sáng mà diệt hết các tướng si ám. Thế gian giòn bở không có bền chắc, ta nay diệt độ như trừ được bệnh dữ. Đây là xác thân đáng bỏ, là vật tội ác, giả gọi là thân, nó chìm đắm trong biển cả sanh già bệnh chết. Có người trí nào trừ diệt được nó như giết được kẻ giặc dữ mà không vui mừng?

Giảng:

Chúng ta phải biết đời là vô thường, có hợp thì phải chia lìa, chớ có buồn thảm. Các tướng thế gian là như thế. Phải siêng năng tinh tấn sớm cầu giải thoát, dùng trí tuệ diệt hết các tướng si mê u ám. Thế gian thật là giòn bở không bền chắc. Phật xem sự diệt độ của ngài như trừ được bệnh dữ, bệnh dữ mà trừ được thì lúc đó khổ hay vui? Như món đồ chứa những thứ dơ xấu thì bỏ đi có tiếc không? Phật nói bệnh dữ, vật chứa đồ xấu dơ đó giả danh gọi là thân. Vậy mà mình cứ lo mất nó, vì lo mất nên bảo vệ nó từng giờ từng phút, trái lại Phật bỏ nó như bỏ món đồ xấu, như bỏ căn bệnh dữ.

Thân đó đang ở đâu? Đang chìm trong biển lớn sanh già bệnh chết. Có người trí nào trừ diệt được nó như giết được kẻ giặc dữ mà không vui mừng? Người tu khác người thế gian ở chỗ đó. Người tu hiểu đạo, nhận được ý chính rồi tu hành giống như Phật thì khi bỏ

thân này không chút luyến tiếc, không chút buồn khổ vì thấy như mình bỏ được món đồ dơ, bỏ được căn bệnh dữ, giết được kẻ oán thù, chứ không có gì đáng sợ. Còn người thế gian bỏ nó thì khóc lên khóc xuống. Khi đang bệnh có ai tới hỏi thăm là đã rơi nước mắt rồi, chưa xả nổi thân này còn cho nó quan trọng, mất rồi không biết nương tựa vào đâu!

Cho nên Phật dạy chúng ta đừng buồn thảm vì có hợp là có ly. Có ai thấy được thân này chỉ là kẻ oán thù, là món đồ dơ, là căn bệnh dữ mà muốn giữ nó lâu không? Nhiều người nói Phật đủ phước, đủ đức, đủ tài năng mà sao không sống lâu lâu một chút, sống tám mươi tuổi ít quá. Đó là vì mình tưởng giữ thân này là quý, đâu ngờ Phật thấy nó chỉ là món đồ đáng bỏ, giữ nó lâu chỉ cho cực.

Hơn nữa, Phật cũng nói những người có duyên được độ ngài đã độ xong, còn những người chưa có duyên được độ thì Phật cũng gieo nhân duyên để được độ. Chúng ta không ở thời Phật nhưng Phật cũng gieo nhân duyên để bây giờ mình được biết Phật, hiểu lời Phật dạy mà tu, đó là nhân duyên được Phật độ. Cho nên Phật nói ngài đã làm xong bốn phận thì ngài đi, đừng luyến tiếc. Chúng ta tu cũng phải ráng tới chừng ra đi thì chỉ cười đừng khóc, bỏ được món đồ xấu xa mà khóc thì thật tức cười. Ai gần chết mà cười, người đó khả dĩ vào đạo. Còn người nghe chết khóc mếu máo là cách xa đường đạo.

Qua bài kinh này chúng ta thấy thương Phật quá, cả chúng đều không nghi ngờ gì nữa hết mà ngài còn ráng

nhắc đi nhắc lại thêm, bảo mỗi người phải nỗ lực tu hành. Riêng về Phật, ngài ra đi là sự an ổn chứ không có gì phải lo buồn.

Chánh văn:

Tỳ-kheo các ông thường phải nhất tâm siêng năng cần cù tìm cầu con đường ra khỏi trầm luân. Tất cả những pháp động và không động ở thế gian này đều là tướng bại hoại không an. Các ông hãy yên lặng chớ nói gì nữa, thời gian sắp hết, ta sắp diệt độ. Đây là lời nhắc nhở răn dạy rốt sau của ta vậy.

Giảng:

Ngài lại dạy các Tỳ-kheo thường phải nhất tâm siêng năng cần cù tìm cầu con đường ra khỏi trầm luân, tức là giải thoát Niết-bàn. Tất cả những pháp động và không động ở thế gian này đều là tướng bại hoại không an. Như con người, con vật... là pháp động; cây, cỏ, đá... là pháp bất động. Động hay bất động đều là tướng vô thường bại hoại, không an ổn nên phải sớm cầu được Niết-bàn, được giải thoát, đó mới thật là an ổn.

Lúc Phật sắp Niết-bàn dặn dò các Tỳ-kheo hãy yên lặng đừng nói gì nữa. Thời giờ sắp hết, những lời dạy từ trước đến đây là những lời răn dạy, nhắc nhở cuối cùng của ngài. Do đó kinh này gọi là kinh Di Giáo, chúng ta phải nương đó mà tu.



KINH PHÁP CÚ

GIẢNG GIẢI

MỞ ĐẦU

Quyển kinh Pháp Cú này do thượng tọa Trí Đức dịch từ bản chữ Hán. Kinh này gồm có 26 phẩm trong đó có 423 câu. Tôi đã giới thiệu sơ qua bốn bộ A-hàm là bốn bộ kinh căn bản của giáo pháp Tiểu thừa. Chính quyển kinh Pháp Cú này đã gom những điểm trọng yếu của bốn bộ A-hàm bằng những câu văn hết sức ngắn gọn. Chúng ta có thể nhớ được để thực hành một cách dễ dàng.

Trong 26 phẩm này, chúng tôi sẽ giảng từng câu một. Nếu giảng kỹ thì phải dẫn sự tích câu chuyện xuất xứ của đoạn kinh, nhưng ở đây chúng tôi chỉ chú trọng cho mọi người nghe hiểu, nhớ rồi đem ra áp dụng tu hành trong hiện tại có lợi ích hơn. Vì vậy, chúng tôi chỉ giảng ngay vào nghĩa kinh mà thôi.



KINH PHÁP CÚ GIẢNG GIẢI

I- PHẨM SONG YẾU

Phẩm đầu là phẩm Song Yếu. Song là hai, Yếu là cần thiết hay những pháp yếu. Phẩm Song Yếu là những lời thiết yếu của Phật dạy có từng hai câu đối lập với nhau rõ ràng, như ác đối với thiện, xấu đối với tốt v.v... Tôi giải thích từng câu một, mỗi câu chứa đựng ý nghĩa rất sâu xa, nếu nghe không kỹ thì sự thu thập không được nhiều.

1. Trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp, nói năng hoặc hành động, thì sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến, như xe lăn theo chân con vật kéo xe.

Tại sao đức Phật nói tất cả pháp tâm là chủ? Trong kinh A-hàm có đoạn nói, ngoại đạo chủ trương trong ba nghiệp thân, miệng và ý, nghiệp thân là quan trọng.

Ngược lại đức Phật cho rằng nghiệp ý là quan trọng. Tại sao? Chúng ta xét lại, khi nói hoặc làm thì động cơ thúc đẩy là ý. Ý vừa dấy lên thì miệng phát ra lời nói, thân hoạt động. Nếu ý không dấy lên thì miệng thân làm gì có hoạt động. Nên đức Phật nói tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả.

Tu thân tu miệng cũng là tu, nhưng cần phải tu tâm trước. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp, nói năng hay hành động, thì nói những lời xấu, hành động tội lỗi. Đây là gây nhân xấu. Nếu nhân xấu, nhân đen tối, nhân nhiễm ô thì quả của nó cũng là quả xấu, quả đen tối, quả nhiễm ô. Cho nên nói rằng sự khổ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe.

Con bò hay con ngựa kéo xe, khi chân bước tới đâu thì bánh xe lăn theo bèn gót ở sau chứ không rời. Cũng vậy nếu người tạo nghiệp khổ, nghiệp xấu xa thì đến đâu, nghiệp cũng theo bèn gót đến đó, người và nghiệp không rời nhau. Như người chuyên dạy học thì gọi là giáo chức hay giáo viên, bạn đồng nghề gọi là bạn đồng nghiệp. Thành ra chữ nghiệp nghĩa là nghề. Người sát sanh giết heo bò, đó cũng là một nghề. Như vậy cả hai đều là nghề, nhưng xét về nghĩa thiện ác thì khác nhau. Nghề giáo dạy người ta biết chữ nghĩa, lễ phép, điều hay lẽ phải gọi là thiện. Nghề giết hại làm đau khổ chúng sanh nên gọi là nghề ác.

Người làm thầy giáo và người làm nghề sát sanh vì hoàn cảnh, bất thành linh phải rời gia đình xứ sở, ra đi với hai bàn tay trắng, đến xứ khác để lập nghiệp.

Tuy sự nghiệp của cải không mang theo, nhưng nghề của hai người đó không ai có thể lấy được. Họ tới đâu thì nghề của họ theo tới đó. Thầy giáo đem khả năng của mình để lập nghiệp bằng cách dạy học, người chuyên nghề sát sanh đem nghề sát sanh để lập nghiệp. Như vậy để thấy rằng tuy họ đi tay không nhưng sự thật không phải là tay không.

Tôi đưa thí dụ này để phối hợp lại khi chúng ta tắt thở. Ai cũng tin rằng mình chết là phỉ sạch hết ra đi tay không, nhưng không ngờ mình ra đi bằng nghiệp đã tạo, hoặc lành, hoặc dữ. Nghiệp theo sát bên mình, như đức Phật nói bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Nếu tạo nghiệp thiện thì ra đi an vui, nếu tạo nghiệp ác thì ra đi khổ sở bức bách. Cho nên người thế gian không hiểu đạo lý, tưởng rằng khi chết là hết, nhưng không ngờ chính lúc đó ra đi với nghiệp đã tạo trong lúc sống.

Nghiệp là gì? Là những hành động thiện ác hằng ngày của chúng ta. Nếu hành động thiện thì khi ra đi nghiệp thiện theo mình, nếu hành động ác thì ra đi nghiệp ác cũng theo mình như bánh xe lăn theo con vật kéo xe. Như vậy chỉ một câu kinh ngắn cũng đủ thức tỉnh chúng ta trong cuộc sống hiện tại, để chọn lấy một cái nghiệp mà sống. Bấy nhiêu đây chúng ta hiểu, tu thì cũng có thể tạo thành bao nhiêu điều tốt đẹp.

Ở đây câu thứ nhất đức Phật nói về chiều xấu, tức là đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp khổ đau, kết quả cũng khổ đau, vì nhân không rời quả, chẳng khác nào như con vật kéo xe; chân con vật bước đến đâu thì bánh xe lăn theo đến đó.

2. Trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp, nói năng hoặc hành động, sự an vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình.

Ở trên Phật nói khởi tâm ô nhiễm tạo nghiệp xấu thì phải chịu quả xấu, cũng như con bò kéo xe, chân tới đâu thì bánh xe lăn tới đó. Đến đây, ngược lại nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp thiện thì kết quả an vui sẽ theo nghiệp như bóng theo hình. Trong kinh nói kẻ ngu dốt sợ bóng cứ chạy mãi ngoài nắng. Nếu sợ bóng mà chạy mãi ngoài nắng thì bóng có mất không? Không bao giờ mất, càng chạy đến đâu thì bóng càng đuổi theo đến đó.

Cũng vậy người không muốn thấy nghiệp khổ đến với mình mà cứ tạo những điều xấu rồi cố tránh nghiệp khổ thì có tránh được không? Có nhiều Phật tử chỉ biết quy y thọ giới, mỗi tháng đi chùa vài lần để cầu cúng. Nhưng về nhà nghiệp dữ vẫn cứ làm, lời xấu cứ nói mà muốn chạy trốn quả khổ, có được không? Chắc hẳn là không. Vì nghiệp là những hành động, lời nói đã thành thói quen. Nghiệp tùy theo việc tốt xấu đã tạo mà đến. Muốn hết nghiệp xấu phải chuyển thành nghiệp tốt mới được.

Tóm lại, Phật dạy nghiệp lành nghiệp dữ khởi điểm từ tâm. Tâm nghĩ lành tâm nghĩ dữ mới tạo nghiệp lành nghiệp dữ. Người biết tu thì không phải tu nơi thân nơi miệng mà phải tu thẳng nơi tâm. Tâm vừa dấy lên ý niệm xấu thì buông ngay, dấy lên ý niệm tốt thì làm cho nó phát khởi tăng trưởng, đó là người biết tu.

Thí dụ thấy một người đang đau khổ, mình khởi niệm muốn giúp đỡ cho họ bớt khổ, đó là niệm lành. Tìm cách giúp đỡ là tăng trưởng nghiệp lành. Nếu thấy người có tiền của, khởi niệm muốn cướp giật, đó là niệm dữ. Biết đó là tội lỗi thì cấm không cho nghĩ nữa, chặn ngay nơi ý nghĩ là người biết tu. Như vậy mới gọi là tu ngay gốc. Nếu mình không trộm cướp, tâm nghĩ xấu cứ cho nghĩ, ngày nào ý nghĩ mạnh quá gặp việc xấu thì bị nó lôi đi.

Cho nên người biết tu thì nhắm ngay tâm niệm, vì tâm niệm là chủ. Phải ngay nơi tâm niệm mà tu, đó là biết tu tận gốc. Nếu không như vậy thì chúng ta chỉ tu ngoài ngọn ngành, không lợi ích nhiều.

3. Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi và cướp đoạt của tôi, ai còn ôm ấp tâm niệm ấy thì sự oán giận không bao giờ dứt hết.

Phật dạy hận thù còn nung nấu trong lòng là tại mình nghĩ rằng, hôm qua người đó mắng chửi, đánh đập, cướp bóc của cải và hại tôi, vừa nhớ tới đó thì trong tâm nổi nóng lên. Nếu người nào bị ai xúc phạm tới mà cứ nhớ hoài thì không bao giờ hết giận hờn. Nếu không bỏ được oán giận thì sự hận thù mãi mãi chồng chất lên hận thù. Đó là gốc của đau khổ.

4. Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi và cướp đoạt của tôi, ai bỏ được tâm niệm ấy thì oán giận tự nhiên san bằng.

Đức Phật dạy khi bị ai xúc phạm tới mà bỏ qua, không thêm nhớ, thì lòng sẽ an nhiên, mát mẻ.

Danh từ chuyên môn trong nhà Phật gọi là thanh lương. Nếu người nào xả không được, thì sanh lòng oán giận. Nhất là những người biết tu chút ít, nếu khi ngồi thiền nhớ hồi chiều có người nói mĩa mai mình, vừa khởi như thế thì những phương tiện như đếm hơi thở cũng yếu hơn lời nói mà người kia đã nói với mình. Cho nên người tu muốn dứt tham sân si thì phải áp dụng những lời Phật dạy.

Đây là câu Phật dạy để dứt sự nóng giận. Nóng giận chia ra nhiều loại, nghe người khác nói trái ý mà mình nổi nóng bùng bùng lên gọi là sân. Nghe người ta nói trái ý, không nổi nóng bùng bùng đỏ mặt mày nhưng trong lòng cảm thấy bất mãn không vui, không như ý gọi là hận. Như vậy, nổi nóng gọi là lửa ngọn, hận trong lòng gọi là lửa than. Lửa than cháy ngấm ngấm, tuy không nguy hiểm nhưng khó trừ. Nổi nóng tuy nguy hiểm, vì khi nổi nóng thì miệng nói bậy, tay đánh v.v... có thể gây tạo nghiệp khổ liền nhưng một lát nó hạ xuống, còn cái hờn ngấm ngấm mới là lâu dài. Cho nên câu kinh này dạy chúng ta dứt cái ngấm ngấm đó. Vậy muốn hết oán hờn thì chúng ta nhớ câu kinh này: Người kia lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hại tôi và cướp đoạt của tôi. Ai bỏ được tâm niệm ấy thì oán giận tự nhiên san bằng. Nếu bỏ được tâm niệm ấy thì ai làm gì mặc kệ, bao nhiêu oán hờn đều nguội lạnh, như được rưới nước cam lồ làm cho tâm mình thanh lương mát mẻ. Chỗ này rất thực tế và cần thiết trong sự sống, sự tu của mọi người.

5. Ở thế gian này, chẳng phải hận thù trừ được hận thù. Chỉ có từ bi mới trừ được hận thù, đó là định luật ngàn thu.

Theo thế thường người ta nói lấy oán trả oán, nhưng như thế thì oán không bao giờ hết, vì càng trả càng chất chồng. Thí dụ người cha bị hại, người con trả thù cho cha hại lại kẻ kia, con người kia cũng sẽ trả thù cho cha. Cứ như vậy không bao giờ hết, cho nên chỉ có lấy từ bi trả oán thì oán mới sạch. Điều này thật khó làm, nhưng làm được mới dứt sự oán thù. Người tu hành dù xuất gia hay tại gia đều phải nỗ lực.

Người ta chửi mình, mình không chửi lại thì cũng hờn ở trong lòng, nhưng nếu còn hờn thì chưa phải từ bi. Trong kinh đức Phật dạy, gặp trường hợp này muốn từ bi phải dùng phương pháp. Như người biết tích đức ăn hiền ở lành, không muốn gây sự làm cho ai buồn phiền, nhưng không biết vì sao bị người mắng chửi. Khi đó khó dần cơn nóng giận và khó mà thương họ. Dần thì khả dĩ tập được, nhưng bảo khởi lòng thương thì người biết tu mới khởi được. Người khác chửi, không chửi lại đó là biết tu. Thí dụ gặp người say hay người điên, vô cớ đánh mình, nếu là người có trí tuệ và lòng từ bi đầy đủ thì không nổi nóng mà còn thương họ. Giận là giận người tỉnh táo khôn ngoan, còn người không có trí sáng suốt, không biết phải quấy nên vô cớ gây sự với mình, người đó đáng thương hơn đáng giận. Nghĩ như vậy thì phát khởi lòng từ bi thương họ, tất cả những hờn giận theo đó mà hết.

Hơn nữa nếu xét về lý nhân quả thì biết rằng kẻ làm ác thế nào cũng bị quả báo xấu. Bây giờ người đó hung dữ quá, gặp ai cũng mắng chửi, họ gieo nhân ác thì phải chuốc quả xấu, bị đọa địa ngục chịu khổ, nên người đó cũng đáng thương hơn đáng giận.

6. Người kia vì không hiểu rằng chúng ta sắp bị hủy diệt nên mới phí sức tranh luận hơn thua. Nếu họ hiểu rõ điều đó thì chẳng còn tranh luận nữa.

Đức Phật dạy người chưa hiểu lý vô thường, cứ tưởng sống lâu ngàn tuổi nên tranh hơn thua từng li từng tí. Nếu nhận định tường tận cuộc sống chỉ trong hơi thở, thở ra không hít vào là chết, thì có gì hơn thua với nhau. Trong kinh A-hàm ghi, một hôm đức Phật và chư Tỳ-kheo đi vào thôn, đến gần chợ, ngài thấy trong bầy bò có hai con báng nhau. Đức Phật hỏi ngài A-nan, ông biết bầy bò này của ai không? Ngài A-nan thưa, bầy bò này của một lò sát sanh nuôi để làm thịt. Đức Phật dạy, ông thấy hai con bò sứt dĩ báng nhau là vì không biết ngày mai sẽ bị người ta đập đầu làm thịt, nếu biết ngày mai bị đập đầu thì hôm nay không báng nhau nữa.

Cũng vậy, con người sanh ra, hễ có sanh là có tử, cái án tử hình treo trước mặt mình, biết như vậy thì lo giải quyết án tử hình, tranh hơn thua làm gì. Nếu tất cả chúng ta biết mình sắp bị hủy diệt, thì mặc ai nói hơn thua, bỏ qua không đem vào lòng. Sứt dĩ người lầm tưởng đời sống lâu dài, cho nên mới tranh hơn thua với nhau. Ở đây đức Phật nói: người kia vì không hiểu rằng chúng ta sắp bị hủy diệt nên mới phí sức hơn thua. Nếu họ hiểu rõ điều đó thì chẳng còn tranh luận nữa. Như vậy người tu theo đạo Phật phải hiểu lý vô thường, nhớ thân này không lâu dài bền chắc, chẳng khác nào hạt sương mai lấp lánh trên đầu ngọn cỏ, nắng lên là tan liền. Bây giờ chúng ta còn an ổn khỏe mạnh, cứ nói chuyện phải quấy hơn thua, vô thường đến thì ngã ra chết, lúc đó ai

đánh chửi cũng không chống cự. Tại sao chúng ta không nhớ như vậy để dứt hết tâm tranh hơn thua? Người tu phải nhớ lý vô thường, luôn luôn dùng trí quán thân mình, thân người và hoàn cảnh chung quanh là vô thường thì không còn tâm tranh hơn thua và được an vui.

7. Những người chỉ muốn sống trong tịnh lạc, không chịu nhiếp hộ các căn, uống ăn vô độ, biếng nhác chẳng tinh cần, họ thật là người dễ bị ma nhiếp phục như cành mềm trước cơn gió lốc.

Người chỉ muốn sống trong tịnh lạc, nghĩa là muốn sống đầy đủ tiện nghi, muốn có xe hơi nhà lầu, cần gì có vậy. Không chịu nhiếp hộ các căn là chỉ thích sống theo vật chất mà không chịu nuôi dưỡng tinh thần. Người không chịu gìn giữ các căn và uống ăn vô độ, biếng nhác không chịu nỗ lực tu tập, thì dễ bị ma nhiếp phục.

Chữ ma là chỉ cho ngũ dục. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thù. Tài là tiền của, sắc là sắc đẹp, danh là danh vọng, thực là những món ăn ngon, thù là ngủ cho nhiều cho kỹ. Chữ ma ở đây đừng tưởng là con ma nanh vuốt dữ dằn, mà chỉ cho những thứ lôi cuốn mình sa đọa, trái với sự tu hành tinh tấn. Cho nên người tu không chịu cố gắng gìn giữ sáu căn, ăn uống vô độ, biếng nhác không siêng năng tu hành thì dễ bị ma nhiếp phục. Như cành cây mềm yếu khi gió thổi mạnh thì nó gãy. Tóm lại những người tu hành mà thích sống đầy đủ tiện nghi, thích ăn uống cho nhiều, biếng nhác không chịu lo tu, những người đó ma ngũ dục lôi lúc nào cũng được. Đây là cây thước để đo những người tu.

8. Những người nguyện ở trong cảnh chẳng khoái lạc, khôn khéo nhiếp hộ các căn, uống ăn tiết độ, vững tin và siêng năng ma không dễ gì thắng họ, như gió thổi núi đá.

Gió thổi núi đá không hề lung lay, gió mặc gió, núi mặc núi. Cũng vậy, người tu nguyện đem thân này ở trong cảnh kham khổ, thiếu tiện nghi mà vẫn chịu được, khôn khéo nhiếp hộ sáu căn của mình, uống ăn tiết độ, giữ vững đức tin và siêng năng thì người đó ma không dễ gì lay động được. Nhiếp hộ các căn là sao? Nếu khéo nhiếp hộ con mắt thì như khi vào nhà người, chủ nhà đi vắng, thấy món đồ đẹp. Nếu biết nhiếp hộ các căn thì phải hiểu rằng, món đồ tuy đẹp mà vô thường, bây giờ đẹp chứ mai một cũ rách. Cái đẹp không thật nên không làm, nhìn thấy nó rồi thôi lòng tham không khởi. Nếu thấy nó đẹp quá, cầm lên ngó qua ngó lại một hồi, khởi ý muốn lấy. Như vậy là không nhiếp hộ con mắt, không gìn giữ ý căn, cho nên bị ma nhiếp phục. Nếu biết nhiếp hộ con mắt thì lòng tham không khởi lên, nên đứng vững trước những vật đáng quý. Cho nên nói ma không làm gì nổi, chẳng khác nào như gió thổi núi đá.

Khi tai nghe những tiếng ồn hay tiếng ca nhạc. Như thỉnh thoảng những buổi chiều trời thuận gió, ở dưới chợ Vũng Tàu những tiếng ca vang lên, ở trên cốc tôi nghe rõ lắm. Nghe tiếng ca nhạc làm sao nhiếp hộ lỗ tai? Hồi xưa tôi hơi kỵ tiếng ca đó, nhưng bây giờ nghe những tiếng ca vang lên, tôi thấy bình thường. Nếu chú ý nghe bài hát này là bài gì, đó là buông lung nhĩ căn. Như vậy là bị ma âm thanh lôi cuốn và

tâm liền bị dao động. Nếu nghe mà nhớ rằng âm thanh đó không thật, chỉ như làn gió bên ngoài thổi qua, không có gì phải chú ý. Họ hát thì cứ hát, không ăn thua gì tới mình. Nếu cứ nhớ giọng hát này của ai, hay dở v.v... phân biệt như vậy tâm sẽ loạn. Nếu nghe tiếng mà không theo tiếng, thì những tiếng đó không lôi cuốn được mình. Nếu người nào để những âm thanh lôi cuốn thì bị lệ thuộc vào tiếng. Nếu lệ thuộc vào tiếng thì hôm nay thích nghe người này ca hay quá, mai một nghe tiếng ca đó vừa cất lên thì chú ý nghe nữa, như vậy tâm cứ xao lãng bị động mãi.

Cho nên đức Phật dạy, nếu khôn khéo nhiếp hộ các căn thì phải có trí tuệ để quán xét, âm thanh không thật, người biết quán xét thì gìn giữ được các căn. Nếu thêm vững niềm tin Tam bảo, siêng năng tu hành thì ma không nhiếp phục được họ.

Tóm lại khi buông lung sáu căn thì biết mình như cành mềm trước gió, thế nào cũng bị gãy. Nhớ như vậy để giât mình, cố gắng gìn giữ sáu căn, thêm vững niềm tin Tam bảo, siêng năng tu hành thì ma ngũ dục không động tới mình nổi, chẳng khác nào như gió thổi núi đá, không bao giờ lay động. Luôn nhớ hình ảnh đó thì sự tu hành mới tiến được.

9. Mặc áo ca-sa mà không rời bỏ những điều uế trước, không thực hành khắc kỷ thà chẳng mặc còn hơn.

Áo ca-sa là áo nhuộm màu hoại sắc. Chúng ta thường nói áo ca-sa do cắt nhiều mảnh vải ráp lại, nhưng

không đúng. Ca-sa là tiếng Phạn, Hán dịch là nhiễm y, nhiễm tức là nhuộm, áo nhuộm màu vàng hoặc nâu, màu này không giống như màu sắc của thế gian.

Người mặc áo ca-sa mà không rời bỏ những điều uế trước, như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Thí dụ như người thích ăn ngon mặc đẹp, nhiều tiền của, xe hơi nhà lầu v.v... đó là tham. Tham là gốc, rồi nó biến ra trăm ngàn muôn ức hình thức khác nhau. Người mặc áo tu mà không rời bỏ những nghiệp xấu xa, ô trước, không thành thật khắc kỷ là không hạn chế những nhu cầu trong cuộc sống hằng ngày của mình thì tu không tiến. Vì vậy đức Phật dạy người quyết chí siêng năng tu hành thì tam thường bất tức, tức là ăn, mặc, ngủ đều phải không đủ. Tại sao không chịu ăn đủ no, mặc cho đẹp và ngủ cho thật nhiều, mà Phật lại bảo bớt đi vì đó là những điều người thế gian ưa thích? Thí dụ người ta ngủ đúng tám tiếng đồng hồ thì mới khỏe, nếu thiếu một hai tiếng là bực tức, cho nên ráng ngủ nhiều cho khỏe. Còn người tu phải bớt ngủ, không bớt được nhiều thì cũng bớt được một tiếng, ngủ bảy tiếng, khá hơn nữa thì sáu tiếng. Phật dạy ngủ nhiều là tăng trưởng si mê, khi ngủ thì không sáng suốt làm chủ được mình. Chúng ta bớt giờ ngủ để ngồi thiền hoặc niệm Phật, tụng kinh, như vậy là để cho trí tuệ càng ngày càng sáng thêm.

Tại sao phải bớt ăn sáng, ăn trưa, chiều chỉ uống nước? Vì hai lẽ, thứ nhất nếu lo sáng ăn, trưa ăn, chiều ăn, cả ngày lo ăn hoài thì giờ đâu mà tu. Cho nên sáng ăn sơ sơ, trưa ăn cho đầy đủ, chiều nghỉ để có thì giờ rộng rãi tu hành. Thời đức Phật đi khát thực,

sáng ôm bình bát đi, tới chín mười giờ mới được một bát về ăn, muốn ăn nữa thì phải đi cho tới chiều tối. Như vậy ngày hai bữa đi khát thực không còn thì giờ tu. Đó là trường hợp thứ nhất.

Trường hợp thứ hai nếu ăn nhiều quá thì hao tổn của đàn-na thí chủ. Một bữa ăn chừng năm chục bạc, hai bữa thì tốn một trăm, ba bữa tốn một trăm rưỡi là thêm phần hao phí của thí chủ. Nên bớt một phần để sống đơn sơ. Vì ăn là để sống tạm qua ngày mà tu hành, gọi là khắc kỷ. Khắc kỷ là hạn chế những nhu cầu không cần thiết của con người.

Tóm lại người thực sự tu hành phải dứt hết những tâm xấu xa ô trược, không buông lung theo dục lạc thế gian. Nếu không được như vậy thì thà chẳng tu còn hơn. Cho nên Phật nói thà chẳng mặc áo ca-sa, chứ mặc rồi mà làm không đúng thì không xứng đáng.

10. Rời bỏ những điều uest trước, giữ gìn giới luật tinh nghiêm khắc kỷ và chân thành, người như thế thì đáng mặc áo ca-sa.

Rời bỏ những điều uest trước, là dẹp bỏ hết những ý niệm xấu xa trong tâm, giữ gìn giới luật tinh nghiêm trong sạch và lúc nào cũng thành thật khắc kỷ. Người như thế mới xứng đáng mặc áo ca-sa, mới xứng đáng là một người tu.

11. Phi chân tướng là chân thật, chân thật thấy là phi chân, cứ tư duy một cách tà vạy, người như thế không thể nào đạt đến chân thật.

Thế nào là phi chân? Chân thật mà lầm tưởng là không chân thật đó là phi chân. Chúng ta cứ suy nghĩ sai lầm thì không bao giờ đạt được lẽ thật hay chân lý. Người phàm phu ngu mê, thấy thân đẹp đẽ quý báu, rồi sanh ra kiêu mạn, đó là phi chân tưởng là chân thật, đức Phật cho đó là tưởng điên đảo. Tại sao? Đức Phật dạy thân này không đẹp đẽ quý báu, chỉ là một đống da hôi thúi, chứa đựng toàn đồ bẩn thỉu. Thử kiểm điểm từ đầu đến chân, như con mắt có ghèn là sạch hay dơ? Cũng vậy ở lỗ tai thì cứt ráy, ở mũi thì nước mũi, ở miệng thì đàm dãi... Tất cả những thứ đó đều là dơ, cho tới các bộ phận khác cũng vậy. Thân dơ dáy bẩn thỉu mà lầm tưởng sạch quý là điên đảo không đúng sự thật, cho nên gọi là phi chân. Hơn nữa, khi tưởng thân sạch sẽ thì sanh ra ngã mạn tự cao.

Đức Phật dạy phải thấy cho được lẽ thật, thân ô uế biết là ô uế, thân vô thường sanh diệt từng phút giây thì biết sanh diệt từng phút giây. Người đời không thấy, cứ lầm tưởng là thường còn, cho nên bao nhiêu ý niệm sai lầm cứ tiếp diễn, không bao giờ thấy được lẽ thật. Nếu biết đúng lẽ thật thì chúng ta sẽ đạt được chân lý.

12. Chân thật nghĩ là chân thật, phi chân biết là phi chân. Cứ tư duy một cách đúng đắn, người như thế mau đạt đến chân thật.

Cái gì thật biết là thật, cái gì không thật biết là không thật, người hiểu đúng như vậy thì mau đạt đến chân lý. Nếu người nào suy nghĩ sai lầm thì suốt đời không bao giờ thấy được lẽ thật. Hiện tại có rất nhiều

người hiểu theo quan niệm sai lầm nên mới gây ra không biết bao nhiêu tội lỗi. Nếu người biết thức tỉnh, biết nghĩ đúng sự thật, đó là người trí để đạt được lý chân thật.

13. Nhà lợp không kín ắt bị mưa dột thế nào; kẻ tâm không tu tất bị tham dục lọt vào cũng thế.

Khi làm nhà, dù nhà ngói hay nhà lá, nếu lợp không kín thì nhất định trời mưa phải bị dột. Cũng vậy, người tâm không biết tu thì tham dục lọt vào, cũng như nhà lợp không kín bị nước mưa chảy vào. Cho nên người không biết tu tập thì nhất định sẽ bị tham dục lôi cuốn, không thể nào tránh khỏi.

14. Nhà khéo lợp kín ắt không bị mưa dột; kẻ tâm khéo tu tất không bị tham dục lọt vào.

Nhà khéo lợp kín thì không bị mưa dột, kẻ tâm khéo tu thì không bị tham dục lọt vào, chắc chắn như vậy. Trong kinh A-hàm, Phật nói thí dụ như cái bình rỗng, người ta đổ nước, đổ đất vào, vì nó là bình không, nên đổ cái gì vào cũng được. Nếu bình đã đầy thì đem những thứ khác đổ vào không được. Cũng vậy, tâm mình nếu khéo tu thì tham dục không chen vào được, ngoại ma không xâm nhập được. Nếu tâm mình không khéo tu thì nó xâm nhập một cách dễ dàng. Khéo tu là thế nào? Thí dụ như người niệm Phật, chỉ nhớ một câu Nam-mô A-di-đà Phật, không nhớ gì khác, cho nên tham sân si không chen vào được.

Phương pháp niệm Phật là giữ tâm không hờ trống, cũng như mái nhà lợp kín thì nước mưa không

chảy vào. Cũng vậy tâm không hở trống thì tham dục không lọt vào. Thí dụ có người làm cho mình buồn, nhưng lo niệm Phật thì quên buồn, nếu không niệm Phật, nhớ hoài câu nói đó cho là có ý khinh mình nên sanh phiền não. Vì vậy nhớ câu niệm Phật để tâm không nhớ cái khác, đó là phương tiện.

Phương pháp tu nào của nhà Phật cũng là phương tiện. Thí dụ tu pháp môn Mật tông là trì chú, hành giả đi, đứng, nằm, ngồi mọi oai nghi đều phải trì chú, nghĩa là tâm luôn luôn không rời câu chú, đó cũng là một phương tiện, làm cho tâm không bị tham dục lọt vào.

Người tu thiền có phương tiện gì không? Người tham thiền phải luôn luôn gìn giữ tâm mình bằng cách dùng trí quán hay đi, đứng, nằm, ngồi nhớ câu kinh Phật dạy, đó gọi là chánh tư duy. Hoặc giả có người không nhớ câu kinh, mà đi đứng nằm ngồi chỉ nhớ thân này như mộng huyễn không thật, thân này do tứ đại giả hợp, thân này là vô thường, nay còn mai mất, xét tới xét lui điều đó thì tâm không nghĩ chuyện khác. Thành ra Phật nói vô lượng pháp môn đều nhắm chung một chỗ là giữ tâm, không cho tham, sân, si chen vào. Cho nên ở đây đức Phật nói nếu mái nhà lợp kín thì mưa khỏi dột, cũng vậy nếu tâm khéo tu thì tham sân si không xen vào được. Đó là chỗ chính yếu.

15. Ở chỗ này ăn năn tiếp ở chỗ khác cũng ăn năn, kẻ làm điều ác nghiệp cả hai nơi đều ăn năn. Vì thấy ác nghiệp mình gây ra, kẻ kia sanh ra ăn năn và chết mòn.

16. Ở chỗ này vui tiếp ở chỗ khác vui, kẻ làm điều thiện nghiệp cả hai nơi đều an vui. Vì thấy thiện nghiệp mình gây ra, người kia sanh ra an lạc và cực lạc.

Nếu ở chỗ này ăn năn là hối hận trách cứ mình... Tới chỗ khác cũng vậy, vì mình đã làm các nghiệp ác thì đi tới đâu cũng nhớ trong lòng, thành ra không lúc nào yên ổn, cả hai nơi đều bất an. Sự bất an ấy là do thấy ác nghiệp mình đã gây, cho nên bị lương tâm cắn rứt. Thí dụ như có những người bông bột, tạo những điều ác, tới chừng tỉnh thức thì thấy ray rứt trong lòng, thấy ai cũng xấu hổ, không bao giờ an ổn.

Nói nơi này nơi kia là chỉ cho hiện tại và vị lai. Hiện tại bị cắn rứt bởi những hành động ác, khi nhắm mắt thì nghiệp đó vẫn theo để buồn khổ nơi một thế giới khác, chứ không phải hết. Cho nên người muốn hết khổ thì phải dừng nghiệp ác. Vì vậy câu sau Phật nói rằng, người ở chỗ này an vui tiếp ở chỗ khác cũng an vui. Kẻ làm thiện nghiệp thì ở hai nơi đều an vui, vì thấy nghiệp thiện mình đã làm. Như vậy làm việc thiện thì nơi nào cũng an vui.

Như hôm nào đi đường thấy đứa bé rớt xuống ao, liền nhảy xuống cứu rồi đưa về cho cha mẹ nó. Mỗi lần nhớ lại việc cứu được đứa bé thì vui, vì đã làm được một việc thiện. Ngược lại, nếu người làm ác thì đi nơi nào việc ác cũng còn, không bao giờ mất. Nghiệp ác hay nghiệp thiện sẽ theo mình chẳng những trong đời này

mà cả đời sau. Vì vậy người Phật tử phải dè dặt, không bao giờ dám làm điều ác.

17. Ở chỗ này than buồn tiếp ở chỗ khác cũng than buồn, kẻ gây điều ác nghiệp cả hai nơi đều than buồn. Nghĩ rằng tôi đã tạo ác vì vậy nên nó than buồn. Hơn nữa còn than buồn vì phải đọa vào cõi khổ.

Lúc bình sanh tạo nghiệp ác làm khổ rất nhiều người. Khi đau nặng biết mình sắp chết thì tâm không an ổn và rất sợ hãi. Họ khổ vì đau đớn và nhớ lại những việc làm trong quá khứ, con đường sắp đến rất mờ mịt.

Ngược lại nếu hiện giờ làm những điều tốt cho mọi người, thì khi sắp chết rất an ổn. Thí dụ có người khi hay tin mai xuống tàu ra Côn Đảo vì họ là tội phạm. Khi sắp đi buồn rầu, vì ra đó khổ sở, lại xa gia đình. Cũng có người khác hay tin mai đi Côn Đảo, nhưng đi với tính cách du lịch, chừng vài hôm thì về. Khi sửa soạn đi trong lòng họ rất vui vì sẽ biết thêm cảnh lạ, núi non biển cả. Thành ra cùng là đi mà người đau khổ, người lại an vui. Cũng vậy, người biết tu khi sắp chết tâm bình an, còn người không biết tu, khi sắp chết bao nhiêu cái khổ vây quanh. Khổ vì sắp đặt việc gia đình chưa xong, vì nghiệp chướng tạo trong đời sống, vì luyến tiếc tài sản, hoặc thương mến thân bằng quyến thuộc v.v... Nếu sắp ra đi mà khổ thì biết rằng tương lai của họ rất đen tối. Nếu sắp ra đi mà trong lòng an vui thì biết tương lai sáng sủa.

18. Ở chỗ này hoan hỷ, tiếp ở chỗ khác cũng hoan hỷ, kẻ tu hành phước nghiệp cả hai nơi đều hoan hỷ, nghĩ rằng tôi đã tạo phước vì vậy nên nó hoan hỷ, hơn nữa còn hoan hỷ vì được sinh vào cõi lành.

Ở chỗ này hoan hỷ ở chỗ khác cũng hoan hỷ, cả hai nơi đều hoan hỷ, vì tự thấy rằng mình đã tạo phước nghiệp. Thí dụ một hôm gặp hai người đang gây sự, mình khuyên can cho họ dừng, đó là đã làm được một việc phước nên cảm thấy vui. Khi sắp chết, kiểm điểm lại trong đời sống, từng làm những điều lành thì càng vui vẻ, hơn nữa còn hoan hỷ vì được sanh vào cõi lành. Cho nên nếu chúng ta làm nghiệp lành thì nơi nào cũng hoan hỷ. Ngược lại làm nghiệp ác thì nơi nào cũng đau khổ.

Nói gọn lại người làm ác hiện tại và vị lai đều đau khổ, người làm lành thì hiện tại và vị lai đều an vui. Cho nên chúng ta muốn tìm sự an vui không gì hơn phải nỗ lực làm những điều lành, đó là nguồn cội của sự an vui.

19. Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không thực hành theo thì chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa-môn, khác nào kẻ chăn bò chỉ lo đếm bò cho người khác để lấy công, chứ sữa thịt của bò thì không hưởng được.

Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không thực hành theo, nghĩa là tay gõ mõ miệng tụng liên miên, nhưng khi buông dùi mõ xuống, bước ra khỏi bàn thờ Phật thì miệng nói lời dữ, thân tạo điều dữ, không biết hạn chế ba nghiệp của mình cho trong sạch. Người tụng kinh như vậy không có phước đức nhiều, vì tụng

mà còn buông lung tâm ý. Hơn nữa nếu tụng kinh mà cứ chạy theo ngũ dục thế gian thì việc tụng kinh không có nhiều lợi ích. Cho nên nói rằng chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa-môn. Đức Phật ví họ như kẻ chăn bò, nghĩa là chỉ chăn bò cho chủ, mà không có quyền hưởng thịt, sữa của con bò.

Ở đây đức Phật muốn chỉ, người tu phải nương lời đức Phật dạy để hiểu rồi áp dụng trong cuộc sống hằng ngày của mình. Thí dụ đức Phật dạy không sát sanh, không nói lời hung dữ thì bớt sát sanh và nói những lời hòa nhã chân thật. Tụng kinh mà những lời Phật dạy không làm thì gọi là buông lung, sự tu hành không được kết quả theo sở nguyện của mình, chẳng khác nào như kẻ chăn bò, chỉ biết đếm bò cho chủ, mà không hưởng lợi.

20. Tuy tụng ít kinh mà thường y giáo hành trì, hiểu biết chân chánh, trừ diệt tham sân si, tâm hiền lành thanh tịnh giải thoát, xa bỏ thế dục thì dù ở cõi này hay cõi khác, người kia vẫn hưởng phần ích lợi của Sa-môn.

Đức Phật dạy tuy tụng ít kinh mà thường y theo lời Phật dạy để tu hành, hiểu biết đúng theo ý nghĩa của kinh, trừ diệt tham sân si, ăn ở hiền lành, tâm thanh tịnh không ô nhiễm và không bị ngũ dục thế gian ràng buộc, thì dù sống trong hiện tại, hay sau khi chết sanh nơi nào người đó cũng hưởng phần lợi ích của Sa-môn.

Chúng ta y theo lời Phật dạy, áp dụng trong cuộc sống hằng ngày để buông bỏ tham sân si, tập tâm từ bi thanh tịnh giải thoát... như vậy là người biết tu.

Nếu người tụng kinh suốt ngày, mà không buông bỏ tham sân si, không biết tập tâm hiền lành và xa bỏ thế dục... người đó tuy thấy như tu nhiều mà sự thật lợi ích không nhiều.

Thí dụ như cô giáo dạy học trò khi ra đường gặp các bậc trưởng thượng phải giở nón cúi đầu chào. Một học trò nhớ lời cô giáo, khi ra đường gặp ai cũng nói, trò phải có lễ phép, gặp người trưởng thượng phải giở nón chào, nhưng nó chỉ nói mà không làm. Học trò khác không lặp lại lời cô giáo mà mỗi khi thấy người lớn nó giở nón cúi đầu chào. Vậy hai đứa bé đó đứa nào biết áp dụng lời cô giáo? Đứa thứ hai tuy không lặp lại lời cô giáo mà biết giở nón cúi đầu chào là nó đã áp dụng thực hành.

Cũng vậy, chúng ta là người tu theo Phật, nếu Phật dạy câu nào nghe câu đó, rồi đem áp dụng và tu đúng. Tuy không tụng kinh gõ mõ hằng ngày nhưng mình vẫn là người tu. Ngược lại gõ mõ tụng kinh liên miên, mà buông ra rồi thì Phật dạy một đàng làm một ngả, tuy nói tu mà chưa tu đúng. Đây là điều đức Phật đã nhắc tới nhắc lui cho chúng ta biết, nhưng lâu rồi chúng ta cũng hơi quên, nên hiểu lầm cho rằng gõ mõ tụng kinh nhiều là tu, mà quên thực hành đúng đắn theo lời Phật dạy.



II- PHẨM KHÔNG BUÔNG LUNG

21. Không buông lung đưa tới cõi bất tử, buông lung đưa tới đường tử sanh. Người không buông lung thì không chết, kẻ buông lung thì sống như cây ma.

Trước hết giải nghĩa chữ buông lung. Buông lung là thả trôi sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chạy theo sáu trần, hay nói cách khác là tìm kiếm mong mỏi hưởng thụ ngũ dục cho nhiều, đó gọi là buông lung. Người không buông lung thì tới cõi bất tử; người buông lung thì đi tới đường tử sanh. Người không buông lung thì không chết; kẻ buông lung thì sống như cây ma. Tại sao nói người buông lung thì sống như cây ma? Bởi vì nhiều người nghĩ thế này, nếu sống mà không dục lạc ở thế gian thì coi như sống vô vị. Nhưng ngược lại đức Phật dạy rằng, người buông lung chạy theo dục lạc thế gian, tuy thân còn sống nhưng chẳng khác nào như kẻ chết. Chủ yếu của đạo Phật dạy chúng ta sống là phải làm chủ tâm mình, đừng bị lệ thuộc vào ngoại cảnh, nếu bị ngoại cảnh chi phối nhiều thì đời sống của mình vô giá trị,

vì tuy thân hoạt động tới lui ăn nói... nhưng không có chủ đích, chẳng khác nào như thân chết. Người có quyền làm chủ không cho sáu căn buông lung chạy theo sáu trần, thì đời sống có giá trị, nên nói là người bất tử. Trong kinh A-hàm đức Phật thí dụ có một con khỉ ham ăn bị mắc bẫy, cả sáu bộ phận đều dính nhựa, hết cựa quậy, khi đó bị người thợ săn bắt đem về nhà. Cũng vậy, người buông lung sáu căn, chạy theo sáu trần thì sẽ bị ma ngũ dục lôi cuốn. Khi sáu căn không lệ thuộc vào sáu trần chúng ta mới hoạt động tự do.

Thí dụ một người học trò vốn say mê âm nhạc đang ngồi ôn bài thi, nghe nhà bên cạnh mở nhạc hay quá liền buông tập lắng nghe, bị âm thanh chi phối, không còn học bài được nữa. Nó đang học bài mà bị âm thanh chi phối nên mất quyền làm chủ, giống như thầy ma. Do đó đức Phật nói rằng người buông lung sáu căn thì sống như thầy ma. Người thế gian muốn hưởng nhiều dục lạc; trái lại người tu muốn chiến thắng được lòng mình, không bị dục vọng chi phối. Đây là điều khác nhau giữa người biết tu và người không biết tu.

22. Kẻ trí biết chắc điều ấy nên gắng làm chứ không buông lung, không buông lung thì đặng an vui trong cõi Thánh.

Người có trí tuệ biết chắc buông lung sẽ đưa tới chỗ chết, buông lung sẽ sống như thầy ma. Biết chắc điều đó rồi nên cố gắng làm chủ, hạn chế những tật xấu của mình. Vì không buông lung nên người trí tiến lên bậc Thánh, còn kẻ ngu càng buông lung thì càng sa đọa trầm luân. Cho nên muốn biết người tiến lên

bậc Thánh hiền hay trầm luân trong các đường xấu, thì chúng ta nhìn lại những hành động hằng ngày, buông lung theo dục lạc thì phải chìm đắm, chiến thắng được lòng mình thì thoát khỏi sự lôi cuốn của ác ma, và tiến dần lên cõi Thánh. Đó là một điều rất rõ ràng.

23. Nhờ kiên nhẫn dũng mãnh tu thiền định và giải thoát mà kẻ trí được an ổn chứng nhập vô thượng Niết-bàn.

Kinh nói muốn chứng được Niết-bàn thì phải trừ bốn ách, đó là dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách. Dục ách là sự tham dục; hữu ách là mê chấp ba cõi, kiến ách là tà kiến ác kiến; vô minh ách là sự mê mờ. Đức Phật dạy nhờ kiên nhẫn dũng mãnh, tu thiền định và giải thoát mà được chứng nhập vô thượng Niết-bàn. Như vậy thiền định và giải thoát thật là quan trọng. Nhờ tu thiền định mà được giải thoát.

Ở đây tôi không nói rộng tất cả các môn tu thiền định, mà chỉ nói tu thiền định trong phạm vi kinh A-hàm, tức là phương pháp tu chỉ quán. Chỉ là áp dụng phương pháp trụ tâm nơi chóp mũi hay rốn, nhờ tu chỉ mà tâm được an định. Quán tức là áp dụng phương pháp quán tứ niệm xứ, quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường v.v... ứng dụng những pháp quán như trên để tâm không chạy theo vọng tưởng, tâm an định rồi trí tuệ sáng suốt. Giải thoát là thoát khỏi bốn ách như đã nói ở trên. Người tu được an ổn là nhờ tu thiền định giải thoát và chứng Niết-bàn. Niết-bàn là tiếng Phạn, Hán dịch là vô sanh hay bất sanh, đạt được

Niết-bàn rồi thì không còn sanh tử nữa. Thí dụ hàng ngày tâm niệm của mình lăng xăng, ngồi lại không bao giờ yên, hết nghĩ cái này đến nghĩ cái khác, đó là chưa làm chủ được tâm. Tâm luôn luôn xao xuyên làm cho trí tuệ không sáng suốt, khi nào tâm hết xao xuyên thì trí tuệ mới sáng.

Thí dụ có người bận nhiều việc quá nên đầu óc bị chi phối, những vật mới để đây chút nữa quên lửng. Tối lại sửa soạn đi ngủ, nằm yên, chợt nhớ bữa nay bỏ quên vật này ở đâu, hay có những việc chưa làm v.v... nhờ vừa yên, quên những việc bận rộn nên tâm mới sáng suốt mà nhớ lại. Cũng như đứa học trò đang làm toán, nếu có bạn bè chạy tới đùa giỡn lăng xăng và rủ đi chơi, thì nó làm bài toán không được. Nếu muốn làm thì chờ không ai rủ đi đâu, ngồi yên một mình trong phòng, nghiệm lại làm mới ra.

Cho nên có nhiều người cứ than phiền rằng tại sao ban ngày lo làm công kia việc nọ, thấy tâm ít nhớ chuyện này chuyện kia, tối lại ngồi niệm Phật vài ba câu, hoặc ngồi tham thiền một chút thì nhớ đủ thứ? Tại vì ban ngày làm nhiều chuyện lăng xăng đâu còn thì giờ mà nhớ, tới tối mọi việc gác qua một bên, ngồi yên thì mới tỉnh táo để nhớ. Như vậy chứng minh rằng tâm lặng được một chút mới sáng. Cho nên chủ trương của đạo Phật là dạy mình phải lắng lặng tâm tư, bằng cách làm chủ toàn vẹn, nghĩa là khi tâm đầy niệm, mình liền biết và làm chủ được, đó gọi là người toàn thắng là người thật sống. Còn người bị tâm khiển cách nào theo

cách nấy là chưa làm chủ, chưa phải là người thắng được mình. Vì vậy nếu muốn đạt Niết-bàn vô sanh thì phải làm chủ được mình.

24. Không buông lung cố gắng hằng hái chánh niệm khắc kỷ theo tịnh hạnh, sinh hoạt đúng như pháp thì tiếng lành càng ngày càng tăng trưởng.

Người không buông lung là người biết kềm chế sáu căn của mình và cố gắng hằng hái chánh niệm. Niệm là nhớ, chánh là đúng đắn ngay thẳng. Chúng ta nhớ chuyện danh lợi, buồn phiền giận dữ v.v... như thế gọi là tà niệm. Nhớ thân này do nhân duyên hòa hợp không thật, tất cả sự vật ở thế gian vô thường... gọi là chánh niệm. Tóm lại nghĩ nhớ đúng lời Phật dạy gọi là chánh niệm; nghĩ nhớ những điều tội lỗi, sai lầm là tà niệm. Người biết tu lúc nào cũng phải chánh niệm, người dùng câu niệm Phật, người dùng phương pháp quán chiếu thân, người dùng trí quán sự vật bên ngoài là vô thường... quán chiếu đúng như pháp, gọi là chánh niệm. Suy nghĩ theo dục lạc của thế gian gọi là tà niệm. Khắc kỷ theo tịnh hạnh là hạn chế không để cho tâm buông lung theo dục lạc, không bị ô nhiễm bởi tham sân si. Sinh hoạt đúng như pháp là sống đúng với lẽ chân thật, làm gương tốt cho người khác và tiếng lành càng ngày càng đồn xa.

25. Bằng sự cố gắng hằng hái không buông lung tự khắc chế lấy mình mà kẻ trí tự tạo cho mình một hòn đảo chẳng có ngọn thủy triều nào nhận chìm được.

Người trí tạo cho mình một hòn đảo an toàn là chỉ cho người có sức tự chủ vững vàng, không bị ngoại cảnh chi phối, không ai lôi cuốn được mình, như hòn đảo không bị thủy triều nhận chìm. Không buông lung cố gắng vươn lên là tạo hòn đảo vững chắc, thủy triều ngũ dục sẽ không còn lôi cuốn được.

Thí dụ có nhiều người than phiền, còn sống ngoài đời mà phát tâm ăn chay trường thật khó quá, vì còn giao thiệp qua lại, bạn bè rủ rê tiệc tùng đủ thứ. Nhưng có nhiều người cũng làm việc và giao tế, mà vẫn ăn chay trường. Khi đã có lập trường thật vững thì chuyện xử sự tình cảm hay ân nghĩa qua lại vẫn làm, nhưng chuyện ăn uống là quyền cá nhân, không ai bắt buộc, dù có người rủ rê mời mọc, nhưng khẳng khái từ chối thì sau này họ không còn lôi kéo. Như ông Mai Thọ Truyền ăn chay trường mà cũng làm quan không có gì trở ngại. Quan trọng là cố gắng làm chủ được mình, như đã có hòn đảo an toàn thì ngọn thủy triều hết nhận chìm. Người lập trường chưa vững thì hay đổ thừa cho người khác; chiều theo bạn bè cho đó là xã giao lịch sự, không ngờ sau này bị lôi kéo. Cho nên mình phải có lập trường thật vững thì không bị người khác chi phối, như hòn đảo an toàn không bị thủy triều nhận chìm.

26. Người ám độn ngu si đắm chìm trong vòng buông lung, nhưng kẻ trí lại chăm giữ tâm mình không cho buông lung như anh nhà giàu chăm lo giữ cửa.

Người giàu thường ham của báu, nếu mất họ tiếc lắm cho nên ít khi nào dám bỏ nhà đi đâu, ai tới nhà

họ cạnh chừng không dám lơ lửng. Cũng vậy người trí chăm giữ tâm mình, không cho buông lung, mỗi một niệm dấy lên liền biết tốt hay xấu. Nếu tốt thì cho phát khởi, nếu xấu thì phải buông ngay. Người ngu si ám độn là kẻ buông lung, mặc tình tâm nghĩ gì thì chạy theo không kèm chế. Cho nên chúng ta học đạo, quan trọng là học phát huy trí tuệ, để biết làm chủ tâm mình.

27. Chớ nên đắm chìm theo buông lung, chớ nên say mê với dục lạc. Hãy nên tỉnh giác và tu thiền mới mong được đại an lạc.

Phật dạy không chạy theo buông lung, cũng không say mê dục lạc. Hãy luôn luôn tỉnh giác và cố gắng tu thiền, làm chủ tâm mình, mới mong được đại an lạc. Thành ra sự an vui lớn nhất của con người là hoàn toàn làm chủ được mình.

Như chúng ta đang bình thản, lúc đó thật an ổn. Nếu ra đường có người chọc tức, không làm chủ được nổi nóng la lên, lúc đó hết an ổn vui vẻ. Cho nên bình thường thì vui, nhưng gặp cảnh trái ý không làm chủ được thì khổ. Chỉ người nào hoàn toàn làm chủ, gặp cảnh nào cũng vẫn an nhiên không bực tức, người đó lúc nào cũng vui. Cho nên làm chủ được thì mới có niềm vui vĩnh cửu, còn chưa làm chủ được, nếu có vui cũng chỉ là vui tạm thời. Do đó người biết tỉnh giác tu thiền mới gọi là được đại an lạc.

28. Nhờ trừ hết buông lung, kẻ trí không còn lo sợ gì. Bậc Thánh hiền khi bước lên lầu trí tuệ

nhìn lại thấy rõ kẻ ngu si ôm nhiều lo sợ, chẳng khác nào khi lên được núi cao cúi nhìn lại muôn vật trên mặt đất.

Phật dạy, người nào hết buông lung thì không còn lo sợ. Người ngu si tâm buông lung muốn chạy đâu thì chạy, muốn đuổi theo cái gì thì đuổi, như thích gì ăn nấy, nhậu nhẹt say sưa, hại gan hại bao tử... Khi bị đau ốm thì tâm lo sợ, uống thuốc gì, có hết bệnh không, không biết mai mốt sẽ ra sao, lo hoài không dừng được. Người trí làm chủ tâm mình dứt được sự lo sợ, chẳng khác nào như người lên núi cao, nhìn xuống thấy người ta chạy ngược chạy xuôi thật đáng thương.

Tóm lại câu kinh này đức Phật chỉ rõ người trí là người biết tu, không còn buồn phiền lo sợ, sống an ổn, thấy kẻ ngu nhiều buồn phiền lo sợ bất an sanh lòng thương xót.

29. Tinh tấn giữa đám người buông lung, tỉnh táo giữa đám người mê ngủ, kẻ trí như con tuấn mã thẳng tiến, bỏ lại sau con ngựa gầy hèn.

Tinh tấn giữa đám người buông lung, tỉnh táo giữa đám người mê ngủ - mạnh mẽ vô cùng. Hiện giờ chúng ta là kẻ mê ngủ hay người tỉnh táo? Đa số tưởng mình là người tỉnh táo nhưng đâu biết mình đang ngủ mê. Đức Phật nói cuộc đời là giấc mộng, nhiều người không tin. Nếu người nào sống được sáu bảy mươi tuổi thì dễ tin điều đó. Nhìn lại đời mình, những sự việc đã qua chỉ là ảo ảnh mà thôi, nhất là khi hấp hối càng thấy rõ

cuộc đời là giấc mộng. Ở độ tuổi hai ba mươi, không hề thấy cuộc đời là giấc mộng, nên xông xáo giành giật hơn thua, làm đủ thứ chuyện.

Khi nằm mộng chúng ta thấy người vật sinh hoạt như thật, thức dậy mới biết nó là giả. Tại sao đức Phật nói cuộc đời này là mộng? Vì ngài đã vượt qua sanh tử và nhận được Niết-bàn vô sanh, mới thấy cuộc sống này ngắn ngủi. Nếu chúng ta đem cuộc sống ngắn ngủi sáu bảy chục năm so với Niết-bàn vô sanh mới thấy cuộc đời là mộng.

Tỉnh táo giữa đám người mê ngủ. Đám người mê ngủ có hai ý. Ý thứ nhất là chỉ những người say mê theo dục lạc, như say mê ma túy, không làm chủ cuộc sống mà dục lạc làm chủ họ, tuy thức cũng như ngủ mê. Ý thứ hai, cuộc đời không lâu dài mà tưởng lâu dài, đó là kẻ si mê. Tỉnh táo cũng có hai trường hợp, thứ nhất khi người say mê theo dục lạc mà mình vẫn tỉnh táo không theo; thứ hai, người ta cho cõi đời này là thật, nên tranh danh đoạt lợi, còn mình lại thấy rất tạm bợ huyễn hóa, không lâu dài. Biết như vậy gọi là người tỉnh táo, chiến thắng được ma ngũ dục, không còn bị chúng lôi kéo.

Kế đến người trí như con ngựa mạnh thẳng tiến bỏ lại sau con ngựa gầy hèn. Con ngựa gầy hèn là chỉ cho những người ngu, người ngu cứ đắm chìm trong dục lạc, vì buông lung nên bị bỏ lại đằng sau. Người trí đã chiến thắng được mình, tỉnh táo, vươn lên cho nên chẳng khác nào như con ngựa mạnh, vượt qua tất cả con ngựa yếu.

Chúng ta là người biết đạo lý lúc nào cũng phải nhớ mình là con tuấn mã, đừng nghĩ là con ngựa gầy, phải tỉnh táo giữa đám người đang mê ngủ. Nhớ lấy lời Phật dạy mà áp dụng trong cuộc sống, thì sẽ thấy mình có sức mạnh hơn những kẻ tầm thường.

30. Nhờ không buông lung, Ma-già lên làm chủ cõi chư thiên. Không buông lung luôn luôn được khen ngợi; buông lung luôn luôn bị khinh chê.

Nhờ không buông lung, Ma-già lên làm chủ cõi chư thiên. Ma-già là chỉ cho trời Đế-thích, làm vua trời nhờ không buông lung. Không buông lung nên được người trời khen ngợi, còn buông lung luôn luôn bị khinh chê.

31. Tỳ-kheo nào thường ưa không buông lung hoặc sợ thấy sự buông lung. Ta ví họ như ngọn lửa hồng đốt thiêu tất cả kiết sử từ lớn chí nhỏ.

Tỳ-kheo nào thường ưa không buông lung, cố gắng tinh tấn, hoặc sợ thấy sự buông lung, Phật ví họ như ngọn lửa hồng đốt thiêu tất cả kiết sử từ lớn chí nhỏ. Kiết là cột, sử là thúc đẩy. Kiết sử là phiền não trói buộc thúc đẩy chúng ta đi theo nghiệp xấu. Kiết sử nếu nói đủ thì có năm hoặc mười. Tham, sân, si, mạn, nghi là ngũ độn sử - năm thứ sai sử thâm kín ở trong. Thêm thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến nữa là mười. Năm thứ sau sai sử lanh lệ gọi là ngũ lợi sử. Thập sử này toàn là những thói xấu ở trong tâm chúng ta.

Một vị Tỳ-kheo sợ sự buông lung và không bao giờ ưa buông lung thì người đó chẳng khác nào đóng lửa

đốt hết tất cả kiết sử. Thí dụ chúng ta nhóm củi rồi châm lửa đốt, ngọn lửa cháy phừng phừng, lúc đó nếu có những mảnh vụn giẻ rách... quăng vô thì cháy tiêu hết. Cũng vậy, người một bề tinh tấn không bao giờ buông lung thì những thói xấu dở không chi phối được họ, chỉ có những kẻ lười nhác như lục bình trôi sông thì sẽ bị kiết sử cột trôi lôi cuốn. Người có sức mạnh của sự tinh tấn, không buông lung thì người đó sẽ chiến thắng tất cả tật xấu của mình.

32. Tỳ-kheo nào thường ưa không buông lung hoặc sợ thấy sự buông lung, ta biết họ là người gần tới Niết-bàn, nhất định không bị sa đọa dễ dàng như trước.

Trong câu 31 đức Phật dùng thí dụ ngọn lửa hồng phá tiêu tất cả kiết sử. Qua câu này đức Phật nói thẳng người không buông lung hay sợ sự buông lung, người đó gần tới Niết-bàn nhất định không bị sa đọa dễ dàng. Người tu chẳng khác nào người chèo thuyền ngược nước ngược sóng, nếu gác chèo ngủ thì bị sóng nước lôi ra biển. Muốn đừng bị lôi thì phải nỗ lực mới có thể tiến lên. Cũng vậy người tu hành lúc nào cũng cố gắng vươn lên không buông lung, tất nhiên người đó sớm muộn gì cũng tới chỗ an ổn không còn sanh tử. Ngược lại người nào cứ rề rà lôi thôi thì dễ bị sa đọa.



III- PHẨM TÂM

33. Tâm kẻ phàm phu thường dao động biến hóa rất khó chế phục gìn giữ. Nhưng kẻ trí lại chế phục tâm mình làm cho chánh trực một cách dễ dàng, như thợ khéo uốn nắn mũi tên.

Tâm phàm phu thường dao động mãi, nên nhiều người thói chí nói rằng mình không bao giờ làm chủ được nó. Thật ra trong khi tu tập ai cũng thấy tâm dao động vì còn nhiều duyên bên ngoài, như con cái, tiền của, sự nghiệp v.v... Lúc ngồi thiền, những hình ảnh âm thanh đã thấy nghe, những chuyện sinh hoạt hằng ngày liền sống lại. Nhìn thấy tâm lăng xăng vọng động khó kèm được. Vì vậy phải nỗ lực mượn những phương tiện như niệm Phật, đếm hơi thở hoặc dùng trí quán hay trì chú v.v... để điều phục tâm, chừng nào tâm yên rồi mới buông phương tiện. Nếu người nào bền chí nhẫn nại thì chế phục được. Đừng than rằng sao tu khó quá! Nếu cố gắng rồi thì sẽ tu được.

Còn người trí điều phục tâm dễ dàng như anh thợ khéo uốn nắn mũi tên, uốn đầu ngay đó. Tâm vừa chạy liền kéo lại được.

34. Như con cá bị quăng lên bờ, sợ sệt và vùng vẫy thế nào thì cũng như thế, các người hãy đem tâm lo sợ phấn đấu để mau thoát khỏi cảnh giới ác ma.

Những người câu cá ở sông hay lưới cá ở biển, lúc cá bị mắc lưới, nó giãy đành đạch, vùng vẫy muốn nhào trở lại xuống nước. Tại sao? Vì nó biết rằng lên khỏi nước thế nào cũng chết. Cũng thế, đức Phật nói chúng ta là người tu phải đem tâm lo sợ ác ma lôi cuốn, phải phấn đấu để thoát khỏi cảnh giới ác ma. Ở đây không phải lo sợ bệnh hoạn, hết tiền mà lo sợ ác ma tham, sân, si lôi mình, phá hoại tất cả công đức của mình. Cho nên tham, sân, si khởi lên thì phải điều phục ngay, buông ngay, chẳng khác nào như con cá phấn đấu để được trở lại nếp sống bình thường ở dưới nước.

35. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, dao động không dễ nắm bắt. Chỉ những người nào điều phục được tâm mới được an vui.

36. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục biến hóa u ẩn khó thấy nhưng người trí lại phòng hộ tâm mình và được yên vui nhờ tâm phòng hộ ấy.

Người phàm phu hằng ngày chạy theo ngũ dục, nên tâm dao động và biến hóa u ẩn khó thấy, khó điều phục. Thí dụ nếu tâm còn nặng về ngũ dục như người tham tiền của thì đi, đứng, nằm, ngồi chỉ nhớ chuyện

tiền của; người mua bán ngoài chợ, lúc nào cũng nghĩ chuyện mua bán, khách tới mua nhiều thì vui, gặp người trả giá không đúng hoặc trả rồi không mua, lại mua của người bên cạnh thì buồn và tức giận. Như vậy tâm biến từ trạng thái này qua trạng thái khác không lường được. Mới vui rồi chợt buồn, mới tham liền sân. Tham là muốn được người ta mua giúp mình, sân vì người ta không mua nên nổi giận. Tâm biến hóa uẩn rất khó khắc phục. Nếu biết khắc phục thì tâm sẽ thuần, muốn nghĩ gì thì nghĩ, không nghĩ thì thôi, như vậy là làm chủ được nó. Vì vậy người biết phòng hộ tâm mình, sẽ được yên vui nhờ cái tâm phòng hộ ấy.

Như khi có người làm mình bực tức thì biết và phòng hộ liền, đừng cho tâm sân dấy lên hay tìm nguyên nhân tại sao mình giận. Nhưng ở thế gian này hay than rằng tại sao tôi khổ, tôi buồn, đó là vì ít ai chịu phòng hộ tâm. Người biết tu, biết phòng hộ tâm thì càng tu càng vui vẻ, nếu người không biết tu thì càng tu càng buồn giận phiền não. Tóm lại, người trí thì luôn luôn phòng hộ tâm mình cho nên được yên vui.

37. Tâm phàm phu cứ lên lút đi một mình, đi rất xa, vô hình vô dạng như ẩn nấu hang sâu. Ai điều phục được tâm thì giải thoát khỏi vòng ma trói buộc.

Người biết tu chút ít sẽ thấy tâm mình lên đi hồi nào không hay. Thí dụ đang niệm Phật hay ngồi thiền, đáng lẽ là chỉ để tâm vào câu niệm Phật, đếm hơi thở. Nhưng đang ngồi thì nhớ chuyện năm trên năm dưới, giạt mình lại thì tâm đã đi hết năm mươi phút. Cho nên

đức Phật nói tâm lén lút đi một mình rất xa, như ẩn nấu hang sâu, có khi chỉ mười lăm phút mà không biết nó đi tới đâu. Ngồi thiền nửa tiếng mà đi mất mười lăm phút thì thôi còn gì!

Tâm thật là khó điều phục, vì nó vô hình vô dạng. Tìm thì không thấy, nếu lơ là nó chạy ra, cho nên tu tâm rất khó. Người luyện tập cơ thể, có thể nhào lộn dẻo dai, mới thấy thì cho là khó, nhưng sự thật còn dễ hơn luyện tập tâm. Tại sao? Vì có hình thức, tập mỗi ngày một chút lâu ngày thành quen. Còn tâm này không thấy ở đâu làm sao mà điều phục. Vì vậy đức Phật dạy chúng ta phải dùng một phương pháp để trị, như niệm Phật, thiền quán... là luôn kèm tâm trong một phạm vi, một khuôn khổ, như chiếc xe lửa chạy trên đường rầy, nếu trật đường rầy thì tai nạn.

Cho nên từ khi bắt đầu ngồi niệm Phật tới khi xả ra, chỉ biết câu niệm Phật thì mới là người điều phục được tâm. Nếu ngồi một lúc nhớ chuyện này chuyện kia, chạy như ngựa sai không kèm nổi, là chưa điều phục được tâm, tâm chưa thuần. Nếu người nào tâm đã thuần thực thì làm việc gì chỉ biết việc đó thôi, không nghĩ chen lẫn việc khác, nếu chen việc khác thì biết là chưa thuần. Phải bền chí lâu dài, vì tâm rất tế nhị, biến hóa không chừng. Đừng cho rằng điều phục tâm là khó rồi chán không tu. Tuy khó nhưng điều phục được thì sẽ thoát khỏi vòng ma trói buộc.

38. Người tâm không an định, không hiểu biết chánh pháp, không tin tâm kiên cố thì không thể thành tựu được trí tuệ cao siêu.

Nhiều Phật tử lầm tưởng rằng, quy y theo đạo Phật rồi, nửa tháng đi chùa lạy sám hối một lần là xong. Nhưng tu như vậy chỉ mới hiểu đạo Phật có một phần chưa nhằm vào đâu. Người Phật tử phải hiểu đạo Phật là đạo giác ngộ, người tu theo đạo Phật là người đi trên con đường giác ngộ. Muốn giác ngộ phải có trí tuệ cao siêu, cho nên Phật đưa ra ba điều kiện. Một là tâm an định, có định mới sanh trí tuệ. Hai là hiểu biết chánh pháp. Muốn hiểu chánh pháp thì phải học hiểu Phật pháp tức là có trí tuệ, có trí tuệ mới giác ngộ. Ba là tín tâm kiên cố, là tin Tam bảo một cách vững chắc.

Phật tử chỉ tin Tam bảo mà không áp dụng ba điều kiện trên thì không được, vì đó là ba điều kiện tối quan trọng. Sau khi quy y, quý thầy dạy chúng ta mỗi đêm niệm Phật mấy chục chuỗi hoặc tụng một thời kinh hoặc ngồi thiền nửa giờ, một giờ là tập cho tâm an định. Chúng ta biết thực tập như vậy gọi là biết áp dụng tu theo đạo Phật. Đồng thời chúng ta phải học hiểu kinh điển, nếu không trực tiếp học nhiều, ít ra chúng ta phải học gián tiếp qua lời giảng giải của chư tăng, ni để ứng dụng tu. Nếu chỉ biết quy y Tam bảo, đi chùa lạy Phật trong hai ngày sám hối, cho đó là Phật tử thì chưa đủ. Nên nhớ phải đủ ba điều kiện: tâm an định, học hiểu chánh pháp và niềm tin kiên cố, như vậy mới xứng đáng là người Phật tử.

39. Người tâm đã thanh tịnh không còn các điều hoặc loạn, vượt trên những nghiệp thiện ác thông thường là người giác ngộ chẳng sợ hãi.

Nhiều người nói tôi làm việc lành là tâm thanh tịnh, nếu làm việc xấu ác là tâm ô uế. Hiểu như vậy chưa đúng nghĩa thanh tịnh. Vì còn thiện còn ác nghĩa là còn tạo nghiệp hoặc loạn chưa hết thì chưa hoàn toàn thanh tịnh. Người tâm thanh tịnh là vượt lên trên thiện ác thông thường, mới gọi là người giác ngộ không sợ hãi. Tại sao phải vượt trên nghiệp thiện, nghiệp ác? Vượt trên nghiệp ác thì phải, nghiệp thiện tại sao cũng phải vượt? Đây là chỗ giác ngộ của bậc A-la-hán chứ không phải thường.

Chứng A-la-hán thì thiện nghiệp vô lậu đã viên mãn. Ác nghiệp và thiện nghiệp hữu lậu đã hết rồi, không còn tạo thêm nghiệp mới nữa. Tuy đạo quả viên mãn mà thường làm những việc lợi tha. Phật dạy nếu chúng ta tu bình thường, là tu để đời sau tái sinh trong những hoàn cảnh tốt, như ở thế gian thì được làm quan, làm người khá giả hoặc tiến hơn nữa là sanh ở cõi trời, gọi là tu nghiệp thiện hữu lậu. Nếu người tu chỉ mong sạch hết tất cả những vọng tưởng điên đảo trong tâm, không mong đời sau hưởng giàu sang trong nhân gian hay hưởng sung sướng cõi trời, mà chỉ mong thoát ly sanh tử, đó là nghiệp thiện vô lậu tức là thiện viên mãn.

Vô lậu, vô là không, lậu là lọt hay rớt. Người tu nhân vô lậu không còn rơi rớt ở trong vòng sanh tử của cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, cho nên gọi là vô lậu. Hữu lậu là còn rơi rớt lại, nghĩa là tu nghiệp thiện mong được quả báo sanh ở cõi trời cõi người, là còn rơi rớt trong vòng sanh tử, cho nên gọi là hữu lậu.

Tâm thanh tịnh là chỉ cho tâm vô lậu, dứt mọi hoặc loạn và vượt hết các nghiệp thiện nghiệp ác thông thường ở thế gian. Người như vậy là người giác ngộ và không còn sợ hãi. Phật thường nói khi sanh trong cõi đời, dù sang hay hèn chúng ta đều còn sợ hãi. Như người nghèo thì sợ thiếu ăn thiếu mặc, người giàu thì sợ trộm cướp tiền bạc, cho tới sợ đau sợ chết. Chỉ có bậc giác ngộ giải thoát hoàn toàn thì mới hết sợ hãi.

40. Hãy biết rằng thân này mong manh như đồ gốm và giam giữ tâm người như thành quách, người hãy đánh dẹp ma quân với thanh tuệ kiếm sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi, chứ đừng sanh tâm đắm trước.

Hãy biết rằng thân này mong manh như đồ gốm. Đồ gốm là chén, đĩa làm bằng sành, lỡ sẩy tay rớt xuống thì bể làm hai làm ba. Chúng ta đang khỏe mạnh, rủi có viên đạn vô tình bay xuyên vào tim thì ngã ra chết, một luồng gió độc thổi qua cũng chết, hoặc đi đường sẩy chân té bể đầu cũng chết. Còn thân này là còn sợ hãi, vì bất cứ lúc nào thân này cũng tan được, cũng chết được. Như món đồ gốm cầm trên tay còn nguyên vẹn, chỉ cần sơ ý làm rơi xuống thì tan nát thành những mảnh vụn. Nếu nghĩ đến cái chết thì phải nỗ lực tu hành, để cho thân vô dụng trở thành hữu ích.

Thân này giam giữ cái tâm chẳng khác nào như thành quách. Khi mang thân này thì chúng ta hài lòng, chấp thân này là của tôi, tất cả những cái hiểu biết là tâm tôi. Tâm đó hạn cuộc ở trong thân này. Như vậy

tâm mình chỉ hạn cuộc trong phạm vi tứ đại bốn năm sáu bảy chục ký này thôi.

Phật dạy tâm không phải chùng đó, mà rộng lớn mênh mông. Phá được ràng buộc của thân, bằng cách tu giải thoát thì tâm đồng với trời đất, chứ không còn hạn cuộc nhỏ nhen. Lúc đó mới thấy tuổi thọ của mình vô lượng vô biên.

“Ở Nhật Bản có một thiền sư hỏi vị tăng:

- Thầy tu pháp môn nào?
- Tôi tu pháp môn Tịnh độ.

Thiền sư liền hỏi:

- Phật Di-đà bao nhiêu tuổi?

Tăng trả lời:

- Bằng tuổi của tôi.

Thiền sư hỏi:

- Năm nay Thầy bao nhiêu tuổi?
- Bằng tuổi Phật A-di-đà.”

Theo định nghĩa thì A-di-đà là vô lượng thọ, như vậy tuổi thọ của Phật A-di-đà vô lượng vô biên. Tại sao vị tăng này dám cả gan nói bằng tuổi Phật A-di-đà? Chính chỗ này chúng ta đọc trong kinh Pháp Hoa thì mới hiểu. Kinh nói Phật Thích-ca tám mươi tuổi; các Bồ-tát từ đất vọt lên đông quá sức, người nào người nấy râu tóc bạc phơ. Các đệ tử thừa chúng con chưa từng thấy biết mấy vị này. Phật nói, đó là đệ tử của ta, ta hóa đạo

độ được. Nếu không hiểu, tưởng đức Phật Thích-ca tuổi thọ chỉ tám mươi tuổi, còn hiểu như vị sư này thì đức Phật Thích-ca bằng tuổi Phật A-di-đà. Người giải thoát thì tuổi thọ không còn hạn lượng mấy mươi năm theo thời gian. Nếu tu mà thoát khỏi dòng sanh tử thì tuổi thọ của chúng ta vô lượng vô biên bằng tuổi của Phật A-di-đà. Và thân này cũng vô biên vô lượng, chứ không phải hạn cuộc mấy chục ký lô.

Thí dụ một cái bình tròn hoặc vuông, nhìn thấy trong bình có khoảng hư không. Khi đó hư không bị hạn chế trong phạm vi vuông tròn. Nếu bình vỡ thì hư không không còn bị hạn chế. Thấy hư không vuông tròn là cái nhìn bị hạn cuộc ở trong hình thức. Cũng như tâm chúng ta, nếu bị hạn chế trong thân này thì nói tâm bằng thân. Nếu hạn chế trong thân trời thì bằng thân trời. Thân dù nhỏ hay lớn đều là thành quách giam hãm tâm mình, chứ không phải tâm có chừng hạn.

Kế đến Phật dạy, người hãy đánh dẹp ma quân với thanh kiếm trí tuệ sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi. Thí dụ có một người đi trên đường vắng, nhìn thấy cái bóp, lượm lên mở ra coi, thấy trong bóp có tiền, vàng. Những món đồ quý bỗng dưng nằm trong tay mình, lúc ấy lòng tham khởi lên. Nếu không dùng tuệ kiếm mà trừ, thì người đó sẽ bỏ bóp vô túi. Mai mốt nếu công an truy ra, biết mình giữ món đồ đó, bắt bỏ tù. Đó là tại ma tham xúi dục. Nếu khi vừa thấy của người liền dùng trí tuệ mà xét, tiền bạc của báu, thân này đều vô thường, tại sao lại tham. Nghĩ như thế chắc không

bỏ vào túi, trả lại cho người hoặc để lại đây hay tử tế đem giao cảnh sát cho chủ tới nhận, như vậy là thắng được ma tham.

Ai cũng có kiếm trí tuệ mà vì quên, không đem ra dùng thì bị ma ám ảnh. Nếu biết dùng, khi ma dấy lên liền dùng kiếm tuệ dẹp trừ thì nó không làm gì được. Cho nên nói hãy đánh dẹp ma quân với thanh kiếm tuệ sẵn có của mình và nắm giữ phần thắng lợi. Đó là lời Phật dạy rất cần yếu, chúng ta phải luôn luôn áp dụng.

41. Thân này thật là ngắn ngủi, nó sẽ ngủ một giấc dài dưới ba thước đất, vô ý thức bị vất bỏ, như khúc cây khô vô dụng.

Vị nào sáu mươi tuổi trở lên nhìn lại lúc mình còn trẻ khoẻ, bây giờ đầu bạc răng long, thấy cuộc đời thật là ngắn ngủi vô thường. Thân này sẽ ngủ một giấc ngủ dài dưới ba thước đất. Hôm nào chui vô quan tài nằm thẳng, rồi người ta liệm luôn không bao giờ ngóc đầu trời dậy, không còn biết gì hết, bị vất bỏ như khúc cây khô vô dụng.

Nếu nhìn thi thể những người lính tử trận chưa được thân nhân lãnh về, mới thấy thân này như khúc cây. Khi còn hơi thở hơi ấm, còn nói năng thì thấy mình còn giá trị. Hết hơi thở hơi ấm và hết nói năng thì như khúc cây, không có gì quan trọng. Luôn luôn ý thức như vậy thì tất cả những tranh chấp hơn thua, oán thù, hờn giận, vui buồn, thương ghét v.v... không còn xâm chiếm được mình. Những vị sư ở các nước Phật giáo Nguyên thủy, lúc Phật tử tới giờ

hấp hối, thỉnh các ngài đến, các ngài thường tụng câu Pháp cú này bằng tiếng Pali - *Thân này thật là ngắn ngủi, nó sẽ ngủ một giấc dài dưới ba thước đất, vô ý thức bị vất bỏ, như khúc cây khô vô dụng, để nhắc Phật tử, nhưng cũng ít người thức tỉnh. Cứ thấy mình quan trọng rồi hơn thua phải quấy đủ thứ. Nếu ai cũng nhớ thân này thật ngắn ngủi thì sẽ tỉnh giác và lo tu hành.*

42. Cái hại của kẻ thù gây ra cho kẻ thù hay của oan gia đối với oan gia, cũng không bằng cái hại của tâm niệm hướng về hành vi tà ác gây ra cho mình.

Người đời khi thù nhau, họ có thể giết nhau. Gây thù hận với ai, người đó sẽ đem thù hận trả lại, đó là cái hại lớn lao. Nhưng Phật nói tâm niệm hướng về hành vi tà ác, nghĩ những điều sai quấy còn nguy hiểm hơn. Tại sao? Thí dụ mình sống tám mươi tuổi mà lúc năm mươi tuổi bị giết, họ chỉ đoạn cái mạng sống của mình trước ba mươi năm. Còn hành vi tà ác của tâm niệm dẫn mình đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thời gian rất dài. So ra thì cái nào dài cái nào ngắn? Kinh thường nói, những người bị đọa địa ngục Vô gián chịu khổ liên miên không biết bao giờ hết. Vì vậy hành vi tà ác làm cho mình đau khổ dai dẳng hơn kẻ thù hại mình trong kiếp sống hiện tại.

Phật dạy người tu hành biết đạo lý sợ tâm niệm hướng về hành vi tà ác hơn là sợ người ta thù ghét mình. Sợ dĩ người ta thù ghét, tại vì mình có những hành vi

tà ác. Đó là một lẽ thật. Cứ sợ người này người kia giận hại mình, mà không sợ mình nghĩ xấu nghĩ ác, đó là sợ quả mà không sợ nhân. Người biết tu sợ nhân chứ không sợ quả, nhân xấu không gây thì quả xấu làm gì có. Người không biết tu chỉ muốn chuyển quả, đó là quan niệm sai lầm. Vì vậy lúc nào chúng ta cũng giữ gìn tâm niệm, đừng cho nó hướng về hành vi tà ác thì tránh được tất cả những quả báo đau khổ của hiện tại và vị lai.

43. Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào khác làm, nhưng chính tâm niệm hướng về hành vi chánh thiện, làm cho mình cao thượng hơn.

Người tu hành muốn trở thành người tốt mà không chịu tự sửa tâm, chỉ muốn trông cậy vào người khác, đó là sai lầm. Nếu tu đúng thì phải tự sửa tâm niệm của mình. Chính tâm niệm làm cho chúng ta được an lạc hay khổ đau. Không phải cha mẹ, bà con, anh em làm cho chúng ta trở thành người truy lạc, hư hỏng, mà chính những tâm niệm hướng về hành vi xấu ác làm cho chúng ta hư hỏng. Trở thành hay hoặc dở cũng do mình. Biết vậy rồi không nên hướng tâm về hành vi tà ác, mà hướng về hành vi chân chánh cao thượng.



IV- PHẨM HOA

44. Ai chinh phục được Địa giới, Diêm-ma giới, Thiên giới và ai khéo giảng nói Pháp cú như tay thợ khéo nhất tràng hoa?

Địa giới là chỉ cho tự thân của mình. Diêm-ma giới là chỉ cho những cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Thiên giới là chỉ cho các cõi trời. Như vậy người nào chinh phục được Địa giới, Diêm-ma giới, Thiên giới, và người hay khéo giảng được Pháp cú như tay thợ khéo nhất hoa làm tràng. Đây chỉ là câu hỏi đến câu thứ 45 mới là câu đáp.

45. Bậc hữu học chinh phục Địa giới, Diêm-ma giới, Thiên giới và khéo giảng nói Pháp cú như tay thợ khéo nhất hoa làm tràng.

Trong nhà Phật có chia ra bậc hữu học và vô học. Căn cứ vào bốn quả Thanh văn là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán, ba quả đầu gọi là hàng hữu học,

đến quả thứ tư gọi là vô học. Cho nên những người mới chứng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm thì gọi là hàng hữu học. Như vậy chỉ có những bậc hữu học mới chinh phục được Địa giới, Diêm-ma giới, Thiên giới và khéo giảng nói Pháp cú như anh thợ khéo tay nhặt hoa làm tràng.

46. Hãy biết thân này như bọt nổi rõ ràng là pháp huyễn hóa, để bẻ gãy mũi tên cám dỗ của bọn ma quân mà thoát ngoài vòng dòn ngó của tử thần.

Chúng ta ra sông, ra biển thấy có những chùm bọt nổi phập phều trôi trên mặt nước, chúng có bền chắc không? Rõ ràng là huyễn hóa không bền chắc. Một trận gió thổi đến hay một cơn sóng tạt qua liền tan rã. Cũng thế, nếu người nào biết được thân này huyễn hóa như bọt nổi, thì người đó đã bẻ gãy mũi tên cám dỗ của bọn ma quân, không bị năm dục cám dỗ và thoát khỏi sự dòn ngó của tử thần.

Trong kinh A-hàm đức Phật dùng thí dụ, có một bầy khỉ ở trên cây bần ngoài mé sông. Một hôm sóng gió nhiều, một đồng bọt thật to gần bằng cái nhà lầu trôi ngang qua. Trên cây nhìn xuống, bầy khỉ lầm tưởng là nhà lầu đẹp. Con thứ nhất buông tay rơi xuống bị chìm. Con thứ hai cho rằng con khỉ kia an ổn nên buông tay theo. Một hồi thì cả bầy khỉ bị chết chìm. Hòn bọt mà tưởng nhà lầu, cho nên cả bầy khỉ đều phải chết đuối. Cũng vậy, thân này chẳng khác nào như bọt nổi, mà chúng ta tưởng là thật, cứ sống quay cuồng trong thế gian rồi chết, liên miên trong vòng sanh tử, tử sanh

không bao giờ hết. Nếu thức tỉnh biết thân này là giả, tu hạnh giải thoát thì không còn tạo nghiệp và thoát ngoài vòng dòn ngó của tử thần.

Tóm lại, Phật dạy người nào hiểu được thân này là huyễn hóa như bọt, như bóng thì người đó giải thoát. Người nào thấy thân này thật thì dễ bị tử thần lôi kéo hết đời này tới đời khác.

47. Như nước lũ cuốn phăng những xóm làng say ngủ giữa đêm trường. Tử thần sẽ lôi phăng đi những người mê muội sanh tâm ái trước những bông hoa mình vừa góp nhặt được.

Như nước lũ cuốn phăng những xóm làng say ngủ trong đêm trường, không còn sót lại cái gì. Cũng vậy tử thần sẽ lôi đi những người mê muội sanh tâm ái trước những bông hoa mình vừa góp nhặt được. Câu này đánh thức mạnh mẽ những người đang đắm nhiễm trong những sở hữu của mình, luôn nghĩ về của cải vật chất do mồ hôi nước mắt của mình tạo ra, họ sẽ bị tử thần lôi đi. Những bông hoa là chỉ cảnh dục lạc ở thế gian. Thí dụ chiếc xe hơi mình vừa sắm được là một bông hoa. Nhà lầu xây được là một bông hoa v.v... những vật sắm được thì cố giữ và luôn lo sợ mất mát. Một ngày nào đó sự nghiệp để lại hết thế gian, còn mình thì bị tử thần lôi đi như những làng xóm bị một cơn nước lũ cuốn. Hình ảnh này ở miền Trung thì dễ thấy lắm. Những xóm làng nơi vùng trũng thấp, khi có cơn mưa lớn, nước trên núi đổ dồn xuống thành lũ to, cuốn phăng làng xóm đi mà người ta không kịp hay. Sức mạnh của tử thần

lôi chúng ta đi, tất cả những sở hữu sẽ không mang theo được cũng như thế. Cho nên đừng sanh tâm ái trước mà phải tu để giải thoát.

48. Cứ sanh tâm ái trước và tham luyến mãi không chán những bông hoa mà mình vừa góp nhặt được. Đó chính là cơ hội tốt cho tử thần lôi đi.

Nếu thái tử Tất-đạt-đa yêu mến ngai vàng, những cung điện sang quý, yêu mến vợ đẹp con xinh v.v... thì ngài đã bị tử thần lôi đi từ kiếp này đến kiếp khác. Sở dĩ ngài thành Phật, giải thoát cho mình đồng thời cứu khổ cho chúng sanh, là bởi ngài không đắm mến những của cải vật chất mà mình có được, mới xả hết tất cả những nghiệp xấu đang ràng buộc, lôi cuốn mình trong lục đạo sanh tử luân hồi. Người nào bớt tâm ái trước thì biết cuộc sống tạm bợ, thân này nay còn mai mất, sự nghiệp không có gì bền chắc lâu dài, cố gắng dứt lòng tham luyến ái trước những sở hữu của mình, thì người ấy tu hành tiến bộ một cách dễ dàng.

49. Hàng Sa-môn đi trong xóm làng để khát thực ví như con ong đi kiếm hoa, chỉ lấy mật rồi đi chứ không làm tổn thương về hương sắc.

Sa-môn là chỉ cho những người xuất gia, hằng ngày đi vào xóm làng khát thực, thí như ong hút nhụy hoa một tí rồi bay đi, chứ không làm cho bông hoa khô héo. Người tu hành thọ nhận sự cúng dường của Phật tử một cách nhẹ nhàng, đừng đòi hỏi quá đáng làm mất niềm tin của họ, chỉ vay mượn một ít tạm sống qua ngày

để tu, đừng làm cho họ bị tổn thương. Như vậy mới xứng đáng là người tu, đúng với tinh thần của người khát thực. Thấy Phật tử hoan hỷ cúng dường rồi tới xin hoài, xin riết rồi làm cho họ chán sợ, đó không phải tinh thần của người xuất gia. Phải biết đủ, người giúp mình một chút ít đã thấy quý trọng, đừng đòi hỏi quá đáng làm mất tín tâm của Phật tử.

50. Chớ nên dòm ngó lỗi người, chớ nên dòm coi họ đã làm gì hay không làm gì? Chỉ nên ngó lại hành động của mình, thử đã làm được gì và chưa làm được gì?

Phật dạy chỉ thấy lỗi và xem lại hành động của mình, không nên dòm ngó lỗi lầm và những hành động của người khác. Lâu nay chúng ta có cái bệnh là thấy lỗi người mà không thấy lỗi mình. Người nào làm sai mình thấy dễ lắm, còn mình làm sai thì không thấy. Cho nên phiền người này, trách người kia, giận người nọ, sanh ra ngã mạn hoặc hiểu lầm. Thấy người xấu dở, quên rằng chúng ta còn dở xấu hơn họ gấp nhiều lần mà không biết, rồi lại khinh khi hoặc kiếm chuyện gây gổ với người ta và sanh tâm phiền não.

Muốn dứt trừ phiền não thì chúng ta đừng dòm ngó lỗi người, đừng xem họ làm gì hay không làm gì, mà phải nhìn lại mình xem đã làm được gì hay chưa làm được gì. Tự biết tất cả những tâm niệm hành động của mình, đó là tinh thần tự giác tự tỉnh. Nếu chúng ta không biết đã làm gì, nghĩ gì thì không bao giờ biết tu. Làm quấy không biết, làm phải không hay thì

không bao giờ sửa đổi và tiến bộ. Phải nhìn lại tâm niệm, hành động của mình tốt hay xấu, biết kiểm soát tâm niệm hành động của mình, là người tự giác đúng với tinh thần của đạo Phật.

Điều này mới nghe qua tưởng như đức Phật dạy mình ích kỷ. Cả ngày chỉ biết nhìn lại mình, còn ai làm gì thì mặc họ. Nếu trong xã hội, người nào cũng chỉ nhìn lại mình thì không ai dạy bảo, xây dựng cho ai. Nhưng thử hỏi, nếu mỗi người trong gia đình đều biết xét tâm niệm, hành động của mình tốt hay xấu, biết xấu thì bỏ, tốt thì làm, vậy có cần ai nhắc nhở ai hay không? Nếu biết phản tỉnh thì không cần người khác nhắc nhở mình. Mỗi người đều biết tự giác tự tỉnh thì đó là một cảnh thiên đường. Từ cha mẹ đến con cái, sống đúng với tinh thần đạo Phật, chắc chắn gia đình đó trong ngoài đều êm ấm vui vẻ.

Đến phạm vi xã hội. Xã hội tốt đẹp là do nhiều cá nhân hợp lại thành. Nếu mỗi cá nhân đều biết tự tỉnh, tự giác thì xã hội đó rất tốt đẹp. Như vậy có cần giáo dục người trong xã hội đó hay không? Chắc là không. Người ta tưởng rằng nói dạy, la rầy, nhắc nhở thì gọi đó là giáo dục. Nếu làm thính không nói, không dạy thì cho là không giáo dục. Nhưng không phải vậy, Phật dạy giáo dục có hai phương diện, một là khẩu giáo là dùng miệng nhắc nhở răn dạy, hai là thân giáo là giáo dục bằng hành động, bằng cách sống chứ không phải bằng ngôn ngữ. Tuy không dạy người, mà chỉ đem cái gương tốt để người thấy bắt chước, đó gọi là giáo dục.

Giáo dục ngày nay sử dụng phần ngôn ngữ quá nhiều. Như thầy giáo dạy học trò đừng hút thuốc mà ông thầy lại hút thuốc gấp hai. Dạy một đàn mà làm một ngả, bị học trò khinh khi, rồi trách học trò vô phép, nhưng tại dạy người mà mình làm không đúng, nên bị xem thường. Cho nên giáo dục bằng lời nói mà không làm thì không có tác dụng. Ngược lại, những người có tinh thần siêu thoát, thì giáo dục bằng nếp sống, hành động hằng ngày, biết làm điều tốt lành, luôn tránh những điều xấu ác thì người xung quanh sẽ theo gương đó. Thành ra thấy như không dạy câu nào hết, mà dạy rất nhiều.

Cho nên chủ trương của đạo Phật là phải có khẩu giáo và thân giáo. Đối với những người còn thấp thỏi cần nên dùng lời nói để dạy thì cũng nên dạy. Có những trường hợp không cần dùng lời, mà mình sống đúng đạo lý để người khác nương theo trở thành người tốt, tuy thấy như ích kỷ mà không phải ích kỷ.

Phật dạy tự lợi lợi tha, tuy chia hai nhưng sự thật trong tự lợi đã có lợi tha. Trong lợi tha đã có tự lợi. Như cả ngày chỉ nhìn lại tâm niệm và hành động của mình coi như là tự lợi. Nhưng khi sống đúng đạo lý, những người xung quanh thấy gương tốt họ bắt chước, đó là lợi tha. Hơn nữa tránh những tâm niệm xấu và những hành động gây đau khổ cho người cũng là lợi tha. Chúng ta mang bệnh trầm kha lâu đời khó trị, là bệnh thấy lỗi người mà quên lỗi mình. Cho nên, đức Phật phải dùng phương thuốc mạnh, ngài bảo phải nhìn lại mình

đừng nhìn người ta làm chi. Đó là một phương pháp tu hành đúng với tinh thần tự giác, tự ngộ của đạo Phật.

51. Như thứ hoa tươi đẹp chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có hương thơm. Những người chỉ biết nói điều lành mà không làm điều lành, chẳng đem lại ích lợi.

Người nào miệng chỉ nói điều lành, điều tốt mà không làm, người đó chẳng khác nào như hoa có sắc mà không hương. Người chỉ nói điều lành mà không làm thì tốt hay xấu? Nếu nói xấu thì quá khắt khe. Tuy họ không làm lành mà miệng nói dữ thì mới thật là xấu, miệng biết nói lành thì cũng tốt. Chẳng khác nào bông hoa tuy không hương nhưng có sắc, như hoa giấy nhìn cũng đẹp mắt, chứ đâu đến nỗi nào. Tóm lại, người chưa làm điều lành mà biết nói điều lành, tuy chưa phải là toàn vẹn nhưng cũng đáng khen. Vì vậy cho nên đến câu thứ 52 Phật dạy thêm.

52. Như thứ hoa tươi đẹp vừa có màu sắc lại có hương thơm, những người nói điều lành và làm được điều lành sẽ đem lại kết quả tốt.

Qua câu này đức Phật mới chỉ cho chúng ta chỗ toàn vẹn. Nghĩa là vừa nói và thực hành những điều lành. Chẳng khác nào như thứ hoa đẹp vừa có sắc lại vừa có hương, thì ai cũng quý. Người biết nói điều lành, làm điều lành thì sẽ được mọi người quý trọng.

53. Như từ đồng hoa có thể làm nên nhiều tràng hoa. Từ nơi thân người có thể tạo nên nhiều việc thiện.

Chúng ta ra chợ mua một rổ hoa lài về đồ đồng, rồi xâu lại thành năm mươi tràng để cúng Phật. Như vậy một đồng hoa có đủ khả năng để làm nhiều tràng hoa. Cũng thế, thân này có đủ khả năng làm nhiều việc thiện. Nhưng có người không hiểu, khi bị quan đem hủy hoại thân mình, chẳng khác nào người được của báu mà bỏ đi rất đáng tiếc.

Phật nói chính thân này làm được nhiều việc thiện. Nhiều người thắc mắc, người giàu có nhiều tiền bạc và thế lực thì mới làm được. Người nghèo thân trở trọi, không tiền bạc, sáng lo buổi sáng, chiều lo buổi chiều, thì giờ, tiền bạc đâu mà làm việc thiện?

Chúng ta đừng quan niệm việc thiện là phải xuất bạc triệu, làm những việc to tát. Thí dụ như có người sắp chết mình cứu họ sống lại mới gọi là việc thiện, còn thấy con kiến rớt xuống nước thì mặc kệ, vì nó nhỏ xíu không đáng kể. Những việc nhỏ không bao giờ nghĩ tới, không bao giờ làm, rồi than phiền tôi đâu có khả năng làm việc thiện!

Nhưng làm việc thiện thì bất cứ việc lớn nhỏ đều làm được. Như thấy người ta khổ mình không có tiền cho, không có gì giúp đỡ, mà khởi lòng thương là một tâm niệm lành. Hoặc là vớt một con kiến rơi xuống nước, gửi một tâm niệm lành cho người đang đau khổ, an ủi người hoạn nạn neo đơn, đem sức mạnh giúp người yếu đuối, dẫn đưa bé lạc đường đưa về nhà v.v... Đó là những việc thiện, không tốn hao tiền của, chỉ có

chút công thôi, người nào cũng làm được, việc đó có tốn hao gì đâu. Chỉ ngại chúng ta sợ nhọc muốn từ chối. Cho tới một việc rất gần, như đi nghe kinh mà người khác chưa hiểu biết đạo lý, chúng ta khuyên họ đi nghe kinh, đó cũng là một việc thiện. Như vậy tất cả những việc làm xuất phát từ lòng thương chân thật đem an vui đến cho mọi người đều là việc thiện.

54. Mùi hương của các thứ hoa, dù là hoa chiêm-đàn, hoa đa-già-la, hay hoa mật-lợi, đều không thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh của người chân chính, tuy ngược gió vẫn bay khắp cả muôn phương.

Các loài hoa quý cũng chỉ tỏa hương theo chiều gió, chứ không có khả năng bay ngược gió. Chỉ mùi hương đạo đức chân thật mới bay ngược gió và tỏa khắp cả muôn phương. Cho nên trong nhà Phật luôn luôn chú trọng tới đức hạnh. Đến giờ tụng kinh, chư tăng ni hoặc chủ lễ cầu nguyện thì thắp ba cây hương nguyện rằng: *Giới hương, định hương, dĩ tuệ hương, giải thoát, giải thoát tri kiến hương v.v...* đó là những thứ hương mà nhà Phật chú trọng. Còn hương thơm từ cây nhang tỏa ra là tầm thường không quan trọng. Cho nên Phật tử chú trọng trau dồi đức hạnh, huân tu giới định tuệ và hướng đến giải thoát, đó mới thật là người tu chân chánh. Ở đây, đức Phật chỉ cho chúng ta thấy các loài hoa quý, như hoa chiêm-đàn, hoa đa-già-la, hoa mật-lợi là những thứ hoa thơm nhất ở Ấn Độ, mà mùi thơm của chúng không thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh

mới bay khắp muôn phương. Cho nên chúng ta cố gắng tu hành, để thành tựu đức hạnh và giới định tuệ mới gọi là cao quý.

Ngày xưa, có một vị Sa-di mặc y phẩn tảo mà đức hạnh thật thanh tịnh. Mỗi khi ngài giặt y, chư thiên và các vị sơn thần đến mức nước uống. Nước giặt y đó sạch hay dơ? Nước mờ hôi! Nhưng sở dĩ người ta quý là tại đức hạnh của ngài quá cao. Y chúng ta bây giờ có ướp dầu thơm phức để giặt, chắc gì thiên thần đến mức nước uống. Vì đối với mình thì thơm, nhưng thiên thần thấy hôi. Các ngài quý mùi hương đức hạnh, chứ không phải quý mùi dầu thơm của trần tục. Cho nên người tu có đức hạnh thì dù ở nơi nào người ta cũng đều biết đến và chư thiên chư thần đều quý kính.

55. Hương chiên-đàn, hương đa-già-la, hương bạt-tát-kỳ, hương thanh liên. Trong tất cả thứ hương chỉ thứ hương đức hạnh là hơn cả.

56. Hương chiên-đàn, hương đa-già-la đều là thứ hương vi diệu, nhưng không sánh bằng hương người đức hạnh xông ngát tận chư thiên.

Như trên đã nói, vì chư thiên quý kính người đức hạnh, còn tất cả những mùi thơm trong thế gian này đối với chư thiên, thiên thần đều không quý.

57. Người nào thành tựu các giới hạnh, hằng ngày chẳng buông lung, an trụ trong chánh trí và giải thoát, thì ác ma không thể dòm ngó được.

Người nào có đủ bốn điều kiện, một là giới hạnh, hai là không buông lung, ba là chánh trí, bốn là giải thoát thì ác ma không thể dòm ngó được.

1. Giới hạnh, như người cư sĩ tại gia thọ năm giới, thì giữ đúng năm giới, gọi là giới hạnh trong sạch.

2. Không buông lung, hằng ngày biết kiểm điểm tâm niệm, hành động, ngôn ngữ của mình, không cho chạy theo ngoại cảnh, hạn chế tâm ở trong phạm vi thiện lành đạo đức.

3. An trụ trong chánh trí, chánh trí là trí chân chánh. Ở thế gian người nào lanh lợi khôn ngoan thì đó là người trí, nhưng đối với đạo, người trí là người biết cái nào tà ác thì chừa, chánh thiện thì làm theo, đó gọi là trí chân chánh. Người khôn ngoan lừa bịp kẻ khác, cái đó đối với đạo Phật không gọi là trí mà gọi là gian ngụy tà ác.

4. Giải thoát là không bị trói buộc trong vòng danh lợi tài sắc, hay nói cách khác đối với ngũ dục, sáu trần không bị nó chi phối, thì gọi là giải thoát.

Người có đủ bốn điều kiện như vậy ác ma không thể nào dòm ngó được.

“Vào thế kỷ thứ mười đời Tống, thiền sư Tụ Bảo ở núi Vân Cư, từ khi xuất gia tu hành, giữ giới luật thật là thanh tịnh và tu theo hạnh đầu-đà. Một hôm có duyên sự ngài chống gậy xuống núi, dọc đường gặp mấy chú lính đi dẹp đường để dân chúng tránh qua hai bên cho xe quan huyện đi. Thấy ngài, họ nạt lớn, bắt tránh qua

một bên, ngài cũng tránh qua. Ngựa kéo xe quan huyện vừa đi ngang ngài, nó liền mọp xuống đất không dám đi nữa. Lúc đó ngài nói:

- Súc sanh mà cũng biết lễ phép.

Nghe ngài nói vậy, quan huyện biết ngài là một hòa thượng đức hạnh, nên ông bước xuống xe đánh lễ ngài, sau đó ngựa mới chịu đi. Súc sanh mà thấy người đức hạnh còn biết kính trọng.

Một hôm ngài đang ở sân chùa, có một số sơn thần tới làm kiệu, kiệu ngài đi quanh chùa một vòng. Ngài nói: - Thôi các người trở về chỗ cũ.

Các sơn thần để ngài xuống rồi biến mất. Đức hạnh của ngài khiến cho chư thiên, sơn thần kính trọng như thế, mà các vị này kính trọng thì ác ma làm gì dám dòm ngó. Chúng ta sợ dĩ bị ma dòm ngó rồi xâm chiếm, xúi chuyện này, giục chuyện kia, làm cho mình điều đứng, là tại thiếu bốn điều kiện này: Không giới hạnh, buông lung, không ở trong chánh trí, và không tập tu giải thoát. Nếu đủ những điều kiện trên thì nó không bao giờ làm hại được mình. Đó là những điều hết sức rõ ràng”.

Tôi dẫn thêm chuyện. “Một vị thiền sư đời Đường, hiệu là Đả Lung Trụy (hay là Phá Táo Đọa). Đả là đánh, Lung là cái khám thờ, Trụy tức là ngã, bể. Một hôm ngài đi qua một miếu trong làng, miếu thờ một vị thần rất linh, cho nên người ta làm heo, gà cúng tế liên miên. Ngài đi thẳng vô trong miếu, cầm gậy gõ lên khám thờ nói:

- Bài vị này là do đất nước gió lửa hợp thành, nó không thật mà bám vào đây để nhiều hại dân chúng.

Nói xong ngài đập một cái bể nát khám thờ. Thử tưởng tượng vị thần đó sẽ xử sự với ngài ra sao? Chắc sẽ làm ngài hộc máu mà chết?

Nhưng ngược lại mấy hôm sau, ngài dạo núi thành lình thấy một người mặc đồ xanh, đội mũ tràng hoàng đến quỳ trước mặt. Thấy lạ ngài hỏi:

- Ông là người gì mà quỳ ở đây?

- Bạch Hòa thượng con là người thọ ơn của Hòa thượng, đến đây xin bái tạ Hòa thượng để đền ơn.

- Ta làm ơn gì cho người?

- Con là vị thần ở miếu, hôm đó nhờ Hòa thượng khai thị, nên con tỉnh ngộ liền bỏ được thân, sanh lên cõi trời, cho nên về đây đánh lễ đền ơn Hòa thượng”.

Chúng ta tưởng ngài sẽ bị thần quở, bị bắt bớ, trái lại vị thần mang ơn ngài. Tại sao? Vì đức hạnh của ngài. Ngài nói một câu vị thần tỉnh ngộ, do đó không còn bám vào khám thờ, mà được sanh lên cõi trời. Đức hạnh vượt lên trên cả quỷ thần cho nên quỷ thần không bao giờ dám làm hại người có đức hạnh. Vì vậy người biết tu hành chỉ trọng giới hạnh và sự tu hành chân chánh, tức là không buông lung, biết cố gắng vun bồi chánh trí, quyết tâm tu cho được giải thoát.

58–59. Như từ trong đồng bùn như vất bỏ, mới sanh ra hoa sen thanh khiết ngào ngạt làm đẹp ý mọi người, cũng thế chỉ từ nơi chốn phàm phu mạnh mẽ

mới sản xuất những vị đệ tử bậc Chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian.

Không có hoa sen nào mọc ở trên đá cẩm thạch, nếu có đó là hoa sen giả. Còn hoa sen thật thì lúc nào cũng mọc ở trong bùn. Cho nên Phật nói từ trong đồng bùn như vớt bỏ, mới sanh ra hoa sen thanh khiết ngà ngọc làm đẹp ý mọi người. Cũng thế ở trong chỗ phàm phu mạnh mẽ hay chính trong con người xấu xa mà biết tu, biết chuyển thì trở thành người trí tuệ, đem trí tuệ soi sáng thế gian. Như vậy người biết tỉnh giác thoát ra ngay trong thế gian đầy ô nhiễm.

Theo lịch sử, khi thành đạo Phật ngồi dưới cội Bồ-đề trên tòa cỏ. Tại sao bây giờ chùa không thờ ngài ngồi trên tòa sen mà lại ngồi trên tòa sen?

Kinh Di-dà nói, cội này là ngũ trược ác thế, là kiếp trược, kiến trược, chúng sanh trược, mạng trược, phiền não trược... chính vì năm trược này cho nên đức Phật Thích-ca mới xuất hiện ở đời. Nếu ở đây mà thanh tịnh như cội Cự Lạc thì Phật không ra đời làm chi. Chúng sanh đang chìm đắm ở trong chỗ tối tăm ô trược, nên Phật mới ra đời để độ chúng sanh. Ngài sanh ra trong cội đời ô trược mà không bị nhiễm như, cũng như hoa sen mọc trong bùn mà tinh khiết. Chùa thờ đức Phật ngồi trên tòa sen chứ không ngồi tòa cỏ như trong lịch sử là theo ý này.

Tòa sen có hai ý nghĩa: Một là để diễn tả tinh thần cao quý của đức Phật, ở trong cội ô trược nhưng không nhiễm, ở trong chỗ tối tăm mà ngài sáng suốt,

như hoa sen trong bùn lầy mà không nhơ nhớp và luôn luôn tinh khiết. Hai là để khuyến khích chúng ta đừng mặc cảm, “Ôi! Thân này ô uế xấu xa quá, phiền não nhiều quá làm sao tu hành thành Phật!”. Đừng mặc cảm như vậy, chính vì xấu xa cho nên mới tu. Nghĩa là người nào ý thức được mình đang xấu dở, thì phải nỗ lực vươn lên, đó là chuyển hướng từ vũng bùn phiền não mà nở ra hoa sen chánh giác, nếu hết phiền não rồi thì cần gì phải tu. Cho nên đức Phật nói, chỉ trong những chúng sanh mê muội mới có được những vị đệ tử bậc Chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian. Như vậy chính chúng ta là những hoa sen. Nhưng hoa sen này mới có cái ngó thôi chưa vươn lên khỏi bùn, hướng nữa là khỏi mặt nước. Có cái ngó tí tẹo ở dưới nước, thúng thảng biết nuôi dưỡng, đừng ai ngắt nhổ, thì từ từ nó sẽ lần ra khỏi bùn, ra khỏi mặt nước, chừng đó sẽ nở tròn trịa tinh khiết.

Đức Phật đã giác ngộ trước cho nên ngài thành Phật, chúng ta sẽ tiến sau, rồi cũng sẽ thành Phật. Chúng ta đều là những hoa sen thanh khiết ở trong đồng bùn nhơ, đừng tưởng mình là bùn nhơ, đừng tự ti mặc cảm rồi không cố gắng tu. Như vậy câu kinh này chỉ cho chúng ta thấy ý nghĩa, người tu không phải người thuần tốt mới tu, mà chính thấy mình xấu mới tu. Nếu nói rằng người tốt mới tu còn những người xấu tu không được, là sai lầm.



V- PHẨM NGU

60. Đêm rất dài đối với kẻ mất ngủ; đường rất xa đối với kẻ lữ hành mỗi mệt. Cũng như thế vòng luân hồi sẽ tiếp nối vô tận đối với kẻ ngu si không mình đạt chánh pháp.

Khi nào bị bệnh đau đầu ngủ không được, thì sẽ thấy đêm rất dài, mắt cứ mở trao tráo để chờ đồng hồ reo và trông cho trời sáng. Như vậy cái khổ của người mất ngủ là họ thấy đêm dài vô tận. Kế nữa là người bộ hành mỗi mệt. Thí dụ như đi bộ từ Núi Lớn - Vũng Tàu qua Bà Rịa, tới Rạch Dừa chân đã mỏi rã rời, nếu phải đi đến Bà Rịa thì thấy đường thật dài. Vì bước thêm một bước đã khổ sở, huống chi còn mười mấy cây số. Đó là hai trạng thái đau khổ của người mất ngủ và kẻ bộ hành mỗi mệt. Cũng vậy, người ngu si không mình đạt chánh pháp, sẽ nối tiếp sự luân hồi đến vô tận.

Thế gian cho người dốt nát khờ dại không biết chuyện này chuyện kia là người ngu si, Phật nói dù cho

kẻ khôn ngoan lanh lợi, mà không hiểu chánh pháp tức là không biết đâu là nhân luân hồi, đâu là nhân giải thoát, việc nào chân chánh, việc nào tà vạy thì gọi là người ngu si. Cho nên người Phật tử chân chánh, sau khi quy y Tam bảo thì phải học hỏi chánh pháp ứng dụng tu hành, để tiến trên con đường giác ngộ. Muốn giác ngộ thì phải minh đạt chánh pháp. Nếu không thì cam chịu một đời ngu si để nối tiếp vòng luân hồi không cùng tận.

61. Không kết bạn được với kẻ hơn mình, không kết bạn được với kẻ ngang mình, thà quyết chí ở một mình tốt hơn kết bạn với người ngu muội.

Đức Phật dạy, kết bạn với kẻ hơn và bằng mình, còn kẻ thấp hơn thì không nên kết bạn, như vậy có thiếu tâm bình đẳng không? Tại sao kết bạn với người hơn, với kẻ bằng? Người mới tập tu, nếu gần người bạn biết đạo khá hơn thì sẽ tiến bộ. Vì người hơn mình, mỗi khi nói chuyện họ giải thích thêm về giáo lý hoặc cách tu hành, làm cho kiến giải của chúng ta rõ hơn và khi mình chán nản, họ nhắc cho mình tiến hơn về phần thực hành. Cả hai hành và giải đều tiến nhờ người bạn hơn mình. Nhưng nếu người đó không chịu chơi với mình, thì chúng ta kiếm những người bằng mình để sách tấn nhau, họ đỡ mình nhắc, mình đỡ họ nhắc, như vậy thì cùng tiến tu.

Tại sao không kết bạn với người kém? Người Phật pháp chưa thông, đạo lực chưa vững, mới chấp chứng trên đường tu hành mà gặp những người mê muội thì làm sao tiến! Như vừa sửa soạn tụng kinh, họ nói tụng làm chi, đi đánh bài hoặc nghe nhạc vui hơn. Vốn là

người làm biếng mà nghe họ xúi như vậy thì mở ti vi. Chà! Chương trình hay quá, rồi bỏ tụng kinh, thôi để bữa khác. Cứ như vậy ngày qua ngày, rốt cuộc họ rì kéo mình trở xuống, kéo mình chìm luôn, sự tu không đi tới đâu hết.

Vì vậy phải biết mình, khéo chọn bạn để gần gũi, người nào gần họ mà có thể tiến bộ trong sự tu hành thì được, nếu người làm mình thối lui thì nên tránh. Coi như ích kỷ, lựa người nào hơn mới chơi, còn người nào thua thì không chơi. Nhưng sự thật vì biết mình còn yếu, mà gần người yếu hơn thì cả hai chìm luôn ở trong luân hồi sanh tử chứ không ra nổi. Như chim mới biết bay chút chút, mà có chim mẹ hoặc chim anh chim chị bay kha khá kèm theo giúp đỡ, thì nó bay được khá hơn. Nếu kết bạn với người dở hơn mình, như chim mới biết bay, cột thêm một miếng cây nhỏ, nó sẽ bay không nổi, nhất định bị rớt. Vì thế lúc yếu thì cần phải gần những người mạnh, họ thúc đẩy sách tấn mình tiến, khi mạnh mẽ rồi thì khác.

Nhưng học qua kinh Đại thừa chúng ta sẽ thấy Phật dạy khi tâm mình sáng, sức tu hành vững vàng thì khỏi cần chọn lựa. Nếu biết còn yếu thì phải tự lo giải quyết chuyện của mình cho xong, rồi mới giúp người khác sau. Thí dụ có một học trò nghèo, cha mẹ làm ăn vất vả mới có đủ cơm áo tiền bạc lo cho ăn học. Nếu là con khôn ngoan chí hiếu, biết thương cha mẹ thì phải nỗ lực học cho thành tài, cho có nghề nghiệp để đền đáp công ơn cha mẹ. Nếu mới mười ba mười bốn tuổi

làm công chuyện chưa nổi, mà nói thương cha mẹ rồi bỏ học hành, lo đi làm thuê làm mướn, rốt cuộc không nghề nghiệp làm sao nuôi nổi cha mẹ, không có lợi gì hết.

Tóm lại, khi còn yếu cần phải có những người bạn tốt để gần gũi, như vậy sự tu mới càng ngày càng tiến. Nếu dở quá mà gần những người dở hơn thì sẽ đi xuống. Phật dạy rất thực tế, chứ không phải dạy chúng ta ích kỷ.

62. Đây là con ta, đây là tài sản ta. Kẻ phàm phu thường lo nghĩ như thế, nhưng chẳng biết chính ta còn không thật có, huống là con ta hay tài sản ta.

Tất cả phàm phu chúng ta ai cũng nhận đây là con ta, tài sản của ta. Nhưng ta là gì? Nếu chia chẻ ra thì thấy thân ta có hai phần, vật chất và tinh thần.

Phần vật chất gồm có đất, nước, gió, lửa. Tóc, gân, xương, da, thịt v.v... đó là đất; mồ hôi, máu mủ, nước mắt, đàm, nước miếng, nước tiểu v.v... là nước; hơi thở ra vô làm cho tim đập phổi nở, các mạch máu chạy là gió; nhiệt độ trong người là lửa. Nếu thiếu một món thì sống không được. Cho nên đức Phật dạy, dùng mắt trí tuệ quan sát thấy thân do tứ đại giả hợp, không thật, nếu thấy thật là sai lầm.

Phần tinh thần gồm có thọ, tưởng, hành, thức. Những cảm giác nhận chịu ở nơi thân gọi là xúc thọ, nơi mắt là nhãn thọ, nơi tai là nhĩ thọ v.v... là năm giác quan xúc chạm với ngoại cảnh có cảm giác nóng lạnh, vui buồn. Những cảm xúc đối với ngoại cảnh thì sanh ra

sự nhận chịu để thích hay không thích, đó là thọ. Nhớ lại những chuyện quá khứ, suy nghĩ những chuyện vị lai, gọi là tưởng. Tâm niệm sanh diệt từng phút giây, vừa nghĩ cái này chợt nghĩ cái khác, liên miên trong tâm gọi là hành. Thức là phân biệt, như mắt thấy hình sắc biết đó là xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... nghe tiếng biết tiếng ca hát, tiếng khen chê v.v...

Thân này chỉ là một mớ vật chất và tinh thần hợp lại giả có và giả có những cái suy tưởng xét nghĩ, mà cho đó là mình. Vì vậy ở đây đức Phật nói, chính ta còn không thật có huống là con ta hay tài sản của ta. Hiểu được như vậy là người có trí tuệ, nếu không hiểu gọi là ngu si. Phật dạy như thế là để tâm bớt dính mắc và lo tu hành, chứ không phải bỏ hết con cái tài sản không nhìn tới.

Tôi dẫn thêm câu chuyện. “Có một cô công chúa, vào một sáng trời mưa ra đứng trước thềm, thấy những hạt mưa rơi lóng lánh, cô thấy chúng đẹp hơn những hạt kim cương, thích quá nhưng không biết nói với ai, liền vào trùm chăn không nói năng gì hết. Hoàng hậu cưng con, thấy con nằm buồn xo, mới hỏi lý do. Công chúa bèn nói:

- Con thích những hạt chuỗi ngọc rơi ở trước thềm. Nếu không được những viên ngọc đó thì con sẽ chết.

Nghe xong, hoàng hậu bèn tâu vua cha, vua ra lệnh nếu người nào xâu được những hạt mưa cho công chúa đeo thì trọng thưởng.

Một ông già đứng ra lãnh trách nhiệm xâu chuỗi cho công chúa. Cụ đưa ra điều kiện:

- Vì già cả lớn tuổi mắt kém không lựa được những hạt vừa ý cô, vậy khi trời mưa xuống, công chúa chịu khó lựa hạt nào đẹp nhất, vừa ý nhất đưa tôi xâu cho.

Công chúa ngây thơ không biết gì, cứ mỗi hạt mưa rơi xuống, thì lượm lên, lượm mãi mỗi tay mà không được hạt nào. Ông cụ nói:

- Cô lượm không được hạt nào thì làm sao tôi xâu?

Mệt và chán quá công chúa nói:

- Thôi tôi không thích chuỗi ngọc nước nữa.

Vua nghe nói vậy mừng quá:

- Con không muốn chuỗi nước, ta sẽ cho con xâu chuỗi ngọc thật, bằng kim cương con đeo không bao giờ bể”.

Công chúa ngây thơ đó chính là chúng ta bây giờ. Cụ già chỉ cho giáo pháp của Phật, là phương tiện giúp chúng ta không lầm cái giả là thật, để không tham nữa. Vua cha chỉ cho đức Phật, dạy chúng ta tu hành đạt được cái bất sanh bất diệt, đó là pháp giải thoát.

Tóm lại tất cả cái gì mình sở hữu, tưởng là đẹp là quý, chỉ là những cái ảo ảnh, Phật nói đó là cái bóng, là mộng mị mà tưởng là thật. Đến ngày đầu bạc răng long cũng chưa chán, khi sắp chết mới giật mình. À! Tại sao từ trước tới giờ không lo tu, bây giờ không có công đức gì mới lo sợ.

Phật dạy phải thấy nó không thật, không có nghĩa là bảo chúng ta bỏ của cải, con cái, thân bằng quyến thuộc. Cũng biết đây là con, là của cải, nhưng mà con, của cải và mình, cả ba đều là duyên hợp như huyễn, tạm có rồi mất. Hiểu được như vậy thì không có lỗi gì hết, nếu cho cái gì cũng thật, đó là gốc của si mê thì trầm luân muôn kiếp.

63. Ngu mà tự biết ngu tức là có trí, ngu mà tự xưng rằng trí chính đó mới thật là ngu.

Người biết hành động nào tà, hành động nào chánh; tâm niệm nào thiện, tâm niệm nào ác. Thiện ác tà chánh biết rành rõ là người trí; còn người không biết phải quấy, không biết những sai lầm mà xưng là người trí thì đó là người ngu. Cho nên phải lo tu để phát huy trí tuệ, nhận định đúng sai, chứ Phật không ban cho chúng ta trí tuệ. Như người có lỗi, biết hối hận xin chữa, đó là người trí. Còn làm cái gì hay dở sai quấy đều không biết, vì không biết những sai quấy của mình thì không bao giờ sửa đổi, cho nên ngu hoài.

64. Người ngu suốt đời gần gũi người trí, vẫn chẳng hiểu gì chánh pháp, ví như cái muỗng múc thuốc thang luôn, mà chẳng bao giờ biết được mùi vị của thuốc.

Muỗng dùng để múc thức ăn hằng ngày, nhưng không bao giờ nó hưởng được mùi vị của thức ăn. Cũng như người ngu suốt đời gần gũi người trí mà không hiểu chánh pháp của Phật. Những người không có trí, tuy ở

bên cạnh chùa chiền, hoặc đến những nơi giảng kinh nói pháp, nhưng không hiểu được lời Phật dạy để ứng dụng tu hành nên không có lợi ích. Chẳng khác gì cái muỗng múc thức ăn không hưởng được mùi vị.

65. Người trí dù chỉ gần gũi người trí trong khoảnh khắc cũng hiểu ngay được chánh pháp, chẳng khác gì cái lưỡi mới tiếp xúc với thuốc thang đã biết ngay được mùi vị của thuốc.

Qua câu kinh này quý vị thấy rõ tầm quan trọng của trí tuệ và ngu si. Kẻ ngu, tuy gần người trí, dù được chỉ dạy hết lời mà nghe bao nhiêu cũng không thấm, không hiểu, nên không có lợi ích thiết thực. Người trí gặp người trí chỉ trong năm mười phút, hay qua một vài câu chuyện thì cảm thông nhau hết sức dễ dàng. Chỉ cần nghe qua một vài lời giảng, là hiểu được chánh pháp, nhận được lợi ích. Ở đây đức Phật thí dụ như cái lưỡi, vừa để thức ăn vào miệng liền biết được mùi vị. Người trí và kẻ ngu thật là cách biệt xa vời. Một bên thì rất nhanh chóng, vừa nghe một lời nói phải, hay một câu đạo lý liền được thấm nhuần, còn một bên thì nghe bao nhiêu cũng không thấm, như gió thổi ngoài tai không ăn thua gì hết. Qua những thí dụ này chúng ta cũng có thể biết mình là trí hay ngu.

66. Kẻ phàm phu không giác ngộ nên đi chung với cừu địch một đường. Cũng thế, những người tạo ác nghiệp nhất định phải cùng ác nghiệp đi đến khổ báo.

Chúng ta nếu chưa giác ngộ, thì dễ tạo ác nghiệp rồi phải chịu khổ báo. Ác nghiệp chính là kẻ thù nhưng chúng ta luôn đi chung đường với chúng, vì mình chưa giác ngộ.

Thí dụ hôm nào nhà có đông khách, kẻ trộm lẩn trong đó. Nếu chúng ta không biết mặt nó thì có thể bị mất đồ. Nếu biết thì mỗi hành động, cử chỉ của nó, mình đều theo dõi. Nó không thể lấy đồ của chúng ta được. Mất đồ hay không là do biết hay không biết kẻ trộm. Như vậy cái biết là tối quan trọng. Muốn gìn giữ của cải trong nhà an ổn thì phải khéo biết rõ người lương thiện và kẻ gian tà. Cái biết đó Phật giáo gọi là giác ngộ.

Khi tai họa đến chúng ta lo sợ và muốn tránh, nhưng sợ tai họa là sợ quả mà không biết tránh nhân. Nếu sợ tai họa và không muốn bị quả khổ thì lo tạo nhân lành, không đi chung với nghiệp ác, đó là giác ngộ của người phạm phu.

Kinh Phật thường nói thân này là gốc của muôn điều khổ. Cho nên người giác ngộ biết cội gốc của sanh tử là tham sân si. Muốn giải thoát khỏi đau khổ thì phải đoạn nhân tham sân si. Đó là giác ngộ của bậc Thánh.

Nhiều người gặp những hoàn cảnh đau khổ, họ muốn chết đi cho hết khổ. Như vậy có thật hết khổ không? Chắc hẳn là không. Bởi vì hủy hoại thân là chỉ biết đoạn quả, mà không biết đoạn nhân. Đức Phật dạy, nếu muốn tránh khổ thì không tạo nhân, không nhân thì không có quả. Như trồng cây mà thấy cây xấu, ra trái

không ngon, mình bèn chặt bỏ. Nhưng cây không chết vì còn gốc thì còn nảy mầm, đâm tược. Muốn cây không còn hiện hữu, thì đào tận gốc, nhổ quăng đi là xong. Cho nên người Phật tử muốn tránh cái khổ của nghiệp ác thì phải biết về nhân quả.

Người đã ý thức được cuộc sống là đau khổ thì phải biết nhân của sanh tử là tham sân si. Dứt tham sân si là dứt mầm sanh tử. Hủy hoại thân để hết khổ là rất sai lầm. Như con trâu biết khi mang ách lên cổ thì phải kéo cày cực khổ, nên nó ghét cái ách đó lắm. Một hôm ông chủ máng cái ách lên, nó dùng sừng quật gãy ách, tưởng rằng ách gãy là khỏi kéo cày. Nhưng bữa nay nó làm gãy ách bằng cây tràm, ngày mai ông chủ làm ách bằng cây gỗ thật chắc, nếu nó làm gãy nữa thì ông phải làm cái ách bằng sắt. Nghĩa là còn làm trâu thì phải kéo cày, đó là một lẽ thật không chối cãi được. Tưởng phá ách thì khỏi kéo cày, là chỉ sợ quả mà không sợ nhân.

Phật dạy chúng ta phải trừ nhân, nhân đã không có thì quả cũng không. Còn chỉ sợ quả mà không tránh nhân, đó là kẻ phàm phu vô minh. Do đó đức Phật dạy, người tạo ác nghiệp nhất định phải cùng với ác nghiệp đi đến khổ báo. Muốn tránh khổ báo mà cứ gây nhân xấu ác thì không bao giờ tránh khổ được, cho nên người biết tu thì phải tránh nhân xấu ác không làm.

67. Những người gây điều bất thiện, làm xong ăn năn khóc lóc, nhỏ lệ dầm dề, vì biết rằng mình sẽ phải thọ lấy quả báo tương lai.

68. Những người tạo các thiện nghiệp, làm xong chẳng chút ăn năn, còn vui mừng hơn hở, vì biết mình sẽ thọ lấy quả báo tương lai.

Thứ nhất là người làm những điều ác, rồi ăn năn khóc lóc, vì biết rằng thế nào cũng phải chịu quả khổ ở tương lai. Thứ hai người làm việc lành xong, họ không ăn năn mà còn vui mừng hơn hở vì biết rằng, sẽ thọ quả báo tốt ở tương lai. Cả hai đều biết sẽ thọ quả báo, mà một người vui mừng, một người đau khổ. Như vậy người vui mừng vì biết rằng mình đã tạo nghiệp thiện, người đau khổ vì biết rằng mình đã tạo nghiệp ác. Ai sợ khổ muốn vui thì cứ như vậy mà tu, vì khổ vui là do mình tạo nghiệp lành hay nghiệp chẳng lành.

69. Khi ác nghiệp chưa thành thực, người ngu tưởng như đường mật, nhưng khi ác nghiệp đã thành thực, họ nhất định phải chịu khổ đắng cay.

Làm việc ác mà chưa có kết quả thì người ngu tưởng như đường mật. Nhưng khi nghiệp ác đã chín mùi thì nhất định phải chịu quả đắng cay, chùng đó mới than thở kêu ca. Chúng ta thấy kẻ ngu lầm tưởng làm ác là được an vui, sung sướng, nhưng khi quả báo đến mới lo sợ khổ sở.

Hiện tại đa số người học Phật còn nghi về nghiệp báo. Như thấy trên thế gian cũng có những người làm ác, rồi ít năm thì thấy tai họa dồn dập tới, kẻ bàng quan nói đó là nhân quả. Nhưng cũng lắm người từ nhỏ tới lớn làm ác, mà sao họ giàu có sang trọng, đi xe hơi,

ở nhà lâu, hưởng sung sướng cả đời, tới khi chết sao cũng chưa bị quả báo. Lại có người ăn hiền ở lành thì bị tai nạn dồn dập, ít tháng con đau, ít tháng mất cửa, họ tự hỏi, lẽ ra mình làm lành thì phải được phước, gia đình vui sống an ổn, tại sao lại có tai nạn và mất cửa, rồi nghi có lẽ lý nhân quả chưa đúng, hay không có nhân quả.

Trong kinh Phật giải thích lý nhân quả thế này, khi người làm ác mà quả khổ chưa đến, vì người đó kiếp trước làm một ngàn điều phước, qua đời này làm năm trăm điều tội, kiếp này họ hưởng chưa hết một ngàn điều phước ở thuở xưa, thì ngã ra chết. Chúng ta chỉ thấy họ tạo năm trăm điều tội trong kiếp này, cho là không có quả báo. Nhưng sự thật họ đang hưởng quả báo lành của kiếp trước, năm trăm điều tội đời này mới tạo, quả báo chưa chín, chưa đến thời kỳ trả, đời sau họ sẽ trả. Rất tiếc chúng ta chưa chứng thiên nhãn, cho nên sau khi họ chết sanh ở đâu mình không biết và không thấy kiếp sống kế của họ chịu đau khổ như thế nào, rồi cho rằng họ không trả quả.

Sự thật nhân quả không phải chỉ hạn cuộc trong một đời, mà trải qua ba đời. Hiện tại chưa trả thì vị lai phải đền, chứ không phải hiện tại không trả là hết. Cho nên lý nghiệp báo của đạo Phật xét tới ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, tương quan với nhau, nếu căn cứ ở hiện tại, chỉ nhìn một chạng mà đoán, không bao giờ đúng.

Tóm lại nghiệp ác hay nghiệp lành đều không mất, chỉ có quả đến sớm hay muộn mà thôi. Đến sớm thì ngay đời này, mà muộn thì qua đời sau. Vì thế người biết lý nghiệp báo không dám sống buông lung.

70. Từ tháng này qua tháng khác, với món ăn bằng đầu ngọn cỏ cô-sa, người ngu có thể lấy để nuôi sống, nhưng việc làm ấy không có giá trị bằng một phần mười sáu của người tư duy chánh pháp.

Phật cho người tu khổ hạnh như thế tuy khó làm, nhưng không có giá trị bằng một phần mười sáu của người biết tư duy chánh pháp. Vậy người chỉ dùng món ăn nhỏ xíu để sống qua ngày là việc khó làm, nhưng đối với người biết Phật pháp, thấy không quan trọng bằng người biết tư duy chánh pháp.

71. Người cất sữa bò không chỉ sáng chiều đã thành vị đề hồ được. Cũng thế, kẻ phàm phu tạo nghiệp ác tuy chẳng cảm thọ ác quả liền, nhưng nghiệp lực vẫn âm thầm theo họ như lửa ngùn giữa tro than.

Muốn chưng cất sữa để thành vị đề hồ, không phải một giờ hoặc nửa giờ thành được, mà phải nhiều công phu luyện lọc năm phen mười lượt mới thành. Cũng thế, kẻ phàm phu tạo ác nghiệp tuy chẳng cảm thọ quả báo liền, nhưng nghiệp lực vẫn âm thầm theo họ, cũng như lửa ngùn giữa tro than.

Khi chúng ta nấu bằng than được, là thứ than rất chắc, tuy lửa ngọn không còn nhưng than vẫn âm ỉ cháy. Mới nhìn qua chúng ta tưởng đã nguội, nhưng để tay vào thì bị phỏng, đó là vì lửa còn cháy ngấm ngấm chưa hết. Cũng vậy khi tạo nghiệp ác, hiện chưa thấy quả báo, chúng ta tưởng không có, nhưng khi đủ duyên thì thọ nhận quả báo. Thí dụ như có người ăn trộm của người ta

ở Sài Gòn, trốn ra Vũng Tàu tưởng không ai biết, nhưng sau đó bị công an truy nã rồi bị bắt ở tù. Cho nên Phật dạy dù làm việc thiện hay ác, quả báo không bao giờ mất, khi đủ duyên thì sẽ thọ quả báo.

72. Kẻ phàm phu lòng muốn được trí thức, mà hành động lại dẫn tới diệt vong, nên hạnh phúc bị tổn hại mà trí tuệ cũng tiêu tan.

Kẻ phàm phu muốn thành một người trí thức, khôn ngoan nhưng mà lại hành động đi tới chỗ diệt vong. Đó là mâu thuẫn, lòng muốn một đằng hành động một ngả, vì vậy cho nên hạnh phúc bị tổn hại, trí tuệ cũng tiêu tan. Thí dụ người sáng suốt trí tuệ mà cứ rượu chè be bét, uống rượu vào tâm trí tối tăm rồi dẫn tới hành động sai lầm, thì trí tuệ mất mà hạnh phúc cũng tiêu tan. Cho nên nếu người trí thì phải hành động khác hơn.

73. Kẻ ngu thường muốn hư danh: chỗ ngồi cao trong tăng chúng, viện chủ trong tăng viện, mọi người xin đến cúng dường.

Người ngu xuẩn thì thích danh tiếng, nghe người ta khen ngợi thì phấn chí, tự cao ngã mạn nhưng khả năng không xứng. Thí dụ vì thích được khen được hoan nghênh, không khả năng mà muốn làm nghị sĩ. Cho nên phải lo vận động hao tiền tốn của, rốt cuộc không đắc cử, phải nợ nần khổ sở. Cũng vậy ở trong tăng chúng, những người chỉ có khả năng trụ trì một ngôi chùa nhỏ, mà cứ tưởng mình làm được những chuyện lớn lao, rồi lãnh những trách nhiệm to tát, mà không làm tròn, bị người ta chê cười thì khổ sở.

Thế gian người ta nói biết mình biết người là người trí, còn kẻ không biết mình, không biết người là người đại ngu. Ở đây Phật nói hễ người ngu thì ham danh tiếng mà không biết khả năng của mình, mong mỗi những hư danh quá đáng, cho nên phải chuốc đau khổ. Đó là cái si mê của người ngu.

74. Hãy để cho người tăng kẻ tục nghĩ rằng: sự này do ta làm, mọi việc lớn hay nhỏ đều theo lệnh của ta. Kẻ ngu cứ tưởng lầm như thế nên lòng tham lam ngạo mạn tăng hoài.

Người ngu mong mọi người nghĩ rằng sự này do ta làm, mọi việc lớn hay nhỏ đều theo lệnh ta. Phật cho người tưởng lầm như thế là kẻ ngu, tăng thêm tham lam ngạo mạn, trái với thuyết vô ngã của đạo Phật.

Do chấp ngã cho nên đại đa số đều nghĩ rằng thân này là của mình và làm chủ được thân, đó là sai lầm. Nếu mình làm chủ thì thân phải tuân theo ý muốn của mình, như ông chủ nhà sai kẻ tớ làm cái này cái kia, nó phải làm theo ý ông, nếu làm trái thì bị rầy. Ngược lại chúng ta muốn thân không đau nhưng nó vẫn đau như nóng lạnh, nhức đầu, đau tim. Muốn khoẻ mạnh sống lâu đến tám chín mươi tuổi, nhưng đau lên đau xuống rồi chết yếu. Như vậy là chúng ta không làm chủ cơ thể.

Về tinh thần thì lúc bình thường biết nổi giận là xấu dở. Nhưng nếu có người nói câu gì trái ý thì giận dùm dùm miệng nói bậy, mặt đỏ lên v.v... đều là những trạng thái không bình thường, đó là người mất quyền tự chủ. Do đó người biết tu mới thấy làm chủ thân tâm

rất là khó, không dám vỗ ngực xưng ta đây thế này thế nọ. Còn người không biết tu cứ tưởng ta làm việc này, làm việc kia vì thế sanh lòng tham lam ngạo mạn.

Có người muốn giàu có, mà vì hoàn cảnh hay thiếu phước nên vẫn nghèo, mọi việc sắp xếp lo toan không có gì như ý, làm sao nói mọi việc lớn nhỏ đều do ta làm chủ. Vậy chúng ta nên hiểu đúng để được lợi ích an vui.

75. Một đường đưa tới thế gian, một đường đưa tới Niết-bàn, hàng Tỳ-kheo đệ tử Phật hãy biết rõ như thế, chớ nên tham đắm thế lợi, để chuyên chú vào đạo giải thoát.

Đức Phật chỉ rõ hai lối đi, một là lăn lộn trong thế gian, hai là giải thoát đạt đến Niết-bàn. Người xuất gia phải biết rõ như thế, không nên tham đắm những cái lợi của thế gian, để tâm chuyên chú vào đạo giải thoát. Điều này đức Phật chỉ rất rõ ràng, mọi người tu phải thấy. Nếu chúng ta tu hành mà theo danh lợi tài sắc, là đi theo con đường thế gian. Nếu buông bỏ tài sắc danh lợi thì đi trên con đường giải thoát Niết-bàn.



VI- PHẨM HIỀN TRÍ

76. Nếu gặp được người hiền trí chỉ bày lầm lỗi và khiển trách mình những chỗ bất toàn, hãy nên kết thân cùng họ, xem như bậc trí thức chỉ cho kho tàng bảo vật. Kết thân với người trí lành mà không dữ.

Đức Phật dạy, khi gặp người hiền trí chỉ bày lỗi lầm và khiển trách những sai trái, hãy nên kết thân và xem họ là bậc trí thức chỉ cho chúng ta kho báu, kết thân với người trí rất lợi ích. Người thấy mình có điều gì dở, họ rầy rà nhắc nhở đó là bạn lành. Người toàn rủ rê mình làm điều xấu, đó là người bạn ngu.

Thí dụ có người bạn thấy mình uống rượu say thì chê, anh dở quá, hư quá, không biết giữ mình, say sưa mất tư cách. Đó là người bạn trí nhắc nhở cho mình những sai lầm. Nếu nghe chàm tự ái không thêm chơi với người đó nữa, thì mình là người ngu. Anh nào rủ mình uống rượu say sưa, té bờ té bụi, mai một lại rủ uống nữa,

đó là người bạn không tốt, xúi mình làm chuyện hư hèn thì phải tránh xa. Người trí khi nghe chỉ dạy thì mừng, như người chỉ cho mình kho tàng quý báu, gần họ càng ngày càng trở nên người tốt, cần phải kết thân với họ. Đó là thế gian.

Người tu hành, nếu ở chung với người thấy mình có điều dở cũng mặc, hoặc xúi mình làm dở thêm, thì biết người đó là người không tốt. Ngược lại nếu mình làm điều dở, được khuyên răn phải sám hối, thì biết đó là người bạn tốt, nên kết thân với người đó, mình sẽ trở thành người tốt. Như vậy người biết chọn những người bạn tốt, nhắc nhở mình những điều sai quấy, gọi là người trí. Còn người sợ bị nhắc nhở những lỗi lầm thì đó là người không trí. Người tại gia hay xuất gia đều phải chọn bạn mà gần, như vậy tu mới tiến. Cho nên đức Phật nhắc chúng ta nên kết thân với người trí thì lành và được chỉ kho tàng bảo vật để xài.

77. Những người hay khuyên răn dạy dỗ can ngăn tội lỗi kẻ khác, được người lành kính yêu bao nhiêu thì bị người dữ ghét bỏ bấy nhiêu.

Thế gian thường nói “giáo đa thành oán” vì ít ai thích nghe can ngăn. Nhưng thật ra, được người ta nhắc nhở những sai trái cho để sửa đổi mà sanh lòng oán ghét, đó là kẻ dữ, kẻ ngu. Nếu được người khuyên can răn dạy chỉ cho lỗi lầm thì mừng và kính trọng mến thương, đó là người lành, hiền trí. Cho nên người hiền thì thích nghe những điều răn dạy, nhắc nhở; còn người dữ thì không ưa, đó là một lẽ thật. Ở đây Phật dạy nếu là người biết tu thì phải biết trân quý người khuyên răn, dạy dỗ mình.

78. Chớ nên làm bạn với người ác, chớ nên làm bạn với người kém hèn. Hãy nên làm bạn với người lành với người ý chí cao thượng.

Phật dạy chúng ta không nên gần bạn ác, không nên gần với người bạn kém hèn, người có ý chí tầm thường, mà phải gần với những người ý chí cao thượng để càng ngày càng vươn lên, bằng không thì chúng ta phải bị lùi xuống.

79. Được uống nước chánh pháp thì tâm thanh tịnh, an lạc nên người trí thường vui mừng ưa nghe Thánh nhân thuyết pháp.

Chúng ta đi nghe kinh, tâm hồn nhẹ nhàng, nếu đi tới chỗ ồn ào náo nhiệt, rầy rà cãi lầy qua lại thì tâm hồn khó chịu, như vậy là người có trí. Người trí rất cần nghe chánh pháp vì tâm hồn sẽ được thanh tịnh an lạc và tránh xa những chỗ làm cho tâm hồn xao động bất an như sông bạc là nơi người ta toan tính hơn thua, sát phạt lẫn nhau.

Nhiều người tưởng dự vào những cuộc chơi như đánh bài để mua vui, nhưng sự thật chính đó là để sát phạt, làm khổ nhau chứ không phải vui. Niềm vui của đạo Phật là khi tâm hồn thanh tịnh an ổn. Còn vui mà có ý sát phạt nhau là trá hình của đau khổ. Cho nên muốn an lạc thanh tịnh thật sự, chúng ta phải thường nghe Thánh nhân thuyết pháp.

80. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm cung tên lo uốn cung tên, thợ mộc lo nạy mộc đo cây. Còn người trí thì lo việc tự luyện lấy mình.

Những người làm vườn lo tưới nước sẵn sóc cây, cho nó được tươi nhuận. Còn thợ làm cung tên lo uốn tên cho ngay thẳng, thợ mộc thì cả ngày lo nạy mực, đo cây làm những món đồ tinh xảo. Cũng vậy, người biết lo điều phục tâm mình, niệm xấu khởi lên thì sửa bỏ, niệm tốt khởi lên thì phát huy ra lời nói và hành động, đó là người trí.

Anh làm vườn, người làm cung tên, người thợ mộc, mỗi người đều chăm chỉ thì mới thành công. Cũng vậy, người trí luôn luôn tự điều phục phiền não nơi tâm, không để cho tâm ý chạy theo ngoại trần thì ngày càng thuần thiện.

81. Như ngọn núi kiên cố, chẳng bao giờ bị gió lay. Những lời phỉ báng hoặc tán dương chẳng bao giờ làm lay động người đại trí.

Chúng ta nhìn lên ngọn Núi Lớn ở Vũng Tàu, thấy nó không bao giờ lay động khi gió thổi. Dù cho giông bão thì núi vẫn là núi. Cũng thế, đối với người trí tuệ, biết điều phục tâm mình dù cho ai khen chê, tâm họ không bao giờ lay động.

Nếu được kêu tên vỗ tay hoan nghênh giữa đám đông, trong lòng chúng ta niềm đam mê bình thường, hay có những trạng thái khác thường? Nếu khác thường thì tự biết mình chưa phải là người đại trí, vì người đại trí đối với sự khen ngợi tâm không dao động. Ngược lại giả sử có kẻ chửi bới mình cũng giữa chỗ đông người, lúc đó tâm mình bình thường hay xao xuyến bất an? Nếu bình thường là người trí, nếu chưa được bình thường là người ngu. Nhưng tại sao người trí khi bị

khen chê thì không động, còn người ngu thì bị động? Vì người trí biết tự điều phục, không cho tâm chạy theo ngoại cảnh, nên lời khen tiếng chê không làm cho tâm họ xao động. Trái lại người ngu không biết điều phục tâm, bị những tiếng đó làm xao xuyến bất an, chứng tỏ rằng sự tu hành còn yếu.

Như vậy người trí là người không màng những chuyện khen chê, trước ngũ dục họ vẫn an nhiên tự tại, không bị lay động, luôn vững vàng như núi.

82. Như hồ nước sâu và yên lặng trong sạch, những người có trí tuệ sau khi nghe pháp, tâm họ cũng thanh tịnh và lặng yên.

Người trí sau khi nghe những lời Phật dạy thì tâm họ trong lặng thanh tịnh. Người không có trí nghe Phật dạy không hiểu, tâm không yên ổn và không có lợi ích. Hai người, trí và không có trí khác xa. Vì vậy đức Phật mượn hình ảnh hồ nước sâu yên lặng trong sạch, để chỉ cho người trí sau khi nghe Phật dạy tâm hồn họ cũng giống như vậy.

83. Người lành thường xa lìa mà không bàn đến những điều tham dục, kẻ trí đã xa lìa niệm lự mừng lo, nên chẳng còn bị lay động vì khổ lạc.

Người liêm sỉ biết chút ít đạo đức, không bao giờ nói những lời thô tục có tính chất làm cho người phóng tâm loạn ý. Người biết tu thì ít nghĩ tới chuyện tham dục. Cũng vậy, người trí xa lìa niệm lự mừng lo, không bị khổ và lạc làm lay động.

Trong cuộc sống hằng ngày, khi gặp những tai họa thì gọi là khổ, gặp những điều tốt lành gọi là lạc. Như người có thân nhân bị tai nạn, đêm đến không ngủ được vì đau buồn. Người trúng số độc đắc mừng quá, đêm cũng không ngủ được, vì bị cái vui lay động. Cả hai trường hợp tâm đều không yên. Người như vậy chứng tỏ không phải là người trí, nếu là người trí thì khổ vui không bao giờ làm cho động tâm, vẫn an tĩnh trước những cảnh bất thường mà người thế gian không kham chịu nổi, đó mới thật là người đại trí.

84. Không vị tình thiên hạ cũng không vị tình một người khác, người trí không làm bất cứ điều gì sai quấy, không nên cầu con trai, sự giàu có, không nên cầu mong thành công của mình bằng những phương tiện bất chánh, được vậy mới thật là người đạo đức trí tuệ và ngay thẳng.

Không vị tình nhiều người, cũng không vị tình một người nào. Người trí không bao giờ làm điều sai quấy, dù người thân xúi giục hay để được người khen ngợi, nhất định không làm. Nghĩa là người trí không bao giờ chịu làm điều sai quấy do vị nể mọi người. Ngược lại nếu vị nể người này người kia, thì hay làm những chuyện không phải đạo.

Không nên cầu con trai, sự giàu có sung túc bằng việc làm sai quấy. Thí dụ Phật tử đã quy y thọ năm giới, không có con trai, bây giờ một ông thầy bùa hứa rằng, nếu cô nghe lời tôi giết năm con bò bảy con heo v.v... cúng tế sẽ được con trai. Người Phật tử giữ giới không bao giờ làm. Thà không có con còn hơn hại sanh vật, đó là

người trí. Người không biết tu khi muốn điều gì, dù cho tội lỗi mấy cũng làm để đạt được sở nguyện của mình. Không nên cầu mong thành công của mình bằng những phương tiện bất chánh, được vậy mới thật là người đạo đức trí tuệ và ngay thẳng. Cho nên người Phật tử chân chánh, hề phương tiện làm ăn nào trái với đạo lý đều không nên làm.

Nhiều người thờ Quan Công, ông có tài đức gì mà thờ? Đời Tam Quốc, Quan Công tài không bằng Lữ Bố, trí không bằng Khổng Minh, nhưng hai ông kia không ai thờ mà thờ Quan Công. Chính vì ông không muốn thành công bằng những phương tiện bất chánh. Khi đánh giặc, ông không giết người ngã ngựa, hết lòng với anh em kết nghĩa, luôn biết trả ơn. Ông không làm điều gì có vẻ thiếu quang minh chính đại, đó là tấm gương mà sau này người ta kính thờ. Trường hợp như Quan Công gọi là người tiết nghĩa ngay thẳng. Ở đây chúng ta thấy đức Phật dạy cũng tương tự. Chúng tôi không nói đến phạm vi đánh giặc mà chỉ nói phạm vi tiết nghĩa của ông thôi.

85. Trong đám nhân quần này, chỉ có một ít người đã đạt đến bờ kia, còn bao nhiêu người khác còn đang bồi hồi vơ vẩn tại bờ này.

Đức Phật nói, trong đám đông quần chúng, chỉ có một ít người đạt đến bờ kia, nghĩa là đạt đến cảnh giới an lạc Niết-bàn. Bờ kia chữ Hán gọi là bỉ ngạn, là chỉ cho Niết-bàn. Người đạt được Niết-bàn rất ít ỏi. Còn bao nhiêu người khác thì vẫn bồi hồi vơ vẩn ở bên bờ sanh tử chứ không qua nổi.

Cho nên người tu Phật cố gắng đến bờ kia, chứ đừng lẩn quẩn ở bờ này.

86. *Những người nào hay thuyết pháp, theo chánh pháp tu hành, thì được đạt tới bờ kia, thoát khỏi cảnh giới tà ma khó thoát.*

Người nào muốn đạt tới bờ kia, là bờ Niết-bàn, thì phải tu hành theo chánh pháp, là người vừa hay thuyết pháp vừa ứng dụng Phật pháp tu hành. Thuyết pháp không phải chỉ là vị pháp sư lên tòa ngồi thuyết pháp, mà chúng ta đem lời Phật dạy, nói cho huynh đệ nào chưa hiểu Phật pháp nghe, cũng gọi là thuyết pháp. Dù nói cho một người nghe, hoặc cho hai người đến trăm ngàn người nghe v.v... cũng gọi là thuyết pháp. Như vậy người biết thuyết pháp, biết theo chánh pháp tu hành, là người dễ đạt đến bờ kia, người đó mới thoát khỏi cảnh giới của sanh tử luân hồi.

87. *Người trí nên rời bỏ hắc pháp tức là pháp ác mà tu tập bạch pháp tức là pháp thiện, xa gia đình nhỏ hẹp, xuất gia sống độc thân theo phép tắc Sa-môn.*

Đức Phật khuyến khích người trí hãy nên rời bỏ việc ác, luôn luôn tập làm những việc lành và nên xa gia đình nhỏ hẹp, để làm vị Sa-môn tu hành giải thoát. Đó là lời của Phật khuyên người trí nên tu tập để tiến lên, chứ đừng dừng lại ở một phạm vi nhỏ hẹp.

88. *Người trí cần gột sạch những điều cấu uế trong tâm, cầu cái vui chánh pháp, xa lìa ngũ dục, chẳng còn vướng mắc chi.*

Người trí phải gột sạch những điều cấu uế trong tâm, như là tham, sân, si, mạn, nghi v.v... hãy cố gắng gột rửa cho sạch và cầu cái vui chánh pháp. Nghe Phật pháp rồi tư duy ứng dụng tu hành, để tâm hồn an tịnh, đó gọi là cầu cái vui chánh pháp. Đối với ngũ dục thế gian, như tiền của, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ, thì phải xa lìa, tiến đến chứng quả Niết-bàn, đó mới gọi là người trí.

89. Người nào thường chánh tâm tu tập các pháp giác chi, xa lìa tánh cố chấp rời bỏ tâm nhiễm ái, diệt hết mọi phiền não để trở nên sáng suốt, thì sẽ chứng Niết-bàn ngay trong đời hiện tại.

Người nào chánh tâm tu tập pháp Thất giác chi, bỏ hết những tánh cố chấp tập nhiễm ái dục thế gian, sạch hết phiền não thì trở nên sáng suốt và chứng được Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Pháp Thất giác chi chỗ khác gọi là Thất bồ-đề phần, gồm có niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi và xả giác chi.

Ở phẩm Ngu, chúng ta đã biết rõ thế nào là người ngu. Ở đây đức Phật chỉ cho chúng ta thấy, người biết điều phục tâm mình, dùng pháp thất giác chi để dứt trừ ái nhiễm, dứt sạch phiền não, từ phàm tiến đến Thánh, chứng được Niết-bàn, đó mới thật là người đại trí. Cho nên chúng ta phải biết phân biệt rành rẽ trí ngu, sau đó mới có thể giác ngộ hoàn toàn.



VII- PHẨM A-LA-HÁN

90. Người đã giải thoát hết thảy, đã dứt hết thảy buộc ràng, là người đi đường đã đến đích, chẳng còn chi lo sợ khổ đau.

Người đã giải thoát hết thảy ràng buộc, đó là người đã đến đích, đặt đến chỗ mình nhắm, chẳng còn chi lo sợ. Theo kinh A-hàm, người chứng được A-la-hán là giải thoát sanh tử luân hồi trong hiện đời. Khi chưa biết đạo, chúng ta sống như bao nhiêu người khác, cũng tham lam giận dữ và đủ thứ tật xấu. Nhưng bây giờ phát tâm quy y Tam bảo và thọ trì năm giới, là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Chín chắn giữ một giới là trừ được một điều xấu ác. Không sát sanh thì trừ được thói quen ưa giết hại sanh mạng chúng sanh. Không trộm cắp thì bỏ được tật tham lam v.v... Như vậy nhờ biết tu mà giảm từ từ những cái xấu còn chứa trong tâm, cho tới khi nào sạch hết những tật xấu là giải thoát. Thành thử giải thoát không có nghĩa là biết bay lên hư không, hay sẽ trở thành

những con người lạ lùng, mà giải thoát chính là trong tâm không bị những xấu xa phiền não ràng buộc lôi kéo nữa. Cho nên người tu hành trong đời hiện tại nếu thoát tất cả những ràng buộc thì chúng A-la-hán, chứ không phải đợi đến đời nào khác. Chúng ta phải hiểu cho kỹ điều đó. Chỉ cần bỏ hết những buộc ràng thì chẳng còn chi lo sợ nữa.

91. Kẻ dũng mãnh chánh niệm tâm không ưa thích tại gia, ví như con ngỗng khi ra khỏi ao, chúng bỏ lại cái ao hồ không chút nhớ tiếc.

Con ngỗng khi ra khỏi ao, chúng bỏ lại cái ao không chút luyến tiếc vì nó thấy đất trời rộng rãi thoải mái hơn. Cũng vậy người có trí tuệ mãnh liệt, biết chánh niệm tỉnh giác thì thích xuất gia giải thoát, chứ không chịu ràng buộc ở trong gia đình nhỏ hẹp, chẳng khác nào con ngỗng lên bờ, không còn thích trở lại ao hồ.

92. Những vị A-la-hán không chất chứa tài sản, biết rõ mục đích sự ăn uống, tự tại trong cảnh giới “không, vô tướng, giải thoát”, như chim bay giữa hư không khó tìm thấy dấu vết.

Đức Phật diễn tả tâm trạng và việc làm của các bậc A-la-hán để chúng ta nghe biết mà gắng sức tiến lên. Những vị A-la-hán không chất chứa tài sản, biết rõ mục đích sự ăn uống, tự tại đi trong cảnh giới không, vô tướng, giải thoát. Đi trong cảnh giới này như chim bay giữa hư không, không tìm thấy dấu vết. Người tu hành muốn đạt được giải thoát rốt ráo tiến lên vị Thánh, phải gỡ bỏ những ràng buộc thế gian như tài sản,

ăn uống v.v... để tâm mình rỗng rang, chứng được cảnh giới không, vô tướng và giải thoát.

Chúng tôi giải thích sơ, chứng được Niết-bàn gọi là *không*, vì không có tham sân si phiền não. Vô tướng hay *không tướng* là không còn phiền não tham sân si, không còn bị ràng buộc bởi những tham dục cho nên gọi là giải thoát, là tự tại khỏi tất cả dục lạc và những hình tướng của thế gian. Tóm lại, *không* nghĩa là không còn cái nhân sanh tử; vô tướng là không còn bị ràng buộc trong hình thức và giải thoát là không còn đắm trước tham dục, không còn bị phiền não ràng buộc, gọi đó là bậc A-la-hán.

93. Những vị A-la-hán đã dứt sạch các lậu hoặc, không tham đắm uống ăn, tự tại đi trong cảnh giới “không, vô tướng, giải thoát”, như chim bay giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết.

Câu 92 và 93 ý nghĩa giống nhau, chỉ khác là câu 92 nói các bậc A-la-hán không chất chứa tài sản, còn câu 93 thì nói các ngài đã dứt sạch lậu hoặc. Cho nên dễ hiểu không cần giảng.

94. Những vị A-la-hán đã tịch tịnh được các căn như tên kỵ mã đã điều phục được ngựa lành, nên không còn phiền não ngã mạn và được các hàng nhân thiên kính mộ.

Những vị A-la-hán đã tịch tịnh được các căn, như tên kỵ mã đã điều phục được ngựa lành, nên không còn phiền não ngã mạn và được các hàng nhân thiên kính mộ. Các bậc A-la-hán được trời người cung kính vì các ngài biết điều phục tâm, chẳng khác nào như người

luyện tập ngựa, từ những con ngựa chứng khó dạy, mà họ luyện tập lần lần trở thành con ngựa thuần, con ngựa hay. Cũng vậy, chỉ khéo điều phục tâm mình mà thành A-la-hán chứ không phải là chuyện ngẫu nhiên. Như vậy tập bỏ tâm phàm, đó là bậc Thánh chứ không tìm đâu xa.

95. Những vị A-la-hán đã bỏ hết lòng sân hận, tâm như cội đất bằng, chí thành kiên cố như Nhân-đà-yết-la, như ao sâu không bùn nên chẳng còn bị luân hồi xoay chuyển.

Những vị A-la-hán bỏ hết lòng sân hận, là không còn tất cả phiền não, tâm như cội đất bằng. Tâm chúng ta còn phiền não tham sân si giống như đất núi đất rừng nhiều lồi lõm. Các ngài chí thành kiên cố, chẳng khác nào như Nhân-đà-yết-la. Nhân-đà-yết-la là tảng đá lớn, chặn giữa cửa vào đền của Thiên Đế-thích. Tâm các vị A-la-hán vững vàng kiên cố, không bị lay chuyển, như ao sâu không bùn, nên chẳng còn bị luân hồi xoay chuyển. Nếu cái ao có bùn thì khi quậy lên nó ngầu đục. Ao không bùn là ở dưới đáy ao không có bọt nhơ, muốn quậy cho nước nổi bùn cũng không được. Cũng vậy các vị A-la-hán do đã dứt sạch phiền não, cho nên không bao giờ luân hồi sanh tử, cũng như ao sâu không bùn. Chúng ta vì còn phiền não nên phải luân hồi sanh tử, đó là một lẽ thật.

96. Những vị A-la-hán ý nghiệp thường vắng lặng, ngữ nghiệp, hành nghiệp thường vắng lặng, lại có chánh trí giải thoát nên được an ổn luôn.

Những vị A-la-hán đối với ba nghiệp; ý nghiệp, ngữ nghiệp và hành nghiệp luôn vắng lặng. Vắng lặng không phải là ngồi im, miệng không nói, tay chân không cử động, không có sinh hoạt gì cả mà ba nghiệp lúc nào cũng trong sạch, không bị khổ vui làm động tâm. Cho nên người tu hành nếu ba nghiệp thanh tịnh thì luôn được an ổn. Ngược lại ba nghiệp không thanh tịnh thì luôn bị phiền não.

97. Những vị A-la-hán chẳng còn phải tin ai, đã thấu hiểu đạo vô vi, dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân cùng quả báo ràng buộc, lòng tham dục cũng đã xa lìa, chính đó là bậc Vô thượng sĩ.

Những vị A-la-hán đã thấy đạo nên tin nơi mình, không còn tin ai. Thấu hiểu đạo vô vi là đạt được Niết-bàn, đạt được lý không sanh không diệt, dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân cùng quả báo ràng buộc, dứt được nhân quả ràng buộc trong vòng luân hồi. Các ngài đã dứt sạch lòng tham dục, cho nên các ngài là bậc Vô thượng sĩ, mà Vô thượng sĩ là một hiệu của đức Phật.

98. Dù ở xóm làng, dù ở núi rừng, dù ở đất bằng, dù ở gò trũng v.v... bất cứ ở chốn nào mà có vị A-la-hán thì ở đó đây cảnh tượng yên vui.

Phật nói mỗi người chúng ta sanh ra đều thọ nhận chánh báo và y báo. Chánh báo là con người chúng ta, y báo là hoàn cảnh sống chung quanh. Nếu chánh báo đẹp thì y báo theo đó mà đẹp, chánh báo xấu y báo theo đó mà xấu. Vì vậy những vị A-la-hán là người có chánh báo đã thuần tịnh, thuần an vui, thì y báo cũng thuần tịnh,

thuần an vui. Thí dụ một người giàu ở trong xóm nghèo, nếu đường xá trong xóm lầy lội, thì họ bỏ tiền sửa sang cho bằng phẳng, sạch sẽ tốt đẹp, nên cảnh thay đổi từ xấu trở thành tốt. Cũng vậy ở đâu có một vị tâm hồn thật thanh tịnh sáng suốt thì ở đó cũng đều được an ổn theo. Kinh nói tâm tịnh thì độ tịnh, đó là lẽ thật.

99. Lâm dã là cảnh rất vui đối với vị A-la-hán nhưng người đời chẳng ưa thích, trái lại dục lạc là cảnh ưa thích của người đời, vị A-la-hán lại lánh xa.

Vị A-la-hán thích ở lâm dã cho nên lâm dã là cảnh rất vui của các ngài, còn người đời thích dục lạc cho nên dục lạc là cảnh vui của người đời. Như vậy điều người đời cho là vui thì các vị A-la-hán lánh xa không thích. Người tu ngược với thế gian là ở chỗ đó.

Phẩm này diễn tả cảnh giới của A-la-hán, chúng ta tu chưa tới, cho nên thấy khó hiểu, nhưng chúng ta cần phải biết qua tâm lượng và cách sống của các ngài, khi tu hành lấy đó làm mục tiêu nhắm tới. Nếu không biết thành A-la-hán là phải như thế nào, hay tâm lượng A-la-hán ra sao, thì không biết được mục đích để nhắm tới.



VIII- PHẨM NGÀN

100. Tụng đến ngàn câu vô nghĩa chẳng bằng một câu có nghĩa lý, nghe xong tâm liền thanh tịnh.

Người nào tụng ngàn câu vô nghĩa, chẳng bằng một câu có nghĩa lý, một câu có nghĩa lý khi nghe xong tâm được thanh tịnh. Thế nào là câu vô nghĩa và câu có nghĩa lý? Như đọc tiểu thuyết, trong đó nói chuyện trên trời dưới đất, tâm chỉ vui buồn theo câu chuyện, chứ không thanh tịnh, nên Phật nói đó là những câu vô nghĩa. Nếu đọc lời Phật dạy, hiểu rõ nghĩa lý để ứng dụng tu hành thì tâm hồn thanh tịnh an ổn, nên nói là câu có nghĩa lý.

Tu là cốt giữ tâm, không cho phóng chạy nơi này nơi nọ, nên có nhiều phương tiện, như niệm Phật, ngồi thiền hay tụng kinh, đặt thời khóa tối tụng một thời, khuya tụng một thời, chỉ nhớ câu kinh thì tâm không xao động, đó là phương tiện điều tâm. Ở đây nói tụng ngàn câu vô nghĩa, là đọc những quyển sách nhảm nhí

ngoài đời, không có nghĩa lý cao siêu, không bằng đọc một câu Phật dạy có nghĩa lý, để tâm mình được thanh tịnh thì quý hơn. Như vậy tụng kinh để chế phục tâm, chứ không phải chỉ là hiểu nghĩa.

101. Tụng đến ngàn câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một câu kệ có nghĩa lý, nghe xong tâm liền thanh tịnh.

102. Tụng đến trăm câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một pháp cú, nghe xong tâm liền thanh tịnh.

Một pháp cú tức là một câu pháp mà đức Phật dạy. Phật dạy dù chỉ một câu cũng có thể khiến tâm thanh tịnh, quý hơn trăm câu, ngàn câu kệ vô nghĩa.

103. Thắng ngàn quân địch chưa thể gọi là thắng, tự thắng được mình mới là chiến công oanh liệt.

Ở đời, một người đánh thắng hay chinh phục được nhiều người thì rất tài giỏi, nếu chinh phục cả triệu người là vô địch. Nhưng đức Phật thì thấy ngược lại, nếu chinh phục người ngoài mà không chinh phục được mình thì chưa phải là người toàn thắng. Cho nên nhiều vị anh hùng hét ra lửa, nhưng cũng bị thần chết lôi đi chứ không thoát khỏi. Còn người tự điều phục và thắng được mình, mới có thể giải thoát sanh tử.

Anh hùng tài giỏi lắm là chinh phục phân nửa thế giới, hoặc là hai phần ba thế giới, chứ không thể nào chinh phục cả thế giới. Giả sử chinh phục cả thế giới thì chỉ trong khoảng năm ba chục năm là cùng,

nếu có danh dự cũng chỉ mấy mươi năm. Hơn nữa chưa có anh hùng nào thoát khỏi tham dục. Còn người chinh phục được tâm, thắng những thói hư tật xấu của chính mình thì thoát ra ngoài vòng sanh tử, không bị hạn cuộc bởi thời gian và không gian. Cho nên ở đây đức Phật dạy, người thắng ngàn quân địch chưa thể gọi là thắng, tự thắng được mình mới là chiến công oanh liệt nhất.

104. Tự thắng mình còn vẻ vang hơn thắng kẻ khác, muốn thắng mình phải luôn luôn chế ngự lòng tham dục.

Người đời thắng được kẻ khác thì hãnh diện, còn người tu thắng được lòng mình mới vẻ vang. Nhiều người nói tu với người ngoài thì dễ mà tu với người thân trong nhà thì khó, nhất là đối với con cháu. Bởi vì trong nhà đi ra đi vô thấy mặt hoài, nên khó nhẫn nhịn, dứa ở hay con cháu, nó làm trái ý thì mình la lối một hồi cho đã giận rồi mới thôi; còn người ngoài nói một lát họ đi mất, thành ra dễ nhẫn. Vì vậy tu với người trong nhà khó, mà tu với người ngoài thì dễ. Bây giờ gặp việc trái ý, vừa tức giận, chúng ta ráng dần xuống thì đã tự thắng mình. Trước hết phải chiến thắng cái tức của mình, khi hết giận kêu con cháu lại dạy bảo. Như vậy mới thật sự dạy bảo trong tình cảm của ông bà cha mẹ dành cho con cháu. Còn khi tức giận bực bội, là rầy rà trong cái sân giận, nói ra chát tai làm người nghe khó chịu. Đó không phải là cách dạy bảo của người biết tu. Vì vậy mọi người đừng cho rằng nhịn rồi thiếu bốn phần giáo dục, mà nhịn là để thắng cái giận nơi mình,

rồi mai dạy bảo đâu có gì muộn, vì lúc hết nóng lời dạy mới thật sự có hiệu quả.

105. Dù là thiên thần, càn-thát-bà, dù là ma vương hay phạm thiên, không một ai chẳng thất bại trước người đã tự thắng.

Có người cho rằng ngồi thiền một mình hay tu nhiều sợ ma phá. Nhưng sự thật không phải vậy. Nói tu nhiều bị ma phá là tại không hiểu ý nghĩa sự tu, nếu cho rằng tu nhiều là tụng kinh niệm Phật nhiều và có những sự huyền bí thiêng liêng thì bị ma quấy phá. Sự thật người tu nhiều là đã tự điều phục và làm chủ tâm mình, thì ma càng sợ không phá được, như người mạnh không bị người khác ăn hiếp.

Có ai tu nhiều như đức Phật mà khi ngồi dưới cội bồ-đề, vẫn bị ma vương tới phá; sau khi thành Phật đi hóa đạo thì bị Đề-bà-đạt-đa theo phá v.v... Với con mắt phàm tục thì cho là Phật bị phá. Ở đây đức Phật nói dù thiên thần, càn-thát-bà, dù là ma vương hay phạm thiên vương, không một ai chẳng thất bại trước người đã tự thắng. Người tự thắng thì không sợ ma phá. Vì vậy nếu tự điều phục, tự chiến thắng tất cả thì không ai phá hoại được. Chỉ khi nào tham sân nổi lên, thì ma mới lôi mình được. Như vậy tất cả đều tại mình. Hơn nữa, người tu thì sẵn sàng chịu thử thách, tại sao lại sợ ma phá!

106. Mỗi tháng bỏ ra hàng ngàn vàng để sắm vật hy sinh tế tự cả đến trăm năm, chẳng bằng trong giây lát cúng dường bậc chân tu, cúng dường

bạc chân tu trong giây lát thắng hơn tế tự quỷ thần cả trăm năm.

Người dù bỏ ra tiền muôn bạc vạn để mua những con vật tế thần, cúng vái tế tự lung tung, tốn hao rất nhiều tiền, không bằng cúng dường những vị chân tu. Vì cúng tế như trên là cầu phước, nhưng sát sanh hại vật thì chuốc tội, thành ra bên tội bên phước. Hơn nữa, cúng như thế cầu ma quỷ ủng hộ cho mình làm giàu, mà giàu có thì của cải chắc gì còn mãi. Nhưng cúng dường bậc chân tu chỉ dạy đạo lý để mình ăn hiền ở lành thì có lợi ích và có phúc lành lâu dài.

107. Cả trăm năm ở tại rừng sâu thờ lửa chẳng bằng trong giây lát cúng dường bậc chân tu; cúng dường bậc chân tu trong giây lát thắng hơn thờ lửa cả trăm năm.

Thuở xưa người Ấn Độ thường thờ thần lửa, đức Phật cho rằng đó là việc làm vô nghĩa. Vì lửa là cái thuộc về vô tình, không có lợi ích bằng cúng dường bậc chân tu và nghe pháp, đó mới thật là lợi ích lớn.

108. Suốt một năm cúng dường để cầu phước, công đức chẳng bằng một phần tư sự kính lễ bậc chánh trực, chánh giác.

Giả sử bố thí cúng dường để cầu phước không bằng tự mình lễ kính bậc chánh trực, chánh giác. Cúng dường bố thí chỉ có cái phước ở bên ngoài, còn tự phát tâm kính lễ bậc tu hành chân chánh là do tâm thành phát ra từ cái nhân tốt ở trong, nên có nhiều phước báo hơn.

109. Thường hoan hỷ tôn trọng kính lễ các bậc trưởng lão thì được tăng trưởng bốn điều: sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ, khỏe mạnh.

Nếu thường vui vẻ tôn trọng kính lễ các bậc trưởng lão là những người lớn tuổi hạ, đạo đức cao siêu. Tôn trọng kính lễ như vậy được bốn điều tốt là sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ và khỏe mạnh.

110. Sống trăm tuổi mà phá giới và buông lung, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà trì giới tu thiền định.

Có nhiều người đi tu thọ giới hai mươi năm, thấy người mới thọ giới ba năm thì coi thường. Nếu theo lời Phật dạy ở đây thì người tu khi thọ giới phải giữ giới thanh tịnh, mới có giá trị, còn thọ giới lâu năm mà buông lung không giữ giới, lại kể mình lớn tuổi đạo người ta phải kính nể, đó là sai lầm.

111. Sống trăm tuổi mà thiếu trí tuệ không tu thiền, chẳng bằng chỉ sống một ngày mà đủ trí tu thiền định.

Sống lâu mà không có trí tuệ, không biết tu thiền, không bằng sống một ngày mà đủ trí tuệ tu thiền. Vì sống một trăm tuổi mà chạy theo danh lợi thế gian, rốt cuộc chỉ chuốc lấy luân hồi sanh tử. Nếu sống một ngày là thời gian ngắn, mà có trí tuệ biết tu thiền định, một ngày tâm mình tỉnh táo sáng suốt, thì chặn được một đoạn đường sanh tử, còn hơn kéo dài đau khổ trong sanh tử luân hồi.

112. Sống trăm tuổi mà giải đãi không tinh tấn, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà hằng hái tinh cần.

Người sống thật lâu mà biếng nhác, không bằng người sống trong một ngày mà siêng năng tu hành. Người tu Phật cốt yếu là biết nỗ lực trong thời gian đang tu, chứ không phải tính nhiều năm tháng. Có người tự hào năm nay tôi xuất gia được bốn mươi năm, nói vậy là lắm. Nếu người tu bốn mươi năm mà giải đãi thì không bằng người xuất gia một năm mà tinh tấn. Như vậy giá trị của người tu ở chỗ tinh tấn, chứ không phải ở chỗ nhiều năm. Có người cứ nói tôi tu nhiều năm là có công đức nhiều, sự thật người nào xuất gia biết nỗ lực tu hành, dù chỉ tu hai ba ngày rồi chết vẫn có giá trị như thường. Tu nhiều năm mà có nỗ lực tinh tấn thì rất quý, nếu giải đãi thì không ra gì.

113. Sống một trăm tuổi mà không thấy pháp vô thường sanh diệt, chẳng bằng chỉ sống một ngày mà được thấy pháp sanh diệt vô thường.

114. Sống trăm tuổi mà không thấy đạo tịch tịnh vô vi, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà thấy được đạo tịch tịnh vô vi.

115. Sống trăm năm mà không thấy pháp tối thượng, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà được thấy pháp tối thượng.

Sống một ngày thấy được pháp sanh diệt vô thường quý hơn sống một trăm tuổi. Bởi vì nếu một ngày mà

thấy được pháp sanh diệt vô thường là đã có phần giác ngộ, còn hơn một trăm năm mà không có giác ngộ. Vì vậy mà câu 114 đức Phật nói rõ hơn.

Người nào sống một trăm năm mà không đạt được Niết-bàn, không bằng sống một ngày mà đạt được Niết-bàn, vì sống một ngày mà đạt được Niết-bàn thì thoát vòng sanh tử luân hồi.

Câu này cũng giống Nho giáo đã nói *Triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ*, sáng nghe đạo, chiều chết cũng vui. Như vậy là một giờ hay một buổi mà biết đạo, còn hơn là cả đời sống mà không biết đạo. Ở đây đức Phật nói nếu sống một trăm tuổi mà không thấy được pháp tối thượng, không bằng chỉ sống một ngày mà thấy được pháp tối thượng.



IX- PHẨM ÁC

116. Hãy gấp rút làm lành, chế chỉ tâm tội ác. Hễ biếng nhác làm lành giờ phút nào, thì tâm ưa chuyện ác giờ phút ấy.

Tâm người không bao giờ chịu lặng yên, nếu không nghĩ thiện thì sẽ nghĩ ác. Vì vậy cho nên người biết tu muốn ngăn ngừa tội ác, phải luôn luôn cần mẫn phải ngăn ngừa từng phút giây, nếu lơ lửng thì gây tạo tội lỗi. Ai biết như vậy chắc chắn tu hành sẽ tiến và đường tu không bị gián đoạn. Nếu khi siêng năng gấp rút, lúc lại bê trễ bỏ qua, không nghĩ tới công phu tu hành, thì không bao giờ tiến được. Khi tu dừng để gián đoạn tâm thiện của mình, nếu gián đoạn là sẽ bị cái ác chen vào. Nên người làm lành lúc nào cũng phải cố gắng kèm chế tâm mình, biếng nhác thì sẽ thoái lui và hư hỏng.

117. Nếu đã lỡ làm ác, chớ tiếp tục làm thêm, chớ vui làm việc ác. Hễ chứa ác nhất định thọ khổ.

Chúng ta vô tình hay cố ý lỡ tạo điều ác thì nên hối cải, gọi là phát lồ sám hối. Nếu cố ý làm hoài, nghiệp ác

ngày càng tăng trưởng thì chắc chắn phải chịu quả báo đau khổ.

118. Nếu đã làm việc lành, hãy nên thường làm mãi, nên vui làm việc lành. Hễ chứa lành nhất định thọ lạc.

Người đã làm việc lành thì tiếp tục làm, đừng nghĩ rằng ngày nay làm lành đã đủ, ngày mai không cần làm nữa. Như vậy là mình không tiếp tục làm việc lành cho đến viên mãn. Đức Phật dạy khi chúng ta đã làm được việc lành, nên thường làm mãi, nên vui làm việc lành, vì làm lành thì nhất định nhận được quả báo an vui.

119. Khi nghiệp ác chưa thành thực người ác cho là vui. Đến khi nghiệp ác thành thực kẻ ác mới hay là ác.

Khi làm điều ác mà chưa có kết quả, người ác cho là vui, đến khi nghiệp ác đến thì người ác mới hay là khổ. Như vậy là muộn rồi. Cho nên người biết tu, khi có một niệm ác khởi lên phải biết và không nên làm, vì làm sẽ chịu quả khổ.

120. Khi nghiệp lành chưa thành thực người lành cho là khổ, đến khi nghiệp lành thành thực người lành mới biết là lành.

Khi làm việc lành mà chưa có kết quả, người đời cho là khổ. Thí dụ người làm việc từ thiện mong có kết quả tốt, nhưng tâm niệm của người ấy nghĩ về mình nhiều hơn là người đang chịu khổ. Cho nên đi đường gặp trời nắng thì cảm thấy mệt nhọc. Khi đi tới giúp đỡ người ta, gặp người vô lễ xúc phạm, thì cảm thấy

khó chịu, rồi kết luận làm lành mà gặp toàn chuyện bực bội bất an. Nhưng không ngờ đó là lúc mới gây nhân, tuy có khổ nhưng khi kết quả tốt đẹp đến, mới biết nhờ làm lành.

Khi mới tới ở tu viện Chơn Không, tôi xin từng cây chuối con và đào lỗ để trồng vì nghĩ rằng trong vườn cần có những cây trái. Khi trồng chuối sẵn sóc tưới nước, làm cỏ cho nó lớn, tôi không nghĩ cực khổ, chỉ cần nó xanh tươi là vui rồi. Giả sử trồng giáp năm mà chuối không có buồng, cũng không sao. Cũng vậy làm lành không mong cầu kết quả, chỉ cần giúp người đang khổ, cho cơm khi người đói, cho áo khi người lạnh, thấy họ bụng chén cơm ăn hết đói, mặc áo hết lạnh, đó là sung sướng lắm rồi, không mong họ phải biết ơn mình.

Khi mới ra đây, có một Phật tử gửi tặng tôi quả đu đủ Đà Lạt, ăn thấy ngon nên tôi lấy hột ươm. Ban đầu chỉ trồng một cây, rồi sau đó trồng thêm mấy cây. Trong năm năm liền, năm nào tôi cũng thu hoạch vài ba chục quả, từ một quả mà ươm trồng liên tục thì quả sẽ có liên miên. Nếu ăn quả đu đủ rồi bỏ hột không ươm, thì sẽ mất giống.

Cũng vậy, chúng ta đủ cơm ăn áo mặc, sống mạnh khỏe không tật nguyên, đó là nhờ trước kia đã làm lành, cho nên đời này mới được hưởng quả lành. Vì thế sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ cần, với khả năng sức lực sẵn có của mình. Nếu có phước mà đời này dừng lại không tiếp tục làm, thì nhân lành bị mất. Cho nên người biết tu, lúc nào cũng cố gắng gieo trồng giống lành, đừng cho đoạn dứt.

121. Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng chẳng đưa lại quả báo cho ta. Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình, kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác bởi chứa dồn từng khi ít mà nên.

Đức Phật dạy đừng khinh thường việc ác nhỏ. Dù việc ác nhỏ như giết một con kiến, hay đập một con muỗi cũng không làm. Nếu giết một con kiến, đập một con muỗi mà khinh thường thì lần tới giết những con vật lớn, mình sẽ không sợ tội. Đối với con người, dù làm người khác phiền muộn một chút cũng không nên, vì biết rằng một lần phiền muộn tuy nhỏ, đau khổ ít, nhưng lâu ngày tích chứa rồi thành đau khổ nhiều. Cho nên chúng ta không làm ác dù là những việc nhỏ. Tuy làm điều ác nhỏ chưa có quả báo, nhưng cũng phải dè dặt, bởi vì dồn chứa thì nhiều điều ác nhỏ trở thành lớn. Nếu điều ác nhỏ không chứa thì điều ác lớn không thể nào tránh khỏi. Ở đây đức Phật nói không ai tự nhiên có tội lỗi, kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác, vì tích chứa từ nhiều lỗi nhỏ thành tội lớn. Vậy chúng ta phải dè dặt không làm dù là việc ác nhỏ.

122. Chớ khinh điều lành nhỏ, cho rằng chẳng đưa lại quả báo cho ta. Phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Người trí sở dĩ toàn thiện bởi chứa dồn từng chút từng chút mà nên.

Phước lành của chúng ta, không phải tự nhiên đầy đủ, mà do chúng ta dồn từng chút mà thành. Đức Phật không bỏ sót cái phước nhỏ xỏ kim, huống nữa chúng ta là phàm phu mà bỏ qua phước nhỏ không làm. Vì vậy điều ác nhỏ chúng ta không nên làm, mà điều thiện nhỏ

cũng đừng bỏ qua. Người như thế sẽ đầy đủ phước đức và tránh tất cả tội lỗi.

Thí dụ như người muốn lập nghiệp, muốn làm giàu thì phải tiết kiệm từng cái nhỏ. Như khi trời sáng phải tắt đèn liền, nếu không thì hao một chút dầu cũng tốn kém, đó là nghệ thuật làm giàu. Như vậy người muốn giàu thì phải tiết kiệm từng chút. Nếu có bạc triệu mới giữ, còn những cái nhỏ không biết giữ làm sao giàu được. Đó là người thế gian làm giàu, hướng là người tu, đối với việc làm lành làm phúc chúng ta không đợi việc lớn mới làm mà việc nhỏ không làm.

Ở tu viện Chơn Không, vừa rồi khách đang ngồi chơi với tôi bị đám muỗi cắn, họ nổi nóng đập một cái thật mạnh cho nát thây, vì nó cắn đau quá, dễ giận quá. Nhưng xét kỹ con muỗi thật đáng thương! Vì phòng tắm của tôi ban ngày đóng cửa tối om, mấy con muỗi đậu trên tường trốn. Khi mở cửa, bầy muỗi bay ủa ra, bay ra con nào, chuồn chuồn đớp sạch con đó. Thật là tội nghiệp! Ở trong phòng tắm thì bị thần lẫn, nhên nhện đớp, ra ngoài thì bị chuồn chuồn. Chờ tới tối đi kiếm ăn, gặp được mồi chích vô một cái thì bị đập chết.

Nghĩ vậy mà thương nên không nỡ giết nó, giả sử nó cắn phải nó đi rồi thôi, chứ giết nó thấy cũng tàn nhẫn quá. Nhưng người thường đâu có ai mà thương muỗi, bị chích là đập liền, không nghĩ đến thân phận khổ sở của nó. Người biết tu phải quán sát những chuyện nhỏ, để khởi lòng từ bi thương những con vật nhỏ, rồi mới phát tâm biết thương những con vật lớn. Cũng như làm những điều lành nhỏ chứa dần từng chút mà thành toàn thiện.

123. Như người đi buôn mang nhiều của báu mà thiếu bạn đồng hành, tránh xa con đường nguy hiểm làm sao, như kẻ tham sống tránh xa thuốc độc như thế nào, thì các người cũng phải tránh xa điều ác thế ấy.

Người đi buôn mang nhiều của báu mà không có bạn cùng đi, phải tránh đường vắng chỗ nguy hiểm. Nghe chỗ nào có cướp giết thì tránh xa, không bao giờ dám đến gần. Người ham sống nghe nói thuốc độc thì không dám nếm. Tâm mình vừa khởi nghĩ ác thì nhớ rằng, người ham sống tránh xa thuốc độc thế nào, thì mình cũng phải tránh xa những niệm ác như thế ấy. Nhớ như vậy thì chắc rằng không dám nghĩ ác và làm ác.

124. Với bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc, với người không làm ác thì không bao giờ bị ác.

Bàn tay không bị trầy xước, thì có cầm nắm thuốc độc cũng không sao. Cũng vậy, nếu người không làm ác thì không bao giờ bị quả báo ác. Nhưng câu nói này gây nghi ngờ. Có người từ bé không làm ác, nhưng vẫn bị quả báo xấu đau ốm tật nguyên thì sao? Đó là quả báo của đời quá khứ phải trả. Người cả đời làm lành, mà chịu quả báo xấu có thể là do quả báo của đời trước hoặc họ chỉ làm về hình thức bên ngoài, mà bên trong còn tính toán. Người không biết rồi thắc mắc: không có nhân quả sao? Thật ra nhân quả báo ứng liên hệ tới ba đời, quá khứ hiện tại và vị lai. Cho nên đời này tuy làm lành mà cũng không chắc gì hoàn toàn hưởng quả lành.

Nếu đời trước còn thừa quả báo xấu, thì đời này phải gan dạ chấp nhận, khi quả xấu hết rồi thì sẽ nhận quả báo tốt đầy đủ.

125. *Đem ác ý xâm phạm đến người không tà vạy, người thanh tịnh vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại làm hại kẻ ác như ngược gió tung bụi.*

Mấy đứa trẻ chơi ngoài đường, đứa này ghét đứa kia, muốn ném bụi cho đứa kia dơ, nhưng vì nó đứng ở dưới gió, nên bị bụi hất ngược trở lại, càng ném thì bụi càng phủ lên đầu. Cũng vậy người thanh tịnh không nhiễm ô mà mình cố tình hại, càng hại người là trở lại hại mình. Cho nên ở đây đức Phật dùng hình ảnh *ngược gió tung bụi*, bụi không tới người, mà trở lại phủ trên đầu mình để nhắc nhở chúng ta đừng nên hại người.

126. *Con người sanh ra từ bào thai, nhưng kẻ ác đọa vào địa ngục, người chánh trực thì sanh lên chư thiên. Còn cõi Niết-bàn thì dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử.*

Con người tuy đồng sanh từ bào thai, nhưng mỗi người có quả báo khác nhau. Người ác thì sẽ rơi vào địa ngục, người lành sẽ sanh lên các cõi trời, còn người đã diệt sạch nghiệp sanh tử thì đạt được Niết-bàn. Bao nhiêu con đường tốt xấu trưng bày, ai cũng có khả năng chọn lựa một con đường mà đi.

127. *Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi nghiệp ác đã gây.*

Có nhiều người làm ác rồi chạy trốn, tưởng rằng tránh được nghiệp ác, nhưng làm sao khỏi. Có thể họ tránh được quả ác hiện tại, nhưng quả ác vị lai làm sao tránh.

Trong nhà Phật cụ thể hóa nghiệp thiện, nghiệp ác bằng hình ảnh một chiếc gương, thường gọi nghiệp cảnh, tức là cái gương nghiệp. Khi người có tội chết xuống địa ngục, bị Diêm vương tra vấn, nếu ở nhân gian gây tạo tội lỗi mà che giấu không chịu khai thật, thì các ngài không đánh đập tra tấn, mà dẫn người tội tới trước gương nghiệp, khi đó sẽ thấy tất cả hình ảnh làm ác của mình, như giết người thì hiện giết người, ăn cắp thì hiện ăn cắp v.v... nói như vậy nghe có vẻ thần thoại một chút.

Nói nghiệp thiện, nghiệp ác không bao giờ mất, có người tưởng hai bên vai có những vị thần luôn theo dõi, khi làm việc ác hay việc thiện, các ngài đều ghi vô sổ. Chết xuống nạp sổ cho phán quan, để xét tội phước, có công thì thưởng, có tội thì trừng phạt, đó là theo quan niệm của người thường. Nhưng với con mắt của người tu theo đạo Phật thì không phải như vậy. Theo Duy thức học của đạo Phật, con người có thức thứ tám là tàng thức, chứa đựng tất cả hành động tốt xấu của chúng ta đã làm. Như đem hạt giống để vào trong kho tàng thức, khi đủ duyên thì nó hiện hành.

Thí dụ ông A xúc phạm người đang có thế lực, người này hành phạt ông A nặng nề rồi không nhớ nữa. Ông A kém thế lực không có khả năng phục thù, mọi việc như trôi qua. Thời gian sau người kia bị mất quyền thế,

còn ông A trở thành người có uy quyền. Gặp nhau, mỗi hận cũ trở dậy, ông A tìm cách hại lại người kia. Đã gây nhân thì quả báo không mất, mình huân cái gì thì có hạt giống rơi vào tàng thức. Nếu huân mạnh thì hạt giống mạnh, yếu thì hạt giống yếu, chứ không mất. Cho nên khi còn khỏe mạnh gây tạo bao nhiêu nghiệp ác, tưởng như quên rồi. Tới lúc sắp chết, tinh thần yếu đuối, chừng đó tất cả việc làm từ khi sanh cho đến khi chết hiện ra. Khi đủ duyên những hạt giống mạnh hiện hành, thì dù chạy trốn vào núi thẳm hay trong đáy biển, cũng không trốn được, vì nó đã theo mình ở trong tâm thức. Trừ khi mình chuyển được nghiệp rồi đến hết nghiệp và sạch nghiệp, chứ còn mong trốn nghiệp thì không bao giờ trốn được.

128. Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này chẳng có nơi nào trốn khỏi tử thần.

Thuở xưa có mấy vị tu chứng ngũ thông, họ biết bay lên trời, biết lặn xuống nước v.v... Khi biết rõ mạng sống của mình sắp hết, mỗi người chạy mỗi nơi để trốn cho khỏi chết. Nhưng tới giờ chết đến, dù ở nơi nào cũng đều ngã ra mà chết. Cho nên đức Phật mới nói không ở đâu trốn được cái chết, khi duyên hết, mạng sống cùng, thì ở đâu rồi cũng chết.



X- PHẨM ĐAO TRƯỞNG

129. Ai cũng sợ dao gậy, ai cũng sợ chết; hãy lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết.

130. Ai cũng sợ dao gậy, ai cũng thích sống; hãy lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết.

Hai câu này đức Phật dạy tương tự như nhau, ai cũng sợ gươm đao, nếu sợ gươm đao thì không nên dùng gươm đao hại người khác. Ai cũng sợ chết, nếu mình muốn sống thì không nên giết hại người khác, vì họ cũng ham sống như mình. Đó là biết xét lòng mình để suy ra lòng người.

131. Người nào cầu an vui cho mình, mà lại lấy dao gậy nã hại kẻ khác, thì sẽ không được yên vui.

132. Người nào cầu hạnh phúc cho mình, mà không lấy dao gậy nã hại kẻ khác, thì sẽ được hạnh phúc.

Chúng ta muốn có hạnh phúc, thì không nên phá hoại hạnh phúc kẻ khác, mà mong cho người được

hạnh phúc như mình, vậy mới công bằng vì mình và người là đồng loại với nhau.

133. Chớ nên nói lời thô ác, khi người dùng lời thô ác nói với người khác, người khác cũng dùng lời thô ác nói với người. Thương thay những lời nói nóng giận thô ác, chỉ làm cho các người đau đớn như dao gậy mà thôi.

Chúng ta không nên dùng lời thô ác nói với người khác, làm cho họ đau khổ. Nếu dùng lời thô ác nói với người khác, thì họ sẽ dùng lời thô ác trả lại mình. Như vậy vay trả, trả vay cuối cùng mọi người đều khổ, không được an vui. Như hai người cãi nhau, vì muốn hơn nên tìm câu gì hay để nói, người kia không chịu nhận, phải tìm lời cao hơn nữa để đáp lại. Hai bên hơn thua thì cả hai đều bất an, chỉ bằng ai hơn mặc kệ, không tính hơn thua, như vậy mới yên ổn.

134. Nếu người mặc nhiên như cái đồng la bể, trước những người đem lời thô ác cãi vã đến cho mình, tức là người đã tự tại đi trên con đường Niết-bàn, người kia chẳng sao tìm sự tranh cãi với người được nữa.

Một thuật sống an lạc trong hiện tại và vị lai là mặc nhiên trước người đem lời cãi vã, thô ác đến cho mình. Khi nào có người cãi vã mà làm thỉnh bỏ qua, mỉm cười không giận thì an ổn vô cùng. Cãi vã là tranh đấu, nếu người muốn tranh đấu mà mình không muốn, thì sự tranh đấu sẽ hết. Đó là một phương pháp chấm dứt tranh đấu nhanh chóng và rất an ổn.

Tuy nhiên, nếu luận bàn đạo lý hay giải quyết công việc, cần phải suy luận bàn bạc, biện minh rành rẽ tốt xấu thiện ác, phải quấy thì nên bàn, nhưng không nên cãi. Đừng hiểu lầm chữ mặc nhiên là bỏ qua mọi việc không lưu tâm tới. Nếu hiểu lời Phật dạy, thì học đạo thông suốt và thực hiện công việc có kết quả tốt.

135. Như với chiếc gậy, người chần trâu xua trâu ra đồng; sự già sự chết cũng thế, thường xua chúng sanh tới chỗ tử vong.

Thỉnh thoảng nhìn thấy tóc bạc, răng lung lay, da mặt nhăn nheo thì biết mình đã già, tướng già đẩy con người tới tử vong, không dừng lại và không tha cho ai. Cũng như cây gậy lừa bầy trâu ra ruộng đồng.

136. Kẻ ngu phu tạo ác nghiệp, vẫn không tự biết có quả báo gì chẳng. Người ngu tự tạo ra nghiệp để chịu khổ chẳng khác nào tự lấy lửa đốt mình.

Có người nói Phật tử đã quy y thọ giới mà phạm thì mới có tội; còn không quy y thọ giới mà phạm thì không có tội. Lý luận như vậy không đúng. Thí dụ người không biết pháp luật phạm tội, họ cãi với quan tòa, tôi không biết luật, nên phạm tội tôi không ở tù. Nhưng biết luật hay không biết luật, mà phạm tội cũng vẫn ở tù. Cũng vậy dù có thọ giới hay không, mà tạo nghiệp ác vẫn phải chịu quả báo xấu. Nhưng nhờ thọ giới, cho nên vừa có ý muốn phạm là biết liền nên không dám làm. Cũng như nhờ học luật, vừa làm trái thì biết liền để tránh và sửa đổi rất mau. Người không biết đó là tội,

cứ tạo nghiệp rồi chịu khổ, chẳng khác nào lấy lửa tự đốt mình, làm cho phước đức cháy thiêu hết.

137-140. Nếu lấy dao gây hại người toàn thiện toàn nhân, lập tức kẻ kia phải thọ lấy đau khổ trong mười điều này: thống khổ về tiền tài bị tiêu mất, thân thể bị bại hoại, bị trọng bệnh bức bách hoặc bị tán tâm loạn ý, bị vua quan bách hại, hoặc bị vu trọng tội, bị quyến thuộc ly tán hoặc bị tài sản tan nát, hoặc phòng ốc nhà cửa bị giặc thiêu đốt và sau khi chết đọa vào địa ngục.

Những kẻ ác hại người thiện thì sẽ chịu mười điều quả báo như trên. Chúng ta phải nhớ để tránh không làm.

141. Chẳng phải đi chân không, chẳng phải để tóc xù, chẳng phải xoa tro đất vào mình, chẳng phải tuyết thực, chẳng phải nằm trên đất, chẳng phải để thân hình nhóp nhúa, chẳng phải ngồi xồm mà người ta có thể trở nên thanh tịnh, nếu không dứt trừ mê hoặc.

Ở Ấn Độ, có nhiều phái ngoại đạo tu rất kỳ quặc, như người theo phái Ni-kiền Tử, lấy tro xoa vào mình lem lấm dơ bẩn cho đó là tu. Có người để tóc bờm xờm, có phái thì nhịn ăn, nằm trên đất, hoặc ngồi xồm ngoài nắng suốt ngày cho đó là tu. Những cách tu như trên không thể làm cho người ta trở nên thanh tịnh. Nếu muốn hết nghiệp được trong sạch thanh tịnh thì phải dứt hết mê hoặc trong tâm. Còn những việc hành hạ về thể xác không bao giờ làm cho mình thanh tịnh.

142. Người nào nghiêm giữ thân tâm tịch tịnh, chế ngự khắc phục ráo riết trên đường tu phạm hạnh, không dùng dao gây gia hại sinh linh, thì chính người ấy là Bà-la-môn, là Sa-môn là Tỳ-kheo vậy.

Người nào biết nghiêm giữ thân tâm, biết chế ngự, khắc phục và thường tu hạnh trong sạch, không dùng những dao gây gia hại sanh linh, chính người đó là Bà-la-môn, là Sa-môn và Tỳ-kheo. Như vậy người biết tu giữ tâm được thanh tịnh, người đó mới xứng đáng. Nếu thân tâm không thanh tịnh thì mang danh xưng gì cũng không xứng đáng.

143. Biết lấy điều hổ thẹn để cấm ngăn mình, thế gian ít người làm được. Những người đã làm được họ khéo tránh điều khổ nhục, như ngựa hay khéo tránh roi da.

Tâm chúng ta buông lung như ngựa, không chịu kiềm chế, thường biết quấy mà cứ làm. Cho nên khi chưa làm chủ tâm thì đừng tự hào rằng tôi thuần thiện, mà có lúc nghĩ thiện, lúc nghĩ ác, nhưng nếu vừa nghĩ xấu ác liền biết hổ thẹn, tự hỏi tại sao mình là người tu mà có những niệm xấu. Người biết dùng hổ thẹn để cấm ngăn mình, không cho làm điều bất thiện, đức Phật cho rằng ở thế gian ít có. Còn người không biết hổ thẹn, cứ nuôi dưỡng niệm xấu lớn lên, rồi một ngày kia niệm xấu thúc đẩy, dẫn đến hành động xấu.

Người biết hổ thẹn tránh những điều xấu dở, như con ngựa hay, vừa thấy bóng roi liền chạy, không đợi

đánh rồi mới đi. Còn người làm điều xấu ác không biết hổ thẹn, đợi cho tới khi ra trước pháp luật, mới chịu thú nhận, như ngựa dờ đợi đánh rồi mới chịu đi.

144. Các người hãy nỗ lực sám hối như ngựa đã hay còn thêm roi. Hãy ghi nhớ lấy Chánh tín, Tịnh giới, Tịnh tiến, Tam-ma-địa, Trí phân biệt và Minh hạnh túc để tiêu diệt thống khổ.

Người đã biết làm điều lành, nhưng phải thường sám hối, chẳng khác nào con ngựa đã hay còn thêm roi để hờ, nó hơi lười thì giở roi lên cho thấy mà ráng tiến. Cũng vậy chúng ta đã biết hổ thẹn, tránh điều ác, làm những điều lành, còn biết sám hối thì càng thêm thanh tịnh. Hơn nữa hãy ghi nhớ lấy Chánh tín, Tịnh giới, Tịnh tiến, Tam-ma-địa, Trí phân biệt và Minh hạnh túc để tiêu diệt thống khổ.

Chánh tín là tin Tam bảo. Phật là bậc Giác ngộ, cho nên tu theo ngài để được giác ngộ giải thoát, tin như vậy là đúng. Nếu tin Phật mà xin ngài ban cho mình ân sủng, thì trở thành mê tín chứ không phải chánh tín. Tin pháp là tin những lời Phật dạy là chân chánh, nương đó tu hành, để được giải thoát như ngài. Tin tăng vì chư tăng là người giữ đúng giới luật, sống đúng tinh thần người xuất gia. Tin như vậy là người Phật tử có chánh tín. Kế nữa là tin nhân quả, người tin nhân quả là người tỉnh, nếu không tin nhân quả mà tin những chuyện không thực tế, đó không phải là chánh tín.

Tịnh giới là như người tại gia thọ năm giới, hoặc bốn giới tùy theo sở nguyện, thọ giới nào thì giữ giới

đó cho được trong sạch. *Tinh tiến* là phải siêng năng làm lành, giữ ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, đừng cho niệm xấu khởi lên, thì ngôn ngữ xấu, hành động xấu không phát ra. *Tam-ma-địa* tức là thiền định, là áp dụng phương pháp tu thiền, hoặc đếm hơi thở hoặc quán bất tịnh, quán từ bi. *Trí phân biệt* là dùng trí tuệ để nhận định chánh tà và đầy đủ ba môn: văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ. Nghĩa là nghe chánh pháp, tư duy và ứng dụng tu hành. *Minh hạnh* tức là phải có đủ trí và hạnh. Tóm lại, người tu phải nỗ lực thực hành những điều Phật dạy trong câu Pháp cú này, như vậy mới tiêu diệt tất cả nỗi khổ từ vô lượng kiếp.

145. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm tên lo uốn tên, thợ mộc lo nẩy mực cửa cây, người làm lành thì tự lo chế ngự.

Câu này ý nghĩa giống như câu 80 ở phẩm Hiền trí, chỉ khác chữ làm lành nên khỏi cần giảng.



XI- PHẨM GIÀ

146. Làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt. Ở trong cõi tối tăm bừng bừng sao không tìm tới ánh quang minh.

Những lời Phật dạy rất là tha thiết, làm sao vui cười, có gì thích thú khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt? Ở trong cõi tối tăm bừng bừng, sao không tìm tới ánh quang minh?

Người đang ở trong nhà bị cháy, không thể nào vui cười được mà phải gấp chạy ra. Cũng vậy, chúng ta đang bị lửa vô thường thiêu đốt thì phải gấp rút tu hành. Phật dạy cần tu tợ lửa cháy đầu, vừa thấy phụt tới phải phủi lia lia chứ không thể chậm trễ. Vậy người tu phải cần mẫn, gấp rút, chứ không thể lơ là. Người đang ở trong chỗ tối tăm thì lúc nào cũng mong được ánh sáng, đó là lẽ tất nhiên.

Chúng ta đang ở trong hai trạng thái đau khổ là vô thường thiêu đốt và vô minh tối tăm, phải gấp rút

lo tu hành để thoát khỏi, đó là người biết tiến trên con đường giải thoát.

147. Hãy ngắm cái thân tốt đẹp này chỉ là đồng xương lở lói chồng chất tật bệnh đã được người ta tưởng là êm ái, trong đó tuyệt đối không có gì trường tồn.

Chúng ta nhìn lại sự thật của con người, để rồi không lầm lẫn đắm trước. Phật bảo thân này chỉ là một đồng xương lở lói, trong đó chồng chất bao nhiêu tật bệnh mà người ta tưởng là êm ái đẹp đẽ nên vui thích. Mình chỉ là một đồng xương, không có gì trường tồn, nhưng nếu có ai nói mình chết yếu thì không bằng lòng. Biết chúng ta sai lầm nên đức Phật dạy quán từ chân lên tới đầu, từng lóng xương ráp lại thành đồng xương, ráp theo thứ tự, nhờ gân cột lại như những sợi dây cột món đồ. Khi lệch gân thì tay chân cựa quậy không được. Trong đây chất chứa một khối bệnh tật, vậy mà người ta nghĩ rằng mình khỏe mạnh rồi đắm trước. Đã là ráp xếp thì tất nhiên sẽ tan hoại một sớm một chiều, không thể nào tránh khỏi.

148. Cái hình hài suy già này là một cái rừng tập trung bệnh tật, dễ hư nát. Đã có tụ tất có tán, có sanh tất có tử.

Thân này khi già gân cốt sai lệch, nên đi nghiêng là bị treọ, răng rụng hết thì nhai nuốt khó khăn, mất mờ tai điếc, tập trung đủ thứ tật bệnh. Người nào sáu mươi tuổi trở lên thì thấy rất rõ ràng, nay đau mai yếu,

ít khi khỏe mạnh. Cho nên phải nhớ thân hình suy già này tập trung nhiều bệnh tật, cố gắng nỗ lực tu hành, để không khổ vì tuổi già, mà chấp nhận nó đến một cách vui vẻ.

149. Trái hồ lô về mùa thu thì khô tàn, thân này cũng vậy, khi đã hư hoại chỉ còn một đống xương màu lông hạc, rõ thật chẳng có gì vui.

Trái hồ lô tức là trái bầu. Người ta hay trồng bầu vào tháng mười, tháng mười một trở lên. Lúc mới ra, trái bầu coi mơn mớn, tới tháng chạp, tháng giêng nó già, đến tháng hai, tháng ba bắt đầu khô, người ta rút hết ruột ra chỉ còn vỏ bầu trống không. Đức Phật nói thân này cũng như trái bầu, về mùa thu thì khô tàn, tức là một ngày nào đó thân rã ra, chỉ còn đống xương màu hơi xám xám, hay đục ngà ngà chứ có gì vui. Bây giờ còn đi đứng, ăn uống, thì thấy da thịt mơn mớn, tới chừng tắt thở thì bốn đại rã tan, trả về cho đất nước gió lửa. Rốt cuộc còn lại mấy lóng xương màu ngà ngà đục đục, chứ không có gì quý. Chúng ta phải nhìn sự thật, để bớt đắm trước thân này.

150. Thân này là cái thành xây bằng xương cốt, tô quét bằng máu thịt, để cất chứa sự già và sự chết, ngã mạn và dối gian.

Người ta xây thành bằng đá bằng gạch, bên ngoài tô quét bằng vôi, xi măng hay bằng sơn. Phật nói thân này là cái thành xây bằng xương cốt, bên ngoài tô quét bằng máu thịt, để cất chứa sự già, chết, ngã mạn và

dối gian. Nó chứa toàn đồ xấu, nhưng vì còn chấp ngã nên thấy mình là trung tâm của quả địa cầu, chứ không thấy mình là hạt cát giữa bãi sa mạc, đó là gốc của ngã mạn, vì ngã mạn nên làm điều gì xấu thì che bớt, còn làm một hai điều tốt thì khoe khoang. Vì tốt khoe, xấu không dám nhận nên trở thành dối gian. Chúng ta chịu khó sớm chiều xét lại thân mình, để giảm bớt hai điều, về thể xác không còn lăm nó, về tinh thần dứt được tâm ngã mạn và lừa dối. Như vậy sự tu của mình mới tiến bộ hơn.

151. Cái xe vua đi dù được trang hoàng lộng lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau tria cũng có lúc già yếu. Chỉ trừ pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già mà cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác.

Như chiếc xe của vua, hay bây giờ là chiếc xe của tổng thống, dù đẹp mấy đi nữa rồi có ngày cũng phải hư. Thân này cũng vậy là cái hư hoại không bền lâu, dù cho giai nhân nhan sắc lộng lẫy rồi cũng già chết. Chỉ có pháp của các bậc thiện nhân là không bị suy già.

Pháp của các bậc thiện nhân là chỉ cho pháp của chư Phật hay của hàng Bích-chi, A-la-hán, thiện pháp đó không bao giờ mất. Đọc qua lịch sử chúng ta thấy thân đức Phật là thân của đấng Giác ngộ, mà còn phải hoại, rồi thân của thập đại đệ tử của ngài cũng hoại, nhưng pháp của các ngài đến bây giờ vẫn còn. Như vậy sắc thân có hình tướng thì sẽ tan hoại, chỉ có những pháp của bậc thiện nhân là không bị mất, mà di chuyển từ

người lành này đến người lành khác, nghĩa là một người ứng dụng tu thấy lợi ích rồi truyền bá cho người khác biết để tu.

152. Người ngu ít nghe, kém học, suốt đời như trâu nai, gân thịt dẫu lớn mạnh mà trí tuệ không tăng trưởng thêm.

Con trâu nai gân thịt lớn mạnh mà không có trí tuệ. Cũng vậy con người chỉ to lớn ngoài hình thức mà trí tuệ không sáng suốt, thì chỉ là khối thịt chứ không có gì quan trọng. Những người không có trí tuệ, không có khả năng giúp ích cho đời, người đó là hàng giá áo túi cơm. Người tu nên cố gắng học hiểu giáo lý và ứng dụng tu hành, nuôi lớn trí tuệ thì đời sống mới có giá trị.

153-154. Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi. Hỡi kẻ làm nhà! Nay ta gặp được người rồi. Người không thể làm nhà nữa. Cột và đòn tay của người đều gãy cả, nóc và xà nhà của người đã tan vụn rồi. Ta đã chứng đắc Niết-bàn, bao nhiêu dục ái đều dứt sạch.

Sau khi đức Phật thành đạo, thấy rõ nguồn gốc sanh tử, cho nên mới thốt ra những lời: Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Nghĩa là bao nhiêu kiếp lăn lộn trong vòng luân hồi sanh tử, muốn tìm nguồn gốc nhưng tìm mãi không ra.

Đức Phật khi còn là vị thái tử đi dạo bốn cửa thành, thấy cảnh sanh già bệnh chết, ngài khắc khoải trong lòng, tại sao con người sanh ra rồi già bệnh chết? Nhưng muôn người như một, an phận cho rằng đó là một định luật chung, không ai có quyền thay đổi. Đức Phật thấy vô lý, chẳng lẽ con người cứ phải chịu như vậy, mà không thoát ra vòng lẩn quẩn ấy sao! Chính ngài cũng phải than, đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi, muốn thoát ra sự tiếp nối vô lý này, nên ngài vượt thành xuất gia, chịu cực khổ, tham thiền nhập định, để tìm cho ra manh mối của sự sanh tử luân hồi.

Khi giác ngộ dưới cội Bồ-đề, ngài nói: Hỡi kẻ làm nhà, nay ta đã gặp được người rồi, người không thể làm nhà nữa. Bao nhiêu rui mè cột kèo của người đều gãy cả rồi. Đó là sự thành công vĩ đại của ngài. Nói cách khác là ngài đã giác ngộ thấy tường tận cội gốc của sanh tử luân hồi là vô minh và ái dục.

Đức Phật khám phá gốc sanh tử luân hồi do mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên như mười hai cái móc nối chuyền nhau thành sợi dây xích, hay thành một cái vòng. Muốn phá cái vòng thì phải tìm cái mối đầu của nó tháo ra, thì sợi dây xích liền đứt và không còn cột trói được nữa. Đức Phật giác ngộ được nguồn gốc của sanh tử luân hồi là vô minh, hết vô minh là thoát khỏi vòng sanh tử, gọi là giải thoát. Cho nên câu cuối cùng đức Phật nói, trí ta đã đạt đến vô thượng Niết-bàn, bao nhiêu dục vọng đều đứt sạch cả. Như vậy ngài thành Phật và hoàn toàn giải thoát.

Chúng ta đã biết rõ chỗ Phật đi thì cũng phải biết rõ con đường mình dự kiến tiến đến. Nếu có phước được làm người, thì phải có trí tuệ, biết rõ vô minh ái dục là nhân, ngay trong đời này phải dẹp bớt, cho đến một ngày nào đó hoàn toàn không còn dính mắc trong vòng sanh tử. Thành ra mục tiêu của chúng ta nhắm là hoàn toàn giác ngộ như đức Phật, không ham phước báo trong cõi nhân thiên, rồi cam chịu sanh tử luân hồi.

155. Lúc thanh niên cường tráng đã không kiếm ra tài của, cũng chẳng lo tu hành, thì khi già chẳng khác gì con cò già bên bờ ao, không kiếm ra mồi phải ử rũ chết mòn.

Nhiều người lúc còn trẻ khỏe không lo làm ăn, cũng không lo tu hành, khi về già phải khổ, chẳng khác nào như con cò già đứng bên bờ ao, không kiếm ra mồi đói quá rồi chết dần. Cho nên khi còn trẻ phải làm ra tiền để chi tiêu, và lo tu hành cho có công đức, khi về già thành một người có đức hạnh, hai điều kiện này đầy đủ thì lúc nào cũng sung sướng. Đức Phật nhắc nhở mọi người ý thức, trong khi còn khả năng chúng ta phải làm một trong hai điều này, để về già làm một người hữu ích.

156. Lúc thiếu niên cường tráng đã không kiếm ra tiền của cũng chẳng lo tu hành, nên khi già nằm xuống đáng người như cây cung gãy cứ buồn than về dĩ vãng.

Người lúc còn trẻ khỏe không lo làm ăn tu hành, tới khi già đau nặng nằm xuống, như cây cung gãy không ai

ngó ngang tối. Khi đó cứ buồn than về dĩ vãng, thành ra sống trong đau khổ. Cho nên những người biết đạo đức, biết lo cho đời sống tinh thần thì tuổi già rất hữu ích, còn không lo làm ăn cũng không biết đạo đức, khi tuổi già đến là một chuỗi ngày đen tối khổ đau. Vì biết làm ăn thì gây dựng sự nghiệp cho con cháu, khi nào rảnh rỗi thì lo niệm Phật tụng kinh hay tham thiền. Lúc về già thì để hết thời gian vào sự tu, giờ phút nào cũng là giờ phút quý báu của đời mình, do đó không thấy thừa.

Ngược lại những người còn trẻ không biết làm gì, đến khi già rồi ngồi đó trông cây vào con cháu, trông người này, đợi người kia, nhớ người nọ, rồi buồn giận thương ghét, cứ thế mà cả ngày sống với phiền não rồi trách móc đủ điều. Như vậy là sống trong đen tối, không có ý nghĩa gì. Nếu người biết đạo, thì khi già yếu tâm vẫn an nhiên, giờ phút nào còn sống thì phải tu, để ngày mai có đau bệnh nằm trên giường thì tâm an ổn. Cho nên tuổi năm sáu mươi còn khỏe, phải nỗ lực lo tu hành, để cuối cuộc đời mình được an vui. Ngày nào còn sống ở đây là ngày hữu ích, đừng để trôi qua một cách đáng tiếc.



XII- PHẨM TỰ KỶ

157. Nếu biết tự thương mình phải gắng tự bảo hộ, trong ba thời phải có một. Người có trí nên tỉnh ngộ chứ mê man.

Người biết tự thương mình thì trong ba thời phải gắng tự bảo hộ một thời. Ba thời là thời thanh niên, trung niên và lão niên. Nghĩa là trong ba giai đoạn của cuộc đời phải có một giai đoạn, để làm cái gì cho mình. Giả sử thời thanh niên đã qua không tu được, thời trung niên cũng đã qua không tu được, tới thời lão niên phải gắng tu, như vậy là không uổng phí. Nếu không có thời nào tu thì rất đáng tiếc. Cứ suốt đời lo làm giàu, không lo tu hành, khi ngã ra chết thì của cải không đem theo được, chết trong mê man không tỉnh táo. Tóm lại Phật nói, trong ba thời phải có một, người trí nên tỉnh ngộ chứ mê muội. Trong thời thanh niên, thời trung niên không tu được, tới thời lão niên mà biết tu cũng là một điều quý chứ không phải vô ích.

158. Trước hãy tự đặt mình vào chánh đạo rồi sau giáo hóa kẻ khác, được như vậy mới tránh khỏi điều lỗi lầm xảy ra.

Nhiều người làm lợi tha quá tích cực, gặp ai cũng khuyên làm điều lành điều tốt, nhưng khuyên người khác còn mình tánh nào tật nấy vẫn nguyên vẹn, khi bị người ta chỉ trích, mới giật mình và thấy ra lỗi lầm. Muốn giáo hóa người trước phải giáo hóa mình, tự đặt mình đúng với chánh pháp, tu trước rồi sau mới dạy người. Thí dụ dạy con phải có hiếu với cha mẹ, phải ăn ở nghiêm chỉnh liêm khiết, phải tiết kiệm, đừng có say xỉn v.v... nhưng mình bất hiếu, có những hành động tà vạy, rượu chè, phung phí, mà bảo con mình đừng làm thì có được không? Nếu không sửa mình mà dạy người thì không thể nào tránh khỏi lỗi lầm.

Cho nên nếu muốn dạy người có đạo đức liêm khiết, thì trước hết phải đặt mình ở trong chánh đạo, là phải sửa mình trước rồi sau dạy người. Được như vậy mới thật là người có tâm giáo hóa kẻ khác.

159. Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước phải sửa mình rồi sau sửa người. Vì tự sửa mình vốn là điều khó nhất.

Nếu muốn khuyên người làm đúng như mình, trước hết phải sửa mình là điều khó nhất. Khuyên người ta thì dễ, gặp ai nói đạo đức dễ quá đâu có khó khăn gì, chỉ tốn một chút hơi thì nói được. Như khuyên chị em, huynh đệ tập nhẫn nhục, ai chửi mắng thì nên ẩn nhẫn,

được như vậy mới an ổn hạnh phúc. Nhưng lỡ hôm nào, người ta chửi ngay mình, mà mình nổi giận lên thì mâu thuẫn với điều mình dạy. Khi đó nếu có mặt người đã được mình dạy, thì họ cười nhạo. Cho nên điều thiết yếu là trước phải tự sửa mình, rồi sau khuyên người, đó mới thật biết tu và biết dạy người.

160. Chính tự mình làm chỗ nương tựa cho mình chứ người khác làm sao nương tựa được. Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương tựa nhiệm mầu.

Tự mình làm chỗ nương cho mình, mới là chỗ nương chính đáng. Phật tử khi quy y rồi, mà cứ hoàn toàn trông cậy vào Phật Pháp Tăng, như mỗi tháng đi chùa, lạy Phật, cúng dường Tam bảo, nghĩ rằng đến khi chết Phật rước và Thầy độ mình, như vậy là không đúng. Chúng ta phải hiểu Phật chỉ là vị thầy dẫn đường, mình phải tự đi thì mới đến đích.

Trong kinh A-hàm có đoạn ghi, một người ngoại đạo hỏi Phật, Ngài nói có Niết-bàn và chỉ dạy mọi người đến chỗ an lạc Niết-bàn, vậy tất cả đồ chúng của Ngài, đều đạt đến Niết-bàn hết chăng? Đức Phật trả lời, có người đạt được, có người không đạt được. Tại sao? Đức Phật đưa ra thí dụ, ông ở thành Vương Xá nên biết đường đi đến thành Vương Xá. Có người hỏi đường về thành Vương Xá, ông chỉ đi thẳng tới ngã ba quẹo phải, tới hoa viên là đi vào thành. Nhưng người ấy tới ngã ba thay vì quẹo phải, họ quẹo trái. Như vậy người đó có tới thành Vương Xá hay không? Không tới! Người khác

cũng hỏi đường đi tới thành Vương Xá, ông cũng chỉ như vậy, họ đi đúng lời ông chỉ và tới được thành. Như vậy ông là người Vương Xá, biết rành đường về thành Vương Xá, ông chỉ đường nhưng có người đi đến, có người không đến, là lỗi tại người đi.

Cũng vậy, Phật dạy nếu chạy theo tham sân si thì chịu luân hồi, kiếp kiếp đời đời đau khổ. Nếu bớt tham sân si, tu tập các pháp lành thì sẽ hết khổ được an vui. Phật chỉ dạy rành rẽ, đệ tử Phật có người ứng dụng tu thì được thanh tịnh an vui, nhưng có người tu mà vẫn than khổ vì còn phiền não. Như vậy lỗi tại mình làm không đúng lời Phật dạy.

Tóm lại muốn hết khổ được an vui, thì phải nỗ lực tu tập chớ trông cậy vào bên ngoài.

161. Ác nghiệp chính do mình tạo, tự mình sanh ra. Ác nghiệp làm hại kẻ ngu, dễ dàng như kim cương phá hoại bảo thạch.

Khổ là do mình tạo ra ác nghiệp, rồi bị nó hại. Như đang bình thường tỉnh táo, nhưng nếu có ai chọc tức thì không dẫn được tâm, nóng giận nên nói năng hành động bạo ác, tạo nên ác nghiệp và chịu khổ.

Ở đây nói ác nghiệp làm hại kẻ ngu si dễ dàng như kim cương phá hoại bảo thạch, kim cương phá các kim loại khác rất dễ dàng. Cũng vậy ác nghiệp đã tạo sẽ hại mình không có gì cứu được. Người bình thường không chịu dè dặt, cứ nói lời dữ, làm những hành động hung ác, nhưng khi gặp tai nạn thì niệm Phật hoặc

danh hiệu Bồ-tát Quan Âm để tai qua nạn khỏi. Nếu Phật và Bồ-tát cứu thì trái với nhân quả.

Phải nhớ rằng, tất cả tai họa đến với mình là do nghiệp ác đã gây tạo. Nếu gây nghiệp ác mà muốn an toàn thì không bao giờ có. Dù niệm Phật và Bồ-tát bao nhiêu các ngài cũng không cứu nổi. Cho nên khi chúng ta niệm danh hiệu Phật và Bồ-tát, phải niệm với một niềm tin thiết tha, tin tưởng Phật và Bồ-tát cũng như cha mẹ, con nhớ thì cha mẹ sẽ thương con. Như vậy các ngài gia hộ để giúp đỡ mình tu hành, đừng chờ tới tai nạn rồi kêu cứu, nếu không như ý mình mong muốn thì trách các ngài, thật tội nghiệp!

162. Sự phá giới làm hại mình như dây man-la bao quanh cây ta-la, làm cho cây này khô héo, người phá giới chỉ là người làm điều mà kẻ thù muốn làm cho mình.

Người thọ giới mà không giữ là phạm giới. Như người cư sĩ thọ giới không trộm cắp, mà vẫn tham lam trộm cắp thì phải bị tù. Như vậy trộm cắp là cái nhân làm cho mình đau khổ, nếu giữ được giới thì hết đau khổ, mấy giới khác cũng vậy. Sự phá giới làm cho mình đau khổ, chẳng khác nào như những sợi dây bìm nương cây để leo lên cao, khi phủ được cây rồi thì nó hút nhựa cây và cây sẽ hết sức sống rồi tự chết mòn.

Người phá giới cũng vậy, nếu không giữ giới luật đã thọ, làm điều sai quấy thì ngày càng sa đọa. Như giết người thì bị tù tội, đó là tự hại mình chẳng khác nào như

kẻ thù hại mình vậy. Biết thế người tu hành muốn được an lạc giải thoát thì phải giữ giới cho chín chắn.

163. Việc ác dễ làm nhưng chẳng có lợi gì cho ta, trái lại việc từ thiện có lợi cho ta thì lại rất khó làm.

Điều ác dễ làm mà không có lợi gì cho mình, còn điều từ thiện khó làm nhưng làm thì có lợi cho mình. Thí dụ có người chửi mình, tức quá chửi lại thì rất dễ, nhưng không có lợi, mà chỉ chuốc họa vào thân. Nếu bình tĩnh hạ cơn nóng giận và bỏ bớt những điều thô bạo, đó thật là khó làm, nhưng làm được thì bớt oán thù.

Kế đến việc từ thiện có lợi mà rất khó làm. Thí dụ mình gặp người xin tiền, làm lơ thì dễ ợt, ai cũng làm được. Còn chịu khó lấy tiền cho, hơi mất công một chút, nhưng biết thương người khó khổ là biết làm việc phúc lành. Làm phúc lành thì hiện tại chưa thấy có lợi, nhưng có lợi về tương lai. Làm lơ để theo nghiệp keo kiệt bủn xỉn thì rất dễ dàng, nhưng sau này không có lợi. Nên chúng ta phải biết lựa chọn điều lành để làm thì có lợi cho mình và người trong hiện tại cũng như mai sau.

164. Những người ác tuệ ngu si vì tâm tà kiến mà vu miệt giáo pháp A-la-hán, vu miệt người hành chánh đạo và giáo pháp đức Như Lai, để tự mang lấy bại hoại; giống như cỏ cách-tha, hễ sanh quả xong liền tự diệt.

Người ngu si không biết phải quấy, nên hay chê chánh pháp, khinh khi những người tu hành và tự tạo

tội lỗi. Ác tuệ là người ác kiến, là có những cái thấy lệch lạc, nhìn sự việc với con mắt sai lầm, phỉ báng người tu hành chân chánh và giáo pháp của đức Phật, họ sẽ chịu quả báo khổ đau, chẳng khác nào như cây cỏ cách-tha, sanh quả rồi tự diệt, chứ không lâu bền.

165. Làm dữ bởi ta mà nhiễm ô cũng bởi ta, làm lành bởi ta mà thanh tịnh cũng bởi ta, tịnh hay bất tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được.

Thanh tịnh hay tốt đẹp đều do mình chứ không ai khác làm cho. Phải nhớ rằng tốt xấu cũng tại mình, đừng đổ trách nhiệm cho ai hết. Một bên xấu xa đen tối, một bên sáng suốt trong sạch, cả hai đều tự mình làm. Nếu biết như vậy là người thật biết tu sửa, còn không biết mà đổ thừa cho người khác, đó là thiếu trách nhiệm với chính mình.

Ở đây đức Phật dạy mọi người nhận thức được trách nhiệm để hoàn thiện con người của mình. Nhưng có khi Phật lại nói khác, có người ngoại đạo tới hỏi khổ vui tự mình làm hay do người khác làm thì đức Phật trả lời, khổ vui đều do nhân duyên, không nói tự mình cũng không nói tại người. Như vậy nó có nghĩa rộng hơn đây một chút.

Đức Phật nói tự mình là nói nhân chánh, mà không đề ra nhân phụ. Có nhiều khi mình là nhân chánh nhưng cũng phải nhờ nhân phụ. Thí dụ như chúng ta lúc chưa biết đạo lý, làm điều xấu ác, không làm những điều tốt đẹp. Nhờ nghe giảng kinh rồi biết, không làm

việc xấu ác nữa, như vậy ngày nay so với ngày trước khác nhau. Sự khác nhau đó không phải hoàn toàn do mình, mà nhờ duyên phụ là nghe Phật pháp, hiểu đạo lý cho nên ngày nay mới được thuần thiện.

Chính mình là chánh nhân, rồi duyên nghe kinh học đạo là trợ nhân, chánh và trợ giúp nhau thì con người được thuần thiện. Đức Phật nói do nhân duyên mà bị khổ và được vui. Nhân duyên thì trùm cả tự và tha. Ở đây đức Phật chỉ nhắm vào mỗi người, phải tự chịu trách nhiệm để vươn lên, là chỉ nhắm vào chánh nhân mà không nói trợ nhân.

166. Chớ vì lợi ích cho kẻ khác mà quên lợi ích cho chính mình. Người biết lo lợi ích mình, mới thường chuyên tâm vào những điều lợi ích tất cả.

Đừng vì lợi ích cho kẻ khác mà quên hẳn lợi ích cho chính mình. Như vậy, xem như Phật bảo ích kỷ, là phải làm lợi ích cho mình trước. Nhưng vì nhiều người có tâm tốt, mà thiếu căn bản, cho nên trở thành hết tốt. Thí dụ có người lúc nào cũng lo cho người khác mà quên sửa những cái xấu như tham sân si của mình. Nên khi lo thuận tiện thì vui thích, nếu gặp trở ngại thì nổi giận. Như vậy lo cho người là một việc làm tốt, nhưng nếu không biết tự sửa mình thì trở thành xấu. Có nhiều người lúc còn trẻ nhiệt tình, có tinh thần phục vụ xã hội sốt sắng, bất kể lao nhọc. Nhưng khi gặp một vài chướng ngại làm hỏng việc, thì chán nản rồi đâm ra oán ghét xã hội, trở thành những con người tiêu cực,

chứ không còn tâm tốt nữa. Đó là vì khi ra làm lợi tha mà quên tự lợi.

Ở đây đức Phật không cấm người Phật tử lợi tha, nhưng khi làm phải nhớ đến tự lợi, là khi lo cho người phải nhớ sửa mình, có sửa mình thì lo cho người mới được lâu dài bền bỉ, nếu không một ngày nào đó gặp việc không như ý, việc lợi tha sẽ bị gián đoạn. Vì vậy, đức Phật nói rằng người biết lo cho mình mới thường chuyên tâm vào những điều lợi ích của kẻ khác. Người thế gian nhiều khi cực đoan, làm cái gì chỉ nhắm một chiều một hướng, cho nên làm giữa chừng rồi bị đổ vỡ, không được viên mãn. Người Phật tử phải chín chắn, làm cái gì phải thấy rõ cả hai mặt lợi người và lợi mình. Hai điều đó nó song song với nhau mới tốt đẹp lâu dài.



XIII- PHẨM THẾ GIAN

167. Chớ nên theo điều ty liệt, chớ nên đem thân buông lung, chớ nên theo tà thuyết, chớ làm tăng trưởng tục trần.

Sau khi đức Phật thành đạo, ngài trở về hoàng cung để độ hoàng tộc và phụ vương. Đúng giờ ngài ôm bát đi khất thực, phụ hoàng trông thấy không bằng lòng, không chấp nhận một hoàng tử mà đi xin ăn từng nhà như vậy. Ngài đón Phật và nói rằng, con làm thế này nhục nhã cho hoàng tộc biết bao. Đức Phật trả lời Như Lai chỉ làm theo quy tắc của ba đời chư Phật, đây là việc làm cao thượng. Như vậy việc đi khất thực của Phật không phải ty liệt hèn kém mà để hạ thấp bản ngã của chính mình và để chúng sanh gieo duyên vào ruộng phước.

Ở đây, Phật dạy chớ nên làm theo điều ty liệt, là không nên làm những điều hèn kém như vì mưu sinh mà gian dối với mọi người. Đừng buông lung theo những

tà thuyết không chân chánh để không tăng trưởng những điều ô nhiễm của trần tục.

168. Hăng hái đừng buông lung, làm theo chánh pháp. Người thực hành chánh pháp đời này vui, đời sau vui.

169. Khéo thực hành chánh pháp, chớ làm điều ác hạnh. Người thực hành chánh pháp đời này vui, đời sau vui.

Khi tâm không buông lung, thực hành đúng chánh pháp thì đời này vui đời sau cũng vui. Từ khi quy y Tam bảo gìn giữ năm giới cấm, thực hành hoàn toàn đúng theo lời Phật dạy thì tâm hồn an ổn và có hạnh phúc ngay trong đời hiện tại, sau khi nhắm mắt cũng sẽ tiếp tục an vui. Cho nên nói người biết sống đúng chánh pháp đời này vui, đời sau vui.

170. Như bọt nước trôi sông, như lâu sò chợ bể. Nếu xem đời bằng cặp mắt ấy chẳng còn sợ thân chết kéo lôi.

Lâu sò chợ bể giải thích từ câu “thận lâu hải thị” mà ở trong kinh Phật thường gọi là thành Càn-thát-bà. Buổi sáng người đi biển nhìn ngoài khơi thấy có những thành phố ở trên mặt nước, người vật lao xao, nhưng khi tới gần không thấy gì hết, chỉ thấy mây khói, những cái đó ngày xưa người ta tưởng tượng là những lâu đài của chư thần, gọi là thành Càn-thát-bà. Phật đưa ra hình ảnh này là để thí dụ cho sự huyền hóa không thật, ở xa thì trông thấy như có, nhưng đến gần thì không còn,

cho nên có mà như huyền hóa không thật, cũng như bọt nước trôi sông, nhìn thì thấy như một khối bọt lớn, nhưng khi vớt lên liền tan ngay.

Tại sao đức Phật nói xem người vật ở thế gian như bọt nước trôi sông, như lầu sò chợ bể, thì thân chết không làm hại được? Lâu nay chúng ta thấy thân thật, cảnh thật, cho nên khi sắp chết thì rất lo sợ. Cái thật mà mất đi thì hoảng hốt kinh hoàng. Như vậy, thân chết rất có giá trị với người thấy thân và cảnh thật. Nếu người nào thấy thân và cảnh như bọt nước, không bền chắc lâu dài thì chết là chuyện dĩ nhiên. Cũng như bọt nước tan là chuyện bình thường, vì vậy sẵn sàng đón nhận thân chết không sợ hãi.

Nhưng với người chưa biết tu, cho cái chết là quan trọng thì phải làm sao? Khi có thân quyến hấp hối, chúng ta tới chùa thỉnh chư tăng ni hay những đạo hữu đến hộ niệm cho người sắp chết. Nhưng tụng kinh niệm Phật để Phật tới rước vong hồn người chết đi theo hay làm cái gì cho người chết? Trong kinh thường nói khi người sắp chết, nghiệp nào nặng thì hiện trước dẫn đi. Vì vậy giây phút hấp hối là quan trọng. Nếu người nào sức huân tu vững, tâm tỉnh táo, biết niệm Phật hay tưởng nhớ Phật, tâm an nhiên thanh tịnh, không lo sợ thì không bị nghiệp xấu lôi. Nếu lúc đó lo sợ quá thì việc quá khứ trôi lên. Thí dụ mình có thù oán với ai, liền thấy người ấy tới đòi và dẫn mình đi tới chỗ đền nợ trước.

Cho nên giờ phút hấp hối hết sức quan trọng, phải thật bình tĩnh, sự bình tĩnh làm cho mình vượt qua

những nghiệp xấu, những chủng tử chứa trong tâm thức lâu đời. Khi mất quyền làm chủ và không có sức mạnh tinh thần, thì bao nhiêu chủng tử xấu hiện hành. Nếu không huân chủng tử trong sạch cao thượng thì những chủng tử hạ liệt trỗi dậy lôi mình đi tới chỗ thấp kém. Cho nên lúc đó phải cố gắng làm chủ, yếu thì nhờ những người khác hộ niệm để tăng thêm sức mạnh mới có thể ra đi an ổn. Vì vậy sự trợ niệm là giúp thêm sức mạnh cho người sắp chết.

Ở đây đức Phật nói rằng nếu xem tất cả sự nghiệp thế gian như bọt nổi thì khi sắp chết không lo sợ, tâm bình tĩnh an nhiên, bao nhiêu nghiệp xấu không làm chủ được mình, nên không sợ thần chết. Tóm lại, nếu tinh thần yếu đuối thì nhờ sức mạnh của người khác trợ giúp, nếu tu khá thì tỉnh táo vui vẻ ra đi, nghiệp xấu không lôi kéo mình được.

***171. Giả sử thế gian này có được trang hoàng
lộng lẫy như chiếc xe vua, thì trong số người xem
thấy, chỉ kẻ ngu mới tham đắm, chứ người trí chẳng
hề bận tâm.***

Giả sử tất cả thế gian này cái gì cũng đẹp để đáng yêu. Như xe vua hay xe tổng thống, người ngu mới tham chứ người trí thì không bận tâm. Tại sao? Vì người ngu thì tham những cái tạm bợ giả dối, còn người trí biết là tạm bợ giả dối nên không tham. Người sống đến sáu bảy mươi tuổi mới thấy sự sống là tạm bợ, cuộc đời như giấc mộng, ngày mai tất thảy đất nước gió lửa tan đi, mang thân này như mượn thuyền qua sông, đến bờ bỏ thuyền

đâu có gì luyện tiếc khổ sở. Hiểu như vậy mới thật là người trí. Cho nên Phật khuyên đã được thân người thì nên lo tu, chớ đắm mê những cái vui cái đẹp của thế gian.

172. Người nào trước buông lung sau lại tinh tấn, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian, như vầng trăng ra khỏi mây mù.

Đa số chúng ta khi chưa biết đạo thì ai cũng lo chạy theo danh lợi thế gian, không lo tu hành. Nhưng đức Phật nói giả sử trước buông lung không sao, miễn bây giờ chợt tỉnh lo tu thì tốt. Ngày xưa không biết tu, có nhiều tật xấu, có nhiều lỗi lầm, bây giờ biết đạo tinh tấn tu hành sẽ thành người tốt. Đừng mặc cảm ngày xưa tôi xấu quá, bây giờ làm sao tu. Chuyện ngày xưa là chuyện đã qua không nên hồi tưởng lại rồi thối chí. Như vậy mới thấy lòng từ bi của đức Phật. Ngài nói trước buông lung bây giờ tinh tấn, như vầng trăng ra khỏi mây mù chiếu sáng cả thế gian, để khuyến khích cho chúng ta tiến tu.

173. Người nào trước làm ác sau lại làm lành, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian như vầng trăng ra khỏi mây ám.

Ngày xưa không biết đạo cho nên làm điều ác. Bây giờ biết đạo, từ đây về sau nguyện làm lành. Như vậy là người đáng khen. Chỉ những người nào nhỏ nhặt ích kỷ mới chê những người trước xấu bây giờ tốt. Nếu người lòng từ bi rộng rãi, thì thấy người nào ngày xưa hung dữ bây giờ biết tu, đều khen ngợi tán thán. Vì đó là một vầng trăng đã ra khỏi mây mù, cho nên đáng quý đáng khen ngợi.

174. Như chim thoát khỏi lưới, chẳng mấy con bay thẳng lên trời cao, trong thế gian này chẳng mấy người sáng suốt trông thấy cao xa.

Khi chim thoát khỏi lưới nó chỉ bay loanh quanh lẫn lẩn rồi đáp ở dưới thấp chứ không bay lên cao. Cũng vậy trong thế gian này chẳng có mấy người sáng suốt trông thấy cao xa. Hiện tại có người thấy tới cung trăng, hay thấy được nhiều thế giới khác, nhưng cái thấy đó cũng chỉ là cái thấy trong vòng tam giới.

Ở đây đức Phật nói thấy biết cao xa, là chỉ những người có cái thấy biết siêu xuất thế gian, không bị trầm luân trong tam giới. Ý đức Phật dạy, ở thế gian này không có mấy người quyết chí tu hành cho được giải thoát, cũng như các loài chim khi thoát khỏi lưới, không mấy con bay thẳng lên trời cao, mà chỉ bay là đà trong khu rừng rậm, hoặc những lùm cây ở chỗ thấp mà thôi.

175. Con thiên nga chỉ bay được giữa không trung, người có thần thông chỉ bay được khỏi mặt đất, duy bậc đại trí trừ dẹp ma quân mới bay được khỏi thế gian này.

Thiên nga là ngỗng trời bay thật cao, nhưng cũng không khỏi mặt đất này. Người có thần thông thì bay khỏi mặt đất ai cũng kính phục, vì siêu xuất hơn người thường. Nhưng dưới mắt của Phật dù có thần thông thì cũng bay từ xứ này đến xứ kia, chỉ lẫn lẩn trong thế gian.

Lâu nay chúng ta lầm, nghe nói ai có thần thông thì cho đó là Thánh rồi hâm mộ. Nhưng các ông tiên

cũng có thần thông, mà nghe ai nói khích một câu hay gặp chuyện không vừa ý thì nổi giận, rốt cuộc cũng là phạm phu. Chỉ có người tu hành sáng suốt giác ngộ, mới trừ hết được ma quân. Chúng ta học Phật phải xét lại điểm này, phải trọng trí tuệ đừng trọng thần thông, thần thông chẳng qua do công phu luyện tập một thời gian mà được, chỉ biến hóa thế này thế kia, không khéo có thể mất.

Cho nên người đại trí học đạo, nghe pháp rồi tư duy chân chánh, huân tu đạo giải thoát, dẹp sạch quân ma, mới ra khỏi thế gian này. Nếu chú trọng thần thông phép lạ mà không dùng tự lực, sẽ lạc vào đường tà không có ngày ra khỏi.

176. Những ai vi phạm đạo nhất thừa, những ai ưa nói lời vọng ngữ, những ai không tin có đời sau, thì chẳng có điều ác nào mà không làm được.

Kinh Pháp Cú nằm trong hệ thống A-hàm, cho nên nói nhất thừa ở đây là chỉ lẽ thật, chứ không phải như chân lý hay chân đế nói trong kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Lẽ thật mà vi phạm là không tôn trọng. Lại, ưa nói vọng ngữ việc có nói không, việc không nói có và không tin tưởng có đời sau tức là không tin nhân quả. Người như thế cứ làm điều sai quấy không sợ tội lỗi. Nên nói không điều ác nào họ không làm.

Vì vậy người hiểu đạo lý trước hết phải tôn trọng lẽ thật, kế nữa không nói dối, sau đó phải biết tin tưởng nhân quả nghiệp báo. Đó là những điều cần thiết đối với người Phật tử, phải ráng ghi nhớ mà thực hành.

177. Người xan tham không thể sanh lên cõi trời, người ngu si không ưa tán dương việc cúng dường, nhưng người trí thấy bố thí lại tùy hỷ công đức và tương lai họ sẽ dự hưởng phần an lạc.

Người xan tham không biết làm phước, nên không sanh lên cõi trời. Người ngu si không ưa tán dương việc bố thí cúng dường, thấy người khác làm thì chống đối hoặc chế giễu. Còn người trí thấy ai bố thí cúng dường thì phát tâm tùy hỷ công đức và tương lai họ sẽ dự hưởng phần an lạc. Như có bốn Phật tử đi chùa, trong số đó có ba người khá giả và một người nghèo. Sau khi lễ Phật, ba người đến cúng dường năm ba trăm. Còn người không có tiền cúng thì khởi tâm tùy hỷ, vừa phát tâm tùy hỷ là hưởng được một phần phước.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương có nói về công đức tùy hỷ bố thí. Đức Phật nói rằng người biết phát tâm tùy hỷ với người bố thí thì được phước ngang nhau. Có vị Tỳ-kheo hỏi Phật, phước đức của người bố thí có bị giảm bớt hay không? Đức Phật đưa ra thí dụ để trả lời, như người cầm cây đuốc đang cháy, có một người đem đuốc đến môi và đem đi chỗ khác. Vậy cây đuốc trước có giảm ánh sáng hay không? Tuy cây đuốc sau sáng, nhưng ánh sáng cây đuốc trước không bị tổn giảm. Cũng vậy, người bố thí công đức một trăm phần vẫn đủ một trăm phần, người phát tâm tùy hỷ công đức cũng được như vậy, nhưng không phải của người trước chia ra.

Tại sao công đức tùy hỷ lại nhiều như vậy? Vì thường chúng ta thấy người khác có điều tốt hơn thì mình không được vui, đó là trong tâm có chứa con ma

đố kỵ. Người bố thí bỏ được lòng tham, người phát tâm tùy hỷ bỏ được lòng đố kỵ. Hai người đều có phước ngang nhau, phước này không ai ban cho, mà chính khi phát tâm tùy hỷ là có phước.

178. Người thống suất cõi đất, người làm chủ chư thiên, hết thấy vị thế chúa ấy chẳng sánh kịp một vị đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Quả Tu-đà-hoàn là quả thứ nhất trong bốn quả Thanh văn. Ở đây đức Phật nói giả sử người thống trị cả cõi đất, làm vua khắp thiên hạ và làm vua các cõi trời, so sánh với người tu chứng quả Tu-đà-hoàn thì hai vị đó còn thua xa. Nói như vậy có chủ quan không? Người làm vua một cõi thì còn cái gì hơn, mà đức Phật nói còn thua một vị tu chứng quả Tu-đà-hoàn? Dù làm vua ở cõi người thì hưởng dục lạc thời gian chỉ có tám chín mươi năm cũng phải chết. Nếu làm vua cõi trời như cõi trời Đao-lợi, thì thọ mạng rất lâu, nhưng khi hết tuổi thọ rồi cũng bị đọa.

Làm vua là quyền quý cao sang, nhưng cũng không lâu bền, còn chứng quả Tu-đà-hoàn thì dự vào dòng Thánh, chỉ còn bảy phen sanh tử là được giải thoát, chứ không còn trở lại thế gian. Cho nên nói người đó là hơn các vị thế chủ kia.



XIV- PHẨM PHẬT-ĐÀ

179. Chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình. Người đã thắng phục dục tình không còn bị thất bại trở lại, huống Phật trí mệnh mông không dấu tích, các người lấy gì mà hòng cám dỗ được?

180. Người dứt hết trời buộc, ái dục còn khó cám dỗ được họ, huống Phật trí mệnh mông không dấu tích, các người lấy gì mà hòng cám dỗ được?

Sau khi Phật thành đạo, ma nữ đến quấy nhiễu, ngài dùng hai câu này để răn dạy. Ngài nói, chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình, không còn bị thất bại trở lại. Người thường khi đã thắng được lòng dục họ không còn bị thất bại, huống chi đức Phật đã đạt được trí tuệ rộng lớn, thì chúng ma không tới cám dỗ và quấy nhiễu được.

Người dứt được những trời buộc của thế gian, ái dục còn không cám dỗ được họ. Huống Phật trí mệnh mông

không dấu tích, các người lấy gì mà cảm dỗ được ư. Cho nên người tu hành khi được trí tuệ rộng lớn, thì mới tự thắng được mình và thắng được những chướng ngại bên ngoài, nếu tu mà không phát huy trí tuệ, chỉ mong cho có thần thông thì dễ bị đọa. Vì thế, người tu hành cần khổ năm này tháng nọ mà không phát huy trí tuệ cho sáng suốt, thì sự khổ hạnh ấy chưa chắc đến nơi đến chốn. Vì nếu công phu khổ hạnh mà không có trí tuệ thì tài sắc quyến rũ họ dễ sa ngã, hoặc vì tu lâu, khổ hạnh nhiều mà chưa thấy kết quả, lâu ngày mỗi một gặp chướng ngại là thối chí. Chỉ có người trí tuệ sáng suốt, nhận chân được lẽ thật của thế gian và thấy được đạo lý một cách chắc chắn, thì không có gì quyến rũ được họ.

181. Người trí thường ưa tu thiền định, ưa xuất gia và ở chỗ thanh vắng, người có chánh niệm và chánh giác bao giờ cũng có được sự ái kính của thiên nhân.

Những người xuất gia thật sự tu hành, phải thường tu thiền định và ưa ở chỗ vắng vẻ. Vì tu thiền định cần chỗ vắng để cho tâm dễ lắng dịu. Người có chánh niệm và chánh giác, là có suy nghĩ chân chánh và giác ngộ chân chánh, bao giờ cũng được sự ái kính của trời người.

Chánh niệm là nghĩ chân chánh, như tư duy lời Phật dạy, hoặc nhớ câu kinh, nhớ danh hiệu Phật, cũng thuộc về chánh niệm. Chánh giác là giác ngộ chân chánh, thí dụ khi thấy các sự vật có hình tướng ở thế gian,

biết rõ là do nhân duyên hợp, vô thường không thật, đó là giác ngộ chân chánh. Người có chánh niệm và chánh giác thì bao giờ cũng được sự ái kính của người trời.

182. Được sanh làm người là khó, được sống còn là khó, được nghe chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời là khó.

Đây là bốn cái khó của người thế gian. Chúng ta đã vượt qua cái khó thứ nhất là được sanh làm người, cái khó thứ hai là được sống còn, cái khó thứ ba được nghe chánh pháp, chỉ có cái khó thứ tư là gặp Phật ra đời thì chúng ta không ai được cả, vì mình sanh vào thời kỳ không có Phật.

Bốn cái khó mà đã vượt qua ba cái cũng hạnh phúc lắm rồi, phải ráng nương đó để tiến tu. Nhưng tại sao *được sanh làm người là khó*? Đang được làm người thì chúng ta thấy làm người không khó, nhưng so với các loài vật như trâu, bò, heo, chó v.v... ngu si bị đánh đập khổ sở, thì mới thấy làm người rất quý. Do đó được làm thân người là khó.

Hơn nữa trong kinh Phật nói, chúng sanh trong lục đạo luân hồi, cõi người tuy có khổ vui nhưng tu hành dễ tiến. Cho nên được làm người là một điều rất là vinh hạnh, nhưng nếu vinh hạnh rồi cứ lo ăn chơi thì vô ích.

Kế đến làm người *được sống còn là khó*. Nếu làm người mà từ một tuổi đến đôi ba mươi tuổi chết, thì rất yếu mạng, người sống đến năm sáu mươi hay bảy tám mươi là ít có.

Khi sống còn *được nghe chánh pháp là khó*. Như khi giảng kinh, người có duyên được nghe rất khó, hoặc ở những nơi xa xôi muốn được nghe chánh pháp cũng không có dịp để nghe. Như vậy tuy chánh pháp không có ngăn rào đón ngõ, nhưng người được nghe thật ít có, nên nói là khó.

Đến cái khó sau cùng là điều khó chung, chúng ta kém duyên nên không *gặp Phật ra đời*. Vì vậy cho nên ở trong bốn điều khó nếu nghiệm xét thì chúng ta rất hạnh phúc vì đã được làm người, được sống còn, được nghe hiểu Phật pháp. Đã qua được ba cái khó phải cố gắng tu hành đừng để cuộc đời trôi sông vô ích. Đó là người biết lợi dụng thân này để tu.

183. Chớ làm các điều ác, gắng làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch. Ấy lời chư Phật dạy.

Ba điều này thật là hệ trọng đối với người tu theo đạo Phật. Nguyên văn bài kinh chữ Hán:

Chư ác mạc tác,

Chúng thiện phụng hành,

Tự tịnh kỳ ý,

Thị chư Phật giáo.

Chẳng những đức Phật Thích-ca mà tất cả chư Phật đều dạy như vậy, cho nên ba điều này là then chốt của đạo Phật. *Chớ làm các điều ác, gắng làm tất cả các việc lành*, nếu người nào biết chừa tất cả điều ác và làm tất cả điều lành thì người đó mới thật là biết tu.

Nhưng hai điều đó chỉ là hành động bên ngoài, đến điều thứ ba là *luôn giữ tâm ý mình cho trong sạch*. Thí dụ đang ngồi đây mà nhớ lại sớm mai có người nói một câu dễ tức quá, nghĩ như vậy là niệm sân, mà sân là tâm không trong sạch. Tất cả niệm xấu là ô uế, cho nên tâm vừa nghĩ xấu buông ngay là giữ tâm ý thanh tịnh, suốt ngày tâm chỉ nghĩ những điều lành và luôn luôn biết thương yêu mọi người, nhưng không bị dao động như vậy là người biết tu.

Có người nói tôi không bao giờ làm điều hung dữ, đó là tôi tu rồi, cần đi chùa làm chi mất công. Như vậy, họ đã làm được gì trong ba điều chư Phật dạy? Chỉ ngừa được điều ác, đâu có làm được tất cả điều lành và giữ tâm ý trong sạch, mới tu một phần ba chứ chưa trọn vẹn. Chúng ta phải cố gắng tu hết ba điều, không làm tất cả điều ác, gắng làm tất cả điều lành, giữ tâm ý trong sạch, như vậy mới thật là tu đầy đủ cả thân và tâm.

184. Chư Phật thường dạy Niết-bàn là quả vị tối thượng, nhĩn nhục là khổ hạnh tối cao, xuất gia mà não hại người khác không gọi là Sa-môn.

Niết-bàn là quả vị tối thượng, vì chúng được Niết-bàn thì không còn cái gì hơn nữa. Nhĩn nhục là khổ hạnh tối cao. Ngày xưa ở Ấn Độ nhiều người tu khổ hạnh hoặc là đứng một chân ở ngoài trời, hoặc cởi trần phơi nắng suốt ngày, hoặc vùi mình trong tro đất, hay nằm trên gai góc v.v... những khổ hạnh đó thật là khó làm. Nhưng ở đây đức Phật nói nhĩn nhục là khổ hạnh tối cao, vì người biết nhĩn nhục là người tu khổ hạnh.

Còn tất cả những khổ hạnh của ngoại đạo vừa kể ở trên, chưa phải khổ hạnh tối cao. Vì những người tu khổ hạnh thường thiếu tinh thần khiêm hạ, nghĩa là còn ẩn cái tự ngã ở trong. Thí dụ như họ nằm trên gai chịu đau đớn, nhưng thấy người khác không nằm được trên gai thì cho rằng người đó thua mình. Như vậy, tu khổ hạnh nhưng ngầm có ngã mạn cho mình là hơn, trong tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh vì chưa bỏ được ngã chấp. Còn người biết nhẫn nhục thì tất cả chướng ngại khen chê, khổ vui, bệnh hoạn, nắng gió v.v... đều vui vẻ chấp nhận, tâm luôn luôn an lạc vì không còn thấy hơn thua, không tự cao ngã mạn nên gọi là tối cao. Vì vậy, Phật dạy người xuất gia mà não hại người khác, làm cho người phiền muộn khổ sở thì không phải là người xuất gia.

185. Chớ nên phỉ báng, đừng làm não hại, giữ giới luật tinh nghiêm, uống ăn có chừng mực, riêng ở chỗ tịch tịnh, siêng tu tập thiền định, ấy lời chư Phật dạy.

Người xuất gia không nên chê bai hay làm khổ người khác, giữ giới luật cho trong sạch, ăn uống tiết độ chừng mực, riêng ở một mình nơi vắng vẻ, siêng tu tập thiền định. Người làm đúng như vậy gọi là người xuất gia chân chánh, ngược lại thì không xứng đáng là người xuất gia.

186-187. Giả sử mưa xuống bạc vàng cũng chẳng làm thỏa mãn lòng tham dục. Người trí đã biết rõ ái dục vui ít mà khổ nhiều. Thế nên, dù sự

dục lạc ở cõi trời, người ấy cũng chẳng sanh tâm mong cầu. Đệ tử đấng Chánh giác chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi.

Giả sử mưa xuống vàng bạc dù hốt về chứa đầy kho, cũng chưa thỏa mãn lòng tham dục của con người. Hôm nay được đám mưa nhiều vàng bạc, thì mong ngày mai có đám mưa như vậy nữa. Lòng mong mỗi cứ còn hoài, cho nên gọi là không thỏa mãn. Như có người mua vé số trúng hai ba triệu, mai một vẫn tiếp tục mua vé số, vì muốn trúng nữa.

Đức Phật thấy rõ tâm niệm tham lam của chúng sanh, nên nói giả sử mưa xuống vàng bạc cũng chưa thỏa mãn lòng tham của con người. Người có trí, dù dục lạc ở cõi người, cõi trời cũng chẳng sanh tâm mong cầu.

Nhiều người tu nghe nói hành Thập thiện được sanh lên cõi trời, hưởng đầy đủ năm món dục lạc nên ham, ráng tu để đời sau sanh lên cõi trời. Biết rõ như vậy nên đức Phật dạy đừng ham lên cõi trời, chúng ta là đệ tử đấng Giác ngộ chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi. Nếu mong lên cõi trời cũng còn lòng tham dục thì hưởng hết phước cũng bị đọa.

188-192. Vì sợ hãi bất an mà đến quy y thân núi, quy y rừng cây, quy y miếu thờ thọ thần, nhưng đó chẳng phải là chỗ nương tựa yên ổn, là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y như thế khổ não vẫn còn nguyên. Trái lại quy y Phật Pháp Tăng, phát trí tuệ chân chánh, hiểu thấu bốn lẽ mẫu: biết khổ, biết khổ nhân,

biết khổ diệt và biết tám chi Thánh đạo, diệt trừ hết khổ não. Đó là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y được như vậy, giải thoát hết khổ đau.

Ở nhà quê có nhiều bậc cha mẹ khi thấy con bệnh hoạn trị thuốc lâu lành, nghĩ rằng có lẽ con mình bị tà ma phá. Lúc đó nghe trong rừng có miếu thờ thọ thần hay thấy cây đa có thờ thổ địa, thờ ông táo thì tới quy y. Nhưng đức Phật nói nương tựa những chỗ đó không an ổn, khổ não vẫn còn nguyên. Trái lại người biết quy y Phật Pháp Tăng, phát huy trí tuệ biết rõ pháp Tứ đế, Bát thánh đạo thì sẽ hết khổ não. Đó là chỗ quy y an ổn, là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y như vậy mới giải thoát khổ đau.

Nhiều Phật tử khi quy y Tam bảo, lãnh phái về nhà, có an ổn chưa? Ở đây đức Phật nói quy y Tam bảo rồi phải phát huy trí tuệ chân chánh, để hiểu thấu Tứ đế, mới diệt trừ khổ não, nếu cho rằng quy y rồi thì hết khổ não, đó là sai lầm. Người mê tín quy y với các vị thần núi, thần cây v.v... là vì sợ hãi, không bao giờ tìm được chỗ nương tựa an ổn. Nếu muốn an ổn thì phải quy y Tam bảo, có trí tuệ chân chánh, biết đạo lý đúng như thật, mới thoát khỏi sự đau khổ.

193. Rất khó gặp được bậc Thánh nhân vì chẳng phải thường có. Phàm ở đâu có vị Thánh nhân ra đời thì gia tộc đó được an lành.

Người có duyên phúc lớn thì mới gặp Thánh nhân, vì lâu lắm các ngài mới ra đời. Phàm chỗ nào

có vị Thánh nhân ra đời thì gia tộc đó được an lành. Như đức Phật ra đời ở thành Ca-tỳ-la-vệ, sau khi thành đạo về độ vua cha và hoàng tộc. Các hoàng tử như A-nan, Nan-đà... đều nương Phật mà xuất gia tu hành, vua Tịnh Phạn ở tại gia giữ năm giới chân chánh, tất cả đều được an vui. Cho nên nói rằng Thánh nhân ra đời thì trong gia tộc được an lành.

194. Hạnh phúc thay đức Phật ra đời! Hạnh phúc thay diễn nói chánh pháp! Hạnh phúc thay Tăng-già hòa hợp! Hạnh phúc thay dũng tiến đồng tu!

Đức Phật ra đời là hạnh phúc lớn nhất của thế gian, dù gặp trực tiếp hay gián tiếp. Như chúng ta bây giờ, tuy không được đức Phật khuyên dạy trực tiếp, thì cũng được Phật dạy qua giáo pháp ngài để lại, như vậy cũng hạnh phúc lắm rồi. Kế đến đem chánh pháp diễn nói cho mọi người biết để tu hành, đó là một hạnh phúc lớn.

Hạnh phúc thay Tăng-già hòa hợp, hòa hợp mới gọi là Tăng-già. Nếu không hòa hợp thì hạnh phúc này không toàn vẹn. Hạnh phúc thay dũng tiến đồng tu. Đúng ra thì mỗi Phật tử đều dũng mãnh tinh tấn, nhưng có người siêng tu, có người thờ Phật mà tu hành lơ là. Vì vậy cho nên sự dũng tiến đồng tu không đồng bộ. Nếu mọi người đều dũng tiến đồng tu, thì tất cả đều được an lạc, không còn người khổ đau.

Như trong một gia đình cha mẹ con cái đều tu như nhau đồng tụng kinh, ăn chay, niệm Phật v.v...

thì gia đình đó rất hạnh phúc. Nếu trong một gia đình, đến ngày rằm người ăn chay người ăn mặn thì có điều không vui. Cho nên không dừng tiến đồng tu thì hạnh phúc không toàn vẹn. Người nào được bốn điều hạnh phúc này thì thật là may mắn.

195-196. Cúng dường những vị đáng cúng dường, chư Phật hay đệ tử, vị thoát ly hư vọng, vượt khỏi mọi lo âu. Công đức của người cúng dường bậc tịch tịnh vô úy như vậy, không thể kể lường.

Những vị đáng cho chúng ta cúng dường là đức Phật hoặc đệ tử chân chánh của ngài, hoặc những người không phải đệ tử Phật, nhưng đã thoát ly hư vọng, vượt khỏi hối hận lo âu, đó là bậc Thánh, những vị này có công đức lớn, nếu biết cúng dường thì có công đức vô lượng.



XV- PHẨM AN LẠC

197. Sung sướng thay chúng ta sống không thù oán giữa những người thù oán. Giữa những người thù oán ta sống không thù oán.

Khi mọi người thù hiềm giận ghét nhau mà mình vẫn an nhiên không thù hận ai, thì rất là hạnh phúc. Cho nên nói rằng sung sướng thay chúng ta sống không thù oán giữa những người thù oán, giữa những người thù oán ta sống không thù oán. Điều này có dễ làm hay không? Thí dụ trong gia đình có một đứa con hung dữ, ra đường gặp ai cũng gây gổ, người ta đến nhà mắng vốn cha mẹ. Khi biết con mình hung dữ, có an nhiên nhận lỗi hay nổi nóng lên? Những người trong xóm làng hay bị mất lòng vì mấy đứa con nít đánh nhau, cha mẹ ra bênh vực rồi có chuyện rầy rà, trở thành thù oán.

Tuy mình là người tốt nhưng những người thân của mình không tốt, do liên can ruột thịt nên không vô tư đứng ngoài cuộc. Nếu chúng ta thẳng thắn và

cứng cỏi, dù người thân làm xấu gây oán hờn với ai, mình cũng phải là người vô tư. Nếu cho rằng đó là người thân, khi họ làm xấu mình bênh vực, thì bị cuốn trong sự oán thù hờn giận. Giữa những người thù oán ta sống không thù oán, nhớ ứng dụng tu hành mới được hạnh phúc an vui.

198. Sung sướng thay chúng ta sống không tật bệnh giữa những người tật bệnh. Giữa những người tật bệnh ta sống không tật bệnh.

Tật bệnh Phật nói ở đây không phải thân bệnh mà chỉ cho phiền não tham sân si. Người bị tham sân si nhiều hại, mà mình vẫn không bị nhiều hại, thì mình là người sung sướng, nên nói giữa những người tật bệnh ta sống không tật bệnh, đó là hạnh phúc, sung sướng nhất.

199. Sung sướng thay chúng ta sống không tham dục giữa những người tham dục! Giữa những người tham dục, ta sống không tham dục.

Tất cả những cái khổ ở thế gian đều do tham nhiều, nếu sống giữa những người tham muốn mà mình không tham muốn là người sung sướng nhất. Tuy nói vậy nhưng cũng khó thoát ra được. Thí dụ có một gia đình, tất cả đều biết đạo lý, cho nên ít tham muốn, chỉ có một hai người ít biết đạo, nên thích làm giàu, thích danh lợi. Nhưng khi không được như ý thì khổ và những người trong gia đình khổ lây. Cho nên gần người tham danh lợi, mà mình không tham thật là khó. Người biết tu

phải giữ lập trường, sống giữa những người tham mà vẫn không tham, như vậy mới thật là sung sướng.

200. Sung sướng thay chúng ta sống không bị điều gì chướng ngại, ta thường sống với những điều hỷ lạc như những vị trời Quang Âm.

Một hôm đức Phật đang ở trong thôn Bà-la-môn tên là Ngũ-ta-la. Ngài đi khát thực không được, ôm bát trống đi về. Lúc đó ma vương thấy vậy muốn trêu chọc ngài, bèn hiện thân đứng ở cổng làng nói:

- Ngài khát thực không được chắc là bụng đói lắm?
Ngài liền nói câu này:

- Sung sướng thay chúng ta sống không bị điều gì chướng ngại, ta thường sống với những điều hỷ lạc như những vị trời Quang Âm.

Tuy khát thực không được gì nhưng ngài vẫn an nhiên, thí chủ cho cũng tốt, không cho cũng không sao. Đức Phật thì tự tại như vậy, còn chúng ta nếu tới giờ ăn mà không có một bát cơm để giải quyết sự đói, chắc khó nằm ngò cho yên. Đức Phật vượt qua hết những chướng ngại nhất là đói và lạnh. Đó là do sức mạnh của tinh thần.

Trong A-hàm có ghi, mùa đông ở miền Bắc Ấn Độ tuyết rơi, lá cây rụng hết, mà Phật chỉ có ba y, không có chăn ấm, ngài cũng ngủ qua đêm. Sáng hôm sau có một vị trưởng giả đến hỏi thăm:

- Trời lạnh quá mà Ngài không đủ đồ mặc ấm, vậy đêm hôm rồi Ngài ngủ yên không?

Ngài trả lời:

- Vì ta đã bỏ tất cả tham dục nên ta ngủ rất yên.

Trái lại chúng ta lạnh cũng rên, đói cũng rên, không có gì chịu nổi. Cho nên người tu phải thắng lòng tham dục, thì tất cả những khó khổ, đói lạnh đều thắng được, không có gì làm chướng ngại.

201. Thắng lợi thì bị thù oán, thất bại thì bị đau khổ; chẳng màng tới thắng bại, sẽ sống hòa hiếu an vui.

Khi làm việc chung với ai, nếu mình hơn thì họ không bằng lòng và ôm mối oán thù. Ngược lại nếu thất bại thì bị đau khổ về nhà không yên, như vậy thắng và bại đều không yên. Cho nên người không màng thắng bại sẽ sống đời hòa hiếu an vui, còn người nào nói nhiều về thắng bại hơn thua, đó là người đau khổ.

Một hôm Phật vào trong thôn khát thực, có người Bà-la-môn đến trước mặt kêu tên ngài chửi. Khi đó Phật ôm bát đi tới đầu đường, ngồi xuống cội cây, ông tới trước hỏi Phật:

- Cù-đàm thua tôi chưa?

Phật trả lời bằng bốn câu kệ:

Người hơn thì thêm oán,

Kẻ thua ngủ không yên,

Hơn thua hai đều xả,

Ấy được an ổn ngủ.

Bốn câu kệ đó trùng ý câu kinh này. Chúng ta thì lúc nào cũng muốn hơn, bởi muốn hơn nên bị người ganh ghét thù oán, nếu biết người ta thù oán thì đâm ra sợ người hại mình. Cho nên nếu hơn người thì bị thù oán và đâm ra sợ hãi, thua thì về ngủ không yên bực tức hoài. Bỏ được hơn thua thì lúc nào cũng vui vẻ an ổn.

202. Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng ác sân hận, không khổ nào bằng khổ ngũ uẩn và không vui nào bằng vui Niết-bàn.

Con người bị lửa tham dục thiêu đốt, sân si hành hạ và ngũ ấm xí thanh thì không bao giờ an ổn. Người xưa thường nói, trên bờ thì sợ cọp, dưới sông thì sợ cá sấu, cá mập. Sự thật, cọp và cá sấu, cá mập không hại người, mà chính sân si mới hại người. Sống trong thời chiến tranh thì sợ bom đạn, bom đạn không đáng sợ bằng sân si, nếu con người không sân si thì không chế tạo ra bom đạn, không có bom đạn thì lấy gì hại nhau. Sở dĩ hại nhau gốc từ sân si, nhưng người ta sợ bom đạn mà không sợ sân si, đó là sai lầm, chỉ sợ quả mà không sợ nhân. Tất cả việc làm ác gốc từ sân si, nếu con người không sân si thì không cầm súng bắn người khác, như vậy sân si đáng sợ hơn là súng đạn.

Ở đây Phật nói không khổ nào bằng khổ ngũ ấm, nhưng trong Pháp cú 182, đức Phật nói được thân người là khó, được sống còn là khó... Như vậy có mâu thuẫn hay không? Khi khuyến khích chúng ta tu hành, đức Phật nói thân này khó được, Phật pháp khó nghe.

Còn khi nói thân này là vô thường đau khổ, là để nhắc nhở chúng ta bớt đắm trước thân, mà nỗ lực tu hành thoát khỏi luân hồi sanh tử. Do đó Phật dạy không vui nào bằng vui Niết-bàn, khi biết cái khổ của thân thì phải cầu cái vui Niết-bàn, chứ không phải biết rồi chán và hủy bỏ nó.

Như người ra biển sắp chết đuối mà không biết bơi, gặp được gốc cây mục. Bản chất gốc cây mục là không quý, nhưng nó là vật cứu mạng nên rất quý đối với người đang chơi với ngoài biển. Cũng vậy, thân ngũ ấm bản chất là khổ đau, nhưng chúng ta tạm mượn để tu hành giải thoát, do đó mà trước Phật nói khó được, rồi sau nói thân ngũ ấm là khổ nhưng không mâu thuẫn.

203. Đói là chứng bệnh lớn, vô thường là nỗi khổ lớn, biết được đúng đắn như thế đạt tới Niết-bàn vui tối thượng.

Người ta tưởng ăn cho ngon là hạnh phúc, nhưng chúng ta dùng trí tuệ nhìn kỹ bao tử cũng giống như bình xăng, khi xe chạy hết xăng phải đổ xăng vô cho đầy để xe tiếp tục chạy. Bao tử cũng vậy, khi đói thì không đủ năng lượng cung cấp cho các bộ phận nên nó đòi hỏi. Nếu không cung cấp thì nó cồn cào làm mình khó chịu, khi ấy ăn vài ba chén cơm là an ổn hạnh phúc. Sự thật cũng chỉ giải quyết cái dạ dày đang trống rỗng, chỉ cần vài ba chén cơm với những món sơ sài là đủ. Nhưng thế gian không chịu như vậy nên bị lệ thuộc vào cái lưỡi, do đó mà cực. Chúng ta biết rõ đói cũng là bệnh thôi.

Vì trống quá khiến cho thân nhọc nhằn chịu không nổi nên nói dối là chứng bệnh lớn.

Vô thường là nỗi khổ lớn, thân này sanh ra rồi già đau chết, cho nên đó là nỗi khổ lớn. Người nào biết đúng như thế là đạt đến Niết-bàn vui tối thượng. Như vậy nếu biết được dối là bệnh lớn, vô thường là cái khổ lớn, thì đạt tới Niết-bàn. Tại sao? Vì biết thân là vô thường, nên không tham luyến, tiến tu không chần chừ và đạt tới Niết-bàn. Nếu không thấy thân này vô thường, tưởng mình sống lâu dài, cho nên cứng đờ, bồi đắp, tô điểm, rốt cuộc rồi chết không tiến tu được, nên không đạt tới Niết-bàn.

204. Không bệnh là điều rất lợi, biết đủ là kẻ rất giàu, thành tín nơi chí thân. Niết-bàn là vui tối thượng.

Người không bệnh không có phiền não, đó mới là rất lợi. Biết đủ là kẻ rất giàu. Người ta nói nhiều tiền của mới giàu, sao ở đây nói biết đủ là giàu? Người không có tiền nhiều mà lúc nào cũng thấy đủ, thì người đó coi như giàu. Còn người có tiền thật nhiều nhưng thấy thiếu, tức là còn nghèo. Như tính để dành mỗi năm mười triệu, mà chỉ kiếm được tám, chín triệu nên thấy chưa đủ, vì vậy còn nghèo. Nếu người chỉ có một trăm ngàn mà thấy đủ ăn đủ sống thì người đó là kẻ giàu. Còn người không biết đủ là người nghèo.

Thành tín là nơi chí thân. Thành tín là ăn ở, xử sự bằng lòng chân thành, đó mới thật là chí thân. Niết-bàn là vui tối thượng. Như vậy người nào

không bệnh, biết đủ, thành tín và đạt được Niết-bàn là người đại hạnh phúc.

205. Ai đã từng nếm mùi độc cư, ai đã từng nếm mùi tịch tịnh, người ấy còn ưa nếm pháp vị, để xa lìa mọi tội ác, sợ hãi.

Khi chúng ta ở một mình nơi vắng vẻ, tâm an ổn thanh tịnh thì cảm thấy vui thích, đó là đã nếm mùi độc cư và tịch tịnh. Người nào thích ở chỗ vắng vẻ lại còn ưa chiêm nghiệm những lời Phật dạy một cách thấu đáo, người ấy nếm được pháp vị, xa lìa mọi tội ác và sợ hãi. Nếu ở nơi ồn náo, tranh đua danh lợi, không suy nghĩ tường tận lời Phật dạy, thì tha hồ tạo tội ác, không chút sợ hãi. Cho nên, người biết tu nhờ cảnh yên tĩnh, vắng vẻ ở một mình, nghiền ngẫm những lời Phật dạy cho thấm nhuần, hiểu được nghĩa lý sâu xa thì biết sợ hãi và dừng tất cả tội ác không làm.

206. Gặp được bậc Thánh nhân là rất quý, vì sẽ chung hưởng sự vui lành. Bởi không gặp kẻ ngu si, nên người kia thường hoan hỷ.

Gặp được bậc Thánh nhân là hết sức quý báu, ở chung với những vị đó thì hưởng được sự an vui lành mạnh. Vì những bậc Thánh lúc nào cũng dạy mình điều lành, lẽ phải, nếu gần các ngài thì tâm được an ổn vui vẻ. Chẳng những là Thánh nhân, nếu chúng ta gặp được những người bạn tốt, những bậc thầy hiền, tiếp xúc trong một giờ, hoặc nửa giờ, chúng ta cũng cảm thấy lòng nhẹ nhàng, tâm an ổn. Bởi vì gần người hiền, gần

bậc Thánh nhân, là đã xa lìa kẻ ngu si, nếu xa lìa kẻ ngu si thì lòng mình rất an ổn vui vẻ.

207. Đi chung với người ngu, chẳng lúc nào không bị lo buồn, ở chung với kẻ ngu, khác nào ở chung với quân địch. Ở chung với người trí, chẳng khác nào hội ngộ với người thân.

Làm sao phân biệt kẻ ngu người trí? Người ngu là người hung dữ, không biết ăn chay làm lành, thường tranh hơn thua, đi chung với họ mình sẽ bị lo buồn như đi với quân địch. Thí dụ khi đói bụng, mình ăn chay họ rử vô tiệm mặn, đó là một cái chướng. Mình muốn hòa nhã với mọi người, nhưng gặp ai họ cũng thích cãi cọ hơn thua. Mình thích làm lành, làm phước gặp ai cũng giúp đỡ, họ cứ cần nhằn nói mình ngu dại. Như vậy đi chung với những người ấy càng làm cho mình bức bối.

Người trí là người khôn ngoan, biết làm lành lánh dữ, biết những tội ác để chữa, điều phải để theo. Đi chung với họ tâm hồn mình thấy nhẹ nhàng khoan khoái, cho nên nói cũng như gần gũi người thân.

Ở đây nói ngu và trí theo đạo đức, những người hung dữ, hơn thua, phá trai phạm giới là người ngu, còn những người hiền lành biết tôn trọng đạo đức là người trí.

208. Đúng thật như vậy: Người hiền trí, người đa văn, người trì giới chân thành và bậc Thánh giả là chỗ nương tựa tốt nhất cho mọi người. Được đi theo những bậc thiện nhân hiền tuệ ấy, khác nào mặt trăng đi theo tinh đạo.

Người hiền khôn ngoan học rộng, trì giới một cách chân thành và những bậc Thánh giả là chỗ nương tựa tốt nhất cho mọi người. Ở đây nói người trí chỉ cho những người vừa hiền vừa học rộng vừa biết giữ giới đúng đắn, đó là những bậc thiện nhân, chúng ta gần họ thì thật là an ổn. Cho nên nói rằng, được đi theo những bậc thiện nhân hiền tuệ ấy, khác nào mặt trăng đi theo quỹ đạo, không bao giờ bị lệch. Như xe lửa chạy trên đường rầy, cứ chạy theo đường rầy thì không bị chênh. Như vậy gần người hiền, gần bậc trí tuệ, biết giữ giới đúng đắn, và bậc Thánh thì thật là an ổn hạnh phúc. Ngược lại gần những người hung dữ, không biết tu hành, tranh hơn tranh thua v.v... chỉ lay khổ cho mình chứ không được lợi ích an vui.



XVI- PHẨM HỖ ÁI

209. Chuyên làm những việc không đáng làm, nhác tu những điều cần tu, bỏ việc lành mà chạy theo dục lạc, người như thế dù có hâm mộ kẻ khác đã cố gắng thành công, cũng chỉ là hâm mộ sông.

Những việc làm ăn mua bán, hơn thua phải quấy, giao tế qua lại không nên làm mà người tu đeo đuổi làm hoài. Ngược lại tụng kinh niệm Phật, tham thiền hành trì cho miên mật, là việc của người xuất gia phải làm, thì lười nhác không chịu làm, đó là bỏ việc tu hành chạy theo dục lạc thế gian. Người như thế dù thấy người khác tu hành có kết quả, rồi cung kính khen ngợi, cũng chỉ là sự hâm mộ sông, chứ không có ích gì. Muốn có lợi ích thiết thực, thì phải siêng tu và bớt những chuyện không đáng làm. Như thấy người khác tu hành thành công, thì tự nhủ mình cũng sẽ tu hành như họ để có lợi ích.

Đối với cư sĩ tại gia, việc chính là lo làm cho có tiền để nuôi sống bản thân, gia đình và đóng góp những điều

phúc thiện cho xã hội. Đó là những việc cần làm để sống, để có công đức mà lại không làm. Còn những việc ăn chơi, rượu chè, cờ bạc v.v... không đáng mà cứ làm. Người như vậy dù muốn lập nghiệp cũng không có sự nghiệp, hay khen ngợi người khác có sự nghiệp cũng là khen suông, mà chính mình không bao giờ được lợi ích.

210. Chớ kết giao với người đáng ưa, chớ kết giao với người không đáng ưa. Không gặp được người thương yêu là khổ, mà gặp phải người cừu oán cũng khổ.

Tại sao đức Phật dạy không nên kết giao với người đáng ưa và người không đáng ưa, vậy phải kết giao với người nào? Đức Phật dạy nếu thương nhiều mà xa nhau là khổ, còn ghét nhau mà gặp cũng khổ. Hai người kết thân nhưng chắc gì suốt đời ở chung, hôm nay thân ngày mai phải xa, thế là tự mình chuốc khổ. Tu là thoát khổ, tại sao lại buộc cái khổ vào? Cho nên phải sống chan hòa tình thương với tất cả mọi người. Còn thân người này, không thân người kia, khi có thân thì có thù, là có khổ. Gặp ai vừa ý thì thương, không vừa ý thì ghét, do đó mà thương ghét chất chồng nên khổ. Đây là hai cái khổ trong tám khổ, ghét mà gặp nhau là khổ, thương mà phải xa lìa cũng khổ. Nếu tâm bình đẳng thì không còn thân sơ thương ghét, sẽ bớt được hai nỗi khổ trên.

Người xưa thường nói, người quân tử đối xử với nhau như nước lã, nhưng đó là cái chân thật lâu dài. Còn kẻ tiểu nhân gặp nhau ngọt như mật, nhưng ít hôm

trở mặt, thành cay đắng khổ đau. Các vị Thánh nhân dạy không khác nhau bao nhiêu. Cho nên ở đây Phật dạy bớt đắm yêu và oán thù, thì sẽ bớt đau khổ.

211. Thế nên chớ đắm yêu, vì đắm yêu bị biệt ly là khổ. Nếu không còn những niệm yêu ghét thì không điều gì ràng buộc được.

Như đã nói người yêu thương nhiều mà xa lìa là khổ, nhưng chưa xa lìa mà làm gì trái ý vẫn khổ như thường. Thí dụ như mẹ thương con, lúc nào cũng muốn con siêng năng học giỏi, nhưng nó lười biếng và học dở thì bực bội buồn rầu. Đó cũng phát xuất từ lòng thương, rồi lo lắng mà trở thành khổ. Nên Phật dạy chớ chìm đắm trong yêu thương vì yêu thương mà bị xa lìa thì nhất định phải khổ. Người không còn niệm yêu ghét, thì không bị khổ sở ràng buộc.

Người đời không yêu thì ghét, chứ ít có sự trung bình. Phật dạy chúng ta tập sống bằng lý trung đạo, nếu ngã bên này bên kia thì khổ. Người thế gian không hiểu thì yêu ghét nhiều, chúng ta là Phật tử giảm bớt lòng thương ghét, thì tâm hồn được nhẹ nhàng an ổn.

212. Từ hỷ ái sinh lo, từ hỷ ái sanh sợ; xa lìa hết hỷ ái, chẳng còn lo sợ gì.

Do ưa thích nên sanh lo sợ, nếu xa lìa ưa thích thì không còn lo sợ. Thí dụ có món đồ quý mình thích quá, lúc nào cũng lo giữ gìn sợ ai đụng tới thì hư bể. Cho nên ưa thích là gốc của lo sợ, khi dứt được ưa thích thì hết lo sợ. Cũng như người ưa thích thân này nên luôn sợ đau,

sợ đói lạnh, sợ chết. Nếu coi thân này như gốc cây mục thì hết lo sợ. Vì vậy cái khổ không ai mang đến mà xuất phát từ tâm ưa thích của mình.

213. Từ thân ái sanh lo, từ thân ái sanh sợ; xa là hết tham ái, chẳng còn lo sợ gì.

214. Từ tham dục sanh lo, từ tham dục sanh sợ; xa là hết tham dục, chẳng còn lo sợ gì.

Khi nào con người hết ái nhiễm tham dục, thì không còn lo sợ. Tham dục là đam mê ưa thích ngũ dục.

215. Từ dục lạc sanh lo, từ dục lạc sanh sợ; xa là hết dục lạc, chẳng còn lo sợ gì.

216. Từ ái dục sanh lo, từ ái dục sanh sợ; xa là hết ái dục, chẳng còn lo sợ gì.

Ưa thích ngũ dục thì còn lo sợ, hết ưa thích thì hết lo sợ. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thù. Thí dụ có người đang giữ một chức vụ cao, có uy quyền và rất thích danh, nên sợ người ta hạ mình xuống thì mất hết quyền uy danh vọng. Vì vậy họ lo bảo vệ địa vị của mình, mà có lo thì có sợ, đó là khổ. Khi chúng ta dứt hết lòng ái dục, thì không còn gì lo sợ.

217. Đầy đủ giới hạnh và chánh kiến, an trú chánh pháp, rõ lý chân thường và viên mãn các công hạnh, là người đáng kính mến.

Người đáng cho mọi người kính mến, phải có năm điều. Một là đủ giới hạnh, hai là có chánh kiến, ba là

an trú trong chánh pháp, bốn là rõ được lý chân thường, năm là viên mãn các công hạnh.

Người xuất gia phải giữ mười giới hoặc hai trăm năm mươi giới, người tại gia giữ năm giới, tám giới hoặc thập thiện. Thọ giới nào giữ giới ấy, là đầy đủ giới hạnh. Có chánh kiến là nhận định đúng lý nhân quả và giáo pháp của Phật. An trú trong chánh pháp, là sống và làm việc phù hợp với chánh pháp. Rõ được lý chân thường là thấu suốt lý Tứ đế. Giới định tuệ đầy đủ thì công hạnh tu hành viên mãn. Người như thế thì xứng đáng cho người khác kính trọng.

218. Khát cầu pháp ly ngôn, sung mãn tâm cứu xét, không đắm mê dục lạc, ấy là bậc thượng lưu.

Những lời đức Phật dạy thì gọi là pháp, như Tứ đế, Bát thánh đạo, những pháp đó đều là ngôn thuyết chứ chưa phải là ly ngôn. Khi nghe đức Phật nói Tứ thánh đế rồi áp dụng tu, chứng được Tứ thánh đế, sự chứng pháp đó chỉ tự mình biết và nhận ra, không thể diễn tả bằng ngôn ngữ, như người uống nước lạnh nóng tự biết, gọi là *pháp ly ngôn*. Người tu lúc nào cũng khao khát mong mỏi chứng được pháp này.

Sung mãn tâm cứu xét là chánh tư duy, quán chiếu tâm mình và sự vật bên ngoài. Thí dụ khi nghe Phật dạy lý nhân duyên, vô thường vô ngã. Tâm luôn suy xét nên không còn đắm nhiễm tất cả dục lạc, gọi là bậc thượng lưu. Thượng lưu là người chứng được quả Bất hoàn, là quả thứ ba trong bốn quả Thanh văn, còn gọi là A-na-hàm.

219-220. Người khách ly hương lâu ngày, khi từ phương xa trở về yên ổn, được bà con thân hữu đón mừng thế nào, thì người tạo phước nghiệp cũng vậy, khi từ cõi đời này sang cõi đời khác, phước nghiệp của họ là kẻ thân hữu đón mừng họ.

Mỗi khi đi xa về được bà con đón mừng chào hỏi vui vẻ, đó là tình thương của người thân dành cho mình. Cũng vậy hằng ngày chúng ta làm việc phước thiện, tuy hiện đời chưa thấy kết quả, nhưng khi bỏ thân này để mang thân kế, lúc đó phước nghiệp đón tiếp chúng ta như bà con đón tiếp người thân của mình đi xa về.

Ngược lại người tạo nghiệp bất thiện, ác nghiệp sẽ chực đón họ như kẻ thù cầm gậy đứng sẵn để hành phạt. Vì vậy Phật nhắc người Phật tử sống phải biết tư lương là lo tích chứa phước nghiệp, để khi bỏ thân này mang thân khác, sẽ có những điều tốt đẹp sẵn sàng chào đón mình.

Thí dụ người có của, gửi ở bên Pháp một số tiền khá nhiều, anh em ở bên đó cũng khá đông. Bây giờ đủ duyên lên máy bay sang Pháp, lúc đó không lo sợ, vì đã có sẵn tiền bạc và thân hữu, gọi là có sẵn tư lương. Cũng có người qua Pháp, chỉ có tiền mua vé máy bay, mà bên đó không có bà con, cũng không có tiền tiết kiệm. Cho nên khi lên máy bay tâm hồi hộp lo âu, không biết qua bên đó ở đâu, làm gì, lấy tiền đâu để sống. Bao nhiêu nỗi lo dồn dập, vì ra đi không có chút tư lương, là cả một vấn đề đau khổ.

Phật dạy người nào sắp chết mà thấy gương mặt hoan hỷ thì người đó có phước nghiệp, sẽ sanh ở các cõi lành. Người sắp chết mà thấy gương mặt héo sầu, nhăn nheo sợ sệt thì biết rằng họ sanh ở cõi khổ. Bởi vì người tạo ác nghiệp, khi vừa bỏ thân này, do ác nghiệp chiêu cảm, liền thấy những cảnh hung dữ hiện ra khiến tâm họ hoảng sợ, tướng xấu hiện trên gương mặt. Ngược lại người làm lành khi gần tắt thở, thấy bà con thân quyến hoặc thấy Phật đến đón thì trong lòng hoan hỷ, nên nét mặt vui tươi, đó là do phước lành mà có tướng trạng như thế.

Đức Phật dạy những điều này là lẽ thật, tại mắt phàm không thấy, nên phải mượn những hình ảnh cụ thể ở thế gian để thấy mà cố gắng. Vì vậy người Phật tử phải lo tư lương, để ngày nào ra đi được an ổn không lo sợ.



XVII- PHẨM PHẦN NỘ

221. Xa bỏ lòng giận dữ, trừ diệt tính kiêu căng, giải thoát mọi ràng buộc, không chấp trước danh sắc, người không có một vật chi, sự khổ chẳng còn theo dõi được.

Xa bỏ lòng giận dữ và tính kiêu căng ngã mạn thì giải thoát mọi phiền não khổ đau. Không chấp trước thân tâm cho là thật, người không có một vật chi, là không chấp chặt những vật đó là của mình, nên sự khổ chẳng còn đeo đuổi.

Bậc A-la-hán mới chứng được lục thông, còn ngũ thông thì người tu theo ngoại đạo cũng chứng được. Chứng ngũ thông thì có thể bay lên hư không, có thể biết được tâm ý người khác, nhưng chưa phải chứng quả A-la-hán. Vì vậy chứng A-la-hán là dứt hết mọi triền phược, không còn chấp thân ngũ uẩn là thật thì giải thoát khỏi mọi khổ đau.

222. Nếu hay ngăn được cơn giận dữ nổi lên như dừng được chiếc xe đang chạy nhanh, mới là kẻ chế ngự giỏi, ngoài ra chỉ là kẻ cầm cương hờ mà thôi.

Có người nói một câu chọc tức, mình nổi giận dùng dùng, chợt nhớ thân này mai một chết bỏ đi, thì dần xuống được liền, miệng không nói ra những lời dữ, thân không làm những hành động dữ, Phật ví như dừng được chiếc xe đang chạy nhanh, đó là người chế ngự giỏi.

Chúng ta phải tu như vậy mới thật là hay, nếu giận nói bậy một hồi rồi ăn năn xin lỗi thì tầm thường quá, vì không làm chủ được mình. Khi nóng giận người ta chỉ nhớ cái giận mà không nhớ gì hết. Để nhắc nhở mình trong những trường hợp như thế, người xưa thường viết những câu Phật ngôn trên vách hay để trên bàn, mỗi khi nổi sân nhìn thấy mà giạt mình và hạ cơn nóng giận.

223. Lấy từ bi thắng nóng giận, lấy hiền lành thắng hung dữ, lấy bố thí thắng xan tham, lấy chân thật thắng ngoa ngụy.

Người đời thấy người ta nóng giận hung dữ với mình thì dùng hung dữ để trị lại, nếu không thì họ nói mình là kẻ hèn nhát. Như vậy lấy hung dữ để trị hung dữ, hai cái hung dữ đụng nhau thế nào cũng gây gỗ. Ở đây Phật dạy lấy từ bi để thắng nóng giận, nếu người nóng giận thì mình dùng lòng từ bi thương họ, cư xử tử tế không nói lời hung dữ đáp trả, một lúc hết nóng giận thì cả hai đều an ổn.

Nhưng người ta hung dữ mà mình hiền lành thì có bị chê ngu không? Nếu cả hai người đều nóng giận thì cả hai đều dại vì giận là bất an. Cho nên một người nóng thì có một người hiền, người hiền mới thắng được người nóng. Đó là lấy từ bi thắng nóng giận.

Lấy bố thí thắng xan tham, người có tâm keo kiệt tập bố thí thì hết keo kiệt. Lấy chân thật thắng ngoa ngụy, người dối xử chân thật với nhau thì bền chắc lâu dài, còn những người dối trá với nhau chỉ được một lúc rồi thôi. Ở đây đức Phật dạy chiến thắng là làm ngược lại, người nóng mình phải nguội, người dữ mình phải hiền. Người bôn sển mình phải tu bố thí, người dối trá mình đối xử chân thật. Chúng ta nên thực hành theo sẽ được an ổn.

224. Nói chân thật, không giận hờn, đích thân bố thí cho người đến xin, đó là ba việc lành đưa người đến cõi chư thiên.

Luôn nói lời chân thật, không giận hờn thù oán ai, gặp người nghèo khó đến xin tự tay mình bố thí cho họ. Đó là ba việc lành đưa chúng ta đến cõi chư thiên. Chúng ta nên thường làm ba điều này để được lợi ích an vui.

225. Không làm hại người thanh tịnh, thường chế phục thân tâm, thì đạt đến nơi chẳng chết, chẳng còn ưu bi.

Đối với người tu trong sạch thanh tịnh, luôn chế phục thân tâm mình, không bao giờ có tâm ý hại người, thì đạt đến nơi chẳng chết và chẳng còn ưu bi. Vì người

làm chủ được thân tâm, nên tự tại giải thoát, đạt đến Niết-bàn, không còn kẹt trong vòng luân hồi sanh tử.

226. Những người thường tỉnh giác, thường tu tập chuyên cần, thường để chí hướng tới Niết-bàn thì mọi phiền não đều dứt sạch.

Đối với người tu, hàng ngày tiếp duyên đối cảnh, sự tỉnh giác rất cần thiết. Thí dụ khi ra làm việc, nếu gặp danh lợi, hay những chuyện bức mình, thì phải tỉnh giác rằng danh lợi là vô thường không bền chắc, nhắc trong lòng như vậy, đó là thường tự giác tự tỉnh. Nếu không tỉnh giác thì khi gặp danh lợi liền chạy theo, gặp chuyện không như ý thì tức giận, quên hết sự tu hành.

Kế nữa phải chuyên cần tu tập theo pháp môn mình đã chọn, luôn lập chí tu hành để giải thoát sanh tử đạt đến Niết-bàn, đó là chí hướng cứu cánh của mình, được như vậy thì mọi phiền não đều dứt sạch.

227. A-tu-la nên biết, đây không phải chỉ là chuyện đời nay, mà đời xưa người ta cũng từng nói: Làm thỉnh bị người chê, nói nhiều bị người chê, ít nói cũng bị người chê, làm người không bị chê thật là chuyện khó có ở thế gian này.

Đây là lời đức Phật nói với ông A-tu-la, ở trên đời này không ai làm vừa lòng thiên hạ. Nếu ít nói thì những người thích ít nói họ khen, còn người ưa nói nhiều lại chê. Người nói nhiều thì những người ưa nói lại khen, người ít nói thì chê. Người không nói thì những người biết tu hành khen làm thỉnh như Thánh, còn người không biết thì chê làm bộ nghiêm nghị. Như vậy để thấy rằng ở

giữa đời này, không ai hoàn toàn được khen và hoàn toàn bị chê. Sống trong cuộc đời tương đối, chúng ta đừng đòi hỏi cái tuyệt đối. Nếu đòi hỏi tuyệt đối, thì không bao giờ được như ý.

228. Toàn bị người chê cả, hay toàn được người khen cả là điều quá khứ chưa từng có, hiện tại tìm không ra và vị lai cũng không dễ gì thấy được.

Người toàn bị chê, người toàn được khen, điều này xưa nay chưa từng có. Như người trộm cướp bị xã hội chê, nhưng khi ăn trộm nhiều tiền thì được vợ con khen, như vậy cũng có người khen, không phải hoàn toàn bị chê. Ngược lại dù người tốt chín mươi chín hay một trăm phần trăm, cũng có vài người ganh tỵ gièm pha. Như người nghèo thấy người giàu tự nhiên ghét, đó là do tâm đố kỵ. Mỗi ngày rằm, ba mươi mình đi chùa nghe kinh, trong xóm có người không thích nên chế nhạo giả đồ tu, đó là không muốn người khác tốt hơn. Như vậy làm sao chúng ta sống cho vừa lòng thiên hạ! Đức Phật dạy chúng ta phải có lập trường, phải biết cuộc đời tương đối, khi làm lành bị người dữ chê, không buồn phiền thối chí tu hành, vì biết rằng người dữ ghét người hiền là do tâm đố kỵ.

Tóm lại chúng ta đừng bị lệ thuộc sự khen chê của người bên ngoài, vì khen chê không có lẽ thật, tùy theo trình độ nhận xét của mỗi người mà có những phê bình khác nhau. Chúng ta giữ lập trường đứng đắn chân chánh vững vàng, thì khi nghe những lời khen chê tâm không dao động.

229. Cứ mỗi buổi mai thức dậy, tự biết phản tỉnh, hành động không sai trái, trí tuệ hiền minh, giới hạnh thanh tịnh, đó là người đáng được kẻ trí tán dương.

Mỗi buổi sáng thức dậy tự phản tỉnh lấy mình, ngày nay phải làm những điều tốt đẹp, đừng để những điều sai quấy chen vô. Như vậy buổi sáng mình có ý thức được việc làm trong ngày, là phải đi đúng chiều hướng hiền thiện, nên hành động không lệch lạc sai quấy. Phát huy trí tuệ sáng suốt hiền lành, giữ giới hạnh thanh tịnh, người được như vậy mới đáng cho kẻ trí khen ngợi.

230. Phẩm chất đúng loại vàng Diêm-phù thì ai chê bai được? Đó là hạng Bà-la-môn được chư thiên tán dương.

Người có phẩm hạnh đúng đắn như vàng ròng thì không ai chê. Như những vị Bà-la-môn chân chánh được chư thiên khen ngợi. Chúng ta tu hành giữ phẩm hạnh cho đúng, thì cũng được những người hiền lành đức hạnh kính trọng.

231. Giữ thân đừng nóng giận, điều phục thân hành động, xa lìa thân làm ác, dùng thân tu hạnh lành.

232. Giữ lời đừng nóng giận, điều phục lời nói chánh chân, xa lìa lời nói thô ác, dùng lời nói tu hành.

233. Giữ ý đừng nóng giận, điều phục ý tình thuần, xa lìa ý hung ác, dùng ý để tu chân.

Đức Phật dạy không nổi giận, không cho thân hành động quấy ác, dùng thân này làm phương tiện tiến tu để được hết khổ, cũng như người chết đuối nương gốc cây mục để vào tới bờ. Khi nóng giận đừng nói những lời thô ác, luôn nói những lời chân chánh hiền lành, đem Phật pháp để chỉ dạy cho người, đó gọi là lời nói tu hành.

Giữ ý luôn thuần thiện và trong sạch, những ý niệm ác dấy lên đều buông bỏ và luôn khởi những niệm lành, phát triển những ý nghĩ tốt để hành động tốt. Người nào luôn giữ ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh thì được lợi ích an vui.

234. Người trí điều phục thân, cũng điều phục ngôn ngữ, điều phục luôn tâm ý, ba nghiệp thả điều phục.

Người trí tuệ lo điều phục thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, đó là ba phần tu hành căn bản. Ba nghiệp được hoàn toàn thanh tịnh là người tu chân chánh, vì thân miệng ý là nguồn gốc của tội lỗi trầm luân, cũng là nguồn gốc của công đức giải thoát. Nếu biết ngăn chặn nguồn gốc của tội lỗi trầm luân, khai thác nguồn gốc của công đức giải thoát, như vậy là người biết tu.



XVIII- PHẨM CẤU UẾ

235. Người đã giống như chiếc lá khô. Diêm-ma sứ giả ở sát bên mình. Người đang đứng trước ngưỡng cửa chết, bước lữ đồ người cũng thiếu hẳn tư lương.

Đức Phật nhắc những người tuổi thọ sắp hết mà phước đức không có, giống như cành khô lá héo rồi mục chết từ từ. Cũng vậy thân của chúng ta, tới sáu bảy mươi tuổi thì cái chết gần kề, nếu lúc đó chúng ta không có phước đức thì Diêm-la sứ giả ở sát bên mình, đang đứng trước ngưỡng cửa tử thần, như người sắp đi xa mà thiếu hẳn tư lương. Từ trước tới giờ không lo tu hành, bây giờ chết rồi đi đâu đây, một mình bơ vơ trên con đường tối tăm mù mịt. Tổ Quy Sơn nói *đường trước mờ mờ chẳng biết về đâu!* Nếu chúng ta ý thức được điều này thì thức tỉnh lo tu hành, sớm chùng nào tốt chùng ấy, để có tư lương cho những ngày sắp tới, ra đi trong an ổn.

236. Người hãy tự tạo cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gột sạch biết bao phiền não trần cấu, để bước lên Thánh cảnh của hàng chư thiên.

Người tu phải tích lũy công đức cho đầy đủ, cũng như người đi biển gặp giông bão lên được hòn đảo an toàn, khỏi bị lặn hụp chết chìm ngoài biển cả. Gấp rút siêng năng làm một kẻ trí thức khôn ngoan, để gột sạch bao nhiêu phiền não trần cấu trong tâm. Khi khởi tâm tham lam hay giận hờn biết đây là phiền não thì buông bỏ, đó là gột sạch những trần cấu trong lòng mình, để bước lên cảnh giới của bậc Thánh, là cõi trời Sắc Cứu Cánh, thành bậc A-na-hàm.

Tuy nhiên đừng nghe nói thân này sắp tàn lụi rồi buồn khổ vô ích, mà phải cố gắng làm sao cho được hữu ích ngay trong đời này, chứ không phải sau khi chết để được làm Thánh.

237. Đời sống người nay sắp lụn tàn, người đang dịch bước tới gần Diêm vương, giữa đường đã không nơi ngồi nghỉ, bước lữ đồ người cũng thiếu hẳn tư lương.

Mỗi ngày qua cái chết cận kề bên mình, lúc bình thường không tu hành nên khi sắp chết thiếu công đức và lo rằng ngày mai đi đâu, không có gì đem theo qua thế giới bên kia. Nên nói giữa đường không nơi ngồi nghỉ, mà bước lữ đồ cũng thiếu hẳn tư lương.

238. Người hãy tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gột sạch phiền não trần cấu, chớ trở lui đường sanh lão nguy nan.

Biết cái chết đang đeo đuổi không tha một ai, nên phải nỗ lực tu hành cho đầy đủ công đức, thường dùng trí quán chiếu để dẹp sạch hết phiền não trần cấu trong tâm, không bao giờ trở lại con đường sanh lão bệnh tử nguy nan này nữa. Đức Phật khích lệ mỗi người phải cố gắng vươn lên để được giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, đó là tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn.

239. Hết sát-na này đến sát-na khác, người trí lo gột trừ dần những cấu uế nơi mình, như ông thợ vàng cần mẫn lọc trừ cặn bã khỏi chất vàng ròng.

Trong mỗi giây phút chúng ta phải lo dẹp trừ những cấu uế nơi tâm, buông bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Cũng như anh thợ vàng từng phút giây lo lọc cặn bã để vàng thô thành vàng ròng, đó là người biết tu.

240. Như sét do sắt sinh ra rồi trở lại ăn sắt, ác nghiệp do người ta gây ra rồi trở lại dắt người ta đi vào cõi ác.

Thanh sắt để ngoài mưa gió, ít tháng thấy rỉ sét ở bên ngoài, vậy sét cũng từ nơi sắt mà ra. Tất cả những nghiệp ác do thân khẩu ý chúng ta tạo ra rồi tự chịu khổ. Cũng như sắt sanh ra sét, sét trở lại ăn sắt, không có gì tới hại nó mà chính nó tự hại. Người biết tu dừng các nghiệp ác thì hết khổ, đây là một sự thật.

241. Không tụng tập là vết nhơ của kinh điển, không siêng năng là vết nhơ của nghiệp nhà, biếng nhác là vết nhơ của thân thể và nơi ăn chốn ở, phóng túng là vết nhơ của phép hộ vệ.

Kinh sách đầy tủ mà không có người xem để ứng dụng tu hành thì cũng không có lợi ích gì, đó là vết nhơ của kinh điển. Người có nhà cửa sự nghiệp mà không siêng năng làm cho mỗi ngày mỗi thăng tiến, mà làm cho gia nghiệp suy vi, đó là vết nhơ của nghiệp nhà. Lười biếng không muốn làm gì cả, không vệ sinh thân thể, nhà cửa không sạch sẽ ngăn nắp gọn gàng, đó là vết nhơ của thân này và nơi ăn chốn ở. Đến cái hệ trọng hơn hết, buông lung phóng túng thì tội lỗi theo đó mà khởi, đó là vết nhơ của phép hộ vệ.

Nếu muốn những điều tội lỗi không phát sanh thì phải giữ cho ba nghiệp được trong sạch. Đó là những điều cần yếu của người xuất gia cũng như Phật tử tại gia.

242. Tà hạnh là vết nhơ của người đàn bà, xan lẫn là vết nhơ của sự bố thí. Đối với cõi này hay cõi khác thì tội ác chính là vết nhơ.

Người phụ nữ mà không có trinh tiết chung thủy, đó là tà hạnh, là vết nhơ của người đàn bà. Người bôn sền keo kiệt tiếc của không bố thí một đồng nào cho người nghèo khổ, đó là vết nhơ của sự bố thí. Trong đời này chúng ta do hư hèn dở xấu, nên tạo nhiều tội ác và chịu những quả báo khổ đau, rồi đời sau sanh ra gặp những hoàn cảnh đau khổ, nên nói tội ác chính là vết nhơ của đời này và đời sau. Vì thế đức Phật dạy người Phật tử

chân chánh lúc nào cũng dè dặt không tạo những tội ác, vì làm ác thì thọ quả báo xấu.

243. Trong các nhơ cấu đó, vô minh cấu là hơn cả. Các người hãy trừ hết vô minh để trở thành hàng Tỳ-kheo thanh tịnh.

Theo kinh A-hàm, không biết Tứ đế là vô minh, Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế, bốn điều đó là lẽ thật mà không biết nên gọi là vô minh. Hay nói cách khác, không biết chân lý, sống theo ảo tưởng cuồng loạn gọi là vô minh. Nhưng trong kinh Viên Giác, đức Phật giải thích vọng nhận thân tứ đại do duyên hợp tạm có mà cho là thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần cũng duyên hợp huyễn có mà cho là thật, đó là vô minh.

Phật, Bồ-tát và A-la-hán, thấy cuộc đời là tạm bợ giả dối nên không nhiễm, thì không bị luân hồi sanh tử, vì vậy các ngài là minh, là giải thoát.

Ở đây đức Phật nói rằng trong tất cả nhơ cấu, vô minh cấu là hơn cả, vì vô minh làm cho chúng ta trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi không bao giờ dừng, cho nên Phật dạy nhìn đúng đắn về thân tâm mới hết vô minh và trở thành hàng Tỳ-kheo thanh tịnh.

244. Sống không biết xấu hổ, sống lỗ mãng như quạ diều, sống chê bai kẻ khác, sống đại dõm khoa trương, sống ngạo mạn tà ác, sống như thế ấy chẳng khó khăn gì.

245. Sống biết hổ thẹn, sống thường cầu thanh tịnh, sống không đam mê dục lạc, sống khiêm tốn,

sống trong sạch, sống dồi dào kiến thức, sống như thế mới thật khó làm.

Trong hai câu kinh trên, Phật dạy sống lỗ mãng, chê bai kẻ khác, ngạo mạn, khoa trương v.v... mà không biết xấu hổ, đó là những điều rất dễ làm. Ngược lại biết hổ thẹn, thường cầu thanh tịnh, không đam mê dục lạc, sống khiêm tốn trong sạch, dồi dào kiến thức thì rất khó làm. Điều dễ là làm cho mình đọa lạc, điều khó thì làm cho mình tiến lên, chúng ta đừng sợ khó, phải làm những điều khó mới có giá trị.

Cũng như đi lên tu viện Chơn Không, đường dốc phải chống gậy, nhắc từng bước chân nghe nặng nề mệt nhọc. Nhưng khi xuống thì rất dễ, mấy đứa nhỏ chạy một hơi là xuống dưới dốc. Nghĩa là chúng ta muốn vươn lên thì phải gắng sức, nếu thả trôi cho lùi xuống thì rất dễ. Cho nên kẻ hay làm những điều xấu xa tội lỗi, là người thả trôi xuống tận đáy hố thẳm. Còn người Phật tử chân chánh lúc nào cũng phải sống khép mình trong khuôn khổ để nỗ lực vươn lên.

246-247. Trong thế gian này, ai hay sát sanh, hay nói dối, hay lấy cắp, hay phạm dâm, hay rượu chè say sưa, ai có các hành vi đó tức đã đào bỏ thiện căn của mình ngay ở cõi đời này.

Người sống theo những hạnh xấu xa như sát sanh, nói dối, trộm cắp, tà dâm, uống rượu thì người đó tự đào bỏ gốc lành của mình trồng từ trước đến giờ. Ngược lại không làm những điều đó, là vun bồi gốc lành ngày càng thêm vững. Như vậy gốc lành vững vàng tăng trưởng hay bị đào bỏ là tại chúng ta.

248. Các người nên biết hễ không lo chế ngăn tức là ác, vậy các người chớ tham, chớ làm điều phi pháp mà phải sa vào thống khổ đời đời.

Đức Phật thấy rõ tâm niệm, hành vi của đa số chúng ta là xấu xa. Nếu không ngăn chặn thì sẽ gây tội lỗi. Cho nên hằng ngày, từng phút giây đều phải biết kềm chế, ngăn ngừa tâm niệm hành vi của mình, đó là dùng được tội ác. Ngược lại chúng ta mặc tình cho tâm nghĩ gì thì nghĩ, những ý niệm xấu sẽ khiến chúng ta gây tội ác. Nếu chịu khó nhận xét tinh tế sẽ thấy cả ngày nghĩ toàn điều thiện, hay một lát giận người này buồn người kia, phiền người nọ. Nếu để bực bội trong lòng kéo dài, thì sẽ phát ra những lời nói hành động thô ác, khi buồn không chặn được cơn buồn, thì cũng khổ tâm không yên.

Cho nên đức Phật dạy phải luôn ngăn ngừa, kềm chế tâm niệm hành vi của mình, không làm những điều tội lỗi, nên tâm trong sạch và không còn phiền não khổ đau. Nếu được như vậy thì cuộc đời mãi mãi an vui.

249. Vì có tâm tin vui nên người ta mới bố thí, trái lại, kẻ có tâm ganh ghét người khác được thức ăn, thì ngày hoặc đêm kẻ kia không thể nào định tâm được.

250. Nhưng kẻ nào đã cắt được, nhổ được, diệt được tâm tưởng ấy, thì ngày hoặc đêm kẻ kia đều được định tâm.

Bố thí là giúp đỡ người khác có cơm ăn, áo mặc. Người phát tâm bố thí là họ có niềm tin an vui.

Ngược lại, những kẻ có tâm ganh ghét, thấy người có cơm ăn áo mặc thì đố kỵ, cho nên suốt cả ngày đêm tâm không bao giờ an ổn. Đó là một lẽ thật. Chúng ta nghiệm kỹ để chọn lựa, hoặc làm người vui vẻ bố thí, hay làm người keo kiệt bủn xỉn và ganh ghét đố kỵ. Phật tử chúng ta nhất định làm hạng người thứ nhất. Vì vậy đức Phật nói nếu người nào cắt được, nhổ được tâm ganh ghét đố kỵ ấy thì ngày đêm tâm được an định.

251. Không lửa nào dữ bằng lửa tham dục, không cố chấp nào bền bằng tâm sân giận, không lưới nào trói buộc bằng lưới ngu si, không dòng sông nào đắm chìm bằng sông ái dục.

Lửa tham dục thiêu đốt không biết bao nhiêu người, nên nói không có lửa nào dữ bằng lửa tham dục. Khi bị chọc giận không buông được, có người nói tôi giận người đó suốt đời không quên, hay ôm giận trong lòng cho tới đời khác. Nên ở đây đức Phật nói không cố chấp nào bền bỉ bằng tâm sân giận. Ngu si trói buộc chúng ta trong vòng sanh tử luân hồi, vì vậy không lưới nào trói buộc bằng lưới ngu si.

Có câu *ái hà thiên xích lãng*, nghĩa là dòng sông ái sóng cao đến ngàn thước, nhận chìm tất cả người thế gian, trừ các bậc Thánh nhân và người hiền triết, nên nói không dòng sông nào đắm chìm bằng sông ái dục. Ái đây không phải nói nam nữ yêu nhau, mà chính là ái ngũ dục, sự nghiệp, cuộc đời, thân mạng và con cái v.v... đó là gốc của sự chìm đắm. Thí dụ như người sắp chết nhớ tới sự nghiệp thì tiếc, nhớ tới con cháu thì thương,

nhớ tới thân mình chết rồi không biết ra sao thì buồn. Đó là cái gốc để tiếp tục luân hồi mang thân khác. Cho nên ái dục trói buộc con người khó thoát khỏi, chỉ những ai dũng mãnh lắm mới đào được tận gốc rễ.

252. Thấy lỗi người thì dễ, thấy lỗi mình thì khó. Lỗi người, ta cố phanh tìm như tìm thóc lẫn trong gạo, còn lỗi mình, ta cố che giấu như kẻ cờ gian bạc lận thu giấu quân bài.

Như người sàng gạo, tìm từng hạt thóc lượm bỏ, người cố tìm lỗi kẻ khác giống như vậy. Nghĩa là khi thấy người khác, không chịu nhìn cái hay mà chỉ thấy những tật xấu của họ. Còn lỗi của mình thì cố che giấu như kẻ cờ gian bạc lận thu giấu quân bài, khéo chừng nào hay chừng ấy, hễ người ta không thấy là mừng. Như vậy do chúng ta chấp ngã quá lớn, muốn bảo vệ mình nên thích vạch lỗi người, che giấu lỗi mình. Muốn hết lỗi này thì phải có tâm công bằng, tự nhìn lỗi mình để sửa đổi. Nếu có bốn phạm, khi thấy cái dở của người khác thì dạy bảo để họ sửa. Như vậy mới lợi mình mà cũng lợi người.

253. Nếu thấy lỗi người thì tâm ta dễ sanh nóng giận mà phiền não tăng thêm, nếu bỏ đi thì phiền não cũng xa lánh.

Thấy lỗi người thì sẽ sanh tâm nóng giận phiền não. Bởi vì thấy người ta xấu nên khinh khi. Nếu tha lỗi cho người, không cố chấp; đó là người quân tử, và xa lìa được phiền não. Ngược lại, tìm lỗi người mà quên lỗi mình thì tự chuốc lấy phiền não, tự làm khổ mình,

chứ không có lợi gì hết. Chúng ta thường có cái bệnh là thấy lỗi người hơn thấy lỗi mình, hễ ngồi lại thì chê người xấu mà khoe cái tốt của mình, do đó mà sanh chuyện không vui với nhau. Người tu hành nên tập những thói quen ngay thẳng, thấy mình có lỗi thì thẳng thắn phê bình, nếu thấy người sai lầm thì tha thứ, như vậy đường tu mới tiến. Ngược lại, cứ thấy lỗi người, đó là gốc của phiền não khổ đau.

254. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết. Trong ngoại đạo thì làm gì có Sa-môn. Chúng sanh thì thích điều hư vọng, mà Như Lai làm gì còn hư vọng.

Người tu theo ngoại đạo tà giáo, chỉ dùng những pháp tu làm khổ thân mà không giác ngộ, không chứng được Thánh quả, đó không phải là hạnh của Sa-môn.

Hư vọng là dối trá, thế gian sống với nhau ít thật lòng mà nhiều giả dối. Như khi xã giao muốn thu hút được lòng người thì phải khéo, bước vô nhà thấy những vật không đẹp cũng khen, hoặc tỏ ra quý mến mọi người. Nhưng khen và quý mến ngoài miệng mà trong lòng không thật, đó là xã giao giả dối. Sống mà không lấy sự chân thật đối với nhau là sống trong ảo tưởng.

Có người vừa bước vô nhà liền chê, nhà cất xấu quá, rồi chê luôn cả chủ nhà. Dù chê đúng sự thật, nhưng mình cũng muốn đuổi họ ra liền. Giả sử có người xấu một trăm phần trăm mà nói xấu thì họ giận, nếu khen thì mừng, tuy biết mình dở mà nghe người ta khen cũng vui như thường, không khi nào nghe khen mà mắc cỡ.

Như vậy chúng ta đã tập nhiễm hư vọng giả dối quá nhiều đời, cho nên bao giờ cũng muốn người ta khen ngợi, trọng vọng, mà chính bản thân mình không xứng đáng. Ngược lại, Như Lai không bao giờ hư vọng mà sống bằng lẽ thật, nói sự thật. Đó là điều chúng ta noi theo để sống không hư vọng, như thế mới gần đức Phật hơn.

255. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết, trong ngoại đạo thì làm gì có Sa-môn. Năm uẩn thì không thường trụ, mà Như Lai thì chẳng loạn động bao giờ.

Đức Phật là bất sanh bất diệt, còn thân và tâm của chúng ta thì sanh diệt vô thường. Biết như vậy, mỗi người phải buông bỏ những cái sanh diệt để tu hành đạt được cái bất sanh bất diệt, đó là phù hợp với Như Lai.

Ở đây nói thân năm uẩn của chúng sanh thì sanh diệt mà Như Lai không bao giờ sanh diệt. Vì vậy người tu hành muốn thoát khỏi vòng sanh tử, đạt được Phật quả thì nên sống với lẽ chân thật tương đối, sau đó mới đạt được cái thật tuyệt đối bất sanh bất diệt.



XIX- PHẨM PHÁP TRỤ

256. Xử sự lỗi mãng đầu phải hạnh của người phụng thờ chánh pháp, vậy các người cần biện biệt cho rõ đầu chánh và đầu tà.

Chữ lỗi mãng có nhiều nghĩa, là xử sự một cách cầu thả, khinh suất, độc đoán, thiếu khiêm nhường, nói chung là không cẩn thận. Người như vậy không xứng đáng phụng thờ chánh pháp. Cho nên trong sự tu hành, cần phải có trí tuệ nhận xét phân biệt chánh tà rành rẽ. Những vị tu hành, có người chân chánh, có người chưa được chân chánh. Nếu xử sự lỗi mãng, khinh suất, đó là người không nghiêm túc. Nếu người chân chánh thì điềm đạm, nghiêm trang, nói năng từ tốn hòa nhã với mọi người. Ở đâu cũng có người tốt và người không tốt, chúng ta phải có con mắt sáng suốt phân biệt để khỏi lầm. Nếu không phân biệt rành rẽ thì dễ lầm, rồi xem thường những bậc chân tu.

257. Không khi nào lỗ mãng, đúng phép và công bình mới là người dẫn đạo. Kẻ trí nhờ sống đúng pháp nên gọi là người an trụ pháp.

Người làm thầy hướng dẫn cho mọi người tu hành, thì không bao giờ xử sự lỗ mãng, không bao giờ có cử chỉ khinh suất, cầu thả v.v... lúc nào cũng đúng phép và công bình. Kẻ trí khéo biết gìn giữ chánh pháp nên gọi là người an trụ trong chánh pháp. Đem chánh pháp của Phật ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, hoặc đem phổ biến cho mọi người biết để tu hành, cũng gọi là hộ trì chánh pháp.

258. Chẳng phải cậy nhiều lời cho là người có trí, nhưng an tịnh không cừu oán, không sợ hãi mới là người có trí.

Theo quan niệm của đạo Phật, người trí không phải là người khôn lanh nói lưu loát, thao thao bất tuyệt, mà trong mọi trường hợp người ấy đều vững vàng an tịnh, không cừu oán phiền muộn, không sợ hãi lo âu, tâm hồn lúc nào cũng thư thái tự tại, sống an lành trong cuộc đời, đó mới thật là người trí.

259. Chẳng phải cậy nhiều lời mà cho là người hộ trì chánh pháp, nhưng tuy học ít mà do thân thật thấy pháp, không buông lung, mới là người hộ trì chánh pháp.

Người giảng nói Phật pháp thao thao bất tuyệt, chưa chắc là người hộ trì chánh pháp, tuy người học ít nhưng tu hành chân chánh, do thật thấy chánh pháp,

thân chứng được đạo, đó là người hộ trì chánh pháp. Hơn nữa người không buông lung sáu căn chạy theo sáu trần cũng là người hộ trì chánh pháp.

Có nhiều người thấy vị giảng sư đi giảng khắp nơi, cho đó là người truyền bá Phật pháp, hộ trì chánh pháp và cho vị sư ở một chỗ tu hành thanh tịnh là không hộ trì chánh pháp. Nếu phê bình như vậy là chỉ nhìn qua sự truyền bá bằng ngôn thuyết, mà không nhìn về mặt tu hành, là cái nhìn phiến diện chỉ thấy có một bên. Người Phật tử chân chánh thì phải thấy một cách rõ ràng, đầy đủ để không lầm lẫn.

260. Trưởng lão chẳng phải vì bạc đầu. Nếu chỉ vì tuổi tác cao mà xưng trưởng lão, thì đó chỉ là xưng suông.

Trưởng lão không phải chỉ những vị bạc đầu răng long, mà chỉ cho vị nào trí tuệ sáng suốt, tu hành chứng quả A-la-hán. Dù người đầu bạc răng long nhưng trí tuệ không sáng suốt, tu hành không ra gì mà xưng là trưởng lão, đó là xưng suông chứ không đúng nghĩa thật.

261. Đủ kiến giải chân thật, giữ trọn các pháp lành. Không sát hại sanh linh, lo tiết chế điều phục, người có trí tuệ đó, trừ hết các cấu nhơ, mới đáng danh trưởng lão.

Đủ kiến giải chân thật là nhận thấy pháp Tứ thánh đế một cách đúng đắn. Giữ trọn các pháp lành, là tu hành các pháp để chứng từ sơ quả Tu-đà-hoàn đến

tứ quả A-la-hán. Không sát hại sanh linh, lo tiết chế điều phục, là biết gìn giữ giới luật, lo điều phục sáu căn mới gọi là người trí. Trừ hết các cấu nhơ, dẹp hết mọi phiền não ở trong lòng mới xứng danh trưởng lão.

262. Những người hư ngụy, tật đố và xan tham, tuy có biện tài lưu loát, tướng mạo đoan trang, cũng chẳng phải là người lương thiện.

263. Nhưng người trí nhờ trừ diệt tận gốc lòng sân hận, mới là người lương thiện.

Người có đủ ba tật xấu, dối trá, tật đố, xan tham, tuy biện tài lưu loát, ăn nói thao thao bất tuyệt, tướng mạo đoan trang đẹp đẽ cũng chưa phải là người lương thiện. Cho nên đừng thấy người có tướng tốt, nói hay mà cho đó là lương thiện. Vậy thế nào là người lương thiện? Người dẹp sạch gốc sân hận mới thật là lương thiện.

Người nào vẻ mặt phúc hậu chưa chắc là lương thiện, nếu chộc tức mà họ an nhiên bình tĩnh ôn hòa nhã nhặn, đó mới thật là người lương thiện. Ngược lại giận dữ thì chưa phải, vì nổi giận lên họ có thể hại người, làm sao gọi là lương thiện. Nhiều người bề ngoài ra vẻ đàng hoàng đứng đắn mà trong lòng rất lôi thôi, người tướng tá lôi thôi mà tâm rất chín chắn. Vì vậy đừng nên nhìn bề ngoài mà phỏng đoán thì dễ sai lầm.

264. Người vọng ngữ và phá giới, dù cạo tóc cũng chưa phải là Sa-môn. Huống còn chất đầy tham dục, làm sao thành bậc Sa-môn.

Dù hình thức cạo đầu mặc áo nhuộm, nhưng còn nói dối, phá giới thì người đó chưa phải là tu sĩ. Huống gì trong lòng còn tham muốn đủ thứ, tham cái này, muốn cái kia, đòi cái nọ thì chưa phải là tu sĩ. Cho nên phải dứt sạch lòng tham dục, không nói dối, không phá giới mới thật là tu sĩ.

265. Người nào dứt hết các điều ác, không luận lớn hay nhỏ, nhờ dứt hết các ác mà được gọi Sa-môn.

Nhờ dứt hết các điều ác không luận lớn hay nhỏ, cũng phải khéo gìn giữ, được vậy gọi là Sa-môn. Như con kiến hay con muỗi cắn, vì từ bi nên không sát hại nó, mới thật là tu sĩ. Nếu vị nào thật tình tu thì phải ráng làm cho đúng như vậy để phù hợp với lời Phật dạy.

266. Chỉ mang bình khát thực, đâu phải là Tỳ-kheo, chỉ làm nghi thức tôn giáo, cũng chẳng phải Tỳ-kheo vậy.

267. Bỏ thiện và bỏ ác, chuyên tu hành thanh tịnh, lấy biết mà ở đời, mới thật là Tỳ-kheo.

Không phải đi khát thực hay làm những nghi thức tôn giáo mà gọi là Tỳ-kheo, mà phải bỏ ác làm thiện, chuyên tu hạnh thanh tịnh mới gọi là Tỳ-kheo.

Có hai loại thiện: hữu lậu và vô lậu. Thiện hữu lậu là việc thiện còn trong vòng sanh tử; thiện vô lậu là việc thiện thoát ra khỏi vòng sanh tử. Việc thiện còn ở trong sanh tử chỉ có phước báo của cõi người, cõi trời. Tỳ-kheo chủ yếu thoát ly sanh tử, chuyên tâm tu hành cho được thanh tịnh, chuyên giữ giới luật, tu thiền định

và phát huy trí tuệ sẵn có. Ba điều đó làm căn bản cho sự tu hành siêu xuất thế gian, người làm được như vậy mới thật là Tỳ-kheo.

268-269. *Kẻ ngu muội vô trí, dù làm thính cũng không thể gọi được là người tịch tịnh. Kẻ trí tuệ sáng suốt như bàn cân, biết cân nhắc điều thiện lẽ ác mà chọn lành bỏ dữ mới gọi là người tịch tịnh. Biết được cả nội giới và ngoại giới, nên gọi là người tịch tịnh.*

Phật dạy tu hạnh tịch tịnh, là sống trong cảnh yên lặng không ồn náo. Nghe như vậy kẻ dốt nát không biết, cứ ngồi làm thính, thiện cũng không biết, ác cũng không phân, đó chưa phải là hạnh tịch tịnh. Người có trí tuệ biết phân biệt thiện ác, việc lành thì làm, việc dữ thì bỏ, không phải làm thính không nói, hay chẳng làm gì cả.

Nội giới, ngoại giới là chỉ cho mười tám giới gồm có sáu căn sáu trần và sáu thức. Trong mười tám giới nhận định rành rẽ, để khỏi lầm lẫn không mê chấp thân là thật, cảnh là thật, dùng trí tuệ giản trạch rõ ràng, là người có trí tuệ tu hạnh tịch tịnh.

270. *Còn sát hại chúng sanh, đâu được xưng là Ariya, không sát hại chúng sanh mới gọi là Ariya.*

Chữ Ariya là chỉ cho người hiền đức cao thượng, nếu còn sát hại chúng sanh không gọi là người hiền đức, cao thượng. Không sát hại chúng sanh mới gọi là người hiền đức, cao thượng.

271-272. Chẳng phải do giới luật đầu-đà, chẳng phải do nghe nhiều học rộng, chẳng phải do chứng được tam-muội, chẳng phải do ở riêng một mình, đã vội cho là hưởng được cái vui xuất gia, phàm phu không bì kịp. Các người chớ vội tin những điều ấy, khi mê lầm phiền não của các người chưa trừ.

Phật nói không phải giữ giới luật của người tu khổ hạnh đầu-đà hay nghe nhiều học rộng, tu chứng thiền định, ở riêng một mình mà vội cho là hưởng được cái vui của người xuất gia, người phàm phu không bì kịp. Muốn hưởng được cái vui của người xuất gia thì phải dứt sạch mê lầm phiền não. Cho nên, chúng ta học Phật phải nhận định cho chính xác, nhiều khi chấp vào hình thức rồi cho là cứu cánh, đó là sai lầm.



XX- PHẨM ĐẠO

273. Bát chánh đạo là đạo thù thắng hơn các đạo. Tứ đế là lý thù thắng hơn các lý. Ly dục là pháp thù thắng hơn các pháp. Cụ nhân là bậc thù thắng hơn các bậc Thánh hiền.

Người tu hành y cứ theo Bát chánh đạo mà tu vì đó là con đường thù thắng hơn hết. Bát chánh đạo là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Tứ đế là chân lý thù thắng hơn tất cả. Vì khi đạt được lẽ thật của Tứ đế rồi, thì mới có thể giải thoát sanh tử luân hồi. Ly dục là lìa tất cả dục lạc ở thế gian, chứng được Niết-bàn đó là pháp thù thắng hơn tất cả. Cụ nhân là đầy đủ năm mắt: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Nếu người đầy đủ năm mắt là bậc thù thắng hơn các bậc Thánh hiền. Còn người phàm phu phần nhiều được con mắt này mà thiếu con mắt kia.

274. Chỉ có con đường này, chẳng còn con đường nào khác, có thể làm cho tri kiến các người thanh tịnh. Các người thuận làm theo thì bọn ma bị rối loạn.

275. Các người thuận tu theo chánh đạo trên đây, thì khổ não sẽ dứt hết và biết rằng đạo ta nói có sức trừ diệt chông gai.

Đức Phật nói con đường duy nhất là con đường Bát chánh đạo, không còn con đường nào khác hơn có thể làm cho chúng ta được các tri kiến thanh tịnh. Vì vậy phải thuận theo Bát chánh đạo mà tu, diệt trừ tham sân si thì bọn ma bị rối loạn.

Đầu tiên chúng ta phải thấy đúng lẽ thật là Chánh kiến. Nhờ thấy biết đúng như thật, nên tâm không bị vướng mắc vào cảnh và được bình an. Kế đến là Chánh tư duy, là suy nghĩ chân chánh. Nhờ suy nghĩ chân chánh mà nói lời chân thật hợp đạo lý, lợi mình lợi người. Nhờ biết đúng lý nhân quả nên sống theo Chánh nghiệp, không bao giờ hại người hại vật và mưu sinh bằng nghề nghiệp trong sạch hợp với đạo, siêng năng làm lợi mình lợi người, hay hơn nữa là tạo nghiệp vô lậu, lấy trí tuệ làm sức mạnh tu hành để đạt đến Niết-bàn. Luôn ghi nhớ kiểm điểm lỗi lầm của mình, lo tu hành để đoạn trừ và nghĩ nhớ đến đạo quả giải thoát. Muốn được vậy thì phải sống đúng chân lý, tâm không tán loạn, chuyên nhất vào một pháp tu để đạt được kết quả viên mãn.

276. Các người hãy nỗ lực lên! Như Lai chỉ dạy cho con đường giác ngộ. Sự trói buộc của ma vương sẽ tùy sức thiên định của các người mà được cởi mở.

Chúng ta phải tự nỗ lực vươn lên chứ đừng ỷ lại. Như Lai chỉ bày chánh đạo, còn hành đạo là do người. Phật chỉ dạy chúng ta con đường giác ngộ chứ không giác ngộ thế cho ai.

Ngày rằm, ngày ba mươi, Phật tử đem bó hương vào chùa, đốt ba cây hương quỳ lạy lẩm nhẩm, cầu Phật độ cho con! Phật có độ mình hay không? Phật bảo mình phải nỗ lực lên, con đường Bát chánh đạo ngài đã chỉ cho rồi, ai muốn giác ngộ y theo đó mà tu. Nhưng Phật tử cầu xin ngài độ, là bắt buộc ngài làm một việc ngoài ý muốn, nên không bao giờ được đáp ứng.

Ma vương trói buộc mình đủ thứ, muốn cởi mở phải có sức thiên định, mà thiên định là sự nỗ lực của chính mình, chứ không phải hoàn toàn ỷ lại vào đức Phật. Ngài là một bậc giác ngộ, chỉ cho con đường sáng suốt, chúng ta phải tự đi không ai đi thế. Nên nói *sự trói buộc của ma vương sẽ tùy sức thiên định của các người mà được cởi mở*.

277. Các hành đều vô thường; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

Tất cả sự vật đều vô thường, đó là một chân lý. Nếu chúng ta dùng trí tuệ nghiệm xét đúng như vậy thì không còn tham đắm dục lạc, sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

278. Các hành đều là khổ; khi đem trí tuệ soi xét được như thế thì sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

Ở trên nói các hành vô thường, mà vô thường thì đi tới hoại diệt, nên nói đều là khổ. Nếu thấy được như vậy thì sẽ nhàm lìa thống khổ ở thế gian, đó là đạo thanh tịnh.

279. Hết thấy pháp đều vô ngã; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

Ngày xưa ở Ấn Độ, Bà-la-môn giáo nói rằng trong mỗi chúng ta có một thần ngã chủ tể, không bao giờ biến đổi. Người bình dân thì chấp có linh hồn, như linh hồn ông A từ bé tới già tới chết, rồi đi đầu thai, dù có trải qua bao nhiêu kiếp cũng là linh hồn ông A không thay đổi, nếu chấp như vậy thì không đúng.

Đạo Phật không chấp nhận có linh hồn mà có thần thức, thần thức này luôn chuyển biến tùy sự huân tập. Như gần bạn tốt thì huân tập những tư tưởng tốt, thức chuyển thành tốt; gần bạn xấu huân tập những điều xấu thì thức bị ô nhiễm, nên có thêm bớt, tăng giảm, không có chủ tể thường nhất, gọi là vô ngã. Bởi nó luôn đổi thay mà mình chấp linh hồn bất biến, đó là sai lầm.

Tóm lại ở đây nói vô ngã là không có chủ tể, không thường còn, nếu hiểu được như vậy thì chúng ta xa lìa sự thống khổ, đó là đạo thanh tịnh.

280. Khi đáng nỗ lực không nỗ lực, thiếu niên cường tráng lười biếng, ý chí tiêu trầm và nhu nhược. Kẻ biếng nhác làm gì có trí để ngộ đạo.

Đang lúc thiếu niên đầy đủ khí lực, mà không cố gắng tu hành và làm phước thiện, tới chừng già, đi không nổi, muốn tu làm sao tu, đó là lãng phí một đời. Đức Phật khuyên chúng ta ngay từ bây giờ phải nỗ lực tu hành, đừng hèn lười biếng mà chậm trễ. Người lớn tuổi thì tu theo khả năng sức khỏe của mình, đừng đợi đến khi già yếu chân mỏi gối dòn, muốn tu cũng không được. Người trẻ có đầy đủ sức khỏe thì phải nỗ lực tiến tu, nếu cứ buông lung làm cho ý chí tiêu hao nhu nhược thì không bao giờ giác ngộ.

281. Thận trọng lời nói, kềm chế ý nghĩ, thân không làm ác, ba nghiệp thanh tịnh, là được đạo Thánh nhân.

Người nào gìn giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh là được đạo Thánh nhân. Phật dạy rất nhiều cách tu, nhưng hệ trọng hơn hết là tu ba nghiệp thân, khẩu, ý. Thận trọng lời nói là phải lựa lời lành mà nói, không nói những lời hung dữ, không cho ý nghĩ phóng túng chạy theo dục lạc thế gian. Thân không làm ác là không sát hại sanh vật, mà lúc nào cũng cứu giúp người và vật. Ba nghiệp thanh tịnh thì sẽ được đạo Thánh nhân. Cho nên chỗ khác nói nếu ba nghiệp thanh tịnh thì đồng với chư Phật về Tây phương. Tóm lại giữ gìn ba nghiệp cho thanh tịnh, đó là việc tu hành căn bản.

282. Tu Du-già thì trí phát, bỏ Du-già thì tuệ tiêu. Biết rõ được hai lẽ ấy thế nào là đắc thất, rồi nỗ lực thực hành, sẽ tăng trưởng thêm trí tuệ.

Du-già tức là Yoga, ở đây chỉ cho thiền định. Do thiền định, trí tuệ phát sanh, nếu bỏ tu thiền định thì trí tuệ tiêu tan. Định cũng như ngọn đèn không bị gió xao nên rất sáng, như vậy muốn cho ngọn đèn đầy đủ ánh sáng thì phải có bóng chụp ở ngoài. Bóng đèn ngăn gió dụ cho tu thiền định, bởi do thiền định thì trí tuệ mới phát khởi. Khi tâm yên tĩnh thì ý nghĩ sáng suốt, tâm rối loạn thì nghĩ tính việc gì cũng không được, định là điểm tựa phát sanh trí tuệ. Cho nên không thiền định thì trí tuệ sẽ lu mờ.

Người nào biết rõ hai lẽ đắc thất phải nỗ lực thực hành sẽ tăng trưởng thêm trí tuệ. Thế nào là đắc thất? Nếu tu thiền định thì trí tuệ tăng trưởng, bỏ thiền định thì không có trí tuệ. Biết như vậy rồi nỗ lực tu hành.

283. Hãy đón rừng dục vọng, chớ đón cây thọ lâm; từ rừng dục vọng sinh ra lo sợ, hãy thoát ngoài rừng dục.

Đức Phật dạy hãy đón rừng dục vọng vì tất cả khổ đau đều do dục vọng mà ra. Chúng ta ngồi lại tự kiểm điểm tâm mình, thấy nó đầy khởi trăm ngàn vạn sự, nhiều như là rừng cây. Thí dụ có người ra ứng cử nghị viên, mong mỗi sẽ được đắc cử làm ông Nghị, cho nên sắp tới ngày bầu cử thì lo sợ không biết mình đắc cử hay không? Do tham chức nghị viên nên mình và gia quyến đều lo lắng sợ sệt. Lại có người mong mỗi trúng số

độc đắc để được nhiều tiền, được ăn ngon mặc đẹp v.v... nếu còn tham cầu những điều đó thì còn lo sợ khổ sở.

Cho nên đức Phật dạy người tu hành phải trốn rừng dục vọng thì tâm mới an định và phát sanh trí tuệ.

284. Những sợi dây tình ái giữa nam nữ chưa dứt, thì tâm còn bị buộc ràng như bò con còn bú sữa, chẳng rời vú mẹ.

285. Tự mình dứt hết ái dục, như lấy tay bẻ cành sen thu. Siêng tu đạo tịch tịnh, đó là Niết-bàn mà đức Thiện Thệ đã truyền dạy.

Người chưa hết lòng ái dục nam nữ thì bị lôi cuốn trong vòng luân hồi, đức Phật thí dụ như bò con khi chưa dứt sữa thì mẹ đi tới đâu nó theo tới đó, cả hai không rời nhau, mầm của ái dục là vậy.

Phật dạy phải tự mình dứt hết ái dục như người xuống hồ sen bẻ cành sen dễ dàng, được như vậy là biết siêng tu đạo tịch tịnh. Đó là con đường đưa mình tới Niết-bàn mà đức Phật đã truyền dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây, đông, hạ ta cũng ở đây. Đây là tâm tưởng của hạng người ngu si, không tự giác những gì nguy hiểm.

Mùa mưa ta ở đây, đông, hạ ta cũng ở đây. Nếu chấp như vậy là người ngu si. Ở tu viện Chơn Không, tôi dự định sẽ làm việc này hai năm việc kia ba năm, nhưng đó là phác họa thôi. Nếu nghĩ rằng tôi ở đó từ năm này sang năm khác để làm hết những việc mà tôi đã dự tính là ngu si, vì không hiểu được lý vô thường. Ngày nay

còn ở đây ngày mai chắc gì, nghĩa là khi vô thường tới thì trong mười lăm phút đã đổi thay. Nhưng nghĩ tới vô thường thì không làm gì hết, rồi buông tay chờ chết phải không? Tuy biết vô thường nhưng tùy duyên gặp việc thì cứ làm, sự sắp đặt của mình chỉ là phác họa, nếu không được cũng không sao.

Bậc giác ngộ thì thấy thân này như bọt như bóng, chợt có chợt không, chẳng có gì lâu dài. Đức Phật nhắc chúng ta biết rõ thân này vô thường, hãy lợi dụng thân này để tiến tu và làm việc lợi ích cho người, đó là người tỉnh giác.

287. Người đắm yêu con cái và súc vật thì tâm thường mê hoặc, bị tử thần bắt đi, như xóm làng đang say ngủ, bị cơn nước lũ cuốn trôi.

Con cái và súc vật đó là sở thuộc của con người, con cái là máu mủ, súc vật là tài sản do mồ hôi nước mắt của mình tạo nên, đó là hai thứ người ta rất đắm yêu. Người đắm yêu hai điều đó thì trong tâm thường bị mê hoặc, khi tử thần bắt đi không có gì chống đỡ, chẳng khác nào xóm làng đang say ngủ bị cơn nước lũ cuốn trôi tuốt ra ngoài biển mà không hay.

Những người đông con, nuôi con khôn lớn ăn học thành tài. Lo cho nó có đôi bạn, rồi có cháu lại lo cho cháu, lo như vậy không có thì giờ tu hành. Tài sản cũng vậy, năm nay được một trăm, sang năm có hai trăm, muốn hoài không bao giờ dừng, tới ngày ngã ra chết tử thần lôi đi, không có một tí công đức để tự cứu mình.

288. Một khi tử thân đã đến. Chẳng thân thuộc nào có thể thay thế. Dù cho cha con thân thích chẳng làm sao cứu hộ.

289. Biết rõ lý lẽ trên, người trí gắng trì giới, thấu hiểu đường Niết-bàn, mau làm cho thanh tịnh.

Khi cha sắp chết, người làm con có chết thay cho cha hay bất lực để mặc thân chết dần đi? Nếu có thương lắm thì khóc một hồi rồi thôi, chứ không thay thế được. Nên nói *khi tử thân đã đến, thì chẳng thân thuộc nào có thể thay thế*. Mọi người đối với cái chết của mình và người thân đều bất lực, tại sao không nghĩ tới để mà dự bị!

Lúc sống thì cứ lo đông lo tây, không chịu tu hành, khi chết đường trước mù mịt không biết về đâu, không ai che chở cứu giúp, lúc đó thật là đau khổ. Dù thân thuộc như cha con cũng không thể thay thế. Nếu người thân có thương cũng chỉ đắp cái mồ cho to, chứ không làm gì được. Vì vậy chúng ta phải tự cứu mình, đừng ỷ lại vào bất cứ người nào. Phật dạy biết rõ những điều này thì phải cố gắng giữ giới luật tu hành, để đạt tới chỗ an lạc vĩnh cửu.



XXI- PHẨM TẠP

290. Nếu bỏ vui nhỏ mà được hưởng vui lớn. Kẻ trí sẽ làm như thế.

Tài, sắc, danh, thực, thù, người ngu cứ say mê hưởng thụ, cho đó là sung sướng hạnh phúc. Nhưng người trí cho đó là cái vui nhỏ tạm thời, sánh với cái vui vĩnh viễn lâu dài của Niết-bàn không nghĩa lý gì hết. Như người thích ăn ngon thật ra chỉ thấy ngon khi còn nhai trong miệng, nuốt qua khỏi cổ rồi thì không còn ngon. Nhưng nếu ăn ngon quá, đôi khi sanh bệnh thì phải lo cho có tiền để uống thuốc, cho nên từ cái vui mà sanh ra lo sợ. Người biết tu không quan trọng sự ăn uống, tâm an tĩnh tự tại là bỏ cái vui nhỏ để được yên vui lâu dài.

291. Gieo khổ cho người để cầu vui cho mình thì sẽ bị lòng sân hận buộc ràng, không bao giờ thoát khỏi nỗi oán ghét.

Trong cuộc sống đời thường hề người này được thì người khác phải mất. Như đánh bạc người được thì vui,

người thua thì buồn, nếu tranh cãi với nhau thì thù oán giận hờn, đó là đã gieo khổ cho nhau. Như vậy còn thắng bại là còn gieo khổ cho kẻ khác, nên oán hận càng tăng. Vì thế Phật dạy gieo khổ cho người để cầu vui cho mình thì sẽ bị lòng sân hận buộc ràng, không bao giờ thoát khỏi nỗi oán ghét.

292. Việc đáng làm không làm. Việc không đáng làm lại làm, những người phóng túng ngạo mạn, lậu tập tăng thêm mãi.

Phật dạy vâng làm các điều lành, mà người ngu si không chịu làm. Ngược lại ngài dạy không làm điều ác, mà người ta cứ làm. Những người phóng túng ngạo mạn thì tập nhiễm thêm cái nhân luân hồi, khó thoát ra được.

293. Thường quán sát tự thân, không làm việc không đáng, việc đáng gắng chuyên làm thì lậu tập dần tiêu tan.

Thường quán sát tự thân, như quán thân bất tịnh, hay quán hơi thở ra vô, hơi thở đi tới đâu, dài ngắn lạnh nóng mình biết rõ, hoặc quán sát thân này do bốn đại hòa hợp. Khi biết nhìn thân là tâm bớt chấp ngã. Cho nên người nào tránh việc ác siêng làm việc lành, thì những tập nhiễm hữu lậu trong tâm giảm bớt và lần lần sẽ hết.

294. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai vua dòng Sát-đế-lợi, diệt vương quốc luân cả quần thân, mà hướng về Bà-la-môn vô ưu.

Chúng ta có thân này là do ái dục, nhưng có thân thì có khổ, nếu muốn thoát khổ thì phải diệt trừ ái dục. Khi chấp thân này là của ta nên sanh lòng kiêu căng ngạo mạn, đó là gốc của sự chấp ngã, là nền tảng kiên cố khó dẹp trừ. Ái dục và chấp ngã là gốc của sanh tử luân hồi. Phật dạy diệt mẹ ái dục và cha kiêu căng, là người tu phải dứt trừ ái dục và chấp ngã.

Hai vua dòng Sát-đế-lợi là chỉ cho thường kiến và đoạn kiến. Ở Ấn Độ đạo Bà-la-môn chấp có thân ngã thường còn không thay đổi, cái chấp đó đức Phật gọi là thường kiến, là sai lầm. Ngược lại, người chấp đoạn kiến cho rằng chết rồi là mất hẳn, tội cũng không phước cũng chẳng có, nên mặc tình làm các điều tội ác.

Chủ thể của thân này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; khách thể là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Chủ thể và khách thể đối đãi nhau sanh ra xúc chạm, thọ nhận những cảm giác ưa ghét rồi khổ đau. Người tu khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần không cho dính mắc, đó là diệt luôn cả vương quốc. Không đắm nhiễm những dục lạc thế gian là diệt luôn cả quần thần, mà hướng về quả vị lậu tận A-la-hán là không còn sanh tử luân hồi.

295. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai vua dòng Bà-la-môn, diệt luôn hổ tướng thứ năm (nghi) mà hướng về Bà-la-môn vô ưu.

Người tu hành phần nhiều bị ngũ cái làm cho trí tuệ lu mờ. Ngũ cái là tham, sân, hôn trầm, trạo cử và nghi. Ở đây nói diệt luôn hổ tướng thứ năm là cái nghi, vì nghi hay ngăn trở sự tu hành của chúng ta.

Thí dụ người tu theo pháp môn Tịnh độ mà nghi niệm Phật chết có về Cực Lạc hay không, cõi Cực Lạc có thật không? Khởi nghi như thế rồi thối chuyển, không muốn niệm Phật cho nên sự tu hành không tới nơi tới chốn. Cũng vậy người tu thiền đang ứng dụng một pháp tu như sổ tức, mà khởi nghi không biết có kết quả hay không, rồi không muốn tu nữa. Nghi làm cho chúng ta thối chuyển trên đường tu, vì vậy phải diệt luôn mới có thể thẳng tới con đường vô ưu của Bà-la-môn là chứng A-la-hán.

296. *Đệ tử Kiều-đáp-ma phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Phật-đà.*

297. *Đệ tử Kiều-đáp-ma phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Đạt-ma.*

298. *Đệ tử Kiều-đáp-ma phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Tăng-già.*

Kiều-đáp-ma là chỉ cho đức Phật. Phật-đà là Phật, Đạt-ma là Pháp, Tăng-già là Tăng. Ngày đêm thường tưởng nhớ Phật, Pháp, Tăng mới là đệ tử Phật. Nếu mà quên Phật thì không biết đâu là chỗ nhắm để tiến tu, quên Pháp thì không biết đang thực hành pháp gì, quên Tăng thì không có người hướng dẫn tu hành. Cho nên Phật, Pháp, Tăng là chỗ chúng ta luôn quy hướng.

Phật là đáng giác ngộ toàn vẹn, chúng ta là đệ tử Phật, nhớ tới Phật thì phải ráng tu. Nhớ Pháp là nhớ những phương pháp Phật dạy để tu hành giác ngộ. Chúng ta phải biết cuộc đời vô thường để không đắm trước, biết thân giả tạm để bớt chấp ngã, rồi ứng dụng

một pháp tu để tâm an định. Nhớ Tăng là nhớ tinh thần hòa hợp, để chúng ta tập sống hòa hợp như các ngài. Như vậy Phật, Pháp, Tăng là điều chúng ta nên nhớ không quên.

299. *Đệ tử Kiều-đáp-ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng sắc thân.*

Là đệ tử Phật ngày đêm quán ba mươi sáu vật trong thân, để bớt đắm nhiễm. Thân này có ba mươi sáu vật như tóc, lông, răng móng, da, thịt, gân, xương v.v... xét kỹ nó như nhớp không có gì thật. Thường quán sát như vậy, thì hết kiêu mạn và dứt được lòng ái dục. Cho nên đức Phật dạy *thường niệm tưởng sắc thân*.

300. *Đệ tử Kiều-đáp-ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường vui điều bất sát.*

Thích sát hại là tập khí của chúng ta từ vô thủy đến giờ. Thuở bé chưa biết tội phước, chưa biết thù oán giận hờn, nhưng thấy con nhái hoặc con cóc, thì lấy cục đá chọi chọi, nó gãy chết thì vui thích. Con chim đậu trên cây, lấy ná thun bắn trúng, thì vỗ tay vui mừng. Đó là tập khí giết hại đã có sẵn chứ không ai dạy.

Những người đi săn tuy bị gai góc, nhưng khi bắn được con thú đem về chẻ chén với bạn bè thì thích lắm, đó là vui trong sát hại. Tế nhị một chút khi ra biển chơi, thấy anh chài lưới kéo lên con cá lớn thì vui mừng, mà không nghĩ nó đang gãy giữa đau khổ.

Hằng ngày chúng ta vui theo sự giết hại, tuy đối với con người không dám làm, nhưng đối với con vật,

thì luôn vui thích khi thấy nó bị sát hại, đó là tập khí đã nhiễm sâu từ bao giờ. Đức Phật dạy là Phật tử thì không nên sát hại chúng sanh, phải luôn tỉnh giác, không luận ngày hay đêm thường vui điều bất sát. Như vậy mới là người Phật tử chân chánh.

301. Đệ tử Kiều-đáp-ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường ưa tu thiền quán.

Người tu theo đạo Phật, là cốt được giác ngộ, muốn giác ngộ viên mãn thì phải nhờ sức thiền quán để tâm mình càng sáng suốt, sự tỉnh giác càng mạnh mẽ. Cho nên Phật dạy đệ tử ngày đêm thường ưa tu thiền quán.

302. Xuất gia dứt hết ái dục là khó, tại gia theo đường sinh hoạt là khó, không phải bận mà chung ở là khổ, qua lại trong vòng luân hồi là khổ. Vậy các người đừng qua lại trong vòng sanh tử luân hồi ấy.

Người xuất gia rời xa gia đình và thân bằng quyến thuộc, nhưng đối với thân cũng sợ chết, muốn sống lâu là còn ái ngã, như vậy bỏ được niệm ái thân không phải dễ. Nên nói người xuất gia tu hành mà dứt hết lòng ái dục là khó.

Người tu tại gia mà làm nghề chài lưới thì không phải là chánh nghiệp, vì còn sát hại sanh linh. Làm nghề mua bán quan tài, bán ế thì trông có người chết để bán được quan tài. Vừa khởi niệm trông cho người chết là có ý sát thì không phải là chánh nghiệp. Vì vậy người tại gia sinh hoạt đúng theo chánh nghiệp để nuôi mạng sống thì thật là khó.

Những người không thân mà ở chung là khổ. Nhưng tệ hơn là hiện giờ chúng ta đang mang thân tứ đại khó hòa hợp mà phải ở chung hoài. Kinh Đại Bát-niết-bàn đức Phật dụ thân tứ đại là bốn con rắn ở chung trong một cái hũ, cắn lộn với nhau cả ngày khó giải hòa, không điều hòa nổi mà sống chung với nó thật là khổ. Cũng vậy thân tứ đại khó hòa hợp mà chúng ta phải ở chung, nên ở đây Phật nói không phải bạn mà chung ở là khổ, mang thân này qua lại trong vòng luân hồi là khổ, vậy các người đừng qua lại trong vòng thống khổ ấy. Phật nhắc đủ điều, chúng ta phải ráng tỉnh táo nghe theo để hết khổ được an vui.

303. Chánh tín và giới hạnh, được danh dự và Thánh tài, người nào được như thế, đâu cũng được tôn vinh.

Người có được niềm tin chân chánh và đầy đủ giới hạnh thì được danh dự và Thánh tài. Thánh tài còn gọi là Thất thánh tài gồm có tín, giới, tâm, quý, văn, xả và tuệ. Nhờ nó mà người tu chứng được đạo quả, cho nên nói là tài sản của bậc Thánh chứ không phải của người thường. Người được như thế thì đến đâu cũng được tôn vinh, tức là sanh nơi nào cũng sung sướng vinh dự, chứ không phải tầm thường.

304. Làm lành thì danh được vang xa, tỏ rạng như Tuyết sơn, làm ác thì mù mịt, như bắn cung ban đêm.

Người làm lành danh tiếng được vang xa, tỏ rạng như ngọn Hy-mã-lạp sơn. Người làm ác cũng như

đêm tối mù mịt mà bắn tên thì không biết mũi tên bay vút đi đâu. Như vậy người làm lành thì danh được vang xa, kẻ làm ác thì cả cuộc đời đen tối, thật là rõ ràng. Cho nên chúng ta phải nỗ lực mà làm lành và tránh xa điều ác.

305. Ngồi một mình, nằm một mình, đi đứng một mình, không buồn chán, một mình tự điều luyện, vui trong chốn rừng sâu.

Người tu hành mà ở chỗ ồn náo, hòa mình trong số đông người, cả ngày chạy theo bên ngoài, quên mất mình, không nhìn kỹ được những điều xấu dở trong tâm thì không bao giờ sửa đổi. Ngược lại ở chỗ vắng vẻ, để suy tư gạn lọc tâm mình, thật là điều cần yếu. Cho nên Phật dạy người chuyên tu hạnh thanh tịnh, khi ngồi một mình, nằm một mình, đi đứng một mình ở trong chốn rừng sâu, không thấy buồn chán.

Chúng ta đang ở chỗ ồn náo mà đến chỗ thanh tịnh thì thích lắm, nhưng thích chừng vài ba ngày rồi chán. Khoảng năm 1962, tôi lên Phương Bối Am, cách Bảo Lộc bảy cây số, nằm trong rừng chim kêu vượn hú. Cái cốc của tôi trung trung, trồng bông hoa cây cảnh coi cũng đẹp, nên nhiều người ở Sài Gòn lên thăm khen như cảnh Bồng Lai. Có vài chú mới lên hăng hái nói. “Con sẽ ở với Thầy nửa tháng”, nhưng ở có ba bữa chịu không nổi, vì cả ngày nhìn bông hoa cây cảnh, nhưng không có ai chuyện vãn, riết rồi cảm thấy buồn, cảm thấy thiếu thốn, nhớ Sài Gòn rồi xách gói chạy về.

Cho nên dù chỗ đẹp thế mấy, mà ở một mình ta cũng không chịu nổi, đây là sự thật. Thời gian đó tôi tu còn sơ sài, chỉ lên Phương Bối Am để dưỡng bệnh, chưa quyết định ở luôn. Vào những sáng mùa đông, trời mưa lất phất, sương giăng mù mịt không thấy gì, một mình ở trong cốc hoai cũng thấy cô đơn, nhiều khi nghe tiếng ai nói ngoài đường, cũng ngóng tai nghe có quen hay không!

Khi đó tôi mới hiểu câu chuyện Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhập Thiên Thai. Khi hai ông được lên cảnh Thiên Thai, tưởng lên đó rồi ai mà thềm xuống trần gian. Nhưng ở ít năm rồi cũng nhớ hồng trần, liền xách gói đi xuống kiếm bà con dòng họ, kiếm không được rồi trở lại, nhưng cảnh Thiên Thai đã mất. Như vậy tự mình rời cảnh Thiên Thai chứ không ai bắt buộc. Cho nên ở trong cảnh hiu quạnh mà vẫn thấy vui vẻ thì ý chí mãnh liệt lắm chứ không phải thường.



XXII- PHẨM ĐỊA NGỤC

306. Thường nói lời vọng ngữ, có làm nói không làm, người tạo hai nghiệp ấy, chết cùng đọa địa ngục.

Người làm quấy khi người ta hỏi thì không dám nhận, như vậy là nói vọng ngữ. Đây là đã tạo hai nghiệp thân làm sai, miệng nói dối, người ấy chết sẽ đọa địa ngục.

307. Dù mặc áo ca-sa, không ngăn trừ ác hạnh, người ác vì nghiệp ác, chết phải đọa địa ngục.

Người tu hành mặc áo ca-sa ra vẻ đạo đức, nếu không trừ những nghiệp ác thì khi chết sẽ đọa địa ngục, đừng cho rằng người xuất gia không đọa địa ngục. Phật dạy người xuất gia mà không trừ nghiệp ác, không tu thiện pháp thì vẫn bị đọa địa ngục như thường, vì nghiệp ác không tha ai hết.

308. Phá giới chẳng tu hành, thà nuốt hòn sắt nóng, hừng hực lửa đốt thân, còn hơn thọ tín thí.

Người xuất gia không giữ giới luật, không cố gắng tu hành, thà nuốt hòn sắt nóng đang cháy hừng hực, còn hơn lãnh thọ của tín thí. Đức Phật nói thân chúng ta dù bị lửa thiêu đốt ra tro bụi cũng không khổ bằng đọa địa ngục. Vì đọa địa ngục thì chịu khổ rất lâu dài, còn thân này bị lửa thiêu đốt khổ lắm thì chỉ mấy chục ngày hay mấy năm là cùng.

309. Buông lung theo tà dục, phải mắc vào bốn nạn: mắc tội, ngủ không yên, bị chê, đọa địa ngục.

Người buông lung chạy theo tà dục, sẽ bị bất an, đêm nằm lo lắng ngủ không yên, bị người ta chê là kẻ hư hèn xấu xa, và sau khi chết phải đọa địa ngục.

310. Vô phước, đọa ác thú, thường sợ hãi, ít vui, bị quốc vương kết trọng tội, đó là kết quả của tà dâm.

Trong năm giới của Phật tử, giới thứ ba là giới tà dâm, nếu phạm giới này thì sẽ không có phước, sẽ đọa ác thú, bị khủng bố, ít vui và bị quốc vương kết trọng tội, đó là kết quả của tà dâm. Vì thế Phật răn cấm người tại gia không nên phạm giới tà dâm.

311. Vụng nắm cỏ cô-sa thì bị đứt tay, Sa-môn mà theo tà hạnh thì bị đọa địa ngục.

Ở Ấn Độ có giống cỏ cô-sa lá rất bén, nếu nắm không khéo thì bị đứt tay, cỏ này giống cỏ tranh hay cỏ tre ở Việt Nam. Cũng vậy, người xuất gia nếu không giữ đúng hạnh Sa-môn mà làm theo tà hạnh không chân chánh thì sẽ bị đọa địa ngục.

312. Những người giải đãi, giới hạnh nhiễm ô, hoài nghi việc tu phạm hạnh sẽ không thể chứng quả lớn.

Người tu mà lười biếng, không giữ giới, ưa dính mắc các việc trần tục, hoài nghi pháp mình đang tu thì không thể tiến tới chỗ cao siêu.

Kinh nói *tín vi công đức mẫu*, niềm tin là mẹ của tất cả công đức. Tin ở đây không phải gặp đâu tin đó, mà dùng trí tuệ nhận xét tà chánh rồi mới tin và thực hành theo thì mới đầy đủ công đức lớn, nếu không thì dễ bị thối lui. Vì vậy đức Phật dạy người muốn thành tựu đạo quả, thì phải dứt bỏ lười biếng, nhiễm ô và hoài nghi, đó là những chướng ngại lớn của sự tu tập.

313. Việc đáng làm nên làm, phải làm cho hết sức, xuất gia mà phóng túng rong chơi, chỉ tăng thêm dục trần.

Những người không hiểu nên thích phóng dăng rong chơi, không thích làm những việc thiện. Đức Phật khuyến khích chúng ta những việc phúc thiện phải nỗ lực làm cho kỳ được, còn những việc không đáng làm như phóng dăng rong chơi, chỉ tăng thêm lòng trần tục chứ không ích lợi gì.

314. Không tạo ác nghiệp là hơn, làm ác nhất định thọ khổ, làm các thiện nghiệp là hơn, làm lành nhất định thọ vui.

Đức Phật đưa ra hai trường hợp, tạo ác nghiệp thì kết quả khổ đau, tạo thiện nghiệp thì kết quả an vui,

chúng ta tự chọn lấy. Là người trí thì nhất định chọn con đường an vui.

315. Như thành quách được phòng hộ thế nào thì tự thân các người cũng nên phòng hộ như thế, một giây lát cũng chớ buông lung, hễ giây lát buông lung là giây lát sa đọa địa ngục.

Chúng ta đi qua các cơ sở quân sự thì thấy mấy chú lính lúc nào cũng cầm súng đứng canh gác, vì muốn bảo vệ cơ sở nên họ phải giữ gìn kỹ lưỡng. Cũng vậy chúng ta phải giữ tâm không cho buông lung, nếu một giây lát buông lung thì sa đọa địa ngục.

Như khi ngồi niệm Phật, tâm không chuyên nhất vào danh hiệu Phật mà nghĩ chuyện thế gian, bỏ giác chạy theo mê, mà mê tức là cảnh địa ngục. Cũng vậy nếu người đang ngồi thiền mà mơ màng ngủ gục thì lạc vào cảnh giới tối tăm. Cho nên chúng ta phải phòng hộ, đừng buông lung tâm ý, chạy ngược chạy xuôi như trâu hoang, hay mơ màng tối tăm trong khi đang tọa thiền. Phải nỗ lực tu để thắng hai bệnh vọng tưởng và hôn trầm thì mới an vui.

316. Không đáng hổ lại hổ, việc đáng hổ lại không, cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

Khi làm việc chánh đáng mà bị ai gièm pha thì xấu hổ không dám tiếp tục làm. Thí dụ rằng, ba mươi, Phật tử đi chùa, bị người hàng xóm nói giả bộ đạo đức chứ có tu hành gì đâu. Hoặc có người làm việc phúc thiện hay niệm Phật tụng kinh mà bị người khác chê, bẽ ngoài

trông như Bồ-tát mà trong lòng không tốt. Nghe như thế rồi hổ thẹn không dám đi chùa, không dám tu hành gì cả, đó là hổ thẹn những điều không đáng hổ.

Đi chùa, nghe kinh học đạo là việc làm tốt, họ chê mặc họ mình cứ an nhiên không có gì hổ thẹn. Hằng ngày chúng ta cần có nhận định đúng đắn, việc gì đáng hổ thẹn thì hổ thẹn, đừng vì lời gièm pha mà bỏ những việc tốt không làm. Bởi vì người ta có thể bịa ra trăm ngàn cách để chế giễu, nhưng mình phải có lập trường, nếu thấy đúng cứ gan dạ làm, thì mới được lợi ích.

Ngược lại như lén ăn cắp của người, đó là việc xấu đáng hổ thẹn mà cứ tiếp tục làm là hết sức sai lầm, dễ rơi vào địa ngục. Cho nên ăn cắp nói dối là tội lỗi, nếu bị chê thì phải hổ thẹn chừa bỏ không làm, đó là người có chánh kiến.

317. Không đáng sợ lại sợ, việc đáng sợ lại không, cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

Chúng ta thường sợ dư luận, nhưng những điều dư luận cũng có khi đúng khi sai mà cứ sợ, nên nói không đáng sợ lại sợ. Ngược lại ý nghĩ, lời nói, hành động ác sẽ dẫn tới quả khổ là những điều đáng sợ mà không sợ để chừa bỏ, đó là điều vô lý.

Cũng như mấy chú ăn trộm, thấy công an thì sợ bị bắt, nhưng tối nào cũng đi khoét ngạch đào tường. Vậy điều đáng sợ là tội trộm cắp, tại sao không sợ mà sợ công an bắt, đó là sai lầm. Cho nên chúng ta phải thấy cho đúng để bỏ điều xấu làm điều tốt, mới được lợi ích an vui.

318. Không lỗi tưởng là lỗi, có lỗi lại tưởng không, cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

319. Lỗi biết rằng lỗi, không lỗi biết không lỗi. Giữ tâm chánh kiến ấy, đường lành thấy chẳng xa.

Cư sĩ giữ năm giới và trường chay, nhưng cha mẹ không thể ăn chay, nên phải sắm thức ăn mặn cho cha mẹ, khi đó trong lòng khởi nghi làm như vậy có tội không? Phật không cấm những điều đó vì khi có lòng thành hiếu dưỡng cha mẹ, khuyên cha mẹ ăn chay như mình thì tốt, nếu không được vì bốn phận đối với cha mẹ mà làm thì không có lỗi. Không có lỗi mà tưởng lỗi đó là sai lầm.

Tuy nhiên, có người phát tâm ăn chay một thời gian rồi thêm mặn, nên hôm nào đó muốn ăn một bữa, vậy có lỗi hay không? Ông trạng sư của mình bênh vực là không lỗi, nhưng có lỗi với chính mình vì lòng tham ăn thúc đẩy. Hôm nay đầu hàng, mai một cũng đầu hàng chứ không thắng được, đó là lỗi mà tưởng là không lỗi. Nếu tà kiến như vậy thì địa ngục khó tránh xa.

Vì thế câu 319 Phật dạy, có lỗi biết rằng lỗi, không lỗi biết không lỗi, nếu người có chánh kiến thì vững tiến trên con đường lành.



XXIII- PHẨM VOI

320. Như voi xuất trận hứng chịu cung, ta nhẫn chịu mọi điều phỉ báng, bởi đời lắm người phá giới.

Ở đời nhiều người hung dữ phá giới, thấy người tu hành hiền đức không biết kính trọng lại còn kiếm chuyện gièm pha chế nhạo, làm cho người thối chí nản lòng. Cho nên chúng ta phải kham nhẫn khi bị người phỉ báng, giống như con voi ra trận đánh giặc luôn hứng chịu cung tên.

Chính đức Phật cũng còn chịu nhiều điều phỉ báng, huống nữa là phàm phu chúng ta làm sao tránh khỏi những sự chế giễu của mọi người. Hãy noi gương đức Phật, bỏ ngoài tai những lời gièm pha của người khác, để vững tiến trên con đường tu học.

321. Luyện được voi để đem dự hội, luyện được voi để đem vua cưới là giỏi, nhưng nếu luyện được lòng nhẫn trước sự chê bai, mới là người có tài điều luyện hơn cả mọi người.

Người tu một ngày đêm có thể tụng được sáu thời kinh, niệm mười muôn danh hiệu Phật, ngồi thiền suốt sáu tiếng đồng hồ, nhưng khi bị người chê bai nhin không nổi là chưa luyện được tâm mình, như vậy chứng minh mình chưa tu nhiều. Ngược lại khi bị mắng chửi mà vẫn cười hà hà như Phật Di-lặc, đó là người biết tu. Cho nên ở đây nói luyện được lòng ẩn nhẫn trước sự chê bai, mới là người có tài điều luyện hơn cả mọi người.

Người luyện tâm làm chủ được mình trước những nghịch cảnh, tự thắng trong mọi trường hợp, tâm an nhiên tự tại, đó là người thật tu.

322. Con la thuần tánh là con vật lành tốt, con tuấn mã Tín-độ là con vật lành tốt. Con voi lớn Kiều-la cũng là con vật lành tốt, nhưng kẻ đã tự điều luyện được mình lại càng lành hơn.

Ở Ấn Độ người ta cho con la, con tuấn mã Tín-độ, con voi lớn Kiều-la là những con vật lành tốt, nhưng ở đây Phật nói không lành tốt bằng những người đã tự điều luyện được mình. Chủ yếu đức Phật dạy chúng ta tu là điều luyện thân tâm trong mọi trường hợp.

Thí dụ đang tụng kinh, mà nghe ở ngoài có ai nói xâm xì thì nghĩ họ nói xấu mình, nên tụng cho mau rồi ra cãi lại cho đã giận. Như vậy chưa phải tụng kinh, vì tụng kinh là tâm duyên theo lời kinh và tay đánh chuông mõ không cho lộn xộn, nếu ngoài kia có ai chửi mắng họ không quan tâm tới, thì không phiền não và biết làm chủ mình.

Cho nên dù ở nhà hay ở chùa, người tu đều phải thúc liễm thân tâm thanh tịnh cho thuần thực để trở thành một con người hoàn thiện.

323. Chẳng phải nhờ xe hay ngựa mà đến được cảnh giới Niết-bàn, chỉ có người đã điều luyện lấy mình, mới đến được Niết-bàn.

Niết-bàn theo quan niệm thông thường là an vui. Vậy muốn an vui thì phải chính mình điều luyện thân tâm. Nên nói không phải do xe hay ngựa đưa mình đến cảnh giới Niết-bàn.

Có người lắm tướng nhiều tiền của, nhà lầu xe hơi là an vui. Nhưng tôi đã chứng kiến rất nhiều gia đình có bạc triệu, bạc tỷ, nhà lầu xe hơi, mà họ cũng than khổ như thường, vì họ quá lệ thuộc vào vật chất nên không bao giờ được an vui. Vậy muốn được an vui thì phải tự điều luyện thân tâm cho thuần thực. Nếu chưa thuần thực thì những thứ bên ngoài không làm cho ta an vui.

Tóm lại người tu chân chánh phải biết điều luyện thân tâm, mới thật sự an vui và đạt đến Niết-bàn. Ngược lại nếu không làm chủ được mình, thì ở cảnh nào cũng không an ổn.

324. Con voi tên Tài Hộ đến kỳ phát dục thì hung hăng khó trị, buộc trói thì bỏ ăn mà chỉ nhớ mẹ ở rừng sâu.

Con voi tên Tài Hộ, dù được vua săn sóc cho ăn ngon ở nơi đẹp, nhưng không chịu ăn uống vì nghĩ đến bốn phận làm con đối với cha mẹ, vẫn luôn nhớ mẹ nơi rừng sâu. Đức Phật kể câu chuyện này để nhắc nhở chúng ta, là người khôn ngoan bao giờ cũng hiếu thuận với mẹ cha và nuôi dưỡng chu đáo.

325. Như heo kia ưa ngủ lại tham ăn, kẻ phàm ngu vì tham ăn ưa ngủ, nên phải bị tiếp tục vào bào thai.

Đức Phật chê người ưa ngủ tham ăn giống như heo, nên phải tiếp tục sanh mãi trong vòng luân hồi. Tại sao vậy? Bởi vì tham ăn ưa ngủ không có thì giờ tu, như tám giờ tối đã xỏ mùng xuống, cho tới tám giờ sáng mới thức dậy, ngủ suốt đêm đâu có tu hành. Ban ngày thì sáng trưa chiều tối lo ăn ba bốn bữa, thì giờ đâu mà tu. Chính việc ăn ngủ chiếm hết thì giờ, khiến chúng ta không tiến tu đạo nghiệp, nên tiếp tục đi mãi trong vòng luân hồi. Vì thế chúng ta phải cân nhắc để nỗ lực tu hành.

326. Trong những thời quá khứ, tâm ta thường chạy theo dục lạc, tham ái ưa nhàn du, nhưng nay ta đã điều phục được tâm, như người quản tượng lấy móc câu chế ngự con voi lông tuồng.

Đức Phật lấy bản thân mình làm bằng chứng để nhắc nhở chúng ta, trong thời quá khứ ngài cũng từng buông lung theo dục lạc, theo tham ái và thích thông thả dạo chơi khắp nơi như chúng ta bây giờ. Nhưng hiện tại ngài đã điều phục được tâm, như con voi lông tuồng đã bị điều phục dưới tay người quản tượng tài giỏi.

Cũng vậy nếu đời quá khứ chúng ta đã lỡ buông lung theo dục lạc, theo tham ái thích nhàn du thì bây giờ tập điều phục tâm làm chủ nó. Bao giờ điều phục dễ dàng như anh quản tượng tài giỏi điều phục con voi, thì chúng ta cũng thành công như đức Phật. Ngài là người phạm tục nhưng nỗ lực tu hành nên giác ngộ, chúng ta cũng là người phạm tục, nếu cố gắng tu hành vẫn giác ngộ như ngài. Chứ nói rằng Phật tu vô lượng kiếp, còn mình phạm phu không theo nổi rồi buông xuôi, thì suốt kiếp chịu trầm luân đau khổ.

327. *Hãy vui vẻ siêng năng, phòng hộ, tự cứu khỏi nguy nan, như voi gắng sức vượt khỏi chốn sa lầy.*

Vui vẻ siêng năng là hai đức tính cần thiết của con người. Chúng ta thấy con trâu hay con bò kéo xe qua những chỗ sình lầy, khi chân và bánh xe bị lún sâu xuống bùn, thì người đánh xe đánh mạnh hai ba roi để nó gắng sức vượt qua. Nếu ở ngay đó mà nhúc nhích một hồi thì càng lún sâu rồi mắc kẹt, không tài nào qua khỏi.

Cũng vậy, chúng ta bây giờ đang ở trong trần tục nhiễm ô, muốn ra khỏi chỗ nguy nan thì phải siêng năng vui vẻ, gìn giữ tâm không cho ô nhiễm. Như hoa sen ở trong bùn mà tinh khiết, là tự cứu mình ra khỏi chỗ nguy nan, chứ không ai cứu được.

Người tu phải siêng năng, tới giờ tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật phải phấn chấn mạnh mẽ và vui vẻ trong lòng. Nếu tới giờ tu mặc áo tràng vô mà ngáp dài ngáp ngắn, đã dụi uể oải, bữa nay mệt quá để mai tu, rồi muốn cởi áo tràng nằm một chút, giải đãi như vậy là không xong.

Cho nên đức Phật khuyến khích chúng ta hãy vui vẻ siêng năng, phòng hộ tâm để cứu mình ra khỏi nguy nan, như voi gắng sức vượt khỏi chốn sa lầy.

328. *Nếu gặp bạn đồng hành hiền lương, giàu trí tuệ hàng phục được gian nguy, hãy vui mừng mà đi cùng họ.*

Trên đường tu nếu gặp những người bạn hiền lành có trí tuệ, chúng ta hãy vui mừng cùng đi chung với họ, vì người có trí tuệ và ý chí thì khi gặp những khó khăn

nguy hiểm vẫn vượt qua được để cùng nhau tiến tu. Như vậy mới tiến đến mục đích cuối cùng của sự tu hành là giác ngộ giải thoát.

329. Nếu không gặp bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lực, hãy sống một mình, như vua tránh nước loạn, như voi sống ở rừng.

Đức Phật dạy trên đường tu, nếu không gặp được bạn hiền lương có trí tuệ thì phải yên ở một mình lo tu, đừng theo bạn xấu ác mà mất sự lợi ích, như vua tránh nước loạn, như voi bỏ về rừng sống an ổn một mình.

330. Thà ở một mình hơn cùng người ngu kết bạn. Ở một mình khỏi điều ác dục, như voi một mình thênh thang giữa rừng sâu.

Ở một mình giữ ý chí tu hành đừng cho lệch lạc còn hơn cùng người ngu kết bạn, vì kết bạn với người ngu nhiều lúc họ xúi mình làm những điều xấu, hoặc dẫn dắt mình tới những chỗ hư dỏ thì còn khổ hơn. Cho nên đức Phật nói ở một mình rảnh rang khỏi điều ác dục, như voi một mình thênh thang giữa rừng sâu.

331. Gặp bạn xa lâu ngày là vui, sung túc phải lúc là vui, mệnh chung có được thiện nghiệp là vui, lìa hết thống khổ là vui.

Người có bạn thân ở xa lâu lâu mới gặp thật là vui mừng. Người làm ăn cực nhọc mà tiền của vô đúng thời, không tổn phước đức và không có những điều xui xẻo, đó là vui. Khi nhắm mắt tâm thuần thiện đó là niềm vui của người biết tu hành. Người bị mắng ngay giữa đám đông, mà không nổi nóng chống cự hơn thua,

không buồn giận phiền não, tâm vẫn an nhiên tự tại, đó là lìa hết thống khổ được an vui.

332. Ở đời được kính dưỡng mẹ hiền là vui, kính dưỡng thân phụ là vui, kính dưỡng Sa-môn là vui, kính dưỡng Thánh nhân là vui.

Người biết kính thương cha mẹ và hết lòng nuôi dưỡng, đó là niềm vui của người con chí hiếu. Đối với những vị tu sĩ thanh tịnh, hay những bậc Thánh nhân mà biết cung kính cúng dường, đó là niềm vui của Phật tử chân chánh có chánh kiến.

333. Già vẫn giữ giới là vui, thành tựu chánh tín là vui, đầy đủ trí tuệ là vui, không làm điều ác là vui.

Người già tu hành biết giữ giới luật là vui, học hiểu đạo lý để cho niềm tin ngày càng vững mạnh là vui. Dùng trí tuệ suy xét phân biệt tà chánh, thiện ác để tu hành là vui. Không làm những điều ác, làm những điều lành mới là an vui chân thật.

Tóm lại ba pháp cú trên Phật nói những niềm vui khác nhau: Niềm vui của người thế gian, niềm vui của người con chí hiếu đối với cha mẹ, niềm vui của Phật tử đối với bậc tu hành thanh tịnh và niềm vui do mình nỗ lực tiến tu. Nếu người tu có đủ những niềm vui đó, thì tu hành tiến bộ và cuộc sống hằng ngày luôn an lạc.



XXIV- PHẨM ÁI DỤC

334. Nếu say đắm buông lung thì tham ái tăng lên hoài như giống cỏ mạn-la mọc tràn lan, từ đời này tiếp đời nọ, như vườn chuyên cây tìm trái.

Cỏ mạn-la giống như cỏ cú ở Việt Nam. Nếu trong vườn có cỏ cú mà một năm không cuốc củ lên, thì nó mọc tràn lan rất khó diệt. Cũng vậy nếu buông lung thì tham ái tăng lên hoài, vì hưởng được cái vui này lại muốn hưởng cái vui khác. Như vậy ngày càng tăng trưởng chứ không bao giờ dừng, như vườn chuyên cây tìm trái, ăn được trái này vin qua cành khác để bẻ trái khác.

Như có người dự định làm ăn được một số tiền rồi lo tu. Khi làm ăn khá khá nhưng thấy chưa đủ, lo làm kiếm thêm tiền chứ chưa chịu tu, cứ lo tính toán làm ăn cho nhiều của cải, được cái này muốn thêm cái kia, bị lòng tham thôi thúc tăng thêm chứ không biết dừng, đó là chướng ngại lớn lao đối với người tu. Cho nên chúng ta phải hạn chế tâm không cho buông lung, mới mong tu hành đến chỗ viên mãn.

335. Ở thế gian này nếu bị ái dục buộc ràng thì những điều sầu khổ càng tăng, như loài cỏ tỳ-la gặp mưa.

Người bị ái dục buộc ràng thì sầu khổ càng tăng, như loài cỏ tỳ-la gặp mưa, lên nhanh làm không kịp. Người tu phải buông bỏ ái dục được chừng nào tốt chừng ấy. Nếu để ái dục trói buộc thì khổ não tăng thêm.

336. Ở thế gian này, nếu hàng phục được những ái dục khó hàng phục, thì sầu khổ tự nhiên rơi rụng như nước giọt lá sen.

Ngũ dục gồm có tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Người không quan tâm đến ngũ dục thì cuộc sống an lành tự tại, như nước nhỏ lên lá sen, tuột mất không dính dáng. Tham ngủ là bệnh khó trừ, cho nên lỡ tham ngủ thì phải tự nhắc mình, cuộc đời vô thường chết tới nơi sao không lo tu, biết vậy rồi nỗ lực tu, đó là dùng quán vô thường để trị bệnh tham ngủ.

Kinh Di Giáo Phật dạy, trong nhà có con rắn độc chưa đuổi ra thì không dám ngủ yên. Cũng vậy tham sân si còn ngủ ngầm trong tâm thì người tu không nên mê ngủ, phải ráng tỉnh thức buông bỏ tham sân si cũng như đuổi rắn độc ra khỏi nhà, thì lúc đó mới nằm ngủ an ổn. Tóm lại trong năm dục, chúng ta phải biết mình nặng cái nào gắng sức để trừ, đó là người biết tu. Nếu không như thế thì tu không đến nơi đến chốn.

337. Đây là sự lành mà ta bảo với các người; các người hãy dồn sức vào để nhổ sạch gốc ái dục,

như người muốn trừ cỏ tỳ-la thì phải nhổ gốc nó. Các người chớ lại để bị ma làm hại như loài cỏ lau gặp cơn nước lũ.

338. Đốn cây mà chưa đào lấy gốc rễ thì tược vẫn ra hoài, đoạn trừ ái dục mà chưa sạch căn gốc thì khổ não vẫn sanh trở lại mãi.

Đức Phật dạy chúng ta trừ ái dục thì phải dứt tận gốc rễ, nếu không trừ tận gốc rễ thì khổ não còn hoài. Vậy muốn trừ gốc rễ thì phải trừ bằng cách nào?

Gốc là ở chính mình, cho nên trước phải nhìn lại mình, khi ưa thích danh lợi thì hãy quán thân này vô thường nay còn mai mất. Biết thân này vô thường, danh lợi cũng vô thường thì dứt được lòng ưa thích. Đức Phật dạy muốn diệt tận gốc rễ của ái dục là phải tu sửa tâm mình. Nếu chỉ trừ những cái ở bên ngoài thì chẳng khác nào đốn cây chỉ chặt nhánh mà không đào rễ, nó sẽ mọc trở lại. Vì vậy phương pháp tu của đạo Phật chỉ chúng ta xoay về cái gốc, là đoạn trừ tham sân si. Do si mê nên mới có ái dục, muốn hết ái dục thì phải hết si mê, đó là dứt trừ tận gốc rễ.

339. Những người có đủ ba mươi sáu dòng ái dục, họ mạnh mẽ giống ruồi theo dục cảnh. Bởi vậy người có tâm tà kiến hằng bị những tư tưởng ái dục làm trôi giạt hoài.

Ái dục có ba thứ: dục ái, hữu ái và phi hữu ái. Trong sáu căn ngoài sáu trần đều là ái, hợp thành dục ái 12, hữu ái 12, phi hữu ái 12, cộng thành 36. Dục ái dính lúu tới thường kiến, phi hữu ái tương quan với

đoạn kiến. Ba mươi sáu ái dục lưu động không ngừng như dòng nước, nên gọi là dục lưu.

Người nào có ba mươi sáu thứ ái dục, hay lòng yêu thích cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới thì trôi lăn mãi trong dòng sanh tử luân hồi. Cho nên Phật nói nếu người có đủ ba mươi sáu dòng ái dục, họ mạnh mẽ giống ruồi theo dục cảnh chẳng chút ngại ngùng. Thế nên người có tâm tà kiến (đoạn kiến và thường kiến), hằng bị những tư tưởng ái dục làm trôi giạt hoài.

340. Dòng ái dục tuôn chảy khắp nơi, như giống cỏ mạn-la mọc tràn lan mặt đất. Người hãy xem giống cỏ đó để dùng tuệ kiếm đoạn hết căn gốc ái dục.

Người có lòng ái dục nhiều thì nó phát ra sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý như giống cỏ mạn-la mọc tràn lan trên mặt đất. Như người thấy tiền khởi lòng tham, dùng trí tuệ quán xét tất cả của cải thế gian là vô thường, là gốc của khổ đau, nếu tham thì khổ không biết bao giờ thoát được. Quán xét như thế thì hết ưa thích, đó là dùng kiếm trí tuệ chặt đứt gốc ái dục. Cho nên người muốn hết khổ, phải phát huy trí tuệ cho sáng, nghĩa là phải mài thanh kiếm cho bén, để đoạn trừ ái dục.

341. Người đời thường vui thích theo ái dục, ưa giống ruồi lục trần, tuy họ có hướng cầu an lạc, vẫn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân.

Người thường vui theo ái dục, tâm còn giống ruồi theo sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tuy họ muốn an lạc mà vẫn còn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân. Cho nên người nào dứt được lòng ái dục,

không giống ruồi theo sáu trần, dù không cầu an lạc cũng vẫn được an lạc như thường.

342. Những người theo đuổi ái dục, vùng vẫy khác nào thả bị sa lưới. Càng buộc ràng với phiền não, càng chịu khổ lâu dài.

Người chạy theo ái dục thì khổ não đeo theo không bao giờ dứt, như con thả vướng vào lưới thì đau khổ vô cùng, vì cái chết kề một bên. Cho nên đức Phật nói rằng càng buộc ràng với phiền não, là còn nhiều tham sân si thì phải chịu khổ lâu dài, không biết bao giờ hết.

343. Những người theo đuổi ái dục, vùng vẫy khác nào thả bị sa lưới. Hàng Tỳ-kheo vì cầu vô dục nên phải tự gắng lìa dục.

Người xuất gia đã biết chạy theo ái dục thì khổ, chẳng khác nào con thả bị mắc lưới. Vì vậy hàng Tỳ-kheo phải cố gắng lìa dục, đừng cho dính mắc thì mới thật sự an lành.

344. Người đã lìa dục, vui ở chốn sơn lâm, lìa dục rồi trở lại theo dục, hãy xem hạng người đó đã được mở ra rồi lại tự trói vào.

Người lìa dục xuất gia, đã gỡ hết những mối dây ràng buộc, đang thông thả tự do ở chốn sơn lâm mà trở về nhà, Phật nói hạng người này là kẻ được mở ra rồi lại tự trói vào. Người xuất gia là đã thoát ra khỏi vòng ràng buộc của ái dục, nếu không khéo tu hành, thì tâm thối chuyển trở về thế gian để chịu khổ, như người được mở trói rồi lại tự trói lại, thật đáng thương!

345. Đối với người trí, sự trói buộc bằng dây gai, bằng cây, bằng sắt chưa phải bền chắc, chỉ có lòng luyến ái vợ con, tài sản mới thật là sự trói buộc chắc bền.

Trói buộc bằng dây gai tức là trói buộc bằng dây, trói buộc bằng cây thì ngày xưa mang gông bằng gỗ, trói buộc bằng sắt là còng cái còng bằng sắt. Dây, gông, sắt ba thứ trói buộc đó có thể gỡ ra nhẹ nhàng hơn, còn sự luyến ái vợ con tài sản thật là sự trói buộc chắc bền. Như vậy người có trí tuệ phải thấy rằng điều khiến chúng ta chịu trầm luân sanh tử là sự ràng buộc của gia đình.

346. Đối với người trí, điều khiến người sa đọa là sự trói buộc chắc bền. Nó hình như khoan dung hòa hoãn mà thật khó lòng thoát ra. Hãy đoạn trừ đừng dính mắc, lìa dục mà xuất gia.

Phật nói điều khiến người sa đọa là sự trói buộc chắc bền, nó hình như khoan dung hòa hoãn mà thật khó lòng thoát ra. Dắt người vào sa đọa là sao? Thí dụ Phật tử nam quy y thọ năm giới và giữ giới không uống rượu rất chín chắn. Có người bạn thân đi xa về, đến thăm gặp mặt vui mừng, rủ uống vài chung rượu lấy thảo, thì thấy đâu có gì là khó khăn. Nhưng rủ rê như vậy là dắt mình vào chỗ sa đọa. Tuy nói uống lấy thảo, nghe rất là khoan dung hòa nhã, không phải chửi mắng rầy rà, mà thật là khó từ chối, nếu từ chối được thì mới hay.

Ở đây đức Phật dạy đoạn trừ đừng dính mắc, lìa dục mà xuất gia là muốn khuyến khích những người nhận chân được sự khó khăn khổ não lâu dài, ràng buộc trong vòng tam giới, phải gan dạ để lìa dục mà xuất gia.

347. Những người say đắm ái dục, trôi theo ái dục là tự lao mình vào lưới trói buộc, như nhện mắc lưới. Ai dứt được sự buộc ràng, không còn dính mắc, thì sẽ lìa mọi thống khổ mà ngao du tự tại.

Có hai hạng người, một là đang bị trói buộc khổ đau, hai là thông thả ngao du tự tại. Người đang bị trói buộc khổ đau là người say đắm theo ái dục, đức Phật nói tự lao mình trong lưới buộc, như nhện giăng tơ rồi kẹt trong tơ của nó. Cũng vậy chúng ta say đắm theo ngũ dục rồi tự cột mình trong ngũ dục, bị nó lôi cuốn từ đời này đến kiếp khác.

Người dứt sự buộc ràng, không còn bị ngũ dục lôi kéo thì sẽ xa lìa mọi thống khổ, chứng Niết-bàn giải thoát, không còn gì trói buộc, muốn đi đâu thì đi, ngao du tự tại ra vào sanh tử.

348. Bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai mà vượt qua bờ kia, tâm giải thoát tất cả, không còn bị sanh già trở lại.

Người nào đối với thân quá khứ, thân hiện tại, thân vị lai không còn luyến ái thì sẽ qua bờ kia, là bờ Niết-bàn. *Tâm đã giải thoát tất cả* đắm mê trong cõi dục thì *không còn sanh già trở lại*. Như vậy người dứt được lòng luyến ái thân trong ba đời và hiện tại không tham đắm ngũ dục thì được giải thoát chứng Niết-bàn.

349. Những kẻ bị tư tưởng xấu làm não loạn, cầu mong dục lạc thật nhiều. Người mong dục lạc tăng nhiều là tự trói mình thêm bền chắc.

Phật tử làm ăn bình thường, có nhà ở, đủ tiền nuôi con ăn học. Nhưng chưa bằng lòng, muốn giàu hơn

để cất nhà lầu sấm xe hơi. Có xe hơi nhà lầu rồi lại bận rộn chạy theo cuộc sống vật chất, không có thì giờ tu hành. Cho nên đừng tưởng được nhiều của cải là tốt, vật chất nhiều chừng nào thì tự trói buộc nặng nề và khó tu chừng nấy. Phật dạy nếu người thường mong cầu dục lạc thật nhiều thì tự trói mình càng thêm chắc chắn.

350. Muốn xa lìa ác tướng, thường nghĩ tới bất tịnh, hãy trừ hết ái dục, đừng để ác ma buộc ràng.

Câu kinh này đức Phật dạy quán bất tịnh để trừ ái dục. Quán thân mình có ba mươi hai hoặc ba mươi sáu vật như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương v.v... những thứ đó đều không sạch. Thí dụ tóc trên đầu là quý, nhưng rớt vô chén cơm hay nồi canh thì thấy gớm không muốn ăn. Như vậy nếu sạch thì không chán chê, đã chán chê thì không phải sạch.

Muốn trừ sắc dục thì phải quán thân bất tịnh. Nếu quán thuần thực thì không còn chạy theo ái dục và ác ma không làm gì được mình.

351. Bước tới chỗ cứu cánh thì không còn sợ hãi, xa lìa ái dục thì không còn nhiễm ô, nhờ mũi tên sanh hữu thì chỉ còn một thân này là cuối cùng.

Người bước tới chỗ cứu cánh, thoát khỏi sanh già bệnh chết, nên không còn lo âu sợ hãi, đây là chỉ cho những bậc A-la-hán xa lìa ái dục và không còn nhiễm ô.

Trong mười hai nhân duyên từ vô minh, hành, thức, danh sắc v.v... cho tới hữu, sanh và lão tử. Hữu là

chỉ cho cỗi hay nghiệp, sanh là tiếp tục sanh đời sau. Nếu nhờ được mũi tên nghiệp lôi mình sanh vào đời sau, thì chỉ thọ thân một đời này thôi, không còn luân hồi sanh tử nữa, gọi là giải thoát. Cho nên ở đây nói nhờ mũi tên sanh hữu thì chỉ còn thân này là cuối cùng.

352. Xa lìa ái dục không nhiễm trước, thông đạt từ vô ngại, thấu suốt nghĩa với pháp vô ngại, và thứ lớp của tự cú, đó là bậc đại trí, đại trượng phu, chỉ còn một thân này là cuối cùng.

Người xa lìa ái dục tâm không còn nhiễm trước, thì được bốn điều biện tài vô ngại. Từ vô ngại là đầy đủ lời lẽ, nói năng thông suốt; Nghĩa vô ngại là thấu suốt nghĩa lý; Pháp vô ngại là thông suốt giáo pháp của Phật và Diễn thuyết vô ngại là giảng nói thông suốt. Được bốn thứ vô ngại này gọi là bậc đại trí, đại trượng phu, chỉ còn thân này là thân cuối cùng, không còn tiếp tục sanh ra đời sau.

353. Ta đã hàng phục tất cả. Ta đã rõ biết tất cả. Ta không nhiễm một pháp nào. Ta xa lìa hết thấy, diệt dục mà giải thoát và tự mình chứng ngộ, thì còn ai là thầy ta nữa!

Sau khi thành đạo, Phật từ Bồ-đề đạo tràng đi đến Lộc Uyển, giữa đường gặp một ngoại đạo tên Ưu-ba-ca hỏi: “Ông xuất gia theo ai? Thầy của ông là ai? Ông tin theo tôn giáo nào?” Đức Phật nói câu pháp cú trên để trả lời, nghĩa là ngài đã chứng được trí vô sư, không còn ai là thầy.

Chúng ta là đệ tử Phật, cũng có trí vô sư, đó là vị thầy chân thật nơi mình, còn vị thầy bên ngoài chỉ là phụ thôi. Người tu hành hàng phục phiền não trong tâm, rõ biết tất cả, không nhiễm một pháp nào thì cũng tự chứng ngộ và được giải thoát như Phật.

354. Trong các cách bố thí, pháp thí là hơn cả; trong các chất vị, pháp vị là hơn cả; trong các hỷ lạc, pháp hỷ là hơn cả. Người nào trừ hết mọi ái dục là vượt trên mọi khổ đau.

Bố thí có ba: tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí chia làm hai, nội tài và ngoại tài. Đem sức lực giúp đỡ người khác là bố thí nội tài, đem tiền của bố thí cho mọi người là bố thí ngoại tài. An ủi người bớt buồn khổ, làm cho bớt sợ hãi là vô úy thí. Trong các cách bố thí trên sánh với pháp thí là đem lời Phật dạy để nhắc nhở mọi người tu hành, pháp thí là hơn cả.

Trong các chất vị ở thế gian như ngọt, bùi, cay, chua, mặn, lạt v.v... người đời ưa thích, đức Phật nói không bằng pháp vị. Khi đọc kinh mà hiểu nghĩa, cảm thấy thích thú là đã nếm được pháp vị. Nếu chúng ta bền chí siêng năng nghiên cứu giáo lý của đức Phật, khi hưởng được pháp vị thì mới thấy Phật cho mình những điều hạnh phúc vô cùng.

Như nghe ca nhạc thì vui, được tiền của thì vui, những cái vui đó chỉ trong chốc lát, được rồi mất không bền. Nhưng khi nghe Phật pháp ứng dụng tu hành, tâm được an vui hạnh phúc, niềm vui do tu mà được mới là bền bỉ lâu dài. Nên nói trong các sự hỷ lạc, chỉ có pháp hỷ là hơn cả.

Ái dục là gốc khổ đau, muốn trừ ái dục phải quán bất tịnh. Nếu thích tài sản danh lợi thì quán thân vô thường, cảnh vô thường có gì mà tham. Đối với danh lợi đứng vững nên tâm an ổn tự tại, đó gọi là pháp hỷ. Cho nên Phật dạy người nào trừ hết ái dục thì vượt trên mọi đau khổ.

355. Tài sản giàu có chỉ làm hại người ngu, chứ không phải để cầu sang bờ giác. Người ngu bị tài dục hại mình, như mình đã vì tài dục mà hại người khác.

Người ngu rất ưa thích sự giàu sang, được một muốn hai, được hai muốn ba bốn, muốn hoài tới già chết không thoát ra được. Cho nên nói giàu sang chỉ làm hại người ngu, chứ không phải để cầu sang bờ giác.

Người ngu bị tài dục hại mình, như mình đã vì tài dục mà hại người khác. Thí dụ tên cướp vì tham tiền mà giết người nên bị ở tù, đó là tự hại mình. Chính vì tiền của mà giết người khác đó là hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn, tham dục làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa tham sẽ được quả báo lớn.

Cỏ làm hại ruộng vườn, tham dục làm hại người thế gian. Vì thế đức Phật khuyên cúng dường cho người lìa tham sẽ được quả báo lớn. Tại sao? Tham dục là gốc của tai họa, người còn nhiều tham dục là còn nhiều khổ đau, không tự cứu khổ hướng là điu dắt được ai. Người dứt hết tham dục thì tự cứu mình và có thể làm gương

cho người khác noi theo. Cho nên đức Phật nói cúng dường cho những vị đó được quả báo lớn.

Hơn nữa, chúng ta biết kính trọng những vị tu hành thanh tịnh, noi theo gương hạnh tốt của họ, tập buông bỏ bớt lòng tham dục, sẽ được lợi ích cho mình đó là tự lợi. Nếu chúng ta cúng dường cho những vị đó, họ có phương tiện giáo hóa người khác thì thêm phần lợi tha, nên nói được quả báo lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn, sân nhuế làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa sân sẽ được quả báo lớn.

358. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, ngu si làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa si sẽ được quả báo lớn.

359. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, dục vọng làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa dục sẽ được quả báo lớn.

Ba câu pháp cú này đức Phật nói tương tự như trên, nhưng ở trên là lìa tham, ở đây là lìa sân, lìa si và lìa dục. Lìa được bốn thứ kể trên là người hoàn toàn thanh tịnh an lành. Chúng ta nên cúng dường cho những vị đó thì sẽ được quả báo lớn.



XXV- PHẨM TỖ-KHEO

360-361. Lành thay chế phục mắt, lành thay chế phục tai, lành thay chế phục mũi, lành thay chế phục lưỡi, lành thay chế phục thân, lành thay chế phục lời nói, lành thay chế phục tâm ý. Chế phục được hết thảy, thật lành thay! Tỳ-kheo nào chế phục được hết thảy thì giải thoát hết khổ.

Đức Phật dạy chế phục được sáu căn thì hết khổ. *Chế phục mắt* là sao? Nó bệnh liền đi bác sĩ chữa phải không? Không phải! Như nhìn thấy món đồ đẹp, lòng tham dấy khởi, biết tham là gốc luân hồi sanh tử, thì thấy mà không tham. Như vậy là chế phục được mắt.

Chế phục tai là sao? Khi nghe người khen thì thích là ngã mạn, nghe người chê mà buồn thì dễ sân giận, mà ngã mạn và sân giận là gốc của luân hồi sanh tử. Vì vậy nghe khen không mừng, chê không buồn mới giải thoát, đó là chế phục được tai.

Chế phục mũi là sao? Có người rất cẩn thận, đi ngang chỗ nào có mùi hôi thì bịt mũi, mùi thơm thì hít vào. Người biết chế phục mũi thì mùi hôi mùi thơm đều thấy bình thường, vì nó bay qua rồi mất, không mắc kẹt ở mũi hoài.

Chế phục được lưỡi là sao? Phật dạy phải quán xét việc ăn như uống thuốc để trị bệnh đói khát khô gầy, khi đang đói bụng làm cho khó chịu, chỉ cần ăn đầy bao tử không quan trọng ngon dở, là chinh phục được cái lưỡi.

Chế phục thân bằng cách nào? Như có người quen ngủ nệm, hôm nào tới chỗ không có nệm thì lăn qua trở lại nghe đau mình, ngủ không được. Bây giờ phải tập có nệm hay không nệm cũng nằm ngủ được, như vậy là chế phục được thân.

Chế phục được lời nói cũng rất cần thiết. Có người vô ý xúc phạm đến danh dự của mình. Khi ấy muốn nói ra những lời dữ dằn cho đã giận nhưng kềm lại, đợi trong lòng mát mẻ rồi nói nhỏ nhẹ ôn hòa, đó là chế phục được lời nói.

Chế phục được tâm ý có hai trường hợp, bất thường và bình thường. Khi bị người làm trái ý không nổi nóng, hay ngũ dục làm não loạn không dấy lòng tham, như vậy là điều phục được tâm ý trong khi bất thường. Khi không buồn giận mà ứng dụng một pháp tu để tâm được yên tĩnh, đó là điều phục tâm ý trong lúc bình thường. Tóm lại Phật dạy *Tỳ-kheo* nào chế phục hết thấy sáu căn thì hết khổ, lành thay.

362. Chế phục tay chân và ngôn ngữ, chế phục cái đầu cao. Tâm thích ưa thiên định, riêng ở một mình và tự biết đầy đủ, ấy là bậc Tỳ-kheo.

Cái đầu cao là chỉ cho phần trên của thân, là phần quý trọng mà quý trọng là gốc của ngã mạn. Đức Phật dạy chế phục tay chân và ngôn ngữ, chế phục cái đầu cao, tức là luôn thúc liễm thân, khẩu và ý, phải dè dặt dừng cho tâm ý cố gắng cao ngã mạn. Tâm ưa thích thiên định, riêng ở một mình và tự biết đầy đủ, ấy mới xứng đáng là bậc Tỳ-kheo.

363. Tỳ-kheo nào nhiếp được ngôn ngữ, khôn khéo và thanh tịnh, thì khi diễn bày pháp nghĩa lời lẽ rất được hòa ái rõ ràng.

Vị Tỳ-kheo nào nhiếp phục ngôn ngữ thì tâm thanh tịnh, nên khi diễn bày chánh pháp lời lẽ hòa ái, nghĩa lý rõ ràng.

364. Tỳ-kheo nào an trú trong lạc viên chánh pháp, mến pháp và tùy pháp, tư duy nhớ tưởng pháp, thì sẽ không bị thối chuyển.

Đức Phật dạy Tỳ-kheo luôn an trú trong lạc viên tức là ngày đêm đều nhớ chánh pháp, nhớ lời Phật dạy trong kinh điển, quý trọng và thực hành theo sẽ không bao giờ thối chuyển.

365. Chớ nên khinh điều mình đã chứng, chớ hâm mộ điều người khác đã chứng. Tỳ-kheo nào chỉ lo hâm mộ điều người khác tu chứng, cuối cùng mình không chứng được Tam-ma-địa tức là chánh định.

Phật dạy *không nên khinh điều mình đã chứng*. Dù sở chứng của mình thấp hay cao cũng nên chấp nhận đó là thật. Còn sở chứng của người khác là của người, đừng một bề hâm mộ rồi quên tu, đó là hướng ngoại tìm cầu nên không an trú trong chánh định.

366. *Hàng Tỳ-kheo dù tu chứng được chút ít cũng không sanh tâm khinh thường, cứ sinh hoạt thanh tịnh và siêng năng, nên đáng được chư thiên khen ngợi.*

Vị Tỳ-kheo tu hành đạt được kết quả chút ít, cũng không sanh tâm khinh thường, sống đúng giới luật và siêng năng tu hành thanh tịnh, đó là người đáng được chư thiên khen ngợi. Nếu một bề hâm mộ người, không lo tu hành, rốt cuộc không ai khen ngợi và cũng không được lợi ích.

367. *Nếu đối với thân tâm mà không chấp ta hay của ta. Vì không ta và của ta nên không lo sợ, người như vậy mới gọi là Tỳ-kheo.*

Người tu phải phá chấp ngã, nếu thấy thân tâm này thật là của ta thì còn chấp ngã, vì không ta và của ta nên không còn lo sợ. Người như vậy mới xứng đáng là một Tỳ-kheo.

368. *Hàng Tỳ-kheo an trú trong tâm từ bi, vui thích với giáo pháp Phật-đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành.*

Người tu an trú trong tâm từ bi, tức là lúc nào cũng quán từ bi, vui thích giáo pháp của Phật-đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc và giải thoát tất cả pháp vô thường.

369. Tỳ-kheo tát nước thuyền này, hể hết nước thì thuyền nhẹ và đi mau. Đoạn hết tham dục và sân nhuế trong thân này thì mau chứng Niết-bàn.

Chiếc thuyền chứa nhiều nước, muốn thuyền nhẹ và đi mau, chịu khó lấy gàu múc nước đổ ra. Cũng vậy vị Tỳ-kheo tu hành, mỗi ngày dẹp tham sân si nơi tâm thì sẽ mau đạt đến Niết-bàn. Chiếc thuyền dụ cho thân ngũ uẩn, nước là dụ cho phiền não tham sân si. Nếu hết phiền não thì đạt đến Niết-bàn, cũng như hết nước thì thuyền nhẹ mà vượt qua khỏi sông.

370. Tỳ-kheo nào đoạn được năm điều, bỏ năm điều, siêng tu năm điều, vượt khỏi năm điều say đắm. Tỳ-kheo ấy là người đã vượt qua dòng nước lũ.

Tỳ-kheo nào bỏ được năm hạ phần kiết sử giới tức là tham, sân, thân kiến, giới cấm thủ và nghi của Dục giới. Đoạn được năm thượng phần kiết sử là tham đắm cõi Sắc giới, tham đắm thiên định cõi Vô sắc giới, trạo cử, mạn và vô minh. Chuyên tu năm điều tức là ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ. Vượt khỏi năm điều say đắm là tham, sân, si, mạn, ác kiến. Tỳ-kheo ấy là người đã vượt qua dòng nước lũ, sẽ đạt tới Niết-bàn. Dòng nước lũ là chỉ cho bốn thứ dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu, còn gọi là bộ bốn.

371. Hãy tu định, chớ buông lung, tâm chớ mê hoặc theo dục. Đừng đợi đến khi nuốt hòn sắt nóng mới ăn năn than thở.

Phật dạy phải tu thiên định chớ buông lung, đừng mê hoặc chạy theo ngũ dục thế gian. Hiện tại không lo

tu hành, đợi đến khi chết xuống địa ngục nuốt hòn sắt nóng, lúc đó mới ăn năn than thở cầu cứu thì muộn quá rồi, cũng như đợi khát nước mới đào giếng, không thể nào làm kịp.

372. Không có trí tuệ thì không có thiên định, không có thiên định thì không có trí tuệ. Người nào gồm đủ thiên định và trí tuệ thì gần đến Niết-bàn.

Người tu phải có thiên định và trí tuệ. Đây đủ hai phần này thì sẽ đạt đến Niết-bàn.

373. Tỳ-kheo đi vào chỗ yên tĩnh, tâm thường vắng lặng, quán xét theo chánh pháp, được thọ hưởng cái vui siêu nhân.

Người tu ở chỗ núi rừng vắng vẻ thì tâm thường yên tĩnh. Quán sát lời Phật dạy sẽ thọ hưởng những cái vui siêu nhân. Nếu Phật tử tại gia thường áp dụng, vẫn hưởng được niềm vui ấy. Như tu pháp quán vô thường, biết tất cả sự vật ở thế gian đều vô thường, nếu thấy ai nhiễm tài sắc, danh lợi thì đáng thương, đó là mình đã hơn họ một bậc, là vượt hơn người thường, gọi là siêu nhân.

374. Người nào thường chánh niệm đến sự sanh diệt của các uẩn thì sẽ được vui mừng. Nên biết người đó không chết.

Người còn ái ngã là còn yêu mình, nên khi mất thân này thì hoảng hốt tìm thân khác, do đó mãi chịu luân hồi sanh tử. Vì vậy Phật dạy người nào thường chánh niệm nghĩ đến sự sanh diệt của năm uẩn, thì sẽ được vui mừng hạnh phúc và thoát ly sanh tử.

Người tu xét thân ngũ uẩn là giả hợp, không có gì quý báu, nên không ái nhiễm thân, khi mất không cần tìm, vượt ra ngoài vòng sanh diệt tức là không bị chết, đó là gốc giải thoát.

375. Nếu là Tỳ-kheo sáng suốt, dù ở trong đời, trước tiên vẫn lo nhiếp hộ các căn và biết đủ, lo hộ trì giới luật.

Vị Tỳ-kheo sáng suốt dù ở trong thế gian, trước hết phải biết gìn giữ sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không cho chạy theo sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Kế đó sự ăn, mặc, ở, thuốc men luôn biết đủ, đời sống vật chất giản dị không có gì quan trọng, lo gìn giữ giới luật cho thanh tịnh là tốt rồi.

376. Thái độ thì phải thành khẩn, hành vi thì phải đoan chánh. Được vậy, họ là người nhiều vui và sạch hết khổ não.

Đức Phật dạy người tu phải nhớ sống chết là việc lớn, vô thường mau chóng đến bất cứ lúc nào, phải mau giải quyết gấp việc sanh tử, đó gọi là thái độ thành khẩn. Làm việc gì mọi hành động đều phải đúng đắn chân chánh, không sanh tâm tà vạy làm lệch lạc. Được như vậy là người có nhiều niềm vui và sạch hết khổ não.

377. Cành hoa bạt-tát-ca bị úa tàn như thế nào, thì Tỳ-kheo các ông cũng làm tham sân úa tàn thế ấy.

Lúc Phật còn tại thế, các thầy Tỳ-kheo được Thế Tôn cho đề mục thiền định, liền lui vào rừng sâu và bắt đầu hành thiền. Các thầy đã từng trông thấy những hoa bạt-tát-ca buổi sáng nở tươi tắn, chiều đã úa tàn

rũ cánh, tự nhủ chúng ta phải diệt trừ tham sân si nhanh chóng như những đóa hoa kia. Các thầy như được tiếp thêm sức mạnh, càng nỗ lực chuyên chú hành thiền và được kết quả như ý. Đức Thế Tôn quán sát các thầy Tỳ-kheo ấy và dạy câu pháp cú trên.

Chúng ta không biết cành hoa bạt-tất-ca ra sao, nhưng ở Việt Nam thì có hoa phù dung sớm nở tối tàn. Phật dạy các vị Tỳ-kheo phải dẹp tham sân si úa tàn nhanh chóng như thế.

378. *Tỳ-kheo nào thân tịch tịnh, ngũ tịch tịnh, tâm an trú tam-muôi, xa lìa dục lạc, Tỳ-kheo ấy gọi là người tịch tịnh.*

Vị Tỳ-kheo giữ gìn thân, miệng thanh tịnh, tâm luôn an trú trong chánh định, xa lìa dục lạc, đó là người tịch tịnh an lạc.

379. *Các người hãy tự cảnh sách, các người hãy tự phản tỉnh! Tự hộ vệ và chánh niệm, mới là Tỳ-kheo an trụ trong an lạc.*

Khi nghe người nói chuyện danh lợi, vừa khởi tâm tham liền nhắc, tu rồi tại sao lại tham danh lợi. Cho nên Phật dạy hãy tự cảnh tỉnh mình là nhìn lại tâm mình tỉnh hay mê, tốt hay xấu, định hay loạn. Người tu lo tụng kinh, niệm Phật, tham thiền, luôn chánh niệm tỉnh giác, tu đúng theo chánh pháp, đó là biết tự hộ vệ. Tỳ-kheo nào được như vậy mới thật là *an trụ trong an lạc*.

380. *Chính các người là kẻ bảo hộ cho các người, chính các người là nơi nương náu cho các người. Các người hãy gắng điều phục lấy mình như thương khách lo điều phục con ngựa lành.*

Tự lo bảo hộ mình là đừng ỷ lại vào người khác. Chính mình là chỗ nương tựa lâu dài nhất, phải trông cậy vào mình, cố gắng phát huy những điều tốt và phá vỡ những điều xấu dở. Nếu tăng ni hay Phật tử hoàn toàn nương vào một vị thầy, mai một thầy chết rồi thì nương tựa vào ai! Cho nên ở đây Phật dạy phải cố gắng điều phục tâm mình, như người khách buôn điều khiển con ngựa hay, lúc nào cũng xem chừng để luyện tập nó chứ không dám lơ là.

381. Tỳ-kheo đầy đủ tâm hoan hỷ, thành tín theo giáo pháp Phật-đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành.

Vị Tỳ-kheo lúc nào tâm cũng vui vẻ hỷ xả, tin và thực hành theo giáo pháp của đức Phật, thì sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc và giải thoát các hành vô thường.

382. Tỳ-kheo tuy nhỏ tuổi mà siêng tu giáo pháp Phật-đà, thì họ là ánh sáng chiếu soi thế gian, như mặt trăng ra khỏi đám mây mù.

Những vị Tỳ-kheo tuy tuổi nhỏ mà tinh tấn tu hành đúng theo pháp Phật dạy, vị đó như ánh sáng chiếu soi thế gian, chẳng khác nào mặt trăng ra khỏi mây mù.



XXVI- PHẨM BÀ-LA-MÔN

Phẩm này tên Bà-la-môn, nhưng đức Phật dạy phương pháp tu hành để được giải thoát chứng quả A-la-hán, chứ không dạy giáo lý của Bà-la-môn.

Thuở xưa người dân Ấn Độ thường chấp về hình thức chủng tộc, họ quan niệm rằng người sanh trong dòng Bà-la-môn là cao cả. Nhưng đức Phật cho rằng cao cả là do hạnh tu của mình, chứ không phải do dòng dõi nơi sanh hay những hình thức bên ngoài. Nếu sanh trong dòng họ cao cả mà làm những việc phi đạo lý thì cũng không phải là người cao cả.

Hơn nữa do tư cách ăn ở xử sự từ tâm niệm lành cho đến hành động tốt, đáng cho người kính phục, chứ không ý rằng mình có búi tóc trên đầu, hay có hình dáng kiêu cách của Bà-la-môn, rồi tự cao cho là dòng tịnh hạnh. Vì vậy Bà-la-môn là tiếng chỉ chung người hành đạo thanh tịnh, chứ không chỉ riêng về giai cấp đạo sĩ.

383. Dũng cảm đoạn trừ dòng ái dục, các người bỏ dục mới là Bà-la-môn. Nếu thấy rõ các uẩn diệt tận, các người liền biết được Vô tác.

Chúng ta đang ở Dục giới, còn đắm trước chỗ ở và thân mạng nên gọi là ái dục. Nếu người dũng cảm đoạn trừ dòng ái dục thì mới thật là Bà-la-môn, hay nói cách khác là người tu chân chánh. Cho nên đức Phật dạy người biết rõ năm uẩn là vô thường sanh diệt, không nhất định không lâu dài nên nói là diệt tận. Nếu thấu suốt như vậy thì đạt được Niết-bàn, còn gọi là Vô tác.

384. Nhờ thường trú trong hai pháp, hàng Bà-la-môn đạt đến bờ kia, dù có bao nhiêu ràng buộc đều bị dứt sạch do trí tuệ của người kia.

Hai pháp là Chỉ và Quán, chỗ khác gọi là định và tuệ. Người nào tâm thường an trú trong định và tuệ đó là Bà-la-môn chân chánh và sẽ đạt đến Niết-bàn. Nếu tâm thường an định trí tuệ sáng suốt, thì dù có bao nhiêu phiền não ràng buộc đều bị dứt sạch. Như vậy chủ yếu Phật dạy muốn giải thoát phải có định và tuệ.

Vừa dấy một niệm phiền não liền chặn đứng không cho tâm chạy theo là định. Kế đó dùng trí tuệ quán chiếu biết rằng phiền não sẽ trôi buộc và dẫn mình đi tới trầm luân. Do đó dứt sạch phiền não không phải chỉ có định mà phải có trí tuệ. Cho nên người tu lúc nào cũng phải đủ hai điều kiện trên, nếu thiếu thì không dứt được phiền não.

385. Không bờ kia cũng không bờ này, cả hai bờ đều không thật, chỉ xa lìa khổ não không bị trôi buộc, ta gọi là Bà-la-môn.

Bờ kia là chỉ cho sáu căn mắt tai mũi lưỡi thân ý, bờ này là chỉ sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp. Không chấp trước ta và của ta nên nói không bờ này, bờ kia. Hằng ngày, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, chúng ta hay chấp người thật, cảnh thật mà không ngờ người và cảnh đều là vô thường không thật. Chúng ta không biết như thế mà cứ chạy theo, nên bị chìm mãi trong vòng luân hồi không thoát ra được.

Vì vậy đức Phật dạy người biết được sáu căn, sáu trần đều không thật, xa lìa khổ não chẳng bị trói buộc, người như vậy mới xứng đáng là Bà-la-môn, là người tu hành chân chánh.

386. Ai nhập vào thiền định, an trú ly trần cấu, việc cần làm đã làm xong, phiền não lậu dứt sạch, chứng cảnh giới tối cao, đó là Bà-la-môn.

Người an trú trong thiền định, lìa tất cả những phiền não nhiễm ô, công hạnh tu hành viên mãn, chứng được quả A-la-hán. Bao nhiêu phiền não lậu hoặc đều dứt sạch, chứng được cảnh giới tối cao, đức Phật gọi là Bà-la-môn hay người tu chân chánh.

387. Mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, khí giới chiếu sáng dòng vua chúa, thiền định chiếu sáng kẻ tu hành, nhưng hào quang của đức Phật chiếu sáng cả thế gian.

Đức Phật dùng lối so sánh, mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, khí giới chiếu sáng dòng vua chúa, thiền định chiếu sáng kẻ tu hành, nhưng tất cả ánh sáng đó đều không bằng hào quang của đức Phật chiếu sáng khắp thế gian.

Chúng ta ai cũng được hào quang của đức Phật chiếu sáng, nhưng không dám nhận. Thí dụ khi nổi cơn giận, lúc đó tâm mình tối om, liền nhớ Phật dạy nhẫn nhục là trên hết, thì cơn giận liền giảm nhẹ một phần. Khi khởi lòng tham tài sắc, liền nhớ các pháp là vô thường, nay còn mai mất thì lòng tham nhẹ bớt, như thế là ánh sáng trí tuệ đã soi rọi làm tan biến vô minh. Cho nên những người tu hành xem kinh, nghe lời Phật dạy thì cũng có hào quang của Phật chiếu sáng, chứ không bỏ sót người nào.

388. Dứt bỏ các ác nghiệp gọi là Bà-la-môn, thường tu hành thanh tịnh thì gọi là Sa-môn. Người tự trừ bỏ cấu uế gọi là người xuất gia.

Người dứt bỏ các ác nghiệp thì gọi là Bà-la-môn. Người thường tu hành thanh tịnh thì gọi là Sa-môn. Khi tâm khởi tham sân, ngã mạn, ưa thích ngũ dục đó là cấu uế, nếu trừ bỏ cấu uế thì gọi là người xuất gia. Vì xuất gia là ra khỏi nhà thế tục, ra khỏi nhà phiền não, tâm hoàn toàn thanh tịnh, mới ra khỏi nhà tam giới, chứ không phải bỏ nhà thế tục mà vô chùa gọi là người xuất gia.

389. Chớ nên đánh đập Bà-la-môn, Bà-la-môn chớ nên sân hận, người đánh đập mang điều đáng hổ, người sân hận lại càng đáng hổ hơn.

Người không biết tội lỗi đánh đập bậc tu hành, đó là điều đáng hổ thẹn vì ăn hiếp người tu hiền. Ngược lại mình là người tu, bị người đánh mà nổi giận thì càng xấu hổ hơn. Cho nên người xuất gia dù bị chửi đánh

cũng không nên giận, nếu giận thì thật là hổ thẹn hơn người mắng chửi mình, vì mình là người biết tu còn họ thì không biết tu.

390. Bà-la-môn, đây không phải là điều ích nhỏ, nếu biết vui mừng chế phục tâm mình. Tùy lúc đoạn trừ tâm độc hại, thì thống khổ được ngăn chặn liền.

391. Không đem thân, ngữ, ý ra làm các điều ác, chế ngăn được ba chỗ đó, ta gọi là Bà-la-môn.

Người tu chân chánh thì có những điều lợi ích rất lớn. Muốn được như vậy thì phải biết chế phục những điều xấu dở trong tâm. Tùy thời mà đoạn trừ tất cả tâm độc hại, thì bao nhiêu sự thống khổ theo đó mà hết.

Cho nên đức Phật dạy không dùng hành động, lời nói và ý nghĩ của mình mà làm các điều ác, thì gọi người đó là Bà-la-môn.

392. Bất luận nơi đâu được nghe đáng Chánh đẳng giác thuyết pháp, hãy nên hết lòng cung kính như Bà-la-môn kính thờ thần lửa.

Thuở xưa người theo đạo Bà-la-môn chuyên thờ thần lửa, vì họ cho vị thần này là tối cao. Ở đây nói dù bất cứ nơi nào được nghe đức Phật thuyết pháp phải hết lòng cung kính, như Bà-la-môn kính thờ thần lửa. Vì tôn trọng bậc Chánh đẳng giác thuyết pháp thì dễ đi tới chỗ giác ngộ.

393. Chẳng phải vì búi tóc, chẳng phải vì chủng tộc, cũng chẳng phải tại nơi sanh mà gọi là

Bà-la-môn. Nhưng ai hiểu biết chân thật, thông đạt chánh pháp, đó mới là Bà-la-môn hạnh phúc.

Không vì búi tóc trên đầu hay chủng tộc, chẳng phải tại nơi sanh mà tự cho mình là Bà-la-môn. Người thấu suốt lý Tứ đế, hiểu rõ chánh pháp, đó mới thật là Bà-la-môn thanh tịnh hạnh phúc.

394. Người ngu, búi tóc và chuyên mặc áo da nai đâu có ích chi? Trong lòng còn chứa đầy tham dục thì dung nghi bên ngoài chỉ là trang điểm suông.

Những người Bà-la-môn đi đâu thì mặc áo da nai, búi tóc, cho đó là hãnh diện lắm. Ta là dòng Bà-la-môn cao hơn thiên hạ, như vậy không có ích gì. Đối với đức Phật trừ diệt được lòng tham dục mới có ích lợi, chứ còn trang điểm dung nghi bên ngoài, chỉ là việc suông thôi. Cũng vậy không phải cạo đầu, mặc áo nhuộm mà gọi là thầy tu, nếu trong lòng còn tham sân si thì cái đầu và chiếc áo không làm nên người tu.

Cho nên người thật tâm tu hành là phải đoạn trừ những xấu xa ô nhiễm trong lòng, nuôi dưỡng những điều tốt đẹp mới là người tu chân chánh, còn hình thức bên ngoài không đáng kể. Nếu nhìn hình thức bên ngoài cho là người tu thật coi chừng lắm, biết đâu có kẻ trá hình thì sao!

395. Ai mặc áo phấn tảo, gây óm lộ gân xương, ở rừng sâu tu thiền định, đó gọi là Bà-la-môn.

Khi Phật còn tại thế các Tỳ-kheo tu khổ hạnh thường mặc áo phấn tảo. Các ngài không nhận vải mới

của thí chủ cúng dường, mà đi lượm giẻ rách về giặt thật sạch, kết lại thành áo, gọi là áo phẩn tảo.

Bây giờ có nhiều người bắt chước, lựa từng miếng vải thật tốt kết lại thành y nhưng không đúng. Áo phẩn tảo là lượm từng miếng giẻ rách để kết lại, chứ không phải lựa từng miếng vải mới. Các vị ở trong rừng chuyên tu thiền định, do ăn uống thiếu thốn nên gây ốm lộ gân xương, người đó đức Phật gọi là Bà-la-môn, là người tu hành chân chánh.

396. Gọi là Bà-la-môn, không phải từ bụng mẹ sanh ra. Nếu cứ chấp chặt các phiền não thì chỉ được gọi là “Bồ” sông. Người nào lìa hết chấp trước, đó gọi là Bà-la-môn.

Ở Ấn Độ người sanh trong dòng Bà-la-môn, họ cho là sang quý thanh tịnh. Nhưng ở đây đức Phật nói nếu còn chấp chặt các phiền não thì chỉ gọi là Bồ sông, là tiếng tôn xưng nhau trong khi nói chuyện. Khi nào chúng ta lìa tất cả chấp trước thì mới gọi là Bà-la-môn. Nói một cách khác, người nào chấp dòng dõi là sang quý thanh tịnh, đó chỉ là tên sông chứ chưa có thực chất, nếu muốn có thực chất thì phải lìa tất cả những tâm niệm xấu xa chấp trước, mới gọi là Bà-la-môn hay người tu chân chánh.

397. Ai đoạn hết kiết sử, người đó thật không còn sợ hãi, không bị đắm trước, xa lìa ràng buộc, đó gọi là Bà-la-môn.

Kiết sử nghĩa là cột trói và sai sử. Gồm có tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... Nếu người nào đoạn hết

kiết sử thì không còn sợ hãi chi, không bị đăm trước ràng buộc, người được như vậy mới gọi là Bà-la-môn.

398. Như ngựa bỏ đai da, bỏ cương, bỏ dây và đồ sở thuộc, người giác trí bỏ tất cả chướng ngại, đó gọi là Bà-la-môn.

Câu pháp cú này Phật dùng những đồ khớp ngựa mà thí dụ. Đai da dụ lòng sân nhuế. Cương, dụ cho ái dục. Dây dụ sáu mươi hai tà kiến. Đồ sở thuộc dụ những tập khí tiềm tàng, xưa dịch là Tùy miên, có bảy thứ: dục, tham, sân, mạn, ác kiến, nghi, vô minh. Chướng ngại dụ vô minh.

Người đoạn trừ lòng sân nhuế ái dục, bỏ sáu mươi hai tà kiến, đoạn trừ những tập khí ngủ ngầm trong tâm như dục, tham, sân, mạn, ác kiến, nghi. Trừ bỏ tất cả những chướng ngại, đó gọi là Bà-la-môn.

399. Nhẫn nhục khi bị đánh mắng, không sinh lòng sân hận. Người có đội quân nhẫn nhục hùng cường, đó gọi là Bà-la-môn.

Chúng ta tu hành đừng gây phiền não cho người khác, nếu gây phiền não cho người thì lòng mình cũng sanh phiền não. Khi bị người mắng chửi nếu mình không nhẫn được thì giận họ, rồi họ thù ghét mình, như vậy cả hai đều đau khổ, nếu nhẫn được thì cả hai đều hết phiền não hận thù. Vì vậy ở đây nói nhẫn nhục là một đội quân hùng cường nhất trong khi tu hành. Người có đội quân nhẫn nhục hùng cường Phật gọi là Bà-la-môn.

400. Người đầy đủ đức hạnh không nóng giận, trì giới thanh tịnh không dục nhiễm, chế ngự và đạt được thân cuối cùng, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Đức Phật dạy người tu hành giải thoát phải đầy đủ đức hạnh, không nóng giận là đầy đủ nhẫn nhục, giữ giới trong sạch không ô nhiễm dục lạc thế gian, chế phục được tâm, khi bỏ thân này không còn bị sanh trở lại, hoàn toàn được giải thoát. Người như thế đức Phật gọi là Bà-la-môn hay là A-la-hán.

401. Người không đắm nhiễm ái dục như giọt nước lá sen, như hạt cải đặt đầu mũi kim, ta gọi là Bà-la-môn.

Phật nói người nào không nhiễm đắm những điều ái dục, chẳng khác nào như nước đổ lá sen hay lá môn, rơi bao nhiêu đều chảy hết không dính ướt, hoặc như hạt cải đặt ở đầu mũi kim. Người được như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

402. Nếu ngay tại thế gian này, ai tự giác ngộ và diệt trừ đau khổ, trút bỏ gánh nặng mà giải thoát, ta gọi là Bà-la-môn.

Người chưa biết tu khi đau thì lăn lộn rên la inh ỏi, còn người biết tu thì ráng chịu không rên la. Như vậy do biết tu mà bớt một phần đau khổ, chứ không phải không đau, không chết. Người tu vẫn bị bệnh tật như thường, đó là trả cái quả dư thừa của đời quá khứ. Cho nên người giác ngộ phải dứt trừ những mầm đau khổ, là không gây đau khổ cho người và vật, chứ không phải

dứt cái quả đau khổ, nếu đã lỡ tạo nhân xấu thì phải trả quả cho hết.

Vì vậy ở đây đức Phật nói, người nào tự giác ngộ và diệt trừ đau khổ, trút bỏ gánh nặng mà giải thoát. Người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

403. Người có trí tuệ sâu xa, biết rõ thế nào là đạo, phi đạo và chứng đến cảnh giới vô thượng, đó gọi là Bà-la-môn.

Chữ đạo là chỉ những điều chân chánh, phi đạo là chỉ những điều tà quấy. Người có trí tuệ sâu xa vượt hơn người thường, biết phân biệt thế nào là chân chánh, thế nào là tà quấy, chứng được cảnh giới vô thượng, đức Phật gọi người đó là Bà-la-môn.

404. Chẳng lẫn lộn với tục luân, chẳng tạp xen với Tăng lữ, xuất gia lìa ái dục, đó gọi là Bà-la-môn.

Người xuất gia không nên ở lẫn lộn với người thế tục, mà phải ở trong tăng chúng, lúc nào cũng là một vị tăng tu hành chân chánh, không phạm trai phá giới cho nên gọi là chẳng tạp xen với Tăng lữ. Người xuất gia bỏ nhà đi tu xa lìa tất cả ái dục, Phật gọi là Bà-la-môn.

405. Bỏ hết đao trượng, không tự mình giết, không bảo người khác giết đối với tất cả hữu tình mạnh yếu, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Người tu hành chân chánh không sát hại từ con người cho đến con vật, như trâu, bò, heo, dê, loài nhỏ như bồ cào, châu chấu, con giun, con dế; đức Phật gọi là Bà-la-môn hay là người tu chân thật.

406. Ở giữa đám người cừu địch mà gây tình hữu nghị, ở giữa đám người hung hăng cầm gậy mà giữ khí ôn hòa, ở giữa đám người chấp đắm mà không chấp đắm. Người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Ở giữa những người thù oán luôn gây tình hữu nghị để thương mến nhau là điều rất quý. Người cầm gậy muốn hành hung mà mình không sợ cũng không giận, giữ vẻ mặt bình tĩnh ôn hòa, được như vậy mới xứng đáng là người tu. Hơn nữa khi gặp những người đang thù hận nhau mà chúng ta hòa giải được, đó là đem an vui đến cho chúng sanh, như vậy mới thật là người tu hành chân chánh và có bản lĩnh. Ở giữa những người mê chấp mình không mê chấp, được như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

407. Từ lòng tham dục, sân nhuế, kiêu mạn, cho đến lòng hư ngụy, đều thoát bỏ như hạt cải không dính đầu mũi kim. Người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Đức Phật dạy không còn dính mắc tham, sân, kiêu mạn và dối trá, như hạt cải không dính đầu mũi kim. Người được như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

408. Chỉ nói lời chân thật hữu ích, không nói lời thô ác, không xúc phạm đến người, đó gọi là Bà-la-môn.

Luôn nói lời chân thật và có ích cho mọi người, không bao giờ nói lời thô ác xúc phạm người khác. Người như thế đức Phật gọi là Bà-la-môn.

409. Đối với vật gì xấu hay tốt, dài hay ngắn, thô hay tế, mà người ta không cho thì không bao giờ lấy, đó gọi là Bà-la-môn.

Đức Phật dạy bất cứ những món gì dù tốt xấu dài ngắn lớn nhỏ, nếu người không cho thì không bao giờ lấy, đó là giữ giới không trộm cắp. Như thế là người tu chân chánh, xứng đáng gọi là Bà-la-môn.

410. Đối với đời này cũng như đời khác, không móng lòng dục vọng, vô dục nên giải thoát, đó gọi là Bà-la-môn.

Dù ở đời này hay ở đời khác, người không có lòng dục vọng thì hoàn toàn giải thoát, được như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

411. Người không còn tham dục, liễu ngộ không nghi hoặc, chứng đến bậc Vô sanh, đó gọi là Bà-la-môn.

Người không còn tham đắm ngũ dục, liễu ngộ không nghi ngờ, người được như vậy thì chứng quả vô sanh, là không còn tái sanh trên thế gian này nữa, đó gọi là Bà-la-môn.

412. Nếu ở thế gian này, không chấp trước thiện và ác, thanh tịnh không ưu lo, đó gọi là Bà-la-môn.

Ở thế gian này mà không chấp trước thiện ác tốt xấu, tâm luôn luôn trong sạch thanh tịnh, không còn lo lắng phiền não, đó gọi là Bà-la-môn.

413. Ái dục làm cho tái sanh đã được đoạn tận, như trăng trong không bọt, đứng lặng mà sáng ngời, đó gọi là Bà-la-môn.

Đêm rằm trời trong, nhìn thấy mặt trăng sáng ngời không một tí mây che. Cũng vậy người dứt được lòng ái dục, đoạn tận sự tái sanh, tâm trong sạch sáng suốt, như trăng không gợn mây, đó gọi là Bà-la-môn.

414. Vượt khỏi con đường gồ ghề lầy lội, ra khỏi biển luân hồi ngu si mà lên đến bờ kia, an trú trong thiền định, không dục không nghi hoặc, không chấp đắm chứng Niết-bàn tịch tĩnh, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Vượt khỏi tất cả phiền não, ra khỏi biển luân hồi ngu si sanh tử mà đến bờ Niết-bàn. Tâm luôn luôn an trú trong thiền định, không tham dục không nghi ngờ pháp tu, tuy chứng Niết-bàn mà không chấp rằng mình chứng Niết-bàn. Người như thế Phật gọi là Bà-la-môn.

415. Xả bỏ dục lạc ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa-môn không nhà, không cho dục lạc phát sinh lại, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

416. Xả bỏ ái dục ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa-môn không nhà, không cho ái dục phát sinh trở lại, người như thế ta gọi là Bà-la-môn.

Ngay tại đời này xả bỏ hết ngũ dục lạc thế gian và xả bỏ ái dục, xuất gia làm người tu hành. Người như vậy đức Phật gọi là Bà-la-môn.

417. Rời khỏi trói buộc của nhân gian, vượt khỏi trói buộc ở thiên thượng, hết thấy trói buộc đều là sạch, đó gọi là Bà-la-môn.

Một số người thấy thế giới mình đang ở có nhiều đau khổ vì bệnh tật, phiền não, thiếu thốn v.v... ở cõi trời thì sung sướng, muốn gì được nấy nên khởi lòng tham, lo tu riết để đời sau sanh lên đó hưởng sự sung sướng, như thế tu mà còn bị trói buộc ở cõi thiên thượng. Vì không hưởng được dục lạc thế gian thành ra muốn về cõi trời để hưởng. Tu như vậy là còn muốn bỏ khổ để cầu vui ngũ dục, chứ không phải tu để giải thoát, người đó chưa phải là cao siêu. Cho nên đức Phật dạy phải rời khỏi sự trói buộc của nhân gian, rời khỏi sự trói buộc của thiên thượng, tất cả những trói buộc đều phải tránh xa, như vậy mới gọi là Bà-la-môn.

418. Xả bỏ điều ưa ghét, thanh lương không phiền não, dũng mãnh hơn thế gian, đó gọi là Bà-la-môn.

Những điều đáng ưa và không đáng ưa đều không dính mắc, tâm luôn mát mẻ không phiền não và dũng mãnh hơn người thường, vượt khỏi vòng sanh tử, đó gọi là Bà-la-môn.

419. Nếu biết tất cả loài hữu tình tử thế nào, sinh thế nào, không chấp trước, khéo vượt qua như Phật, đó gọi là Bà-la-môn.

Người biết được các loài hữu tình, chết rồi sanh ở đâu. Biết rõ nghiệp báo của họ một cách rành rẽ. Không chấp trước, khéo vượt qua dòng luân hồi sanh tử như đức Phật, đó gọi là Bà-la-môn.

420. Dù chư thiên, càn-thát-bà hay nhân loại, không ai biết được nơi chốn của vị A-la-hán đã dứt sạch phiền não, vị ấy ta gọi là Bà-la-môn.

Dù chư thiên, càn-thát-bà hay bất cứ người nào cũng không biết chỗ nơi của các vị A-la-hán. Vì các ngài đã dứt sạch phiền não, chứng vô sanh nên người không thấy không biết được. Người như thế Phật gọi là Bà-la-môn.

421. *Quá khứ, vị lai hay hiện tại, người kia chẳng có một vật chi, người không chấp thủ một vật chi ấy, đó gọi là Bà-la-môn.*

Người già không còn hoạt động nổi thì thường sống với quá khứ, ngồi đây mà không biết ngồi đây, cứ nhớ lại thời trẻ trung, mình ngang dọc tài ba hùng dũng thế nào, rồi kể lại cho con cháu nghe, hiện tại lơ đi. Người trẻ thì hướng tới tương lai, ít bữa giờ lịch coi hết năm chưa, trông sang năm lên lớp hay thi cử đỗ đạt, bởi vậy tâm không bao giờ yên vì không biết sống trong hiện tại. Cũng vậy người tu khi ngồi yên sẽ thấy tâm mình dao động, bởi nghĩ về quá khứ, nhớ hồi sớm mai ai nói câu gì xúc phạm tới mình mà buồn không được, hoặc nhớ chuyện năm trên năm dưới, hay dự định ít tháng nữa cất nhà, đi du lịch v.v... rồi tâm loạn không yên, vì không biết sống trong hiện tại.

Phật dạy nếu không dính mắc ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai thì tâm rộng rang tự tại, không chấp đắm một vật chi, đó gọi là Bà-la-môn hay người tu giải thoát.

422. *Hạng người dũng mãnh, tôn quý như trâu chúa, hạng người thắng lợi vô dục như đại tiên, hạng người tắm xong sạch sẽ và giác tỉnh, hạng người như thế ta gọi là Bà-la-môn.*

Thuở xưa dân Ấn Độ ví người dũng mãnh tôn quý là trâu chúa. Miền quê Việt Nam gọi là con trâu cổ, là chỉ mấy con trâu mạnh mẽ nhất. Người không có lòng mê đắm ngũ dục lạc, chiết phục được ma quân phiền não của mình, đó là bậc đại tiên. Dân chúng Ấn Độ tin rằng nước sông Hằng có thể rửa sạch tội lỗi, nên nói người tắm xong sạch sẽ và giác tỉnh, để chỉ cho hạng người trong tâm không còn cấu nhiễm, mà có trí tỉnh giác, Phật gọi là Bà-la-môn.

423. Vị Mâu-ni (thanh tịnh) hay biết đời trước, thấy cả cõi thiên và các cõi khổ (ác thú), đã trừ diệt sự tái sinh, thiện nghiệp hoàn toàn, thành bậc vô thượng trí; người viên mãn thành tựu mọi điều như thế, ta gọi là Bà-la-môn.

Mâu-ni là tiếng Phạn, Hán dịch là tịch tịnh. Vị Mâu-ni biết ở cõi trời sung sướng thế nào, cõi địa ngục súc sanh đau khổ ra sao, biết rõ ràng và dứt được sự tái sinh trong sáu cõi, đầy đủ tất cả nghiệp lành, thành bậc Vô thượng trí. Người giác ngộ viên mãn như thế, ta gọi là Bà-la-môn hay cũng gọi là Phật. Bà-la-môn hay Phật đều chỉ cho người giác ngộ giải thoát hoàn toàn.



KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Đạo Phật là đạo giác ngộ, toàn bộ giáo lý của Phật dạy đều nhằm đánh thức con người sớm được giác ngộ. Mê lầm là cội nguồn đau khổ, chỉ có giác ngộ mới cứu được mọi khổ đau của chúng sanh. Để cứu khổ chúng sanh, ngài An Thế Cao người nước An Tức sang Trung Hoa vào đời Hán Hoàn Đế ở kinh đô Lạc Dương, trước tiên trích dịch Tám điều giác ngộ biên thành quyển kinh Bát Đại Nhân Giác này.

Chỉ cần Tám điều giác ngộ ở đây, người Phật tử khéo ứng dụng tu hành sẽ tan biến hết mọi khổ đau và lần bước tiến lên cấp bậc Bồ-tát cho đến Phật quả. Hiệu dụng của tám điều giác ngộ quả thật không thể nghĩ bàn, nếu ai thực tập thực tu sẽ nhận được kết quả không nghi ngờ. Hàng Phật tử chúng ta chớ thấy quyển kinh mỏng mà xem thường, phải nghiền ngẫm cho tận tường, phải tu tập cho thuần thực sẽ đạt được bản nguyện thoát ly sanh tử.

Vì thấy tính cách tuy đơn giản nhưng quan trọng của quyển kinh, nên chúng tôi đem ra giảng cho tăng ni và Phật tử trước nhất. Đồng thời muốn tăng ni nhớ mãi, chúng tôi dịch thành văn vần để học mau thuộc.

Hiện nay các thiền sinh hợp tác ghi chép lại lời giảng của tôi để phổ biến cho những bạn đồng tu được cơ hội đọc lại quyển kinh này. Để tỏ lòng tùy hỷ, tôi xin ghi ít dòng ở đầu sách.

Thiền viện Thường Chiếu 27-08-1997

THÍCH THANH TỪ

MỞ ĐẦU

Theo chương trình học ba năm thì kinh Bát Đại Nhân Giác được dạy đầu chương trình. Tôi sẽ giảng ngay bản kinh chữ Hán, do ngài An Thế Cao trích dịch, để cho quý vị mới học Phật dễ nhận ra yếu chỉ tu hành.

Bát: là tám.

Đại nhân: là người lớn. Người lớn mà Phật muốn nói ở đây là người giác ngộ thấy rõ các pháp đúng như thật, không còn mê lầm các pháp. Theo đạo Phật, người chưa biết tu gọi là phàm phu. Người nghe lời Phật dạy, phát tâm tu chứng từ Sơ quả Tu-đà-hoàn, đến Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, thì gọi là Thanh văn. Còn người phát tâm tu Lục độ vạn hạnh chứng từ Thập tín... lên Sơ địa tiến dần đến Thập địa, gọi là Bồ-tát. Và khi công hạnh tự giác giác tha của Bồ-tát đã viên mãn thì thành Phật.

Như vậy, hàng Bồ-tát, Phật gọi là đại nhân.

Giác: là biết, là trí tuệ tối thượng do tu chứng mà thành, thấy biết đúng lẽ thật, chứ không phải cái biết thiên cận sai lầm của người thế gian.

Bát Đại Nhân Giác là *Tám điều giác ngộ* của Phật và Bồ-tát.

Kinh: những lời giảng dạy của Phật, được kết tập lại thành bộ gọi là kinh. Lời Phật dạy vừa phù hợp với chân lý, vừa thích hợp với căn cơ tâm lượng của chúng sanh, trải qua ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều đúng. Kinh Phật nói cốt để giáo hóa chúng sanh khiến cho chúng sanh nghe hiểu tin nhận tu hành, để thấy rõ lẽ thật và được giải thoát.

Kinh Bát Đại Nhân Giác do ngài An Thế Cao dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán, vào thời Hậu Hán đời vua Hán Hoàn Đế, niên hiệu Kiến Hòa năm thứ 2 (148 Tây lịch). Ngài là Thái tử nước An Tức (Parthia), nay một phần thuộc Ba-tư (Persia) một phần thuộc A-phú-hãn (Afghanistan). Lúc bấy giờ Phật pháp từ Ấn Độ truyền sang An Tức rất thịnh hành, ngài xuất gia tu học, thông suốt kinh luận. Sau ngài đem Phật pháp truyền vào Trung Quốc và dịch kinh này từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Thông lệ các kinh mở đầu đều có lục chủng chứng tín của ngài A-nan khi kết tập: *Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, Phật ở tại...* Nhưng mở đầu kinh Bát Đại Nhân Giác không có phần này là tại sao? Vì lúc bấy giờ Phật pháp mới truyền vào Trung Quốc, người học Phật chưa thâm nhập giáo lý nhiều, nếu để trọn bộ kinh dày cho họ đọc, e không kham đọc nổi, nên ngài phương tiện

rút từng phần tinh yếu của Phật pháp trong nhiều bộ kinh mà dịch, phân ra thứ nhất, thứ hai, thứ ba... đến thứ tám, tập thành *Kinh Bát Đại Nhân Giác*, để cho người mới phát tâm tu học dễ nắm được những điểm cần yếu trong Phật pháp, rồi sau mới học tiếp những phần khác sâu rộng hơn. Vì lý do đó mà kinh Bát Đại Nhân Giác không có lục chủng chứng tín của ngài A-nan khi kết tập.



KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC GIẢNG GIẢI

Âm:

**Vi Phật đệ tử,
Thường ư trú dạ,
Chí tâm tụng niệm,
Bát Đại Nhân Giác.**

Dịch:

***Chúng ta đã là hàng Phật tử,
Đêm lẫn ngày hằng giữ thọ trì.
Chí thành tụng niệm nhớ ghi,
Tám điều giác ngộ của vì Đại nhân.***

Giảng:

Ngài An Thế Cao dạy: Nếu chúng ta đã là đệ tử Phật thì phải trì tụng nhớ nghĩ tám điều giác ngộ

mà Phật và Bồ-tát đã dạy đã làm, để bắt chước tu theo và sau đó chúng ta cũng sẽ được giác ngộ thành Bồ-tát, thành Phật như các ngài.

Âm:

Đệ nhất giác ngộ:

Thế gian vô thường,

Quốc độ nguy thúy.

Tứ đại khổ không,

Ngũ ấm vô ngã.

Sanh diệt biến dị,

Hư vọng vô chủ.

Tâm thị ác nguyên,

Hình vi tội tấu.

Như thị quán sát,

Tiệm ly sanh tử.

Dịch:

Điều thứ nhất phải thường giác ngộ:

Đời vô thường quốc độ bỏ giòn.

Khổ không tứ đại thon von,

Năm ấm vô ngã có còn chi đâu.

Đổi dời sanh diệt chẳng lâu,

Giả dối không chủ lý mâu khó tin.

Tâm là nguồn ác xuất sanh,

Thân hình rùng tội mà mình chẳng hay.

*Người nào quán sát thế này,
Lần hồi sanh tử sớm chầy thoát ra.*

Giảng:

Đệ nhất giác ngộ

Đức Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn, lời dạy của ngài là những phương pháp hướng dẫn cho mọi người tu, chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, chuyển mê thành giác. Hiện tại chúng ta tự nhận mình là Phật tử học pháp của Phật, đi con đường Phật đã đi, người thì mới học Phật, người thì học đã lâu, vậy có ai được phần nào giác ngộ chưa? Tại sao chúng ta học pháp Phật, tu theo Phật, mà Phật đã giác ngộ chúng ta lại chưa giác ngộ?

Tuy nói thế, song nếu nghiệm xét lại thì quý vị sẽ thấy mình có ít phần giác ngộ. Tôi tin chắc như vậy. Vì có học có tu theo Phật là có giác ngộ. Giác nhiều hay ít là tùy theo sự tu tỉnh của mình sâu hay cạn, điều này mỗi người tự biết.

Có nhiều người thường nghe nói chúng sanh thì mê, Phật thì giác, mà không hiểu thế nào là mê và mê cái gì? Thế nào là giác và giác cái gì? Nếu chúng ta là Phật tử, mà không biết thế nào là mê và mê cái gì, thế nào là giác và giác cái gì, thì tu suốt kiếp cũng không biết mình tu tới đâu. Nếu hiểu thế nào là mê thì biết thế nào là giác. Nói mê nói giác là nói theo danh từ nhà Phật, nói theo thế gian thì gọi là lầm.

Thí dụ người thế gian mua đồ trang sức như bông tai, cà rá làm bằng thau mạ vàng mà không biết,

nên trả giá ngang với vàng thật thì gọi đó là mua lầm, đồ giả tưởng là đồ thật. Khi biết là đồ giả thì hết lầm, hết lầm là hết mê.

Thêm một thí dụ nữa: Người đi đến nhà quen mà quên số nhà, hoặc quên đường nên đi lộn, không tìm được nhà mà họ muốn đến. Khi có người chỉ đúng đường đi và số nhà chính xác, thì người ấy không còn lầm lẫn nữa. Giống như người hết mê là đã tỉnh. Cũng vậy, cái giả cho là thật, đạo Phật gọi là mê, cái giả biết là giả thì gọi là giác. Mê và giác không xa. Vậy, quý Phật tử học tu theo Phật có biết cái gì là giả, cái gì là thật chưa?

Thế gian vô thường,

Quốc độ nguy thúy.

Từ lâu, chúng ta mê lầm là mê lầm cái gì? Tất cả mọi người ai cũng thấy thân này là bền chắc, mọi cảnh vật, mọi sinh hoạt hằng ngày là thật. Rồi định ninh mình sẽ sống đến bảy tám mươi tuổi, hoặc một trăm tuổi... Vì vậy mà mãi mê lo làm ăn, lo dành dụm tiền của để được giàu có. Lo cho sự nghiệp thế gian nhiều chừng nào là tốt chừng nấy, có của nhiều để hưởng cả đời và để lại cho con cháu được đầy đủ hơn người. Ai ai cũng đều có ý nghĩ đó, nhưng có mấy ai muốn mà được như ý? Vì vậy nên điều giác ngộ thứ nhất Phật nói: *Thế gian là vô thường*, cõi đời mà chúng ta đang sống đây không lâu bền, có đó rồi mất đó. Thí dụ quả núi đang đứng sừng sững bị người bắn phá, dời đá đi nơi khác, núi trở thành đất bằng. Mới ngày nào sông sâu nước chảy xiết, giờ đây đã được lấp đầy phù sa. Trước kia chỗ này là dinh thự

phố lầu nguy nga, nay chỉ còn là đồng gạch vụn điêu tàn hoang sơ. Xưa, chỗ kia đồng không hoang vắng, nay trở thành đô thị chợ búa lâu đài phồn thịnh sung túc, xe cộ dập dìu. Nhà kia xưa giàu có bây giờ nghèo khổ cơ cực. Gia đình nọ, cha con, chồng vợ sum vầy, giờ đây đã chia ly xa cách, hoặc chết mất đi mấy người v.v... Đó là cảnh vật vô thường biến đổi.

Thế mà bấy lâu nay đa số chúng ta vẫn có ý niệm thế gian mãi mãi thường còn. Đó là ý niệm sai lầm của kẻ mê. Nếu người nào thấy được sự vật ở cõi đời này, nay còn mai mất, có đó rồi mất đó, người thấy như thế là người tỉnh, người giác. Thế tại sao chúng ta không dám nhận mình có tỉnh có giác? Phật giác ngộ hoàn toàn, chúng ta nhờ có học có tu theo lời Phật dạy, chúng ta cũng giác được đôi phần, tuy giác chút chút cũng là có giác.

Nhưng có người nghe Phật nói thế gian vô thường, cũng hiểu và thấy thế gian vô thường, rồi tưởng mình đã hiểu thấu suốt lý vô thường. Nhưng khi gặp việc làm ăn có lợi, lại toan tính hơn thua, lo để dành của tiền sự nghiệp từ đời này qua đời nọ... Người đó tôi nói vẫn còn thấy thế gian là thường. Tuy có giác, nhưng chỉ giác một chút rồi mê. Giác độ vài mươi phút hoặc một giờ thôi, giác như thế là giác gián đoạn, giác từng phần. Phật và Bồ-tát thì hằng giác, giờ nào phút nào các ngài cũng thấy biết như thế. Chúng ta thì lúc giác lúc mê; nếu gặp cảnh trái ý nghịch lòng, buồn khổ tang thương thì thấy đời là vô thường; khi gặp cảnh vừa lòng ưa thích thì quên đi, thấy là thường. Như vậy là giác gián đoạn, lúc giác lúc mê.

Nếu muốn được giác liên tục thì phải làm sao? Đây là ước nguyện của người muốn tu tiến, muốn được giác ngộ hoàn toàn như Bồ-tát, như Phật. Thí dụ quý vị nghe một bài thơ, một câu ca dao thấy hay, nhưng nghe qua một lần thì không nhớ, nếu nghe liền ghi chép đọc đi đọc lại nhiều lần, huân tập thì sẽ thâm nhập, muốn đọc liền nhớ, không quên, không ngập ngừng.

Cũng vậy, lâu nay chúng ta huân tập việc thế gian. Cha mẹ, anh em, gia tộc v.v... dạy mình cuộc đời là thường, nên rồi ai cũng tranh danh đoạt lợi, lo cho ta, cho gia đình, cho bà con quyến thuộc, ham làm giàu, ham sung sướng, cái gì cũng tính lâu dài cả trăm năm cả ngàn năm. Nay nghe Phật nói *thế gian là vô thường*, chúng ta nghiệm xét lại để thấy rõ cuộc đời là vô thường, Phật nói rất đúng! Tuy biết Phật nói đúng, nhưng nếu nghe qua rồi bỏ, thì chúng ta chỉ giác một chút thôi. Nếu chúng ta thường nhớ, thường quán xét lời Phật dạy, thấy rõ thế gian là vô thường, từ thân tâm con người cho tới hoàn cảnh đều là vô thường. Cứ như vậy mà quán xét huân tu thường xuyên, thì chúng ta càng ngày càng thấu đạt thâm sâu lý vô thường Phật dạy.

Lúc bấy giờ đối với thân tâm, cũng như cảnh vật bên ngoài, không còn lầm chấp, thấy rõ là vô thường, như thế mới thật là giác. Đó là do chúng ta thường xuyên huân tu, xông ướp tâm mình qua lời dạy sáng suốt của Phật, nên mới được sáng suốt giác ngộ, khi gặp cảnh vô thường tâm vẫn an nhiên tự tại. Như vậy không phải A-la-hán, Bồ-tát là gì? Còn nếu nói tu học theo Phật, Phật dạy vô thường mà Phật tử lại thấy là thường,

khi đối diện với cảnh vô thường vẫn cứ buồn khổ khóc than. Như vậy là chưa giác ngộ.

Sở dĩ chúng ta học đạo giác ngộ mà không giác, là vì chúng ta nghe qua rồi bỏ không chịu huân tu, không chịu quán xét nhận định rõ ràng, thì không thể tỉnh giác như Bồ-tát, như Phật được. Bồ-tát, Phật trước kia cũng là một con người như chúng ta, do thường xuyên quán xét huân tu nên các ngài thấy rõ các pháp là vô thường. Vì vậy mà đối với mọi cảnh thuận nghịch, các ngài vẫn an nhiên tự tại. Gặp danh, gặp lợi, gặp sắc, gặp tài v.v... các ngài đứng vững không nhiễm không động, vì biết nó là vô thường.

Lại có nhiều người học đạo, nghe giảng về lý *vô thường* khen thầy giảng hay. Song, nghe rồi trả tất cả cho thầy, riêng mình thì cứ lo tính chuyện thế gian, không bỏ sót một việc nào. Tính chuyện làm ăn sao cho có lợi nhiều, làm sao cho giàu, làm sao cho con mình học giỏi, ham muốn chuyện thế gian đủ điều nào danh nào lợi v.v... Rồi căn cứ trên ngày tháng xét thấy mình học Phật đã lâu, mà sao vẫn còn mê còn nhiễm và còn khổ.

Sở dĩ như vậy là do thiếu huân tu thiếu quán xét. Yếu tố tu hành là ở chỗ mình phải huân tu quán xét thường xuyên cho thuần thực như Bồ-tát, như Phật. Nếu thường xuyên quán xét huân tu thuần thực, thì làm gì có mê, có nhiễm, có khổ? Thế nên người học Phật biết tu, khi nghe một câu Phật pháp, liền ghi nhận, tu suốt đời. Còn người học Phật mà không biết tu, dù cho nghe hết ba tạng kinh, luật, luận, cũng không nhớ thực hành.

Nếu nghe hiểu nhớ và thực hành thì sẽ thấy lời Phật dạy rất thực tế, rất hữu ích, giúp người giải thoát mọi khổ đau.

Tôi xin hỏi Phật tử:

- Quý vị có thấy thế gian này là vô thường không?
- Thưa, thấy.
- Phật nói có đúng không?
- Thưa, đúng.
- Biết Phật nói đúng chúng ta phải làm sao?
- Thưa, phải theo.

Theo không chưa đủ, mà phải huân tu, tức là luôn luôn ghi nhớ và thực hành, thực hành cho đến khi nào nhìn sự vật có hình tướng đều thấy là vô thường, chừng đó mới thật sự giác ngộ. Khi đã thấu suốt lý vô thường, giả sử lỡ tay rớt món đồ đắt tiền, chúng ta không buồn tiếc. Hoặc nhà cửa, xe cộ bị hư bị mất, chúng ta thấy nó vô thường nên cũng không buồn không khổ. Cho đến việc thế gian hợp tan còn mất, và ngay cả thân mạng này có già có đau có chết, chúng ta cũng không còn khổ đau nữa. Đó là nhờ chúng ta học Phật và biết tu nên mới hết khổ. Vì vậy nên nói đạo Phật là đạo cứu khổ.

Từ lâu chúng ta mê lầm, mê mình mê vật, được thì mừng vui, mất thì buồn khổ. Song, người đời đâu có ai được hoài, đa số là mất nhiều hơn được. Quý Phật tử lớn tuổi xét lại sẽ thấy rõ điều này, nào mất cha mẹ, mất anh em, mất thân tộc, mất bạn bè, mất đủ thứ... rồi đây sẽ mất luôn mạng sống của mình nữa! Mọi sự đau khổ

cứ dồn dập! Người thân mất, ai mà không buồn, không rơi nước mắt? Chỉ khi nào thấu đạt được lý vô thường là một lẽ thật, chừng đó mới hết buồn hết khổ. Người thâm nhập được lý vô thường của Phật dạy, gặp thuận duyên hay nghịch cảnh, biết việc gì đến là phải đến, nên an nhiên bình thản đón nhận không loạn động bất an.

Người nay đi chùa cúng Bồ-tát, mai đi chùa cúng Phật, mà không chịu huân tu, khi gặp việc trái ý nghịch lòng thì buồn khổ khóc than, trách Phật, Bồ-tát từ bi cứu khổ, mà con khổ hoài sao các ngài không cứu! Người đi chùa học Phật như thế, chắc chắn không bao giờ được Phật cứu khổ. Phật biết chúng sanh tối tăm mê mờ, không thấy đúng lẽ thật, ngài mới chỉ bày cho thấy thế gian là vô thường, pháp nào là giả, pháp nào là thật, dạy cho chúng sanh huân tu để có cái nhìn như Phật như Bồ-tát.

Khi đã thấy biết các pháp đúng như thật là giác ngộ giải thoát mọi khổ đau. Đó là Phật đã cứu khổ cho chúng ta, cứu bằng cách dạy cho chúng ta thấy đúng lẽ thật. Vậy mà chúng ta không chịu hiểu, cứ đòi Phật cứu bằng cách này cách nọ, hoặc cho cái này cho cái kia, đòi hỏi những chuyện thật là vô lý!

Người học Phật uyên thâm đã thấm nhuần đạo đức, lúc nào cũng được bình an không còn buồn vui với những duyên thuận hay nghịch. Người thấy rõ thế gian vô thường, là thấy đúng theo tinh thần giác ngộ. Thấy như vậy từng phút từng giờ là giác ngộ từng phút từng giờ. Thấy như vậy hằng ngày hằng tuần là giác ngộ

hằng ngày hằng tuần. Nếu cứ thấy như vậy luôn luôn từ ngày này đến tháng kia năm nọ, thì không là bậc Chánh giác, Bồ-tát, cũng là Phật tử Phật tôn. Trái lại, học cũng học, tu cũng tu, nhưng đối duyên xúc cảnh buồn khổ vẫn buồn khổ, khóc than vẫn khóc than như khi chưa tu, người như thế chưa xứng danh Phật tử. Học mà không hành, tu mà không quán xét, việc buồn khổ xảy đến cầu Phật cứu, Phật làm sao cứu kịp!

Học Phật là học đạo giác ngộ, chúng ta đem lời Phật dạy áp dụng ngay vào đời sống hằng ngày, đó là chúng ta tu để được giác ngộ như Phật.

Tứ đại khổ không,

Ngũ ấm vô ngã.

Sanh diệt biến dị,

Hư vọng vô chủ.

Kiếp người khổ, không ngoài những cái khổ mà Phật đã nêu là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương yêu xa lìa khổ, thù oán gặp gỡ khổ, mong cầu không được khổ, năm ấm hưng thịnh khổ. Đã giác ngộ thế gian là vô thường thì khi già mình không thấy khổ, khi bệnh mình không thấy khổ... Như vậy, già đến biết người có trẻ ắt có già, bệnh đến biết có thân ắt có bệnh, nó đến mặc nó, không lo buồn sợ sệt.

Nhờ có tỉnh giác mà chúng ta tự cứu mình thoát bao nhiêu cái khổ trong cuộc sống hiện tại. Người Phật tử muốn được kết quả an vui tự tại, thì ngay khi học Phật, liền đem lời Phật dạy ứng dụng vào đời sống hằng ngày,

bằng cách quán xét, nhận thức, huân tu. Như vậy lâu ngày, đối trước cảnh khổ mà người không tu đau khổ thống thiết, chúng ta vẫn bình thản an nhiên không bị chi phối. Tu như vậy ngay trong hiện đời sẽ hết khổ, chứ không phải chờ về Cực Lạc mới hết khổ. Nguyên về Cực Lạc cho hết khổ mà không lo tu tỉnh, đó chỉ là nguyện suông thôi.

Lâu nay chúng ta cho thân người là thật, cái suy nghĩ cũng là thật. Do mê lầm chấp chặt như vậy, nên cứ lo gom góp của cải để cho mình và con cháu hưởng. Mình suy nghĩ cái gì cũng cho là đúng, bắt mọi người phải nghe theo làm theo... Ở trước chấp cảnh, tới đây thì chấp thân và tâm là thường là ngã. Vì chấp như thế nên Phật dạy thân người do bốn chất: đất, nước, gió, lửa giả hợp mà có. Song bốn chất này thường xung khắc nhau, đất ngăn ngại nước, nước xoi mòn đất, nước làm tắt lửa... Chúng xung khắc mà hợp nhau lại, nên thường sanh ra những hiện tượng bất hòa, như đau yếu bệnh hoạn, hoặc khi chúng không dung hợp nhau được nữa thì rã tan. Vì vậy nên nói thân tứ đại là khổ.

Phàm người thế gian cho là khổ khi bụng đói còn cào mà không được miếng ăn no dạ, nhưng khi được ăn no đủ thì hết khổ. Hoặc khi bị rét run mà không có áo da, mền nỉ, lò sưởi làm cho ấm đó là khổ, nhưng khi đủ tiện nghi sưởi ấm thì hết khổ. Hoặc bị tai nạn lạc loài bơ vơ nghèo thiếu đó là khổ, nhưng khi được người bảo bọc cho cơm ăn, áo mặc, nhà ở là hết khổ. Người thế gian thấy khổ khi đói, thấy vui khi no; thấy khổ khi rét buốt, thấy vui khi ấm áp; thấy khổ khi nghèo thiếu vật chất,

thấy vui khi vật chất sung mãn. Những cái khổ này là những cái khổ nhỏ ai cũng biết, còn nỗi khổ lớn mà người đời không thấy không biết, ở đây Phật muốn chỉ là cái khổ vô thường đang bức bách thân tâm con người.

Đứa bé sơ sanh vừa lọt lòng mẹ liền khóc oa oa, vì đang ở trong lòng mẹ êm ấm, ra khỏi lòng mẹ bị khí trời bức xúc có cảm giác đau rát... Chẳng những con khóc mà mẹ cũng đau đớn khi banh da xẻ thịt sanh ra đứa con, nên Phật nói sanh khổ. Qua bao tháng năm, đứa bé được cha mẹ nuôi dưỡng lớn khôn. Khi trưởng thành rồi thì dần dần già yếu, mất mờ, tai điếc, tóc bạc, răng long, chân mỏi, gối dùn, ăn uống không ngon, đi lại khó khăn v.v... Đến tuổi già thường đau yếu bệnh hoạn, nay bệnh này mai bệnh kia, thân thể nhọc nhằn đau nhức khó chịu. Khi đau chạy chữa thuốc thang, mà bệnh không giảm cứ tăng hoài thì sẽ chết. Song, trước khi chết thì tâm thần rối loạn lo sợ hãi kinh, không biết mình sẽ đi về đâu. Môi miệng lệch méo, tay chân co giật v.v... vô cùng khổ sở.

Lại, nơi thân này những chất cứng như da, thịt, gân, xương, tóc, răng... thuộc về đất. Những chất lỏng như máu, mủ, mồ hôi, nước mắt... thuộc về nước. Những vật có tính động như hơi thở vô, hơi thở ra thuộc về gió. Nhiệt độ như hơi ấm trong thân thuộc về lửa. Hiện tại khoa học phân tích thân người có vô số tế bào, song không ngoài bốn món đất, nước, gió, lửa.

Từ lâu chúng ta lầm tưởng thân này là ta thật, cứ chấp chặt như thế, nên ai động đến là phản ứng chống đối, hoặc tìm đủ mọi cách để bảo vệ, vun bồi cho nó được

thỏa mãn. Nhưng với trí tuệ Phật thấy rõ thân do đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành, nếu thiếu một trong bốn chất ấy thì thân này không tồn tại. Khi bốn chất còn chung hợp thì mạng sống còn. Song, phải ăn cơm, uống nước, hít thở không khí, vay mượn đất, nước, gió, lửa bên ngoài, để bồi bổ thay thế cho đất, nước, gió, lửa bên trong. Cả ngày, cả đời, sống bằng sự vay mượn tạm bợ như thế. Giờ phút nào còn vay mượn thì giờ phút đó còn mạng sống. Hết vay mượn thì mạng sống dừng, hơi thở trả về với gió; hơi ấm trả về với lửa; máu, nước miếng, nước mắt... trả về với nước; da, thịt, gân xương... hòa nhập với đất. Tất cả đều rã tan, chẳng còn gì gọi là thân mạng con người, là ta, nên nói là không.

Phàm sự vật có hình tướng, đều bị vô thường chi phối dần dần đến chỗ hoại diệt. Quý vị có ai thấy vật có hình tướng mà không hoại diệt không? Tất cả pháp hữu vi, từ người đến vạn vật đều trải qua bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không. Nên Phật nói thế gian vô thường, tứ đại khổ không, để cho chúng ta thấy rõ lẽ thật, không còn cố chấp thân tứ đại này là thật, không còn cố chấp cõi đời này là bền chắc trường tồn.

Quý Phật tử có ai không bị vô thường chi phối không? Từ quá khứ bao lớp người không thoát khỏi, đời hiện tại bao lớp người đang bị thiêu đốt, và đời vị lai bao lớp người cũng bị chi phối. Nếu chúng ta lúc nào cũng thấy biết rõ ràng như vậy, thì dù cho thân này có ra sao đi nữa cũng không lo buồn sợ hãi. Vì biết nó không hoại sớm thì cũng hoại muộn, nên bình thản đón nhận cái chết. Trái lại, Phật tử gặp cảnh vô thường đến, mà còn

khóc than kinh hoàng là do học mà chưa thấu suốt lời Phật dạy, hoặc học mà chưa huân tu, hay huân tu mà chưa thuần thục, còn chấp thân là ngã, nên mới khổ như thế.

Đến đây Phật nói *ngũ ấm vô ngã*. Trong kinh A-hàm, Phật dạy người chấp thân tứ đại là ta còn dễ phá trừ hơn người chấp linh hồn là ta. Đời này tin mình là chủ, khi chết rồi mình cũng trở lại làm chủ nữa. Chấp trong thân này có cái linh hồn còn hoài, đó là thần ngã; thần ngã là chủ của thân này không bao giờ thay đổi. Đó là chấp thường theo ngoại đạo. Mê chấp như vậy rất có hại, vì cho thần ngã luôn luôn duy nhất không đổi thay thì không chịu tu, mặc tình ăn chơi, tạo các nghiệp ác, rồi sẽ chịu quả báo khổ.

Phật phân tích cho thấy thân này có năm phần, gọi là năm ấm. Năm ấm luôn luôn phủ che Phật tánh có sẵn nơi mọi người.

1. *Sắc ấm*: là phần thể xác con người do bốn chất đất, nước, gió, lửa hợp thành.

2. *Thọ ấm*: là phần cảm giác khổ vui, gặp cảnh thuận thì thân tâm cảm thấy thoải mái, vui thích đắm trước; gặp cảnh nghịch thì thân tâm cảm thấy bức bối buồn bã sân hận. Khi vui thì nói tôi vui, khi buồn thì nói tôi buồn. Chấp cái vui cái buồn đó là tâm ta.

3. *Tưởng ấm*: là nhớ tưởng về chuyện quá khứ, mơ ước những chuyện tương lai, rồi chấp chặt cái nhớ tưởng đó là tâm ta.

4. *Hành ấm*: là sự nghĩ suy tính toán phát ra hành nghiệp, rồi chấp chặt cái suy nghĩ tính toán đó là tâm ta.

5. *Thức ám*: là sự phân biệt cái này tốt cái kia xấu, cái này hay cái kia dở v.v... rồi chấp cái phân biệt đó là tâm ta.

Như thế, chấp sắc là thân ta, chấp thọ là tâm ta, chấp tưởng là tâm ta, chấp hành là tâm ta, chấp thức là tâm ta. Chấp như vậy thì một người có năm cái ta. Một người mà có năm cái ta có hợp lý không? Sắc thân có đây rồi sẽ hoại diệt tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là pháp sanh diệt, chợt hiện chợt mất, không thường không thật, lại mê chấp là thường là thật là ta. Vì vậy mà bị nó kéo đi mãi trong vòng sanh tử không dừng.

Giờ đây nghe Phật nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức là cái không thật, không thường hằng, có đó rồi mất đó, là cái sanh diệt không thật là ta, là vô ngã. Thấy biết rõ như vậy là giác ngộ. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Phật dụ những cái sanh diệt có rồi mất là khách, vì nó đến rồi đi, nên không phải là chủ. Nếu là chủ thì không mất, lúc nào cũng hằng hữu. Thế mà chúng ta nhận cái chợt có chợt không đó là mình, tức là nhận khách làm chủ; do mê lầm như thế nên trầm luân sanh tử.

Chúng ta thấy rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là ta, nó là tạm bợ, có rồi mất, đó là chúng ta đã thấu suốt được lý vô ngã mà Phật đã dạy.

Tâm thị ác nguyên,

Hình vi tội tấu.

Như thị quán sát,

Tiêm ly sanh tử.

Phật lại dạy: Tâm người là nguồn ác, thân người là rừng tội lỗi. Quán sát như thế dần dần xa lìa sanh tử.

Tại sao Phật nói tâm người là nguồn ác, thân người là rừng tội lỗi? Thí dụ khi tâm mình khởi nghĩ một điều gì, thì cho điều mình nghĩ là đúng, là chân lý, nếu có ai cãi lại hay chống đối thì tức giận mắng chửi hay đánh đập... Tất cả mọi mầm mống đấu tranh đều từ tâm mà ra. Khi đã đấu tranh là có âm mưu có ác ý hãm hại người, để thỏa mãn ý muốn của mình, nên không ngần ngại gây khổ cho nhau.

Như vậy, tâm rõ là nguồn cội của tội ác. Còn thân khi muốn ăn một bữa ngon miệng thì phải mua gà vịt... về cắt cổ nhỏ lông để lấy thịt mà ăn. Muốn cho thân này được no ấm sung túc thì khi làm ăn với người mặc nhiên tranh giành lợi lộc về mình. Có người vì nuôi thân mà phải làm những nghề như giết heo, giết bò v.v... Hoặc vì quá mê mờ muốn có của để nuôi mạng sống, họ sẵn sàng giết người cướp của. Hoặc người có tham vọng chiếm đoạt quyền thế địa vị, mà bị người khác cản trở ngăn chặn thì không ngần ngại dùng những thủ đoạn độc ác như ám sát, bắt cóc, vu khống... Vì tham vọng cho bản ngã mà thân tạo vô số tội lỗi, nên nói thân là rừng tội.

Người khi thấy thân ngũ ấm là vô ngã, thì không còn chấp cái suy nghĩ của mình là đúng là chân lý, không còn thấy thân mình là quý là trọng, thì mọi sự hơn thua tranh chấp giữa mình với người, giữa nhóm này với nhóm khác không còn nữa, thế giới sẽ thái bình, nhân loại sẽ an lạc.

Người Phật tử thấy rõ tâm là nguồn tội ác, thì mỗi khi tâm khởi nghĩ những điều bất thiện hại mình hại người, hoặc lợi mình hại người liền dừng ngay, không phát ra lời nói việc làm, thì nguồn tội sẽ cạn dần và hết hẳn. Khi nguồn tội đã hết thì mình hết khổ đau, vì miệng không nói lời hung dữ, thân không làm những việc độc ác, gây khổ đau cho người vật, đó là tu. Người nào thường quán xét như vậy, là giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Kiểm lại xem đa số người xuất gia cũng như tại gia có tu như vậy không? Hay chỉ lo cúng lạy tụng niệm mà không chịu quán xét, thì làm sao xa lìa được sanh tử? Chúng ta theo lời Phật dạy, quán xét thấy rõ tâm là nguồn ác, thân là rừng tội, để chuyển hóa thân tâm luôn luôn được thuần lương, đó là chúng ta đã được Phật cứu khổ.

Thông thường chúng ta thấy người nghèo đói, cho cơm gạo để họ được no lòng, thấy người lạnh rách cho áo chăn để họ được lành ấm, thấy người đau bệnh cho thuốc men để họ được khỏe mạnh, đó là cứu khổ người. Nhưng cứu khổ như thế thì bao giờ chúng sanh mới hết khổ? Nếu họ cứ thiếu hoài thì chúng ta có cứu nổi không? Hoặc nếu chúng ta chết rồi thì ai cứu họ? Hoặc chúng ta có thể hướng dẫn huấn nghệ cho họ có công ăn việc làm, để được sống no ấm, thì họ có hết khổ không? Họ chỉ vui khổ phần nào thôi, vì chúng sanh vẫn còn bị vô thường sanh, già, bệnh, chết chi phối.

Phật và Bồ-tát cứu khổ chúng sanh, là làm sao cho chúng sanh dứt được mầm sanh, già, bệnh, chết, tức là vô minh phiền não. Đó là cái khổ lớn cần phải

dứt trừ. Còn nghèo đói thiếu thốn vật chất chỉ là cái khổ nhỏ. Phật nói nghèo đói chưa thật là khổ, trâu bò mang ách kéo cày chưa thật là khổ, bị thiêu đốt trong địa ngục cũng chưa thật là khổ, chỉ có người si mê không biết lối đi mới thật là khổ. Vì còn mê lầm thì đời này tạo nghiệp bị khổ, sanh ra đời sau cũng mê lầm tạo nghiệp cũng khổ nữa. Đời đời kiếp kiếp cứ tái diễn mê lầm tạo tội, thọ khổ không ngừng.

Chủ yếu của đạo Phật là cứu khổ sanh tử luân hồi, nên nói là giải thoát sanh tử luân hồi, chứ đâu có nói giải thoát đời lạnh. Đức Phật trước kia ở trong cảnh giàu sang quyền quý, vật chất quá đầy đủ, tại sao ngài lại ưu tư khắc khoải, rồi từ bỏ tất cả để vượt thành xuất gia? Vì ngài thấy rõ ngôi vua, quyền thế, của cải... là tạm bợ không giải quyết được vấn đề sanh tử, chỉ có tu hành giác ngộ thấy các pháp đúng như thật mới giải thoát được luân hồi sanh tử. Phật giác ngộ rồi ngài mới chỉ dạy cho chúng ta tu để được giải thoát như ngài. Chúng ta cũng giảng dạy cho người khác tu để được giải thoát như chúng ta. Đó là mục đích chánh của sự tu hành mà Phật dạy. Còn những việc từ thiện xã hội như bố thí giúp người, chỉ là những phương tiện đầu để chúng ta có cơ hội gần gũi thân cận, hướng dẫn cho người đường lối tu hành, sống đúng với lời Phật dạy, để được an vui tự tại trong đời này và mãi mãi về sau. Chúng ta tu mà không thực hành như vậy thì không xứng đáng là một người tu Phật.

Điều giác ngộ thứ nhất Phật dạy cõi đời chúng ta đang sống là vô thường tạm bợ. Ngay thân tứ đại giả hợp tạm có này, chúng ta phải biết nó là khổ là không.

Phải biết thân và tâm tướng có đó rồi mất đó, luôn luôn sanh diệt dời đổi không có thật ngã. Cái suy tư nghĩ ngợi mà lâu nay mình lầm chấp là tâm mình, chính là nguồn gốc của ác nghiệp. Cái thân hình mà lúc nào mình cũng lo lắng cho nó được sung sướng đầy đủ, lại là rừng tội lỗi. Phật dạy chúng ta phải luôn luôn thấy rõ như thế, để chuyển ba nghiệp thân, khẩu, ý cho thanh tịnh, để được giải thoát luân hồi sanh tử. Thấy biết đúng như vậy là người giác, thấy ngược lại là người mê.

Trong kinh Bách Dụ có kể một câu chuyện như sau: Thuở xưa có một ngôi nhà cũ, bỏ hoang đã lâu, thiên hạ đồn có quỷ dữ ở trong ấy, mọi người ai cũng kinh sợ không dám vào ngủ. Bấy giờ có một người tự cho mình là can đảm, bèn tuyên bố: “Tôi không sợ gì cả, chiều nay tôi sẽ vào nhà đó!”. Quả thật chiều đến người ấy vào nhà đó ngủ, đồng thời có một người khác, cũng tự cho mình can đảm hơn người và cũng xung phong vào nhà đó ngủ. Người này đến nơi xô cửa để vào. Người đến trước tưởng là quỷ đến xô cửa, bèn rinh tấm phen ngăn ngang cửa không cho vào. Người phía ngoài tưởng bên trong có quỷ, ráng sức xô cánh cửa cho bật ngã để vào đánh quỷ. Sau đó người ấy xô ngã tấm phen sấn vào, hai người đánh nhau dữ dội cho tới sáng. Sáng ra hai người thấy nhau rõ ràng, mới vỡ lẽ con quỷ mà mình đánh suốt đêm qua là người chứ không phải quỷ. Cuộc đánh đấm liền dừng ngang đây.

Phật dụ sự lầm mê chấp trước của con người là trời tối. Vì tối tăm mê mờ không thấy đúng lẽ thật, cái giả lầm tưởng là thật, cái thật lại không khéo nhận ra,

do đó mà bị nhọc nhằn khổ sở. Khi đã tỉnh giác, trí tuệ đầy đủ thấy đúng lẽ thật, không còn lầm lạc mê tối nữa thì sẽ hết nhọc nhằn khổ sở.

Kinh A-hàm, Phật dạy mỗi người tu chúng ta phải thấp ngọn đuốc trí tuệ của mình lên, và mỗi ngọn đuốc này với chánh pháp của Phật. Tức là chúng ta nương tựa vào trí tuệ của Phật qua kinh, luật, luận. Chúng ta luôn ghi nhớ huân tập mãi thì trí tuệ sẽ sáng rõ như Phật và Bồ-tát.

Từ trước chúng ta mê lầm, không nghe, không thấy, không biết. Giờ đây nghe Phật dạy, luôn ghi nhớ, huân tập mãi cho thấm nhuần, thì sẽ sáng suốt không còn lầm chấp đau khổ nữa. Như vậy quý Phật tử thấy việc tu học đâu có gì khó khăn, chỉ cần phải hiểu cho đúng rồi thực hành từ từ, đến khi thuần thục thì hoàn toàn giác ngộ, nên nói Phật pháp quý báu là vậy.

Xưa, thiên sư Vạn Hạnh giác ngộ được lẽ vô thường, ngài làm bài thơ:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô,
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*

Ngài nói thân người giống như điện như bóng, có rồi không. Cây cối mùa xuân thì tươi nhuần sum sê, đến mùa thu lại héo tàn. Mặc tình cho việc hưng thịnh hay suy vi, ngài không vui buồn kinh sợ. Việc hưng thịnh hay suy vi đối với ngài như hạt sương trên đầu ngọn cỏ,

năng lên là tan mất. Thân mạng đối với ngài như làn chớp, xẹt qua rồi mất. Do thấy như vậy nên ngài an nhiên trong cuộc sống.

Âm:

Đệ nhị giác tri:

Đa dục vi khổ,

Sanh tử bì lao,

Tùng tham dục khởi,

Thiếu dục vô vi,

Thân tâm tự tại.

Dịch:

Điều thứ hai lại cần giác biết:

Tham dục nhiều, khổ thiệt thêm nhiều.

Nhọc nhằn sanh tử bao nhiêu,

Bởi chưng tham dục, mà chiêu khổ này.

Bớt lòng tham dục chẳng gâ,

Thân tâm tự tại vui này ai hơn.

Giảng:

Đệ nhị giác tri:

Đa dục vi khổ,

Sanh tử bì lao,

Tùng tham dục khởi.

Dục chỉ cho năm món dục ở thế gian là tài, sắc, danh, thực, thù hay là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Đa dục là nhiều tham muốn về ngũ dục, có nghĩa là tham muốn tiền của, đắm mê sắc đẹp, ham danh vọng, thích ăn ngon, ưa ngủ kỹ. Người thích ăn ngon, thân phải chạy ngược chạy xuôi, toan tính lo làm cho có nhiều tiền mới sắm được bữa ăn ngon theo sở thích. Như vậy thì tâm lao nhọc, thân vất vả mới được bữa ăn vừa miệng. Hoặc người đắm mê sắc đẹp, cả đời cứ đuổi theo hương sắc, thì sức lực hao mòn, tiền của tiêu tán, cực nhọc lao lung không thể kể xiết. Người tham danh, tham tài cũng vậy, phải ngược xuôi làm lung, tranh giành để được danh được lợi v.v... Tóm lại, người đời chỉ vì đắm mê ngũ dục, nên tạo nhiều tội lỗi chịu nhiều khổ đau. Ham mê nhiều chừng nào thì khổ sở nhiều chừng ấy.

Trong kinh A-hàm, Phật có kể câu chuyện:

Xưa có vị vua tên Đảnh Sanh, do nhờ phước báo nhiều đời, nên được làm Chuyển luân thánh vương, là bậc thông minh trí tuệ, hành động theo chánh pháp, thành tựu bảy báu, thống trị khắp cả cõi đất này. Làm vua trong thời gian thật lâu, ông khởi niệm mong ước mưa báu bảy ngày dâng đến tận đầu gối.

Vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại phước đức, nên vừa khởi niệm là được như ý. Lại một thời gian sau, Vua khởi niệm muốn đến xem và thống trị châu Cù-đà-ni ở phương tây và Vua cũng được như ý muốn. Lại một thời gian sau, Vua khởi niệm muốn đến xem và ngự trị châu Phất-bà-bệ-đà-đề ở phương đông và Vua cũng được như ý. Lại một thời gian sau, Vua khởi niệm muốn đến xem và thống trị châu Uất-đơn-việt ở phương bắc, và Vua cũng được như ý. Lại một thời gian sau, Vua khởi niệm muốn

tới cõi trời Tam thập tam, và nhà vua cũng được như ý muốn. Khi Vua đến cõi trời Tam thập tam, đi vào nhà chánh pháp. Ở đó, trời Đế-thích nhường cho vua Đánh Sanh nửa tòa ngai. Khi vua Đánh Sanh ngồi trên nửa tòa của trời Đế-thích thì ánh sáng, màu sắc, y phục, oai nghi lễ tiết của vua Đánh Sanh không khác vua trời Đế-thích, chỉ có hai mắt nháy là khác.

Sau khi đã được toại nguyện ở trên cõi trời Tam thập tam thì vua Đánh Sanh lại khởi niệm cướp lấy tòa ngai của vua trời Đế-thích để làm vua loài trời và loài người. Khi vua Đánh Sanh vừa khởi niệm ấy, bất giác rớt xuống châu Diêm-phù-đề, liền mất Như ý túc, và lâm trọng bệnh nguy ngặt. Đến lúc sắp chết, các cận thần đến bên nhà vua hỏi rằng:

- Tâu Thiên vương, nếu có vị phạm chí, cư sĩ và kẻ bầy tôi hay thần dân nào đến hỏi chúng thần rằng: “Lúc băng hà Thiên vương chỉ bảo những gì”, chúng thần trả lời thế nào cho phạm chí, cư sĩ hay thần dân ấy?

Vua Đánh Sanh bảo cận thần:

- Vua Đánh Sanh đã được châu Diêm-phù-đề nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã được bảy báu nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã có bảy ngày mưa báu, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã được châu Cù-đà-ni, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã được châu Phất-bà-bệ-đà-đề, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã được châu Uất-đơn-việt, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đánh Sanh đã tới cõi trời

Tam thập tam, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đảnh Sanh đã có đủ ngũ dục lạc, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn... Các người hãy trả lời như thế, vua Đảnh Sanh vì quá tham dục cho nên khổ.

Vua biết đó là điều bất thiện, nên trước khi chết trần trối cho quần thần và dân chúng biết để tránh.

Hồi xưa tôi còn làm việc cho Giáo hội, một hôm tôi đến giảng ở Chi hội Phật học Gia Định. Sau khi giảng xong có một Phật tử lấy xe nhà đưa tôi về chùa. Ngồi trên xe đàm đạo, tôi khuyên Phật tử ấy:

- Đạo hữu đã lớn tuổi, nên dành thì giờ xem kinh, niệm Phật cho có công đức. Mải miết lo làm thì quá cực khổ, mai kia chết lại càng khổ hơn.

Phật tử ấy trả lời:

- Con có tới ba tiệm cửa máy, mỗi buổi sáng phải đi đến coi người ta làm, chiều đi đặt cây, tối về làm sổ tới khuya. Nhiều khi không có thì giờ để đọc một cột báo, vì quá mệt phải đi ngủ. Thầy thương Thầy khuyên con như thế, ở vào hoàn cảnh của con làm sao tu hành được!

Quý vị thấy, nếu làm ăn được hoài thì rất khó tu. Vì được hoài thì tham muốn thêm hoài, thấy làm ra tiền dễ quá lòng tham cứ khởi mãi. Cho nên người nhiều dục lạc mà nói hết khổ là lầm. Phật dụ người đang khát nước mà uống nước muối, càng uống càng khát. Người nghèo hèn ban đầu muốn có chút tiền của để được no ấm, khi có rồi lần lần muốn thêm, thêm mãi... Cho nên người nào nói tôi nghèo nên tôi chưa tu, chờ khi nào tôi có đầy đủ

vật chất tôi mới tu, người nói như thế cũng giống người khát mà uống nước muối vậy. Người có tâm tham muốn thì không bao giờ biết đủ!

Người Phật tử chân chánh biết quay về với Phật pháp lo tu học, nhờ đó mà được bớt khổ. Người biết tu, đối với vật chất có bao nhiêu cũng thấy là đủ. Có ít thì sống theo ít, có nhiều thì chia sẻ cho người thiếu; thấy rõ vật chất là của tạm, dùng nuôi thân cho khỏe mạnh để tu tiến, chứ không lấy đó làm chánh, rồi khởi tâm mong cầu tham đắm. Nếu tâm còn dục vọng tham đắm của cải vật chất, tất nhiên là còn toan tính, hễ còn toan tính là có mưu đồ tạo sự nghiệp, hễ tạo sự nghiệp nếu không gây khổ cho người thì cũng gây khổ cho loài vật. Càng ham muốn là càng gây đau khổ cho mình cho người.

Người nào cho rằng hưởng dục lạc thế gian đầy đủ là sung sướng, kẻ đó lầm, không thấy chân chánh. Ví như người thèm thức ăn ngon, khi ăn được món ngon này rồi, lại thèm món khác, hết tìm cao lương lại kiếm mỹ vị. Suốt đời cứ tìm cầu ăn uống, kiếp người sống thật thấp hèn và khốn khó!

Giả sử người đang trường trai giữ giới, thèm ăn ngon, nên nghĩ: “Nếu có thịt ăn một bữa, mình sẽ ăn cho đã thèm”. Nghĩ thế họ liền phá trai phạm giới ăn một bữa thịt thật no nê, để không còn thèm nữa. Nhưng ít lâu lại thèm rồi phá trai phạm giới nữa, cứ như thế tái diễn hoài. Chỉ bằng vừa khởi niệm tà liền dừng, quyết chí không chiều theo thị hiếu thị dục thấp hèn, gìn giữ giới luật cho trong sạch để tiến tu. Qua thí dụ trên,

chúng ta thấy những dục lạc khác cũng đều như vậy. Bệnh của con người muốn được cái này lại tiếp muốn cái khác, cứ như thế mà muốn hoài không dừng. Nên phải biết tham muốn là gốc của đau khổ luân hồi sanh tử.

Người đời thường suy luận: Người tu hành ăn tương rau, mặc nâu sồng, giam mình trong nếp sống thanh bần, rốt cuộc rồi cũng chết. Còn người đời ăn sung mặc sướng, hưởng nhiều dục lạc thế gian, rốt cuộc rồi cũng chết. Hoặc nói người hiền đức già đời cũng chết, kẻ hung hăng bạo ngược cuối cùng cũng không còn. Lý luận như vậy có đúng không? Người buông lung chạy theo ngũ dục và người không phá trai phạm giới, luôn luôn giữ gìn thân tâm thanh tịnh, cả hai đều chết, nhưng hai cái chết khác nhau.

Người hàng ngày chạy theo dục lạc thế gian, khi gần chết thân xác hư hoại, mà tình ái cứ buộc ràng với vợ con quyến thuộc không muốn xa lìa, nên giằng co khổ sở. Lại không biết mình sẽ đi về đâu nên hải kinh lo sợ. Vì sanh tiền, thân, miệng, ý vốn đã tạo nhiều nghiệp chướng nặng nề, nên bị nghiệp lực lôi cuốn theo dòng luân hồi, sanh tử không dừng, khổ sở không dứt. Còn người biết tu hành ba nghiệp thanh tịnh, tuy xác thân có hư hoại, nhưng tinh thần bình tĩnh sáng suốt, không kinh sợ, biết rõ hướng đi, nên khi thở hơi cuối cùng rất nhẹ nhàng an ổn, và khi chết rồi thì được siêu thoát.

Đành rằng con người ai cũng chết, nhưng người chạy theo ngũ dục tạo nghiệp ác khi chết thì chịu quả báo khổ đau, còn người tu không chạy theo ngũ dục, không tạo nghiệp ác mà tu nghiệp lành, khi chết sanh vào

cõi lành hưởng phước an vui, hoặc được giải thoát sanh tử nhập Niết-bàn. Cái chết của người biết tu và không biết tu khác nhau chỗ đó. Người thế gian vì mê muội, không thấy được nhân quả nghiệp báo, nên mới lấy ngũ dục lạc làm lẽ sống, vui say đắm nhiễm, cho nó là quý là trên hết. Người giác ngộ biết chạy theo ngũ dục lạc là họa hại là đau khổ, nên sống đời sống đạm bạc đơn giản để an tâm tiến đạo.

Người nào còn ham muốn dục lạc là còn khổ, ham muốn nhiều thì mê nhiều khổ nhiều, ham muốn ít thì mê ít khổ ít. Ham muốn cái gì cũng khổ cả. Khi hết ham muốn thì hết mê, thấy tài, sắc, danh, thực, thù là ảo ảnh, là vô thường, không bận lòng để ý thì hết khổ. Phật dạy người tu hành chân chánh, phải biết tham muốn ngũ dục là gốc luân hồi sanh tử khổ đau. Vì vậy mà phải:

Thiểu dục vô vi,

Thân tâm tự tại.

Thiểu dục là ít muốn. Người tu trong bốn món ăn, mặc, ở, bệnh được tín thí cho bao nhiêu thì dùng bấy nhiêu, không tìm cầu đòi hỏi cho nhiều, để tiêu dùng cho thỏa thích. Không tìm cầu nên không tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì thân tâm không còn lo buồn khổ đau, sẽ được an ổn tự tại.

Phật dạy chúng ta tu để hết khổ. Ngài chỉ nguyên nhân gây ra đau khổ là ý. Ý si mê khởi niệm tội lỗi, miệng và thân nói làm tội lỗi, sau đó sẽ nhận lấy hậu quả khổ đau. Bây giờ chúng ta muốn hết khổ, thì phải

thấp sáng trí tuệ nơi mình với chánh pháp của Phật, để phá những vô minh phiền não nơi ý. Ý không khởi niệm ác thì không nói ác, không làm ác; ý khởi niệm lành thì nói lành làm lành, lợi mình lợi người. Tâm thường lóng lạng thì trí tuệ sáng suốt, phá sạch vô minh, hết lậu hoặc, dứt khổ đau, được an vui giải thoát.

Như vậy muốn hết khổ, chúng ta phải thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ nơi tâm, để thấy rõ nguyên nhân đau khổ mà đừng không tạo ác, chứ không phải nghe nói ông này linh, cô kia giỏi, đến lạy lục van xin cầu cứu cho mình hết khổ. Làm như thế chẳng những không được kết quả như ý, mà còn lún sâu vào mê tín dị đoan, đã khổ đau lại chất chồng thêm đau khổ.

Chúng ta biết rõ do tham dục mà cực khổ lao lung, và biết bớt tham dục là bớt khổ đau. Rõ ràng khổ hay vui là do mình, không do ai khác. Phật dạy chúng ta tu là phá mê, vì mê là gốc tham dục đưa con người đi trong luân hồi sanh tử khổ đau. Nếu mê được phá thì tham dục không còn, người hết tham dục thì được an vui tự tại, chẳng những trong đời hiện tại và còn mãi mãi về sau, chẳng những cho bản thân mình mà còn lợi ích cho người chung quanh nữa.

Âm:

Đệ tam giác tri:

Tâm vô yểm túc,

Duy đắc đa cầu,

Tăng trưởng tội ác.

**Bồ-tát bất nhĩ,
Thường niệm tri túc,
An bản thủ đạo,
Duy tuệ thị nghiệp.**

Dịch:

*Điều thứ ba phải thêm giác biết:
Đắm mê trần mải miết chẳng dừng.
Một bề cầu được vô chừng,
Tội kia thêm lớn có ngừng được đâu.
Những hàng Bồ-tát hiểu sâu,
Nhớ cầu tri túc chẳng lâu chẳng sờn.
Cam nghèo giữ đạo là hơn,
Lâu cao trí tuệ chẳng sờn dựng lên.*

Giảng:

*Đệ tam giác tri:
Tâm vô yếm túc,
Duy đắc đa cầu,
Tăng trưởng tội ác.*

Điều giác ngộ thứ ba là lòng người không bao giờ biết đủ, không bao giờ thấy chán, chỉ một bề mong cầu cho được nhiều, được mãi không thôi. Song, càng tham muốn nhiều, thì tội lỗi sẽ càng tăng thêm. Đó là tâm niệm của người thế gian còn nhiều mê mờ.

Ngược lại:

*Bồ-tát bất nhĩ,
Thường niệm tri túc,
An bản thủ đạo,
Duy tuệ thị nghiệp.*

Giờ đây nói về Bồ-tát, các ngài không giống như người thế gian. Các ngài thường biết đủ an vui trong cảnh nghèo, để gìn giữ đạo đức và lúc nào cũng lấy trí tuệ làm sự nghiệp, chứ không nghĩ gì khác hơn. Tiền của, vật chất, danh lợi... đối với các ngài chỉ là pháp hữu vi không bền không thật, các ngài không lấy đó làm quý làm trọng, mà chỉ một bề lo vun bồi trí tuệ và từ bi ngày càng thêm lớn. Bồ-tát cũng là một chúng sanh, nhưng chúng sanh biết tu hành và được giác ngộ, nên gọi là *Hữu tình giác*. Sau khi đã giác ngộ, các ngài giúp cho mọi người được giác ngộ như mình, nên gọi là giác hữu tình. Lúc nào các ngài cũng thực hiện hạnh tự giác, giác tha cho được viên mãn. Các ngài không vì mục đích nào khác ngoài tinh thần giác ngộ mà Phật đã dạy.

Như vậy, quý vị đừng lầm tưởng Bồ-tát là bậc có nhiều thần thông phép lạ. Biết đâu trong sinh hoạt hiện tại của chúng ta, có nhiều Bồ-tát mà chúng ta không biết. Vì người nào tự thân không đắm mê ngũ dục, không bị ngũ dục chi phối, lại còn biết tu tỉnh, biết giúp cho người phá mê lầm trong cuộc sống, đoạn trừ khổ đau thì người đó là Bồ-tát. Người Phật tử chân chánh, không bao giờ mong cầu Bồ-tát thị hiện qua hình tướng kỳ lạ, với thần thông phép mầu ban ơn cứu khổ cho chúng sanh.

Nếu ai cho Bồ-tát như thế, thì chắc chắn suốt kiếp không thấy được Bồ-tát. Tôi nhắc lại, Bồ-tát cũng là một chúng sanh hữu tình tu được giác ngộ, và tạo phương tiện giúp cho người tu cũng được giác ngộ như các ngài. Nghĩa là lúc nào cũng thấy thế gian vô thường, cõi đời tạm bợ, thân này vốn là khổ, không, vô ngã.

Cõi Ta-bà chúng ta hiện đang sống đây là cõi Dục, nên lòng tham con người quá nặng quá sâu. Người nghèo thiếu thốn vật chất, tham cầu cho có để sống đã đành, người giàu có bao nhiêu cũng không thấy đủ. Cổ đức dạy: “Người biết đủ dù nằm dưới đất, co tay làm gối, ăn cơm hẩm cũng vẫn thấy vui. Người không biết đủ dù ở trên cung trời cũng không vừa ý.” Cho nên người biết an phận, ở trong hoàn cảnh nào cũng được an vui.

Trong kinh Di Giáo, Phật dạy: *Nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc, tri túc chi pháp, tức thị phú lạc, an ổn chi xứ*. Nghĩa là: Muốn thoát mọi sự khổ não, cần nên nghiệm xét hai chữ biết đủ, pháp biết đủ là sự giàu có, an ổn của con người.

Pháp sư Ấn Quang cũng dạy:

Cơm rau đỡ dạ đói,

Nhà cỏ che gió sương,

Người đời nếu biết đủ,

Phiền não chẳng còn vương.

Vì người đời tham dục nhiều nên khổ nhiều, khổ cả ba giai đoạn: Khi chưa có thì tham muốn mong cầu cho có là khổ; khi đã có rồi thì sợ mất, nên phải tìm cách

bảo vệ gìn giữ cũng khổ; khi bị mất lại càng khổ hơn, buồn rầu mất ăn mất ngủ, có khi không muốn sống nữa. Quý vị thấy người tham muốn nhiều ở trường hợp nào cũng khổ, chỉ có ít muốn biết đủ, dứt tâm tham cầu là hết khổ được vui.

Thí dụ có một nhà bác học uyên thâm, sống đời thanh bạch, xuống tàu đi ngoại quốc, và một nhà phú hộ mang nhiều vàng bạc của báu cũng đi ngoại quốc. Dọc đường tàu bị đắm, cả hai ôm phao nổi và được cứu sống. Khi vào đất liền thì ông phú hộ trắng tay tiền của mất hết, sự nghiệp tiêu tan không còn. Nhà bác học dĩ nhiên vẫn thanh bạch nhưng số kiến thức uyên thâm của ông không mất, coi như sự nghiệp ông còn. Nhà phú hộ dụ cho người thế gian ham làm giàu, tạo xe hơi nhà lầu của cải chứa đầy kho. Khi nhắm mắt xuôi tay, bỏ thân này mang thân khác, hoàn toàn không đem theo được vật gì. Nhà bác học thanh bạch dụ cho người tu, sau khi nhắm mắt xuôi tay, bỏ thân này mang thân khác, tuy còn mê cách ẩm, nhưng gặp duyên thì trí tuệ hiển phát, không mất.

Tức là đời này tu hành tuy đã giác ngộ, đời sau sanh ra cũng có quên. Song, quên một lúc, khi gặp cơ duyên nhắc lại liền tỉnh nhớ ngay. Đời trước tu nhiều thì nhớ sớm, đời trước tu ít thì nhớ muộn và rồi cũng tiếp tục tu hành. Điều này chúng ta nghiệm xét thấy rõ. Tại sao có những người học hoài mà không hiểu không nhớ, vẫn tối tăm dốt kém? Lại có những người chưa học mà biết, hoặc học một mà biết tới mười? Như vậy có phải là do đời trước họ đã gieo trồng nhân trí tuệ, nên đời này

gặp duyên thì khả năng sẵn có đó hiển phát? Nói theo danh từ chuyên môn là chủng tử đã có sẵn, hội đủ duyên thì hiện hành. Tóm lại, người nào đời này biết thiếu dục tri túc, để gìn giữ đạo đức và nuôi lớn trí tuệ, đó là người tỉnh giác. Trí đức ấy qua đời sau không mất, mặc dù có bị mê cách ám. Vì thế hàng Bồ-tát là người tỉnh giác, biết cái nào có tạm rồi sẽ mất, thì không chú ý, xem thường; biết cái nào hằng hữu không mất, thì lo gìn giữ và phát huy cho thêm lớn.

Người thế gian vì mê lầm, chạy theo cái tạm bợ mà không biết nó tạm bợ, nên cả đời cứ lo phục vụ cái tạm bợ cho sung mãn. Khi quý vô thường đến, tất cả đều để lại thế gian, chỉ mang theo cái nghiệp nặng nề với quả báo không tốt về sau. Hiện tại Bồ-tát tuy thiệt thòi nghèo thiếu về vật chất, nhưng phần trí đức lúc nào cũng tăng trưởng lớn mạnh, chẳng những đời này mà những đời kế tiếp cũng thế. Nên nói sự nghiệp của Bồ-tát là trí tuệ.

Nếu người nào suốt đời cứ lo sự nghiệp thế gian cho hưng thịnh, thì sự nghiệp trí tuệ sẽ lu mờ. Ngược lại người chăm lo sự nghiệp trí tuệ thì sự nghiệp thế gian xem như không có.

Như vậy, người lo sự nghiệp thế gian và người lo phát triển trí tuệ xuất thế gian, ai là người khôn biết lo xa? Dĩ nhiên đa số người đời đều tán thán người tạo dựng sự nghiệp bằng ăn ngon mặc đẹp, đầy đủ vật chất tiện nghi, sống đời sung sướng là giỏi là hay. Nhưng đối với người thấy rõ nhân quả tội phước trong đời hiện tại,

cũng như những kiếp về sau, lo gìn giữ đạo đức, phát huy trí tuệ, vẫn là người sáng suốt khôn ngoan biết lo xa. Vì tiền của dùng trong lúc sống chỉ là cái tạm bợ, khi nhắm mắt không mang theo được. Người chỉ lo cho có nhiều của cải vật chất là người thiển cận, chưa biết lo xa nên gọi là chúng sanh mê lầm. Còn người không chạy theo ngũ dục thế gian, chỉ lấy trí tuệ làm sự nghiệp là người biết lo xa, là Bồ-tát giác ngộ. Vậy tất cả quý vị, ai ứng làm chúng sanh, ai ứng làm Bồ-tát? Ai ứng làm Bồ-tát thì phải nỗ lực cố gắng tu hành!

Tóm lại, người nào quá tham cầu ngũ dục, đắm say ngũ dục không biết nhàm chán, thì tội lỗi càng ngày càng lớn, chẳng những hiện đời chịu khổ mà còn khổ mãi về sau.

Âm:

Đệ tứ giác tri:

Giải đãi trụ lạc,

Thường hành tinh tấn,

Phá phiền não ác,

Tôi phục tứ ma,

Xuất ấm giới ngục.

Dịch:

Điều thứ tư cần nên giác biết:

Kẻ biếng lười hạ liệt trầm luân.

Thường tu tinh tấn vui mừng,

Đẹp trừ phiền não ác quân nhiều đời.

Bốn ma hàng phục như chơi,

Ngục tù ấm giới thanh thoi ra ngoài.

Giảng:

Điều giác ngộ thứ tư là lười biếng giải đãi thì bị sa đọa trầm luân. Thế nên phải luôn luôn tinh tấn tu hành mới phá trừ được phiền não nghiệp ác, hàng phục bốn ma, ra khỏi ngục tù năm ấm và ba cõi.

Thế nào là giải đãi, thế nào là tinh tấn? Giải đãi là bê tha lười biếng. Tinh tấn là siêng năng chuyên cần. Thí dụ người ham mê ngũ dục muốn có nhiều tiền của, chuyên cần làm việc cả ngày lẫn đêm, không biết lười mỏi, không biết chán ngán. Người như thế có được xem là tinh tấn không? Không. Tại sao siêng năng chuyên cần làm việc cả ngày mà không phải là người tinh tấn?

Vì người chỉ biết siêng năng làm cho có nhiều tiền của, để được thỏa mãn dục lạc thế gian, mà không biết phát huy đức hạnh trí tuệ, đó chỉ là người giải đãi trụy lạc, chứ không phải là người tinh tấn. Tinh tấn đúng với tinh thần của Phật dạy là phải biết dừng và ngăn chặn điều xấu, làm và phát triển điều tốt.

Tứ chánh cần trong Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Phật dạy về tinh tấn như sau:

1. Điều thiện chưa sanh, phải siêng năng làm cho sanh khởi.

2. Điều thiện đã sanh, phải cố gắng phát huy cho tăng trưởng.

3. Điều ác chưa sanh, phải thường kiểm soát canh chừng ngăn chặn không cho sanh khởi.

4. Điều ác đã sanh, phải cố gắng chặn đứng, diệt trừ không cho sanh nữa.

Tinh tấn theo nghĩa vừa nêu, thì người thế gian đắm mê ngũ dục, dù có siêng năng làm việc cả ngày cả đêm cũng không thể gọi là tinh tấn. Ngược lại, người tuy suốt ngày không làm gì hết, mà tâm vừa khởi niệm bất thiện, liền dừng không cho tiếp tục sanh khởi; khi tâm khởi niệm lành thì phát huy cho nó thêm lớn mạnh, để làm lợi ích cho mọi người, đó là người tinh tấn. Nói một cách đơn giản, tinh tấn là ngăn ngừa không cho thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác, mà luôn khiến cho thân, khẩu, ý hiển phát nghiệp thiện.

Giả sử nếu vì tập quán, chúng ta đã lỡ tạo ác, vi phạm điều Phật răn cấm, chẳng hạn như ghiền thuốc ghiền rượu, thì phải nỗ lực bỏ dần dần. Cố gắng bỏ tật hư vết xấu, dù khó khăn mấy cũng cố gắng trừ bỏ cho kỳ được, để khép mình trong phạm vi giới luật của Phật chế định, gìn giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý cho trong sạch, thường nỗ lực phát triển những hạnh lành, lợi mình lợi người.

Giải đãi hay tinh tấn đều tùy nơi mình, nếu giải đãi thì bị trầm luân, còn tinh tấn tu hành thì phá trừ được phiền não, đoạn dứt nghiệp ác. Phiền não mà Phật dạy đây, không phải chỉ là nỗi buồn bực ray rứt trong lòng khi gặp cảnh ngang nghịch trái ý, như mọi người thường nói, mà là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... Trong những món vừa kể, si là phiền não gốc. Do si mê

không thấy các pháp đúng như thật, nên mới tham cầu chấp trước, tham cầu mà không được thỏa mãn liền nổi sân hận, miệng mắng chửi, tay chân đánh đập, đấm đá v.v... tạo nhiều nghiệp ác, gây khổ cho mình và cho người.

Người tu hành phải luôn luôn thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ, trí tuệ sáng thì vô minh lui, vô minh lui thì si mê không còn, thấy các pháp đúng như thật. Đối với pháp hữu vi biết rõ là pháp vô thường biến hoại, không bền không thật, không chấp trước đắm nhiễm, không tạo tác ác nghiệp, ngang đây mọi phiền não khổ đau không còn.

Thế thường nói đến ma, thì người đời nghĩ đến hồn ma bóng quế của người chết hiện lên, bằng những hình bóng cô gái xõa tóc, le lưỡi, đi hồng chân khỏi mặt đất v.v... để nhát phá người sống. Song, ma mà Phật nói ở đây là những gì làm ngăn ngại, phá hoại sự tiến đạo của người tu hành chân chánh. Đại lược có bốn thứ:

1. *Ma phiền não*: là tham, sân, si, mạn, nghi... sẵn có nơi mỗi người. Thí dụ người xuất gia phải sống phạm hạnh theo giới luật Phật dạy, nhưng vì lòng trần chưa dứt, tham ái hiện khởi, chạy theo nữ sắc, cởi áo hoàn tục, cưới vợ sanh con. Đời tu hành ngang đây dở dang lui sụt. Tham mê sắc dục tự lòng người tu hiện khởi, vì sức huân tu quá yếu không khắc phục được, nên bị nó làm chướng ngại sự tu hành, gọi đó là ma tham.

Hoặc một Phật tử quy y thọ năm giới, lý đáng phải giữ tròn, nhưng Phật tử ấy vốn dĩ đã thích uống rượu, một hôm đi dự tiệc, bạn bè mời ép, lòng tham ăn uống không dừng được, nên uống say túy lúy. Về nhà

khi tỉnh lại thì hối hận mình đã phạm giới, trách bạn bè phá mình, chứ không nghĩ do lòng tham ăn uống của mình. Mình tu mà không khắc phục được, xuôi theo nó nên phá giới mất thanh tịnh. Tu mà bị chướng ngại là tại con ma tham ăn uống chứ đâu phải tại bạn bè! Bạn bè mời ép mà mình chế ngự được lòng tham ăn uống, không uống rượu thì có ai làm gì mình?

Lại nữa, người tu lý đáng là không được sân giận, nhưng một hôm bỗng dưng có một người tới chùa nói năng gàn dở, chửi bới chúng tăng, phá phách trong chùa, vài thầy tăng khó chịu cũng lớn tiếng nặng lời lại. Như vậy là con ma sân của các vị ấy hiện. Vì các thầy tu, đạo lực non yếu không điều phục sân giận nên bị nó hoành hành, lớn tiếng nặng lời với người ta.

Lại nữa, đa số chúng ta tọa thiền, cốt là để lắng tâm cho an định tỉnh sáng, nhưng khi lên bồ đoàn ngồi xếp chân độ mười phút, mười lăm phút thì tâm thần mơ màng mờ mịt ngủ gà ngủ gật, ngủ như thế cho đến giờ xả thiền, không gượng được. Khi xả thiền cố ý nằm yên để ngủ thì không ngủ, vọng tưởng chạy nhảy lung tung... Hễ cứ lên bồ đoàn tọa thiền là ngủ gục không kèm, không gượng được. Như thế, có phải do thiếu ngủ mà ngủ gục không? Không. Ngủ như thế là do con ma thùy miên nó phá nó ngăn che, khiến cho sự tu hành của mình bị ngăn ngại lui sụt. Đó là ma si làm chướng đạo người tu. Và những ma phiền não khác ngăn ngại người tu cũng thế.

2. *Ma ngũ ấm*: đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức là năm món ngăn che làm cho con người không nhận ra

chân lý, không sống được với trí tuệ, cứ mê mờ tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử khổ đau.

Sắc ấm: là hình hài thân thể con người do đất, nước, gió, lửa hòa hợp tạm có. Con người vì mê chấp thân tứ đại là ngã nên tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử, không nhận ra chân tánh nơi mình.

Thọ ấm: là cảm giác sướng khổ vui buồn khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Người vì mê chấp cảm giác vui buồn là thật, nên khi thọ nhận được cảm giác vui thì cố duy trì gìn giữ không muốn cho mất. Nhưng cảm thọ vui ấy không bền, là vô thường, mặc dù cố gìn giữ mà nó vẫn mất, và khi mất rồi thì buồn khổ. Khi thọ nhận cảm giác khổ thì không muốn nó tồn tại, song không được, vì nhân xấu đã gây rồi nên quả khổ phải thọ nhận. Con người vì mê lầm cố chấp cảm giác vui buồn là thật là ngã, nên tạo nhiều nghiệp ác trầm luân trong sanh tử, không nhận ra chân tánh của chính mình.

Tưởng ấm: là cái nhớ nghĩ việc đã qua hay mơ ước việc chưa tới. Cái mơ ước nhớ nghĩ đó là vô thường không thật. Con người vì mê lầm, chấp nó là thật là ngã, rồi tạo nghiệp thọ sanh, nên không nhận ra chân tánh sẵn có nơi mình.

Hành ấm: là ý niệm nghĩ suy chuyển động vận hành tạo tác các pháp hữu vi. Ý niệm suy tính vốn là vô thường không thật, con người do mê lầm, chấp nó là thật là ngã, tạo nghiệp rồi đi trong luân hồi sanh tử, nên không nhận ra chân tánh ở chính mình.

Thức ấm: là cái biết phân biệt cái này đẹp, cái kia xấu, cái này hay, cái kia dở. Cái phân biệt đẹp xấu hay dở chợt khởi rồi mất không thật. Con người vì mê mờ lầm chấp nó là thật là ngã, nên tạo nghiệp, thọ sanh tử, không nhận ra chân tánh sẵn có nơi mình.

Tại sao gọi sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm là ma? Đối với sắc thân tứ đại này, con người mê mờ chấp nó là thật là ta, nên suốt cả ngày cả đời mãi mê lo vun bồi tô đắp cho nó được no đủ tươi tắn. Có khi vì lo vun bồi cho thân mà tạo nhiều nghiệp ác, quên đường đạo đức, không biết tu hành để tiến hóa trên đường thiện, không nhận ra chân tánh sáng suốt sẵn có nơi mình, nên gọi là ma sắc ấm. Tuy nhiên, nếu biết dùng thân này làm phương tiện tu hành tiến hóa trên đường thiện, nhận ra chân tánh sáng suốt nơi mình, làm lợi ích cho mọi người, thì không gọi là ma.

Phàm thọ khổ thọ vui đều là ma. Vì khi bị chê trách hay bị mắng chửi liền nổi giận, khi đã nổi giận thì tâm trí mê mờ không còn sáng suốt. Hoặc khi được khen được trọng, sanh kiêu căng ngã mạn, thì tâm trí cũng mê mờ không sáng suốt. Nên nói thọ lạc hay thọ khổ đều là ma. Tuy nhiên, ma hay phương tiện đều do nơi mình. Nếu mình mê lầm để cho nó làm chướng ngại việc tu hành, che khuất Phật tánh, mất giống trí tuệ, thì đó là ma. Ngược lại, mình biết lợi dụng nó để tu hành được giác ngộ thì đó không phải là ma, mà là phương tiện. Tưởng ấm, hành ấm, thức ấm cũng đều như vậy.

Người chân chánh tu hành đối với thân năm ấm này, phải khéo sử dụng để tu hành cho được giác ngộ,

đừng để nó biến thành ma che khuất Phật tánh, mất giống trí tuệ, không giác ngộ.

3. *Ma chết*: là con người sau khi chết thành yêu, thành quỷ, hiện hình kỳ quái nhất người sống, hoặc làm cho người sống đau bệnh hay chết. Hoặc người tu hành chân chánh đang tinh tấn dụng công tu hành tiến bộ, bị vô thường đến chết đi, làm dở dang đứt đoạn sự tu hành, cũng gọi là ma chết.

4. *Ma trời*: là ma vương và ma chúng ở cõi trời Dục giới, có khả năng biến hóa làm trở ngại việc tiến đạo của người tu hành lúc sắp thành đạo. Thái tử Sĩ-đạt-ta lúc sắp thành đạo, thiên ma hiện hình mỹ nữ, để cám dỗ ngài trở lại hưởng dục lạc thế gian, không muốn ngài thành Phật. Vì thiên ma muốn ai cũng đắm chìm trong ngũ dục, để chịu sự thống trị điều khiển của nó, nên khi thấy Thái tử sắp thành Phật, nó hiện ra để phá, làm chướng ngại việc thành đạo của ngài.

Lại nữa thiên ma còn lẫn lộn trong mọi tầng lớp người ngoài xã hội và ngay cả trong đạo. Nhiều khi nó ở ngay bên cạnh mà mình không hay không biết. Chẳng hạn người phát tâm tu hành, không ham muốn danh lợi vật chất nữa, chỉ muốn giữ giới thanh tịnh để được an định giải thoát thôi, nhưng lại có người ở bên cạnh xúi giục hùn hạp làm ăn cho có tiền của, để tu cho thoải mái khỏi nợ thí chủ, hoặc xúi giục theo đường tranh danh đoạt lợi, để hưởng ngũ dục thế gian, đó cũng gọi là thiên ma.

Tóm lại, bất cứ ai quyến rũ xúi bảo người tu tranh danh đoạt lợi, hưởng thọ dục lạc thế gian, đều là thiên ma. Như vậy, lúc nào và nơi nào bên cạnh chúng ta cũng đều có thiên ma. Vì thế chúng ta phải thường xuyên cảnh giác, để đường tu chúng ta không bị lùi bước. Phật dạy người tu tinh tấn chẳng những phá được phiền não ác nghiệp, mà còn tội phục được bốn ma, thì sẽ ra khỏi ngục năm ấm và ngục tam giới. Tại sao Phật nói thân năm ấm này là nhà ngục? Vì con người lúc nào cũng mê chấp thân này là thật là ngã, nên Phật tánh bị che khuất, trí tuệ lu mờ, phiền não bao vây, nghiệp chướng trói buộc, vì vậy mà nói thân năm ấm là nhà tù.

Tam giới là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Cõi chúng ta đang ở là Dục giới, nên chúng sanh ở cõi này, đa số đều bị lòng tham muốn ngũ dục lôi cuốn thúc đẩy. Phật nói: *Tam giới vô an du như hỏa trạch*. Chúng sanh còn ở trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, đều không được an ổn, giống như đang ở trong nhà lửa vậy. Tại sao? Vì chúng sanh ở ba cõi này luôn luôn bị lửa vô thường thiêu đốt, sanh lên chỗ này rồi tử, sanh lên chỗ kia rồi tử; cứ sanh tử, tử sanh, lộn đi lộn lại không biết bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp, không bao giờ ra khỏi. Nên nói tam giới là nhà tù, nhà ngục.

Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ nói: Ông Trưởng giả có một ngôi nhà đang bị lửa cháy lớn, các con ông đang ở trong nhà mãi mê vui chơi, không hề hay biết nhà cháy và sắp cháy tới thân mình. Ông Trưởng giả thấy đám con dại khờ, ngu si, lửa cháy mà không biết

tìm đường chạy thoát, cứ mãi mê vui chơi. Ông thương xót các con, gọi chúng ra khỏi nhà, hứa cho xe dê, xe nai, xe trâu. Nghe cha cho xe, các người con ham, mới chạy ra khỏi nhà và thoát nạn lửa cháy. Ông Trưởng giả dụ cho đức Phật, nhà cháy dụ cho ba cõi đang bị lửa vô thường thiêu đốt, con ông Trưởng giả, dụ cho chúng sanh đang thọ hưởng dục lạc trong ba cõi, mà không biết ngũ dục là vô thường, cứ mãi mê thọ hưởng không biết tìm đường thoát ra, giống như đang ở trong nhà tù vậy. Người tu cốt yếu là thoát ra ngoài vòng luân hồi sanh tử của tam giới, để được tự do tự tại, chứ đâu phải chỉ quanh quẩn trong tam giới hưởng dục lạc thế gian! Vì thế mà Phật dạy phải tinh tấn tu hành, để thoát khỏi nhà năm ấm và nhà tam giới đang trói buộc chúng ta.

Như vậy, mỗi người chúng ta ai cũng có Phật tánh (chân tâm) và ai cũng có ma chướng. Nên trên đường tu hành, chúng ta phải nỗ lực tinh tấn phá phiền não nghiệp ác, hàng phục ma chướng, bảo nhậm Phật tánh càng ngày càng tỏ sáng. Chúng ta biết như vậy rồi, thì cứ ngay nơi tâm mình mà tu hành, chứ không mong cầu ở ai khác bên ngoài. Muốn thành Phật thì nuôi lớn tánh Phật ngày càng tỏ sáng càng viên mãn, kết quả sẽ thành Phật. Nếu muốn thành ma thì dưỡng dưỡng tham sân si... nơi mình càng ngày càng lớn mạnh thì sẽ thành ma.

Thành Phật hay làm ma là do mình, ở đây chúng tôi chỉ có trách nhiệm chỉ cho quý vị biết điều nào nên làm, điều nào không nên làm, để quý vị tự tu sửa và nhận được sự lợi ích trong việc tu hành.

Âm:

Đệ ngũ giác ngộ:

Ngu si sanh tử.

Bồ-tát thường niệm,

Quảng học đa văn,

Tăng trưởng trí tuệ,

Thành tựu biện tài,

Giáo hóa nhất thiết,

Tất dĩ đại lạc.

Dịch:

Điều thứ năm lại thêm giác ngộ:

Ngu si là gốc khổ luân hồi.

Bồ-tát thường nhớ không ngơi,

Nghe nhiều học rộng chẳng ngơi chút nào.

Vun bồi trí tuệ càng cao,

Biện tài đầy đủ công lao chóng thành.

Đặng đem giáo hóa chúng sanh,

Niết-bàn an lạc còn lành nào hơn.

Giảng:

Đệ ngũ giác ngộ:

Ngu si sanh tử.

Điều giác ngộ thứ năm, Phật dạy ngu si thì bị trầm luân sanh tử. Ngu si đây chỉ cho vô minh là đầu mối của sanh tử luân hồi, là chi thứ nhất của Mười hai

nhân duyên: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập... Vô minh theo nghĩa thông thường là không sáng, si mê tối tăm... Theo tinh thần của đạo Phật, vô minh là không tỏ ngộ chân tâm, không thấy các pháp đúng như thật.

Kinh Viên Giác, chương đầu, Bồ-tát Văn-thù thưa hỏi, Phật giải thích: *Chúng sanh chấp thân tứ đại này là thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là vô minh*. Do chấp thân tâm là thật là ngã, nên vì nó tạo nghiệp, rồi theo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử. Chúng ta học đạo giác ngộ là để thấy được cái nhân khiến mình phải trầm luân sanh tử. Thấy rõ ràng, thấy cùng tột, để phá trừ vô minh thoát ra khỏi sanh tử luân hồi. Vậy phá vô minh bằng cách nào?

*Bồ-tát thường niệm,
Quảng học đa văn,
Tăng trưởng trí tuệ,
Thành tựu biện tài,
Giáo hóa nhất thiết,
Tất dĩ đại lạc.*

Bồ-tát phá vô minh bằng cách hằng nghe nhiều học rộng về Phật pháp, để trí tuệ càng ngày càng tăng trưởng. Học nghe đây không có nghĩa học nghe pháp thế gian, vì pháp thế gian chỉ làm tăng thêm vô minh phiền não, mà phải nghe lời Phật dạy để thực hành đúng phương pháp tu. Song, không phải chỉ riêng hàng Bồ-tát học rộng nghe nhiều, mà tăng ni, Phật tử muốn có trí tuệ để phá mê, cũng phải học rộng nghe nhiều để có kiến giải

chân chánh, giản trạch pháp tu cho hợp với trình độ mình thì tu không lầm không lạc. Sau đó có hướng dẫn cho ai tu cũng hướng dẫn đúng với chánh pháp.

Tuy nhiên, học để ứng dụng tu thì được lợi mình lợi người; còn học hiểu suông nói suông, chẳng những không tăng trưởng trí tuệ, mà sanh bệnh kiêu căng ngã mạn, làm chướng đạo không được lợi ích. Hòa thượng Pháp chủ Khánh Anh có dạy:

*Tu mà không học là tu mù,
Học mà không tu là đẩy đưng sách.*

Thế nên chúng ta phải thực hành cả hai mặt học và tu. Học hiểu giáo lý Phật dạy một cách chín chắn sâu rộng, rồi ứng dụng lời Phật dạy cho đời sống bản thân mình. Lâu ngày thâm nhập Phật pháp, trí tuệ sẽ sáng suốt rộng lớn như biển cả. Khi trí tuệ đã rộng lớn thì thành tựu được biện tài, ra hoàng hóa làm lợi ích cho chúng sanh. Biện tài được chia làm bốn thứ:

1. *Pháp vô ngại biện*: nghĩa là đối với pháp Phật dạy, thông suốt hết không còn nghi ngờ gì cả.

2. *Nghĩa vô ngại biện*: tức là nghĩa lý sâu xa mâu nhiệm mà Phật dạy trong kinh đều thâm nhập, thấu triệt không còn gì nghi ngại.

3. *Từ vô ngại biện*: nghĩa là những ngôn ngữ của từng địa phương đều nói thông suốt không trở ngại.

4. *Nhạo thuyết vô ngại biện*: là thông suốt nghĩa lý Phật pháp và ngôn ngữ từng địa phương. Khi giảng nói

Phật pháp cho người nghe, đều khế hợp với căn cơ trình độ khiến họ vui nghe, không chán ngán.

Như vậy, trước là do học tu mà được sáng suốt an lạc, đó là tự lợi hay tự giác, kế đến là lợi tha hay giác tha. Muốn giáo hóa người, phải thâm hiểu giáo lý Phật dạy, phải thông thạo ngôn ngữ, sau đó tùy căn cơ tùy hoàn cảnh, mà giảng dạy hướng dẫn đưa người từ chỗ tối tăm đau khổ đến chỗ sáng suốt an vui. Cái vui mà người tu Phật đạt được, không phải là cái vui tầm thường ở thế gian. Cái vui của người thế gian là do thọ hưởng ngũ dục, còn trong vòng đối đãi hơn thua được mất... Thí dụ người làm ăn gặp thời, được lợi nhuận gấp đôi gấp ba lúc bình thường, thì lòng vui vẻ mặt tươi cười hớn hở. Tuy nhiên niềm vui đó không lâu, chỉ trong một thời gian là mất. Vì hết thịnh đến suy, làm ăn thua lỗ hay gặp chuyện bất như ý xảy đến, lại buồn khổ bất an.

Cái vui mà Phật nói ở đây là cái vui lớn của người gắng công tu hành, hết vô minh phiền não thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. Cái vui này kinh Đại thừa gọi là Niết-bàn tịch tĩnh, không bị hạn cuộc trong thời gian. Thế nên người tu khi đạt đến giác ngộ giải thoát, thì giờ nào phút nào tâm cũng được an vui. Cái vui của người thế gian và người xuất thế gian khác nhau. Người thế gian vui theo ngũ dục, hết vui liền khổ, khi vui thì cười nói náo động ồn ào...

Người xuất thế giác ngộ, hết khổ được vui, niềm vui nhẹ nhàng vĩnh viễn. Người thế gian suốt ngày tìm tòi nắm bắt cái vui cỏn con, nhưng được rồi lại mất.

Thế nên Phật dụ như người vớt bong bóng nước, vừa thấy bong bóng đẹp lóng lánh, đưa tay vớt, nó liền tan mất. Cái vui của người thế gian là cái vui trá hình của sự đau khổ, là cái vui của kẻ mê, là cái vui của chúng sanh. Còn cái vui của người xuất thế là cái vui vĩnh viễn của người tỉnh giác có trí tuệ, là cái vui của Bồ-tát, Phật.

Chúng ta thấy kẻ mê và người trí có thái độ sống rất khác biệt. Chúng sanh vì mê lầm, nên cứ tìm cầu chạy theo những cái vui nhỏ giả dối tạm bợ, không biết mệt nhọc nhàm chán. Còn hàng Bồ-tát trí tuệ sáng suốt, biết rõ cái vui ngũ dục giả dối tạm bợ, vui đó liền khổ, nên tránh, luôn luôn đem nghị lực ý chí để tu hành, tìm cái vui chân thật cho mình và giúp cho người được vui.

Tóm lại, người đời ai cũng sợ khổ tìm vui. Song, tùy theo người trí hay ngu mà tránh khổ nhỏ hay khổ lớn và tìm vui nhỏ hay vui lớn. Người ngu thì sợ cái khổ nhỏ như đói khát, lạnh nóng... để tìm cái vui nhỏ là có tiền của nhiều, có nhà lầu, xe hơi, ở sang, ăn ngon v.v... Trái lại, người trí thì sợ cái khổ sanh, già, bệnh, chết vô thường thiêu đốt, nên tìm cái vui lớn là cái vui bất diệt Niết-bàn giải thoát. Vậy chúng ta hãy nghiệm xét lại xem mình là ngu hay trí, là chúng sanh hay Bồ-tát? Làm Bồ-tát hay chúng sanh là tùy mình chứ không do ai khác. Trong cuộc sống hằng ngày nếu ba nghiệp chúng ta thiện, phù hợp với đạo giải thoát thì cứ như thế mà tiến cho đến khi được giác ngộ giải thoát hoàn toàn mới thôi. Ngược lại, nếu ba nghiệp chúng ta hay làm ác, xuôi theo hướng si mê của chúng sanh, thì phải cố gắng

sửa đổi cho lương thiện phù hợp với đạo, để được lợi lạc ngay trong đời hiện tại và mai sau. Tu là ở chỗ đó, biết việc làm nào mê lầm đưa đến khổ đau thì mau chữa bỏ, biết tỉnh giác đưa đến sự an vui thì huân tu cho thuần thực. Nếu người không chịu chuyển mê lầm thành giác ngộ thì dù có đi chùa thường, lạy Phật nhiều, luôn cầu nguyện để được hết khổ, chắc chắn người ấy không được toại nguyện.

Vậy, người Phật tử chân chánh nên biết cái vui thế gian là cái vui tạm bợ, cái khổ đói cơm, thiếu áo... cũng là cái khổ tạm bợ nhỏ nhoi, có thể chuyển khổ thành vui được, chớ nên kêu than rên xiết. Phải nhớ đến khổ lớn của vô thường sanh, già, bệnh, chết, mong cầu thoát ra và cố gắng tu hành để được vui Niết-bàn vĩnh viễn.

Quý vị đừng nghĩ rằng kinh này Phật dạy cho hàng Bồ-tát, chúng ta là kẻ không có phần rồi không tu, mà tất cả người tu Phật dù tại gia hay xuất gia, nếu muốn thành tựu quả Phật thì chúng ta phải thực hành hạnh Bồ-tát, tức là chúng ta phải vận dụng trí tuệ quán sát các pháp đúng như thật như lời Phật dạy để đoạn gốc vô minh, trí tuệ dần dần tăng trưởng, tự lợi lợi tha đầy đủ. Không mong cầu quả vị Bồ-tát cũng nghiêm nhiên là Bồ-tát.

Âm:

Đệ lục giác tri:

Bần khổ đa oán,

Hoạnh kết ác duyên,

**Bồ-tát bố thí,
 Đẳng niệm oán thân,
 Bất niệm cứu ác,
 Bất tăng ác nhân.**

Dịch:

*Điều thứ sáu phải nên giác biết:
 Người khổ nghèo lắm kết oán hờn.
 Không duyên tạo ác đâu sờn,
 Bồ-tát bố thí, ai hơn kẻ này.
 Lòng không còn thấy kia đây,
 Ít khi nhớ đến buồn gây thối nào.
 Dù người làm ác biết bao,
 Một lòng thương xót, khổ đau cứu giùm.*

Giảng:

*Đệ lục giác tri:
 Bần khổ đa oán,
 Hoạnh kết ác duyên.*

Điều giác ngộ thứ sáu, Phật dạy Bồ-tát khi làm việc lợi tha phải biết tâm bệnh của chúng sanh là quá nghèo khổ nên hay oán hận, hay kết nhiều duyên ác. Phàm người nghèo khổ có nhiều oán hận là vì thiếu thốn vật chất, lúc nào cũng bị những điều bất như ý bức bách ép ngặt, không bực dọc với người ngoài thì bực bội trong gia đình. Nếu có ai động chạm tới là họ quạu quọ nổi sân giận làm hung làm dữ. Nhất là người không biết tu, không thông

lý nhân quả, khi lâm vào cảnh nghèo khổ đói cơm rách áo thì oán trời trách đất.

Thấy người giàu có hơn mình là sanh tâm đố kỵ, thấy người quyền quý hơn mình là sanh tâm oán ghét, lúc nào cũng có mặc cảm không tốt với người hơn mình; mặc dù người quyền quý giàu có biết tu, không hề khinh chê hay làm phiền lòng họ mà họ vẫn ghét. Vì họ cảm thấy họ khốn khổ đủ điều, còn người giàu sang quyền quý sung sướng đủ cách. Do mặc cảm không tốt đó, không duyên cớ gì mà cấu kết duyên ác xấu, gây kết oan trái với người. Vì vậy mà người nghèo học đạo khó, ngược lại người đủ ăn đủ mặc ít bị những bức bối ép ngặt thì dễ tu.

Là Phật tử đã học Phật pháp, thấu suốt lý nhân quả, nếu hiện tại lâm vào hoàn cảnh nghèo khổ, hiểu rằng mình trước đã gieo nhân keo kiệt bủn xỉn, không biết giúp đỡ ai, lại thêm tham luyến của người. Đã lỡ gieo nhân xấu nên ngày nay nghèo khó, vui chịu không oán trách than van, nỗ lực xả bỏ tâm keo kiệt bủn xỉn, chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt. Cố gắng phát triển hạnh lành phát tâm bố thí giúp đỡ mọi người, đó là đoạn cái nhân nghèo khổ, sẽ được giàu có an vui về sau.

Có nhiều Phật tử than nghèo, cơm không đủ no, áo không đủ mặc, của cải vật chất không có, lấy gì để bố thí? Quý vị nghiệm lại xem, trong đời này có ai nghèo đến nỗi không dư vài ba hột cơm để bố thí cho kiến ăn, hoặc không dư một mảnh vải để băng bó vết thương cho người bị nạn! Chắc chắn ai cũng có những món tối thiểu này.

Tu không phải đợi có tiền nhiều bố thí cúng chùa mới là làm phước, chúng ta biết thương người, nghĩ đến người, tùy theo khả năng, phương tiện sẵn có của mình mà giúp đỡ người. Chẳng hạn nhường chỗ ngồi cho người già yếu khi xe chật, phụ giúp người đi đường gánh bưng quá nặng v.v... Như vậy là chúng ta chuyển đổi tâm niệm keo kiệt bòn sẻn thành tâm bố thí lợi tha, chuyển đổi hành động xấu ác thành lương thiện làm lợi ích cho người vật.

Người nghèo mà sống như thế thì đâu có kết duyên ác gây oán hận với ai. Ngược lại, cứ khư khư ôm ấp tâm niệm xấu xa oán hờn, đã khổ lại chồng chất thêm khổ. Thế nên người Phật tử nghèo hiểu rõ lý nhân quả, phải khéo tu để chuyển đổi hoàn cảnh nghèo nàn đau khổ của mình, trở thành an vui sung sướng trong hiện tại và mai sau.

Ở trước Phật chỉ cho biết nhân luân hồi sanh tử là vô minh. Đến đây Phật dạy gốc nghèo khổ là keo kiệt bòn sẻn, tham lam lấy của người. Phải nỗ lực cố gắng tu để phá trừ nó.

Bồ-tát bố thí,

Đẳng niệm oán thân,

Bát niệm cựu ác,

Bát tạng ác nhân.

Do vì người nghèo khổ hay có tâm bệnh oán hờn, tạo nhiều nghiệp ác, nên Phật dạy Bồ-tát khi làm việc lợi tha, gặp người nghèo khổ như đã nói thì phải thông cảm

cho họ. Nếu họ lỡ kết oán gây hờn thì Bồ-tát hoan hỷ tha thứ và đem lòng từ bi bình đẳng mà đối xử, không phân biệt thân sơ. Tùy theo tâm niệm hoàn cảnh sở cầu của họ, biết họ đang bị khổ ách nào chi phối, đang cần cầu điều gì, theo đó mà giúp cho phù hợp. Như thế mới có kết quả tốt, giống như lương y tùy bệnh cho đúng thuốc thì bệnh mau lành.

Cũng vậy, tăng ni hay Phật tử chẳng những thương cái khổ hiện tại của người bần cùng, mà còn thương cái khổ vị lai của họ nữa. Tìm hiểu tâm niệm hoàn cảnh của từng hạng người để giúp đỡ họ. Phật dạy do nghèo khổ mà phần đông chúng sanh có tâm oán hờn và kết nhiều duyên ác, nên khi gặp những người có hoàn cảnh như vậy, thì phải phương tiện giúp cho họ bớt khổ, nghèo thiếu trong hiện tại, sau đó hướng dẫn cho họ học hiểu đạo lý, biết nhân nào là ác xấu, phải chịu quả báo khổ đau thì nên tránh, nhân nào là tốt, cần phải làm để được an vui lợi ích.

Khi tăng ni hay Phật tử ra làm lợi ích cho chúng sanh, luôn nhớ chúng sanh nghèo khổ, nhiều lòng tham, nhiều oán hờn. Chẳng hạn đi phát gạo phát tiền, họ lãnh rồi trở lại lãnh nữa, lãnh nhiều lần như vậy; hoặc họ đến muộn, phẩm vật chia đã hết, họ tức giận chửi mắng. Chúng ta nên thông cảm và thương họ đang bị nghèo khổ ép ngặt, mất sự sáng suốt bình tĩnh, tha thứ và an ủi họ mà không buồn giận.

Phật lại dạy thêm, Bồ-tát khi bố thí là do lòng từ bi bình đẳng, đối với kẻ oán người thân đều bố thí

ngang nhau, không nhớ nghĩ những điều ác mà họ đã làm ngày xưa và cũng không hề ghét bỏ người hung dữ. Việc làm này hơi cao, người thường khó thực hiện được. Nhưng đó là tinh thần Đại thừa, nhằm lấy ân báo oán, khởi tâm từ bi hỷ xả, vong kỷ lợi tha.

Nên khi ra làm việc, chúng ta cần phải xem xét tâm niệm mình có còn vị kỷ không? Có còn thân sơ không? Có còn nhớ nghĩ đến oán cừu xưa không? Nếu còn thì phải tiến tu hơn nữa, để chuyển hóa tâm niệm nhỏ hẹp cho xứng đáng với lời Phật dạy. Vì nếu chúng ta còn vị kỷ thì không thể nào thực hiện đúng lời Phật dạy. Giả sử có người giàu có quyền thế lấn áp chúng ta, sau đó họ sa cơ thất thế nghèo khổ, ngược lại chúng ta được quyền thế giàu có. Trong một dịp đi bố thí gặp lại người lấn áp mình ngày xưa, chúng ta không hoan hỷ cho người đó. Như vậy là chúng ta còn nhớ lỗi xưa của họ, chúng ta còn tâm vị kỷ hẹp hòi, chưa có tâm hỷ xả. Bồ-tát thì không như vậy, dù xưa họ có làm khổ các ngài, nay thấy họ khổ, các ngài vẫn ra tay cứu giúp.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy: *Bố thí cho một trăm người dữ ăn không bằng bố thí cho một người hiền. Bố thí cho một ngàn người hiền, không bằng bố thí cho người giữ năm giới. Bố thí cho mười ngàn người giữ năm giới, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn... Cúng dường một trăm ức vị Bích-chi Phật không bằng cúng dường một vị Phật.* Nghĩa là bố thí cho người tu cao chừng nào, thì có phước nhiều chừng nấy. Song, tại sao kinh này Phật lại dạy bố thí phải bình đẳng? Đồng là lời Phật dạy sao có sự mâu thuẫn nhau? Vậy kinh nào dạy đúng với tôn chỉ của Phật?

Tôi xin đưa ra một thí dụ để giải thích đoạn này cho quý vị hết nghi ngờ. Phật tử nào lớn tuổi có con đông khéo dạy dỗ con thì sẽ thông cảm điều này. Khi con còn nhỏ, quý vị thường dạy: “Con phải chọn bạn mà chơi, đứa nào hiền lành siêng học nên thân cận gần gũi, đứa nào hung dữ biếng nhác nên tránh xa, vì gần nó sẽ nhiễm những thói hư tật xấu, mà hỏng cả cuộc đời”. Khi con khôn lớn học hành thành tài, có đức hạnh trí tuệ vững vàng, quý vị lại khuyên con: “Con hãy coi bạn bè, đứa nào nghèo khó, kém đạo đức nên tới lui giúp đỡ cho nó được tốt được vui...”.

Sở dĩ quý vị khuyên dạy các con như thế, là vì con quý vị có đủ khả năng tự chủ và làm lợi ích cho người, góp phần xây dựng cho xã hội được tốt đẹp, chứ không còn đóng khung bằng cách dạy con phải gần người hiền người tốt mãi. Cũng như thế, người mới tu, tập khí tham sân si phiền não còn dày, mà sức huân tu còn kém, nên Phật dạy tránh xa người dữ, gần gũi người trí người hiền để được duyên thuận, được yên ổn dễ tu dễ tiến. Đến khi phiền não tham sân si cạn mỏng, đạo lực vững, có đức tự chủ không bị chi phối bởi nghịch duyên, thì Phật dạy nên giúp đỡ làm lợi ích mọi người, giúp kẻ dữ người hiền như nhau. Người mới tu đạo lực non yếu cần bạn lành duyên tốt để tiến, còn tu lâu có đạo lực, nếu ở trong cảnh thuận hoàn sẽ bị chìm trong ấy không tiến được.

Giả sử có người tu lâu, ăn trên ngồi trước mọi người, Phật tử đến chùa đều đánh lễ cúng dường, muốn gì được nấy, tha hồ hưởng thụ, không gặp khó khăn thử thách nên không biết mình tu đến đâu? Tuy tu mà không có ai chọc phá nên không biết sân giận phiền não còn hay hết.

Hoặc không có ai bỏ đói, đâu có biết kham nhẫn cơn đói đến đâu? Vì vậy, giai đoạn sau của người tu, cần phải có thử thách, để trải nghiệm xem tu đã thật sự tiến bộ chưa? Có đối xử bình đẳng giữa kẻ xấu người tốt, kẻ sơ người thân chưa?

Thế nên tu trong cảnh thuận được an ổn thấy có tiến bộ, thì chưa tin mình đã tiến thật sự, an ổn thật sự. Khi nào gặp nghịch duyên thử thách mà vẫn thản nhiên an ổn vượt qua thì mới thật là tiến bộ. Thí dụ tôi tuyên bố tu hạnh nhẫn nhục, nhưng tôi cứ ở trong cảnh thuận, không có người đến chửi mắng khi dễ, vu oan giá họa, thì làm sao tôi biết được tâm nhẫn nhục của tôi đến đâu? Người tu khi phát nguyện tu hạnh nào, cần phải có duyên nghịch để thử thách cho vượt qua mới thành tựu hạnh tu. Giống như đứa học trò qua một năm học, cuối năm, chịu sự khảo hạch của giám khảo, trả lời đúng mới được đậu. Việc tu hành nói thì dễ, tưởng tượng thì dễ, sống trong thuận cảnh cũng dễ. Nhưng, đối diện với thử thách, vượt qua một cách thản nhiên, không bị sân si phiền não làm ô nhiễm mới thật là khó.

Thế thường, người đời khi bị chửi mắng, đánh đập, lấn hiếp thì cho đó là ma quỷ theo phá không cho tu. Ngược lại, đối với người tu Phật, thấy đó là Bồ-tát nghịch hạnh, giúp cho mình cái duyên thù thắng để sớm thành tựu viên mãn công hạnh tu hành. Vậy khi quý vị phát tâm tu, nếu gặp duyên thuận gần gũi được bạn lành tận tâm giúp đỡ mọi mặt, thì biết đó là thiện hữu tri thức ở mặt thuận, chúng ta cũng phải nỗ lực tu tiến,

chớ bằng lòng trong cảnh thuận rồi quên tu. Nếu gặp nghịch duyên, người xấu ác phá phách làm chướng ngại, thì biết mình đang gặp thiện hữu tri thức ở mặt nghịch, chúng ta càng cố gắng nỗ lực vượt qua, không thối chí nản lòng bỏ tu. Đối trước người giúp đỡ hay làm chướng ngại mình vẫn bình thản, tâm không chao động, ấy mới là oán thân bình đẳng, khi giúp đỡ họ thì giúp như nhau tâm không thiên vị. Hiểu như thế, chúng ta sẽ không thắc mắc khi đọc kinh Pháp Hoa thấy Phật kể chuyện Đề-bà-đạt-đa trải qua nhiều kiếp về trước, tạo nhiều duyên nghịch trong đời tu hành của Phật. Sau đó Phật kết luận Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ngài, nhờ thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa mà ngài mau thành tựu Phật quả.

Người tu mà chỉ mong gặp cảnh thuận, gặp người hiền thì không biết rõ khả năng tu của mình. Người mong ước như thế chỉ tu với Phật chứ không tu với chúng sanh. Song, Phật không cần chúng ta tu với ngài, vì lạy Phật hoài ngài cũng không mừng, chê Phật mãi ngài cũng không buồn. Thế nên không cần tu với Phật, mà phải tu với chúng sanh, thì sự tu hành mới có ý nghĩa. Muốn được như thế, phải luôn nhớ người chửi mắng gây phiền chướng cho mình, biết đâu là Bồ-tát thị hiện giúp mình tu tiến.

Chúng ta không nên tưởng Bồ-tát là những vị từ trên trời giáng xuống, có hào quang có phép linh, để chúng ta đến đánh lễ cầu xin việc này việc nọ. Bồ-tát hiện thân rất thực tế, có khi lại tầm thường, ở bên cạnh

mà chúng ta không biết. Sách xưa ở Trung Hoa có ghi lại câu chuyện: Tại chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai có hai vị Bồ-tát tên Hàn Sơn và Thập Đắc. Ngài Hàn Sơn không ai biết rõ tông tích. Một hôm trời lạnh như cắt, ngài từ trong núi lạnh đi ra, quần áo rách rưới bẩn thỉu, vô chùa xin ở. Do từ núi lạnh đi ra, nên ngài được gọi tên là Hàn Sơn. Còn ngài Thập Đắc thì do thiền sư Phong Can đi khát thực về, gặp đứa bé bị bỏ bên đường bơ vơ, ngài đem về chùa nhờ nuôi, đặt tên là Thập Đắc, nghĩa là lượm được.

Hai vị sống trong chùa rất là bần hàn, ăn thì không ngồi trên quá đường như chúng, lại ra sau bếp lượm cơm dư cơm đổ, lọc rửa lại để ăn. Ngủ thì ngủ ngoài hiên chùa, sống không cần ai biết đến. Tuy nhiên, các ngài sống rất vô tư hồn nhiên. Sau khi thiền sư Phong Can tịch, quan tri phủ ở gần chùa bị bệnh, mộng thấy ngài Phong Can chỉ cho món thuốc, ông uống lành bệnh, nên ông rất tin tưởng ngài.

Lại một hôm ông mộng thấy ngài Phong Can bảo ông có muốn đánh lễ Bồ-tát, thì đến chùa Quốc Thanh tìm hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc mà đánh lễ, hai ngài là Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền thị hiện. Quan tri phủ đến chùa tìm, Hòa thượng trụ trì bắt đắc dĩ cho gọi hai ngài ra. Tuy thấy hai ngài ăn mặc lôi thôi dơ bẩn, thái độ ngây ngô, nhưng ông vẫn đánh lễ. Hai ngài biết tông tích mình đã bại lộ liền cùng nhau chạy vô núi, mất luôn. Đó là Bồ-tát thật mà mọi người không nhận ra được.

Nên người đời thường ỷ mình khôn lanh, tranh giành hơn thua, lắm khi phạm tội với Bồ-tát mà không hay!

Tóm lại, điều giác ngộ thứ sáu Phật dạy Bồ-tát khi làm việc lợi tha, phải biết rõ tâm lý hoàn cảnh căn cơ của từng người, thực hành lòng từ bi bình đẳng, không phân biệt thân sơ ân oán, tha thứ mọi lỗi lầm cho người, nhất là thương xót cứu giúp người nghiệp chướng nặng nề tạo nhiều tội ác.

Âm:

Đệ thất giác ngộ:

Ngũ dục quá hoạn.

Tuy vi tục nhân,

Bất nhiễm thế lạc,

Thường niệm tam y,

Ngõa bát pháp khí,

Chí nguyện xuất gia,

Thủ đạo thanh bạch,

Phạm hạnh cao viển,

Từ bi nhất thiết.

Dịch:

Điều thứ bảy là thường giác ngộ:

Năm dục gây lầm lỗi ngất trời.

Tuy người thế tục ngoài đời,

Mà lòng không nhiễm vui chơi thế tình.

*Ba y thường nhớ của mình,
 Ngày nào sẽ được ôm bình ngao du.
 Chí mong là tục đi tu,
 Đạo gìn trong sạch chẳng lu không mờ.
 Hạnh lành cao vút kính thờ,
 Thương yêu tất cả không bờ bến đâu.*

Giảng:

Điều giác ngộ thứ bảy, đức Phật dạy cho hàng cư sĩ tại gia hạnh *ly nhiễm xuất thế*. Nghĩa là lìa xa ô nhiễm và ra khỏi thế gian. Vì sao? Vì năm dục tài, sắc, danh, thực, thù hay sắc, thanh, hương, vị, xúc là lỗi lầm là tai họa, khiến cho con người chịu nhiều khổ đau truyền kiếp.

Thế nên người cư sĩ tại gia biết rõ tai họa của năm dục, thân tuy còn trong thế tục, mà không nhiễm trước dục lạc thế gian, lại còn nuôi chí nguyện xuất gia để thực hành hạnh tự giác giác tha. Nghĩa là tâm thường nhớ tưởng mong cầu ngày nào đó, mình sẽ được xuất gia thoát tục, đắp y mang bát đi khất thực, sống phạm hạnh thanh tịnh, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, chứ không ở hạn hẹp trong phạm vi gia đình nhỏ bé.

Vì thế mà người Phật tử học đạo có tâm cầu tiến, phải nuôi chí xuất trần siêu việt không tự mãn mình là cư sĩ tu giữ năm giới đủ rồi. Người có quan niệm như vậy là người không cầu tiến, đã giẫm chân đứng tại chỗ. Chúng ta tu cũng giống như học trò đi học, học hết

chương trình cấp một, phải lên cấp hai, cấp ba rồi lên đại học. Nếu chỉ học cấp một rồi dừng ngang đó, thì kiến thức chẳng được bao nhiêu và không thể dạy lại cho người sau. Nếu đời này Phật tử lỡ tạo những nghiệp duyên ràng buộc, chi phối khó tu không thể cắt gỡ ra được, phải cố gắng gieo duyên lành, nguyện đời sau sớm gặp Phật pháp để xuất gia. Nếu không nuôi chí nguyện như thế, thì đời này kiếp khác mãi vướng bận trần lao, không bao giờ ra khỏi. Vì sao? Vì đời sống của người cư sĩ tại gia lắm điều ràng buộc, nhiều chướng duyên ngăn ngại khó tu khó tiến. Nhìn vào lịch sử, chúng ta thấy hai vị Giáo chủ của hai tôn giáo lớn là Phật và Chúa, và những bậc đặc đạo giải thoát, đa số là người xuất gia từ bỏ gia đình nhỏ hẹp buộc ràng, sống đời sống vô gia đình vì nhân loại vì chúng sanh. Tuy nhiên, cũng có vài trường hợp đặc biệt, ở Trung Hoa có Bàn Long Ẩn, ở Việt Nam có Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Thánh Tông là người cư sĩ ở trong trần thế mà không nhiễm bụi trần.

Tóm lại, điều thứ bảy, Phật khuyên hàng cư sĩ tại gia, tuy đang ở trong trần lao ô nhiễm, tâm luôn nhớ dục lạc thế gian là lỗi lầm là tai họa, phải nuôi chí nguyện xuất trần, giữ phạm hạnh thanh tịnh làm lợi ích cho chúng sanh.

Âm:

Đệ bát giác tri:

Sanh tử xí nhiên.

Khổ não vô lượng,

Phát đại thừa tâm,
 Phổ tế nhất thiết.
 Nguyên đại chúng sanh,
 Thọ vô lượng khổ,
 Linh chư chúng sanh,
 Tất cánh đại lạc.

Dịch:

*Điều thứ tám lại nên giác ngộ:
 Tử sanh hoài đau khổ vô cùng.
 Phát tâm đồng mãnh đại hùng,
 Quyết lòng độ hết đồng chung Niết-bàn.
 Thà mình chịu khổ muôn vàn,
 Thay cho tất cả an nhàn thanh thoi.
 Mọi người đều được vui tươi,
 Đến bờ giác ngộ rạng ngời hào quang.*

Giảng:

*Đệ bát giác tri:
 Sanh tử xí nhiên.
 Khổ não vô lượng,
 Phát đại thừa tâm,
 Phổ tế nhất thiết.*

Điều giác ngộ thứ tám, Phật dạy việc sanh tử của chúng sanh quá nhiều, liên tục không dứt, nên sự khổ não

không thể nào kể hết được, mỗi lần chết đi sanh lại là chịu nhiều khổ đau. Hiện tại chúng ta đang mang thân này, là đã trải qua vô lượng kiếp bỏ thân rồi mang thân.

Như vậy thì sự khổ não không thể tính kể. Quý vị thử xét lại xem, như ở trước đã nói, chỉ một đời này thôi chúng ta cũng đã chịu nhiều đau khổ, huống là trải qua nhiều đời. Khi lọt lòng mẹ mở mắt chào đời cất tiếng khóc vang là một lần khổ, rồi lớn dần, mỗi khi biết lật biết bò, biết ngồi biết đi... là ấm đầu nhuộm bệnh... Khi lớn khôn đi học hay đi làm ăn xa, mỗi lần xa cách là mỗi lần nhớ thương đau khổ. Lại mỗi lần buồn lo, sợ hãi, giận ghét là mỗi lần đau khổ. Lại nữa, mỗi lần yếu đau bệnh hoạn hay chết chóc của người thân hoặc của mình là mỗi lần đau khổ... Một đời người chuyện buồn lo thương ghét giận hờn... xảy ra không biết bao nhiêu lần, không thể tính hết được. Như vậy vô lượng vô số kiếp niềm đau nỗi khổ của chúng sanh làm sao tính đếm được!

Chúng sanh vì mê muội hiện sống trong đau khổ lại tưởng là vui, cứ đắm mình trong đau khổ. Chết đi sanh lại là khổ mà có ai biết chán biết sợ! Sống trong đau khổ mà nghe nói chết là không ưng. Ai cũng muốn cho mình được sống lâu. Nhưng thử hỏi sống để làm gì? Đa số người đời mong sống lâu để thọ hưởng ngũ dục, chứ không biết nương nhờ mạng sống để tu, để giải quyết cái khổ sanh tử luân hồi. Nhiều người lầm tưởng người tu do chán đời sợ khổ, nên trốn vô chùa để ẩn dương nương Phật, tránh không còn thấy không còn bị khổ nữa. Người tu với tâm niệm như thế thì tu không tiến bộ, không lợi ích.

Người tu cần phải có trí tuệ, trước là phản tỉnh phá trừ vô minh phiền não tự tâm, sau đó phát tâm Đại thừa làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Phát tâm Đại thừa làm lợi ích cho tất cả chúng sanh bằng cách nào? Nguyên thay chúng sanh chịu vô lượng khổ. Giả sử có người phạm pháp bị tội, chính quyền đang truy nã tội phạm. Lúc đó có người phát tâm ra nhận tội thế cho kẻ phạm pháp, chính quyền bắt người nhận tội hành hình chứ không bắt người phạm pháp. Đó là trường hợp thay chúng sanh chịu khổ.

Tuy nhiên, ở đời có mấy ai tốt bụng như thế. Giả sử bị đổ tội thì lại kêu oan không nhận tội. Như vậy với tâm niệm của chúng sanh, ai cũng muốn cho bản ngã mình được sung sướng, luôn bảo vệ cho bản ngã được an ổn, chứ không ai chịu khổ thế cho ai, ngoại trừ hàng Bồ-tát. Song Bồ-tát thay chúng sanh chịu khổ như thế nào?

Trước tôi giải thích những việc của chúng sanh và sự đau khổ của sanh tử. Sau đó mới nói đến thay chúng sanh chịu khổ của Bồ-tát.

Trong kinh có ghi lại đoạn Phật nói về tương lai:

- Qua thời kỳ kiếp giảm, sẽ tới thời kỳ kiếp tăng. Khi tuổi thọ con người tăng lên đến tám mươi bốn ngàn tuổi thì Phật Di-lặc ra đời. Khi Phật Di-lặc ra đời thì có một vị Chuyển luân thánh vương cũng ra đời cai trị thiên hạ bằng chánh pháp. Bấy giờ dân chúng được an cư lạc nghiệp sống đời thái bình. Khi nghe Phật nói như vậy, một vị Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con nguyện tu cho đến khi đức Phật Di-lặc ra đời, con sẽ làm vị Chuyển luân thánh vương đó, để đem giáo pháp của Phật ra giáo hóa chúng sanh.

Đức Phật bèn duỗi ngón tay xuống đất, khơi một chút phân trâu (tập tục Ấn Độ thường dùng phân trâu để tráng nền nhà), ngài đưa ngón tay có dính phân trâu lên, hỏi đại chúng:

- Ngón tay ta có dính chút phân trâu là dơ hay sạch?
- Bạch Thế Tôn, dơ.
- Như vậy đáng bỏ hay đáng giữ?
- Đáng bỏ.

Phật dạy: Một chút phân trâu dính trên đầu móng tay còn chán sợ phải bỏ, huống nữa là nhiều. Cũng thế, mỗi một lần sanh tử là mỗi một lần khổ đau như nhớp. Như nhớp gấp bao nhiêu lần chút phân trâu này mà ông không biết chán sợ, lại muốn sanh tử nhiều lần, chờ chừng đó để làm Chuyển luân thánh vương có phải là ngu si không?

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ một lần sanh tử là chịu vô số khổ não. Vì vậy, mà phải biết đặt vấn đề: Làm sao giải quyết việc sanh tử của mình cho xong, để rồi còn giúp người khác giải quyết sanh tử của họ nữa. Khi đã được nghe kinh, sớm giác ngộ, mà cứ quan niệm rằng: “Thôi mình an phận, cứ lo làm phước lành, mong cầu đời sau được giàu sang sung sướng, hưởng phước báo ở cõi trời cõi người...”. Người quan niệm như thế là

không có tâm muốn thoát ly khổ sanh tử luân hồi, vì khi hưởng hết phước thì sẽ bị đọa. Thế nên người trí phải tỉnh giác, thấy rõ sanh tử là nỗi khổ lớn cần phải thoát ra, chớ có lầm tưởng sống đây là khỏe mạnh là hạnh phúc, rồi không chịu tu hành cứ đắm chìm mãi trong đó.

Ở đây Phật chỉ cho chúng ta thấy vòng sanh tử liên tục, sự khổ não không thể nào đo lường hết được, để chúng ta phát tâm cần cầu thoát ra khỏi vòng khổ não đó và thay chúng sanh chịu khổ.

Thay chúng sanh chịu khổ, không phải thấy người khuôn vác gánh gồng ngoài phố ngoài đồng nặng nhọc, chúng ta đến đó xin gánh giùm cho họ. Nếu thay như thế thì chúng ta chỉ thay được vài người thôi, còn bao nhiêu người khác khổ cực ai thay cho họ? Ít người gánh gồng khuôn vác nặng nhọc, chúng ta thế được, còn khổ vì bệnh hoạn phiền não, chết chóc thì làm sao thế được? Tất cả bệnh như tim, gan, phổi, ruột... ai đau người ấy phải chịu. Hoặc buồn rầu, lo sợ, giận tức... ai phiền não thì người đó mang. Hay chết chóc, dù con cũng không thể cho cha được, vợ cũng không thể cho chồng được... Chỉ thay bằng cách đem lời Phật dạy, phá mê đánh thức cho người khổ đau tỉnh giác, hết mê lầm, không tạo nghiệp ác để thọ quả khổ, và không còn đi trong luân hồi sanh tử nữa.

Song, đem lời Phật dạy ra nói suông để người nghe suông chưa được, mà tự mình phải chịu cực khổ nhọc nhằn, thức khuya dậy sớm để học để tu, tìm cầu cho ra lý đạo, rồi đem đạo lý được giác ngộ ra giảng giải cho mọi người nghe, và hướng dẫn cho họ tu hành

khiến họ giác ngộ, thoát vòng luân hồi sanh tử. Thay cái khổ cho chúng sanh là thay như thế.

Khi xưa, Thái tử Sĩ-đạt-ta (Siddhata) giác ngộ lý vô thường sanh già bệnh chết khổ đau của kiếp người, ngài liền bỏ cung vàng điện ngọc, đi tu để tìm một lối thoát, trước tự cứu mình sau cứu độ chúng sanh, vì ngài thấy rõ mình cũng đang chìm đắm trong sanh tử khổ đau cần phải thoát ra trước, rồi mới có thể cứu người thoát ra sau.

Quý Phật tử nghe Phật dạy thân chúng ta không thật, chỉ là tạm bợ vô thường là khổ, không, vô ngã, nên sự còn mất của thân này không còn là vấn đề quan trọng nữa, nhờ vậy mà bớt chấp về thân. Bớt chấp thân thì bớt khổ về thân. Thí dụ, từ trước có người bị tai nạn hay đau bệnh thì khóc suốt suốt kêu than thảm thiết. Sau, biết tu hành có tỉnh giác tuy gặp tai họa, ốm đau hay chết chóc, họ không còn lo sợ buồn khổ khóc lóc nữa. Lại, bớt chấp tâm là bớt khổ về tâm. Chẳng hạn người bị mạ lỵ chỉ trích, khi chưa biết tu thì tự ái buồn phiền khổ sở, nhưng khi biết tu thì tự xét lại mình xem có vấp phải lỗi lầm ấy không? Nếu xét thấy có lỗi thì sửa chữa, nếu không có lỗi thì bỏ qua, lòng an ổn, lo tiến tu. Sở dĩ lâu nay chúng ta khổ nhiều là do chúng ta mê mờ thấy biết sai lầm, cùng một sự việc xảy ra mà khi mê thì khổ, lúc tỉnh thì an, có khác nhau.

Ngay trong cuộc sống này, người giác ngộ biết tu đã làm vơi đi mọi sự khổ đau rồi. Như thế, Phật không cứu khổ cho chúng sanh là gì? Tuy nhiên, nói Phật cứu chúng ta, nhưng kỳ thật mình tự cứu lấy mình. Vì nhờ

Phật chỉ dạy pháp tu, chúng ta học hiểu và ứng dụng vào cuộc sống, nên bớt khổ an vui, tức là đã tự cứu lấy mình. Như vậy là mỗi người đều có sẵn Phật của mình, nên ở bất cứ trường hợp nào cũng được an ổn. Như trường hợp một Phật tử người Việt gốc Hoa ở Vĩnh Long, giỏi chữ Hán, thâm hiểu Phật pháp. Trước kia sư cụ Huệ Quang có tặng cho Phật tử ấy một cuốn kinh Pháp Bảo Đàn, dặn dò hãy đọc cho kỹ để ứng dụng tu hành. Đạo hữu đọc mãi gần thuộc lòng. Một hôm công việc làm ăn bất ổn sao đó, đạo hữu bị bắt nhốt trong khám. Những người cùng bị giam buồn rầu than oán rên xiết, còn đạo hữu thì nhớ lời Phật dạy cố gắng tu hành, cứ ngồi thiền hoài, nhờ lo tu mà không thấy khổ. Chúng ta thấy cùng một hoàn cảnh, người không biết tu thì đau buồn khổ não, người thâm hiểu Phật pháp biết tu hành vẫn được an ổn không khổ đau.

Nếu không vạch rõ ra thì quý Phật tử không hiểu, cứ thắc mắc kinh nói Phật cứu chúng sanh, sao chúng sanh khổ mà ngài không hiện ra để cứu? Chớ thiên cận! Đừng tưởng Phật cứu là đưa tay kéo mình lên, hoặc bị nhốt trong khám, Phật mở cửa khám đưa mình ra. Không phải vậy! Phật cứu khổ chúng sanh là chỉ dạy cho thấy rõ lý vô thường khổ, không, vô ngã, rồi chúng sanh nương theo lời Phật dạy tu hành, tự mình thoát khỏi sanh tử khổ đau và cứu giúp người được hết khổ như mình. Hiểu như vậy mới không lầm phát tâm Đại thừa, nguyện thay chúng sanh chịu khổ là làm mọi việc nặng nhọc thế cho mọi người, mà mọi người phải lưu ý là, chính mình tu cho hết phiền não mê mờ dứt

khổ đau, mới đủ khả năng, đủ sáng suốt hướng dẫn người khác tu. Nếu tự mình không tu, không hết phiền não vô minh, trí tuệ chưa sáng, làm sao hướng dẫn người ta tu? Cũng giống như muốn cứu người sắp chết chìm giữa dòng sông, điều kiện tất yếu là mình phải biết lội, lội giỏi, có thuyền bè hoặc phao nổi thì mới cứu được. Ngược lại, nếu thấy người đang lặn hụp sắp chết chìm giữa dòng sông, lòng thương xót muốn cứu vớt, mà không biết lội, không phao nổi, không thuyền bè làm sao cứu? Chỉ thương suông thôi!

Lội giỏi, thuyền bè, phao nổi, chỉ cho sự tu hành, đoạn dứt vô minh phiền não, hết khổ đau, trí tuệ sáng suốt, đạo lực vững vàng. Người như thế mới đủ khả năng tế độ người đang trầm luân trong sanh tử khổ đau.

Thí dụ quý vị có bạn bè hay thân nhân gặp tai nạn, hoặc làm ăn bị thất bại họ đau buồn khổ sở. Quý vị gặp hoàn cảnh như vậy, cũng buồn rầu khổ não như họ, thử hỏi quý vị có thể khuyên bảo họ bớt buồn bớt khổ được không? Chắc chắn là không. Vì quý vị đâu tỉnh sáng, đâu có lời chân lẽ thật để khuyên. Chỉ khi nào quý vị tu giác ngộ giải thoát rồi, gặp hoàn cảnh xuôi ngược thế nào cũng vẫn an nhiên tự tại, thì mới có thể khuyên họ được. Như vậy, chúng ta phải tự tạo cho mình một đời sống an vui sáng suốt tự chủ. Tức là chúng ta lấy trí tuệ và từ bi làm chiếc bè, làm phao nổi, để chở mình và đưa người qua bể khổ lên bờ giác ngộ.

Hàng Bồ-tát phát tâm Đại thừa, muốn cho chúng sanh được an vui, nên các ngài phải hy sinh chịu đựng

mọi gian khổ, khép mình vào thanh quy giới luật, thức khuya dậy sớm tu hành, mong cầu sớm được giác ngộ giải thoát để rồi giúp chúng sanh cũng được giác ngộ giải thoát. Người tu chân chánh có hai trường hợp xuất gia:

Trường hợp thứ nhất: Thấy cuộc đời lắm chuyện nhiều nhương đau khổ, sợ khổ mà đi tu. Đi tu để tự cứu mình.

Trường hợp thứ hai: Thấy chúng sanh bị trầm luân trong sanh tử khổ đau không thoát ra được, nên phát tâm đi tu tìm cho ra lối thoát để cứu độ chúng sanh, đó là hàng Bồ-tát Đại thừa đi tu. Cũng như người đóng thuyền để cứu vớt người, chứ không nghĩ đóng thuyền chỉ để chở mình. Nhưng khi chèo thuyền cứu người bị chết chìm, thì mình đã thoát chết rồi. Nghĩa là khi phát tâm nghĩ đến sự lợi tha là mình đã được phần tự lợi rồi. Tức là chăm lo cứu người là mình đã tự cứu mình vậy.

Trong kinh Phật có kể lại câu chuyện:

Vào một kiếp xa xưa, có người thợ săn giết nhiều thú rừng. Sau khi chết đọa vào địa ngục kéo xe chở vật nặng và bị đánh đập đau đớn khổ sở. Trong khi bị đánh đập khổ sở, thợ săn chợt thấy một cây trụ đồng cháy đỏ, hơi nóng tỏa ra hừng hực, quỷ sứ bắt người ném vào, họ la khóc kinh khủng. Thấy vậy, thợ săn động lòng thương xót, phát thệ nguyện: “Tôi xin chịu khổ một mình trong địa ngục này, để thế cho mọi người, cầu mong mọi người được thoát ra an ổn, không còn khổ sở nữa”. Ngay sau đó cảnh khổ của địa ngục không còn đối với người thợ săn.

Do tâm từ bi rộng lớn của người thợ săn, nguyện chịu khổ thế chúng sanh, nên chuyển hóa được cảnh khổ của ông. Vì vậy nên nói: *Trong lợi tha đã có tự lợi.*

Người tu hành khi thấy chúng sanh bị khổ, cảm nhận như mình bị khổ, đó là người đại phát tâm, đại tu hành. Thế nên khi vì người mà hoan hỷ chịu lao nhọc khổ khó thay cho người, thì không cảm thấy bức bối khổ não, vì tâm cao thượng thương người bộc phát mạnh, lấn át mọi ý niệm khổ đau. Ngược lại người chỉ muốn cho mình được sung sướng an lành mà bị khổ, thì cảm thấy bức bối khổ não vô cùng. Khổ nhiều hay khổ ít là do tâm lượng rộng hẹp của con người mà ra vậy. Ví như người mê mờ, không sáng suốt làm điều sai quấy lỗi lầm, bị quả trách la rầy nên tự ái lo buồn, bèn biện hộ bào chữa, không nhận lỗi. Vì thế chúng bạn nhìn họ với tâm dò xét nghi ngờ. Một người bên cạnh thấy vậy, đứng ra nhận lỗi thay để đánh tan sự dò xét nghi ngờ trong chúng. Khi bị khiển trách la rầy, người nhận lỗi không thấy buồn khổ, lại còn vui, vì họ có đủ sáng suốt và tự chủ. Quả thật như vậy, khi đã phát tâm thay thế chịu khổ để cứu độ người, thì tâm mình thấy vui mà không thấy khổ. Vì niệm từ bi hỷ xả đã tỏa rộng ra, thì niệm đau khổ đoạn diệt.

Người tu Phật thường lấy cái khổ của người làm cái khổ của mình để lo cứu giúp; lấy cái vui của người làm cái vui của mình, mà không đố kỵ ty hiềm thì thường vui hơn là khổ. Để thấy rằng khi phát tâm từ bi rộng lớn, thì tâm niệm ích kỷ khổ đau ngay đó liền tiêu tan,

nên hết khổ. Khi nào mọi người đều mở rộng lòng thương cứu giúp cho nhau, thì mọi sự khổ trên thế gian này không còn nữa.

Cho nên hàng Bồ-tát phát tâm Đại thừa, chỉ vì thấy được cái khổ thống thiết của sanh tử luân hồi, mà chúng sanh đang gánh chịu, nên các ngài khởi nguyện đi vào lục đạo để làm lợi ích cho chúng sanh. Trong kinh nói: *Bồ-tát dĩ lợi sanh vi bản hoài*. Nghĩa là Bồ-tát lấy việc lợi ích chúng sanh làm hoài bão chánh, nên các ngài đi từ nơi này đến chỗ kia, làm tất cả mọi việc, chỉ vì mục đích là cứu độ cho chúng sanh hết khổ.

Người biết thương xót chúng sanh, nỗ lực tu học, để giảng giải cho mọi người thấy rõ cái khổ sanh tử luân hồi, mà chán sợ không tạo tác nhân trầm luân ấy nữa. Người hiểu và làm được như vậy, tự mình dứt khổ đau được vui lớn là giải thoát Niết-bàn. Ở đây không nói riêng hàng Bồ-tát, mà tất cả mọi người trong chúng ta đều nên phát tâm và làm như thế.

Âm:

Như thử bát sự,

Nãi thị chư Phật,

Bồ-tát đại nhân,

Chi sở giác ngộ,

Tinh tiến hành đạo,

Từ bi tu tuệ,

Thừa pháp thân thuyền,

Chí Niết-bàn ngạn,
Phục hoàn sanh tử,
Độ thoát chúng sanh.
Dĩ tiên bát sự,
Khai đạo nhất thiết,
Linh chư chúng sanh,
Giác sanh tử khổ,
Xả ly ngũ dục,
Tu tâm Thánh đạo.
Nhuộc Phật đệ tử,
Tụng thủ bát sự,
Ư niệm niệm trung,
Diệt vô lượng tội,
Tiến thú bồ-đề,
Tốc đẳng chánh giác,
Vĩnh đoạn sanh tử,
Thường trụ khoái lạc.

Dịch:

*Tám điều như thế dạy qua,
Chính hàng Bồ-tát cùng là Thế Tôn,
Đã từng giác ngộ lẽ chân,
Tiến tu đạo hạnh vô ngần từ bi.
Đốt đèn trí tuệ phá si,
Pháp thân thuyền quý dạo đi Niết-bàn.*

Trở vào sanh tử thanh nhàn,
 Chúng sanh độ thoát an toàn vui lây.
 Lại dùng tám việc trước này,
 Mở đường khai lối dắt dìu chúng sanh.
 Khiến cho hết thấy biết rành,
 Tử sanh khổ não đừng manh chớ mờ.
 Xa lìa năm dục đục lờ,
 Tâm tu đạo Thánh không giờ nào quên.
 Nếu là Phật tử phải nên,
 Tám điều như thế hằng đem tụng hoài.
 Ở trong mỗi niệm hằng ngày,
 Bao nhiêu tội lỗi diệt rày sạch trơn.
 Bồ-đề hoa báu nhẹ thơm,
 Trên bờ chánh giác gót chân giẫm liền.
 Hằng hà sanh tử lưu linh,
 Thường vui yên ổn tâm tình tiêu tan.

Giảng:

Như thử bát sự,
 Nãi thị chư Phật,
 Bồ-tát đại nhân,
 Chi sở giác ngộ,
 Tinh tiến hành đạo,
 Từ bi tu tuệ,
 Thừa pháp thân thuyền,
 Chí Niết-bàn ngạn.

Chư Phật và Bồ-tát, hàng đại nhân được giác ngộ là do tinh tấn tu hành, phát tâm tu hạnh từ bi cứu giúp chúng sanh. Các ngài luôn luôn thắp lên ngọn đuốc trí tuệ nơi tâm mình, để phá trừ si mê mờ tối, kết quả là ngộ được Pháp thân chứng Niết-bàn. Nên nói ngòi thuyền Pháp thân đến bờ Niết-bàn. Đó là phần thứ nhất, chư Phật và Bồ-tát y cứ nơi tám điều này, mà tinh tấn tu hành ngộ Pháp thân chứng Niết-bàn.

*Phục hoàn sanh tử,
Độ thoát chúng sanh,
Dĩ tiền bát sự,
Khai đạo nhất thiết,
Linh chư chúng sanh,
Giác sanh tử khổ,
Xả ly ngũ dục,
Tu tâm Thánh đạo.*

Sau khi Phật và Bồ-tát đã ngộ pháp thân chứng Niết-bàn giải thoát, các ngài khởi bi nguyện trở lại trong sanh tử, để giáo hóa cứu độ chúng sanh. Tuy cũng lăn lộn trong sanh tử, nhưng các ngài không vì nghiệp hoặc dẫn dắt, mà vì lòng từ bi khởi nguyện cứu độ chúng sanh, nên các ngài ra vào trong sanh tử rất tự tại, không bị phiền não khổ đau bức bách. Lúc giáo hóa, các ngài cũng dùng tám điều giác ngộ đã nêu, để mở đường dẫn lối cho chúng sanh thấy rõ cái khổ của sanh tử luân hồi, để xả bỏ năm món dục lạc thế gian, lo tu Thánh đạo. Đây là phần thứ hai là phần giáo hóa chúng sanh của hàng Bồ-tát.

*Nhược Phật đệ tử,
 Tụng thử bát sự,
 Ư niệm niệm trung,
 Diệt vô lượng tội,
 Tiến thú bồ-đề,
 Tốc đăng chánh giác,
 Vĩnh đoạn sanh tử,
 Thường trụ khoái lạc.*

Phần thứ ba nói: Người đệ tử chân chánh của Phật, mỗi niệm mỗi niệm hằng nhớ tám điều giác ngộ này. Nhờ mỗi niệm hằng nhớ đến tám điều giác ngộ, mà không nhớ tưởng điều gì khác, do đó không tạo tác nghiệp nhân ác, nên tội lỗi theo đó mà dứt. Tại sao? Vì tâm không còn nghĩ đến tư lợi, không nghĩ đến điều hại người hại vật. Lúc nào cũng nhớ nghĩ đến việc tu hành, thường xuyên tỉnh giác, nghĩ nhớ thương chúng sanh tìm phương thế để cứu độ. Người sống được như vậy thì sẽ tiến đến quả Bồ-đề, chóng thành tựu quả Phật. Khi đã đoạn lìa sanh tử vĩnh viễn thì thường được ở trong cảnh an tịnh vui vẻ.

Để quý Phật tử dễ nhớ và nhớ kỹ, tu hành khỏi sợ sai lạc. Tôi tóm lược lời giảng như sau:

1. *Điều giác ngộ thứ nhất:* Thường thấy thân tâm của mình và sự vật bên ngoài là vô thường không bền chắc không có thật ngã. Phải biết tâm là gốc sanh ra tội ác, chớ mê chấp tâm là thật, là ta. Biết vọng tưởng không thật nên không mê chấp chạy theo nó. Lại cũng biết

thân này là rừng tội lỗi, nên không chấp thân là thật, là ta. Thường quán xét như thế để xa lìa khổ luân hồi sanh tử.

2. *Điều giác ngộ thứ hai*: Nên biết tham cầu nhiều thì khổ đau cũng lắm. Gốc của luân hồi sanh tử là do tham đắm ngũ dục thế gian. Vì vậy mà phải bớt ham muốn. Khi tâm bớt tham cầu ngũ dục thì sẽ được an ổn vui vẻ.

3. *Điều giác ngộ thứ ba*: Nên biết người nào dục vọng càng nhiều thì tội ác càng lớn. Do đó mà phải dứt tâm ham muốn, không tham cầu ngũ dục. Lúc nào cũng ít muốn biết đủ, an phận nghèo để gìn giữ đạo đức, phát huy trí tuệ, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, không để tâm đuổi bắt danh lợi thế gian.

4. *Điều giác ngộ thứ tư*: Người lười biếng giải đãi không đoạn trừ nghiệp ác, không tu hạnh lành, thì bị trụy lạc trầm luân. Vì vậy mà phải tinh tấn tu hành, để phá trừ vô minh phiền não, hàng phục các thứ ma chướng, ra khỏi ngục tù ngũ ấm và tam giới.

5. *Điều giác ngộ thứ năm*: Phải biết gốc của luân hồi sanh tử là ngu si. Vì vậy phải học rộng nghe nhiều về Phật pháp, nhờ thế mà trí tuệ tăng trưởng sâu rộng, có đủ khả năng, đủ biện tài để giáo hóa chúng sanh.

6. *Điều giác ngộ thứ sáu*: Nên biết người nghèo khổ nhiều hay sanh oán hận, thường kết nhiều duyên ác, vì vậy không tránh khỏi quả báo khổ đau. Nên người tu phát tâm thương xót họ, thứ tha cho những lầm lỗi hèn oán không duyên cớ của họ. Lại còn đem tâm bình đẳng

bố thí giúp đỡ họ, không nhớ lỗi lầm ngày trước mà ghét bỏ họ. Biết và làm được như vậy, mới là người thực hành đúng theo hạnh bố thí của Phật và Bồ-tát.

7. *Điều giác ngộ thứ bảy*: Biết rõ ngũ dục là tội lỗi là tai họa. Tuy hiện đời là người thế tục mà biết tránh, không đắm mê theo ngũ dục, luôn nuôi chí nguyện xuất gia, muốn gìn giữ giới hạnh nghiêm minh thanh tịnh, sống đời siêu thoát. Tự làm lợi ích cho mình để rồi khỏi lòng từ cứu độ tất cả chúng sanh.

8. *Điều giác ngộ thứ tám*: Phải biết luân hồi sanh tử liên tục là khổ đau vô cùng vô tận. Nên phát tâm từ bi rộng lớn, nguyện thay chúng sanh chịu khổ và giúp cho tất cả được đến chỗ cứu cánh an lạc là Niết-bàn giải thoát.

Đó là tám điều giác ngộ, mà chư Phật, Bồ-tát đã làm và những người tu Phật chân chánh đang làm. Ai là người muốn học Phật, tu theo Phật thì phải làm những điều này không thể bỏ qua được. Tại sao? Vì học Phật là học giác ngộ. Phàm nói đến học Phật là nói đến đạo lý giác ngộ của Phật và Bồ-tát đã tu đã giác, chứ không phải học thuộc lòng kinh nhiều, hay tụng kinh giỏi mà không tu không giác, rồi cho rằng mình học Phật. Nhớ là không phải như vậy! Giác ngộ những gì? Giác ngộ từng phần như trước đã kể. Thấy rõ thân người và cảnh vật là vô thường, thấy rõ tham dục nhiều thì khổ đau nhiều... Thấy rõ như vậy là mình đã có mầm giác ngộ, kể đó nhờ trợ duyên thầy sáng bạn tốt làm thiện hữu tri thức, để tiến đến chỗ giác ngộ viên mãn.

Đến đây tôi xin nói rộng ra để quý vị dễ hiểu dễ nhớ, không lầm. Trong kinh này Phật chỉ nói một chiều, chê thân tâm là vô thường, vô ngã, khổ đau, gốc tội lỗi. Nhưng, ở chỗ khác Phật lại nói có thân này là do tích chứa nhiều phước đức mà được. Thế nên làm người phải luôn tự vấn: “Được thân này, sống để làm gì?” Có người đã tự vấn mình, nhưng không giải đáp được. Lại cũng có người không biết mình có thân này sống để làm gì? Phật dạy được thân người là khó, thế nên phải biết lợi dụng thân này để tiến tu cho được giác ngộ giải thoát, sau dẫn dắt chúng sanh từ chỗ mê mờ đến chỗ giác ngộ, từ chỗ tội lỗi đến chỗ an vui.

Phật dụ người đi biển bị chìm thuyền, không có phao nổi, sóng dồi gió dập, trôi lên hụp xuống mệt lả, bỗng vớ được khúc gỗ mục đang nổi trên mặt biển. Khi ôm khúc gỗ mục, người ấy biết nó là gỗ mục đang trôi nổi, rồi sẽ hư hoại không lâu. Song, người ấy biết rằng mình đang cần nương nó, để lợi vào bờ, khỏi bị chết chìm. Khúc gỗ mục ấy, lúc bấy giờ đối với người sắp chết đuối thật là hữu ích, vì nhờ nó mà khỏi chết chìm. Như vậy, mục đích của người dùng khúc gỗ mục không phải để khoe khoang, không phải để tô điểm sơn phết cho đẹp, không phải để quý trọng như một bảo vật, mà khúc gỗ là vật hữu dụng, đang cần để đưa người vào bờ.

Cũng vậy, mọi người cần phải thấy đúng ý nghĩa về thân này. Biết thân này là vô thường tạm bợ không chấp chặt nó, không quý thân này hơn thân khác. Không vì nó mà tạo nghiệp ác, cũng không vì thấy nó vô thường tạm bợ mà bi quan than thở, ngồi chờ chết. Biết thân này

vô thường tạm bợ, phải cấp thiết lợi dụng thân này làm tất cả mọi việc hữu ích. Lo tu hành để mình được giác ngộ giải thoát mọi khổ đau và giúp người cũng được giác ngộ giải thoát khổ đau hoàn toàn.

Người sống được như vậy là người giác ngộ, biết đúng ý nghĩa về thân này và có thái độ sống hợp đạo. Đó là điều căn bản của người tu theo đạo Phật.



KINH ĐẠI THỪA CÂY LÚA

GIẢNG GIẢI

MỞ ĐẦU

Phật nói kinh Đại Thừa Cây Lúa, nguyên bản là Phật Thuyết Đại Thừa Đạo Can Kinh, xuất xứ từ thạch thất trong động Đôn Hoàng ở miền bắc Trung Quốc, do Tỳ-kheo Pháp Thành dịch. Trong Đại tạng có một quyển đề tựa là Phật Thuyết Đạo Can Kinh, văn nghĩa hơi khác với bản kinh này.

Bộ kinh Bát-nhã gồm bảy nhà dịch, có một bản ở động Đôn Hoàng ghi là Tam tạng Pháp sư Sa-môn Pháp Thành dịch. Nếu căn cứ theo đó thì Tỳ-kheo Pháp Thành cũng chính là Tam tạng Pháp sư Sa-môn Pháp Thành, nhưng trong Cao Tăng Truyện và các sử liệu không thấy ghi, có lẽ vì số kinh ngài dịch ít, nên không được ghi vào.

Chủ yếu của bài kinh là nói về lý nhân duyên. Một hôm Phật cùng chúng Tỳ-kheo đi vào vùng đồng quê thấy người làm ruộng lúa, nhân đó ngài mượn

cây lúa để giải thích về lý nhân duyên. Phật nói: *Này các Tỳ-kheo, nếu thấy nhân duyên kia liền thấy pháp. Nếu thấy được pháp, liền hay thấy Phật.* Phật nói nhưng không giải thích, ngài Xá-lợi-phất mới đi đến hỏi Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát Di-lặc giải thích ý nghĩa câu nói của Phật qua hai phần: Nội nhân duyên và Ngoại nhân duyên. Nội nhân duyên gồm có Nội nhân duyên nhân tương ưng và Nội nhân duyên duyên tương ưng. Ngoại nhân duyên cũng có Ngoại nhân duyên nhân tương ưng và Ngoại nhân duyên duyên tương ưng.

Tôi cho học bài kinh này với hai lý do: Thứ nhất, kinh này nói đầy đủ về lý nhân duyên, nếu chúng ta hiểu thấu lý nhân duyên, biết tất cả các pháp không tự tánh thì chấp ngã và chấp pháp đều tan rã. Thứ hai, nhân quả và nhân duyên là giáo pháp chủ yếu của đức Phật dạy, cũng là nền tảng của Đại thừa. Nếu không thông suốt lý nhân duyên thì khi đọc qua kinh điển Đại thừa chúng ta sẽ không thể hiểu nổi, không hiểu thì làm sao tiến tu dễ dàng được.



KINH ĐẠI THỪA CÂY LÚA GIẢNG GIẢI

Chánh văn:

Phật Thuyết Đại Thừa Đạo Can Kinh.

Tôi nghe như vậy, một hôm Phật ở thành Vương Xá núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng đại Tỳ-kheo 1.250 người và các vị đại Bồ-tát câu hội.

Giảng:

Phật Thuyết Đại Thừa Đạo Can Kinh, dịch sang tiếng Việt là *Kinh Phật Nói Đại Thừa Cây Lúa*. Đạo là lúa, can là thân cây, Đại thừa là sao? Trong Phật giáo nói có năm thừa: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa. Đại thừa là Bồ-tát thừa. Chúng ta tu theo thừa nào tức là đã ngồi trên cỗ xe đó, để đi tới mục đích mình muốn. Tu theo Đại thừa là ngồi trên cỗ xe đưa tới quả vị Thập địa Bồ-tát.

Tôi nghe như vậy là người được nghe kể lại. Một hôm là thời gian lúc đó. Phật là vị chủ trong pháp hội. Thành Vương Xá, núi Kỳ-xà-quật là nơi chốn nói kinh. Chúng đại Tỳ-kheo 1.250 người và các vị đại Bồ-tát là người nghe. Câu hội là cùng chung họp. Như vậy bài kinh này không riêng ngài A-nan nghe nói lại, mà tất cả chúng Tỳ-kheo và Bồ-tát đồng có mặt dự nghe trong đó.

Chánh văn:

Khi ấy, cụ thọ Xá-lợi Tử đến chỗ đại Bồ-tát Di-lặc kinh hành, đến rồi cùng nhau thăm hỏi, đồng ngồi trên tảng đá lớn. Lúc đó, cụ thọ Xá-lợi Tử hỏi đại Bồ-tát Di-lặc thế này: Ngài Di-lặc, hôm nay đức Thế Tôn xem thấy cây lúa, bảo các thầy Tỳ-kheo như vậy: “Chư Tỳ-kheo, nếu thấy nhân duyên kia liền thấy pháp, nếu thấy được pháp liền hay thấy Phật”. Nói lời ấy rồi, Thế Tôn im lặng ngồi yên. Ngài Di-lặc, vì sao đức Thiện Thệ nói như thế ấy? Việc này thế nào? Thế nào là Nhân duyên? Thế nào là Pháp? Thế nào là Phật? Tại sao thấy nhân duyên liền hay thấy pháp? Tại sao thấy pháp liền hay thấy Phật?

Giảng:

Cụ thọ Xá-lợi Tử tức là trưởng lão Xá-lợi-phất. Cụ thọ là một cách gọi khác của trưởng lão, chỉ cho người có tuổi thọ lớn. *Đại Bồ-tát Di-lặc*, ngài Di-lặc là vị Bồ-tát sắp bổ xứ thành Phật. *Bồ-tát*, dịch âm từ tiếng Phạn, nói đủ là Bồ-đề-tát-đỏa. Bồ-đề là giác, tát-đỏa là hữu tình. Một hữu tình giác ngộ, giác ngộ chúng hữu tình nên gọi là Bồ-tát.

Khi ngài Xá-lợi-phất tới chỗ Bồ-tát Di-lặc kinh hành, hai vị ngồi thăm hỏi nhau rồi, ngài Xá-lợi-phất mới hỏi: *Hôm nay đức Thế Tôn xem thấy cây lúa, bảo các thầy Tỳ-kheo như vậy: “Chư Tỳ-kheo, nếu thấy nhân duyên kia liền thấy pháp, nếu thấy được pháp liền hay thấy Phật”*. Câu này rất hệ trọng, không phải là chuyện tầm thường. Vì thấy nhân duyên là then chốt để thấy pháp, đạt được lý nhân duyên là then chốt để thành Phật.

Ngài Di-lặc, vì sao đức Thiện Thệ nói như thế ấy? Việc này thế nào? Thế nào là Nhân duyên? Thế nào là Pháp? Thế nào là Phật? Tại sao thấy nhân duyên liền hay thấy pháp? Tại sao thấy pháp liền hay thấy Phật? Đó là bảy câu hỏi của ngài Xá-lợi-phất. Tại sao ngài Xá-lợi-phất không hiểu mà lại phải hỏi Bồ-tát Di-lặc? Những vị thượng thủ trong hàng đệ tử Phật đối với pháp Phật dạy, có khi các ngài chưa hiểu rõ lắm nên nhờ vị cao đức hơn giải thích, hoặc đem hỏi lại bạn đồng hành để lượng xét xem chỗ mình hiểu có đúng ý Phật nói hay không? Ngài Xá-lợi-phất là trí tuệ bậc nhất chẳng phải hỏi do không biết, mà lý nhân duyên theo tinh thần Đại thừa, phải là Bồ-tát Di-lặc mới giải thích rõ ràng điều này.

Chánh văn:

Đại Bồ-tát Di-lặc đáp cụ thọ Xá-lợi Tử rằng: Nay Phật pháp vương chánh biến tri bảo các Tỳ-kheo “Nếu thấy nhân duyên liền hay thấy pháp, nếu thấy được pháp liền hay thấy Phật”. Trong đây

cái gì là nhân duyên? Nói nhân duyên là đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh. Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử sầu than buồn khổ đều được sanh khởi. Như thế chỉ sanh nhóm hoàn toàn đại khổ.

Trong đây vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão tử sầu than buồn khổ đều diệt. Như thế chỉ diệt nhóm hoàn toàn đại khổ. Đây là Thế Tôn nói pháp nhân duyên.

Giảng:

Nay Phật pháp vương chánh biến tri bảo các Tỳ-kheo. Pháp vương là vua pháp. Tán thán Phật là vua pháp, vì ngài thấy biết thấu suốt khắp các pháp chân thật không sai lầm, tự tại trong tất cả pháp, hay chuyển tất cả pháp mà tất cả pháp không làm lay chuyển ngài.

Nếu thấy nhân duyên liền hay thấy pháp, nếu thấy được pháp liền hay thấy Phật. Bồ-tát Di-lặc dẫn lời nói của Phật với các Tỳ-kheo rồi, ngài mới giải thích về pháp nhân duyên.

Trong đây cái gì là nhân duyên? Nói nhân duyên là đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh. Tất cả sự vật không một pháp nào chẳng liên hệ nhau, đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh, có cái này là có cái kia, có cái kia là có cái này. Do liên hệ ràng buộc chẳng chịt với nhau nên gọi là nhân duyên, nếu mỗi pháp riêng rẽ thì đâu gọi là nhân duyên.

Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử sầu than buồn khổ đều được sanh khởi.

Thông thường chúng ta hay nói Mười hai nhân duyên qua ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu giải thích nhân duyên qua hai thời hiện tại và vị lai thì vô minh, hành là hai nhân năng dẫn, tức là nhân hay dẫn; đưa đến thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là quả bị dẫn. Ái, thủ, hữu là nhân năng sanh; dẫn tới sanh, lão tử là quả bị sanh ở đời sau.

Vô minh, hành là hai cái hay dẫn. Vô minh là gì? Phần sau sẽ giải nghĩa kỹ hơn, đây chỉ tạm nói sơ cho dễ hiểu. Mê sự mê lý gọi là vô minh. Mê sự, mê lý là đối với sự, lý không hiểu, không biết. Bởi không thông sự, lý nên mới tạo nghiệp, nghiệp đó là hành. Hành là cái thúc đẩy thức thứ tám đi thọ sanh. Thức thứ tám gọi là tổng báo, vì nó chứa cả chủng tử thiện, ác để thọ sanh, nên phải mang thân chịu quả báo chung sau này.

Thức trong Mười hai nhân duyên là chỉ cho thức thứ tám, tức tàng thức. Khi thức liên kết với bào thai thì bào thai thuộc sắc chất là sắc, thức thuộc về tinh thần là danh. Hai phần hợp lại gọi chung là danh sắc. Thức, danh sắc bị vô minh và hành thức đẩy lôi kéo, cho nên hành thuộc về hay dẫn là nhân; thức, danh sắc... là cái bị dẫn phải chịu kết quả là quả. Vì vậy có danh sắc rồi, từ danh sắc mới sanh lục nhập tức là sáu căn. Từ có sáu căn mới xúc chạm với sáu trần, phát sinh lãnh thọ khổ, vui hoặc không khổ không vui. Năm thứ này bị dẫn bởi cái hay dẫn là vô minh và hành, đó là lớp thứ nhất.

Lớp thứ hai là ái, thủ và hữu. Ái là yêu thích, tức là sau khi thọ lãnh khổ vui rồi, thích vui mà chán khổ, đó gọi là ái. Thủ là gìn giữ, bởi ái cho nên mới bảo thủ gìn giữ, vì gìn giữ mới tạo nghiệp tương lai là hữu. Hữu là nghiệp phải thọ sanh trong các cõi, nó tương đương với chữ hành ở trước. Ái, thủ và hữu, ba thứ này hay sanh ra quả của tương lai là sanh, lão tử. Vì vậy gọi là nhân năng sanh.

Như vậy nhân năng dẫn và quả sở dẫn ở hiện tại, cùng nhân năng sanh và quả sở sanh ở vị lai, đó là hai lớp nhân quả qua hai thời hiện tại và vị lai.

Nói nhân duyên theo ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Thì vô minh, hành thuộc về quá khứ; thức, danh sắc thuộc về hiện tại. Bởi vì vô minh, hành là nhân quá khứ đã tạo rồi mới dẫn thức đi thọ sanh v.v... là quả hiện tại. Ái, thủ, hữu là nhân hiện tại để chuốc lấy sanh, lão tử là quả vị lai.

Đoạn này là đứng về sanh diệt môn hay còn gọi là lưu chuyển môn mà nói, vì từ vô minh dẫn tới sanh lão tử cứ quanh quẩn đi trong lục đạo, nên gọi là lưu chuyển. Đầu mối của Mười hai nhân duyên gốc từ vô minh. Bởi vô minh không thông suốt sự, lý nên mới tạo nghiệp, là vô minh duyên hành. Hành thúc đẩy dẫn thúc đi thọ sanh, nên nói hành duyên thức. Thức dựa vào bào thai, hai phần sắc chất và tinh thần này chung hội lại, gọi là thức duyên danh sắc. Đủ danh sắc rồi mới có sáu căn là lục nhập, nên nói danh sắc duyên lục nhập. Sáu căn xúc chạm với sáu trần, là lục nhập duyên xúc. Do xúc chạm sáu trần mà có cảm thọ khổ, vui hoặc không khổ không vui, là xúc duyên thọ. Từ cảm thọ đó sanh ra yêu thích là thọ duyên ái. Do khát ái nên thích gìn giữ, là ái duyên thủ. Vì gìn giữ mới có tạo nghiệp sanh ở đời sau, là thủ duyên hữu. Bởi có nghiệp sanh ở đời sau nên mới bị sanh ra, gọi là hữu duyên sanh. Sanh ra rồi có già, chết, sầu than buồn khổ v.v... đều được sanh khởi, là sanh duyên lão tử. *Như thế chỉ sanh nhóm hoàn toàn đại khổ*, thân ngũ uẩn này là nhóm hoàn toàn đại khổ.

Trong đây vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão tử sầu than buồn khổ đều diệt. Như thế chỉ diệt nhóm hoàn toàn đại khổ. Đây là đứng về hoàn diệt môn mà nói. Vô minh diệt nên hành diệt, vì vô minh là gốc, nếu hết vô minh thì hành theo đó hết, hành hết thì thức hết v.v... tất cả các thứ theo đó cũng đều diệt hết.

Trọng tâm để dứt luân hồi là phải đập tan vô minh, muốn đập tan được vô minh thì phải thấp sáng đuốc trí tuệ, thấu suốt lý, sự không còn lằm nũa. Bởi vô minh nên mê lằm sự, lý; lấy tứ đại duyên hợp lằm cho là thân thật, chấp bóng dáng duyên theo sáu trần cho là tâm mình, từ đó tạo nghiệp sanh tử. Vì vậy muốn phá dòng sanh tử thì phải giác ngộ, muốn giải thoát thì phải có trí tuệ. Dù tu bao nhiêu hạnh mà thiếu trí tuệ cũng không bao giờ giải thoát. Chủ yếu của đạo Phật là giác ngộ, có giác ngộ mới dứt hết mê lằm, mê lằm hết thì vô minh diệt, dòng sanh tử ngang đây chấm dứt.

Đây là Thế Tôn nói pháp nhân duyên. Phật nói pháp nhân duyên - do cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh - từ vô minh kết thành một dòng chuyển biến liên tục. Nếu không phá được vô minh thì dòng chuyển biến ấy không có bờ mé cùng tận, vô thủy vô chung. Vô minh dứt tức là vô thủy mà hữu chung.

Chánh văn:

Thế nào là Pháp? Nghĩa là Bát thánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Đây là Bát thánh đạo. Quả và Niết-bàn Thế Tôn đã nói, gọi đó là Pháp.

Giảng:

Thế nào là Pháp? Nghĩa là Bát thánh đạo. Bát thánh đạo còn gọi là Bát chánh đạo: *Chánh kiến* là thấy đúng sự lý. *Chánh tư duy* là suy nghĩ đúng; từ có

chánh kiến nên đối với sự lý nhận định đúng, suy nghĩ thông suốt không lầm. *Chánh ngữ* là nói lời đúng, suy nghĩ đúng thì nói năng mới đúng. *Chánh nghiệp* là hành động đúng, từ nói năng đúng mới dẫn đến hành động đúng. *Chánh mạng* là mạng sống đúng, vì hành động đúng nên cuộc sống đúng. *Chánh tinh tấn* là siêng năng đúng, bởi cuộc sống đúng nên sự cố gắng cũng đúng. *Chánh niệm* là niệm chân chánh, sự cố gắng đúng dẫn nên tâm niệm chuyên nghĩ đúng. *Chánh định* là an định đúng, vì tâm chuyên nghĩ đúng nên luôn an định trong trí tuệ sáng suốt, chứ không phải định khô hay định trong si mê.

Bên kia trong dòng luân hồi, đầu tiên là vô minh; bên này muốn giải thoát luân hồi thì trước hết là chánh kiến. Như vậy, chủ yếu của đạo Phật là giác ngộ, tất cả các pháp tu đều dùng trí tuệ để phá gốc mê lầm. Vì mê là gốc của luân hồi, muốn phá luân hồi thì phải dùng giác để phá. Tiểu thừa lập Chánh kiến làm đầu, Đại thừa thì lấy Bát-nhã, còn Thiền tông nói Kiến tánh, tức là thấy được bản tánh chân thật thì hết mê sự, lý. Như căn nhà tối, muốn hết tối phải thắp đèn, đem ánh sáng lại thì mới phá được tối tăm, chứ không cách nào khác. Đây không phải là thấy đúng theo quan niệm thông thường của thế gian, mà chính là dùng trí tuệ nhận định đúng về các pháp. Chánh kiến là gốc để phá vô minh. Vì khi đã nhận định đúng rồi thì không còn mê lầm về sự lý nữa, từ đó dẫn tới suy nghĩ, nói năng, hành động... đều đúng. Phá được mê lầm thì dòng sanh tử chấm dứt.

Quả và Niết-bàn Thế Tôn đã nói, gọi đó là Pháp. Quả là tứ quả Thanh văn, hay còn gọi là tứ quả Sa-môn. Vì pháp Bát thánh đạo đưa đến quả và Niết-bàn, nên được gọi là Pháp.

Chánh văn:

Thế nào là Phật? Nghĩa là người biết tất cả pháp, gọi là Phật. Bởi vì ngài dùng Tuệ nhãn và Pháp thân, hay kiến tạo pháp Bồ-đề cho hàng Hữu học và Vô học.

Giảng:

Thế nào là Phật? Nghĩa là người biết tất cả pháp, gọi là Phật. Phật là người biết tất cả pháp đúng như thật không lầm lẫn.

Bởi vì ngài dùng Tuệ nhãn và Pháp thân, hay kiến tạo pháp Bồ-đề cho hàng Hữu học và Vô học. Tuệ nhãn là con mắt trí tuệ. Pháp thân là thân công đức của Phật. Trong quả Thanh văn, hàng Hữu học là chỉ cho những vị từ Tu-đà-hoàn cho tới A-na-hàm, hàng Vô học là chỉ cho các vị A-la-hán. Quả vị của hàng Bồ-tát thì từ Tam hiền trở lên là Hữu học, tới Thập thánh là Vô học. Phật đối với công hạnh giác ngộ cho mình và người đều tròn đủ, nên được gọi là bậc tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Như vậy, sau khi đã biết rõ các pháp không lầm lẫn rồi, Phật mới dùng Tuệ nhãn và Pháp thân công đức tạo lập ra pháp Bồ-đề, là phương pháp chỉ dạy đưa đến giác ngộ, giúp cho hàng Hữu học và hàng Vô học đều được giải thoát.

Chánh văn:

Thế nào là thấy nhân duyên? Như Phật đã nói, nếu hay thấy pháp nhân duyên, thường, vô thọ, ly thọ, như thật tánh, vô thố mậu tánh, vô sanh, vô khởi, vô tác, vô vi, vô chướng ngại, vô cảnh giới, tịch tĩnh, vô úy, vô xâm đoạt, bất tịch tĩnh tướng ấy vậy. Nếu hay như thế, nơi pháp cũng thấy thường, vô thọ, ly thọ, như thật tánh, vô thố mậu tánh, vô sanh, vô khởi, vô tác, vô vi, vô chướng ngại, vô cảnh giới, tịch tĩnh, vô úy, vô xâm đoạt, bất tịch tĩnh tướng. Vì được chánh trí hay ngộ thắng pháp, do vô thượng pháp thân mà thấy được Phật.

Giảng:

Thế nào là thấy nhân duyên? Phần này gọi là Thắng nghĩa đế hay Đệ nhất nghĩa đế. Đúng về Thắng nghĩa đế hay Đệ nhất nghĩa đế mà nói, thì thấy nhân duyên là thấy thể tánh của nhân duyên. Thấy thể tánh đó tức là thấy được bản tánh của các pháp.

Như Phật đã nói, nếu hay thấy pháp nhân duyên, thường. Các pháp đổi thay là trên giả tướng duyên hợp có thành có hoại, còn thể tánh của các pháp thì không hoại nên nói là thường. Như ngôi nhà do nhân duyên tụ hội mà thành, khoảng hư không này trước đây không có nhà, bây giờ dùng các thứ ráp lại thành căn nhà, mai kia trở đi thì nó lại là không. Như vậy tướng ngôi nhà là do các duyên giả tạm ráp lại, còn thể bất di bất dịch là không, bởi không cho nên duyên mới hợp được. Khi duyên hợp là giả tướng tùy duyên mà hiện,

lúc duyên hoại thì cũng chỉ là giả tướng tùy duyên mà hoại. Đây là nhìn vào thể tánh của nhân duyên, thể tánh của nhân duyên là không, thể không đó mới là miên viễn.

Vô thọ, ly thọ. Thọ là thọ mạng, tức là mạng sống. Thể tánh của các pháp vốn tịch tĩnh thì làm gì có thọ mạng thật, nên vô thọ. Vô thọ thì đâu có thọ mạng ngắn dài, mà nói trường thọ hay đoản thọ, nên gọi ly thọ.

Như thật tánh, thể tịch tĩnh phù hợp với tánh chân thật. *Vô thố mậu tánh,* chữ thố cũng đọc là thác, tức là không có tánh lầm lẫn.

Vô sanh, vô khởi. Thể tánh các pháp vốn không sanh, vì không sanh nên không khởi. *Vô tác* là không có tạo tác. *Vô vi* là không có hành động. *Vô chướng ngại,* thể tịch tĩnh thì làm gì có chướng có ngại. *Vô cảnh giới* là không có cảnh giới. *Tịch tĩnh* là lặng lẽ. *Vô úy* là không sợ hãi, bởi lặng lẽ thì không có gì phải sợ hãi. *Vô xâm đoạt,* vì không sợ hãi nên không có gì xâm đoạt được. *Bất tịch tĩnh tướng* là không có tướng tịch tĩnh. Vì nguyên thể đã là tịch tĩnh, nên tướng tịch tĩnh cũng không.

Các pháp do nhân duyên sanh, không có một thể cố định. Không cố định là y cứ trên hiện tượng duyên hợp, nhưng về thể tánh chân thật thì nó là không. Như cái bàn này là hình dáng duyên hợp ở trong một khoảng hư không, khi duyên tan thì hình dáng đó không còn; còn thể hư không thì không hợp cũng không tan, xưa nay vẫn rỗng không, lặng lẽ. Do đứng về Đệ nhất

nghĩa đế mà nhìn, nên thấy bản tánh của các pháp nguyên là không thật. Bởi không thật cho nên khi duyên hợp mới sanh ra muôn pháp, nếu thể nguyên vẹn có hình tướng chắc chắn rồi, thì không còn duyên hợp được nữa. Trên lý duyên sanh thì thể của nó là vô sanh, vì nếu đã sanh thì duyên không thể hợp, do vô sanh nên mới tùy theo duyên mà hợp. Thế nên thể của pháp nhân duyên là thể thanh tịnh, thấy được như vậy gọi là thấy nhân duyên.

Nếu hay như thế, nơi pháp cũng thấy thường, vô thọ, ly thọ, như thật tánh, vô thố mậu tánh, vô sanh, vô khởi, vô tác, vô vi, vô chướng ngại, vô cảnh giới, tịch tĩnh, vô úy, vô xâm đoạt, bất tịch tĩnh tướng. Nếu người hiểu được như thế thì nơi pháp cũng thấy thường, vô thọ, ly thọ... thấu suốt không còn lầm lẫn.

Vì được chánh trí hay ngộ thắng pháp, do vô thượng pháp thân mà thấy được Phật. Thắng pháp là pháp thù thắng, tức pháp Đệ nhất nghĩa đế. Do chánh trí trực nhận thể tánh tịch tĩnh của nhân duyên, ngộ pháp thù thắng, thể nhập pháp thân vô thượng là thấy được Phật, vì thấy pháp tức là thấy Phật.

Chánh văn:

Hỏi: Thế nào là nhân duyên?

Đáp: Có nhân, có duyên gọi là nhân duyên. Vì không phải không nhân, không duyên nên gọi là pháp nhân duyên. Thế Tôn lược nói tướng nhân duyên, duyên sanh quả ấy. Như Lai ra đời hoặc không

ra đời, pháp tánh thường trụ, cho đến pháp tánh, pháp trụ tánh, pháp định tánh, cùng nhân duyên tương ứng tánh, chân như tánh, vô thố mậu tánh, vô biến dị tánh, chân thật tánh, thật tế tánh, bất hư vọng tánh, bất điên đảo tánh v.v... nói như thế ấy.

Giảng:

Trước hỏi *Thế nào là thấy nhân duyên?* Còn ở đây hỏi: *Thế nào là nhân duyên?* Đáp: Có nhân, có duyên gọi là nhân duyên. Vì không phải không nhân, không duyên nên gọi là pháp nhân duyên. Bởi có nhân có duyên nên gọi đó là nhân duyên. *Thế Tôn lược nói tướng nhân duyên, duyên sanh quả ấy.* Duyên sanh quả ấy, tức là từ duyên mà sanh ra quả. *Như Lai ra đời hoặc không ra đời, pháp tánh thường trụ.* Lý nhân duyên này trước kia, hiện nay và mai sau, cũng là nhân duyên sanh ra các pháp, không thể khác được, nên nói Pháp nhĩ như thị. Pháp tánh thường trụ, dù Phật ra đời hay không vẫn không thay đổi. Pháp ấy không phải đợi Phật ra đời mới có, mới nói nhân duyên. Chỉ là khi Phật ra đời, do thấy rõ được lý nhân duyên nên ngài giác ngộ. Từ đó về sau, ngài đem lý nhân duyên giải thích cho mọi người cùng hiểu, cùng giác ngộ.

Cho đến pháp tánh, tánh của pháp. Pháp trụ tánh, tánh của pháp an trụ như vậy. Pháp định tánh, tánh của pháp là an định. Cùng nhân duyên tương ứng tánh, cùng với tánh nhân duyên phù hợp nhau. Chân như tánh, thể tánh ấy tịch tĩnh như như. Vô thố mậu tánh, tánh không lầm lẫn. Vô biến dị tánh, tánh không dời đổi.

Chân thật tánh là tánh chân thật. *Thật tế tánh*, vì tánh đó là chỗ biết chân thật. *Bất hư vọng tánh*, tánh không hư dối. *Bất điên đảo tánh*, tánh không điên đảo, hay không có lộn ngược. *Nói như thế ấy*, tức là nói về nhân duyên.

Các pháp do nhân duyên sanh thể tánh của nó đều chân thật, nên nói là thật tánh. Thật tánh là vô sanh tánh. Tánh chân thật đó là cái không có tánh. Tại sao? Vì đó là chỗ lặng lẽ tịch tĩnh. Từ chỗ lặng lẽ tịch tĩnh không có một hiện tượng nào, khi đủ nhân duyên thì liền hội hợp thành ra muôn pháp. Nếu nó đã có tánh cố định sẵn rồi, thì muôn pháp không thể thành được.

Tôi giải thích kỹ lại đoạn này cho rõ, vì nếu không thông suốt lý nhân duyên thì tới lý Trung đạo hay Trung quán làm sao thông? Trung quán có bài kệ nói:

Nhân duyên sở sanh pháp,

Ngã thuyết tức thị không,

Diệc danh vi giả danh,

Diệc danh trung đạo nghĩa.

Tạm dịch:

Pháp do nhân duyên sanh,

Ta nói nó là không,

Cũng gọi là giả danh,

Cũng gọi nghĩa Trung đạo.

Thể tánh chân thật của pháp duyên sanh là tịch tĩnh, rỗng không, không tịch. Từ thể *không tịch* mới duyên hợp rồi duyên sanh, nên nói nó là không. Do duyên sanh thì tên đặt cho pháp này pháp nọ cũng chỉ là giả danh. Tánh là không tịch, còn tướng là duyên sanh. Giữa cái giả danh và thể không tịch dung hội nhau, không kẹt bên tướng cũng không kẹt bên tánh, đó là nghĩa trung đạo. Nói cách khác, trung đạo là đến chỗ thể hội bất sanh bất diệt.

Thí dụ bàn tay với nắm tay. Nắm tay là từ bàn tay co năm ngón lại mà thành, buông ra thì không còn. Lúc nắm tay chưa có thì thể của nó là *không*, khi duyên hợp tạm gọi là nắm tay, chỗ gọi đó là giả danh. Tùy theo tướng trạng tạm lập mà giả gọi nắm tay, bàn tay, hay là bàn, là nhà v.v... Tên gọi là giả danh, thể của nó vốn không thật. Chỗ này chúng ta phải hiểu rõ mới không lầm, nếu chỉ hiểu một mặt thì khi giả danh có liền thấy thật có, giả danh không cho là thật không, đó là mê sự. Nơi thể *tịch tĩnh không* mà không hiểu, đó là mê lý. Mê sự mê lý nên mới tạo nghiệp đi trong sanh tử luân hồi, vô minh duyên hành là vậy. Có là giả danh có, không là thể *tịch tĩnh không*. Thể và tướng dung hội thấu suốt là đến được lý trung đạo. Hiểu được lý trung đạo thì giác ngộ viên mãn, hết luân hồi sanh tử.

Chúng ta thử nhìn lại, tất cả pháp thế gian không một pháp nào thật, chỉ là giả danh tạm đặt, vậy mà đang sống đây, tranh giành nhau đủ thứ là vì cái gì? Vì chấp vào giả danh cho đó là thật. Chúng ta đặt tên

thế này, mà người kêu khác đi là không chịu. Như chỗ này được đặt tên là tu viện Chơn Không, nếu có người gọi là Chơn Hữu thì tôi không bằng lòng. Vì sao? Vì chấp vào giả danh cho là thật. Giả danh mà cho là thật thì không phải mê là gì? Trước đây đâu có tên Chơn Không, do đặt mới có, vậy thì tôi gọi Chơn Không, mà người khác gọi Chơn Hữu cũng được, có chuyện gì mà phải cãi, thấy vậy là hết si mê. Ngược lại cứ bám vào giả danh chấp cho là thật, từ mê sự đó nên không thấy được lý. Đó là vô minh, là gốc của luân hồi.

Hiểu chỗ này chúng ta mới thấy được chỗ hay của lý Bát-nhã. Thể tánh của các pháp là thường trụ, về nghĩa tốt cùng thường trụ thì như căn nhà này, từ rỗng không mà hợp thành, khi căn nhà hoại thì cái rỗng không vẫn là rỗng không, trước sau không thay đổi. Đổi thay là tướng duyên hợp của căn nhà, còn *tánh không* của căn nhà này thì không đổi thay, nó là thường trụ, nên nói thường trụ tánh. Kinh Pháp Hoa nói *Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ* là vậy. Tướng thường trụ, tức tánh thường trụ của thế gian là như vậy, không cố định. Không cố định là nhìn trên duyên hợp hư dối, khi chưa có thì nó là không, có một thời gian rồi hoại cũng trở về không. Thể không đó mới là thể chân thật của các pháp, trước sau không đổi thay, nên gọi là *tánh không*, là chân không.

Tất cả các pháp trong vũ trụ này, kể cả quả địa cầu, thể của nó đều là không. Duyên tụ thì tạm có, tạm có rồi phải hoại. Thời gian cũng chỉ là thời khắc

tạm đặt ngắn dài theo phương hướng, xứ sở, chứ không phải là thật. Vậy mà chúng ta không rõ, cứ lấy tướng duyên hợp giả danh cho là thật, còn thể không chân thật thì lại không biết, nên mê lầm không cùng. Nếu thấy rõ lý Bát-nhã rồi thì không còn lầm lẫn si mê tạo nghiệp nữa.

Chánh văn:

Pháp nhân duyên này, do hai thứ kia mà được sanh khởi. Thế nào là hai? Nghĩa là Nhân tương ứng và Duyên tương ứng. Nó lại có hai, nghĩa là Nội và Ngoại. Trong đây thế nào là pháp Ngoại nhân duyên nhân tương ứng? Nghĩa là từ hạt giống sanh mầm, từ mầm sanh lá, từ lá sanh thân, từ thân sanh mắt, từ mắt sanh bông, từ bông sanh hoa, từ hoa sanh hạt, nếu không có hạt giống thì mầm chẳng sanh, cho đến nếu không có hoa thì hạt cũng chẳng sanh, có giống thì mầm sanh, như thế có hoa thì hạt cũng được sanh.

Giảng:

Pháp ngoại nhân duyên nhân tương ứng và ngoại nhân duyên duyên tương ứng, chỗ khác gọi là Chánh nhân và Trợ nhân. Nhân tương ứng là Chánh nhân, Duyên tương ứng là Trợ nhân. Nhân tương ứng là chỉ cho hạt giống, đây mượn cây lúa để thí dụ.

Trong đây thế nào là pháp Ngoại nhân duyên nhân tương ứng? Nghĩa là từ hạt giống sanh mầm, từ mầm sanh lá, từ lá sanh thân, từ thân sanh mắt, từ mắt

sanh bông, từ bông sanh hoa, từ hoa sanh hạt. Từ hạt giống lúa sanh ra mọng lúa, nứt ra lá mạ, thành thân cây mạ, rồi có từng mắt từng lóng, dần dần trở đồng đồng gọi là bông lúa, ở trên bông nở trắng ra để hút sương gọi là hoa, từ hoa sanh ra hạt.

Nếu không có hạt giống thì mầm chẳng sanh, cho đến nếu không có hoa thì hạt cũng chẳng sanh, có giống thì mầm sanh, như thế có hoa thì hạt cũng được sanh. Từ hạt giống nảy mầm cho tới thành hạt lúa, một dòng sanh diệt liên hệ từ dưới lên trên, không thể tách rời nhau được. Khi có cái này rồi thì cái kia bắt đầu nối theo đó mà có, nhân duyên bên trong nối tiếp nhau tạo thành, gọi là Nội nhân duyên.

Pháp ngoại nhân duyên nhân tương ưng, thuộc về phần Nhân tương ưng, tức là Chánh nhân của pháp Ngoại nhân duyên. Ngoại nhân duyên chỉ cho sự vật bên ngoài. Như vậy, từ hạt lúa cho tới thành bông lúa rồi lại có hạt lúa, một mạch từ dưới chuyển lên liên hệ rõ ràng, tách rời không được, đó gọi là nhân duyên.

Chánh văn:

Hạt giống kia cũng chẳng nghĩ rằng: Ta hay sanh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ rằng ta từ hạt giống sanh, cho đến hoa cũng chẳng nghĩ rằng: Ta hay sanh hạt, hạt cũng chẳng nghĩ rằng ta từ hoa sanh. Tuy nhiên, có hạt giống nên mầm được sanh. Như thế có hoa nên hạt liền hay thành tựu. Nên như thế quán nghĩa pháp Ngoại nhân duyên nhân tương ưng.

Giảng:

Đây là Pháp ngoại nhân duyên nhân tương ưng. Nói về nhân duyên thì không có tác giả và sức của tác giả. Tại sao? *Hạt giống kia cũng chẳng nghĩ rằng: Ta hay sanh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ rằng ta từ hạt giống sanh.* Thứ này không nghĩ làm ra thứ kia, chỉ là đủ nhân đủ duyên thì thành.

Cho đến hoa cũng chẳng nghĩ rằng: Ta hay sanh hạt, hạt cũng chẳng nghĩ rằng ta từ hoa sanh. Các pháp nhân duyên sanh khi đủ điều kiện thì tự có, chứ cái này chẳng nghĩ tạo ra cái kia, cái kia chẳng nghĩ từ cái nọ có v.v... Không nghĩ tạo tác nên không tác giả, không tác giả thì không có sở tác. Không người làm ra thì không có cái bị làm ra. Không người tạo tác là không năng, tức không ngã; không có cái bị tạo tác là không sở, tức không pháp. Phá được năng sở thì chấp ngã và chấp pháp cũng không còn. Ý nghĩa rất rõ ràng.

Chánh văn:

Nên quán thế nào nghĩa pháp Ngoại nhân duyên duyên tương ưng? Nghĩa là lục giới hòa hợp. Do gì lục giới hòa hợp? Nghĩa là đất, nước, lửa, gió, không, thời giới đồng hòa hợp, pháp ngoại nhân duyên được sanh khởi. Nên như thế quán nghĩa pháp Ngoại nhân duyên duyên tương ưng.

Địa giới hay gìn giữ hạt giống, thủy giới làm thấm mát hạt giống, hỏa giới hay làm ấm hạt giống, phong giới làm dao động hạt giống, không giới

chẳng che ngại hạt giống, thời giới hay biến đổi hạt giống. Nếu không có các duyên này, hạt giống ắt không thể sanh mầm. Nếu ngoại nhân duyên địa giới đầy đủ, như thế cho đến thủy, hỏa, phong, không, thời... thấy đầy đủ, tất cả hòa hợp, khi hạt giống diệt thì mầm được sanh.

Giảng:

Nên quán thế nào nghĩa pháp Ngoại nhân duyên duyên tương ứng? Trên nói Nhân tương ứng, đây là Duyên tương ứng. Nói cách khác, trước nói Chánh nhân, phần này là Trợ nhân. Trợ nhân nghĩa là *lục giới hòa hợp*. Giới là giới hạn chia ra từng phần.

Do gì lục giới hòa hợp? Nghĩa là đất, nước, lửa, gió, không, thời giới đồng hòa hợp, pháp ngoại nhân duyên được sanh khởi. Có hạt giống rồi còn phải đất, nước, lửa, gió, không gian và thời gian đồng hòa hợp, thì pháp ngoại nhân duyên mới được sanh khởi. Phải có nội nhân duyên và ngoại nhân duyên đầy đủ. Ngoại nhân duyên thì nhân tương ứng cũng chưa đủ, phải có duyên tương ứng nữa mới được. Duyên tương ứng là chỉ cho sáu phần hòa hợp. Sáu phần này, mỗi phần có giá trị, có công năng như thế nào?

Địa giới thì hay gìn giữ hạt giống, khi hạt giống được ném xuống, đất gìn giữ bảo vệ. Thủy giới làm thấm mát hạt giống, có nước thì hạt giống mới thấm mát. Hỏa giới hay làm ấm hạt giống, mát mà phải ấm nữa thì hạt giống mới nứt mầm. Phong giới làm dao động

hạt giống, gió làm hạt giống dao động, tăng trưởng. Không giới chẳng che ngại hạt giống, gieo giống xuống nếu bị bít kín thì mầm không mọc lên được. Thời hay biến đổi hạt giống, thời gian làm hạt giống đổi thay dần dần từ mầm thành cây. Nếu không có các duyên này, hạt giống ắt không thể sanh mầm. Nhân tương ứng và duyên tương ứng giúp cho ngoại duyên sanh khởi. Nhân tương ứng là chánh nhân, duyên tương ứng là trợ nhân. Chánh nhân và trợ nhân đầy đủ thì các pháp ở giữa này mới sanh khởi, nếu có chánh mà thiếu trợ thì các pháp không thể sanh khởi.

Chánh văn:

Trong đây địa giới chẳng khởi nghĩ rằng ta hay gìn giữ hạt giống, như thế thủy giới cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thấm mát hạt giống, hỏa giới cũng chẳng nghĩ rằng ta hay làm ấm hạt giống, phong giới cũng chẳng nghĩ rằng ta hay làm dao động hạt giống, không giới cũng chẳng nghĩ rằng ta chẳng che ngại hạt giống, thời cũng chẳng nghĩ rằng ta hay biến đổi hạt giống, hạt giống cũng chẳng nghĩ rằng ta hay sanh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ rằng nay ta từ duyên này mà sanh. Tuy nhiên có các duyên này, mà khi hạt giống diệt, mầm liền được sanh. Như thế khi có hoa thì hạt liền được sanh.

Giảng:

Như trên nói, các pháp đều không có thật, do đủ nhân đủ duyên hòa hợp thì tự sanh, không pháp nào

nghĩ sanh ra pháp nào Không nghĩ có sanh ra, làm ra, tức là không tác giả. Không tác giả thì không tác pháp, tức là pháp bị làm ra. Như vậy thì năng sở không, năng sở đã không thì chấp ngã chấp pháp cũng không còn. Chúng ta cứ nghĩ mình là người tạo ra, sự thật người chỉ tạo điều kiện trợ duyên, khi nhân duyên đủ thì sanh khởi, thành tựu kết quả.

Chánh văn:

Mâm kia cũng không phải tự tác, cũng không phải tha tác, không phải tự tha chung tác, không phải Tự Tại tác, cũng chẳng phải thời biến, chẳng phải tự tánh sanh, cũng chẳng phải không nhân mà sanh. Tuy nhiên đất, nước, lửa, gió, không, thời giới... hòa hợp, khi hạt giống diệt thì mầm được sanh. Thế nên phải như thế quán nghĩa pháp Ngoại nhân duyên duyên tương ứng.

Giảng:

Mâm kia cũng không phải tự tác, cũng không phải tha tác: tự tác là tự nó làm nên, tha tác là do một cái khác làm nên. *Không phải tự tha chung tác:* không phải tự không phải tha thì cái tự tha chung lại cũng không thành. *Không phải Tự Tại tác:* không phải do trời Tự Tại tạo ra. *Cũng chẳng phải thời biến:* không phải do thời biến theo như chủ trương của Thắng Luận Sư nói. *Chẳng phải tự tánh sanh:* không phải trong tự tánh sanh ra. *Cũng chẳng phải không nhân mà sanh,* tức là đủ nhân mới sanh.

Học qua lời Phật dạy mới thấy rõ sự sai lầm, chúng ta luôn cho có một pháp làm ra, chứ không thấy do đủ nhân duyên mà các pháp được thành lập. Không hành động nào do một pháp làm ra. Như nhà này ai cất? Tu viện này của ai? “Tôi cất, của tôi!” Lúc nào chúng ta cũng chỉ thấy có mình, nên khi mất là mất cái của mình. Do nhìn phiến diện nên lầm lẫn ngày càng to, đưa tới chấp trước đau khổ. Nên biết các pháp thành hoại đều do nhân duyên, là công sức của bao nhiêu người chứ không riêng mình, thấy vậy thì khi thành không quá vui, lúc mất cũng đâu đau khổ lắm!

Chúng ta cho cây lúa mọc lên được là nhờ hạt giống, mà quên rằng nào là đất, nước, ánh nắng v.v... không thể nói hết được. Vì nhìn quen theo một thứ, nên nói ra không đúng sự thật. Người nói mặt này, kẻ nhìn mặt khác rồi cãi nhau. Nhìn không đúng là vô minh, cãi lầy tạo nghiệp thương ghét là hành, có hành rồi dẫn thức đi thọ sanh... cứ ở trong vòng lẫn lộn mê lầm mãi.

Thông thường chúng ta không thấu tột được lẽ thật, nên dễ dàng chấp nhận cái gì dễ hiểu. Thí dụ đứa bé hỏi thầy giáo, núi này do cái gì làm ra? Thầy giáo nói do tạo hóa làm ra. Nói do tạo hóa làm ra, nghe xong nó yên lòng không hỏi nữa. Quy về một đấng nào đó thì dễ tin không cần suy nghĩ, còn nói do đủ nhân duyên mới thành càng thêm thắc mắc rối rắm, cái gì là nhân, cái gì là duyên? Do đó chúng ta cứ nói mà không cần hiểu, không cần thắc mắc. Nhưng chính chỗ

có thắc mắc mới phăng tìm xét tột được lẽ thật, còn dễ dàng quá thì không suy tìm nữa.

Khi biết tất cả pháp đều do nhân duyên sanh, do nhân duyên diệt thì không còn chấp nê, đó là hiểu theo nghĩa Ngoại nhân duyên.

Chánh văn:

Nên dùng năm thứ quán pháp Ngoại nhân duyên kia. Những gì là năm? Là chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng dôi, từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn, cùng kia giống nhau.

Thế nào là chẳng thường? Là mầm cùng hạt giống, mỗi thứ riêng khác. Mầm không phải hạt giống, chẳng phải khi hạt giống hoại mà mầm được sanh, cũng chẳng phải chẳng diệt mà được sanh khởi, khi hạt giống hoại mà mầm được sanh. Thế nên chẳng thường.

Thế nào là chẳng đoạn? Chẳng phải hạt giống quá khứ hoại mà sanh ra mầm, cũng chẳng phải chẳng diệt mà được sanh khởi. Hạt giống cũng hoại, chính khi ấy như cái cân song bằng, mà mầm được sanh. Thế nên chẳng đoạn.

Thế nào là chẳng dôi? Mầm cùng hạt giống khác, vì mầm chẳng phải hạt giống, thế nên chẳng dôi.

Thế nào là nhân nhỏ mà sanh quả lớn? Từ hạt giống nhỏ mà sanh ra quả lớn, thế nên từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn.

Thế nào là cùng kia giống nhau? Như gieo hạt giống nên sanh quả kia, thế nên cùng kia giống nhau.

Thế là dùng năm thứ quán pháp Ngoại nhân duyên.

Giảng:

Nên dùng năm thứ quán pháp Ngoại nhân duyên kia. Những gì là năm? Là chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng dôi, từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn, cùng kia giống nhau. Pháp ngoại nhân duyên phải dùng năm thứ này mà nhìn, mà xem xét.

Thế nào là chẳng thường? Là mầm cùng hạt giống, mỗi thứ riêng khác. Mầm không phải hạt giống, chẳng phải khi hạt giống hoại mà mầm được sanh, cũng chẳng phải chẳng diệt mà được sanh khởi, khi hạt giống hoại mà mầm được sanh. Thế nên chẳng thường. Hạt giống sanh ra mầm, mầm sanh ra cây... một dòng biến đổi thì làm sao gọi là thường được.

Thế nào chẳng đoạn? Chẳng phải hạt giống quá khứ hoại mà sanh ra mầm, cũng chẳng phải chẳng diệt mà được sanh khởi. Hạt giống cũng hoại, chính khi ấy như cái cân song bằng, mà mầm được sanh. Thế nên chẳng đoạn. Từ hạt giống cho đến sanh ra cây là một dòng liên tục không dứt đoạn, không dứt mất. Nhưng không phải cái này diệt rồi cái kia mới sanh, cũng không phải nhân dôi đến quả. Vì sao? Vì nhân hạt giống mà sanh mầm, mầm tăng trưởng thì hạt giống mục. Hạt giống này đang mục thì mầm kia đang tăng trưởng, chứ không phải đợi cái này mục rồi cái kia mới tăng trưởng,

cũng không phải đem cái này đến cái kia. Nên nói chính khi ấy như cái cân song bằng mà mầm được sanh. Cái cân song bằng là khi đầu này thấp xuống thì đầu kia cất lên cao, hai đầu cân liên hệ không tách rời nhau. Các pháp là một dòng sanh diệt chuyển biến ngầm ở trong, không đứt đoạn, không phải đợi cái này mất rồi mới có cái kia, nên nói chẳng đoạn.

Thế nào là chẳng đời? Mầm cùng hạt giống khác, vì mầm chẳng phải hạt giống, thế nên chẳng đời. Không phải từ cái này đời qua cái kia, mà là nhân trước diệt thì quả sau sanh. Chúng ta thường nói, làm nhân đời này sẽ đưa đến quả đời sau là sai lầm. Nhân đời này tạo thì đời sau hưởng quả, chứ không phải đời này đem tới đời kia, thân này hoại rồi thì sao từ thân này đem qua thân sau được. Ý chẳng đời là vậy.

Thế nào là nhân nhỏ mà sanh quả lớn? Từ hạt giống nhỏ mà sanh ra quả lớn, thế nên từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn. Như trái bí rợ hạt nhỏ mà quả to, cũng vậy chúng ta tạo thiện ác đời này chứa trong tàng thức, nhân đó nhỏ, nhưng sang qua đời khác phải chịu quả báo lớn, đó là từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn.

Thế nào là cùng kia giống nhau? Như gieo hạt giống nên sanh quả kia, thế nên cùng kia giống nhau. Nghĩa là nhân và quả giống nhau, như gieo giống lúa gì thì đến thu hoạch cũng là hạt lúa ấy.

Muốn hiểu thấu tột pháp Ngoại nhân duyên thì phải dùng năm thứ trên mà quán.

Chánh văn:

Như thế pháp Nội nhân duyên, cũng do hai thứ mà được sanh khởi. Thế nào là hai? Nghĩa là Nhân tương ứng và Duyên tương ứng. Thế nào là nghĩa pháp Nội nhân duyên nhân tương ứng? Nghĩa là ban đầu từ vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên lão tử. Nếu vô minh chẳng sanh thì hành cũng chẳng có, cho đến nếu không có sanh thì lão tử chẳng có. Như thế có vô minh nên hành mới được sanh, cho đến có sanh nên lão tử liền có. Vô minh cũng chẳng nghĩ rằng ta hay sanh hành, hành cũng chẳng nghĩ rằng ta từ vô minh mà sanh. Cho đến sanh cũng chẳng nghĩ rằng ta hay sanh lão tử, lão tử cũng chẳng nghĩ rằng ta từ sanh mà có. Tuy nhiên vì có vô minh nên hành mới được sanh, như thế vì có sanh nên lão tử được có. Thế nên chẳng phải như thế quán nghĩa pháp Nội nhân duyên nhân tương ứng.

Giảng:

Nội nhân duyên là chỉ cho người, người là nhân tương ứng. Tất cả tụ hội thành hoại đều không có năng tác sở tác, tùy theo duyên mà hiện, không có cái chủ ý của con người tạo nên. Cũng như khi sanh ra, đâu ai muốn già chết nhưng rồi cũng phải già chết, trong cuộc sanh đó không có tác giả. Do không tác giả nên không sở tác, tức không năng không sở. Thấy không ngã không pháp là thấy nhân duyên, là giải thoát sanh tử, nên nói thấy nhân duyên là thấy pháp.

Chánh văn:

Phải quán thế nào việc pháp Nội nhân duyên duyên tương ứng? Bởi do lục giới hòa hợp. Thế nào là lục giới hòa hợp? Nghĩa là địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới... hòa hợp. Nên như thế quán việc pháp Nội nhân duyên duyên tương ứng. Thế nào là tướng địa giới pháp nội nhân duyên? Trong thân này chất cứng chắc gọi là địa giới, hay khiến thân này nhóm họp gọi là thủy giới, hay tiêu hóa những thức ăn uống trong thân gọi là hỏa giới, hơi thở ra vào trong thân này gọi là phong giới, rỗng không trong thân này gọi là không giới. Năm thức thân tương ứng và ý thức hữu lậu, ví như bó lau hay thành tựu mầm danh sắc thân này, gọi là thức giới. Nếu không có các duyên này thì thân ắt chẳng sanh. Nếu địa giới bên trong đầy đủ như thế cho đến thủy, hỏa, phong, không, thức giới... phải đầy đủ, tất cả hòa hợp thì thân liền được sanh.

Giảng:

Thế nào là lục giới hòa hợp? Nghĩa là địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới... hòa hợp. Thông thường hay nói tứ đại hòa hợp, đây nói lục giới hòa hợp, tức thêm không và thức. Sáu thứ này thuộc về Duyên tương ứng.

Năm thức thân tương ứng và ý thức hữu lậu, ví như bó lau hay thành tựu mầm danh sắc thân này, gọi là thức giới. Năm thức thân: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức về phần hữu lậu. Sáu thức này tụ hội như bó lau, tạo thành mầm danh sắc, gọi chung là thức giới.

Nếu không có các duyên này thì thân ắt chẳng sanh, nếu địa giới bên trong đầy đủ như thế cho đến thủy, hỏa, phong, không, thức giới v.v... phải đầy đủ, tất cả hòa hợp thì thân liền được sanh. Thân này có ra phải đủ hai thứ Nhân tương ưng và Duyên tương ưng. Nhân tương ưng là từ vô minh cho tới hành, thức... là Chánh nhân. Duyên tương ưng thì phải có sáu thứ hòa hợp thân này mới tồn tại, là Trợ nhân. Như vậy, thân tồn tại là do trong ngoài tương trợ nhau, đầy đủ thì còn, thiếu thì hoại, nên nó thuộc về nhân duyên.

Chánh văn:

Địa giới cũng không nghĩ rằng, ta hay làm việc cứng chắc trong thân. Thủy giới cũng chẳng nghĩ rằng, ta hay vì thân làm việc nhóm họp. Hỏa giới cũng không nghĩ rằng, ta hay làm việc tiêu hóa thức ăn uống trong thân. Phong giới cũng không nghĩ rằng, ta hay làm hơi thở ra vào. Không giới cũng không nghĩ rằng, ta hay làm việc rỗng không trong thân. Sắc giới cũng không nghĩ rằng, ta hay thành tựu mầm danh sắc trong thân này. Thân giới cũng không nghĩ rằng, ta từ các duyên này mà sanh. Tuy nhiên, khi có các duyên này thì thân liền được sanh.

Địa giới kia cũng chẳng phải là ngã, chẳng phải là chúng sanh, chẳng phải mạng, chẳng phải sanh, chẳng phải nhu đồng, chẳng phải tác giả, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải hoàng môn, chẳng phải Tự Tại, chẳng phải ngã sở,

cũng chẳng phải những cái khác. Như thế cho đến thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới cũng không phải là ngã, chẳng phải là chúng sanh, chẳng phải mạng, chẳng phải sanh, chẳng phải nhu đồng, chẳng phải tác giả, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải hoàng môn, chẳng phải Tự Tại, chẳng phải ngã sở, cũng chẳng phải những cái khác.

Giảng:

Đứng về từng phần của lục giới thì tất cả tùy theo duyên hợp mà chuyển biến, chứ nó không nghĩ có bốn phần làm ra cái gì. Khi các duyên tụ hội chúng ta liền chấp là ngã, là ngã sở... đủ thứ mê lầm. Mỗi giới bản chất của nó không tự đặt làm nam hay nữ, mà do hội đủ các duyên đất, nước, gió, lửa, không và thức hợp lại hiện ra hình này tướng kia, rồi người ta theo hiện tượng đặt tên, đặt tên rồi liền chấp vào đó sanh ra bao chuyện. Như gỗ chỉ là gỗ, nó không nghĩ làm ra cái bàn tròn hay vuông. Do chúng ta tự làm rồi đặt tên cho nó là bàn tròn hay bàn vuông. Tròn vuông này cũng không cố định, nếu cửa bốn góc bàn tròn thì liền trở thành bàn vuông. Tóm lại, các pháp ở giữa này tùy duyên tụ hội mà biến chuyển, không có một thể thật. Thấy thấu đáo lý nhân duyên, biết các pháp chỉ là tùy duyên tạm đặt, bản chất của nó vốn là không, không có ngã thật là hết mê lầm.

Đó là phần căn bản của pháp Nội nhân duyên và Ngoại nhân duyên.

Chánh văn:

Thế nào là vô minh? Đối với lục giới này khởi tướng một, tướng một hợp, tướng thường, tướng bền chắc, tướng chẳng hoại, tướng an lạc, tướng chúng sanh, mạng, sanh giả, dưỡng dục, sĩ phu, nhân, nhu đồng, tác giả, ngã, ngã sở... và các thứ không biết khác. Đây là vô minh. Vì có vô minh, đối với các cảnh giới khởi tham sân si, đây là vô minh duyên hành. Đối với các việc hay liễu biệt, gọi đó là thức. Cùng thức đồng sanh tứ thủ uẩn, đây là danh sắc. Y danh sắc có các căn, gọi là lục nhập. Ba pháp hòa hợp, gọi đó là xúc. Lãnh thọ cảm giác xúc chạm, gọi là thọ. Đối thọ tham đắm gọi là ái. Tăng trưởng ái ấy gọi là thủ. Từ thủ mà sanh, hay sanh nghiệp gọi là hữu. Uẩn từ nhân kia sanh ra gọi là sanh. Sanh rồi uẩn thành thực gọi là lão. Lão rồi uẩn diệt hoại gọi là tử. Khi lâm chung bên trong đủ tham trước và nhiệt não, gọi là sầu. Từ sầu mà sanh các lời than thở, gọi là thán. Năm thức thân thọ khổ gọi là khổ. Tác ý, ý thức thọ các khổ, gọi là ưu. Đủ những cái như thế và tùy phiền não, gọi là não.

Giảng:

Thế nào là vô minh? Đối với lục giới này khởi tướng một, tướng một hợp, tướng thường, tướng bền chắc, tướng chẳng hoại, tướng an lạc, tướng chúng sanh, mạng, sanh giả, dưỡng dục, sĩ phu, nhân, nhu đồng, tác giả, ngã, ngã sở... và các thứ không biết khác. Đây là vô minh.

Vô minh là không thấy được lý duyên hợp đúng như thật, nên đối với các pháp lầm chấp sanh ra các thứ tướng như: Thân này do địa, thủy, hỏa, phong, không, thức hợp lại mà tướng là một, tướng có một cá thể cố định, vô thường tướng là thường, tạm bợ mà tướng bền chắc, tan hoại mà nghĩ còn hoài, khổ tướng là vui, duyên hợp hư dối mà tướng có một chúng sanh thật, có sanh mạng, có sanh ra, có nuôi dưỡng, có sĩ phu, có người, có tạo vật, có người làm ra, có ngã, ngã sở và các thứ không biết khác... đều tướng thật, đó là tướng trạng của vô minh.

Vì có vô minh, đối với các cảnh giới khởi tham sân si, đây là vô minh duyên hành. Bởi ở trong có cội gốc vô minh, lầm chấp bản chất của con người. Đối cảnh giới bên ngoài lại lầm thêm lớp nữa, thấy cảnh đẹp thì tham, xấu thì sân, hoặc không biết gì hết là si, từ đó tạo nghiệp, gọi là vô minh duyên hành.

Đối với các việc hay liễu biệt, gọi đó là thức. Đối cảnh liền hay phân biệt, sanh ra đắm trước, đó là thức.

Cùng thức đồng sanh tứ thủ uẩn, đây là danh sắc. Tứ thủ uẩn gồm sắc, thọ, tưởng và hành. Bốn thủ uẩn này cộng với thức thành ngũ uẩn, gọi chung là danh sắc.

Y danh sắc có các căn, gọi là lục nhập. Ba pháp hòa hợp, gọi đó là xúc. Lãnh thọ cảm giác xúc chạm, gọi là thọ. Nương nơi danh sắc mà có sáu căn là lục nhập. Căn, trần, thức ba pháp cùng hòa hợp nên có xúc. Khi xúc chạm lãnh thọ khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, lãnh thọ đó gọi là thọ.

Đối thọ tham đắm gọi là ái. Tăng trưởng ái ấy gọi là thủ. Từ thủ mà sanh, hay sanh nghiệp gọi là hữu. Tham đắm vào cảm thọ phát sanh yêu thích, càng yêu thích thì ái càng tăng trưởng, phải gìn giữ tìm kiếm, từ đó tạo nghiệp đi trong các cõi.

Uẩn từ nhân kia sanh ra gọi là sanh. Sanh rồi uẩn thành thực gọi là lão. Lão rồi uẩn diệt hoại gọi là tử. Do có nghiệp nhân mê lầm trước dẫn dắt, nên thọ thân ngũ uẩn sanh trong các cõi, sanh rồi uẩn dần dần già nua dẫn đến hoại diệt không còn tồn tại.

Khi lâm chung bên trong đủ tham trước và nhiệt não, gọi là sâu. Từ sâu mà sanh các lời than thở, gọi là thán. Năm thức thân thọ khổ gọi là khổ. Tác ý, ý thức thọ các khổ, gọi là ưu. Đủ những cái như thế và tùy phiền não, gọi là não. Khi chết rồi mà bên trong còn tham trước lo sợ mất thân này, nên rầu buồn than thở. Năm thức thân thọ khổ, rồi tác ý, ý thức duyên theo sanh ra ưu phiền. Đầy đủ những thứ buồn khổ trên chung với tùy phiền não, gọi là não.

Như vậy một chuỗi mười hai nhân duyên từ vô minh cho tới lão tử ưu bi khổ não, đều từ vô minh ra. Do vô minh nên đối với cảnh khởi tham sân si mà tạo nghiệp. Đó là định nghĩa vô minh lớp thứ nhất.

Chánh văn:

Vì rất đen tối nên gọi là vô minh, vì tạo tác nên gọi là hành. Vì liễu biệt nên gọi là thức, vì nương nhau nên gọi là danh sắc, vì sanh ra cửa nên gọi là

lục nhập, vì xúc chạm nên gọi là xúc, vì thọ nhận nên gọi là thọ, vì khát ái nên gọi là ái, vì chấp thủ nên gọi là thủ, vì sanh hậu hữu nên gọi là hữu, vì sanh ngũ uẩn nên gọi là sanh, vì ngũ uẩn thành thực nên gọi là lão, vì ngũ uẩn hoại nên gọi là tử, vì sâu bi nên gọi là sâu, vì than thở nên gọi là thán, vì thân não nên gọi là khổ, vì tâm não nên gọi là ưu, vì phiền não nên gọi là não.

Giảng:

Lớp trước giải thích rộng về Mười hai nhân duyên, vô minh là từ những khởi tướng sai lầm, như đối với lục giới này khởi tướng một, tướng một hợp, tướng thường, tướng bền chắc v.v... Lớp thứ hai giải thích ngắn gọn mỗi thứ, từ vô minh là tối tăm mù mịt, rồi hành tạo tác... dẫn đến lão tử ưu não.

Chánh văn:

Lại nữa, chẳng rõ chân tánh điên đảo vô tri gọi là vô minh. Như thế thì có vô minh hay thành tam hành, nghĩa là phước hành, tội hành, bất động hành. Từ phước hành mà sanh phước hành thức, đây gọi là vô minh duyên hành. Từ tội hành mà sanh tội hành thức, đây gọi là hành duyên thức. Từ bất động hành mà sanh bất động hành thức, đây gọi là thức duyên danh sắc. Vì danh sắc tăng trưởng từ trong cửa lục nhập hay thành sự, đây là danh sắc duyên lục nhập. Từ lục nhập mà sanh sáu nhóm xúc, đây gọi là lục nhập duyên xúc. Từ cái bị xúc chạm mà sanh những thứ thọ, đây gọi là

xúc duyên thọ. Liễu biệt thọ rồi mà sanh nhiễm ái đẩm trước, đây gọi là thọ duyên ái. Biết rồi liền sanh nhiễm ái đẩm trước chẳng muốn xa lìa sắc đẹp và đối việc an vui mà sanh mong được vui, đây là ái duyên thủ. Sanh mong được vui rồi từ thân, khẩu, ý tạo nghiệp hậu hữu đây là thủ duyên hữu. Từ nơi nghiệp kia sanh ra ngũ uẩn, đây là hữu duyên sanh. Sanh rồi các uẩn thành thực và diệt hoại, đây gọi là sanh duyên lão tử.

Giảng:

Lại nữa, chẳng rõ chân tánh điên đảo vô tri gọi là vô minh. Lớp thứ ba giải thích vô minh là do không rõ chân tánh, nên có những hiểu biết điên đảo vô tri.

Như thế thì có vô minh hay thành tam hành, nghĩa là phước hành, tội hành, bất động hành. Từ vô minh mà tạo ra tam hành là phước hành, tội hành và bất động hành. Bất động hành là chỉ cho hành nghiệp do thiên định. Hành là nghiệp. Do ngôi thiên mà được sanh về các cõi trời như trời Sắc giới và Vô sắc giới... gọi là bất động hành, tức là nghiệp bất động. Thông thường nói ngôi thiên là giải thoát, tại sao đây nói sanh về các cõi trời? Bởi có những lối tu mượn cảnh trụ tâm, như quán đất, nước, lửa v.v... để được định. Khi được định tương ưng chỗ nào, thì lúc chết sanh vào các cõi ấy. Thí dụ người tu quán lửa, để ngọn đèn mờ mờ gần chum nước, quán từ nhỏ dần dần tưởng nó rộng ra, đến khi nào thấy lửa tràn ngập khắp phòng là được định. Hoặc có người đốt cây nhang, rồi nhìn cây nhang trụ tâm

vào đó để được định. Những lối định này trụ tâm trong một cảnh mà không có trí tuệ, không phải là nhân đưa đến giải thoát, nên thuộc về bất động hành.

Thiền định giải thoát là thiền định trong trí tuệ, như khi ngồi thiền vọng tưởng khởi liền biết không theo, vì vọng tưởng là cái mê lầm để tạo nghiệp, biết vọng không theo là đã tỉnh giác. Khi vọng tưởng lặng thì tâm an định, định này là tỉnh giác chứ không phải định do kèm giữ ở một cảnh. Tỉnh giác không bị vô minh dẫn tạo nghiệp thì đó là nhân của giải thoát. Như vậy định này và định sanh về cõi trời khác nhau. Thiền định sanh về cõi trời đến khi hưởng hết phước liền bị rơi trở lại, còn thiền định với trí tuệ thấy được gốc của vô minh thì mầm sanh tử chấm dứt, không còn trở lui nữa. Nếu tu thiền mà không hiểu tường tận, thì khi thấy người tu mượn cảnh trụ tâm, cho là dễ ngồi mau được định rồi ham, còn ngồi không có chỗ nào để trụ thấy khó rồi nản. Chúng ta không biết, không giản trạch được gốc của sự tu chánh yếu ở chỗ nào, mà cho rằng phương pháp kia có hiệu nghiệm hay hơn, hiểu như vậy là sai lầm.

Từ phước hành mà sanh phước hành thức, đây gọi là vô minh duyên hành. Từ tội hành mà sanh tội hành thức, đây gọi là hành duyên thức. Từ bất động hành mà sanh bất động hành thức, đây gọi là thức duyên danh sắc.

Về văn dịch của đoạn này ngài Thái Hư cho rằng không được sáng sửa, theo ngài thì nên dịch: “Y vô minh khởi ba hành là vô minh duyên hành. Y ba hành

thành phước hành thức, tội hành thức và bất động hành thức, đó là hành duyên thức. Y ba hành thức khởi ra danh sắc, là thức duyên danh sắc”. Nếu căn cứ theo bản dịch này nói từ vô minh khởi ra ba hành là phước hành, tội hành và bất động hành. Từ phước hành mà sanh phước hành thức, đây gọi là vô minh duyên hành... thì nghĩa không được rõ bằng cách dịch của ngài Thái Hư. Bởi vì ba thứ nghiệp thiện, nghiệp ác và nghiệp bất động đều từ vô minh mà khởi, nó cộng lại tạo thành sức mạnh đẩy thức đi thọ sanh, gọi đó là hành duyên thức. Ba nghiệp kết hợp với thức và sắc chất, gọi là thức duyên danh sắc.

Vì danh sắc tăng trưởng từ trong cửa lục nhập hay thành sự, đây là danh sắc duyên lục nhập. Sắc thân ở trong bào thai tăng trưởng sanh ra sáu cửa gọi là lục nhập, đây là danh sắc duyên lục nhập.

Từ lục nhập mà sanh sáu nhóm xúc, đây gọi là lục nhập duyên xúc. Sáu nhóm xúc là: Mắt tiếp xúc sắc trần, tai tiếp xúc thanh trần, mũi tiếp xúc hương trần, lưỡi tiếp xúc vị trần, thân tiếp xúc xúc trần, ý tiếp xúc pháp trần. Căn, trần và thức chung lại thành ra cảm thọ, nên gọi là nhóm.

Từ cái bị xúc chạm mà sanh những thứ thọ, đây gọi là xúc duyên thọ. Liễu biệt thọ rồi mà sanh nhiễm ái đắm trước, đây gọi là thọ duyên ái. Từ sáu thứ xúc chạm trên mà sanh ra thọ nhận, thọ nhận rồi liền có thức liễu biệt những thọ nhận đó là khổ, vui, không khổ không vui, mới sanh ra ái.

Biết rồi liền sanh nhiễm ái đắm trước chẳng muốn xa lìa sắc đẹp và đối việc an vui mà sanh mong được vui, đây là ái duyên thủ. Sanh mong được vui rồi từ thân, khẩu ý tạo nghiệp hậu hữu đây là thủ duyên hữu. Liều biệt biết đó là đẹp hay vui rồi đắm trước không muốn xa lìa, mong được như vậy mãi mãi. Do muốn được vui theo chỗ mong cầu của mình, nên thân khẩu ý mới tạo thêm nghiệp hậu hữu, có thân tiếp sau nữa.

Từ nơi nghiệp kia sanh ra ngũ uẩn, đây là hữu duyên sanh. Sanh rồi các uẩn thành thực và diệt hoại, đây gọi là sanh duyên lão tử. Từ nghiệp đời trước nối tiếp mà sanh ngũ uẩn của đời sau, sanh rồi dần dần thành thực hoại diệt đến cuối cùng là già chết.

Như vậy ba đoạn này cùng chung giải thích về Mười hai nhân duyên, mà trọng yếu của nó là vô minh. Vô minh lớp đầu là nhận lầm thân duyên hợp, tưởng cho là thường nhất, là một cá thể riêng biệt, có chúng sanh, có thọ mạng v.v... Vô minh lớp thứ hai là chỉ cho sự mờ mịt, đen tối, không hiểu biết. Vô minh lớp thứ ba chỉ cho đối với chân tánh mờ lấp, không sáng tỏ rồi khởi vọng tưởng điên đảo... Trong đây nghiệp là phiền não hay sanh chủng tử thức.

Chánh văn:

Thế nên pháp Mười hai nhân duyên kia lẫn nhau làm nhân, lẫn nhau làm duyên, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải vô nhân, chẳng phải

vô duyên, chẳng phải hữu thọ, chẳng phải tận pháp, chẳng phải hoại pháp, chẳng phải pháp tận, chẳng phải pháp hoại, chẳng phải pháp diệt. Từ vô thủy đến nay như thác nước đổ không có đoạn tuyệt.

Giảng:

Thế nên pháp Mười hai nhân duyên kia lẫn nhau làm nhân, lẫn nhau làm duyên, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Khi nhận được lý nhân duyên rồi, thấy tất cả pháp không phải thường, không phải vô thường, không phải hữu vi cũng không phải vô vi... Bởi vì nhân duyên là một dòng sanh diệt, cái này nối tiếp cái kia nên không phải thường. Nếu không thường thì là vô thường, sao lại nói không phải vô thường? Vô thường ở đây có nghĩa là đoạn diệt. Nhân duyên là sanh diệt, không thường còn mãi mãi, nhưng không phải là mất hẳn. Tuy sanh diệt mà liên tục không dứt, đời này liên tục tới đời kia, một dòng nối tiếp không gián đoạn, nên không phải vô thường. Thường là thường kiến, vô thường là đoạn kiến.

Chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Hữu vi là tạo tác, vô vi là không tạo tác. Không phải có làm ra, cũng chẳng phải không làm. Bởi vì duyên là một dòng sanh diệt tiếp nối, liên hệ dây chuyền với nhau, có cái này mới có cái kia, nên không phải là hữu vi cũng không phải vô vi.

Chẳng phải vô nhân, chẳng phải vô duyên, chẳng phải hữu thọ, chẳng phải tận pháp, chẳng phải hoại pháp, chẳng phải pháp tận, chẳng phải pháp hoại,

chẳng phải pháp diệt. Từ vô thủy đến nay như thác nước đổ không có đoạn tuyệt.

Các pháp có nhân có duyên, chứ không phải vô nhân vô duyên. Tùy theo nhân duyên mà chuyển biến, tự nó tiếp nối sanh khởi chứ không phải có một cái thọ nhận riêng ở trong, nên nói chẳng phải hữu thọ. Chẳng phải tận pháp tức là không phải pháp hết, chẳng phải hoại pháp là không phải pháp diệt mất. Mười hai nhân duyên này từ vô thủy đến nay, liên tục với nhau như dòng thác đổ, không có đoạn tuyệt. Dòng thác đổ âm âm, chúng ta nhìn vào tưởng như từ xưa đến nay dòng thác chỉ là một, nhưng không ngờ nó luôn luôn chuyển biến liên tục, không dừng ở một trạng thái nào, bên này hoặc bên kia. Vì chuyển biến nên không phải thường, liên tục nên không phải đoạn. Mười hai nhân duyên như sợi dây xích, móc này nối móc kia. Từ xưa đến nay chúng ta đi trong sanh tử, đều do mười hai nhân duyên tiếp nối lôi kéo dắt dẫn, mất thân này liền kiếm thân kia liên tục không dừng. Chúng ta hiểu thấu lý nhân duyên thì đối tất cả pháp không chấp một bên, không chấp thường, không chấp vô thường, không chấp hữu vi, không chấp vô vi cũng không chấp hoại diệt.

Chánh văn:

Có bốn chi kia hay nhiếp pháp Mười hai nhân duyên. Thế nào là bốn? Nghĩa là vô minh, ái, nghiệp và thức. Thức lấy tánh chủng tử làm nhân. Nghiệp lấy tánh điền làm nhân. Vô minh và ái lấy tánh phiền não làm nhân.

Giảng:

Có bốn chi kia hay nhiếp pháp Mười hai nhân duyên. Bốn chi là bốn phần. Đây nói bốn phần, chỗ khác nói có ba phần. Ba phần là hoặc, nghiệp và khổ, nhiếp hết mười hai nhân duyên. Vô minh là hoặc, hành là nghiệp, thọ thân này là khổ. Ái, thủ là hoặc; hữu là nghiệp; sanh, lão tử là khổ. Như vậy cứ hoặc, nghiệp, khổ, đời này đời kia một dòng nối tiếp.

Thế nào là bốn? Nghĩa là vô minh, ái, nghiệp và thức. Bốn phần: vô minh, ái, nghiệp và thức nhiếp hết mười hai nhân duyên. Sao nói bốn phần này nhiếp hết mười hai nhân duyên? Thức lấy tánh chủng tử làm nhân, nhân của thức là chủng tử, những chủng tử gieo trong tàng thức thiện, ác hoặc bất động. Nghiệp lấy tánh điền làm nhân, nghiệp như thửa ruộng, hạt giống thức gieo xuống ruộng nghiệp thì nó liền tăng trưởng phát ra hiệu nghiệm. Vô minh và ái lấy tánh phiền não làm nhân, vì gốc của ái và vô minh chính là phiền não chứ không có gì khác.

Chánh văn:

Trong đây nghiệp và phiền não hay sanh chủng tử thức. Nghiệp thì hay làm ruộng cho chủng tử thức, ái thì hay làm ướt mát cho chủng tử thức, vô minh hay gieo chủng tử thức. Nếu không có các duyên này thì chủng tử thức không thể thành.

Giảng:

Trong đây nghiệp và phiền não hay sanh chủng tử thức. Chỗ tối quan trọng là chủng tử thức, mà chủng tử

thức được tăng trưởng chính do nghiệp và phiền não, nên nói nghiệp và phiền não hay sanh chủng tử thức. Thông thường chúng ta huân tập điều gì thì biết rành về điều đó, tức là chủng tử đã gieo trong tàng thức. Phiền não buồn vui nhiều chừng nào thì gieo chủng tử đậm chừng nấy, đậm mới gieo sâu vào chứ bình thường thì đâu nhớ. Nhớ những cái gì huân tập hoặc vui hoặc buồn, các thứ buồn vui đó là phiền não, là chủng tử thức. Chủng tử thức có là do những thứ đã huân tập, như hiện tại khi chúng ta nói chuyện với nhau, toàn kể những việc đã qua nào là buồn vui, giận tức, oan trái, hoặc kể về nghề nghiệp chuyên môn của mình. Tại sao phải kể? Vì những chủng tử đó ăn sâu quá rồi, bây giờ gặp cơ hội thì nó phát ra. Nên nói nghiệp và phiền não hay sanh chủng tử thức.

Nghiệp thì hay làm ruộng cho chủng tử thức, ái thì hay làm ướt mát cho chủng tử thức, vô minh hay gieo chủng tử thức. Nếu không có các duyên này thì chủng tử thức không thể thành. Nghiệp là chỗ cho chủng tử thức tăng trưởng, ái làm mát mẻ khiến cho chủng tử thức mau sanh khởi. Tại sao vô minh hay gieo chủng tử thức? Bởi vì không biết đúng như thật, nên cố chấp vào những thứ buồn vui, thương ghét, mới có tạo nghiệp. Tạo nghiệp đó là do từ vô minh gieo chủng tử thức vào, rồi ái làm ướt mát giúp chủng tử thức tăng trưởng, nếu không có các duyên này thì chủng tử thức không thể thành.

Chánh văn:

Nghiệp kia cũng chẳng nghĩ rằng nay ta hay làm ruộng cho chủng tử thức. Ái cũng chẳng nghĩ rằng

nay ta hay làm ướn mát chủng tử thức. Vô minh cũng không nghĩ rằng nay ta hay gieo chủng tử thức. Chủng tử thức kia cũng chẳng nghĩ rằng nay ta từ những duyên này mà sanh.

Giảng:

Nghiệp, ái, vô minh và chủng tử thức, nối tiếp làm nhân làm duyên cho nhau mà sanh trưởng, thứ này không nghĩ làm ra thứ kia. Như những chuyện buồn vui, thương ghét, chúng ta không nghĩ đem gieo vào tâm thức, nhưng khi đủ duyên liền tự có vui buồn, tự gieo chủng tử... không có tác giả.

Chánh văn:

Tuy nhiên chủng tử thức nương chỗ ruộng nghiệp kia, nước mát ái và phân đất vô minh sanh ra, vào thai mẹ hay sanh mầm danh sắc. Mầm danh sắc kia cũng chẳng phải tự tác, cũng chẳng phải tha tác, chẳng phải tự tha chung tác, chẳng phải Tự Tại hóa, chẳng phải thời biến, chẳng phải tự tánh sanh, chẳng phải nhờ làm ra, cũng chẳng phải không nhân mà sanh.

Giảng:

Chủng tử thức nương chỗ ruộng nghiệp, nước mát ái và phân đất vô minh sanh ra, vào thai mẹ hay sanh mầm danh sắc. Mầm danh sắc kia cũng chẳng phải tự tác, mầm danh sắc trong thai mẹ không phải tự làm ra. Cũng chẳng phải tha tác, không phải người khác làm ra.

Chẳng phải tự tha chung tác, cũng không phải mình và người khác cùng làm ra. Chẳng phải Tự Tại hóa, chẳng phải do trời Tự Tại, hay bà Mẹ Sanh Mẹ Độ hóa ra, như quan niệm của dân gian. Chẳng phải thời biến, chẳng phải tự tánh sanh, đây là những lối chấp của Thắng Luận Sư, họ cho rằng tất cả sự vật ở trong vũ trụ đều do thời biến, tức là sự vật sanh trưởng theo thời gian, thời gian sanh ra mọi vật. Chẳng phải nhờ làm ra, cũng chẳng phải không nhân mà sanh, không phải nhờ cái khác, cũng không phải vô có mà sanh ra.

Tóm lại, các pháp do nhân duyên sanh, chứ không do một cái gì làm ra. Thông thường chúng ta hay nói cha tạo mẹ sanh, sự thật thì tất cả sự sanh ra đều là do đủ nhân đủ duyên thành tựu, chứ không thể riêng lẻ mà có được. Bởi vì nhân duyên là gồm nhiều thứ, vì vậy không nên chấp cứng vào một pháp nào.

Chánh văn:

Tuy nhiên khi cha mẹ hòa hợp và khi các duyên hòa hợp, pháp vô ngã, vô ngã sở giống như hư không. Có pháp huyễn kia vì nhân và các duyên đầy đủ, nương chỗ sanh kia vào thai mẹ hay thành tựu thức chấp, thọ thai mẹ làm mầm danh sắc.

Giảng:

Tuy nhiên khi cha mẹ hòa hợp và khi các duyên hòa hợp, pháp vô ngã, vô ngã sở giống như hư không. Khi cha mẹ và các duyên hòa hợp, pháp đó không có ngã và ngã sở, nó như hư không, không có thật thể, là pháp hư huyễn.

Có pháp huyền kia vì nhân và các duyên đầy đủ, nương chỗ sanh kia vào thai mẹ hay thành tựu thức chấp, thọ thai mẹ làm mầm danh sắc. Như vậy cái vào thai mẹ đó là pháp huyền, tuy là pháp huyền như hư không, nhưng đủ nhân đủ duyên nó liền nương chỗ sanh kia mà vào thai mẹ. Tại sao nói là pháp huyền? Vì nếu thật thì phải có một cái từ trước đi tới, không cần đợi đủ nhân đủ duyên mới thành. Pháp nào đợi đủ nhân đủ duyên mới có thì đó là pháp huyền, không thật, không ngã, không ngã sở. Pháp huyền đó khi vào thai mẹ rồi liền thành tựu thức chấp, nhận bào thai mẹ làm thân, gọi là danh sắc. Thức chấp là danh, thọ bào thai là sắc.

Chánh văn:

Như khi nhãn thức sanh nếu đủ năm duyên thì được sanh. Thế nào là năm? Nghĩa là nương con mắt, sắc, ánh sáng, hư không, tác ý nên nhãn thức được sanh. Trong đây con mắt hay làm chỗ nương cho nhãn thức, sắc thì hay làm cảnh cho nhãn thức, ánh sáng hay làm việc hiển hiện, hư không hay làm việc chẳng chướng, tác ý hay làm việc tư tưởng. Nếu không đủ các duyên này thì nhãn thức chẳng sanh.

Giảng:

Như khi nhãn thức sanh nếu đủ năm duyên thì được sanh. Thành Duy Thức luận và Bát Thức Qui Củ nói khi nhãn thức sanh phải đủ chín duyên, đây nói chỉ có năm duyên, bởi vì năm duyên này là chính, còn bốn duyên kia chỉ là duyên phụ không đáng kể.

Thế nào là năm? Nghĩa là nương con mắt, sắc, ánh sáng, hư không, tác ý nên nhãn thức được sanh. Con mắt là nhãn căn, sắc là cảnh. Nhãn thức được sanh là khi nào đủ năm duyên: căn, cảnh, ánh sáng, hư không và tác ý. Thiếu năm duyên này thì nhãn thức không thể sanh. Thí dụ khi chúng ta nhìn một sự vật, lúc mới nhìn ý thức chưa phát khởi, vừa có tác ý thì niệm liền dấy lên, nhãn thức phân biệt theo cảnh rõ ràng. Cũng vậy, bào thai được có là từ đủ các duyên, chứ không ai dẫn tới cũng không ai làm ra.

Chánh văn:

Nếu nội nhãn đầy đủ, như thế cho đến sắc, ánh sáng, hư không, tác ý đầy đủ. Khi tất cả hòa hợp thì nhãn thức sanh. Con mắt kia cũng chẳng nghĩ rằng, nay ta hay làm chỗ nương cho nhãn thức, sắc cũng chẳng nghĩ rằng nay ta làm cảnh cho nhãn thức, ánh sáng cũng chẳng nghĩ rằng nay ta làm việc hiển hiện cho nhãn thức. Hư không cũng không nghĩ rằng nay ta làm việc không chướng cho nhãn thức. Tác ý cũng không nghĩ rằng nay ta hay làm tư tưởng cho nhãn thức. Nhãn thức kia cũng không nghĩ rằng ta từ các duyên này mà có. Tuy nhiên có các duyên này thì nhãn thức được sanh. Cho đến các căn khác v.v... tùy loại mà biết đó. Như thế không có chút pháp từ đời này đời sang đời khác. Tuy nhiên vì nhân và các duyên đầy đủ thì nghiệp quả cũng hiện.

Giảng:

Nếu nội nhãn đầy đủ, như thế cho đến sắc, ánh sáng, hư không, tác ý đầy đủ. Khi tất cả hòa hợp thì nhãn thức sanh. Chỗ này cho chúng ta thấy lý nhân duyên thật là thâm sâu. Nhãn thức sanh phải đủ năm điều kiện, trong có nhãn căn, ngoài có cảnh sắc, ánh sáng, hư không và tác ý. Nếu có mắt, có sắc mà không có hư không thì không thể thấy được sắc. Như khi để vật gì khít với con mắt thì không thể thấy được, nhờ có khoảng trống mới thấy. Có khoảng trống mà không có ánh sáng cũng không thấy được. Có con mắt, ánh sáng, khoảng trống rồi, còn phải có tác ý hòa hợp ở trong nữa, thì nhãn thức mới đủ điều kiện sanh khởi.

Con mắt kia cũng chẳng nghĩ rằng, nay ta hay làm chỗ nương cho nhãn thức, sắc cũng chẳng nghĩ rằng nay ta làm cảnh cho nhãn thức... Cảnh không nghĩ làm chỗ cho nhãn thức duyên, mắt cũng không nghĩ làm chỗ cho nhãn thức khởi, ánh sáng, hư không cũng thế. Năm điều kiện này không có cái nào nghĩ làm cho cái nào, nhưng đủ những thứ đó thì nhãn thức sanh, các pháp mỗi thứ tự ở bản vị của nó, nên nói pháp trụ pháp vị là vậy.

Chúng ta luôn luôn cho mọi sự đều có định đặt, có cố tình cố ý làm ra, chứ không chịu nhìn trên nhân duyên. Như người làm ruộng thấy sắp mưa liền vui mừng, cho rằng trời mưa cho mình làm ruộng, thành công là do có ai đó ủng hộ. Người phơi lúa gặp trời mưa thì

tức giận, nghĩ trời hại. Tin rằng cái gì cũng có ý cho mình, vì mình. Tất cả đều quy vào bản ngã, bị lệ thuộc vào bản ngã, nghĩ là có tác giả chung quanh để bảo trợ hay làm ra mọi thứ, mà không biết rằng tất cả pháp là do duyên. Vì vậy khi có điều gì như ý thì vui, không như ý thì đâm ra buồn tức, sân giận. Nếu biết các pháp đủ duyên thì hiện, không có ý niệm lệ thuộc vào thần quyền, không cho do cái gì làm ra thì có gì để phiền trách. Nắng mưa là việc bình thường của nhân duyên, các pháp là như vậy. Nên nói *hoa ở trên núi tới mùa xuân thì nở, chứ không phải vì ai mà nở*.

Hiểu được lý nhân duyên chúng ta mới phá được lầm chấp có tác giả, chấp có tác giả đó chính là ngầm chấp vào bản ngã của chúng ta. Do chấp ngã cho rằng mình là chủ, nên những thứ chung quanh đều vì hỗ trợ chủ thể này. Thân chúng ta do nhân duyên hòa hợp, chứ không ai định đặt. Bởi nghĩ có ai định đặt tốt xấu, nên khi gặp việc xấu cho là tạo hóa bất công, rồi than trời trách đất. Đã là nhân duyên thì đủ duyên còn, thiếu duyên hoại, không buồn trách ai. Không chấp mình là tác giả, là chủ nhân thì đối các pháp giả tạo ở bên ngoài cũng không chấp. Ngã, ngã sở không còn.

Các cuộc hợp tan đều là nhân duyên, không phải bỗng dưng mà có, không phải một ai làm ra, không phải tự tha cộng tác, không phải trời Tự Tại hay thần thánh tạo ra... Thấy được vậy thì ở giữa cõi đời phiền trước mà cuộc sống của chúng ta an vui, tự tại.

Chánh văn:

Thí như trong gương sáng hiện mặt mày người. Tuy mặt mày kia chẳng dời đến trong gương, nhân và các duyên đầy đủ nên mặt mày cũng hiện. Như thế không có một ít từ nơi đây diệt mà sanh ở nơi khác. Vì nhân và các duyên đầy đủ nên nghiệp quả cũng hiện.

Giảng:

Thí như trong gương sáng hiện mặt mày người. Tuy mặt mày kia chẳng dời đến trong gương, nhân và các duyên đầy đủ nên mặt mày cũng hiện. Phật đưa ba thí dụ, thí dụ thứ nhất về chiếc gương. Như gương sáng khi nhìn vào liền thấy mặt mày, mặt mày đó chẳng dời đến trong gương, mà do nhân duyên đầy đủ nên mặt mày hiện. Cũng vậy, tất cả các pháp đời này, đời khác... đều do đủ nhân duyên hiện, chứ không mang từ cái này qua cái kia.

Chúng ta quen chấp vào bản ngã, cho rằng mình tạo phước lành đời này để đời sau hưởng, nghĩa là phước lành đó mang từ đời này sang đời sau, mà trong kinh nói không có cái từ đời này đời sang đời kia. Tại sao? Bởi vì căn cứ trên thân tạo nghiệp lành dữ, khi thân ngã xuống hư hoại thì đâu thể mang từ đời này đến đời kia được. Nhưng cái gây ảnh hưởng sâu đậm là chủng tử thức, tức mầm nhỏ xíu ở trong tàng thức. Mầm tuy nhỏ nhưng ảnh hưởng của nó rất lớn, nên nói nhân nhỏ mà quả lớn. Thân sanh diệt hoàn toàn hoại, nó không

liên hệ với thân sau được, nên không thể mang nghiệp lành dữ từ đây sang kia, nhưng có chủng tử thức ngầm chứa ở bên trong, khi nhân và các duyên đầy đủ thì nghiệp quả hiện, chứ chẳng phải không ngờ.

Chánh văn:

Ví như vàng trắng di chuyển cách đây bốn muôn hai ngàn do tuần, bóng vàng trắng kia hiện trong chậu nước nhỏ. Vàng trắng cũng chẳng từ trên không dời đến trong chậu nước. Tuy nhiên vì nhân và các duyên đầy đủ nên vàng trắng cũng hiện. Như thế không có một ít từ đây diệt mà sanh ở nơi khác. Vì nhân và các duyên đầy đủ nên nghiệp quả cũng hiện.

Giảng:

Ví như vàng trắng di chuyển cách đây bốn muôn hai ngàn do tuần, bóng vàng trắng kia hiện trong chậu nước nhỏ. Thí dụ thứ hai là vàng trắng. Đây nói do tuần là chỉ cho khoảng cách đo lường của Ấn Độ xưa, trong tự điển ghi là khoảng bốn dặm. Gần như gương và mặt, còn xa như mặt trăng và chậu nước thì có đến được không?

Vàng trắng cũng chẳng từ trên không dời đến trong chậu nước. Tuy nhiên vì nhân và các duyên đầy đủ nên vàng trắng cũng hiện. Mặt trăng là nhân, chậu nước là duyên. Mặt trăng chẳng dời đến chậu nước, nhưng đủ nhân đủ duyên thì bóng trăng liền hiện. Như vậy gần như gương với mặt, xa như mặt trăng với chậu nước, đủ nhân đủ duyên đều hiện. Nghiệp báo của

chúng ta cũng thế, trả nghiệp ác hoặc hưởng phước lành, dù gần hay xa nhiều đời chỉ cần đủ nhân đủ duyên thì quả báo liền hiện.

Chánh văn:

Thí như lửa, nhân và các duyên nếu không đầy đủ thì không thể cháy. Như thế pháp vô ngã, vô ngã sở, ví như hư không y những pháp kia, vì nhân và các duyên đầy đủ chỗ để sanh, liền vào thai mẹ, thì hay thành tựu chủng tử thức, nghiệp và phiền não sanh ra mầm danh sắc. Thế nên phải như thế, quán việc pháp Nội nhân duyên duyên tương ưng.

Giảng:

Thí như lửa, nhân và các duyên nếu không đầy đủ thì không thể cháy. Thí dụ thứ ba là ngọn lửa. Lửa cháy được là phải có nhân và các duyên đầy đủ, nếu không thì chẳng thể cháy. Muốn đốt lửa mà không có củi, không có người nhóm lửa, không có hộp quẹt v.v... thì không sao có lửa được. Đủ nhân đủ duyên thì lửa hiện, thiếu thì lửa không thể có. Đây để dụ cho bất định nghiệp. Bất định nghiệp là nghiệp tuy có, nhưng nếu không đủ nhân duyên thì nghiệp đó cũng không hiện.

Tóm lại ba thí dụ trên. Thí dụ thứ nhất gương với mặt, gương và mặt gần nhau, vừa có gương có mặt là bóng hiện, để chỉ nghiệp quả hiện tại, nếu việc làm gây ra đủ nhân đủ duyên thì nghiệp quả đó liền hiện. Thí dụ thứ hai mặt trăng và chậu nước, trăng và chậu nước cách nhau rất xa, nhưng có trăng có nước thì

liền thấy bóng trăng, cũng vậy nghiệp quả tuy cách xa nhiều đời, nhưng khi đủ nhân đủ duyên thì nó cũng hiện. Thí dụ thứ ba ngọn lửa, có nhân mà thiếu duyên thì lửa không thể có, đây dụ cho bất định nghiệp là nghiệp quả không cố định, nghiệp đó không phải cố định hẳn, phải đợi đủ nhân đủ duyên mới hiện. Như vậy quả báo đời sau, gần thì gọi là sanh báo, xa nhiều đời thì gọi là hậu báo, có nhân mà không quả là bất định nghiệp.

Như thế pháp vô ngã, vô ngã sở, ví như hư không y huyễn pháp kia, vì nhân và các duyên đầy đủ chỗ để sanh, liền vào thai mẹ, thì hay thành tựu chủng tử thức, nghiệp và phiền não sanh ra mầm danh sắc.

Thân này vô ngã, vô ngã sở, như hư không, là pháp huyễn hóa, khi nhân và các duyên đầy đủ chỗ để sanh ra thì nó liền vào thai mẹ. Vào thai mẹ rồi hay thành tựu chủng tử thức, nghiệp và phiền não sanh ra mầm danh sắc, cứ thế tiếp tục luân chuyển mãi không thôi.

Thế nên phải như thế, quán việc pháp Nội nhân duyên duyên tương ứng. Phải quán pháp Nội nhân duyên duyên tương ứng như trên, thì xa lìa được tất cả chấp trước điên đảo.

Chánh văn:

Nên dùng năm thứ quán pháp Nội nhân duyên. Thế nào là năm: Chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng đời, từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn, cùng với kia giống nhau.

Thế nào là chẳng thường? Nghĩa là uẩn hậu diệt kia cùng sanh phần kia, mỗi cái riêng khác. Vì uẩn hậu diệt không phải sanh phần. Vì uẩn hậu diệt kia diệt, sanh phần cũng được hiện. Nên chẳng thường.

Thế nào chẳng đoạn? Chẳng phải nương uẩn hậu diệt khi hoại diệt mà sanh phần được sanh. Cũng chẳng phải chẳng diệt, uẩn hậu diệt kia diệt, chính khi ấy uẩn sanh phần như cái cân song bằng cao thấp mà được sanh, nên chẳng đoạn.

Thế nào chẳng dời? Vì các hữu tình từ chỗ phi chúng đồng phần hay sanh chỗ chúng đồng phần, thế nên chẳng dời.

Thế nào từ nhân nhỏ hay sanh quả lớn? Tạo tác nghiệp nhỏ chiêu cảm quả dị thực lớn, thế nên từ nhân nhỏ hay sanh quả lớn.

Thế nào cùng với kia giống nhau? Như nhân tạo ra chiêu cảm quả kia cùng với nhân ấy tương tự.

Thế nên phải dùng năm thứ quán pháp nhân duyên.

Giảng:

Nên dùng năm thứ quán pháp Nội nhân duyên. Thế nào là năm: Chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng dời, từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn, cùng với kia giống nhau. Phải dùng năm thứ này mà quán sát về pháp Nội nhân duyên. Đây giải thích về năm pháp quán.

Thế nào là chẳng thường? Nghĩa là uẩn hậu diệt kia cùng sanh phần kia, mỗi cái riêng khác. Uẩn hậu diệt là thân cũ trước nay hoại rồi mất. Sanh phần là thân mới sanh sau. Hai thân này mỗi cái riêng khác. Vì sao? Vì uẩn hậu diệt không phải sanh phần. Vì uẩn hậu diệt kia diệt, sanh phần cũng được hiện, nên chẳng thường. Thân trước không phải là thân sau, không liên hệ gì nhau, bởi thân trước hoại rồi mới sanh thân sau, nên chẳng phải thường.

Thế nào chẳng đoạn? Chẳng phải nương uẩn hậu diệt khi hoại diệt mà sanh phần được sanh. Cũng chẳng phải chẳng diệt, uẩn hậu diệt kia diệt, chính khi ấy uẩn sanh phần như cái cân song bằng cao thấp mà được sanh, nên chẳng đoạn. Đoạn này khó hiểu, khó giải thích, vì có những quan niệm khác nhau. Có quan niệm cho rằng khi uẩn hậu diệt thì sanh phần liền sanh ở nơi khác, nơi này vừa hoại liền có mặt ở nơi kia, nên nói chết đây sanh kia, không phải đứt đoạn, cũng không qua thân trung ấm.

Theo tinh thần Đại thừa, khi thân trước hoại, thân sau sanh, nếu không gặp duyên cha mẹ thì không thể sanh, phải đợi đủ duyên mới được, sanh phần ở khoảng giữa đó không phải thân xác thịt thường mà là sanh phần của thân trung ấm. Sanh phần thân trung ấm tiếp tục đợi đủ nhân duyên, khi đủ nhân duyên rồi, sanh phần đó hoại mới vào bào thai thọ sanh phần khác nữa, liên tục không đoạn dứt.

Như vậy cả hai quan niệm trên đều hợp lý, cho thấy sự sanh đó không phải thân này đứt mất rồi một

thời gian mới có thân sau, mà thân trước diệt, đủ nhân đủ duyên liền có thân sau, liên hệ nhau không đứt đoạn. Vì vậy nên nói *uẩn hậu diệt kia diệt, chính khi ấy uẩn sanh phần như cái cân song bằng cao thấp mà được sanh, nên chẳng đoạn*.

Thế nào chẳng đời? Vì các hữu tình từ chỗ *phi chúng đồng phần hay sanh chỗ chúng đồng phần, thế nên chẳng đời*. Chúng đồng phần, chữ phần có chỗ đọc là phận. Cùng sanh chung ở một cõi riêng biệt nào đó gọi là chúng đồng phận. Như cùng sanh cõi người hay cùng sanh vào loài chim chóc, trâu bò...

Tại sao chẳng đời? Vì các hữu tình từ chỗ *phi chúng đồng phần hay sanh chỗ chúng đồng phần*. Nghĩa là chúng ta từ không phải chư thiên hay loài người, chim chóc, trâu bò... mà do tạo nghiệp tương ưng thế nào thì sanh vào loài đó. Tạo nghiệp chư thiên liền sanh vào chúng đồng phần là chư thiên. Từ không phải chúng đồng phần ở đó mà sanh chỗ đó, chứ không phải đem nguyên thân này tới chỗ kia, nên nói chẳng đời.

Thế nào từ nhân nhỏ hay sanh quả lớn? Tạo tác nghiệp nhỏ chiêu cảm quả dị thực lớn, thế nên từ nhân nhỏ hay sanh quả lớn. Thực là chín, dị thực là đổi khác mới chín. Mang thân này gọi là mang thân dị thực, cũng gọi là thân tổng báo. Những nghiệp chúng ta tạo khi chưa gặp duyên thì chưa trả liền nên nói dị thực, khi thọ thân rồi gặp đủ duyên mới trả từ từ hoặc tốt hoặc xấu gọi là thực báo. Chúng ta tạo tác nghiệp nhỏ,

đến lúc chín rồi chiêu cảm quả dị thực lớn. Thế nên từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn.

Thế nào cùng với kia giống nhau? Như nhân tạo ra chiêu cảm quả kia cùng với nhân ấy tương tự. Tương tự là giống nhau. Nhân tạo thế nào thì chiêu cảm quả sau cũng giống như vậy. Nhân bồ-đề thì lên cây bồ-đề, nhân bí rợ thì lên dây bí rợ, chứ không thể lên cây khác được.

Thế nên nên phải dùng năm thứ quán pháp nhân duyên. Chúng ta phải dùng năm thứ: chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng dời, từ nhân nhỏ mà sanh quả lớn, cùng với kia giống nhau. Dem năm thứ này mà quán sát tường tận về lý nhân duyên thì không còn mê lầm nữa.

Đó là kết thúc hai phần quán pháp Nội nhân duyên và Ngoại nhân duyên.

Chánh văn:

Tôn giả Xá-lợi Tử, lại có người hay dùng chánh trí thường quán pháp nhân duyên, do Như Lai nói vô thọ, ly thọ, như thật tánh, vô thố mậu tánh, vô sanh, vô khởi, vô tác, vô vi, vô chương ngại, vô cảnh giới, tịch tĩnh, vô úy, vô xâm đoạt, vô tận, bất tịch tĩnh tướng, bất hữu, hư cuống, vô kiên thật, như bệnh, như ung, như tiền, quá thất, vô thường, khổ, không, vô ngã. Ngã ở quá khứ có sanh chăng? Không sanh chăng? Mà chẳng phân biệt mé quá khứ. Đời vị lai sanh ở chỗ nào, cũng chẳng phân biệt mé vị lai. Đây là gì? Đây là thế nào? Làm vật gì? Các hữu tình này

từ đâu mà đến? Từ đây diệt sẽ sanh chỗ nào? Cũng chẳng phân biệt có hiện tại.

Giảng:

Người có chánh trí đối với pháp nhân duyên mà Như Lai đã nói, phải quán thế nào? Quán nó là *vô thọ, ly thọ, như thật tánh, vô thố mậu tánh, vô sanh, vô khởi, vô tác, vô vi, vô chướng ngại, vô cảnh giới, tịch tĩnh, vô úy, vô xâm đoạt, vô tận*. Những lối quán này như phần trên đã giải thích. *Bất tịch tĩnh tướng, bất hữu, hư cuống, vô kiên thật, như bệnh, như ung, như tiền, quá thất, vô thường, khổ, không, vô ngã*. Pháp nhân duyên là tướng không vắng lặng, là chẳng có, là trống không, là lừa dối, không bền chắc, như bệnh khổ chẳng có gì vui, như ung nhọt, như tên bắn, là lỗi lầm, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hằng thấy rõ bản chất của nó như vậy thì chúng ta là người có chánh trí, tu đúng như lời Phật dạy.

Ngã ở quá khứ có sanh chăng? Không sanh chăng? Mà chẳng phân biệt mé quá khứ. Đời vị lai sanh ở chỗ nào? Cũng chẳng phân biệt mé vị lai. Đây là gì? Đây là thế nào? Làm vật gì? Các hữu tình này từ đâu mà đến? Từ đây diệt sẽ sanh chỗ nào? Cũng chẳng phân biệt có hiện tại. Đoạn này là chỉ cho không mê lầm về ba thời. Thấy rõ quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thật thì không còn nghi ngờ. Biết quá khứ không thật thì đâu còn hỏi mình từ đâu đến? Xưa kia mình làm cái gì? Rõ vị lai không thật thì có gì đâu mà phải hỏi ngày mai ngày mốt ra sao? Đời này đời kia làm gì? Vì vị lai là

pháp huyễn hóa, đủ duyên thì hiện. Quá khứ, vị lai đã không thật thì pháp hiện tại cũng không thành lập. Biết được ba thời không thật rồi thì không có gì để thắc mắc về quá khứ, hiện tại hay vị lai nữa. Nếu khởi niệm thắc mắc là còn thấy cái ta thật, là điên đảo si mê.

Kinh Kim Cang nói: *Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc*. Bởi không hiểu rõ lý nhân duyên, còn thấy có đắc thế này thế nọ, nên cứ hỏi đời sau thế nào? Đời sau không thật, vì không có tác giả, không có cái gì là mình hay không có mình, chỉ là đủ nhân đủ duyên thì có mặt. Không tác giả nên không ngã và ngã sở, không ngã ngã sở thì không nói mình đời này hay đời sau, chẳng qua chỉ là thân này hoặc thân khác thôi. Nếu còn đủ nhân đủ duyên thì tiếp tục, không đủ nhân đủ duyên thì hết, đâu có gì cố định.

Ba thời là ước định nói, chứ không có thật. Vừa khởi thắc mắc, bản khoản là chấp nó thật rồi. Không thấy quá khứ vị lai thật thì không còn thắc mắc, cuộc sống an nhiên tự tại. Xét lại chúng ta có nhiều thứ khờ dại, học đạo lý Đại thừa, tụng đọc phân tích kinh Kim Cang, mà cứ nghĩ thắc mắc đời sau sanh đâu, thế nào? Nghĩ như vậy tức là không hiểu kinh Kim Cang rồi. Quá khứ bất khả đắc mà thắc mắc đời trước ở đâu, là chấp cho quá khứ là thật. Hỏi đời sau thế nào, tức thừa nhận vị lai là thật. Thừa nhận quá khứ, vị lai có thật thì hiện tại luôn bất an, phiền muộn.

Chúng ta học Phật pháp, biết được chủ yếu của lý nhân duyên, thấy tất cả pháp đủ nhân duyên thì có, thiếu thì không. Quán sát lý nhân duyên như vậy thì ngay đây tâm hồn an tĩnh vô cùng, không còn gì để thắc mắc. Sở dĩ chúng ta thắc mắc đủ thứ, tâm tư rối bời, phiền tức này nọ cũng vì thấy ba thời là thật, thấy thật nên mới đau khổ. Chấp cho thời gian thật nên ngày nay hy vọng ngày mai, rồi ngày mai lại mơ ước ngày mai nữa, nghĩ rằng ngày mai sẽ sáng sủa hơn. Cứ mong chờ như thế, tưởng mình còn sống hoài nên lúc nào cũng tính toán, mà không sống thực tế với cái hiện tại. Đến lúc không sống nữa ngã ra chết, thì bao nhiêu thứ tính toán chấp trước đó trở lại trói buộc mình. Chúng ta biết sống ngay với hiện tại đang sống là quá hạnh phúc rồi, không mơ ước, không tính toán, tâm hồn an nhiên tự tại, không có gì phải bận tâm. Còn người nào cứ nghĩ ngày mai sẽ có hạnh phúc, thì ngay hiện tại này đã không có hạnh phúc rồi. Vì mãi chạy theo ba thời để tìm kiếm, mơ ước nên đau khổ dài dài. Bởi mơ ước là có bản khoản, bản khoản là chuốc buồn rầu, cuộc sống không còn ý nghĩa. Hiểu đúng về lý nhân duyên, giúp chúng ta biết rõ ba thời không còn lăm lăm thì không có gì để thắc mắc. Nếu mê lăm cứ sống đuổi theo mơ ước thì không bao giờ toại nguyện, không toại nguyện thì tới ngày chết cũng không toại nguyện.

Chánh văn:

Lại hay diệt các kiến bất đồng của hàng Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian như là: ngã kiến,

chúng sanh kiến, thọ giả kiến, nhân kiến, hy hữu kiến, kiết tường kiến, khai hiệp kiến. Vì khéo rõ biết, rành rẽ đoạn trừ như chặt rễ cây đa-la rồi, ở đời vị lai chứng được pháp vô sanh vô diệt.

Giảng:

Lại hay diệt các kiến bất đồng của hàng Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian. Sa-môn là danh từ chỉ chung cho tất cả người tu ở Ấn Độ, còn nói riêng hàng đệ tử Phật thì gọi là Tỳ-kheo. Như từ tu sĩ là chỉ chung cho những người tu theo đạo nào cũng được, còn nói đến người tu theo Phật thì phải gọi là tu sĩ Phật giáo.

Sống với lý nhân duyên thì sẽ diệt được các thứ kiến chấp bất đồng của hàng Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian. Những kiến chấp đó như: *ngã kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, nhân kiến, hy hữu kiến, kiết tường kiến, khai hiệp kiến.* Nghĩa là chấp ngã, chấp chúng sanh, chấp thọ giả, chấp người, chấp hy hữu, chấp kiết tường, chấp khai hiệp. *Chấp hy hữu* là cái chấp ít thấy trong cuộc đời, khác với những thứ chấp thông thường. Thí dụ một ít người chấp đau không chịu uống thuốc, tới chừng bệnh quá sức mới chở đi bệnh viện, đó là chấp hy hữu. *Chấp kiết tường* tức là chấp vào sự tốt lành như tin vào bói toán, tuổi tốt tuổi xấu, ngày tốt ngày xấu... *Khai hiệp*, khai là mở ra, hiệp là hợp lại. Những thứ chấp có khi chung, có khi riêng, gọi là chấp khai hiệp.

Vì khéo rõ biết, rành rẽ đoạn trừ như chặt rễ cây đa-la rồi, ở đời vị lai chứng được pháp vô sanh vô diệt.

Cây đa-la chặt rễ thì chết, không thể mọc lên thân khác. Vô sanh vô diệt là Niết-bàn. Thấy được lý nhân duyên thì mọi kiến chấp đều hết, hết chấp thì vô sanh vô diệt, đó là Niết-bàn. Như vậy chỉ cần hiểu lý nhân duyên là đã Niết-bàn rồi, đâu đợi tu thêm pháp gì nữa.

Chánh văn:

Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu lại có người đầy đủ Vô sanh pháp nhẫn như thế, khéo hay rành rõ pháp nhân duyên này thì Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn liền thọ ký cho Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Ngài Di-lặc nói: *Nếu lại có người đầy đủ Vô sanh pháp nhẫn như thế, khéo hay rành rõ pháp nhân duyên này...* Người nào khéo thấy được pháp nhân duyên, chứng được vô sanh vô diệt, thì đó là người đầy đủ Vô sanh pháp nhẫn. Đây là nói đủ mười danh hiệu của Phật.

Như Lai: gồm đủ hai nghĩa là tự mình giác ngộ và tùy duyên giáo hóa chúng sanh. Như là đứng về nghĩa tự chứng, lai là đứng về nghĩa lợi tha. Vì Phật là bậc nhất thiết trí nhận thấy đúng như thật các pháp, đó là như; tùy duyên mà đến hóa độ chúng sanh, đó là lai.

Ứng Cúng: người đã đạt tới địa vị Phật, xứng đáng cho chúng nhân thiên cúng dường.

Chánh Biến Tri: biết đúng đắn chân chánh cùng khắp.

Minh Hạnh Túc: có hai lối giải thích. Lối thứ nhất nói minh là chỉ cho Tam minh, hạnh túc là hạnh đầy đủ. Minh hạnh túc là chỉ cho hạnh Tam minh đầy đủ. Lối thứ hai nói minh là sáng suốt, hạnh là các hạnh. Minh hạnh túc là trí tuệ và các hạnh đầy đủ.

Thiện Thệ: thiện là khéo, thệ là vượt qua. Thiện Thệ là người khéo vượt từ phàm tiến lên thánh, hay khéo từ trong sanh tử mà qua bờ Niết-bàn.

Thế Gian Giải: bậc thấu suốt hết mọi việc thế gian.

Vô Thượng Sĩ: bậc vô thượng không ai bì được.

Điều Ngự Trượng Phu: điều là điều phục, ngự là ngự trị, Phật là bậc điều ngự, đối với kẻ mạnh người dữ ngài đều điều phục được hết.

Thiên Nhân Sư là thầy của trời người.

Phật Thế Tôn: tiếng Phạn là Bạc-già-phạm. Nghĩa là ngài là đáng giác ngộ, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, trên thế gian thấy đều tôn kính.

Liên thọ ký cho Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người thấu suốt được lý nhân duyên, không chướng không ngại, là người đầy đủ Vô sanh pháp nhẫn thì Phật liền thọ ký cho người đó chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là sẽ thành Phật.

Chánh văn:

Khi ấy, Đại Bồ-tát Di-lặc nói lời này rồi, Xá-lợi-phất và tất cả thế gian trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà v.v... nghe Đại Bồ-tát Di-lặc nói pháp xong đều tín thọ phụng hành.

Giảng:

Tín thọ phụng hành là tin nhận vâng làm. Khi nghe nói tới đây rồi, tất cả thế gian trời, người... đều tin nhận và vâng làm.

Tóm lại, chủ yếu của bài kinh Đại Thừa Cây Lúa là nói về Mười hai nhân duyên. Nếu quán sát thấy rõ được các pháp do nhân duyên hòa hợp, thì không còn chấp vào ngã và ngã sở. Bởi vì các pháp nhân duyên hòa hợp thì không có tác giả, cũng không thọ giả. Không có tác giả tức là không ngã, không thọ giả là không ngã sở. Thấy ngã và ngã sở đều không thật thì không còn gì để chấp. Nếu nhân duyên trong ngoài đều hội đủ thì các pháp tạm có, thiếu thì hoại diệt không còn. Đầu mối của Mười hai nhân duyên là gốc từ vô minh, chặt đứt được cội gốc rồi thì một dọc nhân duyên theo đó liền tan rã, vòng sanh tử luân hồi ngang đây chấm dứt.

